

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

大般涅槃經

TẬP V  
(QUYỂN 25 - QUYỂN 30)

TAM TẠNG PHÁP SƯ ĐÀM VÔ SẮM Hán dịch

ĐOÀN TRUNG CÒN - NGUYỄN MINH TIẾN Việt dịch và chú giải

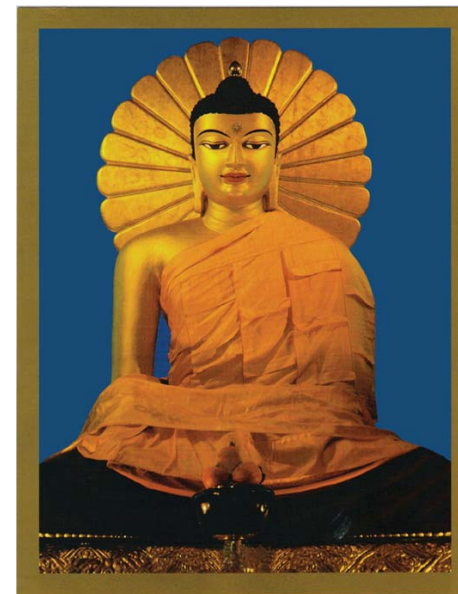
NGUYỄN MINH HIỂN hiệu đính Hán văn

TÁI BẢN CÓ CHỈNH SỬA VÀ BỔ SUNG

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

願  
解  
如  
來  
真  
實  
義

我  
今  
見  
聞  
得  
受  
持



無  
上  
甚  
深  
微  
妙  
法

百  
千  
萬  
劫  
難  
遭  
遇

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

Kinh Phật dạy rằng: “Thấy kinh như thấy Phật.”

Kinh điển Đại thừa hiện ở nơi đây, tức mười phương chư Phật đều hiện hữu nơi đây, chư Bồ Tát hộ pháp cũng tụ hội quanh đây. Người đọc kinh này nếu muốn hiểu được ý nghĩa nhiệm mầu sâu xa trong văn kinh, trước hết phải có lòng tin sâu như vậy, sau đó nên chí thành phát lời nguyện rằng:

“Chánh pháp Như Lai nhiệm mầu sâu xa không gì hơn được, dù trải qua trăm ngàn muôn kiếp tìm cầu cũng không dễ gặp. Nay con đã nhận được Kinh điển Đại thừa Đại Bát Niết-bàn này để tu tập hành trì, nguyện khai mở trí tuệ để thấu hiểu nghĩa lý sâu xa chân thật trong từng lời thuyết giảng của đức Như Lai.”

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật

# 大般涅槃經

## 卷第二十五

### 光明遍照高貴德王菩薩品

#### 第十之五

復次善男子。云何菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。具足成就第七功德。

善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。作是思惟。何法能為大般涅槃而作近因。菩薩即知有四種法為大涅槃而作近因。

若言勤修一切苦行是大涅槃近因緣者。是義不然。所以者何。

若離四法得涅槃者無有是處。何等為四。

一者親近善友。二者專心聽法。三者繫念思惟。四者如法修行。

善男子。譬如有人身遇眾病。若熱若冷虛勞下瘡眾邪鬼毒到良醫所。良醫即為隨病說藥。是人至心善受醫教。隨教合藥如法服之。服已病愈身得安樂。有病之人喻諸菩薩。大良醫者喻善知識。良醫

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ NHỊ THẬP NGŨ

### QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT PHẨM

#### ĐỆ THẬP CHI NGŨ

Phục thứ, thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát tu Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển, cụ túc thành tựu Đệ thất công đức?

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, tu Đại Niết-bàn, vi diệu kinh điển, tác thị tư duy: Hà Pháp năng vị Đại Bát Niết-bàn nhi tác cận nhân? Bồ Tát tức tri hữu tứ chủng pháp, vị Đại Niết-bàn nhi tác cận nhân. Nhược ngôn: cần tu nhất thiết khổ hạnh, thị Đại Niết-bàn cận nhân duyên giả; thị nghĩa bất nhiên. Sở dĩ giả hà?

Nhược lý tứ pháp, đắc Niết-bàn giả, vô hữu thị xứ. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả thân cận thiện hữu. Nhị giả chuyên tâm thính pháp. Tam giả hệ niệm tư duy. Tứ giả như pháp tu hành.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, thân ngộ chúng bệnh, nhược nhiệt, nhược lãnh, hư lao, hạ ngược, chúng tà quỷ độc. Đáo lương y sở. Lương y tức vị, tùy bệnh thuyết dược. Thị nhân chí tâm, thiện thọ y giáo; tùy giáo hiệp dược, như pháp phục chi. Phục dĩ bệnh dĩ, thân đắc an lạc. Hữu bệnh chi nhân, dụ chư Bồ Tát. Đại lương y giả, dụ thiện tri thức. Lương y sở thuyết, dụ Phương đẳng kinh. Thiện thọ y giáo, dụ thiện

所說喻方等經。善受醫教喻善思惟方等經義。隨教合藥喻如法修行三十七助道之法。病除愈者喻滅煩惱。得安樂者喻得涅槃常樂我淨。

善男子。譬如有王欲如法治化令民安樂。諮諸智臣其法云何。諸臣即以先王舊法而為說之。王既聞已至心信行。如法治國無諸怨敵。是故令民安樂無患。

善男子。王者喻諸菩薩。諸智臣者喻善知識。智臣為王所說治法喻十二部經。王既聞已至心信行。喻諸菩薩繫心思惟十二部經所有深義。如法治國喻諸菩薩如法修行。所謂六波羅蜜。以能修習六波羅蜜故無諸怨敵。喻諸菩薩已離諸結煩惱惡賊。得安樂者喻諸菩薩得大涅槃常樂我淨。

善男子。譬如有入遇惡癩病。有善知識而語之言。汝若能到須彌山邊病可得瘥。所以者何。彼有良藥味如甘露。若能服者病無不愈。其人至心信是事已。即往彼山採服甘露。其病除愈身得安樂。

惡癩病者喻諸凡夫。善知識者喻諸菩薩摩訶薩等。至心信受喻四無量心。須彌山者喻八聖道。甘露味者喻於佛性。癩病除愈喻離煩惱。得安樂者喻得涅槃常樂我淨。

善男子。譬如有入畜諸弟子聰明利智。是人晝

tư duy Phương đẳng kinh nghĩa. Tùy giáo hiệp dược, dụ như pháp tu hành tam thập thất trợ đạo chi Pháp. Bệnh trừ dữ giả, dụ diệt phiền não. Đắc an lạc giả, dụ đắc Niết-bàn: Thường, lạc, ngã, tịnh.

Thiện nam tử! Thí như hữu vương, dụ như pháp trị hóa, linh dân an lạc, tư chư trí thân: Kỳ pháp vân hà? Chư thân tức dĩ tiên vương cựu pháp nhi vi thuyết chi. Vương ký văn dĩ, chí tâm tín hành, như pháp trị quốc; vô chư oán địch. Thị cố linh dân an lạc vô hoạn.

Thiện nam tử! Vương giả, dụ chư Bồ Tát. Chư trí thân giả, dụ thiện tri thức. Trí thân vị vương sở thuyết trị pháp, dụ thập nhị bộ kinh. Vương ký văn dĩ, chí tâm tín hành, dụ chư Bồ Tát hệ tâm tư duy Thập nhị bộ kinh sở hữu thâm nghĩa. Như pháp trị quốc, dụ chư Bồ Tát như pháp tu hành, sở vị Lục Ba-la-mật. Dĩ năng tu tập Lục Ba-la-mật cố, vô chư oán địch, dụ chư Bồ Tát dĩ ly chư kết phiền não ác tặc. Đắc an lạc giả, dụ chư Bồ Tát đắc Đại Niết-bàn: thường, lạc, ngã, tịnh.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân ngộ ác lại bệnh. Hữu thiện tri thức nhi ngữ chi ngôn: Nhữ nhược năng đáo Tu-di sơn biên, bệnh khả đắc sái. Sở dĩ giả hà? Bĩ hữu lương dược, vị như cam lộ. Nhược năng phục giả, bệnh vô bất dữ. Kỳ nhân chí tâm, tín thị sự dĩ, tức vãng bĩ sơn, thái phục cam lộ. Kỳ bệnh trừ dữ, thân đắc an lạc.

Ác lại bệnh giả, dụ chư phàm phu. Thiện tri thức giả, dụ chư Bồ Tát ma-ha-tát đẳng. Chí tâm tín thọ, dụ tứ vô lượng tâm. Tu di sơn giả, dụ Bát-thánh đạo. Cam lộ vị giả, dụ ư Phật tánh. Lại bệnh trừ dữ, dụ ly phiền não. Đắc an lạc giả, dụ đắc Niết-bàn: thường, lạc, ngã, tịnh.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, súc chư đệ tử; thông minh lợi trí. Thị nhân trú dạ thường giáo bất quyện. Chư Bồ

夜常教不倦。諸菩薩等亦復如是。一切眾生有信不信。而常教化無有疲厭。

善男子。善知識者所謂佛菩薩辟支佛聲聞人中信方等者。

何故名為善知識耶。善知識者能教眾生遠離十惡修行十善。以是義故名善知識。

復次善知識者如法而說如說而行。云何名為如法而說如說而行。自不殺生教人不殺。乃至自行正見教人正見。若能如是則得名為真善知識。自修菩提亦能教人修行菩提。以是義故名善知識。自能修行信戒布施多聞智慧。亦能教人信戒布施多聞智慧。復以是義名善知識。

善知識者有善法故。何等善法。所作之事不求自樂。常為眾生而求於樂。見他有過不說其短。口常宣說純善之事。以是義故名善知識。

善男子。如空中月從初一日至十五日漸漸增長。善知識者亦復如是。令諸學人漸遠惡法增長善法。

善男子。若有親近善知識者。本未有戒定慧解脫解脫知見即便有之。未具足者則得增廣。何以故。以其親近善知識故。因是親近復得了達十二部經甚深之義。若能聽是十二部經甚深義者。名為聽法。

Tát đấng diệc phục như thị; nhất thiết chúng sanh hữu tín, bất tín, nhi thường giáo hóa, vô hữu bì yếm.

Thiện nam tử! Thiện tri thức giả, sở vị: Phật, Bồ Tát, Bích-chi Phật, Thanh văn, nhân trung tín Phương đẳng giả.

Hà cố danh vi thiện tri thức da? Thiện tri thức giả năng giáo chúng sanh viễn ly thập ác, tu hành thập thiện. Dĩ thị nghĩa cố, danh thiện tri thức.

Phục thứ, thiện tri thức giả: như pháp nhi thuyết, như thuyết nhi hành. Vân hà danh vi như pháp nhi thuyết, như thuyết nhi hành? Tự bất sát sanh, giáo nhân bất sát; nãi chí tự hành Chánh kiến, giáo nhân Chánh kiến. Nhược năng như thị, tắc đắc danh vi chân thiện tri thức. Tự tu Bồ-đề, diệc năng giáo nhân tu hành Bồ-đề. Dĩ thị nghĩa cố, danh thiện tri thức. Tự năng tu hành tín, giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, diệc năng giáo nhân tín, giới, bố thí, đa văn, trí tuệ. Phục dĩ thị nghĩa, danh thiện tri thức.

Thiện tri thức giả, hữu thiện pháp cố. Hà đẳng thiện pháp? Sở tác chi sự, bất cầu tự lạc; thường vị chúng sanh, nhi cầu ư lạc. Kiến tha hữu quá, bất thuyết kỳ đoản. Khẩu thường tuyên thuyết thuần thiện chi sự. Dĩ thị nghĩa cố, danh thiện tri thức.

Thiện nam tử! Như không trung nguyệt, từng sơ nhất nhật chí thập ngũ nhật, tiệm tiệm tăng trưởng. Thiện tri thức giả diệc phục như thị; linh chư học nhân tiệm viễn ác pháp, tăng trưởng thiện pháp.

Thiện nam tử! Nhược hữu thân cận thiện tri thức giả, bản vị hữu giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, tức tiện hữu chi; vị cụ túc giả, tắc đắc tăng quảng. Hà dĩ cố? Dĩ kỳ thân cận thiện tri thức cố. Nhân thị thân cận, phục đắc liễu đạt Thập nhị bộ kinh thậm thâm chi nghĩa. Nhược năng thính thị Thập nhị bộ kinh thậm thâm nghĩa giả, danh vi thính pháp.

聽法者則是大乘方等經典。聽方等經名真聽法。真聽法者即是聽受大涅槃經。大涅槃中聞有佛性如來畢竟不般涅槃。是故名為專心聽法。

專心聽法名八聖道。以八聖道能斷貪欲瞋恚愚癡故名聽法。

夫聽法者名十一空。以此諸空於一切法不作相貌。

夫聽法者名初發心。乃至究竟阿耨多羅三藐三菩提心。以因初心得大涅槃。不以聞故得大涅槃。以修習故得大涅槃。

善男子。譬如病人雖聞醫教及藥名字不能愈病。以服食故能得瘥病。雖聽十二深因緣法。不能得斷一切煩惱。要以繫念善思惟故能得除斷。是名第三繫念思惟。

復以何義。名繫念思惟。所謂三三昧。空三昧無相三昧無作三昧。空者於二十五有不見一實。無作者於二十五有不作願求。無相者無有十相。所謂色相聲相香相味相觸相生相住相滅相男相女相。修習如是三三昧者。是名菩薩繫念思惟。

云何名為如法修行。如法修行即是修行檀波羅蜜乃至般若波羅蜜。知陰入界真實之相。亦知聲聞緣覺諸佛同於一道而般涅槃。涅槃法者即是常樂我淨。不生不老不病不死不飢不渴不苦不惱不退不沒。

Thính Pháp giả, tức thị Đại thừa Phương đẳng kinh điển. Thính Phương đẳng kinh, danh chân thính pháp. Chân thính pháp giả, tức thị thính thọ Đại Bát Niết-bàn kinh. Đại Niết-bàn trung, văn hữu Phật tánh, Như Lai tất cánh bất bát Niết-bàn. Thị cố danh vi chuyên tâm thính pháp.

Chuyên tâm thính pháp, danh Bát Thánh đạo. Dĩ Bát Thánh đạo năng đoạn tham dục, sân khuể, ngu si, cố danh thính pháp.

Phù thính pháp giả, danh thập nhất không. Dĩ thủ chư không, ư nhất thiết pháp, bất tác tướng mạo.

Phù thính pháp giả, danh sơ phát tâm nãi chí cứu cánh A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Dĩ nhân sơ tâm, đắc Đại Niết-bàn. Bất dĩ văn cố, đắc Đại Niết-bàn. Dĩ tu tập cố, đắc Đại Niết-bàn.

Thiện nam tử! Thí như bệnh nhân, tuy văn y giáo cập dược danh tự, bất năng dĩ bệnh. Dĩ phục thực cố, năng đắc sái bệnh. Tuy thính thập nhị thâm nhân duyên pháp, bất năng đắc đoạn nhất thiết phiền não. Yếu dĩ hệ niệm thiện tư duy cố, năng đắc trừ đoạn. Thị danh đệ tam hệ niệm tư duy.

Phục dĩ hà nghĩa danh hệ niệm tư duy? Sở vị tam Tam-muội: Không Tam-muội, Vô tướng Tam-muội, Vô tác Tam-muội. Không giả, ư nhị thập ngũ hữu, bất kiến nhất thật. Vô tác giả, ư nhị thập ngũ hữu, bất tác nguyện cầu. Vô tướng giả, vô hữu thập tướng, sở vị: sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, sanh tướng, trụ tướng, diệt tướng, nam tướng, nữ tướng. Tu tập như thị Tam tam-muội giả, thị danh Bồ Tát hệ niệm tư duy.

Vân hà danh vi như pháp tu hành? Như pháp tu hành, tức thị tu hành Đản Ba-la-mật nãi chí Bát-nhã Ba-la-mật; tri âm, nhập, giới chân thật chi tướng; diệt tri Thanh văn, Duyên giác, chư Phật đồng ư nhất đạo, nhi Bát Niết-bàn. Niết-bàn pháp giả, tức thị: Thường, lạc, ngã, tịnh, bất sanh, bất lão, bất bệnh, bất tử, bất cơ, bất khát, bất khổ, bất não, bất thối, bất mọt.

善男子。解大涅槃甚深義者。則知諸佛終不畢竟入於涅槃。

善男子。第一真實善知識者。所謂菩薩諸佛世尊。何以故。常以三種善調御故。何等為三。一者畢竟軟語。二者畢竟呵責。三者軟語呵責。以是義故。菩薩諸佛即是真實善知識也。

復次善男子。佛及菩薩為大醫故名善知識。何以故。知病知藥應病授藥故。譬如良醫善八種術先觀病相。相有三種。何等為三。謂風熱水。有風病者授之酥油。熱病之人授之石蜜。水病之人授之薑湯。以知病根授藥得瘥。故名良醫。

佛及菩薩亦復如是。知諸凡夫病有三種。一者貪欲。二者瞋恚。三者愚癡。貪欲病者教觀骨相。瞋恚病者觀慈悲相。愚癡病者觀十二緣相。以是義故。諸佛菩薩名善知識。

善男子。如大船師善渡人故名大船師。諸佛菩薩亦復如是。度諸眾生生死大海。以是義故名善知識。

復次善男子。因佛菩薩令諸眾生具足修得善法根本故。善男子。譬如雪山乃是種種微妙上藥根本之處。佛及菩薩亦復如是。悉是一切善根本處。以是義故名善知識。

Thiện nam tử! Giải Đại Niết-bàn thậm thâm nghĩa giả, tác tri chư Phật chung bát tất cánh nhập ư Niết-bàn.

Thiện nam tử! Đệ nhất chân thật thiện tri thức giả, sở vị: Bồ Tát, chư Phật Thế Tôn. Hà dĩ cố? Thường dĩ tam chủng, thiện điều ngự cố. Hà đẳng vi tam? Nhất giả tất cánh nhuãn ngữ, nhị giả tất cánh ha trách, tam giả nhuãn ngữ ha trách. Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát, chư Phật, túc thị chân thật thiện tri thức dã.

Phục thứ, thiện nam tử! Phật cập Bồ Tát vi đại y cố, danh thiện tri thức. Hà dĩ cố? Tri bệnh tri dược, ứng bệnh thọ dược cố. Thí như lương y, thiện bát chủng thuật; tiên quan bệnh tướng. Tướng hữu tam chủng. Hà đẳng vi tam? Vị: phong, nhiệt, thủy. Hữu phong bệnh giả, thọ chi tô du. Nhiệt bệnh chi nhân, thọ chi thạch mật. Thủy bệnh chi giả, thọ chi khương thang. Dĩ tri bệnh căn, thọ dược đắc sái, cố danh lương y.

Phật cập Bồ Tát diệc phục như thị; tri chư phạm phu bệnh hữu tam chủng: nhất giả tham dục, nhị giả sân khuể, tam giả ngu si. Tham dục bệnh giả, giáo quán cốt tướng. Sân khuể bệnh giả, quán từ bi tướng. Ngu si bệnh giả, quán thập nhị nhân duyên tướng. Dĩ thị nghĩa cố, chư Phật, Bồ Tát, danh thiện tri thức.

Thiện nam tử! Như đại thuyền sư; thiện độ nhân cố, danh đại thuyền sư. Chư Phật, Bồ Tát diệc phục như thị; độ chư chúng sanh sanh tử đại hải. Dĩ thị nghĩa cố, danh thiện tri thức.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhân Phật, Bồ Tát linh chư chúng sanh cụ túc tu đắc thiện pháp căn bản cố. Thiện nam tử! Thí như tuyết sơn, nãi thị chủng chủng vi diệu thượng dược căn bản chi xứ. Phật cập Bồ Tát diệc phục như thị; tất thị nhất thiết thiện căn bản xứ. Dĩ thị nghĩa cố, danh thiện tri thức.

善男子。雪山之中有上香藥名曰娑呵。有人見之得壽無量無有病苦。雖有四毒不能中傷。若有觸者增長壽命滿百二十。若有念者得宿命智。何以故。藥勢力故。諸佛菩薩亦復如是。若有見者即得斷除一切煩惱。雖有四魔不能干亂。若有觸者命不可夭不生不死不退不沒。所謂觸者若在佛邊聽受妙法。若有念者得阿耨多羅三藐三菩提。以是義故諸佛菩薩名善知識。

善男子。如香山中有阿那婆踏多池。由是池故有四大河。所謂恒河辛頭私陀博叉。世間眾生常作是言。若有罪者浴此四河眾罪得滅。當知此言虛妄不實除此已往。何等為實。諸佛菩薩是乃為實。所以者何。若人親近則得除滅一切眾罪。以是義故名善知識。

復次善男子。譬如大地所有藥木一切叢林百穀甘蔗花菓之屬。值天炎旱將欲枯死。難陀龍王及婆難陀憐愍眾生。從大海出降澍甘雨。一切叢林百穀草木滋潤還生。一切眾生亦復如是。所有善根將欲消滅。諸佛菩薩生大慈悲。從智慧海降甘露雨。令諸眾生具足還得十善之法。以是義故諸佛菩薩名善知識。

善男子。譬如良醫善八種術。見諸病人不觀種姓端正好醜錢財寶貨悉為治之。是故世稱為大良

Thiện nam tử! Tuyết sơn chi trung, hữu thượng hương dược, danh viết Ta-ha. Hữu nhân kiến chi, đắc thọ vô lượng, vô hữu bệnh khổ. Tuy hữu tứ độc, bất năng trúng thương. Nhược hữu xúc giả, tăng trưởng thọ mạng, mãn bá nhị thập. Nhược hữu niệm giả, đắc túc mạng trí. Hà dĩ cố? Dược thế lực cố. Chư Phật Bồ Tát diệc phục như thị. Nhược hữu kiến giả, tức đắc đoạn trừ nhất thiết phiền não. Tuy hữu Tứ Ma, bất năng can loạn. Nhược hữu xúc giả, mạng bất khả yếu, bất sanh, bất tử, bất thối, bất một. Sở vị xúc giả, nhược tại Phật biên thính thọ diệu pháp. Nhược hữu niệm giả, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Dĩ thị nghĩa cố, chư Phật, Bồ Tát, danh thiện tri thức.

Thiện nam tử! Như Hương sơn trung, hữu A-na-bà-đạp-đa trì. Do thị trì cố, hữu tứ đại hà, sở vị: Hằng hà, Tân-đâu, Tư-đà, Bác-xoa. Thế gian chúng sanh thường tác thị ngôn: Nhược hữu tội giả, dục thủ tứ hà, chúng tội đắc diệt. Đương tri thủ ngôn hư vọng, bất thật trừ thủ dĩ vãng. Hà đẳng vi thật? Chư Phật, Bồ Tát thị nãi vi thật. Sở dĩ giả hà? Nhược nhân thân cận, tác đắc trừ diệt nhất thiết chúng tội. Dĩ thị nghĩa cố, danh thiện tri thức.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như đại địa, sở hữu dược mộc, nhất thiết tông lâm, bá cốc cam giá, hoa quả chi thuộc. Trì thiên viêm hạn, tương dục khô tử. Nan-đa Long-vương cập Bạt-nan-đa, lân mẫn chúng sanh, từng đại hải xuất, giáng chú cam vũ. Nhất thiết tông lâm, bá cốc, thảo mộc tư nhuận hoàn sanh. Nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị; sở hữu thiện căn, tương dục tiêu diệt. Chư Phật, Bồ Tát, sanh đại từ bi, từng trí tuệ hải, giáng cam lộ vũ, linh chư chúng sanh cụ túc hoàn đắc thập thiện chi pháp. Dĩ thị nghĩa cố, chư Phật, Bồ Tát danh thiện tri thức.

Thiện nam tử! Thí như lương y, thiện bát chủng thuật. Kiến chư bệnh nhân, bất quan chủng tánh, đoan chánh, xú lậu, tiên tài, bảo hóa, tất vị trị chi. Thị cố thế xưng vi đại lương y. Chư Phật, Bồ Tát diệc phục như thị; kiến chư chúng sanh

醫。諸佛菩薩亦復如是。見諸眾生有煩惱病不觀種姓端正好醜錢財寶貨。生慈愍心悉為說法。眾生聞已煩惱病除。以是義故諸佛菩薩名善知識。

以是親近善友因緣。則得近於大般涅槃。

云何菩薩聽法因緣而得近於大般涅槃。

一切眾生以聽法故則具信根。得信根故樂行布施持戒忍辱精進禪定智慧。得須陀洹果乃至佛果。是故當知得諸善法皆是聽法因緣勢力。

善男子。譬如長者惟有一子。遣至他國市易所須。示其道路通塞之處。而復誡之。若遇婬女慎莫親愛。若親愛者喪身殞命及以財寶。弊惡之人亦莫交遊。其子敬順父之教敕。身心安樂多獲寶貨。

菩薩摩訶薩為諸眾生敷演法要亦復如是。示諸眾生及四部眾諸道通塞。是諸眾生以聞法故。遠離諸惡具足善法。以是義故。聽法因緣則得近於大般涅槃。

善男子。譬如明鏡照人面像無不明了。聽法明鏡亦復如是。有人照之則見善惡明了無翳以是義故。聽法因緣則得近於大般涅槃。

善男子。譬如估客欲至寶渚不知道路。有人示之。其人隨語即至寶渚。多獲諸珍不可稱計。一切

hữu phiền não bệnh, bất quan chủng tánh, đoan chánh, xú lậu, tiền tài, bảo hóa; sanh từ mẫn tâm, tất vị thuyết pháp. Chúng sanh văn dĩ, phiền não bệnh trừ. Dĩ thị nghĩa cố, chư Phật, Bồ Tát, danh thiện tri thức.

Dĩ thị thân cận thiện hữu nhân duyên, tắc đắc cận ư Đại Bát Niết-bàn.

Vân hà Bồ Tát thính pháp nhân duyên, nhi đắc cận ư Đại Bát Niết-bàn?

Nhất thiết chúng sanh dĩ thính pháp cố, tắc cụ tín căn. Đắc tín căn cố, nhạo hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ; đắc Tu-đà-hoàn quả nãi chí Phật quả. Thị cố đương tri đắc chư thiện pháp giai thị thính pháp nhân duyên thế lực.

Thiện nam tử! Thí như trưởng giả, duy hữu nhất tử. Khiển chí tha quốc, thị dịch sở tu. Thị kỳ đạo lộ thông tắc chi xứ, nhi phục giới chi: Nhược ngộ dâm nữ, thận mạt thân ái. Nhược thân ái giả, táng thân vẫn mạng cập dĩ tài bảo. Tệ ác chi nhân, diệc mạt giao du. Kỳ tử kính thuận phụ chi giáo sắc, thân tâm an ổn, đa hoạch bảo hóa.

Bồ Tát ma-ha-tát vị chư chúng sanh phu diễn pháp yếu, diệc phục như thị; thị chư chúng sanh cập tứ bộ chúng, chư đạo thông tắc. Thị chư chúng đẳng, dĩ văn pháp cố, viễn ly chư ác, cụ túc thiện pháp. Dĩ thị nghĩa cố, thính pháp nhân duyên, tắc đắc cận ư Đại Bát Niết-bàn.

Thiện nam tử! Thí như minh kính, chiếu nhân diện tượng, vô bất minh liễu. Thính pháp minh kính diệc phục như thị; hữu nhân chiếu chi, tắc kiến thiện ác, minh liễu vô ế. Dĩ thị nghĩa cố, thính pháp nhân duyên, tắc đắc cận ư Đại Bát Niết-bàn.

Thiện nam tử! Thí như cổ khách, dục chí bảo chủ, bất tri đạo lộ. Hữu nhân thị chi. Kỳ nhân tùy ngữ, đắc chí bảo chủ, đa hoạch chư trân, bất khả xưng kể. Nhất thiết chúng sanh diệc



眾生亦復如是。欲至善處採取道寶。不知其路通塞之處。菩薩示之眾生隨已得至善處。獲得無上大涅槃寶。以是義故。聽法因緣則得近於大般涅槃。

善男子。譬如醉象狂駮暴惡多欲殺害。有調象師以大鐵鉤鉤斫其頂。即時調順惡心都盡。一切眾生亦復如是。貪欲瞋恚愚癡醉故欲多造惡。諸菩薩等以聞法鉤斫之令住。更不得起造諸惡心。以是義故。聽法因緣則得近於大般涅槃。

是故我於處處經中說我弟子專心聽受十二部經則離五蓋修七覺分。以是修習七覺分故。則得近於大般涅槃。

以聽法故須陀洹人離諸恐怖。所以者何。須達長者身遇重病心大愁怖。聞舍利弗說須陀洹有四功德十種慰喻。聞是事已恐怖即除。以是義故。聽法因緣則得近於大般涅槃。何以故。開法眼故。

世有三人。一者無目。二者一目。三者二目。言無目者常不聞法。一目之人雖暫聞法其心不住。二目之人專心聽受如聞而行。以聽法故得知世間。如是三人。以是義故。聽法因緣則得近於大般涅槃。

善男子。如我昔於拘尸那城。時舍利弗身遇病苦。我時顧命阿難比丘廣為說法。時舍利弗聞是事

phục như thị; dục chí thiện xứ, thái thủ đạo bảo, bất tri kỳ lộ thông tắc chi xứ. Bồ Tát thị chi. Chúng sanh tùy dĩ, đắc chí thiện xứ, hoạch đắc vô thượng Đại Niết-bàn bảo. Dĩ thị nghĩa cố, thính pháp nhân duyên, tắc đắc cận ư Đại Bát Niết-bàn.

Thiện nam tử! Thí như túy tượng, cuồng ngai bạo ác đa dục sát hại. Hữu điều tượng sư, dĩ đại thiết câu, câu trác kỳ đỉnh; túc thị điều thuận, ác tâm đô tận. Nhất thiết chúng sanh diệt phục như thị; tham dục, sân khuể, ngu si túy cố, dục đa tạo ác. Chư Bồ Tát đẳng dĩ văn pháp câu, trác chi linh trụ, cánh bất đắc khởi tạo chư ác tâm. Dĩ thị nghĩa cố, thính pháp nhân duyên, tắc đắc cận ư Đại Bát Niết-bàn.

Thị cố ngã ư xứ xứ kinh trung, thuyết ngã đệ tử: chuyên tâm thính thọ Thập nhị bộ kinh, tắc ly ngũ cái. Tu thất giác phân; dĩ thị tu tập thất giác phân cố, tắc đắc cận ư Đại Bát Niết-bàn.

Dĩ thính pháp cố, Tu-đà-hoàn nhân ly chư khủng bố. Sở dĩ giả hà? Tu-đạt trưởng giả, thân ngộ trọng bệnh, tâm đại sâu bố. Văn Xá-lợi-phát thuyết Tu-đà-hoàn hữu tứ công đức, thập chủng ủy dụ; văn thị sự dĩ, khủng bố túc trừ. Dĩ thị nghĩa cố, thính pháp nhân duyên, tắc đắc cận ư Đại Bát Niết-bàn. Hà dĩ cố? Khai pháp nhãn cố.

Thế hữu tam nhân; Nhất giả vô mục, nhị giả nhất mục, tam giả nhị mục. Ngôn vô mục giả, thường bất văn pháp. Nhất mục chi nhân tuy tạm văn pháp, kỳ tâm bất trụ. Nhị mục chi nhân chuyên tâm thính thọ, như văn nhi hành. Dĩ thính pháp cố, đắc tri thế gian như thị tam nhân. Dĩ thị nghĩa cố, thính pháp nhân duyên, tắc đắc cận ư Đại Bát Niết-bàn.

Thiện nam tử! Như ngã tích ư Câu-thi-na thành, thời Xá-lợi-phát thân ngộ bệnh khổ. Ngã thời cố mạng A-nan tỳ-kheo

已告四弟子。汝昇我床往至佛所。我欲聽法。時四弟子即共昇往既得聞法。以聞法力故所苦除瘥身得安隱。以是義故。聽法因緣則得近於大般涅槃。

云何菩薩思惟因緣而得近於大般涅槃。因是思惟心得解脫。何以故。一切眾生常為五欲之所繫縛。以思惟故悉得解脫。以是義故。思惟因緣則得近於大般涅槃。

復次善男子。一切眾生常為常樂我淨四法之所顛倒。以思惟故得見諸法無常無樂無我無淨。如是見已四倒即斷。以是義故。思惟因緣則得近於大般涅槃。

復次善男子。一切諸法有四種相。何等為四。一者生相。二者老相。三者病相。四者滅相。以是四相能令一切凡夫眾生至須陀洹生大苦惱。若能繫念善思惟者。雖遇此四不生於苦。以是義故。思惟因緣則得近於大般涅槃。

復次善男子。一切善法無不因於思惟而得。何以故。有人雖於無量無邊阿僧祇劫專心聽法。若不思惟終不能得阿耨多羅三藐三菩提。以是義故。思惟因緣則得近於大般涅槃。

復次善男子。若有眾生信佛法僧無有變易而生恭敬。當知皆是繫念思惟因緣力故。因得斷除一切煩惱。以是義故。思惟因緣則得近於大般涅槃。

quảng vị thuyết pháp. Thời Xá-lợi-phất văn thị sự dĩ, cáo tứ đệ tử: Nhữ dư ngã sàng, vãng chí Phật sở. Ngã dục thính pháp. Thời tứ đệ tử tức cộng dư vãng. Ký đắc văn pháp, dĩ văn pháp lực cố, sở khổ trừ sái, thân đắc an ổn. Dĩ thị nghĩa cố, thính pháp nhân duyên, tác đắc cận ư Đại Bát Niết-bàn.

Vân hà Bồ Tát tư duy nhân duyên, nhi đắc cận ư Đại Bát Niết-bàn? Nhân thị tư duy, tâm đắc giải thoát. Hà dĩ cố? Nhất thiết chúng sanh thường vi ngũ dục chi sở hệ phục. Dĩ tư duy cố, tất đắc giải thoát. Dĩ thị nghĩa cố, tư duy nhân duyên, tác đắc cận ư Đại Bát Niết-bàn.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh thường vi Thường, lạc, ngã, tịnh, tứ pháp chi sở điên đảo. Dĩ tư duy cố, đắc kiến chư pháp vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Như thị kiến dĩ, tứ đảo tức đoạn. Dĩ thị nghĩa cố, tư duy nhân duyên, tác đắc cận ư Đại Bát Niết-bàn.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhất thiết chư pháp hữu tứ chủng tướng. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả sanh tướng, nhị giả lão tướng, tam giả bệnh tướng, tứ giả diệt tướng. Dĩ thị tứ tướng năng linh nhất thiết phàm phu chúng sanh chí Tu-đà-hoàn sanh đại khổ não. Nhược năng hệ niệm thiện tư duy giả, tuy ngộ thử tứ, bất sanh ư khổ. Dĩ thị nghĩa cố, tư duy nhân duyên tác đắc cận ư Đại Bát Niết-bàn.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhất thiết thiện pháp, vô bất nhân ư tư duy nhi đắc. Hà dĩ cố? Hữu nhân tuy ư vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, chuyên tâm thính pháp, nhược bất tư duy, chung bất năng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Dĩ thị nghĩa cố, tư duy nhân duyên, tác đắc cận ư Đại Bát Niết-bàn.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh tín Phật, pháp, tăng, vô hữu biến dị, nhi sanh cung kính. Đương tri giai thị hệ niệm tư duy nhân duyên lực cố; nhân đắc đoạn trừ nhất thiết phiền não. Dĩ thị nghĩa cố, tư duy nhân duyên, tác đắc cận ư Đại Bát Niết-bàn.

云何菩薩如法修行。善男子。斷諸惡法修習善法。是名菩薩如法修行。

復次云何如法修行。見一切法空無所有。無常無樂無我無淨。以是見故寧捨身命不犯禁戒。是名菩薩如法修行。

復次云何如法修行。修有二種。一者真實。二者不實。不實者。不知涅槃佛性如來法僧實相虛空等相。是名不實。云何真實。能知涅槃佛性如來法僧實相虛空等相。是名真實。

云何名為知涅槃相。涅槃之相凡有八事。何等為八。一者盡二善性三實四真五常六樂七我八淨。是名涅槃。

復有八事。何等為八。一者解脫。二者善性。三者不實。四者不真。五者無常。六者無樂。七者無我。八者無淨。

復有六相。一者解脫。二者善性。三者不實。四者不真。五者安樂。六者清淨。

若有眾生依世俗道斷煩惱者。如是涅槃則有八事解脫不實。何以故。以不常故。以無常故則無有實。無有實故則無有真。雖斷煩惱以還起故。無常無我無樂無淨。是名涅槃解脫八事。

Vân hà Bồ Tát như pháp tu hành? Thiện nam tử! Đoạn chư ác pháp, tu tập thiện pháp. Thị danh Bồ Tát như pháp tu hành.

Phục thứ, vân hà như pháp tu hành? Kiến nhất thiết pháp: không, vô sở hữu, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Dĩ thị kiến cố, ninh xả thân mạng, bất phạm cấm giới. Thị danh Bồ Tát như pháp tu hành.

Phục thứ, vân hà như pháp tu hành? Tu hữu nhị chủng: nhất giả chân thật, nhị giả bất thật. Bất thật giả, bất tri Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng thật tướng, hư không đẳng tướng. Thị danh bất thật. Vân hà chân thật? Năng tri Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, thật tướng, hư không đẳng tướng. Thị danh chân thật.

Vân hà danh vi tri Niết-bàn tướng? Niết-bàn chi tướng, phạm hữu bát sự. Hà đẳng vi bát? Nhất giả tận, nhị thiện tánh, tam thật, tứ chân, ngũ thường, lục lạc, thất ngã, bát tịnh. Thị danh Niết-bàn.

Phục hữu bát sự. Hà đẳng vi bát? Nhất giả giải thoát, nhị giả thiện tánh, tam giả bất thật, tứ giả bất chân, ngũ giả vô thường, lục giả vô lạc, thất giả vô ngã, bát giả vô tịnh.

Phục hữu lục tướng: Nhất giả giải thoát, nhị giả thiện tánh, tam giả bất thật, tứ giả bất chân, ngũ giả an lạc, lục giả thanh tịnh.

Nhược hữu chúng sanh, y thế tục đạo, đoạn phiền não giả. Như thị Niết-bàn tắc hữu bát sự: giải thoát, bất thật...Hà dĩ cố? Dĩ bất thường cố, dĩ vô thường cố, tắc vô hữu thật. Vô hữu thật cố, tắc vô hữu chân. Tuy đoạn phiền não, dĩ hoàn khởi cố, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Thị danh Niết-bàn, giải thoát bát sự.

云何六相。聲聞緣覺斷煩惱故。名為解脫。而未能得阿耨多羅三藐三菩提故名為不實。以不實故名為不真。未來之世當得阿耨多羅三藐三菩提故名無常。以得無漏八聖道故名為淨樂。

善男子。若如是知。是知涅槃，不名佛性，如來，法，僧，實相，虛空。

云何菩薩知於佛性。佛性有六。何等為六。一常二淨三實四善五當見六真。復有七事。一者可證餘六如上。是名菩薩知於佛性。

云何菩薩知如來相。如來即是覺相善相。常樂我淨解脫真實示道可見。是名菩薩知如來相。

云何菩薩知於法相。法者。若善不善。若常不常若樂不樂。若我無我若淨不淨。若知不知若解不解。若真不真若修不修。若師非師若實不實。是名菩薩知於法相。

云何菩薩知於僧相。僧者，若<sup>(1)</sup> 常樂我淨是弟子相，可見之相，善，真，不實。何以故。一切聲聞得佛道故。何故名真。悟法性故。是名菩薩知於僧相。

云何菩薩知於實相。實相者。若常無常若樂無樂。若我無我若淨無淨。若善不善若有若無。若涅槃非涅槃。若解脫非解脫。若知不知若斷不斷。若

Vân hà lục tướng? Thanh văn, Duyên giác đoạn phiền não cố, danh vi giải thoát. Nhi vị năng đắc, A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề cố, danh vi bất thật. Dĩ bất thật cố, danh vi bất chân. Vị lai chi thế, đương đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, cố danh vô thường. Dĩ đắc vô lậu Bát Thánh đạo cố, danh vi tịnh, lạc.

Thiện nam tử! Nhược như thị tri, thị tri Niết-bàn, bất danh Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, thật tướng, hư không.

Vân hà Bồ Tát tri ư Phật tánh? Phật tánh hữu lục. Hà đẳng vi lục? Nhất thường, nhị tịnh, tam thật, tứ thiện, ngũ đương kiến, lục chân. Phục hữu thất sự: nhất giả khả chứng; dư lục như thượng. Thị danh Bồ Tát tri ư Phật tánh.

Vân hà Bồ Tát tri Như Lai tướng? Như Lai tức thị giác tướng, thiện tướng, thường, lạc, ngã, tịnh, giải thoát, chân, thật, thị đạo khả kiến. Thị danh Bồ Tát tri Như Lai tướng.

Vân hà Bồ Tát tri ư pháp tướng? Pháp giả, nhược thiện bất thiện, nhược thường bất thường, nhược lạc bất lạc, nhược ngã vô ngã, nhược tịnh bất tịnh, nhược tri bất tri, nhược giải bất giải, nhược chân bất chân, nhược tu bất tu, nhược sư phi sư, nhược thật bất thật. Thị danh Bồ Tát tri ư pháp tướng.

Vân hà Bồ Tát tri ư tăng tướng? Tăng giả, nhược thường, lạc, ngã, tịnh thị đệ tử tướng, khả kiến chi tướng, thiện chân bất thật. Hà dĩ cố? Nhất thiết Thanh văn đắc Phật đạo cố. Hà cố danh chân? Ngộ pháp tánh cố. Thị danh Bồ Tát tri ư tăng tướng.

Vân hà Bồ Tát tri ư thật tướng? Thật tướng giả, nhược thường, vô thường, nhược lạc, vô lạc, nhược ngã, vô ngã, nhược tịnh, vô tịnh, nhược thiện, bất thiện, nhược hữu, nhược vô, nhược Niết-bàn, phi Niết-bàn, nhược giải thoát, phi giải thoát, nhược tri, bất tri, nhược đoạn, bất đoạn, nhược chứng, bất chứng, nhược

<sup>1</sup> Bản Đại Chánh tân tu có chữ 若 này, các bản khác đều không có.

證不證若修不修。若見不見。是名實相。非是涅槃佛性如來法僧虛空。

是名菩薩因修如是大涅槃故。知於涅槃佛性如來法僧實相虛空等法差別之相。

善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。不見虛空。何以故。佛及菩薩雖有五眼所不見故。惟有慧眼乃能見之。慧眼所見無法可見。故名為見。若是無物名虛空者。如是虛空乃名為實。以是實故則名常無。以常無故無樂我淨。

善男子。空名無法無法名空。譬如世間無物名空。虛空之性亦復如是。無所有故名為虛空。

善男子。眾生之性與虛空性俱無實性。何以故。如人說言。除滅有物然後作空。而是虛空實不可作。何以故。無所有故。以無有故當知無空。是虛空性若可作者則名無常。若無常者不名虛空。

善男子。如世間人說言虛空無色無礙常不變易。是故世稱虛空之性為第五大。

善男子。而是虛空實無有性。以光明故故名虛空。實無虛空。猶如世諦實無其性。為眾生故說有世諦。

善男子。涅槃之體亦復如是無有住處。直是諸佛斷煩惱處故名涅槃。涅槃即是常樂我淨。涅槃雖

tu, bất tu, nhược kiến, bất kiến. Thị danh thật tướng, phi thị Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, hư không.

Thị danh Bồ Tát nhân tu như thị Đại Niết-bàn cố, tri ư Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, thật tướng, hư không đẳng pháp sai biệt chi tướng.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát tu Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển, bất kiến hư không. Hà dĩ cố? Phật cập Bồ Tát tuy hữu ngũ nhãn, sở bất kiến cố. Duy hữu tuệ nhãn nãi năng kiến chi. Tuệ nhãn sở kiến, vô pháp khả kiến, cố danh vi kiến. Nhược thị vô vật, danh hư không giả; như thị hư không, nãi danh vi thật. Dĩ thị thật cố, tác danh thường vô. Dĩ thường vô cố, vô: lạc, ngã, tịnh.

Thiện nam tử! Không, danh vô pháp; vô pháp, danh không. Thí như thế gian, vô vật danh không. Hư không chi tánh diệt phục như thị, vô sở hữu cố, danh vi hư không.

Thiện nam tử! Chúng sanh chi tánh dĩ hư không tánh, câu vô thật tánh. Hà dĩ cố? Như nhân thuyết ngôn: trừ diệt hữu vật, nhiên hậu tác không. Nhi thị hư không, thật bất khả tác. Hà dĩ cố? Vô sở hữu cố. Dĩ vô hữu cố, đương tri vô không. Thị hư không tánh, nhược khả tác giả, tác danh vô thường. Nhược vô thường giả, bất danh hư không.

Thiện nam tử! Như thế gian nhân thuyết ngôn: hư không vô sắc, vô ngại, thường bất biến dị. Thị cố thế xưng hư không chi tánh vi đệ ngũ đại.

Thiện nam tử! Nhi thị hư không thật vô hữu tánh; dĩ quang minh cố, cố danh hư không, thật vô hư không; do như thế đế, thật vô kỳ tánh, vị chúng sanh cố, thuyết hữu thế đế.

Thiện nam tử! Niết-bàn chi thể diệt phục như thị; vô hữu trụ xứ, trực thị chư Phật đoạn phiền não xứ, cố danh Niết-bàn.

樂非是受樂。乃是上妙寂滅之樂。諸佛如來有二種樂。一寂滅樂。二覺知樂。實相之體有三種樂。一者受樂。二寂滅樂。三覺知樂。佛性一樂以當見故。得阿耨多羅三藐三菩提時名菩提樂。

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩白佛言。世尊。若煩惱斷處是涅槃者。是事不然。何以故。如來往昔初成佛道至尼連禪河邊。爾時魔王與其眷屬到於佛所。而作是言。世尊。涅槃時到何故不入。佛告魔王。我今未有多聞弟子善持禁戒聰明利智能化眾生。是故不入。

若言煩惱斷滅之處是涅槃者。諸菩薩等於無量劫已斷煩惱。何故不得稱為涅槃。俱是斷處何緣獨稱諸佛有之菩薩無耶。

若斷煩惱非涅槃者。何故如來昔告生名婆羅門言。我今此身即是涅槃。如來昔時在毘舍離國。魔復啟請。如來。昔以未有弟子多聞持戒聰明利智能化眾生不入涅槃。今已具足何故不入。如來爾時即告魔王言。汝今莫生悞遲之想。卻後三月吾當涅槃。

世尊。若使滅度非涅槃者。何故如來。自期三月當般涅槃。

世尊。若斷煩惱是涅槃者。如來往昔初在道場

Niết-bàn tức thị thường, lạc, ngã, tịnh. Niết-bàn tuy lạc, phi thị thọ lạc, nãi thị thượng diệu tịch diệt chi lạc. Chư Phật Như Lai hữu nhị chủng lạc: nhất tịch diệt lạc, nhị giác tri lạc. Thật tướng chi thể hữu tam chủng lạc: nhất giả thọ lạc, nhị giả tịch diệt lạc, tam giác tri lạc. Phật tánh nhất lạc, dĩ đương kiến cố. Đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thời, danh Bồ-đề lạc.

Nhĩ thời, Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát ma-ha-tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược phiến não đoạn xứ thị Niết-bàn giả, thị sự bất nhiên! Hà dĩ cố? Như Lai vãng tích, sơ thành Phật đạo, chí Ni-liên-thiên hà biên. Nhĩ thời Ma vương dữ kỳ quyến thuộc đáo ư Phật sở, nhi tác thị ngôn: Thế Tôn! Niết-bàn thời đáo. Hà cố bất nhập? Phật cáo Ma vương: Ngã kim vị hữu đa văn đệ tử, thiện trì cấm giới, thông minh lợi trí, năng hóa chúng sanh. Thị cố bất nhập.

Nhược ngôn phiến não đoạn diệt chi xứ thị Niết-bàn giả, chư Bồ Tát đẳng ư vô lượng kiếp, dĩ đoạn phiến não, hà cố bất đắc xưng vi Niết-bàn? Câu thị đoạn xứ, hà duyên độc xưng chư Phật hữu chi, Bồ Tát vô da?

Nhược đoạn phiến não phi Niết-bàn giả, hà cố Như Lai tích cáo Sanh Danh Bà-la-môn ngôn: Ngã kim thủ thân, tức thị Niết-bàn? Như Lai tích thời tại Tỳ-xá-ly quốc, ma phục khả thỉnh: Như Lai tích dĩ vị hữu đệ tử đa văn, trì giới, thông minh lợi trí, năng hóa chúng sanh, bất nhập Niết-bàn. Kim dĩ cụ túc. Hà cố bất nhập? Như Lai nhĩ thời tức cáo Ma ngôn: Nhữ kim mặc sanh ấp trì chi tướng. Khước hậu tam ngoạt, ngô đương Niết-bàn.

Thế Tôn! Nhược sử diệt độ phi Niết-bàn giả, hà cố Như Lai tự kỳ tam ngoạt đương bát Niết-bàn?

Thế Tôn! Nhược đoạn phiến não thị Niết-bàn giả, Như Lai vãng tích sơ tại đạo tràng Bồ-đề thọ hạ, đoạn phiến não

菩提樹下。斷煩惱時便是涅槃。何故復言卻後三月當般涅槃。

世尊。若使爾時是涅槃者。云何方為拘尸那城諸力士等。說言後夜當般涅槃。如來誠實。云何出是虛妄之言。

爾時世尊。告光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩言。善男子。若言如來得廣長舌。當知如來於無量劫已離妄語。一切諸佛及諸菩薩。凡所發言誠諦無虛。

善男子。如汝所言。波旬往昔啟請於我入涅槃者。

善男子。而是魔王真實不知涅槃定相。何以故。波旬意謂。不化眾生默然而住便是涅槃。

善男子。譬如世人見人不言無所造作。便謂是人如死無異。魔王波旬亦復如是。意謂如來不化眾生默無所說。便謂如來入般涅槃。

善男子。如來不說佛法眾僧無差別相。惟說常住清淨二法無差別耳。

善男子。佛亦不說佛及佛性涅槃無差別相。惟說常恆不變無差別耳。

善男子。佛亦不說涅槃實相無差別相。惟說常有實不變易無差別耳。

thời, tiện thị Niết-bàn. Hà cố phục ngôn khước hậu tam nguyệt, đương bát Niết-bàn?

Thế Tôn! Nhược sử nhĩ thời thị Niết-bàn giả, vân hà phương vị Câu-thi-na thành chư lực sĩ đẳng, thuyết ngôn hậu dạ đương bát Niết-bàn? Như Lai thành thật, vân hà xuất thị hư vọng chi ngôn?

Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát ma-ha-tát ngôn: Thiện nam tử! Nhược ngôn Như Lai đắc quảng trường thiệt, đương tri Như Lai vô lượng kiếp dĩ ly vọng ngữ. Nhất thiết chư Phật cập chư Bồ Tát, phạm sở phát ngôn, thành đế vô hư.

Thiện nam tử! Như nhữ sở ngôn, Ba-tuần vãng tích khứi thính ư ngã nhập Niết-bàn giả.

Thiện nam tử! Nhi thị Ma vương chân thật bất tri Niết-bàn định tướng. Hà dĩ cố? Ba-tuần ý vị: bất hóa chúng sanh, mặc nhiên nhi trụ, tiện thị Niết-bàn.

Thiện nam tử! Thí như thế nhân, kiến nhân bất ngôn, vô sở tạo tác, tiện vị: thị nhân như tử vô dị. Ma vương Ba-tuần diệc phục như thị; ý vị: Như Lai bất hóa chúng sanh, mặc vô sở thuyết; tiện vị: Như Lai nhập bát Niết-bàn.

Thiện nam tử! Như Lai bất thuyết Phật, Pháp, chúng tăng, vô sai biệt tướng; duy thuyết thường trụ, thanh tịnh nhị pháp, vô sai biệt nhĩ.

Thiện nam tử! Phật diệc bất thuyết Phật cập Phật tánh, Niết-bàn, vô sai biệt tướng; duy thuyết thường hằng, bất biến, vô sai biệt nhĩ.

Thiện nam tử! Phật diệc bất thuyết Niết-bàn, thật tướng, vô sai biệt tướng; duy thuyết thường hữu, thật bất biến dị, vô sai biệt nhĩ.

善男子。爾時我諸聲聞弟子生於諍訟。如拘睭彌諸惡比丘違反我教多犯禁戒。受不淨物貪求利養。向諸白衣而自讚歎我得無漏。謂須陀洹果乃至我得阿羅漢果。毀辱於他於佛法僧戒律和尚不生恭敬。公於我前言如是物佛所聽畜。如是等物佛不聽畜。我亦語言如是等物我實不聽。復反我言如是等物實是佛聽。如是惡人不信我言。為是等故我告波旬。汝莫悞遲。卻後三月當般涅槃。

善男子。因如是等惡比丘故。令諸聲聞受學弟子不見我身不聞我法。便言如來入於涅槃。惟諸菩薩能見我身常聞我法。是故不言我入涅槃。聲聞弟子雖復發言如來涅槃。而我實不入於涅槃。

善男子。若我所有聲聞弟子說言如來入涅槃者。當知是人非我弟子是魔伴黨。邪見惡人非正見也。若言如來不入涅槃。當知是人真我弟子非魔伴黨。正見之人非惡邪也。

善男子。我初不見弟子之中有言如來不化眾生默然而住名般涅槃也。

善男子。譬如長者多有子息捨至他方。未得還頃諸子並謂父已死矣。而是長者實亦不死。諸子顛倒皆生死想。聲聞弟子亦復如是不見我故。便謂如

Thiện nam tử! Nhĩ thời ngã chư Thanh văn đệ tử sanh ư tranh tụng. Như Câu-thiểm-di chư ác tỳ-kheo vi phản ngã giáo, đa phạm cấm giới, thọ bất tịnh vật, tham cầu lợi dưỡng; hướng chư bạch y nhi tự tán thán: Ngã đắc vô lậu, vị Tu-đà-hoàn quả, nãi chí ngã đắc A-la-hán quả. Hủy nhục ư tha. Ư Phật, Pháp, tăng, giới luật, hòa thượng, bát sanh cung kính. Công ư ngã tiên, ngôn: như thị vật, Phật sở thính súc. Như thị đẳng vật, Phật bất thính súc. Ngã diệc ngữ ngôn: như thị đẳng vật, ngã thật bất thính. Phục phản ngã ngôn: như thị đẳng vật, thật thị Phật thính. Như thị ác nhân bất tín ngã ngôn. Vị thị đẳng cố, ngã cáo Ba-tuần: Nhữ mạc áp trì, khước hậu tam ngoạt, đương bát Niết-bàn.

Thiện nam tử! Nhân như thị đẳng ác tỳ-kheo cố, linh chư Thanh văn thọ học đệ tử, bất kiến ngã thân, bất văn ngã pháp; tiện ngôn: Như Lai nhập ư Niết-bàn. Duy chư Bồ Tát năng kiến ngã thân, thường văn ngã pháp, thị cố bất ngôn ngã nhập Niết-bàn. Thanh văn đệ tử tuy phục phát ngôn Như Lai Niết-bàn, nhi ngã thật bất nhập ư Niết-bàn.

Thiện nam tử! Nhược ngã sở hữu Thanh văn đệ tử thuyết ngôn: Như Lai nhập Niết-bàn giả, đương tri thị nhân phi ngã đệ tử, thị ma bạn đảng, tà kiến ác nhân, phi chánh kiến dã. Nhược ngôn: Như Lai bất nhập Niết-bàn, đương tri thị nhân chân ngã đệ tử, phi ma bạn đảng, chánh kiến chi nhân, phi ác tà dã.

Thiện nam tử! Ngã sơ bất kiến đệ tử chi trung, hữu ngôn: Như Lai bất hóa chúng sanh, mặc nhiên nhi trụ, danh Bát Niết-bàn dã.

Thiện nam tử! Thí như trưởng giả, đa hữu tử tức, xả chí tha phương. Vị đắc hoàn khoảnh, chư tử tịnh vị phụ dĩ tử hỹ. Nhi thị trưởng giả thật diệc bất tử. Chư tử điên đảo, giai sanh tử tưởng. Thanh văn đệ tử diệc phục như thị; bất kiến ngã cố,



來已於拘尸那城娑羅雙樹間而般涅槃。而我實不般涅槃也。聲聞弟子生涅槃想。

善男子。譬如明燈有人覆之。餘不知者謂燈已滅。而是明焰實亦不滅。以不知故生於滅想。聲聞弟子亦復如是。雖有慧眼以煩惱覆。令心顛倒不見真身。而便生於滅度之想。而我實不取滅度也。

善男子。如生盲人不見日月。以不見故不知晝夜明闇之相。以不知故便說無有日月之實。實有日月盲者不見。以不見故生於倒想言無日月。聲聞弟子亦復如是。如彼生盲不見如來。便謂如來入於涅槃。如來實不入於涅槃。以倒想故生如是心。

善男子。譬如雲霧覆蔽日月。癡人便言無有日月。日月實有直以覆故眾生不見。聲聞弟子亦復如是。以諸煩惱覆智慧眼不見如來。便言如來入於滅度。

善男子。真是如來現嬰兒行非滅度也。

善男子。如閻浮提日入之時。眾生不見以黑山障故。而是日性實無沒入。眾生不見生沒入想。聲聞弟子亦復如是。為諸煩惱山所障故不見我身。以不見故便於如來生滅度想。而我實不取滅度也。是故我於毘舍離國告波旬言。卻後三月我當涅槃。

tiện vị Như Lai dĩ ư Câu-thi-na thành, Sa-la song thọ gian, nhi Bát Niết-bàn. Nhi ngã thật bất Bát Niết-bàn dã. Thanh văn đệ tử sanh Niết-bàn tưởng.

Thiện nam tử! Thí như minh đăng, hữu nhân phú chi. Dư bất tri giả, vị đăng dĩ diệt. Nhi thị minh diệm thật diệt bất diệt. Dĩ bất tri cố, sanh ư diệt tưởng. Thanh văn đệ tử diệt phục như thị; tuy hữu tuệ nhãn, dĩ phiền não phú, linh tâm điên đảo, bất kiến chân thân, nhi tiện sanh ư diệt độ chi tưởng. Nhi ngã thật bất thủ diệt độ dã.

Thiện nam tử! Như sanh manh nhân, bất kiến nhật, nguyệt. Dĩ bất kiến cố, bất tri trú dạ minh ám chi tướng. Dĩ bất tri cố, tiện thuyết vô hữu nhật nguyệt chi thật. Thật hữu nhật, nguyệt; manh giả bất kiến. Dĩ bất kiến cố, sanh ư đảo tưởng, ngôn vô nhật, nguyệt. Thanh văn đệ tử diệt phục như thị; như bỉ sanh manh, bất kiến Như Lai, tiện vị Như Lai nhập ư Niết-bàn. Như Lai thật bất nhập ư Niết-bàn. Dĩ đảo tưởng cố, sanh như thị tâm.

Thiện nam tử! Thí như vân vụ phú tế nhật nguyệt. Si nhân tiện ngôn: Vô hữu nhật, nguyệt. Nhật, nguyệt thật hữu. Trục dĩ phú cố, chúng sanh bất kiến. Thanh văn đệ tử diệt phục như thị, dĩ chư phiền não phú trí tuệ nhãn, bất kiến Như Lai, tiện ngôn: Như Lai nhập ư diệt độ.

Thiện nam tử! Chân thị Như Lai hiện anh nhi hạnh, phi diệt độ dã.

Thiện nam tử! Như Diêm-phù-đề, nhật nhập chi thời, chúng sanh bất kiến. Dĩ hắc sơn chướng cố; nhi thị nhật tánh thật vô một nhập. Chúng sanh bất kiến, sanh một nhập tưởng. Thanh văn đệ tử diệt phục như thị; vi chư phiền não sơn sở chướng cố, bất kiến ngã thân. Dĩ bất kiến cố, tiện ư Như Lai, sanh diệt độ tưởng. Nhi ngã thật bất thủ diệt độ dã. Thị cố ngã ư Tỳ-xá-ly quốc, cáo Ba-tuần ngôn: khước hậu tam nguyệt, ngã đương Niết-bàn.

善男子。如來懸見迦葉菩薩卻後三月善根當熟。亦見香山須跋陀羅竟安居已當至我所。是故我告魔王波旬。卻後三月當般涅槃。

善男子。有諸力士其數五百。終竟三月亦當得發阿耨多羅三藐三菩提心。我為是故告波旬言。卻後三月當般涅槃。

善男子。純陀等輩及五百梨車菴羅果女。卻後三月無上道心善根成熟。為是等故我告波旬。卻後三月當般涅槃。

善男子。須那刹多親近外道尼乾子等。我為說法滿十二年。彼人邪見不信不受。我知是人邪見根栽。卻後三月定可斫伐。我為是故告波旬言。卻後三月當般涅槃。

善男子。何因緣故我於往昔尼連河邊告魔王波旬。我今未有多智弟子。是故不得入涅槃者。我時欲為五比丘等於波羅奈轉法輪故。復次欲為五比丘等。所謂耶奢富那毘摩羅闍憍梵波提須婆睺。次復欲為郁伽長者等五十人。次復欲為摩伽陀國頻婆娑羅王等無量人天。次復欲為優樓頻螺迦葉門徒五百比丘。次復欲為那提迦葉伽耶迦葉兄弟二人及五百弟子。次復欲為舍利弗目犍連等二百五十比丘轉妙法輪。是故我告魔王波旬不般涅槃。

Thiện nam tử! Như Lai huyền kiến Ca-diếp Bồ Tát, khước hậu tam ngoạt, thiện căn đương thực. Diệc kiến Hương sơn, Tu-bạt-đa-la, cánh an cư dĩ, đương chí ngã sở. Thị cố ngã cáo Ma vương Ba-tuần: khước hậu tam ngoạt, đương bát Niết-bàn.

Thiện nam tử! Hữu chư lực sĩ, kỳ số ngũ bá, chung cánh tam ngoạt, diệc đương đắc phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Ngã vị thị cố, cáo Ba-tuần ngôn: khước hậu tam ngoạt, đương bát Niết-bàn.

Thiện nam tử! Thuần-đà đẳng bối cập ngũ bá Lê-xa, Am-la quả nữ, khước hậu tam ngoạt, vô thượng đạo tâm, thiện căn thành thực. Vị thị đẳng cố, ngã cáo Ba-tuần: khước hậu tam ngoạt, đương bát Niết-bàn.

Thiện nam tử! Tu-na-sát-đa thân cận ngoại đạo Ni-kiên-tử đẳng. Ngã vị thuyết pháp mãn thập nhị niên; bỉ nhân tà kiến, bất tín bất thọ. Ngã tri thị nhân tà kiến căn tài, khước hậu tam ngoạt, định khả chiết phạt. Ngã vị thị cố, cáo Ba-tuần ngôn: khước hậu tam ngoạt, đương bát Niết-bàn.

Thiện nam tử! Hà nhân duyên cố, ngã ư vãng tích, Ni-liên hà biên, cáo Ma Ba-tuần: Ngã kim vị hữu đa trí đệ tử, thị cố bất đắc nhập Niết-bàn giả.? Ngã thời dục vị ngũ tỳ-kheo đẳng, ư Ba-la-nại, chuyển pháp luân cố. Thứ phục dục vị Ngũ tỳ-kheo đẳng, sở vị: Da-xa, Phú-na, Tỳ-ma-la-xà, Kiều-phạm-ba-đê, Tu-bà-hầu. Thứ phục dục vị Úc-già trưởng giả đẳng ngũ thập nhân. Thứ phục dục vị Ma-đà-già quốc Tần-bà-sa-la vương đẳng, vô lượng nhân, thiên. Thứ phục dục vị Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp môn-đồ ngũ bá tỳ-kheo. Thứ phục dục vị Na-đê Ca-diếp. Già-da Ca-diếp: huynh đệ nhị nhân cập ngũ bá đệ tử. Thứ phục, dục vị Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đẳng nhị bá ngũ thập tỳ-kheo, chuyển Diệu pháp luân. Thị cố ngã cáo Ma vương Ba-tuần, bát bát Niết-bàn.

善男子。有名涅槃非大涅槃。云何涅槃非大涅槃。不見佛性而斷煩惱是名涅槃非大涅槃。以不見佛性故。無常無我惟有樂淨。以是義故。雖斷煩惱不得名為大般涅槃。若見佛性能斷煩惱。是則名為大涅槃也。以見佛性故得名為常樂我淨。以是義故。斷除煩惱亦得稱為大般涅槃。

善男子。涅槃者言不。槃者言織。不織之義名為涅槃。槃又言覆。不覆之義乃名涅槃。槃言去來。不去不來乃名涅槃。槃者言取。不取之義乃名涅槃。槃言不定。定無不定乃名涅槃。槃言新故。無新故義乃名涅槃。槃言障礙。無障礙義乃名涅槃。

善男子。有優樓伽迦毘羅弟子等言。槃者名相。無相之義乃名涅槃。

善男子。槃者言有。無有之義乃名涅槃。槃名和合。無和合義乃名涅槃。槃者言苦。無苦之義乃名涅槃。

善男子。斷煩惱者不名涅槃。不生煩惱乃名涅槃。

善男子。諸佛如來煩惱不起是名涅槃。所有智慧於法無礙是為如來。如來非是凡夫聲聞緣覺菩薩。是名佛性。如來身心智慧遍滿無量無邊阿僧祇

Thiện nam tử! Hữu danh Niết-bàn, phi Đại Niết-bàn. Vân hà Niết-bàn, phi Đại Niết-bàn? Bất kiến Phật tánh, nhi đoạn phiền não, thị danh Niết-bàn, phi Đại Niết-bàn. Dĩ bất kiến Phật tánh cố, vô thường, vô ngã, duy hữu lạc, tịnh. Dĩ thị nghĩa cố, tuy đoạn phiền não, bất đắc danh vi Đại Bát Niết-bàn. Nhược kiến Phật tánh, năng đoạn phiền não, thị tác danh vi Đại Niết-bàn dã. Dĩ kiến Phật tánh, cố đắc danh vi thường, lạc, ngã, tịnh. Dĩ thị nghĩa cố, đoạn trừ phiền não, diệt đắc xưng vi Đại Bát Niết-bàn.

Thiện nam tử! Niết giả, ngôn bất; Bàn giả, ngôn chúc. Bất chúc chi nghĩa, danh vi Niết-bàn. Bàn, hựu ngôn phú. Bất phú chi nghĩa, nãi danh Niết-bàn. Bàn, ngôn khứ lai. Bất khứ bất lai, nãi danh Niết-bàn. Bàn giả, ngôn thủ. Bất thủ chi nghĩa, nãi danh Niết-bàn. Bàn ngôn bất định. Định vô bất định, nãi danh Niết-bàn. Bàn ngôn tân cố. Vô tân cố nghĩa, nãi danh Niết-bàn. Bàn ngôn chướng ngại. Vô chướng ngại nghĩa, nãi danh Niết-bàn.

Thiện nam tử! Hữu Ưu-lâu-khư, Ca-tỳ-la đệ tử đẳng ngôn: bàn giả, danh Tướng. Vô tướng chi nghĩa, nãi danh Niết-bàn.

Thiện nam tử! Bàn giả, ngôn hữu. Vô hữu chi nghĩa, nãi danh Niết-bàn. Bàn danh hòa hiệp. Vô hòa hiệp nghĩa, nãi danh Niết-bàn. Bàn giả, ngôn khổ. Vô khổ chi nghĩa, nãi danh Niết-bàn.

Thiện nam tử! Đoạn phiền não giả, bất danh Niết-bàn. Bất sanh phiền não, nãi danh Niết-bàn.

Thiện nam tử! Chư Phật Như Lai, phiền não bất khởi, thị danh Niết-bàn. Sở hữu trí tuệ ư pháp vô ngại; thị vi Như Lai. Như Lai phi thị phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, thị danh Phật tánh. Như Lai thân, tâm, trí tuệ biến mãn vô

土無所障礙。是名虛空。如來常住無有變易。名曰實相。以是義故如來實不畢竟涅槃。

是名菩薩修大涅槃微妙經典。具足成就第七功德。

善男子。云何菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。具足成就第八功德。

善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃。除斷五事遠離五事。成就六事。修習五事。守護一事。親近四事。信順一實。心善解脫慧善解脫。

善男子。云何菩薩除斷五事。所謂五陰。色受想行識。所言陰者其義何。謂能令眾生生死相續不離重擔。分散聚合三世所攝。求其義理了不可得。以是諸義故名為陰。

菩薩摩訶薩雖見色陰不見其相。何以故。於十色中推求其性悉不可得。為世界故說言為陰。

受有百八。雖見受陰初無受相。何以故。受雖百八理無定實。是故菩薩不見受陰。想行識等亦復如是。菩薩摩訶薩深見五陰。是生煩惱之根本也。以是義故方便令斷。

云何菩薩遠離五事。所謂五見。何等為五。一者身見。二者邊見。三者邪見。四者戒取。五者見取。因是五見生六十二見。因是諸見生死不絕。是故菩薩防之不近。

lượng, vô biên a-tăng-kỳ độ, vô sở chương ngại; thị danh hư không. Như Lai thường trụ, vô hữu biến dị, danh viết thật tướng. Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai thật bất tất cánh Niết-bàn.

Thị danh Bồ Tát, tu Đại Niết-bàn, vi diệu kinh điển, cụ túc thành tựu đệ thất công đức.

Thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát, tu Đại Niết-bàn, vi diệu kinh điển, cụ túc thành tựu đệ bát công đức?

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, tu Đại Niết-bàn, trừ đoạn ngũ sự, viễn ly ngũ sự, thành tựu lục sự, tu tập ngũ sự, thủ hộ nhất sự, thân cận tứ sự, tín thuận nhất thật, tâm thiện giải thoát, tuệ thiện giải thoát.

Thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát trừ đoạn ngũ sự? Sở vị ngũ ấm: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sở ngôn ấm giả, kỳ nghĩa hà vị? Năng linh chúng sanh sanh tử tương tục, bất ly trọng đảm, phân tán tụ hiệp, tam thế sở nhiếp, cầu kỳ nghĩa lý, liễu bất khả đắc. Dĩ thị chư nghĩa, cố danh vi ấm.

Bồ Tát ma-ha-tát tuy kiến sắc ấm, bất kiến kỳ tướng. Hà dĩ cố? Ư thập sắc trung, suy cầu kỳ tánh, tất bất khả đắc. Vị thế giới cố, thuyết ngôn vi ấm.

Thọ, hữu bá bát. Tuy kiến thọ ấm, sơ vô thọ tướng. Hà dĩ cố? Thọ tuy bá bát, lý vô định thật. Thị cố Bồ Tát bất kiến thọ ấm. Tưởng, hành, thức đẳng diệc phục như thị. Bồ Tát ma-ha-tát, thâm kiến ngũ ấm, thị sanh phiền não chi căn bốn dã. Dĩ thị nghĩa cố, phương tiện linh đoạn.

Vân hà Bồ Tát viễn ly ngũ sự? Sở vị ngũ kiến. Hà đẳng vi ngũ? Nhất giả thân kiến. Nhị giả biên kiến. Tam giả tà kiến. Tứ giả giới thủ. Ngũ giả kiến thủ. Nhân thị ngũ kiến, sanh lục thập nhị kiến. Nhân thị chư kiến, sanh tử bất tuyệt. Thị cố Bồ Tát phòng chi bất cận.

云何菩薩成就六事。謂六念處何等為六。一者念佛。二者念法三者念僧。四者念天。五者念施六者念戒是名菩薩成就六事。

云何菩薩修習五事。所謂五定。一者知定。二者寂定三者身心受快樂定四者無樂定。五者首楞嚴定。修習如是五種定心。則得近於大般涅槃。是故菩薩勤心修習。

云何菩薩守護一事。謂菩提心。菩薩摩訶薩常勤守護是菩提心。猶如世人守護一子。亦如瞎者護餘一目。如行曠野守護導者。菩薩守護菩提之心。亦復如是。因護如是菩提心故得阿耨多羅三藐三菩提。因得阿耨多羅三藐三菩提故常樂我淨具足而有。即是無上大般涅槃。是故菩薩守護一法。

云何菩薩親近四事。謂四無量心。何等為四。一者大慈。二者大悲。三者大喜。四者大捨。因是四心能令無量無邊眾生發菩提心。是故菩薩繫心親近。

云何菩薩信順一實。菩薩了知一切眾生皆歸一道。一道者謂大乘也。諸佛菩薩為眾生故分之為三。是故菩薩信順不逆。

云何菩薩心善解脫。貪恚癡心永斷滅故。是名菩薩心善解脫。

Vân hà Bồ Tát thành tựu lục sự? Vị lục niệm xứ. Hà đẳng vi lục? Nhất giả niệm Phật. Nhị giả niệm pháp. Tam giả niệm Tăng. Tứ giả niệm Thiên. Ngũ giả niệm Thí. Lục giả niệm Giới. Thị danh Bồ Tát thành tựu lục sự.

Vân hà Bồ Tát tu tập ngũ sự? Sở vị ngũ định: Nhất giả tri định. Nhị giả tịch định. Tam giả thân tâm thọ khoái lạc định. Tứ giả vô lạc định. Ngũ giả Thủ-lăng-nghiêm định. Tu tập như thị ngũ chủng định tâm, tắc đắc cận ư Đại Bát Niết-bàn. Thị cố Bồ Tát cần tâm tu tập.

Vân hà Bồ Tát thủ hộ nhất sự? Vị Bồ-đề tâm. Bồ Tát ma-ha-tát thường cần thủ hộ thị Bồ-đề tâm, do như thế nhân thủ hộ nhất tử. Diệc như hạt giả hộ dư nhất mục. Như hành khoáng dã thủ hộ đạo giả. Bồ Tát thủ hộ Bồ-đề chi tâm, diệc phục như thị. Nhân hộ như thị Bồ-đề tâm cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nhân đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề cố, thường, lạc, ngã, tịnh cụ túc nhi hữu; tức thị vô thượng Đại Bát Niết-bàn. Thị cố Bồ Tát thủ hộ nhất pháp.

Vân hà Bồ Tát thân cận tứ sự? Vị tứ vô lượng tâm. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả Đại-từ, nhị giả Đại-bi, tam giả Đại-hỷ, tứ giả Đại-xả. Nhân thị tứ tâm, năng linh vô lượng, vô biên chúng sanh phát Bồ-đề tâm. Thị cố Bồ Tát hệ tâm thân cận.

Vân hà Bồ Tát tín thuận nhất thật? Bồ Tát liễu tri nhất thiết chúng sanh giai quy Nhất Đạo. Nhất Đạo giả, vị Đại thừa dã. Chư Phật, Bồ Tát, vị chúng sanh cố, phân chi vi tam. Thị cố Bồ Tát tín thuận bất nghịch.

Vân hà Bồ Tát tâm thiện giải thoát? Tham, nhuế, si tâm vĩnh đoạn diệt cố. Thị danh Bồ Tát, tâm thiện giải thoát.

云何菩薩慧善解脫。菩薩摩訶薩於一切法知無障礙。是名菩薩慧善解脫。因慧解脫昔所不聞而今得聞。昔所不見而今得見。昔所不到而今得到。

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩言。世尊。如佛所說心解脫者。是義不然。何以故。心本無繫。所以者何。是心本性不為貪欲瞋恚愚癡諸結所繫若本無繫。云何而言心善解脫。

世尊。若心本性不為貪結之所繫者。何等因緣而能得繫如人搆角本無乳相。雖加功力乳無由出。搆乳之者不得如是加功雖少乳則多出。心亦如是。本無貪者今云何有。若本無貪後方有者。諸佛菩薩本無貪相今悉應有。

世尊。譬如石女本無子相。雖加功力無量因緣子不可得心亦如是本無貪相。雖造眾緣貪無由生。

世尊。如鑽濕木火不可得。心亦如是。雖復鑽求貪不可得。云何貪結能繫於心。

世尊。譬如押沙油不可得。心亦如是雖復押之貪不可得。當知貪心二理各異。設復有之何能污心。

世尊。譬如有人安榻於空終不得住。安貪於心亦復如是。種種因緣不能令貪繫縛於心。

Vân hà Bồ Tát, tuệ thiện giải thoát? Bồ Tát ma-ha-tát ư nhất thiết pháp tri vô chướng ngại. Thị danh Bồ Tát, tuệ thiện giải thoát. Nhân tuệ giải thoát, tích sở bất văn, nhi kim đắc văn; tích sở bất kiến, nhi kim đắc kiến; tích sở bất đáo, nhi kim đắc đáo.

Nhĩ thời, Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đúc Vương Bồ Tát ma-ha-tát ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết tâm giải thoát giả, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Tâm bản vô hệ. Sở dĩ giả hà? Thị tâm bản tánh bất vi tham dục, sân khuể, ngu si chư kết sở hệ. Nhược bản vô hệ, vân hà nhi ngôn tâm thiện giải thoát?

Thế Tôn! Nhược tâm bản tánh bất vi tham kết chi sở hệ giả, hà đẳng nhân duyên nhi năng đắc hệ? Như nhân cấu giác, bản vô nhũ tướng. Tuy gia công lực, nhũ vô do xuất. Cấu nhũ chi giả, bất đắc như thị. Gia công tuy thiếu, nhũ tắc đa xuất. Tâm diệc như thị; bản vô tham giả, kim vân hà hữu? Nhược bản vô tham, hậu phương hữu giả, chư Phật, Bồ Tát bản vô tham tướng, kim tất ưng hữu!

Thế Tôn! Thí như thạch nữ, bản vô tử tướng. Tuy gia công lực, vô lượng nhân duyên, tử bất khả đắc! Tâm diệc như thị; bản vô tham tướng. Tuy tạo chúng duyên, tham vô do sanh.

Thế Tôn! Như toàn tháp mộc, hỏa bất khả đắc. Tâm diệc như thị; tuy phục toàn cầu tham bất khả đắc. Vân hà tham kết năng hệ ư tâm?

Thế Tôn! Thí như áp sa, du bất khả đắc. Tâm diệc như thị; tuy phục áp chi, tham bất khả đắc. Đương tri tham, tâm, nhị lý các dị. Thiết phục hữu chi, hà năng ô tâm?

Thế Tôn! Thí như hữu nhân, an quyết ư không, chung bất đắc trụ. An tham ư tâm, diệc phục như thị; chủng chủng nhân duyên bất năng linh tham hệ phục ư tâm.

世尊。若心無貪名解脫者。諸佛菩薩何故不拔虛空中刺。

世尊。過去世心不名解脫。未來世心亦無解脫。現在世心不與道共。何等世心名得解脫。

世尊。如過去燈不能滅闇。未來世燈亦不滅闇。現在世燈復不滅闇。何以故。明之與闇二不並故。心亦如是。云何而言心得解脫。

世尊。貪亦是有。若貪無者。見女相時不應生貪。若因女相而得生者。當知是貪真實而有。以有貪故墮三惡道。

世尊。譬如有人見畫女像亦復生貪。以生貪故得種種罪。若本無貪云何見畫而生於貪。若心無貪。云何如來說言菩薩心得解脫。若心有貪。云何見相然後方生。不見相者則不生也。我今現見有惡果報。當知有貪瞋恚愚癡亦復如是。

世尊。譬如眾生有身無我而諸凡夫橫計我想。雖有我想不墮三惡。云何貪者於無女相而起女想墮三惡道。世尊譬如鑽木而生於火。然是火性眾緣中無。以何因緣而得生耶。

Thế Tôn! Nhược tâm vô tham, danh giải thoát giả, chư Phật, Bồ Tát hà cố bất bạt hư không thích?

Thế Tôn! Quá khứ thế tâm, bất danh giải thoát; vị lai thế tâm, diệt vô giải thoát; hiện tại thế tâm bất dĩ đạo cộng. Hà đẳng thế tâm, danh đắc giải thoát?

Thế Tôn! Như quá khứ đăng bất năng diệt ám; vị lai thế đăng diệt bất diệt ám; hiện tại thế đăng phục bất diệt ám; Hà dĩ cố? Minh chi dĩ ám, nhị bất tịnh cố. Tâm diệt như thị. Vân hà nhi ngôn tâm đắc giải thoát?

Thế Tôn! Tham diệt thị hữu. Nhược tham vô giả, kiến nữ tướng thời, bất ưng sanh tham! Nhược nhân nữ tướng nhi đắc sanh giả, đương tri thị tham chân thật nhi hữu. Dĩ hữu tham cố, đọa tam ác đạo.

Thế Tôn! Thí như hữu nhân, kiến họa nữ tượng, diệt phục sanh tham. Dĩ sanh tham cố, đắc chủng chủng tội. Nhược bản vô tham, vân hà kiến họa nhi sanh ư tham? Nhược tâm vô tham, vân hà Như Lai thuyết ngôn Bồ Tát, tâm đắc giải thoát? Nhược tâm hữu tham, vân hà kiến tướng, nhiên hậu phương sanh; bất kiến tướng giả, tắc bất sanh dã? Ngã kim hiện kiến hữu ác quả báo; đương tri hữu tham. Sân khuể, ngu si diệt phục như thị.

Thế Tôn! Thí như chúng sanh, hữu thân vô ngã; nhi chư phàm phu hoạch kế ngã tưởng. Tuy hữu ngã tưởng, bất đọa tam ác. Vân hà tham giả, ư vô nữ tướng, nhi khởi nữ tướng, đọa tam ác đạo? Thế Tôn! Thí như toàn mộc, nhi sanh ư hỏa. Nhiên thị hỏa tánh, chúng duyên trung vô. Dĩ hà nhân duyên nhi đắc sanh da?

世尊。貪亦如是色中無貪。香味觸法亦復無貪。云何於色香味觸法生於貪耶。若眾緣中悉無貪者。云何眾生獨生於貪。諸佛菩薩而不生耶。

世尊心亦不定。若心定者。無有貪欲瞋恚愚癡。若不定者。云何而言心得解脫。貪亦不定。若不定者。云何因之生三惡趣。貪者境界二俱不定。何以故。俱緣一色或生於貪或生於瞋或生愚癡。是故貪者及與境界二俱不定。若俱不定。何故如來說言菩薩修大涅槃心得解脫。

爾時世尊告光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩言。善哉善哉。善男子。心亦不為貪結所繫亦非不繫。非是解脫非不解脫。非有非無。非現在非過去非未來。何以故。善男子。一切諸法無自性故。

善男子。有諸外道作如是言。因緣和合則有果生。若眾緣中本無生性而能生者。虛空不生亦應生果。虛空不生非是因故。以眾緣中本有果性。是故合集而得生果。所以者何。如提婆達欲造牆壁。則取泥土不取彩色。欲造畫像則集彩色不取草木。作衣取縷不取泥木。作舍取泥不取縷縷。

以人取故當知是中各能生果以能生果故當知因中必先有性。若無性者一物之中應當出生一切諸

Thế Tôn! Tham diệc như thị; sắc trung vô tham. Thanh, hương, vị, xúc, pháp diệc phục vô tham. Vân hà ư sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, sanh ư tham da? Nhược chúng duyên trung, tất vô tham giả, vân hà chúng sanh độc sanh ư tham? Chư Phật, Bồ Tát nhi bất sanh da?

Thế Tôn! Tâm diệc bất định. Nhược tâm định giả, vô hữu tham dục, sân khuể, ngu si. Nhược bất định giả, vân hà nhi ngôn tâm đắc giải thoát? Tham diệc bất định. Nhược bất định giả, vân hà nhân chi, sanh tam ác thú? Tham giả, cảnh giới, nhị câu bất định. Hà dĩ cố? Câu duyên nhất sắc, hoặc sanh ư tham, hoặc sanh ư sân, hoặc sanh ngu si. Thị cố tham giả cập dữ cảnh giới, nhị câu bất định. Nhược câu bất định, hà cố Như Lai thuyết ngôn Bồ Tát, tu Đại Niết-bàn, tâm đắc giải thoát?

Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đúc vương Bồ Tát Ma-ha-tát ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! tâm diệc bất vi tham kết sở hệ, diệc phi bất hệ; phi thị giải thoát, phi bất giải thoát; phi hữu, phi vô, phi hiện tại, phi quá khứ, phi vị lai. Hà dĩ cố? Thiện nam tử! Nhất thiết chư pháp vô tự tánh cố.

Thiện nam tử! Hữu chư ngoại đạo tác như thị ngôn: Nhân duyên hòa hiệp, tắc hữu quả sanh. Nhược chúng duyên trung, bản vô sanh tánh, nhi năng sanh giả, hư không bất sanh, diệc ưng sanh quả! Hư không bất sanh, phi thị nhân cố. Dĩ chúng duyên trung, bản hữu quả tánh, thị cố hiệp tập nhi đắc sanh quả. Sở dĩ giả hà? Như đề-bà-đạt dục tạo tường bích, tắc thủ nê thổ; bất thủ thể sắc. Dục tạo họa tượng, tắc tập thể sắc; bất thủ thảo mộc. Tác y, thủ lữ; bất thủ nê mộc. Tác xá, thủ nê; bất thủ lữ tuyền.

Dĩ nhân thủ cố, đương tri thị trung, các năng sanh quả. Dĩ năng sanh quả cố, đương tri nhân trung, tất tiên hữu tánh. Nhược vô tánh giả, nhất vật chi trung, ưng đương xuất sanh



物。若是可取可作可出。當知是中必先有果。若無果者人則不取不作不出。惟有虛空無取無作故能出生一切萬物。以有因故如尼拘陀子作尼拘陀樹。乳有醍醐縷中有布泥中有瓶。

善男子。一切凡夫無明所盲作是定說。色有著義心有貪性。復言凡夫心有貪性亦解脫性。遇貪因緣心則生貪。若遇解脫心則解脫。雖作此說是義不然。

有諸凡夫復作是言。一切因中悉無有果。因有二種。一者微細。二者麤大。細即是常麤則無常。從微細因轉成麤因。從此麤因轉復成果。麤無常故果亦無常。

善男子。有諸凡夫復作是言。心亦無因貪亦無因。以時節故則生貪心。如是等輩。以不能知心因緣故。輪迴六趣具受生死。

善男子。譬如枷犬繫之於柱。終日繞柱不能得離。一切凡夫亦復如是。被無明枷繫生死柱。繞二十五有不能得離。

善男子。譬如有人墮於園廁。既得出已而復還入。如人病瘥還為病因。如人涉路值空曠處既得過已而復還來。又如淨洗還塗泥土。一切凡夫亦復如是。已得解脫無所有處。唯未得脫非非想處。而復還來至三惡趣。何以故。一切凡夫惟觀於果不觀因

nhất thiết chư vật. Nhược thị khả thủ, khả tác, khả xuất, đương tri thị trung, tất tiên hữu quả. Nhược vô quả giả, nhân tác bất thủ, bất tác, bất xuất. Duy hữu hư không, vô thủ, vô tác, cố năng xuất sanh nhất thiết vạn vật. Dĩ hữu nhân cố. Như ni-câu-đà tử sanh ni-câu-đà thọ; nữ hữu đề-hồ; lữ trung hữu bố; nê trung hữu bình.

Thiện nam tử! Nhất thiết phàm phu, vô minh sở manh, tác thị định thuyết: Sắc hữu trước nghĩa; tâm hữu tham tánh. Phục ngôn: Phàm phu, tâm hữu tham tánh, diệt giải thoát tánh. Ngộ tham nhân duyên, tâm tác sanh tham; nhược ngộ giải thoát, tâm tác giải thoát. Tuy tác thủ thuyết, thị nghĩa bất nhiên.

Hữu chư phàm phu phục tác thị ngôn: Nhất thiết nhân trung, tất vô hữu quả. Nhân hữu nhị chủng: Nhất giả vi tế, nhị giả thô đại. Tế tức thị thường, thô tác vô thường. Tùng vi tế nhân, chuyển thành thô nhân; tùng thủ thô nhân, chuyển phục thành quả. Thô vô thường cố, quả diệt vô thường.

Thiện nam tử! Hữu chư phàm phu phục tác thị ngôn: tâm diệt vô nhân, tham diệt vô nhân. Dĩ thời tiết cố, tác sanh tham tâm. Như thị đẳng bố, dĩ bất năng tri tâm nhân duyên cố, luân hồi lục thú, cụ thọ sanh tử.

Thiện nam tử! Thí như già khuyển, hệ chi ư trụ; chung nhật nhiều trụ, bất năng đắc ly. Nhất thiết phàm phu diệt phục như thị; bị vô minh già, hệ sanh tử trụ; nhiều nhị thập ngũ hữu, bất năng đắc ly.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân đọa ư thanh xỉ; ký đắc xuất dĩ, nhi phục hoàn nhập. Như nhân bệnh sái hoàn vi bệnh nhân. Như nhân thiệp lộ, trị không khoáng xứ; ký đắc quá dĩ, nhi phục hoàn lai. Hữu như tịnh tẩy, hoàn đồ nê thổ. Nhất thiết phàm phu diệt phục như thị; dĩ đắc giải thoát Vô sở hữu xứ, duy vị đắc thoát Phi phi tướng xứ; nhi phục hoàn lai, chí tam ác thú. Hà dĩ cố? Nhất thiết phàm phu duy quán ư quả, bất quán nhân

緣。如犬逐塊不逐於人。凡夫之人亦復如是。惟觀於果不觀因緣。以不觀故從非想退還三惡趣。

善男子。諸佛菩薩終不定說因中有果因中無果。及有無果非有非無果。若言因中先定有果及定無果。定有無果定非有非無果。當知是等皆魔伴黨繫屬於魔即是愛人。如是愛人不能永斷生死繫縛。不知心相及以貪相。

善男子。諸佛菩薩顯示中道。何以故。雖說諸法非有非無而不決定。所以者何。因眼因色因明因心因念識則得生。是識決定不在眼中色中明中心中念中。亦非中間非有非無。從緣生故名之為有。無自性故名之為無。是故如來說言諸法非有非無。

善男子。諸佛菩薩終不定說心有淨性及不淨性。淨不淨性心無住處故。從緣生貪故說非無。本無貪性故說非有。善男子。從因緣故心則生貪。從因緣故心則解脫。

善男子。因緣有二。一者隨於生死。二者隨大涅槃。

善男子。有因緣故心共貪生共貪俱滅。有共貪生不共貪滅。有不共貪生共貪俱滅。有不共貪生不共貪滅。

云何心共貪生共貪俱滅。善男子。若有凡夫未斷

duyên. Như khuyến trực khối, bất trực ư nhân. Phạm phu chi nhân diệt phục như thị; duy quán ư quả, bất quán nhân duyên. Dĩ bất quán cố, tùng Phi tướng thối, hoàn tam ác thú.

Thiện nam tử! Chư Phật, Bồ Tát chung bất định thuyết: nhân trung hữu quả, nhân trung vô quả, cập hữu vô quả, phi hữu phi vô quả. Nhược ngôn: Nhân trung tiên định hữu quả, cập định vô quả, định hữu vô quả, định phi hữu phi vô quả, đương tri thị đẳng giai ma bạn đẳng, hệ thuộc ư ma tức thị ái nhân. Như thị ái nhân bất năng vĩnh đoạn sanh tử hệ phục, bất tri tâm tướng cập dĩ tham tướng.

Thiện nam tử! Chư Phật, Bồ Tát hiển thị Trung đạo. Hà dĩ cố? Tuy thuyết chư pháp phi hữu phi vô, nhi bất quyết định. Sở dĩ giả hà? Nhân nhãn, nhân sắc, nhân minh, nhân tâm, nhân niệm, thức tác đắc sanh. Thị thức quyết định bất tại nhãn trung, sắc trung, minh trung, tâm trung, niệm trung; diệt phi trung gian; phi hữu, phi vô. Tùng duyên sanh cố, danh chi vi hữu; vô tự tánh cố, danh chi vi vô. Thị cố Như Lai thuyết ngôn chư pháp phi hữu, phi vô.

Thiện nam tử! Chư Phật, Bồ Tát chung bất định thuyết: tâm hữu tịnh tánh, cập bất tịnh tánh, tịnh bất tịnh tánh, tâm vô trụ xứ cố. Tùng duyên sanh tham, cố thuyết phi vô. Bôn vô tham tánh, cố thuyết phi hữu. Thiện nam tử! Tùng nhân duyên cố, tâm tác sanh tham. Tùng nhân duyên cố, tâm tác Giải thoát.

Thiện nam tử! Nhân duyên hữu nhị: Nhất giả tùy ư sanh tử, nhị giả tùy Đại Niết-bàn.

Thiện nam tử! Hữu nhân duyên cố, tâm cộng tham sanh, cộng tham câu diệt. Hữu cộng tham sanh, bất cộng tham diệt. Hữu bất cộng tham sanh, cộng tham câu diệt. Hữu bất cộng tham sanh, bất cộng tham diệt.

Vân hà tâm cộng tham sanh, cộng tham câu diệt? Thiện nam tử! Nhược hữu phạm phu vị đoạn tham tâm, tu tập tham

貪心修習貪心。如是之人心共貪生心共貪滅。一切眾生不斷貪心。心共貪生心共貪滅。如欲界眾生一切皆有初地味禪。若修不修常得成就。遇因緣故即便得之。言因緣者謂火災也。一切凡夫亦復如是。若修不修心共貪生心共貪滅。何以故。不斷貪故。

云何心共貪生不共貪滅。聲聞弟子有因緣故生於貪心。畏貪心故修白骨觀。是名心共貪生不共貪滅。

復有心共貪生不共貪滅。如聲聞人未證四果。有因緣故生於貪心。證四果時貪心得滅。是名心共貪生不共貪滅。菩薩摩訶薩得不動地時。心共貪生不共貪滅。

云何不共貪生共貪俱滅。若菩薩摩訶薩斷貪心已。為眾生故示現有貪。以示現故能令無量無邊眾生。諮受善法具足成就。是名不共貪生共貪俱滅。

云何不共貪生不共貪滅。謂阿羅漢緣覺諸佛。除不動地其餘菩薩。是名不共貪生不共貪滅。以是義故。諸佛菩薩不決定說心性本淨性本不淨。

善男子。是心不與貪結和合。亦復不與瞋癡和合。

善男子。譬如日月雖為煙塵雲霧及羅睺之所覆

tâm. Như thị chi nhân, tâm cộng tham sanh, tâm cộng tham diệt. Nhất thiết chúng sanh bất đoạn tham tâm, tâm cộng tham sanh, tâm cộng tham diệt. Như Dục giới chúng sanh, nhất thiết giai hữu sơ địa vị thiên. Nhược tu, bất tu, thường đắc thành tựu. Ngộ nhân duyên cố, tức tiện đắc chi. Ngôn nhân duyên giả, vị hỏa tai dã. Nhất thiết phàm phu diệc phục như thị; nhược tu, bất tu, tâm cộng tham sanh, tâm cộng tham diệt. Hà dĩ cố? Bất đoạn tham cố.

Vân hà tâm cộng tham sanh, bất cộng tham diệt? Thanh văn đệ tử hữu nhân duyên cố, sanh ư tham tâm. Úy tham tâm cố, tu bạch cốt quán. Thị danh tâm cộng tham sanh, bất cộng tham diệt.

Phục hữu tâm cộng tham sanh, bất cộng tham diệt. Như Thanh văn nhân vị chứng Tứ quả, hữu nhân duyên cố, sanh ư tham tâm; chúng tứ quả thời, tham tâm đắc diệt. Thị danh tâm cộng tham sanh, bất cộng tham diệt.

Bồ Tát ma-ha-tát đắc Bất động địa thời, tâm cộng tham sanh, bất cộng tham diệt.

Vân hà bất cộng tham sanh, cộng tham câu diệt? Nhược Bồ Tát ma-ha-tát đoạn tham tâm dĩ, vị chúng sanh cố, thị hiện hữu tham. Dĩ thị hiện cố, năng linh vô lượng vô biên chúng sanh tư thọ thiện pháp, cụ túc thành tựu. Thị danh bất cộng tham sanh, cộng tham câu diệt.

Vân hà bất cộng tham sanh, bất cộng tham diệt? Vị A-la-hán, Duyên giác chư Phật; trừ Bất động địa, kỳ dư Bồ Tát. Thị danh bất cộng tham sanh, bất cộng tham diệt. Dĩ thị nghĩa cố chư Phật, Bồ Tát bất quyết định thuyết: tâm tánh bản tịnh, tánh bản bất tịnh.

Thiện nam tử! Thị tâm bất dữ tham kết hòa hiệp, diệc phục bất dữ sân, si hòa hiệp.

Thiện nam tử! Thí như nhật nguyệt, tuy vi yên, trần, vân, vụ cập la-hầu chi sở phú tế. Dĩ thị nhân duyên, linh chư chúng

蔽。以是因緣令諸眾生不能得見。雖不可見日月之性終不與彼五翳和合。心亦如是以因緣故。生於貪結眾生雖說心與貪合。而是心性實不與合。若是貪心即是貪性。若是不貪即不貪性。不貪之心不能為貪。貪結之心不能不貪。

善男子。以是義故。貪欲之結不能污心。諸佛菩薩永破貪結。是故說言心得解脫。一切眾生從因緣故生於貪結。從因緣故心得解脫。

善男子。譬如雪山懸峻之處人與獼猴俱不能行。或復有處獼猴能行人不能行。或復有處人與獼猴二俱能行。

善男子。人與獼猴能行處者。如諸獵師純以羈膠置之案上用捕獼猴。獼猴癡故往手觸之觸已粘手。欲脫手故以腳踏之腳復隨著。欲脫腳故以口齧之口復粘著。如是五處悉無得脫。於是獵師以杖貫之負還歸家。

雪山險處喻佛菩薩所得正道。獼猴者喻諸凡夫。獵師者喻魔王波旬。羈膠者喻貪欲結。

人與獼猴俱不行者喻諸凡夫魔王波旬俱不能行。

獼猴能行人不能者。喻諸外道有智慧者。諸惡魔等雖以五欲不能繫縛。

人與獼猴俱能行者。一切凡夫及魔王波旬常處生

sinh bất năng đắc kiến. Tuy bất khả kiến, nhật nguyệt chi tánh chung bất dữ bỉ ngũ ế hòa hiệp. Tâm diệc như thị; dĩ nhân duyên cố, sinh ư tham kết. Chúng sinh tuy thuyết tâm dữ tham hiệp, nhi thị tâm tánh thật bất dữ hiệp. Nhược thị tham tâm tức thị tham tánh, nhược thị bất tham tức bất tham tánh. Bất tham chi tâm bất năng vi tham; tham kết chi tâm bất năng bất tham.

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, tham dục chi kết bất năng ô tâm. Chư Phật, Bồ Tát vĩnh phá tham kết, thị cố thuyết ngôn tâm đắc giải thoát. Nhất thiết chúng sinh tùng nhân duyên cố, sinh ư tham kết; tùng nhân duyên cố, tâm đắc giải thoát.

Thiện nam tử! Thí như Tuyết sơn, huyền tuấn chi xứ; nhân dữ di hầu, câu bất năng hành. Hoặc phục hữu xứ, di hầu năng hành, nhân bất năng hành. Hoặc phục hữu xứ, nhân dữ di hầu, nhị câu năng hành.

Thiện nam tử! Nhân dữ di hầu năng hành xứ giả: như chư Lạp sư, thuần dĩ lý giao trí chi án thượng, dụng bổ di hầu. Di hầu si cố, vãng thủ xúc chi. Xúc dĩ niêm thủ. Dụng thoát thủ cố, dĩ cước đạp chi. Cước phục tùy trước. Dụng thoát cước cố, dĩ khẩu giảo chi. Khẩu phục niêm trước. Như thị ngũ xứ, tất vô đắc thoát. Ư thị Lạp sư dĩ trượng quán chi, phụ hoàn quy gia.

Tuyết sơn hiểm xứ, dụ Phật Bồ Tát sở đắc Chánh đạo. Di hầu giả, dụ chư phàm phu. Lạp sư giả, dụ Ma Ba-tuần. Lý giao giả, dụ tham dục kết.

Nhân dữ di hầu câu bất hành giả; dụ chư phàm phu, Ma vương Ba-tuần câu bất năng hành.

Di hầu năng hành, nhân bất năng giả, dụ chư ngoại đạo hữu trí tuệ giả, chư ác ma đấng, tuy dĩ ngũ dục, bất năng hệ phục.

Nhân dữ di hầu câu năng hành giả, nhất thiết phàm phu cập Ma Ba-tuần thường xử sinh tử, bất năng tu hành. Phàm

死不能修行。凡夫之人五欲所縛。令魔波旬自在將去。如彼獵師竊捕獼猴檐負歸家。

善男子。譬如國王安住己界身心安樂。若至他界則得眾苦。一切眾生亦復如是。若能自住於己境界則得安樂。若至他界則遇惡魔受諸苦惱。自境界者謂四念處。他境界者謂五欲也。

云何名為繫屬於魔有諸眾生無常見常常見無常。苦見於樂樂見於苦。不淨見淨淨見不淨。無我見我我見無我。非實解脫橫見解脫。真實解脫見非解脫。非乘見乘乘見非乘。如是之人名繫屬魔。繫屬魔者心不清淨。

復次善男子。若見諸法真實是有總別定相。當知是人若見色時便作色相。乃至見識亦作識相。見男男相見女女相。見日日相見月月相。見歲歲相見陰陰相。見入入相見界界相。如是見者名繫屬魔。繫屬魔者心不清淨。

復次善男子。若見我是色。色中有我。我中有色。色屬於我乃至。見我是識。識中有我。我中有識。識屬於我。如是見者繫屬於魔非我弟子。

善男子。我聲聞弟子遠離如來十二部經。修習種種外道典籍。不修出家寂滅之業純營世俗在家之

phu chi nhân ngũ dục sở phược, linh Ma Ba-tuần tự tại tương khứ, như bỉ lạp sư xuy bổ di hâu, đảm phạ quy gia.

Thiện nam tử! Thí như quốc vương, an trụ kỷ giới, thân tâm an lạc. Nhược chí tha giới, tắc đắc chúng khổ. Nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị; nhược năng tự trụ ư kỷ cảnh giới, tắc đắc an lạc. Nhược chí tha giới, tắc ngộ ác ma, thọ chư khổ não. Tự cảnh giới giả, vị Tứ niệm xứ; tha cảnh giới giả, vị Ngũ dục dã.

Vân hà danh vi hệ thuộc ư ma? Hữu chư chúng sanh, vô thường kiến thường; thường kiến vô thường; khổ kiến ư lạc; lạc kiến ư khổ; bất tịnh kiến tịnh; tịnh kiến bất tịnh; vô ngã kiến ngã; ngã kiến vô ngã; phi thật giải thoát, hoạnh kiến giải thoát; chân thật giải thoát, kiến phi giải thoát; phi thừa kiến thừa, thừa kiến phi thừa. Như thị chi nhân, danh hệ thuộc ma. Hệ thuộc ma giả, tâm bất thanh tịnh.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược kiến chư pháp chân thật thị hữu tổng biệt định tướng, đương tri thị nhân nhược kiến sắc thời, tiện tác sắc tướng; nãi chí kiến thức, diệc tác thức tướng. Kiến nam, nam tướng; kiến nữ, nữ tướng; kiến nhật, nhật tướng; kiến nguyệt, nguyệt tướng; kiến tuế, tuế tướng; kiến âm, âm tướng; kiến nhập, nhập tướng; kiến giới, giới tướng. Như thị kiến giả, danh hệ thuộc ma. Hệ thuộc ma giả, tâm bất thanh tịnh.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược kiến ngã thị sắc, sắc trung hữu ngã, ngã trung hữu sắc, sắc thuộc ư ngã; nãi chí kiến ngã thị thức, thức trung hữu ngã, ngã trung hữu thức, thức thuộc ư ngã. Như thị kiến giả hệ thuộc ư ma, phi ngã đệ tử.

Thiện nam tử! Ngã Thanh văn đệ tử viễn ly Như Lai Thập nhị bộ kinh, tu tập chúng chủng ngoại đạo điển tịch, bất tu xuất gia tịch diệt chi nghiệp, thuần dinh thế tục tại gia chi sự. Hà đẳng danh vi tại gia sự dã? Thọ súc nhất thiết bất tịnh

事。何等名為在家事也。受畜一切不淨之物。奴婢田宅象馬車乘。駝驢雞犬獼猴豬羊。種種穀麥。遠離師僧親附白衣。違反聖教向諸白衣作如是言。佛聽比丘受畜種種不淨之物。是名修習在家之事。

有諸弟子不為涅槃。但為利養親近聽受十二部經。招提僧物及僧鬘物。衣著食噉如自己有慳惜他家。及以稱譽親近國王及諸王子。卜筮吉凶推步盈虛。圍碁六博擲菹投壺。親比丘尼及諸處女。畜二沙彌常遊屠獵酤酒之家。及旃陀羅所住之處。種種販賣手自作食。受使鄰國通致信命。如是之人當知即是魔之眷屬非我弟子。

以是因緣心共貪生心共貪滅。乃至癡心。共生共滅亦復如是。

善男子。以是因緣心性不淨亦非不淨。是故我說心得解脫。

若有不受不畜一切不淨之物。為大涅槃受持讀誦十二部經書寫解說。當知是等真我弟子。不行惡魔波旬境界。即是修習三十七品。以修習故不共貪生不共貪滅是名菩薩修大涅槃微妙經典。具足成就第八功德。

## 大般涅槃經卷第二十五 終

chi vật: nô, tỳ, điền, trạch, tượng, mã, xa, thặng, đà, lư, kê, khuyển, di hầu, trư, dương, chủng chủng cốc mạch. Viễn ly sự tăng, thân phụ bạch y; vi phản thánh giáo. Hướng chư bạch y, tác như thị ngôn: Phật thính tỳ-kheo thọ súc chủng chủng bất tịnh chi vật. Thị danh tu tập tại gia chi sự.

Hữu chư đệ tử, bất vị Niết-bàn, dẫn vị lợi dưỡng, thân cận thính thọ Thập nhị bộ kinh, chiêu đề tăng vật cập tăng man vật, y trước, thực hám, như tự kỷ hữu. Khan tích tha gia, cập dĩ xung dự, thân cận quốc vương cập chư vương tử. Bốc phê kiết hung, suy bộ doanh hư; vi kỳ, lục bác, vu bồ, đầu hồ. Thân tỳ-kheo ni cập chư xử nữ, súc nhị sa-di. Thường du đồ, lạc, cô tửu chi gia cập chiên-đà-la sở trụ chi xứ chủng chủng bản mại; thủ tự tác thực; thọ sứ lân quốc, thông trí tín mạng. Như thị chi nhân, đương tri túc thị ma chi quyến thuộc, phi ngã đệ tử.

Dĩ thị nhân duyên, tâm cộng tham sanh, tâm cộng tham diệt. Nãi chí si, tâm cộng sanh cộng diệt, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Dĩ thị nhân duyên, tâm tánh bất tịnh diệc phi bất tịnh. Thị cố ngã thuyết tâm đắc giải thoát.

Nhược hữu bát thọ, bất súc nhất thiết bất tịnh chi vật, vị Đại Niết-bàn, thọ trì, độc tụng Thập nhị bộ kinh, thơ tả, giải thuyết, đương tri thị đẳng chân ngã đệ tử. Bất hành ác ma Ba-tuần cảnh giới, túc thị tu tập Tam thập thất phẩm. Dĩ tu tập cố, bất cộng tham sanh, bất cộng tham diệt.

Thị danh Bồ Tát tu Đại Niết-bàn, vi diệu Kinh điển, cụ túc thành tựu Đệ bát công đức.

## Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập ngũ Chung

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN HAI MƯƠI LĂM<sup>(1)</sup>

### PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH BIỂN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG

#### Phẩm thứ mười - Phần năm

**L**ại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát Ma-ha-tát tu hành kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, thành tựu trọn vẹn công đức thứ bảy như thế nào?

“Thiện nam tử! Bồ Tát Ma-ha-tát tu hành kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn khởi tâm suy xét rằng: ‘Pháp nào có thể làm nhân thiết thực gần gũi dẫn đến Đại Niết-bàn?’ [Suy xét như vậy rồi,] Bồ Tát liền nhận biết bốn pháp có thể làm nhân đến gần Đại Niết-bàn.

“Nếu nói rằng siêng tu tất cả khổ hạnh là nhân duyên đến gần Đại Niết-bàn, nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Vì nếu lìa khỏi bốn pháp này mà được Niết-bàn là hoàn toàn vô lý. Những gì là bốn pháp? Một là gần gũi các bậc thiện tri thức, hai là hết lòng nghe pháp, ba là chú tâm suy xét và bốn là y theo pháp tu hành.

“Thiện nam tử! Ví như có người thân mang nhiều bệnh, khi nóng khi lạnh, suy nhược hao tổn, khí huyết chẳng thông, nhiễm tà trúng độc... liền tìm đến thầy thuốc giỏi. Thầy thuốc tùy bệnh mà chỉ dạy cách dùng thuốc. Người ấy hết lòng lắng nghe và tin nhận lời chỉ dạy của thầy thuốc, theo đó hòa hợp các vị thuốc và

uống thuốc đúng phương pháp. Uống thuốc rồi liền khỏi bệnh, thân được yên vui.

“Người có bệnh đó ví như các vị Bồ Tát. Vị thầy thuốc giỏi đó ví như bậc thiện tri thức. Lời chỉ dạy của thầy thuốc ví như kinh Phương đẳng. Biết tin nhận lời dạy ấy cũng ví như biết suy xét nghĩa lý trong kinh Phương đẳng. Tùy theo lời dạy mà hòa hợp các vị thuốc ví như tu hành theo đúng Ba mươi bảy pháp trợ đạo.<sup>(2)</sup> Bệnh được khỏi hẳn ví như phiền não được dứt trừ. Thân được yên vui ví như người tu hành đạt đến Niết-bàn với thường, lạc, ngã, tịnh.

“Thiện nam tử! Ví như một vị vua muốn tìm phương pháp cai trị và giáo hóa sao cho nhân dân được yên vui; liền hỏi các vị quan có trí tuệ về phương pháp ấy. Các quan liền đem phương pháp trị nước của các vua trước đây mà trình bày. Vị vua ấy nghe rồi liền hết lòng tin nhận và làm theo, trị nước đúng theo phương pháp ấy, không còn những sự hờn oán đối nghịch. Nhờ đó nhân dân được yên vui, không có hoạn nạn.

“Thiện nam tử! Vị vua đó ví như các vị Bồ Tát. Các vị quan có trí tuệ ví như những bậc thiện tri thức. Phương pháp trị nước mà các quan trình bày với vua ví như Mười hai bộ kinh.<sup>(3)</sup> Vua nghe rồi hết lòng tin nhận và làm theo, ví như các vị Bồ Tát chú tâm suy xét ý nghĩa sâu xa kín đáo của Mười hai bộ kinh. Theo đúng phương pháp trị nước là ví như các vị Bồ Tát y theo Chánh pháp mà tu hành, chẳng hạn như tu sáu pháp Ba-la-mật.<sup>(4)</sup> Nhờ tu tập sáu pháp Ba-la-mật nên không còn những sự hờn oán đối nghịch, ví như các vị Bồ Tát đã dứt lìa quân giặc xấu ác là những trói buộc phiền não. Nhân

dân được yên vui ví như các vị Bồ Tát đạt đến Niết-bàn với thường, lạc, ngã, tịnh.

“Thiện nam tử! Ví như người mắc bệnh cùi, có vị thiện tri thức bảo rằng: ‘Nếu ông đến được nơi ven núi Tu-di thì có thể khỏi bệnh. Vì sao vậy? Vì ở đó có một loại thuốc hay, mùi vị như cam lộ. Ai đã dùng thuốc ấy thì cho dù bệnh gì cũng được khỏi cả!’ Người ấy hết lòng tin tưởng việc này, liền đi đến nơi ven núi Tu-di, tìm hái được và uống vị thuốc [có mùi vị] như cam lộ kia. Uống rồi liền khỏi bệnh, thân được yên vui.

“Người mắc bệnh cùi ví như những kẻ phàm phu. Vị thiện tri thức kia ví như các vị Đại Bồ Tát. Hết lòng tin nhận sự việc ví như Bốn tâm vô lượng.<sup>(5)</sup> Núi Tu-di ví như Tám Thánh đạo. Mùi vị cam lộ ví như tánh Phật. Bệnh cùi được khỏi ví như dứt lìa mọi phiền não. Thân được yên vui ví như đạt đến Niết-bàn với thường, lạc, ngã, tịnh.

“Thiện nam tử! Ví như có người nuôi các đệ tử đều thông minh lanh lợi. Người ấy ngày đêm thường dạy dỗ không mệt mỏi. Các vị Bồ Tát cũng vậy, thường giáo hóa tất cả chúng sanh không hề mệt mỏi, chán nản, dù cho có kẻ [phát khởi lòng] tin hoặc không tin.

“Thiện nam tử! Những bậc thiện tri thức là Phật, Bồ Tát, Phật Bích-chi, Thanh văn và những người tin nhận kinh Phương đẳng.

“Vì sao gọi đó là các bậc thiện tri thức? Thiện tri thức là bạn lành có hiểu biết, là những người có thể dạy cho chúng sanh lìa xa Mười điều ác,<sup>(6)</sup> tu hành Mười điều thiện.<sup>(7)</sup> Vì thế nên gọi là thiện tri thức, nghĩa là có sự hiểu biết tốt lành.

“Lại nữa, thiện tri thức là những người thuyết giảng đúng theo Chánh pháp và thực hành theo đúng như sự thuyết giảng đó. Sao gọi là thuyết giảng đúng theo Chánh pháp và thực hành theo đúng như sự thuyết giảng? Đó là tự mình không làm việc giết hại và dạy người khác đừng giết hại, cho đến tự mình thực hành Chánh kiến<sup>(8)</sup> và dạy người khác thực hành Chánh kiến. Nếu có thể được như vậy mới đáng gọi là bậc thiện tri thức chân thật.

“Tự mình tu đạo giác ngộ và cũng dạy cho người khác tu hành giác ngộ. Vì nghĩa ấy nên gọi là bậc thiện tri thức. Tự mình có thể tu hành tín, giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, lại cũng có thể dạy người tu hành tín, giới, bố thí, đa văn, trí tuệ. Vì nghĩa ấy nên gọi là bậc thiện tri thức.

“Thiện tri thức là người có những pháp lành. Những gì là pháp lành? Đó là khi làm bất cứ việc gì đều chẳng cầu sự an vui cho riêng mình, mà luôn cầu sự an vui cho hết thảy chúng sanh. Thấy người khác có sự lỗi lầm cũng không thường nói ra chỗ khiếm khuyết của họ [để chê bai], chỉ thường nói ra toàn những việc tốt lành [để khuyến khích]. Vì nghĩa ấy nên gọi là bậc thiện tri thức.

“Thiện nam tử! Như mặt trăng giữa không trung, từ mỏng một cho đến rằm cứ mỗi ngày một lớn hơn. Bậc thiện tri thức cũng vậy, giúp cho những người tu học dần dần lìa xa các pháp xấu ác, tăng trưởng các pháp lành [mỗi ngày một lớn mạnh hơn].

“Thiện nam tử! Người chưa từng có giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, nếu gần gũi bậc thiện tri thức liền được có; nếu đã có nhưng chưa đầy đủ, liền được tăng trưởng thêm. Vì sao vậy? Đó là nhờ gần gũi với các bậc thiện tri thức. Nhờ sự gần gũi ấy lại được



hiểu rõ nghĩa lý sâu xa của Mười hai bộ kinh. Nếu có thể nghe được nghĩa lý sâu xa của Mười hai bộ kinh mới gọi là nghe pháp.

“Nghe pháp [ở đây] tức là nghe những kinh điển Phương đẳng Đại thừa. Nghe được những kinh điển Phương đẳng mới thật là nghe pháp. Người thật nghe pháp là lắng nghe và thọ nhận kinh Đại Niết-bàn. Từ trong kinh Đại Niết-bàn mà nghe biết rằng có tánh Phật, rằng Như Lai rốt cùng không dứt bỏ tất cả mà nhập Niết-bàn. Nghe được như vậy nên gọi là hết lòng nghe pháp.<sup>(9)</sup>

“Hết lòng nghe pháp, đó là nghe Tám Thánh đạo. Vì Tám Thánh đạo có thể đoạn tuyệt tham dục, sân khuể, ngu si, cho nên nghe Tám Thánh đạo gọi là nghe pháp.

“Nghe pháp, tức là [nghe về] Mười một pháp không.<sup>(10)</sup> Do nơi các pháp không này mà đối với tất cả các pháp đều không tạo tác tướng trạng, hình mạo.

“Nghe pháp, tức là từ chỗ phát tâm ban đầu [rời tu tập] cho đến chỗ cứu cánh cuối cùng của tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì nhân chỗ phát tâm ban đầu mà [tu tập dần dần] đạt đến Đại Niết-bàn. Không phải chỉ nghe mà đạt đến Đại Niết-bàn, chính nhờ sự tu tập mới đạt đến Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Ví như người bệnh, tuy được nghe lời chỉ dạy của thầy thuốc và nghe tên các vị thuốc, nhưng chẳng khỏi bệnh. Phải uống thuốc vào mới được khỏi bệnh. [Cũng vậy,] tuy có được nghe pháp Mười hai nhân duyên sâu xa cũng không thể dứt trừ hết thủy phiền não; cần phải chú tâm suy xét kỹ lưỡng mới có thể dứt trừ phiền não. Đó là pháp thứ ba trong bốn pháp làm nhân duyên đạt đến Đại Niết-bàn: phải chú tâm suy xét.

“Chú tâm suy xét còn có ý nghĩa gì khác nữa? Đó là ba pháp Tam-muội: Tam-muội Không, Tam-muội Vô tác và Tam-muội Vô tướng.

“Không, nghĩa là đối với Hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu không thấy có cảnh giới nào là có thật. Vô tác, nghĩa là đối với Hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu không có một sự ước nguyện mong cầu nào cả. Vô tướng, nghĩa là không có mười tướng: tướng hình sắc, tướng âm thanh, tướng mùi hương, tướng vị nếm, tướng xúc chạm, tướng sanh ra, tướng tồn tại, tướng diệt mất, tướng nam và tướng nữ.

“Tu tập ba pháp Tam-muội như trên gọi là sự chú tâm suy xét của hàng Bồ Tát.

“Sao gọi là y theo pháp mà tu hành? Đó là tu hành các pháp ba-la-mật, từ Bồ thí cho đến Bát-nhã;<sup>(11)</sup> rõ biết tướng chân thật của các ấm, nhập, giới; cũng rõ biết rằng các vị Thanh văn, Duyên giác và chư Phật đều theo cùng một đường mà nhập Niết-bàn. Pháp của Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh, không sanh, không già, không bệnh, không chết, không đói khát, không khổ não, không thối chuyển, không diệt mất.

“Thiện nam tử! Hiểu được ý nghĩa rất sâu xa của Đại Niết-bàn thì biết rằng chư Phật rốt cùng không dứt bỏ tất cả mà nhập Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Bạc thiện tri thức chân thật nhất là chư Bồ Tát và chư Phật Thế Tôn. Vì sao vậy? Vì thường khéo dùng ba cách điều phục giáo hóa chúng sanh. Ba cách ấy là gì? Một là [có khi] dùng toàn những lời dịu ngọt, hai là [có khi] dùng toàn những lời quả trách và ba là [có khi lại] vừa dùng lời dịu ngọt vừa quả trách. Vì nghĩa ấy nên Bồ Tát và chư Phật là những bậc thiện tri thức chân thật nhất!

“Lại nữa, thiện nam tử! Phật và Bồ Tát là những bậc đại lương y nên xưng là thiện tri thức. Vì sao vậy? Vì biết rõ bệnh, biết rõ thuốc, có thể tùy bệnh mà cho thuốc thích hợp.

“Ví như vị lương y thông thạo tám phép trị bệnh, trước hết phải xem tướng trạng của bệnh. Có ba tướng trạng khác nhau là phong, nhiệt và thủy. Người có bệnh phong thì cho dùng dầu váng sữa, người có bệnh nhiệt thì cho dùng đường phèn, người có bệnh thủy thì cho cho uống nước gừng. Vì rõ biết gốc bệnh nên cho dùng thuốc liền khỏi bệnh, được tôn xưng là lương y.

“Chư Phật và Bồ Tát cũng vậy, các ngài rõ biết bệnh của phàm phu có ba loại: tham dục, sân khuể và ngu si. Những kẻ có bệnh tham dục liền dạy họ phép quán xương trắng.<sup>(12)</sup> Những kẻ có bệnh sân khuể liền dạy cho họ phép quán từ bi.<sup>(13)</sup> Những kẻ có bệnh ngu si liền dạy cho họ phép quán Mười hai nhân duyên.<sup>(14)</sup> Vì nghĩa ấy nên tôn xưng chư Phật và Bồ Tát là thiện tri thức.

“Thiện nam tử! Ví như vị đại thuyền sư,<sup>(15)</sup> có tài đưa người vượt biển nên được tôn xưng là đại thuyền sư. Chư Phật và Bồ Tát cũng vậy, các ngài cứu độ chúng sanh vượt khỏi biển sanh tử. Vì nghĩa ấy nên được tôn xưng là thiện tri thức.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nhờ có chư Phật và Bồ Tát nên chúng sanh mới tu hành đạt được đầy đủ các pháp lành căn bản. Thiện nam tử! Ví như Tuyết sơn là cội nguồn căn bản của đủ mọi thứ thuốc hay lạ quý báu. Chư Phật và Bồ Tát cũng vậy, là căn bản của mọi điều lành. Vì nghĩa ấy nên được tôn xưng là thiện tri thức.

“Thiện nam tử! Nơi Tuyết sơn có loại thuốc quý rất thơm, gọi là Ta-ha. Ai gặp được loại thuốc ấy thì sống

lâu, không có bệnh khổ. Dầu gặp bốn thứ độc<sup>(16)</sup> cũng không làm hại được. Ai chạm vào thuốc ấy thì tuổi thọ tăng thêm, sống đến một trăm hai mươi tuổi. Ai niệm tưởng thuốc ấy thì được trí tức mạng.<sup>(17)</sup> Vì sao vậy? Đó là nhờ thế lực của thuốc ấy. Chư Phật và Bồ Tát cũng vậy. Những ai được gặp Phật và Bồ Tát đều dứt trừ tất cả phiền não. Dầu gặp bốn thứ ma<sup>(18)</sup> cũng không bị nhiễu loạn. Những ai được tiếp xúc với Phật và Bồ Tát thì đời sống được dài lâu, vượt khỏi sanh tử, không còn thối chuyển, diệt mất. Tiếp xúc ở đây có nghĩa là được ở bên Phật, được nghe và lãnh thọ Chánh pháp nhiệm mầu. Những ai niệm tưởng chư Phật và Bồ Tát đều sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì nghĩa ấy nên tôn xưng chư Phật và Bồ Tát là thiện tri thức.

“Thiện nam tử! Như ở Hương sơn có hồ A-na-bà-đạp-đa.<sup>(19)</sup> Từ nơi hồ ấy có bốn con sông cái chảy ra là sông Hằng, sông Tân-đầu, sông Tư-đà và sông Bác-xoa. Người đời thường nói rằng những ai có tội mà tắm ở bốn sông ấy thì các tội đều tiêu diệt. Nên biết rằng lời ấy là hư dối, [vì việc tắm sông] không thật trừ diệt được những việc làm [xấu ác] đã qua. Những gì là thật? Chỉ có chư Phật và Bồ Tát mới là thật. Vì sao vậy? Những ai thân cận chư Phật và Bồ Tát ắt trừ diệt được tất cả các tội lỗi [trước đây]. Vì nghĩa ấy nên tôn xưng chư Phật và Bồ Tát là thiện tri thức.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như trên mặt đất có những loại cây thuốc, rừng rậm, trăm giống lúa, mía đường, hoa quả... Gặp lúc nắng hạn, hết thảy những thứ ấy đều khô cạn sắp chết. Các vị long vương Nan-đà và Bạt-nan-đà thương xót chúng sanh nên ra khỏi biển cả, đổ xuống trận mưa lành. Nhờ đó, hết thảy rừng rậm, lúa thóc, cỏ cây đều được tươi nhuận và sống lại.

“Tất cả chúng sanh cũng giống như thế, có bao nhiêu căn lành đều sắp diệt mất cả. Chư Phật và Bồ Tát sanh lòng đại từ bi, từ nơi biển trí tuệ đổ xuống cơn mưa cam lộ [là Chánh pháp], giúp cho chúng sanh được đầy đủ pháp Thập thiện.<sup>(20)</sup> Vì nghĩa ấy nên tôn xưng chư Phật và Bồ Tát là thiện tri thức.

“Thiện nam tử! Ví như vị lương y thông thạo tám phép trị bệnh, khi gặp người bệnh không hề quan tâm đến dòng họ chủng tộc, không phân biệt đẹp hay xấu, giàu hay nghèo... chỉ lo việc chữa trị ngay. Vì thế nên được tôn xưng là đại lương y. Chư Phật và Bồ Tát cũng vậy, khi chúng sanh có bệnh phiền não, các ngài chẳng quan tâm đến dòng họ chủng tộc, chẳng phân biệt tốt xấu, giàu nghèo... đều vì tất cả mà khởi lòng từ mẫn thuyết pháp cho nghe. Chúng sanh nghe rồi thì bệnh phiền não được dứt trừ. Vì nghĩa ấy nên chư Phật và Bồ Tát được tôn xưng là thiện tri thức.

“Nhờ nhân duyên gần gũi các bậc thiện hữu như thế mà được đến gần Đại Niết-bàn.

“Thế nào là Bồ Tát nhờ nhân duyên nghe pháp mà được đến gần Đại Niết-bàn?

“Hết thảy chúng sanh nhờ nghe pháp mà đầy đủ tín căn.<sup>(21)</sup> Nhờ có tín căn nên ưa thích thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí tuệ; chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả Phật. Vì thế nên biết rằng có được các pháp lành đều là nhờ tác dụng của nhân duyên nghe pháp.

“Thiện nam tử! Ví như vị trưởng giả chỉ có một người con duy nhất, vì có việc buôn bán cần thiết ở nước khác nên sai con đến đó. Ông chỉ rõ đường sá cho con, chỗ nào thuận tiện, chỗ nào hiểm trở, rồi lại răn dạy rằng: ‘Nếu

gặp phải hạng đàn bà dâm dăng thì phải thận trọng không được gần gũi yêu mến. Nếu con yêu mến hạng người ấy thì phải táng thân mất mạng và tiêu tan hết cả tiền của. Đối với những kẻ xấu ác cũng không được giao du.’ Người con kính vâng lời cha dạy, thân tâm được yên ổn, mang về rất nhiều tiền của.

“Đại Bồ Tát vì chúng sanh giảng giải pháp yếu cũng giống như vậy, chỉ rõ những con đường thuận tiện hoặc hiểm trở cho hết thảy chúng sanh và Bốn bộ chúng.<sup>(22)</sup> Nhờ nghe pháp rồi, tất cả đều lìa xa các pháp xấu ác, được đầy đủ các pháp lành. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên nghe pháp mà được đến gần Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Ví như gương sáng soi vào thấy rõ mặt người. Việc nghe pháp cũng như gương sáng, soi vào đó ắt thấy rõ những việc thiện ác, không có gì ngăn ngại. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên nghe pháp mà được đến gần Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Ví như người khách buôn muốn đến nơi có châu báu nhưng không biết đường đi. Có người liền chỉ đường cho. Khách buôn theo lời chỉ dẫn, đi đến nơi có châu báu, tìm lấy được nhiều không kể xiết. Tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, muốn đến cảnh giới tốt lành để được vật báu là đạo pháp, nhưng không biết đường sá khó dễ thế nào. Bồ Tát liền chỉ dạy cho họ. Theo lời dạy ấy, chúng sanh đến được cảnh giới tốt lành, tìm được vật báu là Vô thượng Đại Niết-bàn. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên nghe pháp mà được đến gần Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Ví như con voi say cuồng ngậy hung bạo muốn giết hại nhiều người. Có người nài voi dùng móc sắt lớn móc vào đầu, voi liền khuất phục, dứt bỏ

lòng hung dữ. Tất cả chúng sanh cũng vậy, bởi say vì tham dục, sân khuể, ngu si nên muốn tạo nhiều việc ác. Chư Bồ Tát dùng móc sắt lớn là việc nghe pháp mà điều phục, khiến họ trụ yên, không còn khởi lên những tâm xấu ác. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên nghe pháp mà được đến gần Đại Niết-bàn.

“Vì thế nên trong tất cả các kinh ta thường dạy đệ tử rằng, nếu hết lòng lắng nghe và thọ nhận Mười hai bộ kinh ắt sẽ lìa khỏi Năm sự che chướng,<sup>(23)</sup> tu tập được Bảy phần giác.<sup>(24)</sup> Nhờ tu tập Bảy phần giác mà được đến gần Đại Niết-bàn.

“Nhờ nghe pháp mà hàng Tu-đà-hoàn lìa khỏi những sự sợ sệt. Vì sao vậy? Trưởng giả Tu-đạt thân mang bệnh nặng, lòng hết sức lo buồn sợ sệt, nghe Xá-lợi-phất dạy rằng hàng Tu-đà-hoàn có bốn công đức,<sup>(25)</sup> mười loại ủy dụ;<sup>(26)</sup> nghe việc ấy rồi thì dứt lòng sợ sệt. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên nghe pháp mà được đến gần Đại Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì khai mở được con mắt pháp.

“Thế gian có ba hạng người, một là không có mắt, hai là chỉ có một mắt và ba là có đủ hai mắt. Người không có mắt ví như người không được nghe pháp. Người chỉ có một mắt ví như người tuy tạm được nghe pháp nhưng tâm chẳng trụ yên. Người có đủ hai mắt ví như người chuyên tâm lắng nghe và thọ nhận, y theo chỗ đã nghe mà thực hành. Nhờ nghe pháp mà rõ biết được ba hạng người như vậy ở đời. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên nghe pháp mà được đến gần Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Lúc trước ta ở thành Câu-thi-na. Khi ấy, Xá-lợi-phất thân mang bệnh khổ, ta liền sai tỳ-kheo A-nan đến, vì ông ấy mà thuyết rộng Chánh pháp. Nghe pháp như vậy rồi, Xá-lợi-phất liền bảo bốn vị đệ tử của

mình rằng: ‘Các ông hãy dùng võng mà khiêng ta đến chỗ Phật. Ta muốn được nghe Chánh pháp.’

“Bốn vị đệ tử liền cùng nhau khiêng Xá-lợi-phất đến chỗ ta. [Xá-lợi-phất] được nghe pháp rồi, nhờ công năng mạnh mẽ của sự nghe pháp nên bệnh khổ liền nhẹ dứt, thân được an ổn. Vì nghĩa ấy, nhờ nhân duyên nghe pháp ắt được đến gần Đại Niết-bàn.

“Thế nào là Bồ Tát do nhân duyên suy xét mà được đến gần Đại Niết-bàn? Nhân việc suy xét này mà tâm được giải thoát. Vì sao vậy? Tất cả chúng sanh thường bị Năm dục<sup>(27)</sup> trói buộc, nhờ có sự suy xét mà được giải thoát khỏi Năm dục. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên suy xét mà được đến gần Đại Niết-bàn.

“Lại nữa, thiện nam tử! Tất cả chúng sanh thường bị bốn pháp làm cho điên đảo. Đó là cho rằng các pháp thường tồn, vui thích, thật có tự ngã và thanh tịnh. Nhờ sự suy xét mà thấy được rằng các pháp [vốn thật] đều là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Thấy được như vậy rồi, bốn sự điên đảo kia liền dứt mất. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên suy xét mà được đến gần Đại Niết-bàn.

“Lại nữa, thiện nam tử! Tất cả các pháp đều có bốn tướng. Những gì là bốn? Một là tướng sanh ra, hai là tướng già yếu, ba là tướng bệnh hoạn, và bốn là tướng diệt mất. Bốn tướng ấy khiến cho tất cả chúng sanh, từ phàm phu cho đến bậc Tu-đà-hoàn đều sanh ra nhiều khổ não. Nếu ai biết chú tâm suy xét kỹ thì dù gặp bốn tướng ấy cũng không sanh ra khổ não. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên suy xét mà được đến gần Đại Niết-bàn.

“Lại nữa, thiện nam tử! Tất cả các pháp lành đều do sự suy xét mà có. Vì sao vậy? Như có người hết lòng

nghe pháp trong vô số kiếp, nhưng không suy xét thì cuối cùng cũng không đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên suy xét mà được đến gần Đại Niết-bàn.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như có những chúng sanh tin rằng Phật, Pháp, Tăng không hề biến đổi nên sanh lòng cung kính, nên biết rằng đó đều do sức mạnh của nhân duyên chú tâm suy xét, nhờ đó mà dứt trừ được tất cả phiền não. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên suy xét mà được đến gần Đại Niết-bàn.

“Thế nào là Bồ Tát y theo pháp tu hành? Thiện nam tử! Dứt bỏ các pháp xấu ác, tu tập các pháp lành, đó gọi là Bồ Tát y theo pháp tu hành.

“Lại nữa, thế nào là y theo pháp tu hành? Đối với tất cả các pháp đều thấy là rỗng không, không gì có thể sở hữu, [tất cả đều] không thường tồn, không vui thích, không thật có tự ngã, không thanh tịnh. Vì thấy rõ như vậy nên thà xả bỏ thân mạng cũng quyết không phạm vào các giới cấm. Đó gọi là Bồ Tát y theo pháp tu hành.

“Lại nữa, thế nào là y theo pháp tu hành? Tu hành có hai hạng, một là chân thật, hai là không chân thật. Hạng không chân thật là không rõ biết tướng của Niết-bàn, tánh Phật, Như Lai, Pháp, Tăng, tướng thật, tướng hư không... Đó gọi là [tu hành] không chân thật. Thế nào là chân thật? Là rõ biết được tướng của Niết-bàn, tánh Phật, Như Lai, Pháp, Tăng, tướng thật, tướng hư không... Đó gọi là [tu hành] chân thật.

“Thế nào gọi là rõ biết tướng Niết-bàn? Tướng của Niết-bàn có tám biểu hiện. Những gì là tám? Một là dứt sạch, hai là tánh thiện, ba là thật có, bốn là chân chánh, năm là thường tồn, sáu là an vui, bảy là chân ngã, tám là thanh tịnh. Đó gọi là Niết-bàn.

“Niết-bàn lại có tám biểu hiện khác. Những gì là tám? Một là giải thoát, hai là tánh thiện, ba là không thật, bốn là không chân chánh, năm là không thường tồn, sáu là không an vui, bảy là không chân ngã, tám là không thanh tịnh.

“Niết-bàn lại có sáu biểu hiện khác: Một là giải thoát, hai là tánh thiện, ba là không thật, bốn là không chân chánh, năm là an vui, sáu là thanh tịnh.

“Nếu có những chúng sanh y theo đạo thế tục, dứt trừ phiền não, Niết-bàn mà họ đạt được sẽ có tám biểu hiện: giải thoát, không thật.v.v... Vì sao vậy? Vì không thường tồn. Do không thường tồn nên không thật. Do không thật nên không chân chánh. Tuy dứt trừ phiền não lại khởi lên phiền não, cho nên là không thường tồn, không an vui, không chân ngã, không thanh tịnh. Đó gọi là Niết-bàn với tám biểu hiện [từ giải thoát cho đến không thanh tịnh].

“Còn thế nào là sáu biểu hiện? Hàng Thanh văn, Duyên giác dứt trừ phiền não cho nên gọi là giải thoát, nhưng vì chưa đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề nên gọi là không thật. Do không thật nên gọi là không chân chánh. Trong đời vị lai sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề nên gọi là vô thường. Vì đạt được Tám thánh đạo không còn phiền não nên gọi là thanh tịnh, an vui.

“Thiện nam tử! Nếu ai rõ biết như trên [vừa nói], đó là rõ biết Niết-bàn, không gọi là rõ biết tánh Phật, Như Lai, Pháp, Tăng, tướng thật, hư không.

“Thế nào là Bồ Tát rõ biết tánh Phật? Tánh Phật có sáu biểu hiện. Những gì là sáu? Một là thường tồn, hai là thanh tịnh, ba là đúng thật, bốn là hiền thiện, năm là thấy biết hiện tiền, sáu là chân chánh.

“Lại có bảy biểu hiện: Một là có thể chứng biết, cùng với sáu biểu hiện như trên. Đó gọi là Bồ Tát rõ biết tánh Phật.

“Thế nào là Bồ Tát rõ biết tướng Như Lai? Như Lai tức là tướng tỉnh giác, tướng hiền thiện; là thường, lạc, ngã, tịnh, giải thoát, chân chánh, thật có; là chỉ bày đạo pháp có thể thấy được. Đó gọi là Bồ Tát rõ biết tướng Như Lai.

“Thế nào là Bồ Tát rõ biết tướng của pháp? Tướng của pháp có thể là thiện hoặc bất thiện, là thường hoặc vô thường, là an vui hoặc không an vui, là ngã hoặc vô ngã, là thanh tịnh hoặc bất tịnh, là biết hoặc không biết, là giải thoát hoặc không giải thoát, là chân chánh hoặc không chân chánh, là tu hoặc không tu, là thấy hoặc chẳng phải thấy, là thật hoặc chẳng thật. Đó gọi là Bồ Tát rõ biết tướng của pháp.

“Thế nào là Bồ Tát rõ biết tướng của Tăng? Tướng của Tăng nếu là thường, lạc, ngã, tịnh cũng là tướng của hàng đệ tử, là tướng có thể thấy được, tuy hiền thiện, chân chánh nhưng là chẳng thật. Vì sao vậy? Vì tất cả Thanh văn đều đạt được đạo của Phật. Vì sao gọi là chân chánh? Vì tỏ ngộ được tánh của pháp. Đó gọi là Bồ Tát rõ biết tướng của Tăng.

“Thế nào là Bồ Tát rõ biết tướng thật? Tướng thật có thể là thường hoặc vô thường; là an vui hoặc không an vui; là ngã hoặc vô ngã, là thanh tịnh hoặc bất tịnh; là thiện hoặc bất thiện; là có hoặc là không; là Niết-bàn hoặc chẳng phải Niết-bàn; là giải thoát hoặc không giải thoát; là biết hoặc không biết; là dứt mắt hoặc không dứt mắt; là chứng đắc hoặc không chứng đắc; là tu hoặc không tu; là thấy hoặc không thấy. Như thế gọi là tướng

thật, chẳng phải các tướng Niết-bàn, tánh Phật, Như Lai, Pháp, Tăng, hư không.

“Đó gọi là Bồ Tát nhờ tu hành kinh Đại Niết-bàn này mà rõ biết những tướng khác biệt của Niết-bàn, tánh Phật, Như Lai, Pháp, Tăng, hư không.

“Thiện nam tử! Bồ Tát Ma-ha-tát tu hành kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn chẳng thấy hư không. Vì sao vậy? Phật và Bồ Tát tuy có nhắm thứ mắt nhưng chẳng thấy được hư không. Chỉ có mắt tuệ mới thấy được. Chỗ mà mắt tuệ nhìn thấy là không một pháp nào có thể thấy mới gọi là thấy. Nếu thật không có vật gì thì gọi là hư không; hư không như vậy mới gọi là thật. Vì là thật nên thường là không. Vì thường là không nên không có lạc, ngã, tịnh.

“Thiện nam tử! Không, gọi là không có pháp; không có pháp, gọi là không. Cũng như người thế gian thấy không có vật gì thì gọi là không. Tánh của hư không cũng giống như thế, vì không có gì cả nên gọi là hư không.

“Thiện nam tử! Chúng sanh và hư không đều không có tánh thật. Vì sao vậy? Như có người nói: ‘Trừ hết những vật đang có thì tạo thành hư không.’ Nhưng hư không thật không thể tạo thành. Vì sao vậy? Vì hư không là không có gì cả. Vì không có gì cả nên biết rằng không có cả cái không.

“Tánh của hư không nếu có thể tạo thành thì phải gọi là vô thường. Nếu là vô thường thì chẳng gọi là hư không.

“Thiện nam tử! Như người thế gian nói rằng: ‘Hư không không có hình sắc, không ngăn ngại, thường không thay đổi.’ Vì thế nên người ta gọi tánh của hư không là đại thứ năm.<sup>(28)</sup>

“Thiện nam tử! Nhưng hư không thật không có tánh, vì có ánh sáng nên gọi là hư không, chứ thật không có hư không; cũng như chân lý thế gian vốn thật không có, nhưng vì chúng sanh nên ta dạy là có chân lý thế gian.

Thiện nam tử! Thể của Niết-bàn cũng giống như vậy, không có chỗ trụ. Chính ngay nơi chư Phật dứt sạch phiền não thì gọi là Niết-bàn. Niết-bàn chính là thường tồn, an vui, chân ngã, thanh tịnh. Niết-bàn tuy là an vui nhưng chẳng phải cái vui hưởng thụ, mà là cái vui tịch diệt cao siêu mâu nhiệm.

“Chư Phật Như Lai có hai sự vui: Một là sự vui tịch diệt, hai là sự vui rõ biết. Thể của tướng thật có ba sự vui: Một là sự vui hưởng thụ, hai là sự vui tịch diệt, ba là sự vui rõ biết. Tánh Phật có một sự vui là thấy biết hiện tiền. Khi chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề gọi là sự vui giác ngộ.”

Lúc ấy, Bồ Tát Ma-ha-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu nói chỗ dứt sạch phiền não là Niết-bàn thì không hợp lý! Vì sao vậy? Ngày trước, lúc Như Lai vừa mới thành Phật, đi đến bên bờ sông Ni-liên-thiên. Bấy giờ, Ma vương và quyến thuộc đến chỗ Phật, nói rằng: ‘Thế Tôn! Đã đến lúc nhập Niết-bàn, sao ngài không nhập?’ Phật bảo Ma vương: ‘Nay ta chưa có những đệ tử đa văn, khéo giữ giới cấm, thông minh lợi trí, có thể giáo hóa chúng sanh, cho nên ta chưa nhập Niết-bàn.’

“Nếu nói rằng chỗ dứt sạch phiền não là Niết-bàn, tại sao chư Bồ Tát đã lìa khỏi phiền não từ vô lượng kiếp lại không được xưng là Niết-bàn? Cũng đều là chỗ dứt sạch, duyên có gì chỉ riêng xưng chư Phật là Niết-bàn, chư Bồ Tát lại là không?”

“Nếu dứt sạch phiền não chẳng phải là Niết-bàn, vì sao ngày xưa Như Lai bảo ông Bà-la-môn Sanh Danh rằng: ‘Thân ta hiện nay tức là Niết-bàn.’

“Lại khi Như Lai ở tại thành Tỳ-xá-ly, Ma đến thưa rằng: ‘Ngày xưa vì chưa có những đệ tử đa văn, trì giới, thông minh lợi trí, có thể giáo hóa chúng sanh nên Như Lai không nhập Niết-bàn. Nay đã có đủ rồi, tại sao ngài không nhập?’ Bấy giờ, Như Lai liền bảo Ma rằng: ‘Nay người chớ đem lòng lo lắng cho là chậm trễ, sau ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết-bàn.’

“Thế Tôn! Nếu như sự diệt độ không phải là Niết-bàn, vì sao Như Lai tự đưa ra kỳ hạn ba tháng nữa sẽ nhập Niết-bàn?”

“Thế Tôn! Nếu dứt sạch phiền não là Niết-bàn thì ngày xưa, lúc Như Lai ở tại đạo tràng dưới cội Bồ-đề vừa dứt sạch phiền não, hẳn đã là Niết-bàn ngay khi ấy rồi, vì sao lại nói rằng còn ba tháng nữa sẽ nhập Niết-bàn?”

“Thế Tôn! Nếu như khi ấy đã là Niết-bàn rồi, vì sao mới đây ở thành Câu-thi-na này Phật lại bảo những người trong tộc họ Lực-sĩ rằng sau lúc nửa đêm sẽ nhập Niết-bàn? Như Lai là thành thật, vì sao nói ra những lời hư dối như vậy?”

Bấy giờ, đức Thế Tôn dạy Đại Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương rằng: “Thiện nam tử! Nếu nói rằng Như Lai được tướng lưới rộng dài, nên biết đó là nhờ trong vô lượng kiếp qua Như Lai đã lìa xa những lời hư dối. Những gì mà tất cả chư Phật và Bồ Tát nói ra đều là chân thật không hư dối!

“Thiện nam tử! Như ông vừa nói rằng, ngày xưa Ma Ba-tuần có đến thỉnh cầu ta nhập Niết-bàn. Thiện nam

tử! Nhưng Ma vương ấy thật chẳng biết được tướng nhất định của Niết-bàn. Vì sao vậy? Ba-tuần có ý cho rằng: Nếu không giáo hóa chúng sanh, trụ yên lặng lẽ thì đó là Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Ví như người đời thấy kẻ không nói năng, không làm gì cả, liền bảo rằng kẻ ấy chẳng khác gì người chết. Ma Ba-tuần cũng vậy, trong ý cho rằng nếu Như Lai không giáo hóa chúng sanh, lặng yên không thuyết dạy thì đó là Như Lai đã nhập Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Như Lai không nói rằng Phật, Pháp và Tăng không có tướng khác biệt, chỉ dạy rằng hai pháp thường trụ và thanh tịnh là không khác biệt.

“Thiện nam tử! Như Lai cũng không nói rằng Phật và tánh Phật, Niết-bàn không có tướng khác biệt, chỉ dạy rằng các pháp thường hằng và bất biến là không khác biệt.

“Thiện nam tử! Phật cũng không nói rằng Niết-bàn và tướng chân thật không có khác biệt, chỉ dạy rằng các pháp thường hiện hữu và chân thật không biến đổi là không khác biệt.

“Thiện nam tử! Thuở ấy, những đệ tử Thanh văn của ta khởi sự tranh cãi. Như những tỳ-kheo xấu ác ở Câu-thiểm-di<sup>(29)</sup> trái lời dạy của ta, phạm nhiều giới cấm, thọ nhận những vật bất tịnh, tham cầu lợi dưỡng. Họ tự khoe khoang với hàng cư sĩ rằng: ‘Ta đắc quả vô lậu, là quả Tu-đà-hoàn...’ thậm chí nói rằng: ‘Ta đắc quả A-la-hán.’ Họ nói xấu và nhục mạ người khác, còn đối với Phật, Pháp, Tăng, giới luật, hòa thượng... lại chẳng sanh lòng cung kính. Họ công khai nói trước mặt ta rằng: ‘Những vật như thế này... Phật cho phép chứa trữ; những vật như thế này... Phật không cho phép chứa trữ.’

Ta có bảo họ rằng: ‘Những vật như vậy, thật ta không cho phép chứa trữ.’ Nhưng họ cãi lại rằng: ‘Những vật như vậy, thật là Phật có cho phép.’

“Những kẻ xấu ác đó không tin lời ta. Vì những kẻ ấy mà ta bảo Ma Ba-tuần rằng: ‘Người chớ lo chậm trễ, sau ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết-bàn.’

“Thiện nam tử! Chính vì những tỳ-kheo xấu ác này mà các đệ tử thọ học hàng Thanh văn chẳng thấy được thân ta, chẳng nghe được pháp ta, liền nói rằng: ‘Như Lai đã nhập Niết-bàn.’ Chỉ có hàng Bồ Tát thấy được thân ta, thường nghe pháp ta, nên không nói rằng ta nhập Niết-bàn. Tuy những đệ tử Thanh văn nói rằng Như Lai nhập Niết-bàn, nhưng ta thật không nhập Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Nếu trong các đệ tử Thanh văn của ta, những ai nói rằng: ‘Như Lai đã nhập Niết-bàn’, nên biết rằng đó không phải đệ tử của ta, mà là bè đảng của ma, là kẻ tà kiến xấu ác, chẳng phải người chánh kiến. Nếu những ai nói rằng: ‘Như Lai [thật] không nhập Niết-bàn’, nên biết rằng những người ấy là đệ tử chân thật của ta, không phải bè đảng của ma; là người chánh kiến, không phải kẻ tà kiến xấu ác.

“Thiện nam tử! Ta hoàn toàn không thấy trong số đệ tử của ta có ai nói rằng: ‘Như Lai không giáo hóa chúng sanh, trụ yên lặng lẽ, đó gọi là nhập Niết-bàn.’

“Thiện nam tử! Ví như một vị trưởng giả có nhiều con, phải đi phương xa. Khi chưa trở về, những người con đều bảo rằng cha đã chết. Nhưng trưởng giả ấy thật không hề chết. Những người con ấy điên đảo nghĩ rằng cha mình đã chết.

“Hàng đệ tử Thanh văn của ta cũng vậy; vì không nhìn thấy ta liền bảo rằng: ‘Như Lai đã nhập Niết-bàn



tại thành Câu-thi-na, giữa hai cây sa-la.’ Nhưng ta thật không nhập Niết-bàn, chỉ là hàng đệ tử Thanh văn tự có ý nghĩ rằng ta nhập Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Ví như ngọn đèn sáng, có người che lại. Những kẻ không biết đều bảo rằng đèn đã tắt. Nhưng ngọn lửa trong đèn ấy quả thật không tắt. Vì không biết nên sanh ra ý nghĩ rằng đèn đã tắt.

“Hàng đệ tử Thanh văn cũng vậy, tuy có mắt tuệ nhưng bị phiền não che lấp khiến tâm điên đảo chẳng thấy được thân chân thật của Phật, nên sanh ra ý nghĩ rằng Phật diệt độ. Nhưng ta quả thật chẳng hề diệt độ.

“Thiện nam tử! Ví như người sanh ra đã mù, không thấy được mặt trời, mặt trăng. Vì không thấy nên không biết được những tướng trạng ngày, đêm, sáng, tối. Vì không biết nên nói rằng thật không có mặt trời, mặt trăng. Sự thật là có mặt trời, mặt trăng nhưng người mù không thấy. Vì không thấy nên sanh ra tư tưởng điên đảo, nói rằng không có mặt trời, mặt trăng.

“Hàng đệ tử Thanh văn cũng vậy, giống như người sanh ra đã mù, không thấy được Như Lai, liền nói rằng Như Lai đã nhập Niết-bàn. Như Lai thật không nhập Niết-bàn, chỉ vì tư tưởng điên đảo nên sanh tâm như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như mây mù che khuất mặt trời, mặt trăng. Người ngu liền nói: ‘Không có mặt trời, mặt trăng.’ Nhưng mặt trời, mặt trăng là thật có, chỉ vì bị che khuất nên chúng sanh không thấy.

“Hàng đệ tử Thanh văn cũng vậy, do phiền não che khuất con mắt trí tuệ nên không thấy được Như Lai, liền nói rằng: ‘Như Lai đã diệt độ.’

“Thiện nam tử! Sự thật là Như Lai thị hiện hạnh Anh nhi,<sup>(30)</sup> chẳng phải diệt độ.

“Thiện nam tử! Như ở Diêm-phù-đề, khi mặt trời lặn thì chúng sanh không còn thấy mặt trời. Đó là vì núi non che khuất, chứ mặt trời thật không hề mất đi. Chúng sanh không nhìn thấy liền sanh ra ý nghĩ cho rằng mặt trời lặn mất.

“Hàng đệ tử Thanh văn cũng vậy, vì những núi non là phiền não che khuất nên không thấy được thân Phật. Vì không thấy nên sanh ra ý nghĩ cho rằng Như Lai đã diệt độ. Nhưng thật Như Lai chẳng hề diệt độ.

“Vì thế nên khi ở thành Tỳ-xá-ly Phật bảo Ma Ba-tuần rằng: ‘Sau ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết-bàn.’

“Thiện nam tử! Khi ấy Như Lai thấy trước là sau ba tháng thì căn lành của Bồ Tát Ca-diếp sẽ được thành thực; lại cũng thấy ông Tu-bạt-đà-la<sup>(31)</sup> ở Hương sơn, sau mùa an cư sẽ đến chỗ Phật. Vì vậy nên Phật bảo Ma Ba-tuần rằng: ‘Sau ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết-bàn.’

“Thiện nam tử! Khi ấy lại có 500 người trong tộc họ Lục-sĩ, sau ba tháng sẽ phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì những người ấy nên Phật bảo Ma Ba-tuần rằng: ‘Sau ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết-bàn.’

“Thiện nam tử! Khi ấy nhóm ông Thuần-đà với 500 người họ Lê-xa<sup>(32)</sup> và cô Am-la sau ba tháng sẽ được tâm đạo vô thượng và căn lành thành thực. Vì những người ấy nên Phật bảo Ma Ba-tuần rằng: ‘Sau ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết-bàn.’

“Thiện nam tử! Ông Tu-na-sát-đa thường thân cận với ngoại đạo Ni-kiền-tử. Ta vì ông ấy thuyết pháp trọn 12 năm nhưng ông ấy vẫn giữ tà kiến, chẳng tin nhận

giáo pháp. Khi ấy ta biết rằng sau ba tháng nữa gốc rễ tà kiến của ông ấy sẽ bị chặt đứt. Ta cũng vì ông ấy nên bảo Ma Ba-tuần rằng: ‘Sau ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết-bàn.’

“Thiện nam tử! Do nhân duyên gì mà lúc trước bên bờ sông Ni-liên ta bảo Ma Ba-tuần rằng: ‘Nay ta chưa có những đệ tử nhiều trí tuệ nên chưa vào Niết-bàn?’

“Khi ấy, ta muốn vì năm vị tỳ-kheo<sup>(33)</sup> mà Chuyển Pháp luân ở thành Ba-la-nại. Kế đó, ta lại muốn vì năm vị tỳ-kheo nữa là: Da-xa, Phú-na, Tỳ-ma-la-xà, Kiêu-phạm-ba-đê, Tu-bà-hầu [mà giáo hóa]. Kế nữa, ta lại muốn vì nhóm ông trưởng giả Úc-già năm mươi người [mà giáo hóa]. Rồi ta lại muốn vì vua Tần-bà-sa-la nước Ma-già-đà với vô số người và chư thiên [mà giáo hóa]. Tiếp đến ta lại muốn vì Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp với môn đồ của ông là 500 tỳ-kheo [mà giáo hóa]. Kế đó, ta lại muốn vì hai anh em Na-đê Ca-diếp và Già-da Ca-diếp với 500 đệ tử của họ [mà giáo hóa]. Rồi ta lại muốn vì Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên với 250 tỳ-kheo trong nhóm của họ mà chuyển bánh xe pháp nhiệm mầu. Vì [tất cả những điều đó] nên ta bảo Ma vương Ba-tuần rằng ta không nhập Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Có [những trường hợp được] gọi là Niết-bàn nhưng không phải Đại Niết-bàn.

“Thế nào là Niết-bàn, không phải Đại Niết-bàn? Không thấy tánh Phật mà dứt trừ phiền não, đó gọi là Niết-bàn, không phải Đại Niết-bàn. Vì không thấy tánh Phật nên là vô thường, vô ngã; chỉ có an vui và thanh tịnh mà thôi. Vì nghĩa ấy nên dù dứt trừ phiền não cũng chưa được gọi là Đại Niết-bàn.

“Nếu thấy tánh Phật rồi dứt trừ phiền não, đó gọi là Đại Niết-bàn. Nhờ thấy tánh Phật nên được [có đủ] thường, lạc, ngã, tịnh. Vì nghĩa này nên dứt trừ phiền não rồi được xưng là Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! *Niết* là nghĩa không, *bàn* là nghĩa phiền não.<sup>(34)</sup> Không có phiền não gọi là Niết-bàn. Bàn lại có nghĩa là che lấp; không che lấp gọi là Niết-bàn. Bàn lại có nghĩa là đến đi; chẳng đến chẳng đi gọi là Niết-bàn. Bàn lại có nghĩa là chấp giữ; không chấp giữ gọi là Niết-bàn. Bàn lại có nghĩa là không nhất định; quyết định không phân vân gọi là Niết-bàn. Bàn lại có nghĩa là cũ và mới; không cũ không mới gọi là Niết-bàn. Bàn lại có nghĩa là chướng ngại; không có chướng ngại gọi là Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Hàng đệ tử các phái ngoại đạo Ưu-lâu-khư, Ca-tỳ-la nói rằng: ‘Bàn là hình tướng; không có hình tướng gọi là Niết-bàn.’

“Thiện nam tử! Bàn lại có nghĩa là hiện hữu; không hiện hữu gọi là Niết-bàn. Bàn lại có nghĩa là hòa hợp [trộn lẫn]; không hòa hợp [trộn lẫn] gọi là Niết-bàn. Bàn lại có nghĩa là khổ não; không khổ não gọi là Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Dứt trừ phiền não không gọi là Niết-bàn; không còn sanh khởi phiền não mới gọi là Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Chư Phật Như Lai không sanh khởi phiền não nên gọi là Niết-bàn. Có được trí tuệ sáng suốt không ngăn ngại đối với các pháp, đó là Như Lai. Như Lai chẳng phải phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, nên gọi là tánh Phật. Thân, tâm và trí tuệ của Như Lai hiện khắp vô lượng vô biên vô số cõi thế giới, không gì chướng ngại được nên gọi là hư không. Như Lai thường

trụ, không có biến đổi, gọi là tướng thật. Vì nghĩa ấy nên Như Lai rốt cùng thật không nhập Niết-bàn.

“Như thế gọi là Bồ Tát tu hành kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu trọn vẹn công đức thứ bảy.

“Thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát Ma-ha-tát tu hành kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu trọn vẹn công đức thức tám?

“Thiện nam tử! Bồ Tát Ma-ha-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn dứt trừ năm việc, lìa xa năm việc, thành tựu sáu việc, tu tập năm việc, gìn giữ một việc, thân cận bốn việc, tin theo một lẽ thật, tâm khéo giải thoát, trí tuệ khéo giải thoát.

“Thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát dứt trừ năm việc? Đó là nói năm ám: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nói ám đó là nghĩa gì? Là có thể khiến cho chúng sanh phải tiếp nối mãi mãi trong dòng sanh tử, không vất bỏ được gánh nặng, tan rã rồi tụ họp,<sup>(35)</sup> cuốn mãi trong ba đời<sup>(36)</sup> mà suy cầu chẳng thấy được nghĩa lý gì cả! Do các nghĩa ấy nên gọi là ám.

“Bồ Tát Ma-ha-tát tuy thấy sắc ám nhưng không thấy có tướng của sắc ám. Vì sao vậy? Vì ở trong mười loại sắc mà suy cầu thể tánh đều không thấy có [gì thật] là thế giới cả, nên gọi đó là ám.

“Thọ có một trăm lẻ tám loại. [Bồ Tát] tuy thấy thọ ám nhưng hoàn toàn không có tướng của thọ. Vì sao vậy? Tuy có một trăm lẻ tám loại thọ nhưng xét theo lý đều không có sự nhất định, chân thật. Vì thế Bồ Tát không thấy có thọ ám.

“Đối với các ám tưởng, hành, thức cũng đều như vậy. Bồ Tát Ma-ha-tát quán sát sâu xa thấy năm ám chính là căn bản sanh ra phiền não. Vì nghĩa ấy nên dùng phương tiện khiến phải dứt trừ năm ám.

“Thế nào là Bồ Tát lìa xa năm việc? Đó là nói năm kiến chấp. Những gì là năm? Một là thân kiến, hai là biên kiến, ba là tà kiến, bốn là giới cấm thủ kiến, năm là kiến thủ kiến.<sup>(37)</sup> Do năm kiến chấp sai lầm này mà sanh ra sáu mươi hai thứ tà kiến.<sup>(38)</sup> Do các tà kiến ấy mà dòng sanh tử tiếp nối mãi không dứt. Vì thế nên Bồ Tát thận trọng lìa xa năm kiến chấp ấy.

“Thế nào là Bồ Tát thành tựu sáu việc? Đó là nói sáu chỗ niệm tưởng chân chánh.<sup>(39)</sup> Những gì là sáu? Một là niệm Phật, hai là niệm Pháp, ba là niệm Tăng, bốn là niệm thiên, năm là niệm thí, sáu là niệm giới. Đó gọi là Bồ Tát thành tựu sáu việc.

“Thế nào là Bồ Tát tu tập năm việc? Đó là nói năm phép định. Một là Tri định, hai là Tịch định, ba là Thân tâm thọ khoái lạc định, bốn là Vô lạc định, năm là Thủ lăng nghiêm định.<sup>(40)</sup> Tu tập năm phép định tâm ấy, chắc chắn sẽ đạt đến gần Đại Niết-bàn. Vì thế nên Bồ Tát chuyên tâm tu tập.

“Thế nào là Bồ Tát gìn giữ một việc? Đó là nói [gìn giữ] tâm Bồ-đề. Bồ Tát Ma-ha-tát thường chuyên tâm tinh cần bảo vệ, gìn giữ tâm Bồ-đề như người đời bảo vệ gìn giữ đứa con duy nhất; lại cũng như người đã bị mù một mắt bảo vệ giữ gìn con mắt còn lại; lại cũng như kẻ đi trong vùng hoang mạc bảo vệ gìn giữ người dẫn đường. Bồ Tát luôn bảo vệ gìn giữ tâm Bồ-đề như vậy. Nhờ gìn giữ tâm Bồ-đề nên mới đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nhờ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-

bồ-đề nên có đủ thường, lạc, ngã, tịnh, tức là Vô thượng Đại Niết-bàn. Vì thế nên Bồ Tát gìn giữ một việc này.

“Thế nào là Bồ Tát thân cận bốn việc? Đó là nói Bốn tâm vô lượng. Những gì là bốn? Một là đại từ, hai là đại bi, ba là đại hỷ, bốn là đại xả. Bốn tâm ấy có thể khiến cho vô lượng vô biên chúng sanh đều phát tâm Bồ-đề. Vì thế nên Bồ Tát hết lòng thân cận bốn tâm ấy.

“Thế nào là Bồ Tát tin theo một lẽ thật? Bồ Tát biết rõ tất cả chúng sanh đều quay về một đường. Một đường đó tức là Đại thừa. Nhưng vì chúng sanh nên chư Phật và Bồ Tát phân ra làm Ba thừa. Vì thế nên Bồ Tát tin theo [điều này] mà chẳng trái nghịch.

“Thế nào là tâm khéo giải thoát của Bồ Tát? Đó là ba tâm tham, sân, si đều đã dứt trừ vĩnh viễn. Đó gọi là Bồ Tát có tâm khéo giải thoát.

“Thế nào là trí tuệ khéo giải thoát của Bồ Tát? Bồ Tát Ma-ha-tát đối với tất cả các pháp đều rõ biết không chướng ngại. Đó gọi là trí tuệ khéo giải thoát của Bồ Tát. Do trí tuệ giải thoát ấy nên việc chưa nghe thì nay được nghe, việc chưa thấy thì nay được thấy, chỗ chưa đến thì nay được đến.”

Bấy giờ, Bồ Tát Ma-ha-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật nói về tâm giải thoát đó, nghĩa này không hợp lý. Vì sao vậy? Vì tâm vốn không trói buộc. Thế nào là không trói buộc? Bản tánh của tâm không bị tham dục, sân khú, ngu si trói buộc. Nếu tâm vốn đã không có sự trói buộc, vì sao nói rằng tâm khéo giải thoát?”

“Bạch Thế Tôn! Nếu bản tánh của tâm không bị tham dục trói buộc thì do những nhân duyên gì mà trói buộc

được? Ví như người vắt sừng, vốn không có tính chất của bầu vú, dù gắng sức mà vắt mãi cũng không do đâu mà có sữa! Nhưng nếu người ta vắt bầu vú thì không giống như vậy, dù không gắng sức mà sữa vẫn ra nhiều. Tâm cũng như vậy, vốn không có tham, nay vì sao lại có? Nếu vốn không tham mà về sau có tham, thì chư Phật và Bồ Tát vốn không có tướng tham, nay ắt cũng phải có!

“Bạch Thế Tôn! Ví như người phụ nữ vô sanh,<sup>(41)</sup> vốn không thể sanh con, dù mất nhiều công sức với vô số nhân duyên cũng không thể sanh con. Tâm cũng như vậy, vốn không có tham, dù có nhiều nhân duyên cũng không do đâu mà sanh ra.

“Bạch Thế Tôn! Ví như cọ xát vào gỗ ướt không thể sanh ra lửa. Tâm cũng như vậy, dù cho cọ xát cố tìm tham dục cũng không thể được. Vì sao tham dục lại trói buộc được tâm?”

“Bạch Thế Tôn! Ví như ép cát không thể chảy ra dầu. Tâm cũng như vậy, dù có ép cũng chẳng sanh ra tham. Nên biết rằng tham và tâm là hai lẽ khác nhau. Nếu như có sự tham cũng làm sao có thể ô nhiễm được tâm?”

“Bạch Thế Tôn! Ví như có người đóng cọc vào không trung, không thể dính chắc vào đó được. Đưa tham dục vào tâm cũng vậy, dù có đủ mọi nhân duyên cũng không thể làm cho tham dục trói buộc được tâm.

“Bạch Thế Tôn! Nếu tâm không tham gọi là giải thoát, vì sao chư Phật và Bồ Tát không nhổ ra gai nhọn trong không trung?<sup>(42)</sup>

“Bạch Thế Tôn! Tâm quá khứ không gọi là giải thoát; tâm vị lai cũng không giải thoát; tâm hiện tại chẳng chung cùng với đạo. Vậy tâm trong đời nào gọi là được giải thoát?”

“Bạch Thế Tôn! Như ngọn đèn trong quá khứ không trừ được bóng tối; ngọn đèn trong tương lai cũng không trừ được bóng tối; ngọn đèn trong hiện tại cũng không trừ được bóng tối. Vì sao vậy? Sáng và tối không thể cùng hiện hữu. Tâm cũng như vậy. Vì sao nói rằng tâm được giải thoát?”

“Bạch Thế Tôn! Tham dục là thật có. Nếu tham dục không có thì khi thấy nữ sắc ắt không sanh tham dục! Do [nhìn thấy] nữ sắc sanh ra tham dục, nên biết rằng tham dục thật có. Vì có tham dục mới đọa vào ba đường ác.

“Bạch Thế Tôn! Ví như có người nhìn thấy hình vẽ phụ nữ cũng sanh tham dục. Vì sanh tham dục nên phạm vào đủ mọi tội lỗi. Nếu trong tâm vốn không có tham dục, vì sao nhìn thấy hình vẽ lại sanh ra tham dục? Nếu tâm không tham dục, vì sao Như Lai nói rằng tâm Bồ Tát được giải thoát? Nếu tâm có tham dục, vì sao nhìn thấy hình tướng rồi sau đó mới sanh ra tham dục; nếu không nhìn thấy hình tướng thì không sanh tham dục? Hiện nay con nhìn thấy có quả báo xấu ác, nên biết là thật có tham dục. Đối với sân khuê, ngu si cũng giống như vậy.

“Bạch Thế Tôn! Ví như chúng sanh mang tấm thân vô ngã, nhưng kẻ phạm phu sai lầm cho là thật có bản ngã. Tuy có tư tưởng chấp ngã nhưng không vì thế mà đọa vào ba đường ác. Vì sao những kẻ tham dục, đối với hình vẽ không thật là nữ nhân mà khởi lên ý tưởng tham dục với nữ nhân lại đọa vào ba đường ác?”

“Bạch Thế Tôn! Vì như người ta cọ xát vào gỗ liền sanh ra lửa. Nhưng trong các duyên liên quan đều không có tánh lửa. Vậy do nhân duyên gì mà sanh ra được lửa?”

“Bạch Thế Tôn! Tham dục cũng như vậy. Trong hình sắc không có tham, trong âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm và các pháp cũng không có tham. Vì sao từ nơi hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm, các pháp lại sanh ra tham? Nếu trong các duyên ấy thấy đều không có tham, vì sao chỉ có chúng sanh khởi sanh tham dục, còn chư Phật, Bồ Tát lại không khởi sanh?”

“Bạch Thế Tôn! Tâm cũng là không nhất định. Nếu tâm là nhất định thì không có tham dục, sân khuê, ngu si. Nếu tâm là không nhất định, vì sao nói rằng tâm được giải thoát?”

“Tham cũng là không nhất định. Nếu tham là không nhất định, vì sao do nơi tham mà phải sanh vào ba đường ác? Người có tham và cảnh giới [mà người ấy] sanh vào, cả hai đều không nhất định. Vì sao vậy? Vì cả hai đều duyên với một sắc mà sanh ra tham, hoặc sanh ra sân, hoặc sanh ra si. Cho nên người có tham và cảnh giới [mà người ấy] sanh vào, cả hai đều là không nhất định. Nếu cả hai đều là không nhất định, vì sao Như Lai nói rằng Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết-bàn này thì tâm được giải thoát.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Ma-ha-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Tâm không bị tham dục trói buộc, cũng chẳng phải không bị trói buộc; chẳng phải giải thoát, chẳng phải không giải thoát; chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải hiện tại, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai. Vì sao vậy? Thiện nam tử! Vì tất cả các pháp đều không có tự tánh.

“Thiện nam tử! Có những kẻ ngoại đạo nói rằng: ‘Nhân duyên hòa hiệp ắt có quả sanh.’

“Nếu trong các duyên vốn không có tánh sanh mà có thể sanh ra, thì hư không chẳng có tánh sanh ắt cũng sanh ra quả! Nhưng hư không chẳng sanh ra gì cả, vì đó chẳng phải là nhân.

“Bởi trong các duyên vốn sẵn có tánh quả, cho nên khi tập hợp lại mới sanh được quả. Vì sao vậy? Như Đê-bà-đạt muốn đắp tường vách ắt phải lấy bùn đất chứ không lấy màu sắc; muốn vẽ tranh phải lấy màu sắc chứ không lấy cây cỏ; muốn may áo phải lấy chỉ tơ chứ không lấy bùn đất, cây gỗ; muốn xây phòng ốc phải lấy bùn đất chứ không lấy tơ sợi.

“Do sự chọn lấy như vậy nên biết rằng những vật được chọn đó đều có thể sanh quả [tương ứng]. Vì có thể sanh quả [tương ứng] nên biết rằng trong nhân đã sẵn có tánh rồi. Nếu không do sẵn tánh thì một vật hẳn có thể sanh ra hết thảy các vật. Nếu là có thể chọn lấy, có thể làm nên, có thể tạo ra, nên biết rằng trong mỗi vật ấy đã sẵn có quả [tương ứng] rồi. Nếu không có quả [tương ứng] thì người ta hẳn đã không chọn lấy, không làm nên, không tạo ra.

“Chỉ có hư không là không chọn lấy, không tạo thành, cho nên có thể sanh ra hết thảy vạn vật. Là vì có nhân. Như hạt ni-câu-đà sanh ra cây ni-câu-đà, trong sữa sẵn có nhân của đê-hồ, trong sợi tơ sẵn có nhân của tấm vải, trong đất sét sẵn có nhân của cái bình.

“Thiện nam tử! Tất cả phàm phu mê tối vì vô minh nên nói chắc rằng: ‘Hình sắc có nghĩa vướng chấp; tâm có tánh tham muốn.’ Lại nói rằng: ‘Kẻ phàm phu trong tâm có tánh tham, lại cũng có tánh giải thoát. Khi gặp

nhân duyên tham thì tâm sanh tham; gặp nhân duyên giải thoát thì được giải thoát.’

“Tuy lập luận như vậy nhưng thật không hợp lý.

“Có những kẻ phàm phu lại nói rằng: ‘Trong hết thảy các nhân đều không có quả.’

“Nhân có hai loại. Một là nhân vi tế, hai là nhân thô lớn. Nhân vi tế là thường, nhân thô lớn là vô thường. Từ nhân vi tế mà chuyển thành nhân thô lớn; từ nhân thô lớn lại chuyển thành quả. Vì nhân thô lớn là vô thường nên quả cũng vô thường.

“Thiện nam tử! Có những kẻ phàm phu lại nói rằng: ‘Tâm không có nhân, tham cũng không có nhân, do điều kiện môi trường thích hợp nên sanh tâm tham.’

“Những kẻ như vậy vì không hiểu được nhân duyên của tâm nên phải luân hồi trong sáu nẻo, chịu đủ mọi cuộc sanh tử.

“Thiện nam tử! Ví như con chó bị buộc vào cây cột, suốt ngày đi quanh cột mà không thể lìa ra. Hết thảy phàm phu cũng vậy, bị vô minh xiềng xích, buộc vào cây cột sanh tử, đi quanh quẩn trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu mà không thể ra khỏi.

“Thiện nam tử! Ví như có người rơi xuống hố xí, vừa lên khỏi rồi lại rơi xuống nữa; hoặc như người vừa khỏi bệnh lại mắc phải mầm bệnh; hoặc như người đi đường gặp chỗ hoang vắng quanh quẩn, vừa qua khỏi rồi quay trở lại; hoặc như người tắm rửa sạch sẽ rồi lại bôi bùn đất vào... Tất cả phàm phu cũng vậy, họ đã được giải thoát khỏi cảnh giới Vô sở hữu, chỉ là chưa thoát khỏi cảnh giới Phi phi tướng;<sup>(43)</sup> nhưng rồi quay lại sa vào ba đường ác.

“Vì sao vậy? Hết thảy phàm phu chỉ quán xét nơi quả mà không quán xét nhân duyên. Ví như con chó

đuổi theo cục đất chứ không đuổi theo người [ném đất]. Những kẻ phàm phu cũng vậy! Họ chỉ quán xét nơi quả mà không quán xét nhân duyên [tạo thành quả]. Vì không quán xét [nhân duyên như vậy] nên từ cảnh giới Phi tướng họ phải thối chuyển, quay trở lại Ba nẻo ác.

“Thiện nam tử! Chư Phật, Bồ Tát không bao giờ nói một cách nhất định rằng trong nhân có quả hay trong nhân không có quả; cũng không nói là vừa có vừa không hoặc chẳng phải có cũng chẳng phải không.

“Nếu ai nói chắc rằng trong nhân trước đã có quả, hoặc không có quả, hoặc vừa có vừa không, hoặc chẳng phải có chẳng phải không có quả, nên biết rằng những kẻ ấy đều là bè đảng của ma, bị ma trói buộc, tức là người có tham ái. Người có tham ái như vậy không thể dứt khỏi sự trói buộc của sanh tử, không biết được tướng của tâm và tướng tham dục.

“Thiện nam tử! Chư Phật, Bồ Tát chỉ bày rõ lý trung đạo, [không rơi vào những biên kiến như trên]. Vì sao vậy? Tuy nói rằng các pháp chẳng phải có, chẳng phải không, nhưng không nhất định. Vì lẽ gì? Vì nhân nơi con mắt, nhân nơi hình sắc, nhân nơi ánh sáng, nhân nơi tâm người, nhân nơi ý niệm mà thức được sanh ra. Thức này chắc chắn không ở trong con mắt, trong hình sắc, trong ánh sáng, trong tâm người, trong ý niệm, cũng chẳng ở khoảng giữa [những thứ đó], cũng chẳng phải có, chẳng phải không. Từ nơi các duyên mà sanh nên gọi là có; không có tự tánh nên gọi là không. Vì thế Như Lai dạy rằng các pháp chẳng phải có, chẳng phải không.

“Thiện nam tử! Chư Phật, Bồ Tát chẳng hề nói một cách nhất định rằng tâm có tánh thanh tịnh hoặc bất tịnh, hoặc có cả tịnh và bất tịnh, vì tâm không có chỗ

trụ. Do duyên mà có sanh tham dục, nên nói là chẳng phải không; tánh tham vốn là không, nên nói là chẳng phải có.

“Thiện nam tử! Do nhân duyên, tâm mới sanh tham; cũng do nhân duyên, tâm được giải thoát.

“Thiện nam tử! Có hai loại nhân duyên, một loại tùy theo sanh tử, một loại tùy theo Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Bởi có nhân duyên nên tâm và tham dục cùng sanh, cùng diệt.

“Lại có trường hợp tâm và tham dục cùng sanh nhưng không cùng diệt.

“Lại có trường hợp tâm và tham dục không cùng sanh nhưng cùng diệt.

“Lại có trường hợp tâm và tham dục không cùng sanh cũng không cùng diệt.

“Thế nào là tâm và tham dục cùng sanh, cùng diệt?

“Thiện nam tử! Như có những kẻ phàm phu chưa trừ dứt tâm tham dục, dựa trên tâm tham dục mà tu tập. Đối với những kẻ ấy, tâm và tham dục cùng sanh, cùng diệt. Đối với tất cả chúng sanh chưa trừ dứt tâm tham thì tâm và tham dục cùng sanh, cùng diệt. Như chúng sanh ở Dục giới, tất cả đều có mức thiên sơ địa,<sup>(44)</sup> dù có tu hay không tu cũng thường được thành tựu, khi gặp nhân duyên liền chứng đắc. Nói nhân duyên tức là nói đến lúc có hỏa tai.<sup>(45)</sup> Tất cả phàm phu cũng vậy; dù có tu hoặc không tu, đều là tâm và tham dục cùng sanh, cùng diệt. Vì sao vậy? Vì chưa trừ dứt tham dục.

“Thế nào là tâm và tham dục cùng sanh nhưng không cùng diệt? Hàng đệ tử Thanh văn do gặp nhân duyên mà sanh tham tâm dục. Vì sợ tâm tham dục nên tu

phép quán xương trắng. Đó gọi là tâm và tham dục cùng sanh nhưng không cùng diệt.<sup>(46)</sup>

“Lại có trường hợp [khác] tâm và tham dục cùng sanh nhưng không cùng diệt. Như hàng Thanh văn khi chưa chứng Bốn quả thánh,<sup>(47)</sup> nếu gặp nhân duyên liền sanh tâm tham dục. Sau khi chứng Bốn quả thánh thì tâm tham dục diệt mất. Đó gọi là tâm và tham dục cùng sanh nhưng không cùng diệt.

“Khi Bồ Tát Ma-ha-tát chứng đắc Bất động địa<sup>(48)</sup> thì [cũng là trường hợp] tâm và tham dục cùng sanh nhưng không cùng diệt.

“Thế nào là tâm và tham dục không cùng sanh nhưng cùng diệt? Như Bồ Tát Ma-ha-tát đã trừ dứt tâm tham rồi, nhưng vì chúng sanh nên thị hiện có tham dục. Nhờ thị hiện như vậy giúp cho vô lượng vô biên chúng sanh [có thể đến] thưa hỏi và thọ nhận pháp lành, thành tựu trọn vẹn. Đó gọi là tâm và tham dục không cùng sanh nhưng cùng diệt.

“Thế nào là tâm và tham dục không cùng sanh, không cùng diệt? Đó là nói các vị A-la-hán, Duyên giác, chư Phật và chư Bồ Tát, trừ hàng Bồ Tát ở Bất động địa. Trường hợp của các vị này gọi là tâm và tham dục không cùng sanh, không cùng diệt. Vì nghĩa ấy, chư Phật, Bồ Tát không nói một cách nhất định rằng tánh của tâm vốn là tịnh hay vốn là bất tịnh.

“Thiện nam tử! Tâm này không hòa hợp với phiền não là tham, lại cũng không hòa hợp với sân, với si.

“Thiện nam tử! Ví như mặt trời, mặt trăng bị che khuất bởi khói bụi, mây mù và thân hình vị La-hầu.<sup>(49)</sup> Do nhân duyên ấy, chúng sanh không thấy được mặt trời, mặt

trăng. Tuy không thấy được, nhưng tánh của mặt trời, mặt trăng không hòa hợp với những thứ che khuất ấy. Tâm cũng như vậy, do nhân duyên mà sanh ra phiền não là tham dục. Tuy chúng sanh cho rằng tâm hợp với tham, nhưng tánh của tâm thật không hợp với tham. Nếu tâm tham tức là có tánh tham; nếu tâm không tham tức là có tánh không tham. Tâm không tham thì không thể tham; tâm phiền não tham thì không thể không tham.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên phiền não tham dục không thể làm ô nhiễm được tâm. Chư Phật, Bồ Tát phá trừ vĩnh viễn phiền não tham dục nên nói rằng tâm được giải thoát. Tất cả chúng sanh, do nhân duyên mà sanh ra phiền não tham dục; cũng do nhân duyên mà [dứt trừ phiền não tham dục,] tâm được giải thoát.

“Thiện nam tử! Ví như trên Tuyết sơn có chỗ cao vút hiểm trở, con người và loài khỉ đều không đến được. Lại có chỗ loài khỉ đến được nhưng con người không đến được. Lại cũng có chỗ con người và loài khỉ đều đi đến được.

“Thiện nam tử! Ở nơi con người và loài khỉ đều đến được, thợ săn thường lấy keo dính phết trên một tấm ván rồi dùng để bắt khỉ. Vì ngu si, khỉ đi đến lấy tay sờ, liền bị dính chặt tay vào đó. Vì muốn gỡ tay nên dùng chân đạp vào, liền bị dính cả chân. Vì muốn gỡ chân nên dùng miệng cắn vào, liền bị dính cả miệng. Như vậy, cả tay chân và miệng đều không thoát ra được. Khi ấy, thợ săn liền dùng gậy xô ngang qua, vác khỉ về nhà.

“Chỗ hiểm trở trên Tuyết sơn là ví như chỗ đạt được Chánh đạo của Phật, Bồ Tát. Con khỉ ví như kẻ phàm phu. Thợ săn ví như Ma Ba-tuần. Keo dính ví như phiền não tham dục.



“Chỗ con người và loài khỉ đều không đến được là ví như phàm phu và Ma vương Ba-tuần đều không đến được.

“Chỗ loài khỉ đến được, con người không đến được là ví như ngoại đạo có trí tuệ, các loại ác ma... tuy dùng năm dục cũng không thể trói buộc họ.

“Chỗ mà con người và loài khỉ đều đến được là ví như tất cả phàm phu và Ma Ba-tuần thường ở trong chốn sanh tử, không thể tu hành. Những kẻ phàm phu bị năm dục trói buộc, khiến Ma Ba-tuần dễ dàng bắt lấy mang đi, như thợ săn dùng keo dính mà bắt khỉ rồi mang về nhà.

“Thiện nam tử! Ví như một vị quốc vương sống ở nước mình, thân tâm đều được an vui. Nếu đến nước khác ắt phải chịu mọi sự khổ. Tất cả chúng sanh cũng vậy, nếu ở cảnh giới của họ, ắt được an vui; nếu đến cảnh giới khác ắt gặp ác ma, chịu các khổ não. Cảnh giới của họ là chỉ cho Bốn niệm xứ; cảnh giới khác là chỉ cho năm dục.

“Thế nào gọi là trói buộc với ma? Có những chúng sanh đối với vô thường lại thấy là thường, thường lại thấy là vô thường; đối với khổ lại thấy là vui, đối với vui lại thấy là khổ; đối với bất tịnh lại thấy là thanh tịnh, đối với thanh tịnh lại thấy là bất tịnh; đối với vô ngã thấy là ngã; đối với ngã thấy là vô ngã; không thật giải thoát lại sai lầm thấy là giải thoát; đối với chân thật giải thoát lại thấy là không giải thoát; chẳng phải giáo pháp lại thấy là giáo pháp; đối với giáo pháp lại thấy là chẳng phải giáo pháp. Những người như vậy gọi là trói buộc với ma. Trói buộc với ma thì tâm không được thanh tịnh.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nếu thấy rằng các pháp thật có tướng nhất định, hoặc chung, hoặc riêng, nên biết rằng người ấy khi thấy sắc liền tạo ra tướng sắc; cho

đến thấy thức cũng tạo ra tướng thức!<sup>(50)</sup> Khi thấy kẻ nam người nữ liền tạo ra tướng nam, tướng nữ; khi thấy ngày, tháng, năm liền tạo ra các tướng ngày, tháng, năm; cho đến khi thấy các ấm, nhập, giới liền tạo ra các tướng ấm, nhập, giới. Cách thấy như vậy gọi là trói buộc với ma. Trói buộc với ma thì tâm không được thanh tịnh.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nếu thấy bản ngã là sắc, hoặc trong sắc có bản ngã, hoặc trong bản ngã có sắc, hoặc sắc thuộc về bản ngã,... cho đến thấy bản ngã là thức, hoặc trong thức có bản ngã, hoặc trong bản ngã có thức, hoặc thức thuộc về bản ngã.<sup>(51)</sup> Những kẻ thấy như vậy đều là trói buộc với ma, chẳng phải đệ tử Phật.

“Thiện nam tử! Có những đệ tử Thanh văn lìa xa Mười hai bộ kinh của Như Lai, tu tập mọi thứ sách vở của ngoại đạo, chẳng tu hạnh nghiệp tịch diệt xuất gia, làm toàn những việc tại gia thế tục.

“Sao gọi là việc tại gia [thế tục]? Thọ nhận và chứa trữ tất cả những vật không trong sạch như tô trau trai gái, ruộng vườn, nhà cửa, voi ngựa, xe cộ, lạc đà, lừa, gà, chó, khỉ, heo, dê, mọi thứ lúa nếp; lìa xa những bậc xuất gia, thân cận và nương dựa người thế tục, trái nghịch lời dạy của Phật. Họ nói với những kẻ thế tục rằng: ‘Phật cho phép tỳ-kheo thọ nhận và chứa trữ mọi thứ bất tịnh.’ Đó gọi là làm toàn những việc tại gia [thế tục].

“Có những đệ tử không vì [mục đích đạt đến] Niết-bàn, chỉ vì lợi dưỡng mà gận gũi và nghe nhận Mười hai bộ kinh, sử dụng những chỗ ở, đồ dùng của chúng tăng và vật cúng dường của tín thí, y phục, thực phẩm... làm tài sản riêng của mình. Họ tham muốn nhà cửa kẻ khác, cho đến bỏ dỡ thân cận kẻ quyền thế. Họ dùng bói toán xem việc lành dữ, suy đoán chuyện nên hư, mê

chơi đủ các trò cờ bạc, ăn thua... Họ gần gũi các tỳ-kheo ni và những thiếu nữ chưa chồng, nuôi hai sa-di.<sup>(52)</sup> Họ thường đến nhà những người đồ tể, thợ săn, quán rượu và chỗ ở của hạng chiên-đà-la. Họ thường làm mọi việc mua bán; tự tay làm món ăn; nhận đi sứ đến các nước láng giềng, thông báo tin tức, mệnh lệnh [cho người thế tục]... Nên biết rằng những kẻ như vậy là quyến thuộc của ma, chẳng phải đệ tử Phật.

“Do nhân duyên ấy nên tâm và tham dục cùng sanh, cùng diệt. Cho đến tâm và si cùng sanh, cùng diệt, cũng giống như vậy.<sup>(53)</sup>”

“Thiện nam tử! Vì nhân duyên ấy nên tánh của tâm chẳng phải trong sạch, cũng chẳng phải không trong sạch. Cho nên ta nói rằng [có] tâm được giải thoát.

“Nếu có người không thọ nhận, chứa trữ tất cả những vật bất tịnh, vì [mục đích đạt đến] Đại Niết-bàn mà thọ trì, đọc tụng Mười hai bộ kinh, sao chép, giảng giải, nên biết rằng những người ấy là đệ tử chân thật của Phật, không đi đến cảnh giới của ác ma Ba-tuần. Đó là tu tập Ba mươi bảy phẩm đạo. Nhờ tu tập nên tâm và tham dục không cùng sanh, cùng diệt.

“Đó gọi là Bồ Tát tu hành kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu trọn vẹn công đức thứ tám.<sup>(54)</sup>”

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN HAI MƯƠI LĂM

## CHÚ GIẢI

1. Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 23, phẩm Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương phần thứ 5 (Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương phẩm chi ngũ).
2. Ba mươi bảy pháp trợ đạo (Tam thập thất trợ đạo chi pháp): Gồm có 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác phần, 8 thánh đạo.
3. Mười hai bộ kinh (Thập nhị bộ kinh): cũng gọi là Mười hai phần giáo, chỉ các hình thức thuyết giảng giáo lý, các Kinh điển được phân loại khác nhau.
4. Sáu pháp Ba-la-mật (Lục Ba-la-mật), cũng gọi là Lục độ, là các hạnh nguyện tu tập của Bồ Tát, gồm có Bồ thí Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiên định Ba-la-mật và Trí tuệ Ba-la-mật.
5. Bốn tâm vô lượng (Tứ vô lượng tâm): gồm có các tâm từ, bi, hỷ và xả, là những tâm lượng rộng lớn vô biên mà vị Bồ Tát khi tu tập phải sanh khởi hướng về tất cả chúng sanh, nên gọi là tâm vô lượng, cũng thường gọi là Đại từ, Đại bi, Đại hỷ và Đại xả.
6. Mười điều ác (Thập ác): 1. Sát sanh, 2. Trộm cướp, 3. Tà dâm (Ba điều ác này thuộc về thân nghiệp). 4. Vọng ngữ, 5. Ý ngữ (nói lời trau chuốt, vô nghĩa), 6. Lưỡng thiệt (nói đâm thọc, nói hai lưỡi), 7. Ác khẩu (nói lời ác độc, gây tổn thương người khác) (Bốn điều này thuộc về khẩu nghiệp) 8. Tham lam, 9. Sân hận, 10. Si mê hay tà kiến (Ba điều này thuộc về ý nghiệp).
7. Mười điều thiện (Thập thiện): Ngược lại với Mười điều ác, nghĩa là tự mình không phạm vào mười điều ác và khuyên người khác không làm mười điều ác cũng như thực hành những điều ngược lại như phóng sanh, bố thí, nói lời chân thật v.v...
8. Từ việc không giết hại cho đến tự mình thực hành Chánh kiến, ý nói tóm gọn cả Mười điều lành (Thập thiện nghiệp) như vừa nói ở đoạn trên.
9. Đây bắt đầu nói về pháp thứ hai trong bốn pháp làm nhân duyên đạt đến Đại Niết-bàn: Hết lòng nghe pháp.
10. Mười một pháp không (thập nhất không), bao gồm: 1. Nội không, 2. Ngoại không, 3. Nội ngoại không, 4. Hữu vi không, 5. Vô vi không, 6. Vô thủy không, 7. Tánh không, 8. Vô sở hữu không, 9. Đệ nhất nghĩa không, 10. Không không, 11. Đại không. Các pháp không này đã được Phật giảng rõ trong quyển 16.
11. Ở đây chỉ chung cả sáu pháp ba-la-mật (Lục ba-la-mật), nói đủ là gồm: Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiên định và Bát-nhã (Trí tuệ).
12. Phép quán xương trắng (bạch cốt quán): phép quán tưởng trong đó hành giả quán thân người như bộ xương trắng để thấy là không thật có, đây những sự như chớp và không bao lâu sẽ tan hoại.

13. Phép quán từ bi (từ bi quán): phép quán tưởng trong đó hành giả khởi tâm từ bi hướng đến tất cả chúng sanh.
14. Phép quán Mười hai nhân duyên (Thập nhị nhân duyên quán), còn gọi là quán Duyên khởi, trong đó hành giả quán chiếu sự sanh khởi của tất cả các pháp đều do nhân duyên hòa hợp mà có, thấy đều không có thật tướng, thật tánh.
15. Thuyền sư: người có khả năng chỉ huy con tàu vượt biển, cũng như thuyền trưởng ngày nay.
16. Bốn thứ độc (Tứ chủng độc): Bốn thứ độc hại của các loài rắn, loài trùng, loài ác quỷ, ác ma. Bao gồm: 1. Kiến độc: lấy mắt nhìn gây hại; 2. Xúc độc: xúc chạm vào người gây hại; 3. Khiết độc: cắn, gặm vào người gây hại; và 4. Hư độc (khí độc): thở ra hơi độc gây hại.
17. Trí túc mạng: trí tuệ thấy biết được những kiếp sống trước đây.
18. Bốn thứ ma (Tứ ma): 1. Phiền não ma, 2. Ấm ma (Ma ngũ ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức), 3. Tử ma (Ma chết), 4. Tha hóa tự tại thiên tử ma (Ma vương và thuộc hạ của ma vương ở cõi trời Tha hóa tự tại hiện đến).
19. Tên một cái hồ lớn, Phạn ngữ là Anavatapta, cũng phiên âm là A-nậu-đạt.
20. Thập thiện: cũng gọi là Thập thiện nghiệp, tức Mười điều lành.
21. Tín căn: tức lòng tin sâu vững nơi Tam bảo, nơi Chánh pháp của Phật truyền dạy.
22. Bốn bộ chúng (Tứ bộ chúng): cũng gọi là Tứ chúng, gồm: 1. Tỳ-kheo, 2. Tỳ-kheo ni, 3. Cư sĩ nam (Ưu-bà-tắc), và 4. Cư sĩ nữ (Ưu-bà-di). Tứ chúng được dùng chỉ chung tất cả Phật tử tại gia và xuất gia.
23. Năm sự che chướng (Ngũ cái): năm pháp ngăn che khiến pháp lành không thể nảy sanh, gồm có: 1. Tham dục, 2. Sân khuể, 3. Thụy miên (biếng nhác mê ngủ), 4. Trạo hối (xao động buồn rầu), 5. Nghi pháp (ngờ vực Chánh pháp).
24. Bảy phần giác (Thất giác chi): Bảy phần sáng suốt góp phần tạo nên trí tuệ giải thoát, hay bảy sự hiểu biết chân chánh về những khía cạnh khác nhau trên đường tu tập, bao gồm: 1. Trạch pháp giác chi (sự sáng suốt phân biệt chánh pháp và tà pháp, chọn lựa đúng giáo pháp chân chánh để hành trì), 2. Tinh tấn giác chi (sự sáng suốt biết tinh tấn, chuyên cần tu học chánh pháp), 3. Hỷ giác chi (sự sáng suốt biết vui sướng, hoan hỷ khi được chánh pháp), 4. Khinh an giác chi (sự sáng suốt thanh thản nhẹ nhàng, trừ bỏ mọi chướng ngại trên đường tu tập), 5. Niệm giác chi (sự sáng suốt thường niệm tưởng chánh pháp, Tam bảo), 6. Định giác chi (sự sáng suốt an trú trong chánh định, không tán loạn tâm ý) và 7. Xả giác chi (sự sáng suốt buông bỏ các tà pháp, ác pháp).
25. Về bốn công đức ở đây, chúng tôi chưa rõ chính xác là chỉ đến bốn công đức nào, nhưng tham khảo Phật Quang Đại từ điển có viết: “Nếu gần gũi người hiền thiện ắt được nghe Chánh pháp; nhờ được nghe Chánh pháp nên có đủ bốn công đức.” Xem ra cũng khá phù hợp với ý nghĩa văn kinh trong đoạn này. Vì thế chúng tôi xin trích dẫn giải thích của Phật Quang Đại từ điển về bốn công

đức này để quý độc giả tham khảo. “Bốn công đức (hay Tứ công đức xứ), dịch từ Phạn ngữ là *catvāri-adhiṣṭhānāni*, bao gồm 1. Tuệ đức xứ (*prajñā-adhiṣṭhāna*), chỉ việc nghe Chánh pháp nên được sinh ra trí tuệ lớn lao chân chánh; 2. Thật đức xứ (*satya-adhiṣṭhāna*), chỉ việc nhân nơi trí tuệ chân chánh nên thấy được chân lý về thật tánh của các pháp; 3. Xả đức xứ (*tyāga-adhiṣṭhāna*), gồm hai nghĩa, một là thí xả chỉ việc thực hành các việc tài thí (bố thí tài vật) và pháp thí (bố thí pháp, nghĩa là rộng truyền Chánh pháp khắp nơi); hai là trừ xả, chỉ việc thấu suốt lý chân không nên buông xả, dứt trừ mọi phiền não; 4. Tịch diệt đức xứ (*upaśamā-adhiṣṭhāna*), chỉ việc dứt trừ hết phiền não nên tâm đạt đến chỗ tịch diệt, vắng lặng an vui.”

26. Mười loại ủy dụ: Theo Niết-bàn kinh tập giải thì Mười loại ủy dụ này gồm Bát Thánh đạo cộng với chánh kiến và tâm giải thoát. Chánh kiến ở đây chỉ Vô sanh trí (無生智), và tâm giải thoát chỉ Phần tận trí (分盡智), là hai loại trí tuệ của bậc vô học.
27. Năm dục (Ngũ dục): Năm sự ham muốn, khi được thỏa mãn thì làm cho người ta cảm thấy vui thích, nên gọi là dục lạc. Gồm có: 1. Sắc dục: Ham muốn sắc đẹp. 2. Thanh dục: Ham muốn âm thanh êm dịu, thích tai. 3. Hương dục: Ham muốn mùi thơm. 4. Vị dục: Ham muốn vị ngon ngọt. 5. Xúc dục: Ham muốn sự đụng chạm êm ái.
28. Đại thứ năm: Tứ đại là địa (đất, tượng trưng cho chất rắn), thủy (nước, tượng trưng cho độ ẩm), hỏa (lửa, tượng trưng cho năng lượng), phong (gió, tượng trưng cho sự chuyển động). Hư không được thêm vào bốn đại này, gọi là đại thứ năm.
29. Túc vương quốc *Kausāmbī*, cũng phiên âm là Kiều-thưởng-di (橋賞彌), là một trong 16 nước lớn vào thời đức Phật, nằm ở vùng Trung Ấn.
30. Xem lại phẩm hạnh Anh nhi ở cuối quyển 20.
31. Tu-bạt-đà-la (*Subhada*), dịch nghĩa: Thiện Hiền. Vị đệ tử xuất gia cuối cùng của Phật, 120 tuổi. Lúc Phật gần nhập Niết-bàn, ông đến thọ pháp tỳ-kheo, liền đắc quả A-la-hán và nhập Niết-bàn trước Phật.
32. Họ Lê-xa cũng chính là họ Lục-sĩ đã nói ở đầu kinh, phiên âm từ chữ *Liṣavi*, cũng đọc là Ly-xa, là tộc họ có quyền thế nhất ở thành Câu-thi-na và thành Duy-da-ly vào thời bấy giờ. Tuy sự chuyển dịch trong bản Hán văn không được nhất quán nhưng vẫn là chỉ đến một tộc họ này.
33. Năm vị tỳ-kheo: tức nhóm 5 anh em ông Kiều-trần-như, những người đã từng cùng với Phật tu tập khổ hạnh trước đó. Sau khi Phật Chuyển Pháp luân, họ trở thành những tỳ-kheo đầu tiên trong Giáo hội.
34. Nguyên bản Hán văn dùng chữ chức (織) là đan dệt. Thiên Thai Niết-bàn số tư ký giảng rõ chữ này chỉ cho phiền não: 織是煩惱, 斷煩惱盡方名涅槃 - (Chức thị phiền não, đoạn phiền não tận phương danh Niết-bàn.) Chúng tôi xét thấy nghĩa này hoàn toàn phù hợp với văn cảnh nên chọn dịch là phiền não.

35. Tan rã rồi tụ họp (Phân tán tụ hiệp): Khi năm ấm tan rã, sự hiện hữu của một chúng sanh có vẻ như chấm dứt đối với những chúng sanh khác, gọi là chết; khi năm ấm tụ họp, một chúng sanh được hình thành đối với những chúng sanh khác, gọi là sanh ra. Vì thế, quán xét thật tánh thì thấy sự sống hay chết của chúng sanh chỉ là sự tụ họp hay tan rã của năm ấm (cũng gọi là năm uẩn).
36. Ba đời (tam thế): tức quá khứ, hiện tại và vị lai, chỉ chung dòng thời gian từ vô thủy đến vô chung.
37. Là năm kiến chấp (Ngũ kiến) hay nhận thức sai lầm thường gặp, cũng gọi là Năm ác kiến (Ngũ ác kiến). 1. Thân kiến còn gọi là ngã kiến, là nhận thức sai lầm cho rằng có một bản ngã riêng biệt tồn tại trong thực tại, làm chủ sở hữu các đối tượng trong vũ trụ. 2. Biên kiến là nhận thức sai lầm thiên lệch về một bên, hoặc chấp rằng đời sống là thường tồn (thường kiến), hoặc chấp rằng đời sống không tồn tại sau khi chết (đoạn kiến). 3. Tà kiến là nhận thức sai lầm về sự vật, không biết có nhân quả, nhân duyên. 4. Giới cấm thủ kiến là nhận thức sai lầm cố chấp vào các điều luật, giới luật sai lầm của ngoại đạo, chẳng hạn như tu hành khổ hạnh, cho rằng bám chặt theo đó có thể dẫn đến giải thoát. 5. Kiến thủ kiến, là nhận thức sai lầm không biết tiếp nhận chân lý, cố chấp vào một quan điểm sai lầm nào đó rồi lấy đó làm nền tảng để xây dựng các quan điểm khác, vì thế chắc chắn phải dẫn đến tất cả đều sai lầm.
38. Về con số 62 tà kiến, các bản kinh luận, sơ giải giải thích không giống nhau. Chúng tôi tham khảo thấy có nhiều khác biệt, nhưng tựu trung ở đây nên hiểu là tất cả những kiến giải sai lầm, không đúng thật về thực tại.
39. Sáu chỗ niệm tưởng chân chánh (Lục niệm xứ), là sáu đối tượng mà người tu tập thường nghĩ nhớ đến. Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng là thường nhớ nghĩ đến Tam bảo với lòng cung kính, kính ngưỡng. Niệm thiên là thường nhớ nghĩ đến các cõi trời, vì thế thường tu tập Mười điều lành. Niệm thí (cũng gọi là niệm xả) là thường nhớ nghĩ đến việc thực hành bố thí. Niệm giới là thường nhớ nghĩ đến các giới luật đã thọ nhận, dù xả bỏ thân mạng cũng không phạm vào.
40. Thủ-lăng-nghiêm, phiên âm từ Phạn ngữ *Sūraṅgama*, cũng đọc là Thủ-lăng-già-ma, dịch nghĩa là “kiện tướng”, “kiện hạnh” hay “nhất thiết sự cánh”.
41. Nguyên bản Hán văn dùng thạch nữ, dịch từ Phạn ngữ *vandhyā*, chỉ người đàn bà vô sanh (không thể sanh con) hoặc không có khả năng hành dâm. Các nhà tân dịch chuyển dịch chữ này là hư nữ (虛女).
42. Nhỏ gai nhọn trong không trung: chỉ việc vô ích, không cần làm, hoặc không thể làm. Nếu tâm vốn không có tham dục mà cố trừ tham dục thì chẳng khác gì cố nhỏ gai nhọn trong không trung, thật ra là điều vô ích, chẳng cần làm, và dù muốn cũng không thể làm vì trong không trung không thể nhỏ ra được gai nhọn. Nhưng chư Phật và Bồ Tát không dạy việc làm vô ích, nên ý muốn nói điều này là không hợp lý.
43. Vô sở hữu xứ là cảnh giới nằm dưới cảnh giới Phi phi tưởng. Phi phi tưởng và

Phi tưởng phi phi tưởng là những cảnh giới thuộc về Vô sắc giới. Khi hành giả tu thiền đạt định, thần thức lên đến cảnh giới Vô sở hữu xứ, vượt qua khỏi Vô sở hữu xứ thì đến Phi phi tưởng xứ. Nhưng Phi phi tưởng xứ cũng không phải cảnh giới hoàn toàn giải thoát, vì vẫn còn trong sanh tử.

44. Thiên Sơ địa: cũng viết: Sơ thiên, Sơ thiên định, Đệ nhất thiên.
45. Hỏa tai: Trong kinh Phật dạy rằng khi một đại kiếp sắp chấm dứt thì khởi lên một trận hỏa tai (nạn lửa), tiêu diệt thế giới đến tận cảnh giới Sơ thiên. Đây ý nói khi hỏa tai xảy ra thì chúng sanh trong cõi Dục giới do nhân duyên đó mà phát tâm tu tập đều đạt được cảnh giới Sơ thiên.
46. Nhờ tu phép quán xương trắng nên sanh tâm nhàm chán không còn tham dục. Vì diệt được tham dục nên nói là tâm không cùng diệt với tham dục.
47. Bốn quả thánh (Tứ thánh quả): là các địa vị tu chứng của hàng Thanh văn, gồm từ thấp lên cao: 1. quả Tu-đà-hoàn, 2. quả Tư-đà-hàm, 3. quả A-na-hàm, 4. quả A-la-hán. A-la-hán là quả vị cao nhất, cũng gọi là Niết-bàn của Tiểu thừa.
48. Bất động địa (Phạn: *acalā-bhūmi*): Địa vị thứ tám trong Thập địa của Bồ Tát.
49. La-hầu: Tức La-hầu A-tu-la vương (Vị vua của loài a-tu-la, tên là La-hầu). Trong quyển 24, Phật có dạy: “Như thân hình vị La-hầu, vua của loài a-tu-la là to lớn nhất trong các thân hình to lớn.”
50. Từ sắc cho đến thức: là muốn nói tóm gọn cả năm ấm, gồm sắc, thọ, tưởng, hành, thức.
51. Đây cũng là nói tóm gọn cả năm ấm, gồm cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức.
52. Theo giới luật thì vị tỳ-kheo hay trưởng lão không được cùng lúc nuôi dưỡng hai sa-di sống chung với nhau.
53. Đây muốn nói tóm gọn cả tham, sân và si đều là như vậy.
54. Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 23, bắt đầu quyển 24, phẩm Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương, phần thứ 6 (Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát phẩm chi lục).

# 大般涅槃經

## 卷第二十六

### 光明遍照高貴德王菩薩品

#### 第十之六

復次善男子。云何菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。具足成就第九功德。

善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。初發五事悉得成就。何等為五。一者信心。二者直心。三者戒。四者親近善友。五者多聞。

云何為信。菩薩摩訶薩信於三寶施有果報。信於二諦一乘之道更無異趣。為諸眾生速得解脫。諸佛菩薩分別為三。信第一義諦信善方便。是名為信。如是信者。若諸沙門若婆羅門若天魔梵。一切眾生所不能壞。因是信故得聖人性。修行布施若多若少。悉得近於大般涅槃不墮生死。戒聞智慧亦復如是。是名為信。雖有是信而亦不見。是為菩薩修大涅槃成就初事。

云何直心。菩薩摩訶薩於諸眾生作質直心。一切眾生若遇因緣則生諂曲。菩薩不爾。何以故。善解諸

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ NHỊ THẬP LỤC

### QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT PHẨM

#### ĐỆ THẬP CHI LỤC

Phục thứ, thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát, tu Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển cụ túc thành tựu Đệ cửu công đức?

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát tu Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển, sơ phát ngũ sự tất đắc thành tựu. Hà đẳng vi ngũ? Nhất giả Tín tâm. Nhị giả Trục tâm. Tam giả giới. Tứ giả thân cận thiện hữu. Ngũ giả đa văn.

Vân hà vi tín? Bồ Tát ma-ha-tát tín ư Tam bảo, thí hữu quả báo, tín ư nhị đế, Nhất thừa chi đạo cánh vô dị thú; vị chư chúng sanh, tốc đắc giải thoát chư Phật, Bồ Tát phân biệt vi tam. Tín Đệ nhất nghĩa đế, tín thiện phương tiện. Thị danh vi tín. Như thị tín giả, nhược chư sa-môn, nhược bà la-môn, nhược thiên ma, Phạm, nhất thiết chúng sanh sở bất năng hoại. Nhân thị tín cố, đắc thánh nhân tánh; tu hành bố thí, nhược đa nhược thiếu, tất đắc cận ư Đại Bát Niết-bàn, bất dọa sanh tử. Giới, văn trí tuệ, diệu phục như thị. Thị danh vi tín. Tuy hữu thị tín, nhi diệu bất kiến. Thị vi Bồ Tát tu Đại Niết-bàn, thành tựu sơ sự.

Vân hà trục tâm? Bồ Tát ma-ha-tát ư chư chúng sanh tác chất trục tâm. Nhất thiết chúng sanh, nhược ngộ nhân duyên, tác sanh siểm khúc. Bồ Tát bất nhĩ. Hà dĩ cố? Thiện giải chư

法悉因緣故。菩薩摩訶薩雖見眾生諸惡過咎終不說之。何以故。恐生煩惱。若生煩惱則墮惡趣。如是菩薩若見眾生有少善事則讚歎之。云何為善。所謂佛性。讚佛性故令諸眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩白佛言。世尊。如佛所說菩薩摩訶薩讚歎佛性。令無量眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。是義不然。何以故。如來初開涅槃經時說有三種。一者若有病人。得良醫藥及瞻病者病則易瘥。如其不得則不可愈。二者若得不得悉不可瘥。三者若得不得悉皆可瘥。

一切眾生亦復如是。一者若遇善友諸佛菩薩聞說妙法。則得發於阿耨多羅三藐三菩提心。如其不遇則不能發。所謂須陀洹斯陀含阿那含阿羅漢辟支佛。二者雖遇善友諸佛菩薩聞說妙法亦不能發。若其不遇亦不能發。謂一闡提。三者若遇不遇一切悉能發阿耨多羅三藐三菩提心。所謂菩薩。

若言遇與不遇悉發阿耨多羅三藐三菩提心者。如來今者云何說。言因讚佛性。令諸眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。

世尊。若遇善友諸佛菩薩聞說妙法及以不遇。悉不能發阿耨多羅三藐三菩提心。當知是義亦復不

pháp tất nhân duyên cố. Bồ Tát ma-ha-tát, tuy kiến chúng sanh chư ác quá cứu, chung bát thuyết chi. Hà dĩ cố? Khủng sanh phiền não. Nhược sanh phiền não tắc đọa ác thú. Như thị Bồ Tát nhược kiến chúng sanh hữu thiếu thiện sự, tắc tán thân chi. Vân hà vi thiện? Sở vị Phật tánh. Tán Phật tánh cố, linh chư chúng sanh phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

Nhĩ thời, Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát ma-ha-tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, Bồ Tát ma-ha-tát tán thân Phật tánh, linh vô lượng chúng sanh phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Như Lai sơ khai Niết-bàn Kinh thời, thuyết hữu tam chủng: Nhất giả, nhược hữu bệnh nhân đắc lương y, dược cập chiêm bệnh giả, bệnh tắc dị sái. Như kỳ bất đắc, tắc bất khả dĩ. Nhị giả, nhược đắc, bất đắc, tất bất khả sái. Tam giả, nhược đắc, bất đắc, tất giai khả sái.

Nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị: Nhất giả, nhược ngộ thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát, văn thuyết Diệu pháp, tắc đắc phát ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Như kỳ bất ngộ, tắc bất năng phát. Sở vị: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật. Nhị giả, tuy ngộ thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát, văn thuyết Diệu pháp, diệc bất năng phát. Nhược kỳ bất ngộ, diệc bất năng phát. Vị nhất-xiển-đề. Tam giả, nhược ngộ, bất ngộ, nhất thiết tất năng phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Sở vị Bồ Tát.

Nhuộc ngôn ngộ dĩ bất ngộ, tất phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả. Như Lai kim giả vân hà thuyết ngôn nhân tán Phật tánh, linh chư chúng sanh phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm?

Thế Tôn, nhược ngộ thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát, văn thuyết diệu pháp cập dĩ bất ngộ, tất bất năng phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Đương tri thị nghĩa diệc phục

然。何以故。如是之人當得阿耨多羅三藐三菩提故。一闍提輩以佛性故。若聞不聞悉亦當得阿耨多羅三藐三菩提故。

世尊。如佛所說何等名為一闍提耶。謂斷善根。如是之義亦復不然。何以故。不斷佛性故。如是佛性理不可斷。云何佛說斷諸善根。如佛往昔說十二部經。善有二種。一者常。二者無常。常者不斷。無常者斷。無常可斷故墮地獄常不可斷何故不遮佛性不斷非一闍提。如來何故作如是說言一闍提。

世尊。若因佛性發阿耨多羅三藐三菩提心。何故如來廣為眾生說十二部經。

世尊。譬如四河從阿那婆踏多池出。若有天人諸佛世尊。說言是河不入大海當還本源。無有是處。菩提之心亦復如是。有佛性者。若聞不聞若戒非戒若施非施若修不修若智非智。悉皆應得阿耨多羅三藐三菩提。

世尊。如優陀延山日從中出至於正南。日若念言我不至西還東方者。無有是處。佛性亦爾。若不聞不戒不施不修不智。不得阿耨多羅三藐三菩提者。無有是處。

世尊。諸佛如來說因果性非有非無。如是之義是亦不然。何以故。如其乳中無酪性者則無有酪。

bất nhiên. Hà dĩ cố? Như thị chi nhân đương đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề cố. Nhất-xiển-đề bối, dĩ Phật tánh cố, nhược văn, bất văn, tất diệc đương đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề cố.

Thế Tôn Như Phật sở thuyết, hà đẳng danh vi nhất-xiển-đề da? Vị đoạn thiện căn. Như thị chi nghĩa, diệc phục bất nhiên. Hà dĩ cố? Bất đoạn Phật tánh cố. Như thị Phật tánh, lý bất khả đoạn. Vân hà Phật thuyết đoạn chư thiện căn? Như Phật vãng tích, thuyết Thập nhị bộ kinh, thiện hữu nhị chủng: nhất giả Thường, nhị giả vô thường. Thường giả bất đoạn, vô thường giả đoạn. Vô thường khả đoạn, cố đọa địa ngục. Thường bất khả đoạn, hà cố bất giả? Phật tánh bất đoạn, phi nhất-xiển-đề. Như Lai hà cố tác như thị thuyết, ngôn nhất-xiển-đề?

Thế Tôn! Nhược nhân Phật tánh phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, hà cố Như Lai quảng vị chúng sanh thuyết Thập nhị bộ kinh?

Thế Tôn! Thí như tứ hà, tùng A-na-bà-đạp-đa trì xuất. Nhược hữu thiên nhân, chư Phật Thế Tôn thuyết ngôn thị hà bất nhập đại hải, đương hoàn bản nguyên, vô hữu thị xứ. Bồ-đề chi tâm diệc phục như thị; hữu Phật tánh giả, nhược văn, bất văn, nhược giới, phi giới, nhược thí, phi thí, nhược tu, bất tu, nhược trí, phi trí, tất giai ưng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thế Tôn! Như Ưu-đà-diên sơn, nhật tùng trung xuất, chí ư chánh nam. Nhật nhược niệm ngôn: Ngã bất chí tây, hoàn đông phương giả, vô hữu thị xứ! Phật tánh diệc nhĩ; nhược bất văn, bất giới, bất thí, bất tu, bất trí, bất đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, vô hữu thị xứ!

Thế Tôn! Chư Phật Như Lai thuyết nhân quả tánh phi hữu phi vô; như thị chi nghĩa, thị diệc bất nhiên. Hà dĩ cố? Như

尼拘陀子無五丈性者則不能生五丈之質。若佛性中無阿耨多羅三藐三菩提樹者。云何能生阿耨多羅三藐三菩提樹。以是義故。所說因果非有非無。如是之義云何相應。

爾時世尊讚言。善哉善哉。善男子。世有二人甚為希有如優曇花。一者不行惡法。二者有罪能悔。如是之人甚為希有。復有二人。一者作恩。二者念恩。復有二人。一者諮受新法。二者溫故不忘。復有二人。一者造新。二者修故。復有二人。一樂聞法。二樂說法。復有二人。一善問難。二善能答。善問難者汝身是也。善能答者謂如來也。

善男子。因是善問即得轉于無上法輪。能枯十二因緣大樹。能度無邊生死大河。能與魔王波旬共戰。能摧波旬所立勝幢。

善男子。如我先說三種病人值遇良醫瞻病好藥及以不遇病悉得瘥。是義云何。若得不得謂定壽命。所以者何。是人已於無量世中修三種善。謂上中下。以修如是三種善故得定壽命。如鬱單越人壽命千年。有遇病者。若得良醫好藥瞻病及以不得悉皆得瘥。何以故。得定命故。

善男子。如我所說若有病人得遇良醫好藥瞻病得除瘥。若不遇者則不得瘥。是義云何。善男

kỳ nhũ trung, vô lạc tánh giả, tác vô hữu lạc! Ni-câu-đà tử vô ngũ trượng tánh giả, tác bất năng sanh ngũ trượng chi chất. Nhược Phật tánh trung, vô A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thọ giả, vân hà năng sanh A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thọ? Dĩ thị nghĩa cố, sở thuyết nhân quả, phi hữu phi vô, như thị chi nghĩa vân hà tương ưng?

Nhĩ thời, Thế Tôn tán ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Thế hữu nhị nhân thậm vi hy hữu, như ưu-đàm hoa: nhất giả bất hành ác pháp, nhị giả hữu tội năng hối. Như thị chi nhân thậm vi hy hữu. Phục hữu nhị nhân: nhất giả tác ân, nhị giả niệm ân. Phục hữu nhị nhân: nhất giả tư thọ tân pháp, nhị giả ôn cố bất vong. Phục hữu nhị nhân: nhất giả tạo tân, nhị giả tu cố. Phục hữu nhị nhân: nhất nhạo văn pháp, nhị nhạo thuyết pháp. Phục hữu nhị nhân: nhất thiện vấn nạn, nhị thiện năng đáp. Thiện vấn nạn giả, nhũ thân thị dã. Thiện năng đáp giả, vị Như Lai dã.

Thiện nam tử! Nhân thị thiện vấn, tức đắc chuyển vu vô thượng pháp luân, năng khô thập nhị nhân duyên đại thọ, năng độ vô biên sanh tử đại hà, năng dữ Ma vương Ba-tuần cộng chiến, năng tột Ba-tuần sở lập thắng tràng.

Thiện nam tử! Như ngã tiên thuyết tam chủng bệnh nhân. Trị ngộ lương y, chiêm bệnh, hảo dược cập dĩ bất ngộ bệnh tất đắc sái. Thị nghĩa vân hà? Nhược đắc, bất đắc, vị định thọ mạng. Sở dĩ giả hà? Thị nhân dĩ ư vô lượng thế trung, tu tam chủng thiện, vị: thượng, trung, hạ. Dĩ tu như thị tam chủng thiện cố, đắc định thọ mạng. Như Uất-đan-việt nhân, thọ mạng thiên niên, hữu ngộ bệnh giả, nhược đắc lương y, hảo dược, chiêm bệnh cập dĩ bất đắc, tất giai đắc sái. Hà dĩ cố? Đắc định mạng cố.

Thiện nam tử! Như ngã sở thuyết, nhược hữu bệnh nhân đắc ngộ lương y, hảo dược, chiêm bệnh, bệnh đắc trừ sái. Nhược bất ngộ giả, tác bất đắc sái. Thị nghĩa vân hà? Thiện nam tử!



子。如是之人壽命不定。命雖不盡有九因緣能夭其壽。何等為九。一者知食不安而反食之。二者多食。三者宿食未消而復更食。四者大小便利不隨時節。五者病時不隨醫教。六者不隨瞻病教救。七者強耐不吐。八者夜行。以夜行故惡鬼打之。九者房室過度。以是緣故。我說病者若遇醫藥病則可瘥。若不遇者則不可愈。

善男子。如我先說若遇不遇俱不瘥者。是義云何。有人命盡若遇不遇悉不可瘥。何以故。以命盡故。以是義故我說病人若遇醫藥及以不遇悉不得瘥。

眾生亦爾。發菩提心者。若遇善友諸佛菩薩諮受深法若不遇之皆悉當成。何以故。以其能發菩提心故。如鬱單越人得定壽命。

如我所說從須陀洹至辟支佛。若聞善友諸佛菩薩所說深法。則發阿耨多羅三藐三菩提心。若不值遇諸佛菩薩聞說深法。則不能發阿耨多羅三藐三菩提心。如不定命。以九因緣命則中夭。如彼病人值遇醫藥病則得瘥。若不遇者病則不瘥。是故我說遇佛菩薩聞說深法則能發心。若不值遇則不能發。

如我先說若遇善友諸佛菩薩聞說深法。若不值遇俱不能發。是義云何。善男子。一闍提輩若遇善友諸佛菩薩聞說深法。及以不遇俱不得離一闍提

Như thị chi nhân, thọ mạng bất định. Mạng tuy bất tận, hữu cữu nhân duyên năng yếu kỳ thọ. Hà đẳng vi cứu? Nhất giả tri tự bất an, nhi phản thực chi. Nhị giả đa thực. Tam giả túc tự vị tiêu, nhi phục cánh thực. Tứ giả đại tiểu tiện lợi bất tùy thời tiết. Ngũ giả bệnh thời, bất tùy y giáo. Lục giả bất tùy chiêm bệnh giáo sắc. Thất giả cưỡng nại bất thổ. Bát giả dạ hành. Dĩ dạ hành cố, ác quỷ đả chi. Cửu giả phòng thất quá độ. Dĩ thị duyên cố, ngã thuyết bệnh giả nhược ngộ y dược, bệnh tắc khả sái. Nhược bất ngộ giả, tắc bất khả dĩ.

Thiện nam tử! Như ngã tiên thuyết, nhược ngộ, bất ngộ, câu bất sái giả. Thị nghĩa vân hà? Hữu nhân mạng tận, nhược ngộ, bất ngộ, tất bất khả sái. Hà dĩ cố? Dĩ mạng tận cố. Dĩ thị nghĩa cố, ngã thuyết bệnh nhân nhược ngộ y dược cập dĩ bất ngộ, tất bất đắc sái.

Chúng sanh diệc nhĩ. Phát Bồ-đề tâm giả, nhược ngộ thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát, tư thọ thâm pháp, nhược bất ngộ chi, giai tất đương thành. Hà dĩ cố? Dĩ kỳ năng phát Bồ-đề tâm cố, như Uất-đan-việt nhân đắc định thọ mạng.

Như ngã sở thuyết, từng Tu-đà-hoàn chí Bích-chi Phật, nhược văn thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát sở thuyết thâm pháp, tắc phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Nhược bất tri ngộ chư Phật, Bồ Tát, văn thuyết thâm pháp, tắc bất năng phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Như bất định mạng, dĩ cữu nhân duyên, mạng tắc trung yếu. Như bỉ bệnh nhân tri ngộ y dược, bệnh tắc đắc sái. Nhược bất ngộ giả, bệnh tắc bất sái. Thị cố ngã thuyết: Ngộ Phật, Bồ Tát, văn thuyết thâm pháp, tắc năng phát tâm. Nhược bất tri ngộ, tắc bất năng phát.

Như ngã tiên thuyết: nhược ngộ Thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát, văn thuyết thâm pháp, nhược bất tri ngộ, câu bất năng phát. Thị nghĩa vân hà? Thiện nam tử! Nhất-xiển-đề bối, nhược ngộ Thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát, văn thuyết thâm

心。何以故。斷善法故。一闍提輩亦得阿耨多羅三藐三菩提。所以者何。若能發於菩提之心則不復名一闍提也。

善男子。以何緣故說一闍提得阿耨多羅三藐三菩提。一闍提輩實不能得阿耨多羅三藐三菩提。如命盡者雖遇良醫好藥瞻病不能得瘥。何以故。以命盡故。

善男子。一闍提名信。提名不具。不具信故名一闍提。佛性非信眾生非具。以不具故云何可斷。

一闍提名善方便。提名不具。修善方便不具足故名一闍提。佛性非是修善方便。眾生非具以不具故。云何可斷。

一闍提名進。提名不具。進不具故名一闍提。佛性非進眾生非具。以不具故云何可斷。

一闍提名念。提名不具。念不具故名一闍提。佛性非念眾生非具。以不具故云何可斷。

一闍提名定提名不具。定不具故名一闍提。佛性非定眾生非具。以不具故云何可斷。

一闍提名慧提名不具。慧不具故名一闍提。佛性非慧眾生非具。以不具故云何可斷。

pháp cập dĩ bất ngộ, câu bất đắc ly nhất-xiển-đề tâm. Hà dĩ cố? Đoạn thiện pháp cố. Nhất-xiển-đề bô diệt đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Sở dĩ giả hà? Nhược năng phát ư Bồ-đề chi tâm, tác bất phục danh nhất-xiển-đề dã.

Thiện nam tử! Dĩ hà duyên cố, thuyết nhất-xiển-đề đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề? Nhất-xiển-đề bô thật bất năng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Như mạng tận giả tuy ngộ lương y, hảo dược, chiêm bệnh, bất năng đắc sái. Hà dĩ cố? Dĩ mạng tận cố.

Thiện nam tử! Nhất-xiển, danh tín; đề, danh bất cụ. Bất cụ tín cố, danh nhất-xiển-đề. Phật tánh phi Tín; chúng sanh phi cụ; dĩ bất cụ cố, vân hà khả đoạn?

Nhất-xiển, danh thiện phương tiện; đề, danh bất cụ. Tu thiện phương tiện bất cụ túc cố, danh nhất-xiển-đề. Phật tánh phi thị tu thiện phương tiện; chúng sanh phi cụ; dĩ bất cụ cố, vân hà khả đoạn?

Nhất-xiển, danh tấn; đề, danh bất cụ. Tấn bất cụ cố, danh nhất-xiển-đề. Phật tánh phi tấn; chúng sanh phi cụ; dĩ bất cụ cố, vân hà khả đoạn?

Nhất-xiển, danh niệm; đề, danh bất cụ. Niệm bất cụ cố, danh nhất-xiển-đề. Phật tánh phi niệm; chúng sanh phi cụ; dĩ bất cụ cố, vân hà khả đoạn?

Nhất-xiển, danh định; đề, danh bất cụ. Định bất cụ cố, danh nhất-xiển-đề. Phật tánh phi định; chúng sanh phi cụ. Dĩ bất cụ cố, vân hà khả đoạn?

Nhất-xiển, danh tuệ; đề, danh bất cụ. Tuệ bất cụ cố, danh nhất-xiển-đề. Phật tánh phi tuệ; chúng sanh phi cụ; dĩ bất cụ cố, vân hà khả đoạn?

一闡名無常善。提名不具。以無常善不具足故名一闡提。佛性是常非善非不善。何以故善法要從方便。而得。而是佛性非方便得是故非善。何故復名非不善耶。能得善果故。善果者即是阿耨多羅三藐三菩提。又善法者生已得故。而是佛性非生已得是故非善。以斷生得諸善法故名一闡提。

善男子。如汝所言若一闡提有佛性者。云何不遮地獄之罪。

善男子。一闡提中無有佛性。

善男子。譬如有王聞箜篌音。其聲清妙心即耽著喜樂愛念情無捨離。即告大臣。如是妙音從何處出。大臣答言。如是妙音從箜篌出。王復語言。持是聲來。爾時大臣即持箜篌置於王前而作是言。大王。當知此即是聲。王語箜篌出聲出聲。而是箜篌聲亦不出。爾時大王即斷其絃聲亦不出。取其皮木悉皆析裂，推求其聲了不能得。爾時大王即瞋大臣。云何乃作如是妄語。大臣白王。夫取聲者法不如是。應以眾緣善巧方便聲乃出耳。

眾生佛性亦復如是無有住處。以善方便故得可見。以可見故得阿耨多羅三藐三菩提。一闡提輩不見佛性。云何能遮三惡道罪。

Nhất xiển danh vô thường thiện; đề, danh bất cụ; dĩ vô thường thiện bất cụ túc cố, danh nhất-xiển-đề. Phật tánh thị thường, phi thiện, phi bất thiện. Hà dĩ cố? Thiện pháp, yếu tùng phương tiện nhi đắc. Nhi thị Phật tánh phi phương tiện đắc; thị cố phi thiện. Hà cố phục danh phi bất thiện da? Năng đắc thiện quả cố. Thiện quả giả, tức thị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Hựu thiện pháp giả, sanh dĩ đắc cố. Nhi thị Phật tánh phi sanh dĩ đắc; thị cố phi thiện. Dĩ đoạn sanh đắc chư thiện pháp cố, danh nhất-xiển-đề.

Thiện nam tử! Như nhữ sở ngôn: Nhược Nhất-xiển-đề hữu Phật tánh giả, vân hà bất già địa ngục chi tội?

Thiện nam tử! Nhất-xiển-đề trung, vô hữu Phật tánh.

Thiện nam tử! Thí như hữu vương, văn không hầu âm, kỳ thanh thanh diệu, tâm tức đam trước, hỷ lạc ái niệm; tình vô xả ly. Tức cáo đại thần: Như thị diệu âm tùng hà xứ xuất? Đại thần đáp vương: Như thị diệu âm tùng không hầu xuất. Vương phục ngữ ngôn: Trì thị thanh lai. Nhĩ thời, đại thần tức trì không hầu, trí ư vương tiền, nhi tác thị ngôn: Đại vương! Đương trì thủ tức thị thanh. Vương ngữ không hầu: Xuất thanh! Xuất thanh. Nhi thị không hầu, thanh diệu bất xuất. Nhĩ thời, Đại vương tức đoạn kỳ huyền; thanh diệu bất xuất. Thủ kỳ bì, mộc, tất giai tích liệt, thôi câu kỳ thanh, liễu bất năng đắc. Nhĩ thời, đại vương tức sân đại thần: Vân hà nãi tác như thị vọng ngữ? Đại thần bạch vương: Phù thủ thanh giả, pháp bất như thị. Ứng dĩ chúng duyên, thiện xảo phương tiện, thanh nãi xuất nhĩ.

Chúng sanh Phật tánh diệt phục như thị; vô hữu trụ xứ. Dĩ thiện phương tiện, cố đắc khả kiến. Dĩ khả kiến cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nhất-xiển-đề bối bất kiến Phật tánh, vân hà năng già Tam ác đạo tội?

善男子。若一闍提信有佛性。當知是人不至三惡。是亦不名一闍提也。以不自信有佛性故即墮三惡。墮三惡故名一闍提。

善男子。如汝所說若乳無酪性不應出酪。尼拘陀子無五丈性。則不應有五丈之質。愚癡之人作如是說。智者終不發如是言。何以故。以無性故。

善男子。如其乳中有酪性者。不應復假眾緣力也。善男子。如水乳雜臥至一月終不成酪。若以一滴頗求樹汁。投之於中即便成酪。若本有酪何故待緣。眾生佛性亦復如是。假眾緣故則便可見。假眾緣故得成阿耨多羅三藐三菩提。若待眾緣然後成者即是無性。以無性故能得阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。以是義故。菩薩摩訶薩常讚人善不訟彼缺名質直心。

復次善男子。云何菩薩質直心也。菩薩摩訶薩常不犯惡設有過失即時懺悔。於師同學終不覆藏。慚愧自責不敢復作。於輕罪中生極重想。若人詰問答言實犯。復問是罪為好不好。答言不好。復問是罪為善不善。答言不善。復問是罪是善果耶不善果耶。答言是罪實非善果。又問是罪誰之所造。將非諸佛法僧汝所作耶。答言非佛法僧我所作也。乃是煩惱之所構集。

Thiện nam tử! Nhược nhất-xiển-đề tín hữu Phật tánh, đương tri thị nhân bất chí Tam ác, thị diệc bất danh nhất-xiển-đề dã. Dĩ bất tự tín hữu Phật tánh cố, tức đọa tam ác; đọa tam ác cố, danh nhất-xiển-đề.

Thiện nam tử! Như nhũ sở thuyết: Nhược nhũ vô lạc tánh, bất ưng xuất lạc. Ni-câu-đà tử vô ngũ trượng tánh, tắc bất ưng hữu ngũ trượng chi chất. Ngu si chi nhân tác như thị thuyết; trí giả chung bất phát như thị ngôn. Hà dĩ cố? Dĩ vô tánh cố.

Thiện nam tử! Như kỳ nhũ trung, hữu lạc tánh giả, bất ưng phục giả chúng duyên lực dã! Thiện nam tử! Như thủy, nhũ tạp ngọa chí nhất ngoạt, chung bất thành lạc. Nhược dĩ nhất trích phả câu thọ trấp, đầu chi ư trung, tức tiện thành lạc. Nhược bốn hữu lạc, hà cố đãi duyên? Chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị; giả chúng duyên cố, tắc tiện khả kiến; giả chúng duyên cố, đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nhược đãi chúng duyên, nhiên hậu thành giả, tức thị vô tánh. Dĩ vô tánh cố, năng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát ma-ha-tát thường tán nhân thiện, bất tụng bỉ khuyết; danh chất trực tâm.

Phục thứ, thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát chất trực tâm dã? Bồ Tát ma-ha-tát thường bất phạm ác. Thiết hữu quá thất, tức thời sám hối; ư sư, đồng học, chung bất phú tàng. Tàm quý tự trách, bất cảm phục tác. Ứ khinh tội trung, sanh cực trọng tưởng. Nhược nhân cật vấn, đáp ngôn thật phạm. Phục vấn: Thị tội vi hảo, bất hảo? Đáp ngôn: Bất hảo. Phục vấn: Thị tội vi thiện, bất thiện? Đáp ngôn: Bất thiện. Phục vấn. Thị tội thị thiện quả da, bất thiện quả da? Đáp ngôn: Thị tội thật phi thiện quả. Hựu vấn: Thị tội, thù chi sở tạo? Tương phi chư Phật, Pháp, Tăng, nhũ sở tác da? Đáp ngôn: Phi Phật, Pháp, Tăng, ngã sở tác dã; nãi thị phiền não chi sở cấu tập.

以直心故信有佛性。信佛性故則不得名一闍提也。以直心故名佛弟子。若受眾生衣服飲食臥具醫藥種各千萬不足為多。是名菩薩質直心也。

云何菩薩修持於戒。菩薩摩訶薩受持禁戒。不為生天不為恐怖。乃至不受狗戒雞戒牛戒雉戒。不作破戒不作缺戒。不作瑕戒，不作雜戒。不作聲聞戒。受持菩薩摩訶薩戒尸羅波羅蜜戒。得具足戒不生憍慢。是名菩薩修大涅槃具足第三戒。

云何菩薩親近善友。菩薩摩訶薩常為眾生說於善道不說惡道。說於惡道非善果報。

善男子。我身即是一切眾生真善知識。是故能斷富伽羅婆羅門所有邪見。

善男子。若有眾生親近我者。雖有生於地獄因緣即得生天。如須那剎多羅等應墮地獄。以見我故即得斷除地獄因緣生於色天。雖有舍利弗目犍連等不名眾生真善知識。何以故。生一闍提心因緣故。

善男子。我昔住於波羅奈國時。舍利弗教二弟子。一觀白骨。一令數息。經歷多年各不得定。以是因緣即生邪見。言無涅槃無漏之法。設其有者我應得之。何以故。我能善持所受戒故。我於爾時見是比丘生此邪心。喚舍利弗而呵責之汝不善教。云

Dĩ trực tâm cố, tín hữu Phật tánh. Tín Phật tánh cố, tắc bất đắc danh nhất-xiển-đề dã. Dĩ trực tâm cố, danh Phật đệ tử. Nhược thọ chúng sanh y phục, ẩm thực, ngoạ cụ, y dược, chủng các thiên vạn, bất túc vi đa. Thị danh Bồ Tát chất trực tâm dã.

Vân hà Bồ Tát tu trì ư giới? Bồ Tát ma-ha-tát, thọ trì cấm giới, bất vị sanh thiên, bất vị khủng bố; nãi chí bất thọ cầu giới, kê giới, ngư giới, trĩ giới. Bất tác phá giới, bất tác khuyết giới, bất tác hà giới, bất tác tạp giới, bất tác Thanh văn giới thọ trì Bồ Tát ma-ha-tát giới, Thi-la Ba-la-mật giới, đắc cụ túc giới, bất sanh kiêu mạn. Thị danh Bồ Tát, tu Đại Niết-bàn, cụ Đệ tam giới.

Vân hà Bồ Tát thân cận thiện hữu? Bồ Tát ma-ha-tát thường vị chúng sanh, thuyết ư thiện đạo, bất thuyết ác đạo; thuyết ư ác đạo, phi thiện quả báo.

Thiện nam tử! Ngã thân túc thị nhất thiết chúng sanh chân thiện tri thức. Thị cố năng đoạn Phú-già-la Bà-la-môn sở hữu tà kiến.

Thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh thân cận ngã giả, tuy hữu sanh ư địa ngục nhân duyên, túc đắc sanh thiên. Như Tu-na-sát-đa-la đẳng, ưng đọa địa ngục; dĩ kiến ngã cố, túc đắc đoạn trừ địa ngục nhân duyên, sanh ư Sắc thiên. Tuy hữu Xá-lợi-phát, Mục-kiên-liên đẳng, bất danh chúng sanh chân thiện tri thức. Hà dĩ cố? Sanh nhất-xiển-đề tâm nhân duyên cố.

Thiện nam tử! Ngã tích trụ ư Ba-la-nại quốc thời, Xá-lợi-phát giáo nhĩ đệ tử, nhất quán bạch cốt, nhất linh số túc. Kinh lịch đa niên, các bất đắc định. Dĩ thị nhân duyên, túc sanh tà kiến, ngôn: Vô Niết-bàn vô lậu chi pháp. Thiết kỳ hữu giả, ngã ưng đắc chi. Hà dĩ cố? Ngã năng thiện trì sở thọ giới cố. Ngã ư nhĩ thời kiến thị tỳ-kheo sanh thủ tà tâm, hoán Xá-lợi-phát

何乃為是二弟子顛倒說法。汝二弟子其性各異。一主浣衣一是金師。金師之子應教數息。浣衣之人應教骨觀。以汝錯教令是二人生於惡邪。我於爾時為是二人如應說法。二人聞已得阿羅漢果。是故我為一切眾生真善知識。非舍利弗目犍連等。

若使眾生有極重結得遇我者。我以方便即為斷之。如我弟難陀有極重欲。我以種種善巧方便而為除斷。

鶖掘魔羅有重瞋恚。以見我故瞋恚即息。

阿闍世王有重愚癡。以見我故癡心即滅。

如婆熙伽長者於無量劫修習成就極重煩惱。以見我故即便斷滅。

設有弊惡廝下之人親近於我，作弟子者。以是因緣一切人天恭敬愛念。

尸利鞠多邪見熾盛因見我故邪見即滅。

因見我故斷地獄因作生天緣，如氣噓旃陀羅。

命垂終時因見我故還得壽命。如憍尸迦。

狂心錯亂因見我故還得本心。如瘦瞿曇彌。

屠家之子常修惡業以見我故即便捨離，如闍提比丘。

因見我故寧捨身命不毀禁戒。如草繫比丘。

nhì ha trách chi: Nhữ bất thiện giáo. Vân hà nãi vị thị nhĩ đệ tử, diên đảo thuyết pháp? Nhữ nhĩ đệ tử, kỳ tánh các dị: nhất chủ cán y; nhất thị kim sư. Kim sư chi tử, ứng giáo số tức. Cán y chi nhân, ứng giáo cốt quán. Dĩ nhữ thác giáo, linh thị nhĩ nhân sanh ư ác tà. Ngã ư nhĩ thời vị thị nhĩ nhân, như ứng thuyết pháp. Nhĩ nhân văn dĩ, đắc A-la-hán quả. Thị cố ngã vi nhất thiết chúng sanh chơn thiện tri thức, phi Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đẳng.

Nhược sử chúng sanh hữu cực trọng kết, đắc ngộ ngã giả, ngã dĩ phương tiện, tức vị đoạn chi. Như ngã đệ Nan-đà hữu cực trọng dục, ngã dĩ chủng chủng thiện xảo phương tiện, nhĩ vị trừ đoạn.

Ương-quật-ma-la hữu trọng sân khuể, dĩ kiến ngã cố, sân khuể tức tức.

A-xà-thế vương hữu trọng ngu si, dĩ kiến ngã cố, si tâm tức diệt.

Như Bà-hy-già trưởng giả, ư vô lượng kiếp, tu tập thành tựu cực trọng phiền não, dĩ kiến ngã cố, tức tiện đoạn diệt.

Thiết hữu tỳ ác ti hạ chi nhân thân cận ư ngã, tác đệ tử giả, dĩ thị nhân duyên, nhất thiết nhân thiên cung kính ái niệm.

Thi-ly-cúc-đa, tà kiến xí thành, nhân kiến ngã cố, tà kiến tức diệt;

Nhân kiến ngã cố, đoạn địa ngục nhân tác sanh thiên duyên, như Khí Hư chiên-đà-la.

Mạng thù chung thời, nhân kiến ngã cố, hoàn đắc thọ mạng, như Kiều-thi-ca.

Cuồng tâm thác loạn, nhân kiến ngã cố, hoàn đắc bản tâm, như Sấu-cù-dàm-di.

Đồ gia chi tử, thường tu ác nghiệp; dĩ kiến ngã cố, tức tiện xả ly, như Xiển-đề tỳ-kheo.

以是義故。阿難比丘說。半梵行名善知識。我言不爾具足梵行乃名善知識。

是名菩薩修大涅槃具足第四親近善知識。

云何菩薩具足多聞。

菩薩摩訶薩為大涅槃十二部經書寫讀誦分別解說。是名菩薩具足多聞。

除十一部惟毘佛略受持讀誦書寫解說亦名菩薩具足多聞。

除十二部經若能受持是大涅槃微妙經典。書寫讀誦分別解說。是名菩薩具足多聞。

除是經典具足全體。若能受持一四句偈。復除是偈若能受持如來常住性無變易。是名菩薩具足多聞。

復除是事若知如來常不說法。亦名菩薩具足多聞。何以故。法無性故。如來雖說一切諸法常無所說。是名菩薩修大涅槃。成就第五具足多聞。

善男子。若有善男子善女人。為大涅槃具足成就如是五事。難作能作難忍能忍難施能施。

云何菩薩難作能作。若聞有人食一胡麻得阿耨多羅三藐三菩提者。信是語故乃至無量阿僧祇劫常食一麻。若聞入火得阿耨多羅三藐三菩提者。於無量劫在阿鼻地獄入熾火聚。是名菩薩難作能作。

Nhân kiến ngã cố, ninh xả thân mạng, bất hủy cấm giới, như Thảo Hệ tỳ-kheo.

Dĩ thị nghĩa cố, A-nan tỳ-kheo thuyết: Bán phạm hạnh, danh thiện tri thức. Ngã ngôn: Bất nhĩ; cụ túc phạm hạnh, nãi danh thiện tri thức.

Thị danh Bồ Tát tu Đại Niết-bàn, cụ túc đệ tứ thân cận thiện tri thức.

Vân hà Bồ Tát cụ túc đa văn?

Bồ Tát ma-ha-tát, vị Đại Niết-bàn, Thập nhị bộ kinh, thơ tả, độc tụng, phân biệt giải thuyết. Thị danh Bồ Tát cụ túc đa văn.

Trừ Thập nhất bộ, duy Tỳ-phật-lược, thọ trì, độc, tụng, thơ tả, giải thuyết, diệc danh Bồ Tát cụ túc Đa văn.

Trừ Thập nhị bộ kinh, nhược năng thọ trì thị Đại Niết-bàn, vi diệu kinh điển, thơ tả, độc, tụng, phân biệt giải thuyết, thị danh Bồ Tát cụ túc đa văn.

Trừ thị kinh điển cụ túc toàn thể, nhược năng thọ trì nhất tứ cú kệ; phục trừ thị kệ, nhược năng thọ trì Như Lai thường trụ, tánh vô biến dị, thị danh Bồ Tát cụ túc đa văn.

Phục trừ thị sự, nhược tri Như Lai thường bất thuyết pháp, diệc danh Bồ Tát cụ túc đa văn. Hà dĩ cố? Pháp vô tánh cố. Như Lai tuy thuyết nhất thiết chư pháp, thường vô sở thuyết. Thị danh Bồ Tát, tu Đại Niết-bàn, thành tựu đệ ngũ Cụ túc đa văn.

Thiện nam tử! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, vị Đại Niết-bàn, cụ túc thành tựu như thị ngũ sự, nan tác năng tác, nan nhẫn năng nhẫn, nan thí năng thí.

Vân hà Bồ Tát nan tác năng tác? Nhược văn hữu nhân thực nhất hồ ma đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả. Tín thị ngũ cố, nãi chí vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, thường thực nhất ma. Nhược văn nhập hỏa đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, ư vô lượng kiếp tại A-tỳ Địa ngục, nhập xí hỏa tụ. Thị danh Bồ Tát nan tác năng tác.

云何菩薩難忍能忍。若聞受苦手杖刀石斫打因緣得大涅槃。即於無量阿僧祇劫。身具受之不以為苦。是名菩薩難忍能忍。

云何菩薩難施能施。若聞能以國城妻子頭目髓腦惠施於人得阿耨多羅三藐三菩提者。即於無量阿僧祇劫。以其所有國城妻子頭目髓腦惠施於人。是名菩薩難施能施。

菩薩雖復難作能作。終不念言是我所作。難施能施。亦復如是。

善男子。譬如父母惟有一子愛之甚重。以好衣裳上妙甘膳。隨時將養令無所乏。其子若於是父母所。生輕慢心惡口罵辱。父母愛故不生瞋恨。亦不念言我與是兒衣服飲食。菩薩摩訶薩。亦復如是。視諸眾生猶如一子。若子遇病父母亦病。為求醫藥勤而療之。病既瘥已終不念我為是兒療治病苦。菩薩亦爾。見諸眾生遇煩惱病。生愛念心而為說法。以聞法故諸煩惱斷。煩惱斷已終不念言。我為眾生斷諸煩惱。若生此念終不得成阿耨多羅三藐三菩提。惟作是念無一眾生我為說法令斷煩惱。

菩薩摩訶薩於諸眾生不瞋不喜。何以故。善能修習空三昧故。菩薩若修空三昧者。當於誰所生瞋生喜。

Vân hà Bồ Tát nan nhẫn năng nhẫn? Nhược văn thọ khổ: thủ, trượng, đao, thạch, chước dả nhân duyên đắc Đại Niết-bàn, tức ư vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, thân cụ thọ chi, bất dĩ vi khổ. Thị danh Bồ Tát nan nhẫn năng nhẫn.

Vân hà Bồ Tát nan thí năng thí? Nhược văn năng dĩ quốc thành, kê tử, dầu mục, tủy não, tuệ thí ư nhân, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả. Tức ư vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, dĩ kỳ sở hữu quốc thành, kê tử, dầu mục, tủy não, tuệ thí ư nhân. Thị danh Bồ Tát nan thí năng thí.

Bồ Tát tuy phục nan tác năng tác, chung bất niệm ngôn: Thị ngã sở tác. Nan nhẫn, nan thí diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Thí như phụ mẫu, duy hữu nhất tử, ái chi thậm trọng. Dĩ hảo y thường, thượng diệu cam thiện, tùy thời tương dưỡng, linh vô sở pháp. Kỳ tử nhược ư thị phụ mẫu sở sanh khinh mạn tâm, ác khẩu mạ nhục. Phụ mẫu ái cố, bất sanh sân hận; diệc bất niệm ngôn: Ngã dữ thị nhi: y phục, ẩm thực. Bồ Tát ma-ha-tát diệc phục như thị; thị chư chúng sanh do như nhất tử. Nhược tử ngộ bệnh, phụ mẫu diệc bệnh; vị cầu y dược, cần nhi liệu chi. Bệnh ký sái dĩ, chung bất sanh niệm: Ngã vị thị nhi, liệu trị bệnh khổ. Bồ Tát diệc nhi; kiến chư chúng sanh ngộ phiền não bệnh, sanh ái niệm tâm, nhi vị thuyết pháp. Dĩ văn pháp cố, chư phiền não đoạn. Phiền não đoạn dĩ chung bất niệm ngôn: Ngã vị chúng sanh, đoạn chư phiền não. Nhược sanh thủ niệm, chung bất đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Duy tác thị niệm: vô nhất chúng sanh, ngã vị thuyết pháp, linh đoạn phiền não.

Bồ Tát ma-ha-tát, ư chư chúng sanh, bất sân, bất hỷ. Hà dĩ cố? Thiện năng tu tập Không Tam-muội cố. Bồ Tát nhược tu Không Tam-muội giả, đương ư thùi sở sanh sân, sanh hỷ?

Thiện nam tử! Thí như sơn lâm, mãnh hỏa sở phân, nhược



善男子。譬如山林猛火所焚若人斫伐或為水漂。而是林木當於誰所生瞋生喜。菩薩摩訶薩。亦復如是。於諸眾生無瞋無喜。何以故。修空三昧故。

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩白佛言。世尊。一切諸法性自空耶。空空故空若性自空者。不應修空然後見空。云何如來言以修空而見空也。若性自不空。雖復修空不能令空。

善男子。一切諸法性本自空。何以故。一切法性不可得故。

善男子。色性不可得。云何色性。色性者。非地水火風不離地水火風。非青黃赤白不離青黃赤白。非有非無。云何當言色有自性。以性不可得故說為空。一切諸法。亦復如是。以相似相續故。凡夫見已說言諸法性不空寂。菩薩摩訶薩具足五事。是故見法性本空寂。

善男子。若有沙門及婆羅門。見一切法性不空者。當知。是人非是沙門非婆羅門。不得修習般若婆羅蜜。不得入於大般涅槃。不得現見諸佛菩薩。是魔眷屬。

善男子。一切諸法性本自空。亦因菩薩修習空故見諸法空。

善男子。如一切法性無常故滅能滅之。若非無

nhân chúc phật, hoặc vi thủy phiêu. Nhi thị lâm mộc đương ư thủy sở, sanh sân, sanh hỷ? Bồ Tát ma-ha-tát diệc phục như thị; ư chư chúng sanh, vô sân, vô hỷ. Hà dĩ cố? Tu Không Tam-muội cố.

Nhĩ thời, Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát Ma-ha-tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhất thiết chư pháp, tánh tự không da? Không không cố không? Nhược tánh tự không giả, bất ưng tu không, nhiên hậu kiến không. Vân hà Như lai ngôn dĩ tu không nhi kiến không dã? Nhược tánh tự bất không, tuy phục tu không, bất năng linh không.

Thiện nam tử! Nhất thiết chư pháp, tánh bản tự không. Hà dĩ cố? Nhất thiết pháp, tánh bất khả đắc cố.

Thiện nam tử! Sắc tánh bất khả đắc. Vân hà sắc tánh? Sắc tánh giả phi địa, thủy, hỏa, phong; bất ly địa, thủy, hỏa, phong. Phi thanh, hoàng, xích, bạch; bất ly thanh, hoàng, xích, bạch. Phi hữu, phi vô. Vân hà đương ngôn sắc hữu tự tánh? Dĩ tánh bất khả đắc, cố thuyết vi không. Nhất thiết chư pháp diệc phục như thị. Dĩ tương tự, tương tục cố, phàm phu kiến dĩ, thuyết ngôn chư pháp, tánh bất không tịch. Bồ Tát ma-ha-tát cụ túc ngũ sự, thị cố kiến pháp, tánh bản không tịch.

Thiện nam tử! Nhược hữu sa-môn cập bà-la-môn kiến nhất thiết pháp, tánh bất không giả, đương tri thị nhân phi thị sa-môn, phi Bà-la-môn; bất đắc tu tập Bát nhã Ba-la-mật; bất đắc nhập ư Đại bát Niết-bàn; bất đắc hiện kiến chư Phật, Bồ Tát; thị Ma quyền thuộc.

Thiện nam tử! Nhất thiết chư pháp, tánh bản tự không; diệc nhân Bồ Tát tu tập không cố kiến chư pháp không.

Thiện nam tử! Như nhất thiết pháp tánh vô thường cố diệt năng diệt chi. Nhược phi vô thường, diệt bất năng diệt. Hữu vi chi pháp, hữu sanh tướng cố sanh năng sanh chi; hữu

常滅不能滅。有為之法有生相故生能生之。有滅相故滅能滅之。一切諸法有苦相故苦能令苦。

善男子。如鹽性鹹能鹹異物。石蜜性甘能甘異物。苦酒性酢能酢異物。薑本性辛能辛異物。訶梨勒苦能苦異物。菴羅菓淡能淡異物。毒性能害令異物害。甘露之性令人不死。若合異物亦能不死。菩薩修空。亦復如是。以修空故見一切法性皆空寂。

光明遍照高貴德王菩薩復作是言。世尊。若鹽能令非鹹作鹹。修空三昧若如是者。當知。是定非善非妙其性顛倒。若空三昧惟見空者定是無法為何所見。

善男子。是空三昧見不空法能令空寂然非顛倒。如鹽非鹹作鹹。是空三昧亦復如是。不空作空。

善男子。貪是有性非是空性。貪若是空眾生不應以是因緣墮於地獄。若墮地獄云何貪性當是空耶。

善男子。色性是有。何等色性所謂顛倒。以顛倒故眾生生貪。若是色性非顛倒者。云何能令眾生生貪。以生貪故。當知。色性非不是有。以是義故。修空三昧非顛倒也。

善男子。一切凡夫若見女人即生女相。菩薩不爾。雖見女人不生女相。以不生相貪則不生。貪不生故非顛倒也。以世間人見有女故。菩薩隨說言有女人。若見男時說言是女則是顛倒。是故我為闍提

diệt tướng cố diệt năng diệt chi. Nhất thiết chư pháp hữu khổ tướng cố khổ năng linh khổ.

Thiện nam tử! Như diêm tánh hàm, năng hàm dị vật. Thạch mật tánh cam, năng cam dị vật. Khổ tửu tánh thố, năng thố dị vật. Khương bốn tánh tân, năng tân dị vật. Ha-lê-lạt khổ, năng khổ dị vật. Am-la quả đậm năng đậm dị vật. Độc tánh năng hại, linh dị vật hại. Cam lộ chi tánh linh nhân bất tử, nhược hiệp dị vật, diệt năng bất tử. Bồ Tát tu Không diệt phục như thị; dĩ tu Không cố, kiến nhất thiết pháp, tánh giai Không tịch.

Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát phục tác thị ngôn: Thế Tôn! Nhược diêm năng linh phi hàm tác hàm, tu Không Tam-muội nhược như thị giả, đương tri thị định phi thiện, phi diệu, kỳ tánh diên đảo. Nhược Không Tam-muội, duy kiến không giả, không thị vô pháp, vi hà sở kiến?

Thiện nam tử! Thị Không Tam-muội, kiến bất không pháp, năng linh không tịch; nhiên phi diên đảo. Như diêm, phi hàm tác hàm; thị Không Tam-muội diệt phục như thị; bất không tác không.

Thiện nam tử! Tham thị hữu tánh, phi thị không tánh. Tham nhược thị không, chúng sanh bất ưng dĩ thị nhân duyên, đọa ư Địa ngục. Nhược đọa Địa ngục, vân hà tham tánh đương thị không da?

Thiện nam tử! Sắc tánh thị hữu. Hà đẳng sắc tánh? Sở vị diên đảo. Dĩ diên đảo cố, chúng sanh sanh tham. Nhược thị sắc tánh phi diên đảo giả, vân hà năng linh chúng sanh sanh tham? Dĩ sanh tham cố, đương tri sắc tánh phi bất thị hữu. Dĩ thị nghĩa cố, tu Không Tam-muội phi diên đảo dã.

Thiện nam tử! Nhất thiết phàm phu, nhược kiến nữ nhân, tức sanh nữ tướng. Bồ Tát bất nhĩ; tuy kiến nữ nhân, bất sanh nữ tướng. Dĩ bất sanh tướng, tham tác bất sanh. Tham bất sanh cố, phi diên đảo dã. Dĩ thế gian nhân kiến hữu nữ cố, Bồ Tát tùy thuyết, ngôn hữu nữ nhân. Nhược kiến nam thời, thuyết ngôn

說言。汝婆羅門若以晝為夜是即顛倒。以夜為晝是亦顛倒。晝為晝相夜為夜相云何顛倒。

善男子。一切菩薩住九地者見法有性。以是見故不見佛性。若見佛性則不復見一切法性。以修如是空三昧故不見法性。以不見故則見佛性。

諸佛菩薩有二種說。一者有性。二者無性。為眾生故說有法性。為諸賢聖說無法性。

為不空者見法空故修空三昧令得見空。無法性者亦修空故空。以是義故修空見空。

善男子。汝言。見空空是無法為何所見者。

善男子。如是如是。菩薩摩訶薩實無所見。無所見者即無所有。無所有者即一切法。菩薩摩訶薩修大涅槃。於一切法悉無所見。若有見者不見佛性。不能修習般若波羅蜜。不得入於大般涅槃。是故菩薩見一切法性無所有。

善男子。菩薩不但因修三昧而見空也。般若波羅蜜亦空。禪波羅蜜亦空。毘梨耶波羅蜜亦空。羸提波羅蜜亦空。尸羅波羅蜜亦空。檀波羅蜜亦空。色亦空眼亦空識亦空。如來亦空大般涅槃亦空。是故菩薩見一切法皆悉是空。

是故我在迦毘羅城告阿難言。汝莫愁惱悲泣啼哭。阿難即言。如來世尊。我今眷屬悉皆死喪。云

thị nữ, thị tắc diên đảo. Thị cố ngã vi Xà-dề thuyết ngôn: Nữ Bà-la-môn nhược dĩ trú vi dạ, thị tức diên đảo; dĩ dạ vi trú, thị diệc diên đảo. Trú vi trú tướng, dạ vi dạ tướng, vân hà diên đảo?

Thiện nam tử! Nhất thiết Bồ Tát trụ Cửu địa giả, kiến pháp hữu tánh. Dĩ thị kiến cố, bất kiến Phật tánh. Nhược kiến Phật tánh, tắc bất phục kiến nhất thiết Pháp tánh. Dĩ tu như thị Không Tam-muội cố, bất kiến pháp tánh. Dĩ bất kiến cố, tắc kiến Phật tánh.

Chư Phật, Bồ Tát hữu nhị chủng thuyết: Nhất giả hữu tánh, nhị giả vô tánh. Vị chúng sanh cố, thuyết hữu pháp tánh; vị chư hiền thánh thuyết vô pháp tánh.

Vị bất không giả kiến pháp không cố, tu Không Tam-muội, linh đặc kiến không. Vô pháp tánh giả diệc tu không cố không. Dĩ thị nghĩa cố, tu không kiến không.

Thiện nam tử! Nữ ngôn: Kiến không, không thị vô pháp, vi hà sở kiến giả?

Thiện nam tử! Như thị! Như thị! Bồ Tát ma-ha-tát thật vô sở kiến. Vô sở kiến giả, tức vô sở hữu. Vô sở hữu giả, tức nhất thiết pháp. Bồ Tát ma-ha-tát, tu Đại Niết-bàn, ư nhất thiết pháp, tất vô sở kiến. Nhược hữu kiến giả, bất kiến Phật tánh, bất năng tu tập Bát nhã Ba-la-mật, bất đắc nhập ư Đại Bát Niết-bàn. Thị cố Bồ Tát kiến nhất thiết pháp tánh vô sở hữu.

Thiện nam tử! Bồ Tát bất dẫn nhân tu Tam-muội nhi kiến không dã. Bát-nhã ba-la-mật diệc không. Thiền Ba-la-mật diệc không. Tỳ-lê-da ba-la-mật diệc không. Sằn-đề ba-la-mật diệc không. Thi-la ba-la-mật diệc không. Đàn ba-la-mật diệc không. Sắc diệc không. Nhân diệc không. Thức diệc không. Như Lai diệc không. Đại Niết-bàn diệc không. Thị cố Bồ Tát kiến nhất thiết pháp giai tất thị không.

Thị cố ngã tại Ca-tỳ-la thành cáo A-Nan ngôn: Nữ mạc sầu não, bi khắp đề khóc. A-Nan tức ngôn: Như Lai Thế Tôn! Ngã kim quyến thuộc tất giai tử táng. Vân hà đương đắc bất

何當得不愁啼耶。如來與我俱生此城。俱同釋種親戚眷屬云何如來獨不愁惱光顏更顯。

善男子。我復告言。阿難汝見迦毘真實而有。我見空寂悉無所有。汝見釋種悉是親戚。我修空故悉無所見。以是因緣汝生愁苦。我身容顏益更光顯。諸佛菩薩修習如是空三昧故不生愁惱。

是名菩薩修大涅槃微妙經典。成就具足第九功德。

善男子。云何菩薩修大涅槃微妙經典。具足最後第十功德。

善男子。菩薩修習三十七品。入大涅槃常樂我淨。為諸眾生分別解說大涅槃經顯示佛性。若須陀洹斯陀含阿那含阿羅漢辟支佛菩薩。信是語者悉得入於大般涅槃。若不信者輪迴生死。

爾時光明遍照高貴德王菩薩白佛言。世尊。何等眾生於是經中不生恭敬。

善男子。我涅槃後有聲聞弟子。愚癡破戒喜生鬥爭捨十二部經。讀誦種種外道典籍文頌手筆。受畜一切不淨之物言是佛聽。如是之人以好栴檀貿易凡木。以金易鑰石。銀易白鐵。絹易氈褐。以甘露味易於毒藥。

sâu dê da? Như Lai dữ ngã, cụ sanh thủ thành, cụ đồng Thích chủng thân thích quyến thuộc. Vân hà Như Lai độc bất sâu nã, quang nhan cánh hiển?

Thiện nam tử! Ngã phục cáo ngôn: A-Nan! Nhữ kiến Ca-tỳ chân thật nhi hữu; ngã kiến không tịch, tất vô sở hữu. Nhữ kiến Thích chủng, tất thị thân thích; ngã tu không cố; tất vô sở kiến. Dĩ thị nhân duyên, nhữ sanh sâu khổ; ngã thân dung nhan ích cánh quang hiển. Chư Phật, Bồ Tát, tu tập như thị Không Tam-muội cố, bất sanh sâu nã.

Thị danh Bồ Tát, tu Đại Niết-bàn, vi diệu Kinh điển, thành tựu cụ túc Đệ cửu Công đức.

Thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát tu Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển cụ túc tối hậu Đệ thập công đức?

Thiện nam tử! Bồ Tát tu tập tam thập thất phẩm, nhập Đại Niết-bàn: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; vị chư chúng sanh, phân biệt giải thuyết Đại Niết-bàn Kinh, hiển thị Phật tánh. Nhược Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-Phật Bồ Tát tín thị ngữ giả, tất đắc nhập ư Đại Bát Niết-bàn. Nhược bất tín giả, luân hồi sanh tử.

Nhĩ thời, Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Hà đẳng chúng sanh ư thị kinh trung, bất sanh cung kính?

Thiện nam tử! Ngã Niết-bàn hậu, hữu Thanh văn đệ tử, ngu si phá Giới, hỷ sanh đấu tránh, xả thập nhị bộ kinh, độc tụng chủng chủng ngoại đạo điển tịch, văn tụng thủ bút; thọ súc nhất thiết bất tịnh chi vật, ngôn thị Phật thính. Như thị chi nhân dĩ hảo chiên-dàn mậu dịch phạm mộc; dĩ kim dịch thâu thạch; ngân, dịch bạch lạp; quyến, dịch lủ hạt; dĩ cam lộ vị, dịch ư độc dược.

云何栴檀貿易凡木。如我弟子為供養故。向諸白衣演說經法。白衣情逸不喜聽聞。白衣處高比丘在下。兼以種種餽膳飲食而供給之。猶不肯聽。是名栴檀貿易凡木。

云何以金貿易鑰石。鑰石喻色聲香味觸。金喻於戒。我諸弟子以色因緣破所受戒。是名以金貿易鑰石。

云何以銀易於白鐵。銀喻十善鐵喻十惡。我諸弟子放捨十善行十惡法。是名以銀貿易白鐵。

云何以絹貿易氈褐。氈褐喻於無慚無愧。絹喻慚愧。我諸弟子放捨慚愧習無慚愧。是名以絹貿易氈褐。

云何甘露貿易毒藥。毒藥喻於種種利養。甘露喻於諸無漏法。我諸弟子為利養故。向諸白衣若自譽讚言得無漏。是名甘露貿易毒藥。

以如是等惡比丘故是大涅槃微妙經典廣行流布於閻浮提。當是時也有諸弟子。受持讀誦書寫是經廣說流布。當為如是諸惡比丘之所殺害。

時惡比丘共相聚集立嚴峻制。若有受持大涅槃經。書寫讀誦分別說者。一切不得共住共坐談論語言。何以故涅槃經者非佛所說邪見所造。邪見之人即是六師。六師經典非佛經典。所以者何。一切諸

Vân hà chiên-đàn, mậu dịch phạm mộc? Như ngã đệ tử, vị cúng dường cố, hướng chư bạch y, diễn thuyết kinh pháp; bạch y tình dật, bất hỷ thính văn; bạch y xử cao, tỳ-kheo tại hạ; kiêm dĩ chủng chủng hào thiện ẩm thực nhi cung cấp chi, du bất khăng thính. Thị danh chiên-đàn mậu dịch phạm mộc.

Vân hà dĩ kim, mậu dịch châu thạch? Châu thạch dụ sắc, thanh, hương, vị, xúc. Kim, dụ ư giới. Ngã chư đệ tử dĩ sắc nhân duyên... phá sở thọ giới. Thị danh dĩ kim, mậu dịch châu thạch.

Vân hà dĩ ngân, dịch ư bạch lập? Ngân, dụ thập thiện. Lập, dụ thập ác. Ngã chư đệ tử phóng xả Thập thiện, hành Thập ác pháp. Thị danh dĩ ngân, mậu dịch bạch lập.

Vân hà dĩ quyển, mậu dịch lữ hạt? Lữ hạt, dụ ư vô tà vô quý. Quyển, dụ tà quý. Ngã chư đệ tử phóng xả tà quý, tập vô tà quý. Thị danh dĩ quyển, mậu dịch lữ hạt.

Vân hà cam lộ, mậu dịch độc dược? Độc dược, dụ ư chủng chủng lợi dưỡng. Cam lộ, dụ ư chư vô lậu pháp. Ngã chư đệ tử vị lợi dưỡng cố, hướng chư bạch y, nhược tự dụ tán, ngôn đắc vô lậu. Thị danh cam lộ, mậu dịch độc dược.

Dĩ như thị đẳng ác tỳ-kheo cố, thị Đại Niết-bàn, vi diệu kinh điển quảng hành lưu bố ư Diêm-phù-đề. Đương thị thời dã, hữu chư đệ tử thọ trì, độc tụng, thơ tả thị kinh, diễn thuyết lưu bố, đương vi như thị chư ác tỳ-kheo chi sở sát hại.

Thời, ác tỳ-kheo cộng tương tụ tập, lập nghiêm tuấn chế: Nhược hữu thọ trì Đại Niết-bàn Kinh, thơ tả, độc tụng, phân biệt thuyết giả, nhất thiết bất đắc cộng trụ cộng tọa, đàm luận ngữ ngôn. Hà dĩ cố? Niết-bàn kinh giả phi Phật sở thuyết, tà kiến sở tạo. Tà kiến chi nhân, tức thị lục sư. Lục sư kinh điển phi Phật kinh điển. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết chư Phật tất thuyết chư pháp: vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Nhược

佛悉說諸法無常無我無樂無淨。若言諸法常樂我淨。云何當是佛所說經諸佛菩薩聽諸比丘畜種種物。六師所說不聽弟子畜一切物。如是之義。云何當是佛之所說。諸佛菩薩不制弟子斷牛五味及以食肉。六師不聽食五種鹽五種牛味及以脂血。若斷是者。云何當是佛之正典。諸佛菩薩說於三乘。而是經中純說一乘。謂大涅槃。如此之言云何當是佛之正典。諸佛畢竟入於涅槃。是經言佛常樂我淨不入涅槃。是經不在十二部數。即是魔說非是佛說。

善男子。如是之人雖我弟子。不能信順是涅槃經。善男子。當爾之時若有眾生信此經典乃至半句。當知。是人真我弟子。因如是信即見佛性入於涅槃。

爾時光明遍照高貴德王菩薩白佛言。世尊。善哉善哉。如來今日善能開示大涅槃經。

世尊。我因是事即得解悟大涅槃經一句半句。以解一句至半句故見少佛性。如佛所說我亦當得入大涅槃。

是名菩薩修大涅槃微妙經典。具足成就第十功德。

## 大般涅槃經卷第二十六

終

ngôn chư pháp thường, lạc, ngã, tịnh, vân hà đương thị Phật sở thuyết kinh? Chư Phật, Bồ Tát thính chư tỳ-kheo súc chủng chủng vật. Lục sư sở thuyết, bất thính đệ tử súc nhất thiết vật. Như thị chi nghĩa, vân hà đương thị Phật chi sở thuyết? Chư Phật Bồ Tát bất chế đệ tử đoạn ngư ngũ vị cập dĩ thực nhục. Lục sư bất thính thực ngũ chủng diêm, ngũ chủng ngư vị cập dĩ chỉ huyết. Nhược đoạn thị giả, vân hà đương thị Phật chi chánh điển? Chư Phật, Bồ Tát thuyết ư Tam thừa. Nhi thị kinh trung, thuần thuyết Nhất thừa, vị Đại Niết-bàn. Như thử chi ngôn, vân hà đương thị Phật chi chánh điển? Chư Phật tất cánh nhập ư Niết-bàn. Thị Kinh ngôn Phật: thường, lạc, ngã, tịnh, bất nhập Niết-bàn. Thị kinh bất tại Thập nhị bộ số; túc thị ma thuyết, phi thị Phật thuyết.

Thiện nam tử! Như thị chi nhân tuy ngã đệ tử, bất năng tín thuận thị Niết-bàn Kinh. Thiện nam tử! Đương nhĩ chi thời, nhược hữu chúng sanh tín thủ kinh điển, nãi chí bán cú, đương tri thị nhân chân ngã đệ tử. Nhân như thị tín, túc kiến Phật tánh, nhập ư Niết-bàn.

Nhĩ thời, Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thiện tai! Thiện tai! Như Lai kim nhật thiện năng khai thị Đại Niết-bàn Kinh.

Thế Tôn! Ngã nhân thị sự, túc đắc giải ngộ Đại Niết-bàn Kinh, nhất cú, bán cú. Dĩ giải nhất cú chí bán cú cố, kiến thiếu Phật tánh. Như Phật sở thuyết, ngã diệc đương đắc nhập Đại Niết-bàn.

Thị danh Bồ Tát, tu Đại Niết-bàn, vi diệu kinh điển, cụ túc thành tựu đệ thập công đức.

## Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập lục

Chung

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN HAI MƯƠI SÁU

### PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG

#### Phẩm thứ mười - Phần sáu

Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát Ma-ha-tát tu hành kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu trọn vẹn công đức thứ chín?

“Thiện nam tử! Bồ Tát Ma-ha-tát tu hành kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn vừa phát khởi năm việc ắt được thành tựu [trọn vẹn công đức thứ chín]. Đó là năm việc gì? Một là đức tin, hai là lòng ngay thẳng, ba là trì giới, bốn là gần gũi bạn lành, năm là [đầy đủ sự] nghe nhiều.

“Thế nào là đức tin? Bồ Tát Ma-ha-tát vững tin nơi Tam bảo, tin rằng việc bố thí có quả báo, tin có hai loại chân lý,<sup>(1)</sup> tin có đạo Nhất thừa chứ không có thừa nào khác, nhưng vì muốn giúp cho chúng sanh mau được giải thoát mà chư Phật, Bồ Tát phân biệt [nói rằng] có Ba thừa; tin vào Đệ nhất nghĩa đế, tin vào phương tiện khéo léo [giáo hóa chúng sanh]. Đó gọi là [có] đức tin.

“Người có đức tin như vậy, dù là sa-môn hay bà-la-môn, thiên ma, Phạm thiên hay tất cả chúng sanh cũng không thể phá hoại. Nhân lòng tin ấy mà đạt được tánh của bậc thánh, tu hành bố thí dù nhiều hay ít cũng đều được đến gần Đại Niết-bàn, không đọa vào sanh tử. Đối với các pháp tu hành trì giới, đa văn, trí tuệ cũng đều như vậy. Đó gọi là [có] đức tin.

“Tuy có đức tin như vậy nhưng không tự thấy [rằng mình có đức tin]. Đó gọi là Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết-bàn thành tựu việc trước nhất [trong công đức thứ chín].

“Thế nào là lòng ngay thẳng? Bồ Tát Ma-ha-tát lấy lòng ngay thẳng mà đối với chúng sanh. Hết thấy chúng sanh khi gặp nhân duyên ắt sanh lòng dối gian dua nịnh. Bồ Tát không như thế. Vì sao vậy? Vì hiểu rõ rằng các pháp đều do nhân duyên. Bồ Tát Ma-ha-tát tuy thấy những lỗi lầm, tội ác của chúng sanh cũng chẳng bao giờ nói ra [với kẻ khác].<sup>(2)</sup> Vì sao vậy? Vì e rằng khởi sanh phiền não. Nếu khởi sanh phiền não ắt đọa vào đường ác. Bồ Tát thấy chúng sanh có chút ít việc lành liền ngợi khen xưng tán. Thế nào là việc lành? Đó là nói tánh Phật. Ngợi khen tánh Phật nên khiến cho chúng sanh đều phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.”

Lúc ấy, Đại Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật vừa nói, Đại Bồ Tát ngợi khen tánh Phật, khiến chúng sanh phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nghĩa ấy không hợp lý. Vì sao vậy? Khi vừa mở đầu kinh Niết-bàn này, Như Lai dạy rằng có ba loại bệnh nhân. Loại thứ nhất, nếu được gặp thầy cho thuốc, được người săn sóc ắt dễ khỏi bệnh; nếu không thì bệnh không khỏi. Loại thứ hai dù có gặp thầy xem bệnh cho thuốc hay không đều không thể khỏi. Loại thứ ba dù có gặp thầy xem bệnh cho thuốc hay không cũng đều được khỏi.<sup>(3)</sup>

“Tất cả chúng sanh cũng đều như vậy. Có những người nếu gặp được thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát, nghe thuyết pháp nhiệm mầu ắt sẽ phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; nhưng nếu không gặp thì không thể phát tâm

như vậy. Đó là nói hàng Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật Bích-chi. Lại có những người tuy gặp được thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát, nghe thuyết pháp mâu, nhưng cũng không thể phát tâm; nếu như không gặp cũng không thể phát tâm. Đó là nói hạng nhất-xiển-đề. Lại có những người dù được gặp hay không được gặp [chư Phật, Bồ Tát] cũng đều có thể phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đó là nói hàng Bồ Tát.

“Nếu nói rằng dù gặp hay không gặp được [chư Phật, Bồ Tát], thấy đều phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thì tại sao nay Như Lai lại dạy rằng do việc ngợi khen tánh Phật khiến chúng sanh phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề?”

“Bạch Thế Tôn! Nếu như gặp được thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát, nghe thuyết pháp mâu; hoặc là không gặp được, thấy đều không thể phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thì nghĩa ấy cũng không hợp lý. Vì sao vậy? Vì những người như vậy sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Hạng nhất-xiển-đề, vì có tánh Phật nên dù nghe hay không nghe [thì rốt cùng] cũng đều sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề!”

“Bạch Thế Tôn! Theo lời Phật dạy thì thế nào gọi là nhất-xiển-đề? Như nói đó là những kẻ dứt mất căn lành, nghĩa ấy cũng không hợp lý. Vì sao vậy? Vì họ không hề dứt mất tánh Phật. Tánh Phật ấy theo đúng lý là không thể dứt mất, vì sao Phật nói là dứt mất căn lành?”

“Như trước đây Phật thuyết Mười hai bộ kinh, dạy rằng pháp lành có hai loại: thường và vô thường. Thường thì không bị dứt mất, vô thường ắt bị dứt mất. Vì các pháp lành vô thường có thể bị dứt mất, nên đọa vào địa

ngục; các pháp lành là thường không bị dứt mất, sao không ngăn chặn [được tội vào địa ngục]? Tánh Phật không dứt mất thì không phải là nhất-xiển-đề, vì sao Như Lai nói đó là nhất-xiển-đề?”

“Bạch Thế Tôn! Nếu nhân nơi tánh Phật mà phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, vì sao Như Lai phải rộng vì chúng sanh mà thuyết giảng Mười hai bộ kinh?”

“Bạch Thế Tôn! Ví như bốn con sông cái đều từ hồ A-na-bà-đạp-đa<sup>(4)</sup> mà chảy ra. Như có chư thiên, người ta hoặc chư Phật Thế Tôn nói rằng bốn con sông ấy không chảy vào biển cả mà chảy ngược lên nguồn thì lời nói ấy là vô lý! Tâm Bồ-đề cũng vậy, người đã có tánh Phật thì dù có được nghe [pháp] hay không nghe [pháp], có giữ giới hay không giữ giới, có bố thí hay không bố thí, có tu hay không tu, có trí tuệ hay không có trí tuệ, lẽ ra hết thấy [cuối cùng] đều sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Bạch Thế Tôn! Như mặt trời mọc lên từ núi Ưu-đà-diên, [lệch dần] về hướng nam. Nếu mặt trời nghĩ rằng: ‘Ta không đi về phương tây mà sẽ trở lại phương đông.’ Như vậy thật không có lý! Tánh Phật cũng vậy; nếu như [vì] không nghe [pháp], không giữ giới, không bố thí, không tu tập, không có trí tuệ mà [cuối cùng] không đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thì không có lý!”

“Bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai dạy rằng tánh của nhân quả là chẳng phải có, chẳng phải không. Nghĩa ấy cũng không hợp lý. Vì sao vậy? Nếu trong sữa tươi không sẵn có tánh của kem sữa thì không thể [làm thành] kem sữa! Như trong hạt ni-câu-đà nếu không sẵn có tánh cao năm trượng thì không thể sanh ra cây [ni-câu-đà] cao năm trượng. Nếu trong tánh Phật không sẵn có cây



A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề làm sao sanh ra được cây A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đê? Lấy nghĩa này mà so với lời Phật nói rằng nhân quả là chẳng phải có chẳng phải không thì làm sao có thể tương hợp?”

Bấy giờ, đức Thế Tôn khen rằng: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Thế gian có hai hạng người rất hiếm gặp, ví như hoa ưu-đàm. Một là hạng người không làm điều ác, hai là hạng người có tội biết hối cải. Những người như vậy thật rất hiếm có!

“Lại có hai hạng người: một là người làm ơn, hai là người biết nhớ ơn.

“Lại có hai hạng người: một là người thưa hỏi và thọ nhận pháp mới, hai là người ôn lại việc cũ chẳng quên.

“Lại có hai hạng người: một là người tạo ra việc mới, hai là người củng cố việc cũ.

“Lại có hai hạng người: một là người ưa nghe pháp, hai là người ưa thuyết pháp.

“Lại có hai hạng người: một là người khéo chất vấn, hai là người khéo giải đáp. Người khéo chất vấn chính là ông đó. Người khéo giải đáp chính là Như Lai.

“Thiện nam tử! Nhờ sự khéo chất vấn này mới có thể chuyển được bánh xe pháp Vô thượng, có thể làm khô cây đại thụ Mười hai nhân duyên, có thể vượt qua con sông lớn sanh tử vô biên, có thể cùng Ma vương Ba-tuần giao chiến, có thể xô ngã ngọn cờ chiến thắng mà ma Ba-tuần đã dựng lên.

“Thiện nam tử! Như trước đây ta có nói về ba loại bệnh nhân. Có loại bệnh nhân dù gặp thầy giỏi cho thuốc tốt, được người săn sóc; hoặc là không [gặp thầy gặp thuốc] thì bệnh vẫn khỏi. Nghĩa ấy là thế nào?

“Dù gặp cũng như không gặp, đó là nói tuổi thọ đã xác định. Vì sao vậy? Những người ấy trong vô lượng

kiếp đã từng tu tập ba mức pháp lành: bậc cao, bậc vừa và bậc thấp. Nhờ tu ba mức pháp lành ấy, họ được tuổi thọ xác định. Như người ở châu Uất-đan-việt<sup>(5)</sup> có tuổi thọ là một ngàn tuổi; khi họ mắc bệnh, dù có gặp thầy giỏi cho thuốc tốt hay không thì bệnh cũng vẫn khỏi. Vì sao vậy? Vì họ có tuổi thọ xác định.

“Thiện nam tử! Như ta nói có những bệnh nhân nếu gặp thầy giỏi cho thuốc tốt, được người săn sóc ắt bệnh dễ lành; nếu không gặp thầy bệnh không thể lành. Nghĩa ấy là thế nào?

“Thiện nam tử! Đối với những người ấy, tuổi thọ không xác định. Dù mạng sống họ chưa dứt nhưng nếu gặp chín loại nhân duyên có thể làm cho chết yểu. Chín nhân duyên ấy là gì? Một là biết thức ăn không tốt nhưng vẫn ăn; hai là [tham] ăn quá nhiều; ba là thức ăn cũ chưa tiêu đã ăn thêm vào; bốn là việc đại, tiểu tiện không tùy lúc thích hợp; năm là khi đang bệnh không nghe theo lời thầy thuốc; sáu là không nghe lời người nuôi bệnh; bảy là cố gượng không chịu nôn mửa; tám là đi đêm, vì đi đêm nên bị quỷ ác tấn công; chín là dâm dục quá độ. Vì duyên cố ấy, ta nói rằng nếu bệnh nhân gặp thầy, gặp thuốc ắt được khỏi bệnh; nếu như không gặp thì không khỏi bệnh.

“Thiện nam tử! Như trước ta nói có những bệnh nhân dù gặp thầy thuốc hay không gặp thì bệnh cũng không thể khỏi. Nghĩa ấy là thế nào?

“Khi mạng sống người ta sắp dứt, dù cho họ có được gặp thầy thuốc hay không gặp thì bệnh cũng không thể khỏi. Vì sao vậy? Vì mạng sống đã [sắp] dứt. Vì nghĩa ấy nên ta nói rằng có những bệnh nhân dù gặp thầy, gặp thuốc hay không gặp thì bệnh cũng không khỏi.

“Chúng sanh cũng vậy, có những người phát tâm Bồ-đề, nếu gặp được thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát, thưa hỏi và thọ nhận giáo pháp sâu xa, hoặc dù không gặp cũng đều sẽ thành tựu. Vì sao vậy? Vì họ có thể phát tâm Bồ-đề, cũng như người ở châu Uất-đan-việt có tuổi thọ xác định.

“Như ta có nói, từ hàng Tu-đà-hoàn cho đến Phật Bích-chi, nếu được nghe thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát thuyết giảng giáo pháp thâm sâu ắt sẽ phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; nếu không được gặp chư Phật, Bồ Tát và chẳng nghe thuyết giảng giáo pháp thâm sâu, ắt sẽ không thể phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Cũng giống như những người không có tuổi thọ xác định, do chín nhân duyên có thể phải chết yểu. Những bệnh nhân ấy nếu được gặp thầy, gặp thuốc thì được khỏi bệnh; nếu không gặp thì không khỏi bệnh. Cho nên ta nói rằng: Nếu họ gặp Phật, Bồ Tát và nghe thuyết giảng giáo pháp thâm sâu ắt sẽ có thể phát tâm. Nếu như không gặp thì họ không có thể phát tâm Bồ-đề.

“Như trước ta nói rằng có những người dù gặp được thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát và nghe thuyết giảng giáo pháp thâm sâu, hoặc là không gặp, đều không thể phát tâm Bồ-đề. Nghĩa ấy là thế nào? Thiện nam tử! Hạng nhất-xiển-đề, nếu gặp được thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát và nghe thuyết giảng giáo pháp thâm sâu, hoặc là không gặp, đều không lìa bỏ tâm nhất-xiển-đề. Vì sao vậy? Vì họ đã dứt mất pháp lành.

“Hạng nhất-xiển-đề cũng đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì sao vậy? Nếu họ có thể phát tâm Bồ-đề thì không gọi họ là nhất-xiển-đề nữa.

“Thiện nam tử! Do duyên có gì mà ta nói rằng hạng nhất-xiển-đề cũng đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu

Tam-bồ-đề? Hạng nhất-xiển-đề thật ra không thể đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Họ như bệnh nhân tuổi thọ đã hết, dù gặp thầy hay, thuốc tốt, được người chăm sóc cũng không thể khỏi bệnh. Vì sao vậy? Vì tuổi thọ đã hết.

“Thiện nam tử! Nhất-xiển nghĩa là đức tin; đề nghĩa là không đủ. Không đủ đức tin nên gọi là nhất-xiển-đề. Tánh Phật không phải đức tin; chúng sanh không phải sự đầy đủ. Vì không có sự đầy đủ, làm sao có thể dứt mất?

“Thiện nam tử! Nhất-xiển nghĩa là phương tiện khéo léo; đề nghĩa là không đủ. Vì tu tập không đầy đủ phương tiện khéo léo nên gọi là nhất-xiển-đề. Tánh Phật không phải việc tu phương tiện khéo; chúng sanh không phải sự đầy đủ. Vì không có sự đầy đủ, làm sao có thể dứt mất?

“Nhất-xiển nghĩa là tiến triển; đề nghĩa là không đủ. Vì tiến tiến triển không đủ nên gọi là nhất-xiển-đề. Tánh Phật không phải sự tiến triển; chúng sanh không phải sự đầy đủ. Vì không có sự đầy đủ, làm sao có thể dứt mất?

“Nhất-xiển nghĩa là niệm tưởng; đề nghĩa là không đủ. Vì niệm tưởng không đủ nên gọi là nhất-xiển-đề. Tánh Phật chẳng phải sự niệm tưởng; chúng sanh không phải sự đầy đủ. Vì không có sự đầy đủ, làm sao có thể dứt mất?

“Nhất-xiển nghĩa là định tâm; đề nghĩa là không đủ. Vì không đủ định tâm nên gọi là nhất-xiển-đề. Tánh Phật không phải sự định tâm; chúng sanh không phải sự đầy đủ. Vì không có sự đầy đủ, làm sao có thể dứt mất?

“Nhất-xiển nghĩa là trí tuệ; đề là chẳng đủ. Vì không đủ trí tuệ nên gọi là nhất-xiển-đề. Tánh Phật không

phải trí tuệ; chúng sanh không phải sự đầy đủ. Vì không có sự đầy đủ, làm sao có thể dứt mất?

“Nhất-xiển nghĩa là pháp lành vô thường; đề, là không đủ. Vì không đủ pháp lành vô thường nên gọi là nhất-xiển-đề. Tánh Phật là thường, chẳng phải lành, chẳng phải không lành. Vì sao vậy? Pháp lành là do phương tiện mà được, nhưng tánh Phật không do phương tiện mà được; cho nên tánh Phật không phải pháp lành. Vì sao tánh Phật cũng chẳng phải không lành? Vì có thể đạt được quả lành. Quả lành đó là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Lại nữa, pháp lành đó sanh ra rồi mới đạt được; nhưng tánh Phật không phải sanh ra rồi đạt được, cho nên chẳng phải pháp lành. Vì dứt mất việc sanh ra đạt được các pháp lành nên gọi là nhất-xiển-đề.

“Thiện nam tử! Như lời ông hỏi: Nếu hạng nhất-xiển-đề có tánh Phật, vì sao không ngăn chặn được tội vào địa ngục?

“Thiện nam tử! Hạng nhất-xiển-đề không có tánh Phật!

“Thiện nam tử! Ví như một vị vua nghe tiếng đàn không hầu<sup>(6)</sup> trỗi lên thánh thót êm dịu. Lòng vua say mê, vui thích, lưu luyến không muốn rời xa. Vua liền hỏi vị đại thần rằng: ‘Âm thanh êm dịu ấy từ đâu ra vậy?’ Đại thần tâu: ‘Âm thanh êm dịu ấy từ nơi đàn không hầu mà ra.’ Vua bảo: ‘Hãy đem âm thanh ấy đến đây.’ Liền đó, đại thần mang đàn không hầu đến đặt trước vua và tâu rằng: ‘Đại vương! Ngài nên biết rằng vật này chính là âm thanh êm dịu ấy.’ Vua liền bảo cây đàn rằng: ‘Kêu lên đi! Kêu lên đi!’ Nhưng cây đàn im

lìm không phát ra tiếng. Vua liền cắt đứt dây đàn, cũng không nghe được tiếng. Vua liền phá tung tất cả vỏ đàn, sừng gỗ, cố tìm âm thanh êm dịu kia mà không được. Lúc ấy, vua liền nổi giận với đại thần: ‘Sao dám nói dối với ta như vậy?’ Đại thần tâu rằng: ‘Muốn nghe âm thanh, không thể làm như vậy. Cần có đủ các duyên và phương tiện khéo léo mới nghe được âm thanh.’

“Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy, không có chỗ trụ. Phải dùng phương tiện khéo mới có thể thấy. Nhờ thấy tánh Phật mà đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Hạng nhất-xiển-đề không thấy được tánh Phật, làm sao có thể ngăn chặn những tội đọa vào Ba đường ác?

“Thiện nam tử! Nếu một người nhất-xiển-đề tin rằng có tánh Phật, nên biết rằng người ấy không đọa vào Ba đường ác; cũng không gọi là nhất-xiển-đề nữa. Vì không tự tin mình có tánh Phật nên mới đọa vào Ba đường ác; vì đọa vào Ba đường ác nên mới gọi là nhất-xiển-đề.

“Thiện nam tử! Như lời ông hỏi: ‘Nếu trong sữa tươi không sẵn có tánh của kem sữa, lẽ ra không thể làm thành kem sữa; nếu hạt ni-câu-đà không sẵn có tánh cao năm trượng, lẽ ra không thể mọc thành cây cao năm trượng.’ Chỉ người ngu si mới lập luận như vậy, kẻ có trí chẳng bao giờ nói những lời như thế. Vì sao vậy? Vì thật không có tánh.

“Thiện nam tử! Nếu trong sữa tươi đã sẵn có tánh của kem sữa, lẽ ra không cần đến tác động của các duyên! Thiện nam tử! Ví như pha nước với sữa tươi rồi chờ đến cả tháng cũng không thành kem sữa. Nhưng nếu cho một giọt nhựa cây vào sữa, liền thành kem sữa.<sup>(7)</sup> Nếu trong sữa tươi vốn có kem sữa, cần gì phải đợi các

duyên? Tánh Phật của chúng sanh cũng vậy; phải dựa vào các duyên mới thấy được tánh Phật; phải dựa vào các duyên mới đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nếu phải đợi có các duyên rồi mới thành tựu, tức là không thật có tánh. Vì không thật có tánh nên có thể đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy, Bồ Tát Ma-ha-tát thường ngợi khen điều thiện của người, không nói chỗ khiếm khuyết. Đó gọi là lòng chơn chất ngay thẳng.

“Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào là lòng chơn chất ngay thẳng của Bồ Tát? Bồ Tát Ma-ha-tát thường không phạm vào điều ác. Ví như có lỗi lầm liền lập tức sám hối; đối với thầy dạy hoặc bạn bè không hề che giấu, lại sanh lòng hổ thẹn và tự trách, không dám tái phạm. Đối với tội nhẹ cũng cho là rất nặng. Như có người gạn hỏi liền đáp là quả thật có phạm tội. Nếu lại hỏi việc ấy là tốt hay không tốt, liền đáp là không tốt. Nếu lại hỏi việc ấy là thiện hay bất thiện, liền đáp là bất thiện. Nếu lại hỏi tội ấy mang đến quả lành hay quả dữ, liền đáp rằng tội ấy thật chẳng phải quả lành. Nếu lại hỏi tội ấy do ai tạo ra, không phải do Phật, Pháp, Tăng tạo ra đó chăng? Liền đáp là không phải do Phật, Pháp, Tăng; chính do tôi tạo ra, do sự tập hợp cấu thành của các phiền não.

“Vì lòng ngay thẳng nên tin có tánh Phật. Vì tin có tánh Phật nên không thể gọi là nhất-xiển-đề. Vì lòng ngay thẳng nên gọi là đệ tử Phật, dù thọ nhận của chúng sanh những y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu mền gối, thuốc men, mỗi loại đến số muôn ngàn cũng chẳng phải là nhiều. Đó gọi là lòng ngay thẳng của Bồ Tát.

“Thế nào là Bồ Tát tu hành trì giới? Bồ Tát Ma-ha-tát, thọ trì giới cấm không phải vì muốn sanh lên cõi

trời, cũng không vì sợ sệt; cho đến không thọ trì các tà giới ngoại đạo như giới chó, giới gà, giới bò, giới trĩ... Trong việc trì giới, Bồ Tát không phá giới, không giữ theo những giới có sự khiếm khuyết, có tỳ vết, có sự hỗn tạp; không chỉ giữ theo các giới của hàng Thanh văn mà thọ trì [đầy đủ] giới hạnh của hàng Đại Bồ Tát, tu tập Thi-la Ba-la-mật,<sup>(8)</sup> được giới trọn vẹn đầy đủ mà không sanh kiêu mạn.

“Đó gọi là Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết-bàn thành tựu việc thứ ba là trì giới.

“Thế nào là Bồ Tát gần gũi bạn tốt? Đại Bồ Tát thường vì chúng sanh thuyết giảng về các đường lành, không nói các đường ác; giảng rõ rằng các đường ác không phải là quả báo [của những việc] lành!

“Thiện nam tử! Thân Như Lai hiện nay tức là thiện tri thức chân thật của tất cả chúng sanh, cho nên có thể dứt sạch tà kiến của Bà-la-môn Phú-già-la.

“Thiện nam tử! Những chúng sanh nào được gần gũi Như Lai, dù đã có nhân duyên phải sanh vào địa ngục nhưng liền được sanh lên cõi trời. Những người như Tu-na-sát-đa-la lẽ ra phải đọa vào địa ngục, nhưng nhờ gặp Như Lai liền dứt trừ nhân duyên địa ngục, được sanh lên cõi trời thuộc Sắc giới.

“Tuy có những người như các ông Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... nhưng không được gọi là thiện tri thức chân thật của chúng sanh. Vì sao vậy? Vì là nhân duyên sanh tâm nhất-xiển-đề.

“Thiện nam tử! Thuở trước khi Như Lai ở thành Ba-la-nại, Xá-lợi-phất có dạy hai người đệ tử, một người quán

tướng xương trắng, một người quán đếm hơi thở. Trải qua nhiều năm, hai người ấy chẳng được định. Vì nhân duyên ấy, họ sanh tà kiến, nói rằng: ‘Không có pháp Vô lậu Niết-bàn. Nếu có pháp ấy, lẽ ra tôi đã đạt được rồi. Vì sao vậy? Vì tôi giữ được trọn vẹn giới cấm đã thọ.’

“Thuở ấy, thấy những tỳ-kheo kia sanh tà tâm như vậy, Như Lai liền gọi Xá-lợi-phất đến quở trách rằng: ‘Ông thật không khéo dạy. Tại sao ông thuyết pháp trái ngược với hai đệ tử ấy? Hai đệ tử của ông tính cách khác nhau. Một người từng làm nghề giặt quần áo, một người từng làm thợ vàng. Đối với người thợ vàng nên dạy phép quán đếm hơi thở. Đối với người thợ giặt, nên dạy phép quán tướng xương trắng. Bởi ông dạy điều ngược lại nên hai người ấy sanh ra tà kiến xấu ác.’ Lúc đó, Như Lai vì hai người ấy mà thuyết pháp tương ứng. Họ nghe rồi liền chứng đắc quả A-la-hán.

“Vì thế, Như Lai chính là thiện tri thức chân thật của tất cả chúng sanh, chứ không phải những người như các ông Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên...

“Nếu những chúng sanh nào có phiền não rất nặng mà gặp được Phật, Phật sẽ dùng phương tiện mà vì họ dứt sạch [những phiền não ấy]. Như em ta là Nan-đà có lòng tham dục rất mạnh mẽ, ta đã dùng mọi phương tiện khéo léo mà dứt trừ cho. Lại như Ương-quật-ma-la có lòng sân hận rất nặng, nhờ gặp Như Lai mà lòng sân hận liền dứt. Như vua A-xà-thế có lòng ngu si nặng, nhờ gặp Như Lai nên lòng ngu si liền dứt hết.

“Như ông trưởng giả Bà-hy-già trong vô lượng kiếp đã tích tập phiền não rất nặng, nhờ gặp Như Lai liền được dứt trừ.

“Ví như có những kẻ xấu ác hèn hạ mà gần gũi với Như Lai, làm đệ tử Như Lai, nhờ nhân duyên ấy liền được tất cả mọi người và chư thiên cung kính, thương tưởng đến.

“Như Thi-lợi-cúc-đa tà kiến rất nặng, nhờ gặp Như Lai nên tà kiến dứt sạch.

“Nhờ gặp Như Lai nên dứt trừ nhân địa ngục, tạo duyên sanh lên cõi trời, như ông Khí Hư thuộc hạng Chiên-đà-la.

“Vào lúc sắp chết nhờ gặp Như Lai liền được kéo dài thọ mạng, như Kiều-thi-ca.<sup>(9)</sup>

“Lòng điên cuồng rối loạn, nhờ gặp Như Lai liền trở lại sáng suốt như xưa, như Sáu-cù-dàm-di.

“Con nhà đồ tể thường làm nhiều nghiệp ác, nhờ gặp Như Lai liền lìa bỏ được, như tỳ-kheo Xiển-đề.<sup>(10)</sup>

“Nhờ gặp Như Lai nên thà bỏ thân mạng chứ không hủy phạm giới cấm, như tỳ-kheo Thảo Hộ.<sup>(11)</sup>

“Vì những nghĩa ấy, tỳ-kheo A-nan có nói rằng: ‘Được nửa phần Phạm hạnh đủ gọi là thiện tri thức’ nhưng Như Lai dạy rằng: ‘Không phải vậy! Đầy đủ Phạm hạnh mới được gọi là thiện tri thức.’

“Như vậy gọi là gọi là Bồ Tát tu hành Đại Niết-bàn, thành tựu trọn vẹn việc thứ tư, gần gũi bạn lành.

“Thế nào là Bồ Tát đầy đủ sự nghe nhiều?

“Đại Bồ Tát vì [mục đích đạt đến] Đại Niết-bàn mà sao chép, tụng đọc, phân biệt giảng nói Mười hai bộ kinh. Đó gọi là Bồ Tát đầy đủ sự nghe nhiều.

“Hoặc trừ ra Mười một bộ kinh, chỉ thọ trì, tụng đọc, sao chép, giảng nói một bộ Tỳ-phật-lược<sup>(12)</sup> cũng gọi là Bồ Tát đầy đủ sự nghe nhiều.

“Hoặc trong số Mười hai bộ kinh chỉ thọ trì riêng một kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này, tụng đọc, sao chép, giảng nói đó cũng gọi là Bồ Tát đầy đủ sự nghe nhiều.

“Hoặc trong toàn bộ kinh điển này chỉ có thể thọ trì một bài kệ bốn câu; hoặc trừ ra cả bài kệ ấy, chỉ còn có thể luôn ghi nhớ là Như Lai thường trụ, tánh không biến đổi, đó cũng gọi là Bồ Tát đầy đủ sự nghe nhiều.

“Hoặc trừ ra [cả] việc [ghi nhớ] ấy, nếu rõ biết được rằng Như Lai thường không thuyết pháp cũng gọi là Bồ Tát đầy đủ sự nghe nhiều.

“Vì sao vậy? Vì pháp thật không có tánh. Tuy Như Lai thuyết giảng hết thảy các pháp, nhưng thường không có chỗ thuyết.

“Như vậy gọi là Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết-bàn thành tựu trọn vẹn việc thứ năm, đầy đủ sự nghe nhiều.

“Thiện nam tử! Như có kẻ nam người nữ lòng lành, vì Đại Niết-bàn mà thành tựu trọn vẹn năm việc ấy thì có thể làm được việc khó làm, nhẫn chịu được việc khó nhẫn, thí xả được việc khó thí.

“Thế nào là Bồ Tát làm được việc khó làm?

“Như nghe nói có người ăn [mỗi ngày] một hạt mè mà đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, rồi vì tin lời ấy cho nên trong vô lượng vô số kiếp thường chỉ ăn mỗi ngày một hạt mè mà thôi.

“Như nghe nói có người đi vào trong lửa mà đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, rồi vì tin lời ấy nên trong vô lượng kiếp ở tại địa ngục A-tỳ, vào trong lửa đỏ. Đó gọi là Bồ Tát làm được việc khó làm.

“Thế nào là Bồ Tát nhẫn chịu được việc khó nhẫn? Như nghe rằng có người chịu khổ bị đánh bằng tay, bằng gậy,

bằng dao, bị ném đá... do nhân duyên ấy mà đạt được Đại Niết-bàn, liền trải qua vô lượng vô số kiếp tự mình chịu đựng hết thảy những việc ấy mà chẳng cho là khổ. Đó gọi là Bồ Tát nhẫn chịu được việc khó nhẫn.

“Thế nào là Bồ Tát thí xả được việc khó thí? Như nghe rằng nhờ bố thí cho người khác những giảng san, thành trì, vợ con, đầu mắt, tủy não... mà đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, liền trải qua vô lượng vô số kiếp mang cả giảng san, thành trì, vợ con, đầu mắt, tủy não của mình ra bố thí cho kẻ khác. Đó gọi là Bồ Tát thí xả được việc khó thí.

“Tuy Bồ Tát làm được những việc khó làm, nhưng chẳng bao giờ nghĩ rằng: ‘Đó là việc do ta làm.’ Đối với những việc khó nhẫn chịu và khó thí xả cũng vậy.

“Thiện nam tử! Ví như cha mẹ chỉ có duy nhất một đứa con nên rất thương yêu, cho mặc quần áo đẹp, cho ăn thức ăn ngon, tùy thời nuôi dưỡng không thiếu thốn gì cả. Như đứa con ấy đối với cha mẹ sanh lòng khinh khi, hỗn hào nhục mạ. Nhưng cha mẹ vì thương yêu con chẳng sanh lòng giận, cũng chẳng nghĩ đến việc mình đã nuôi con ăn mặc... Đại Bồ Tát cũng vậy, xem tất cả chúng sanh như con một của mình. Nếu con có bệnh, cha mẹ như cũng bệnh theo, lo lắng chạy thầy chạy thuốc, hết lòng điều trị. Đến khi con đã khỏi bệnh rồi, cha mẹ cũng chẳng nghĩ đến việc đã khó nhọc lo chữa trị cho con. Bồ Tát cũng thế, thấy chúng sanh mang bệnh phiền não, bèn đem lòng thương tưởng, thuyết pháp cho nghe. Nhờ nghe pháp, phiền não được dứt trừ. Đến khi phiền não dứt rồi, Bồ Tát cũng chẳng nghĩ rằng: ‘Ta đã vì chúng sanh mà dứt trừ phiền não.’ Nếu có ý nghĩ như vậy thì chẳng bao giờ được thành tựu A-nậu-đa-la

Tam-miêu Tam-bồ-đề. Chỉ duy nhất có một ý nghĩ là: ‘Ta không thuyết pháp với một chúng sanh nào khiến cho được dứt trừ phiền não cả.’

“Đại Bồ Tát đối với chúng sanh không giận không vui. Vì sao vậy? Nhờ khéo tu tập pháp Tam-muội Không. Nếu Bồ Tát tu pháp Tam-muội Không thì còn sanh lòng giận, lòng vui đối với ai?<sup>(13)</sup>

“Thiện nam tử! Ví như núi rừng bị lửa dữ thiêu rụi, hoặc bị người ta chặt đốn, hoặc bị nước lũ tràn ngập, nhưng cây rừng nơi ấy biết đối với ai mà sanh lòng giận, lòng vui? Đại Bồ Tát cũng giống như vậy, đối với chúng sanh không giận, không vui. Vì sao vậy? Vì tu pháp Tam-muội Không.”

Bấy giờ, Đại Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Thế Tôn! Tánh của tất cả các pháp tự chúng là không, hay vì không có tánh không cho nên không?”

“Nếu tánh [của các pháp] tự [chúng] là không thì lẽ ra không phải tu pháp không rồi sau mới thấy được tánh không! Vì sao Như Lai dạy rằng nhờ có tu pháp không mới thấy được tánh không?”

“Nếu tánh [của các pháp] tự [chúng] chẳng phải không, thì dù có tu pháp không cũng không thể làm cho chúng trở thành không.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tánh của tất cả các pháp vốn tự chúng là không. Vì sao vậy? Vì tánh của tất cả các pháp là không thể nắm bắt.

“Thiện nam tử! Tánh của sắc không thể nắm bắt. Thế nào là tánh của sắc? Tánh của sắc không phải đất, nước, lửa, gió,<sup>(14)</sup> cũng không lìa khỏi đất, nước, lửa, gió; không

phải xanh, vàng, đỏ, trắng...; cũng không lìa khỏi xanh, vàng, đỏ, trắng...; chẳng phải có, chẳng phải không. Lẽ nào lại nói rằng sắc có tự tánh? Vì tánh [của sắc] không thể nắm bắt nên nói là không.

“Tất cả các pháp cũng đều như vậy. Vì chúng tương tự như nhau, liên tục tiếp nối nhau, phạm phu thấy vậy liền nói rằng tánh của các pháp chẳng hề rỗng không vắng lặng. Đại Bồ Tát thành tựu đầy đủ năm việc<sup>(15)</sup> nên thấy rõ tánh của các pháp vốn là rỗng không vắng lặng.

“Thiện nam tử! Nếu có sa-môn, bà-la-môn nào thấy rằng tánh của tất cả các pháp chẳng phải là không, nên biết rằng những người ấy không phải sa-môn, bà-la-môn; họ không được tu tập Bát-nhã Ba-la-mật, không được vào [cảnh giới] Đại Bát Niết-bàn, không được gặp chư Phật, Bồ Tát trong hiện tại. Họ là quyến thuộc của ma.

“Thiện nam tử! Tự tánh của tất cả các pháp vốn là không, nhưng cũng nhân nơi Bồ Tát tu tập pháp không nên thấy các pháp là không.

“Thiện nam tử! Cũng như tánh của tất cả các pháp là vô thường cho nên sự hoại diệt mới có thể diệt mất [các pháp]. Nếu [tánh của các pháp] chẳng phải vô thường thì sự hoại diệt không thể diệt mất [các pháp] được. Những pháp hữu vi vì có tướng sanh nên sự sanh mới có thể sanh ra; vì có tướng diệt nên sự diệt mới có thể diệt mất. Hết thấy các pháp vì có tướng khổ nên sự khổ mới có thể làm cho khổ.

“Thiện nam tử! Cũng như tánh của muối là mặn nên có thể làm cho vật khác trở nên mặn. Tánh của đường là ngọt nên có thể làm cho vật khác trở nên ngọt. Tánh của giấm là chua nên có thể làm cho vật khác trở nên

chua. Tánh của gừng là cay nên có thể làm cho vật khác trở nên cay. Tánh của cây ha-lê-lặc<sup>(16)</sup> là đắng nên có thể làm cho vật khác trở nên đắng. Tánh của trái am-la là nhạt nên có thể làm cho vật khác trở nên nhạt. Tánh của chất độc có thể gây hại nên khiến cho vật khác bị hại. Tánh của chất cam lộ cứu người khỏi sự chết, nếu hợp với vật khác cũng có thể cứu người khỏi sự chết.

“Bồ Tát tu pháp Không cũng giống như vậy, nhờ tu pháp Không nên thấy tánh của tất cả các pháp vốn là rỗng không vắng lặng.”

Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nếu muối có thể làm cho vật không mặn trở thành mặn, và việc tu pháp Tam-muội Không cũng tương tự như vậy, thì nên biết rằng phép định ấy chẳng phải pháp lành, chẳng phải mầu nhiệm, mà tánh của nó là điên đảo. Nếu pháp Tam-muội Không chỉ thấy duy nhất một cái không, mà không đã là không có pháp thì thấy được cái gì?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Pháp Tam-muội Không này giúp cho hành giả khi nhìn những pháp chẳng phải không có thể [thấy chúng] trở thành rỗng không vắng lặng, nhưng [như vậy] không phải là điên đảo. Cũng như muối làm cho những vật không mặn trở thành mặn, pháp Tam-muội Không ấy làm cho những pháp chẳng phải không trở thành không.

“Thiện nam tử! Tánh của tham dục là có, chẳng phải không. Nếu tánh tham dục là không, lẽ ra chúng sanh chẳng do tham dục mà đọa vào địa ngục. Nếu có việc đọa địa ngục, thì tánh của tham dục lẽ nào là không?”

“Thiện nam tử! Tánh của sắc [cũng] là có. Những gì là tánh của sắc? Đó là điên đảo. Vì có điên đảo nên chúng

sanh khởi sanh lòng tham. Nếu tánh của sắc chẳng phải điên đảo, làm sao có thể khiến cho chúng sanh khởi sanh lòng tham? Vì có khởi sanh lòng tham nên biết rằng tánh của sắc chẳng phải là không. Vì nghĩa ấy, tu pháp Tam-muội Không chẳng phải là điên đảo.

“Thiện nam tử! Tất cả phàm phu khi thấy người nữ liền sanh tướng nữ. Bồ Tát chẳng phải thế, tuy thấy người nữ mà không sanh tướng nữ. Vì không sanh tướng nữ nên chẳng sanh tham dục. Vì tham dục chẳng sanh nên không phải là điên đảo. Vì thế gian thấy có người nữ nên Bồ Tát tùy thuận mà nói có người nữ. Nếu thấy người nam mà nói rằng nữ, đó mới là điên đảo. Cho nên ta có nói với Xà-đề rằng: ‘Bà-la-môn các ông nếu lấy ngày làm đêm là điên đảo; nếu lấy đêm làm ngày cũng là điên đảo. Như ngày là tướng trạng ngày, đêm là tướng trạng đêm thì làm sao [gọi là] điên đảo?’

“Thiện nam tử! Tất cả Bồ Tát trụ ở Địa vị thứ chín<sup>(17)</sup> đều thấy tánh của pháp là có. Vì thấy như vậy nên không thấy tánh Phật. Nếu thấy tánh Phật ắt không còn thấy tánh của tất cả các pháp [là có] nữa. Nhờ tu pháp Tam-muội Không như vậy nên không còn thấy tánh các pháp [là có]. Nhờ không thấy tánh các pháp [là có] nên thấy được tánh Phật.

“Chư Phật, Bồ Tát có hai cách giảng thuyết, một là có tánh, hai là không tánh. Vì chúng sanh nên thuyết rằng có tánh pháp, vì các vị hiền thánh nên thuyết rằng không có tánh pháp.

“Vì muốn những ai thấy rằng pháp chẳng phải không đều thấy được pháp là không nên dạy tu pháp Tam-muội Không, khiến cho thấy được pháp là không. Nhưng những ai thấy rằng không có tánh pháp cũng nhờ tu



pháp không nên thấy là không. Vì nghĩa ấy nên người tu pháp không mới thấy được các pháp là không.

“Thiện nam tử! Như lời ông hỏi: ‘Thấy cái không, nhưng không là không có pháp thì thấy được cái gì?’

“Thiện nam tử! Đúng vậy, đúng vậy! Đại Bồ Tát thật không có chỗ thấy! Không có chỗ thấy tức là không có chỗ có. Không có chỗ có là tất cả các pháp.

“Đại Bồ Tát tu Đại Niết-bàn, đối với tất cả các pháp đều không có chỗ thấy. Nếu có chỗ thấy thì không thấy tánh Phật, không thể tu tập Bát-nhã Ba-la-mật, không thể vào [cảnh giới] Đại Niết-bàn. Cho nên Bồ Tát thấy tánh của tất cả các pháp đều không có chỗ có.

“Thiện nam tử! Bồ Tát chẳng phải chỉ nhờ tu Tam-muội [Không] mà thấy được pháp không. Bát-nhã Ba-la-mật cũng là không. Thiền Ba-la-mật cũng là không. Tĩnh tấn Ba-la-mật cũng là không. Nhẫn nhục Ba-la-mật cũng là không. Trì giới Ba-la-mật cũng là không. Bố thí Ba-la-mật cũng là không. Hình sắc là không, mắt [nhìn thấy] là không, thức [nhận biết] cũng là không. Như Lai cũng là không. Đại Niết-bàn cũng là không. Cho nên Bồ Tát thấy tất cả các pháp đều là không.

“Vì thế, khi ở thành Ca-tỳ-la ta có bảo A-nan rằng: ‘Ông đừng sầu não, bi ai khóc lóc.’ A-nan thưa rằng: ‘Như Lai Thế Tôn! Nay quyền thuộc của con đều chết cả rồi. Làm sao con chẳng buồn rầu khóc kể? Như Lai với con đều sanh ra tại thành này, đều là thân thích quyền thuộc trong dòng họ Thích, vì sao chỉ riêng Như Lai là không sầu não, dung nhan càng thêm sáng rõ?’<sup>(18)</sup>

“Thiện nam tử! Khi ấy ta đáp rằng: ‘A-nan! Ông thấy thành Ca-tỳ-la là thật có, ta thấy đó là rỗng không vắng

lặng, thật không chỗ có. Ông thấy người họ Thích đều là thân quyến, ta tu pháp Không, hết thấy đều không có chỗ thấy. Vì nhân duyên ấy nên ông sanh sầu khổ còn ta thì dung nhan càng thêm sáng rõ.’ Chư Phật, Bồ Tát, nhờ tu tập pháp Tam-muội Không nên không sanh sầu não.

“Như vậy gọi là Bồ Tát tu hành kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu trọn vẹn công đức thứ chín.

“Thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát tu hành kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu trọn vẹn công đức sau hết thứ mười?

“Thiện nam tử! Bồ Tát tu tập Ba mươi bảy phẩm [trợ đạo], vào cảnh giới Đại Niết-bàn với thường, lạc, ngã, tịnh, vì chúng sanh mà phân biệt giảng thuyết kinh Đại Niết-bàn, chỉ rõ tánh Phật. Nếu hàng Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật Bích-chi, Bồ Tát tin nhận lời này, thấy đều được vào [cảnh giới] Đại Niết-bàn. Nếu như không tin ắt phải chịu luân hồi sanh tử.”

Lúc ấy, Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Thế Tôn! Những chúng sanh nào không sanh lòng cung kính đối với kinh này?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Sau khi ta vào Niết-bàn, sẽ có những đệ tử Thanh văn ngu si phá giới, ưa thích sanh khởi việc tranh chấp; lìa bỏ Mười hai bộ kinh, tụng đọc mọi thứ điển tịch, văn từ, thủ bút của ngoại đạo; thọ nhận và chứa trữ tất cả những vật bất tịnh, bảo rằng do Phật cho phép.

“Những kẻ ấy [ví như người ngu si] đem gỗ chiên-đàn tốt đổi lấy gỗ thường, đem vàng ròng đổi lấy quặng thau, đem bạc quý đổi lấy chì pha thiếc,<sup>(19)</sup> đem tơ lụa đổi lấy vải thô, đem vị cam lộ đổi lấy thuốc độc!

“Thế nào là đem gỗ chiên-đàn tốt đổi lấy gỗ thường? Như những đệ tử của ta vì sự cúng dường mà giảng thuyết kinh pháp cho người tại gia; những người tại gia ấy dục tình buông thả, chẳng thích lắng nghe; người tại gia ngồi trên cao, tỳ-kheo ở dưới thấp, lại đem đủ thứ món ngon vật lạ mà cung cấp [cho họ] nhưng [họ] cũng chẳng chịu nghe. Đó gọi là đem gỗ chiên-đàn đổi lấy gỗ thường.

“Thế nào là đem vàng ròng đổi lấy quặng thau? Quặng thau ví như hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm. Vàng ròng ví như giới luật. Có những đệ tử của ta vì nhân duyên hình sắc...<sup>(20)</sup> mà phạm vào giới luật đã thọ nhận. Đó gọi là đem vàng ròng đổi lấy quặng thau.

“Thế nào là đem bạc quý đổi lấy chì pha thiếc? Bạc ví như Mười điều thiện. Chì pha thiếc ví như Mười điều ác. Có những đệ tử của ta buông bỏ Mười điều thiện, làm Mười điều ác. Đó gọi là đem bạc quý đổi lấy chì pha thiếc.

“Thế nào là đem tơ lụa đổi lấy vải thô? Vải thô ví như lòng không biết hổ thẹn. Tơ lụa ví như sự biết hổ thẹn. Có những đệ tử của ta buông bỏ [đức tính quý giá là] sự hổ thẹn, tập quen tính không hổ thẹn. Đó gọi là đem tơ lụa mà đổi lấy vải thô.

“Thế nào là đem cam lộ đổi lấy thuốc độc? Thuốc độc ví như mọi thứ lợi dưỡng. Cam lộ ví như các pháp không phiền não. Có những đệ tử của ta vì lợi dưỡng mà tự khen ngợi mình trước mặt những người cư sĩ tại gia, hoặc tự nói rằng mình chứng đắc quả vô lậu. Đó gọi là đem cam lộ đổi lấy độc dược.

“Vì những tỳ-kheo xấu ác như vậy nên kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này mới [cần phải] lưu hành một cách rộng rãi trong cõi Diêm-phù-đề. Vào lúc ấy, có những đệ tử thọ

trì, tụng đọc, sao chép kinh này, giảng giải và lưu hành rộng rãi, sẽ bị những tỳ-kheo xấu ác như trên hãm hại.

“Bấy giờ, những tỳ-kheo xấu ác cùng nhau tụ tập, lập ra quy chế nghiêm ngặt rằng: ‘Nếu có người thọ trì kinh Đại Niết-bàn, sao chép, tụng đọc, phân biệt giảng thuyết, thì không ai được cùng ở chung, ngồi chung, chuyện trò qua lại với người ấy. Vì sao vậy? Vì kinh Niết-bàn không phải do Phật thuyết, mà do những kẻ tà kiến làm ra. Những kẻ tà kiến đó tức thuộc bọn sáu thầy ngoại đạo.<sup>(21)</sup> Kinh điển của sáu thầy ngoại đạo không phải kinh điển của Phật.

“Vì lẽ gì vậy? Vì tất cả chư Phật đều nói những pháp vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Nếu nói các pháp là thường, lạc, ngã, tịnh, sao có thể là kinh do Phật thuyết được?

“Chư Phật, Bồ Tát cho phép tỳ-kheo chứa trữ mọi vật, còn bọn sáu thầy ngoại đạo không cho đệ tử chứa trữ một vật gì cả. Nghĩa lý như vậy, sao có thể là do Phật thuyết dạy?

“Chư Phật, Bồ Tát không cấm đệ tử ăn thịt bò và năm món chế biến từ sữa bò, còn bọn sáu thầy ngoại đạo thì không cho phép ăn năm thứ muối, năm món chế biến từ sữa bò cùng là mỡ, huyết... Nếu cấm dứt những món này, sao có thể là kinh điển chân chánh của Phật?

“Chư Phật, Bồ Tát thuyết điển Ba thừa, nhưng trong kinh này chỉ thuyết duy nhất một thừa là Đại Niết-bàn. Những lời như vậy, sao có thể là kinh điển chân chánh của Phật?

“Chư Phật đều dứt bỏ tất cả mà nhập Niết-bàn, kinh này lại nói rằng Phật là thường, lạc, ngã, tịnh, không

nhập Niết-bàn. Kinh này chẳng có trong số Mười hai bộ kinh, tức là do ma thuyết, chẳng phải Phật thuyết.’

“Thiện nam tử! Những kẻ ấy, tuy là đệ tử của ta nhưng không thể tin theo kinh Niết-bàn này.

“Thiện nam tử! Vào thuở ấy, nếu có chúng sanh nào tin nhận kinh điển này, dù chỉ nửa câu, nên biết rằng những người ấy là đệ tử chân thật của ta. Nhờ tin như vậy liền thấy tánh Phật, được vào [cảnh giới] Niết-bàn.”

Lúc ấy, Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Hôm nay Như Lai thật khéo khai mở chỉ bày kinh Đại Niết-bàn. Bạch Thế Tôn! Con nhân việc này mà được thấu rõ kinh Đại Niết-bàn, dù là một câu, thậm chí nửa câu. Nhờ thấu rõ được một câu, thậm chí nửa câu, nên thấy được đôi chút tánh Phật. Như lời Phật dạy thì con cũng sẽ được vào [cảnh giới] Đại Niết-bàn.”

[Phật dạy:] “Như vậy gọi là Bồ Tát tu hành kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu trọn vẹn công đức thứ mười.”

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN HAI MƯƠI SÁU

## CHÚ GIẢI

1. Hai chân lý (Nhị đế): tức Tục đế hay Thế đế (chân lý tương đối của thế tục) và Chân đế, Thắng nghĩa đế hay Đệ nhất nghĩa đế (chân lý tuyệt đối của cảnh giới giải thoát).
2. Không nói lỗi của người với kẻ khác (vì muốn bêu xấu), khác với việc chỉ lỗi của người khác ra để khuyên răn, dạy bảo.
3. Xem lại phẩm Thị hiện bệnh.
4. Tên một hồ lớn thường được nhắc đến trong nhiều kinh luận, nằm trên đỉnh Hy-mã-lạp sơn. A-na-bà-đạp-đa được phiên âm từ tiếng Phạn là *Anavatapta*, cũng đọc là A-nậu-đạt, dịch nghĩa là Vô nhiệt hay Vô não nhiệt. Nam bản dùng tên gọi hồ này là A-nậu-đạt.
5. Uất-đan-việt (*Uttarakuru*) hay Bắc Câu-lô châu là một trong bốn đại châu của thế giới, ở về phía bắc núi Tu-di.
6. Không hầu: một loại đàn có 23 dây.
7. Có lẽ đây là một phương pháp chế biến thuốc xưa, nay chúng ta không được biết.
8. Thi-la (*Sila*) Ba-la-mật, tức Trì giới Ba-la-mật, một trong sáu pháp ba-la-mật của hàng Bồ Tát.
9. Thiên đế Kiều-thi-ca, khi năm tướng suy đã hiện, biết thọ mạng và phước đức sắp hết, phải thọ sanh xuống thế gian, nhờ nghe lời một vị đại thần tìm đến lễ bái đức Phật, nghe pháp mâu, liền được tiếp tục kéo dài thọ mạng và hưởng phước nơi thiên giới. Chuyện này đã được vị lương y Kỳ-bà kể cho vua A-xà-thế nghe khi khuyên ông tìm đến gặp Phật.
10. Tỳ-kheo Xiển-đề: Vị tỳ-kheo này tuy được gặp Phật mà phát tâm xa lìa ác nghiệp, xuất gia tu hành, nhưng về sau không tin nhân quả, nên người đương thời gọi là tỳ-kheo Xiển-đề.
11. Tỳ-kheo Thảo Hệ: Vị tỳ-kheo này bị bọn cướp chặn đường giết lấy áo và bình bát, rồi dùng thân cỏ tươi quấn vào tay chân. Thầy bị trói như vậy, chẳng dám cử động vì sợ làm tróc gốc rễ mà chết cỏ, thành ra phạm giới. Sau có người đi đường trông thấy, gỡ ra cho thầy. Do chuyện này nên người ta gọi thầy là tỳ-kheo Thảo Hệ (vị tỳ-kheo bị trói bằng cỏ).
12. Tỳ-phật-lược, tức kinh Phương quảng Đại thừa.

13. Vì tu tập pháp Tam-muội này thì quán xét thấy tánh thật của tất cả các pháp đều là không, không có người tạo tác, người thọ nhận; nên cũng không còn có đối tượng của sự mừng vui hay tức giận.
14. Đây nói về quan điểm tứ đại, bốn yếu tố chính cấu thành mọi sự vật.
15. Năm việc (Ngũ sự) vừa nêu ở đoạn trên, là đức tin, lòng ngay thẳng, trì giới, thân cận thiện hữu và đa văn.
16. Ha-lê-lặc (haritakī), cũng phiên âm là Ha-ly-lặc, là một loại cây có trái, rễ, thân, cành lá, hoa và hạt đều có vị đắng.
17. Địa vị thứ chín (Cửu địa) trong Thập địa, tức Thiện tuệ địa.
18. Đây nói chuyện xảy ra khi thái tử Lưu-ly cướp ngôi của vua cha là Ba-tư-nặc rồi kéo quân đánh thành Ca-tỳ-la, tàn sát những người thuộc dòng họ Thích-ca.
19. Chì pha thiếc: một hợp kim dễ nóng chảy, dùng để hàn các kim loại khác.
20. Đây nói tóm tắt cả các nhân duyên từ hình sắc cho đến sự xúc chạm, tức năm trần sanh năm dục.
21. Sáu thầy ngoại đạo (Lục sư ngoại đạo): sáu vị thầy của sáu phái ngoại đạo lớn vào thời đức Phật: 1. Phú-lan-na, 2. Mạt-già-lê Câu-xá-ly tử, 3. San-xà-da Tỳ-la-chi tử, 4. A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la, 5. Ca-la-cưu-đà Ca-chiên-diên, 6. Ni-kiền-đà Nhã-đề-tử.

# 大般涅槃經

## 卷第二十七

### 師子吼菩薩品

#### 第十一之一

爾時佛告一切大眾。諸善男子。汝等。若疑有佛無佛。有法無法。有僧無僧。有苦無苦。有集無集。有滅無滅。有道無道。有實無實。有我無我。有樂無樂。有淨無淨。有常無常。有乘無乘。有性無性。有眾生無眾生。有有無有。有真無真。有因無因。有果無果。有作無作。有業無業。有報無報者。今恣汝所問。吾當為汝分別解說。

善男子。我實不見若天若人若魔若梵若沙門若婆羅門。有來問我不能答者。

爾時會中有一菩薩名師子吼。即從座起。斂容整服。前禮佛足。長跪合掌。而白佛言。世尊。我適欲問。如來大慈。復垂聽許。

爾時佛告諸大眾言。諸善男子。汝等今當於是菩薩深生恭敬尊重讚歎。應以種種香花伎樂瓔珞幡蓋衣服飲食臥具醫藥房舍殿堂。而供養之。迎來送

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ NHỊ THẬP THẤT

### SU TỬ HỒNG BỒ TÁT PHẨM

#### ĐỆ THẬP NHẤT CHI NHẤT

Nhĩ thời, Phật cáo nhất thiết đại chúng: Chư thiện nam tử! Nhữ đẳng nhược nghi hữu Phật, vô Phật, hữu pháp, vô pháp, hữu Tăng, vô tăng, hữu khổ, vô khổ, hữu tập, vô tập, hữu diệt, vô diệt, hữu đạo, vô đạo, hữu thật, vô thật, hữu ngã, vô ngã, hữu lạc, vô lạc, hữu tịnh, vô tịnh, hữu thường, vô thường, hữu thừa, vô thừa, hữu tánh, vô tánh, hữu chúng sanh, vô chúng sanh, hữu hữu, vô hữu, hữu chân, vô chân, hữu nhân, vô nhân, hữu quả, vô quả, hữu tác, vô tác, hữu nghiệp, vô nghiệp, hữu báo, vô báo giả. Kim tứ nhĩ sở vấn. Ngô đương vị nhữ, phân biệt giải thuyết.

Thiện nam tử! Ngã thật bất kiến nhược thiên, nhược nhân, nhược ma, nhược phạm, nhược sa-môn, nhược bà-la-môn hữu lai vấn ngã, bất năng đáp giả.

Nhĩ thời, hội trung, hữu nhất Bồ Tát danh Sư Tử Hồng, tức tùng tọa khởi, liễm dung, chỉnh phục, tiền lễ Phật túc, trường quy hiệp chưởng, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã thích dục vấn; Như Lai đại từ phục thùý thính hứa.

Nhĩ thời, Phật cáo chư đại chúng ngôn: Chư thiện nam tử! Nhữ đẳng kim đương ư thị Bồ Tát thâm sanh cung kính, tôn trọng, tán thán. Ưng dĩ chủng chủng hương hoa, kỹ nhạc, anh lạc, phan cái, y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược, phòng xá, điện đường nhi cúng dường chi, nghinh lai tống khứ. Sở dĩ giả hà?

去。所以者何。是人已於過去諸佛深種善根福德成就。是故今於我前欲師子吼。

善男子。如師子王自知身力。牙齒鋒鋟四足踞地安住巖穴振尾出聲。若有能具如是諸相。當知。是則能師子吼。真師子王晨朝出穴頻申欠喏。四向顧望發聲震吼為十一事。

何等十一。一為欲壞實非師子詐作師子故。二為欲試自身力故。三為欲令住處淨故。四為諸子知處所故。五為群輩無怖心故。六為眠者得覺寤故。七為一切放逸諸獸不放逸故。八為諸獸來依附故。九為欲調大香象故。十為教告諸子息故。十一為欲莊嚴自眷屬故。

一切禽獸聞師子吼。水性之屬潛沒深淵。陸行之類藏伏窟穴。飛者墮落諸大香象怖走失糞。

諸善男子。如彼野干雖逐師子至于百年。終不能作師子吼也。若師子子始滿三年。則能哮吼如師子王。

善男子。如來正覺智慧牙爪四如意足。六波羅蜜滿足之身。十力雄猛，大悲為尾。安住四禪清淨窟宅。為諸眾生而師子吼摧破魔軍。示眾十力開佛行處。為諸邪見作歸依所。安撫生死怖畏之眾。覺悟無明睡眠眾生。行惡法者為作悔心。開示邪見一

Thị nhân dĩ ư quá khứ chư Phật, thâm chủng thiện căn, phước đức thành tựu. Thị cố kim ư ngã tiền, dục Sư tử hống.

Thiện nam tử! Như sư tử vương, tự tri thân lực, nha xỉ, phong mang, tứ túc cứ địa, an trụ nham huyết, chấn vĩ xuất thanh. Nhược hữu năng cụ như thị chư tướng, đương tri thị tác năng sư tử hống.

Chân sư tử vương, thân triều xuất huyết, tần thân, khiếm khứ, tứ hướng cố vọng, phát thanh chấn hống, vị thập nhất sự. Hà đẳng thập nhất? Nhất vị dục hoại thật phi sư tử, trá tác sư tử cố. Nhị, vị dục thí tự thân lực cố. Tam, vị dục linh trụ xứ tịnh cố. Tứ, vị chư tử tri xứ sở cố. Ngũ, vị quần bối vô bố tâm cố. Lục, vị miên giả đắc giác ngộ cố. Thất, vị nhất thiết phóng dật chư thú bất phóng dật cố. Bát, vị chư thú lai y phụ cố. Cửu, vị dục điều đại hương tượng cố. Thập, vị giáo cáo chư tử túc cố. Thập nhất, vị dục trang nghiêm tự quyến thuộc cố.

Nhất thiết cầm thú văn sư tử hống, thủy tánh chi thuộc tán một thâm uyên; lục hành chi loại tàng phục quật huyết; phi giả đọa lạc; chư đại hương tượng bố tẩu thất phần!

Chư thiện nam tử! Như bỉ dã can, tuy trực sư tử chí vu bá niên, chung bất năng tác sư tử hống dã. Nhược sư tử tử, thủy mãn tam niên, tác năng hao hống như Sư tử vương.

Thiện nam tử! Như Lai chánh giác, trí tuệ nha trảo, tứ như ý túc, lục ba-la-mật mãn túc chi thân, Thập lực hùng mãnh, Đại bi vi vĩ, an trụ tứ thiên, thanh tịnh quật trạch. Vị chư chúng sanh, nhi sư tử hống, tội phá ma quân, thị chúng thập lực, khai Phật hành xứ. Vị chư tà kiến, tác quy y sở; an vô sanh tử bố úy chi chúng; giác ngộ vô minh thủy miên chúng sanh; hành ác pháp giả, vi tác hồi tâm; khai thị tà kiến nhất thiết chúng sanh, linh tri lực sư phi sư tử hống cố; phá Phú-

切眾生令知六師非師子吼故。破富蘭那等憍慢心故。為令二乘生悔心故。為教五住諸菩薩等生大力心故。為令正見四部之眾於彼邪見四部徒眾不生怖畏故。從聖行梵行天行窟宅頻申而出。為欲令彼諸眾生等破憍慢故欠喏。為令諸眾生等生善法故四向顧望。為令眾生得四無礙故四足踞地。為令眾生具足安住尸波羅蜜故。故師子吼。師子吼者名決定說。一切眾生悉有佛性。如來常住無有變易。

善男子。聲聞緣覺雖復隨逐如來世尊無量百千阿僧祇劫。而亦不能作師子吼。十住菩薩若能修行是三行處。當知。是則能師子吼。

諸善男子。是師子吼菩薩摩訶薩。今欲如是大師子吼。是故汝等應當深心供養恭敬尊重讚歎。

爾時世尊告師子吼菩薩摩訶薩言。善男子。汝若欲問今可隨意。

師子吼菩薩摩訶薩白佛言。世尊。云何為佛性。以何義故。名為佛性。何故復名常樂我淨。若一切眾生有佛性者。何故不見一切眾生所有佛性。十住菩薩住何等法不了了見。佛住何等法而了了見。十住菩薩以何等眼不了了見。佛以何眼而了了見。

佛言。善男子。善哉善哉。若有人能為法諮啟。則為具足二種莊嚴。一者智慧。二者福德。若有菩薩

lan-na đảng kiêu mạn tâm cố; vị linh nhị thừa sanh hồi tâm cố; vị giáo ngũ trụ chư Bồ Tát đảng sanh đại lực tâm cố; vị linh chánh kiến Tứ bộ chi chúng, ư bỉ tà kiến tứ bộ đồ chúng, bất sanh bố úy cố; từng Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, quật trạch, tần thân nhi xuất. Vị dục linh bỉ chư chúng sanh đảng phá kiêu mạn, cố khiếm khuyết. Vị linh chư chúng sanh đảng sanh thiện pháp, cố tứ hướng cố vọng. Vị linh chúng sanh đắc tứ vô ngại, cố tứ túc cứ địa. Vị linh chúng sanh cụ túc an trụ Thi Ba-la-mật cố, cố Sư tử hống. Sư tử hống giả, danh quyết định thuyết: Nhất thiết chúng sanh, tất hữu Phật tánh; Như Lai thường trụ, vô hữu biến dị.

Thiện nam tử! Thanh văn, Duyên giác tuy phục tùy trực Như Lai Thế Tôn, vô lượng bá thiên a-tăng-kỳ kiếp nhi diệt bất năng tác sư tử hống. Thập trụ Bồ Tát nhược năng tu hành thị tam hạnh xứ, đương tri thị tác năng sư tử hống.

Chư thiện nam tử! Thị Sư Tử Hống Bồ Tát ma-ha-tát, kim dục như thị đại Sư tử hống. Thị cố nhữ đảng ưng đương thâm tâm cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán.

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Sư Tử Hống Bồ Tát ma-ha-tát ngôn: Thiện nam tử! Nhữ nhược dục vấn, kim khả tùy ý.

Sư Tử Hống Bồ Tát ma-ha-tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Vân hà vi Phật tánh? Dĩ hà nghĩa cố, danh vi Phật tánh? Hà cố phục danh thường, lạc, ngã, tịnh? Nhược nhất thiết chúng sanh hữu Phật tánh giả, hà cố bất kiến nhất thiết chúng sanh sở hữu Phật tánh? Thập trụ Bồ Tát, trụ hà đảng pháp, bất liễu kiến? Phật trụ hà đảng pháp, nhi liễu kiến? Thập trụ Bồ Tát dĩ hà đảng nhãn, bất liễu kiến? Phật dĩ hà nhãn nhi liễu kiến?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thiện tai! Thiện tai! Nhược hữu nhân năng vị pháp tư khả, tác vi cụ túc nhị chủng trang nghiêm: nhất giả trí tuệ, nhị giả phước đức. Nhược hữu Bồ Tát

具足如是二莊嚴者則知佛性。亦復解知名為佛性。乃至能知十住菩薩以何眼見諸佛世尊以何眼見。

師子吼菩薩言。世尊。云何名為智慧莊嚴。云何名為福德莊嚴。

善男子。慧莊嚴者。謂從一地乃至十地。是名慧莊嚴。福德莊嚴者。謂檀波羅蜜乃至般若波羅蜜。

復次善男子。慧莊嚴者。所謂諸佛菩薩。福德莊嚴者。謂聲聞緣覺九住菩薩。

復次善男子。福德莊嚴者。有為有漏有有果報有礙非常是凡夫法。慧莊嚴者無為無漏。無有果報無礙常住。

善男子。汝今具足是二莊嚴。是故能問甚深妙義。我亦具足是二莊嚴能答是義。

師子吼菩薩摩訶薩言。世尊。若有菩薩具足如是二莊嚴者。則不應問一種二種。云何世尊。說言能答一種二種。所以者何。一切諸法無一二種。一種二種者是凡夫相。

佛言。善男子。若有菩薩無二種莊嚴。則不能知一種二種。若有菩薩具二莊嚴。則能解知一種二

cụ túc như thị nhị trang nghiêm giả, tác tri Phật tánh, diệc phục giải tri danh vi Phật tánh, nãi chí năng tri thập trụ Bồ Tát dĩ hà nhân kiến, chư Phật Thế Tôn dĩ hà nhân kiến.

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Vân hà danh vi trí tuệ trang nghiêm? Vân hà danh vi phước đức trang nghiêm?

Thiện nam tử! Tuệ trang nghiêm giả, vị từng nhất địa nãi chí thập địa. Thị danh tuệ trang nghiêm. Phước đức trang nghiêm giả, vị Đàn Ba-la-mật nãi chí Bát-nhã; phi Bát nhã Ba-la-mật.

Phục thứ, thiện nam tử! Tuệ trang nghiêm giả, sở vị chư Phật, Bồ Tát. Phước đức trang nghiêm giả, vị Thanh văn, Duyên giác cứu trụ Bồ Tát.

Phục thứ, thiện nam tử! Phước đức trang nghiêm giả, hữu vi, hữu lậu, hữu hữu quả báo, hữu ngại, phi thường; thị phạm phu pháp. Tuệ trang nghiêm giả, vô vi, vô lậu, vô hữu quả báo, vô ngại, thường trụ.

Thiện nam tử! Nhữ kim cụ túc thị nhị trang nghiêm, thị cố năng vấn thậm thâm diệu nghĩa. Ngã diệc cụ túc thị nhị trang nghiêm, năng đáp thị nghĩa.

Sư Tử Hống Bồ Tát ma-ha-tát ngôn: Thế Tôn! Nhược hữu Bồ Tát cụ túc như thị nhị trang nghiêm giả, tác bất ưng vấn nhất chủng, nhị chủng? Vân hà Thế Tôn thuyết ngôn năng đáp nhất chủng, nhị chủng? Sở dĩ giả hà? Nhất thiết chư pháp, vô nhất nhị chủng. Nhất chủng, nhị chủng giả, thị phạm phu tướng.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược hữu Bồ Tát vô nhị chủng trang nghiêm, tác bất năng tri nhất chủng, nhị chủng. Nhược hữu Bồ Tát cụ túc nhị trang nghiêm, tác năng giải tri nhất chủng, nhị chủng. Nhược ngôn chư pháp vô nhất, nhị giả, thị nghĩa



種。若言諸法無一二者。是義不然。何以故。若無一二云何得說一切諸法無一無二。

善男子。若言一二是凡夫相。是乃名為十住菩薩。非凡夫也。何以故。一者名為涅槃。二者名為生死。何故一者名為涅槃。以其常故。何故二者名為生死。愛無明故。常涅槃者。非凡夫相生死。二者亦非凡夫相。以是義故。具二莊嚴者能問能答。

善男子。汝問云何為佛性者。諦聽諦聽。吾當為汝分別解說。

善男子。佛性者名第一義空。第一義空名為智慧。所言空者不見空與不空。智者見空及與不空。常與無常苦之與樂我與無我。空者一切生死。不空者謂大涅槃。乃至無我者即是生死。我者謂大涅槃。

見一切空不見不空不名中道。乃至見一切無我。不見我者不名中道。

中道者名為佛性。以是義故。佛性常恒無有變易。無明覆故令諸眾生不能得見。聲聞緣覺見一切空不見不空。乃至見一切無我不見於我。以是義故。不得第一義空。不得第一義空故不行中道。無中道故不見佛性。

善男子。不見中道者凡有三種。一者定樂行。二者定苦行。三者苦樂行。

bất nhiên. Hà dĩ cố? Nhược vô nhất, nhị, vân hà đặc thuyết nhất thiết chư pháp vô nhất, vô nhị?

Thiện nam tử! Nhược ngôn: nhất, nhị, thị phàm phu tướng, thị nãi danh vi thập trụ Bồ Tát, phi phàm phu dã. Hà dĩ cố? Nhất giả danh vi Niết-bàn; nhị giả danh vi sanh tử. Hà cố nhất giả danh vi Niết-bàn? Dĩ kỳ thường cố. Hà cố nhị giả danh vi sanh tử? Ái, vô minh cố. Thường, Niết-bàn giả, phi phàm phu tướng; sanh tử, nhị giả, diệc phi phàm phu tướng. Dĩ thị nghĩa cố, cụ nhị trang nghiêm giả, năng vấn, năng đáp.

Thiện nam tử! Nhữ vấn: Vân hà vi Phật tánh giả? Đế thánh! Đế thánh! Ngô đương vị nhữ phân biệt giải thuyết.

Thiện nam tử! Phật tánh giả, danh đệ nhất nghĩa không. Đệ nhất nghĩa không, danh vi trí tuệ. Sở ngôn không giả, bất kiến không dữ bất không. Trí giả kiến không cập dữ bất không, thường dữ vô thường, khổ chi dữ lạc, ngã dữ vô ngã. Không giả nhất thiết sanh tử. Bất không giả, vị Đại Niết-bàn... Nãi chí vô ngã giả, tức thị sanh tử. Ngã giả, vị Đại Niết-bàn.

Kiến nhất thiết không, bất kiến bất không, bất danh trung đạo. Nãi chí kiến nhất thiết vô ngã, bất kiến ngã giả, bất danh trung đạo.

Trung đạo giả, danh vi Phật tánh. Dĩ thị nghĩa cố, Phật tánh thường hằng, vô hữu biến dị. Vô minh phú cố, linh chư chúng sanh bất năng đặc kiến. Thanh văn, Duyên giác kiến nhất thiết không, bất kiến, bất không; nãi chí kiến nhất thiết vô ngã, bất kiến ư ngã. Dĩ thị nghĩa cố, bất đặc đệ nhất nghĩa không. Bất đặc đệ nhất nghĩa không, cố bất hành trung đạo. Vô trung đạo cố, bất kiến Phật tánh.

Thiện nam tử! Bất kiến trung đạo giả, phàm hữu tam chủng: nhất giả định lạc hành; nhị giả định khổ hành; tam giả khổ lạc hành.

定樂行者。所謂菩薩摩訶薩憐愍一切諸眾生故。雖復處在阿鼻地獄如三禪樂。定苦行者。謂諸凡夫。苦樂行者。謂聲聞緣覺。聲聞緣覺行於苦樂作中道想。以是義故。雖有佛性而不能見。

如汝所問。以何義故名佛性者。善男子。佛性者。即是一切諸佛阿耨多羅三藐三菩提中道種子。

復次善男子。道有三種。謂下上中。下者梵天無常謬見是常。上者生死無常謬見是常。三寶是常橫計無常。何故名上。能得最上阿耨多羅三藐三菩提故。中者名第一義空。無常見無常，常見於常。第一義空不名為下。何以故。一切凡夫所不得故。不名為上。何以故。即是上故。諸佛菩薩所修之道不上不下。以是義故。名為中道。

復次善男子。生死本際凡有二種。一者無明。二者有愛。是二中間則有生老病死之苦。是名中道。如是中道能破生死故名為中。以是義故。中道之法名為佛性。是故佛性常樂我淨。以諸眾生不能見故。無常無樂無我無淨。佛性實非無常無樂無我無淨。

善男子。譬如貧人家有寶藏是人不見。以不見故無常無樂無我無淨。有善知識而語之言。汝舍宅中有金寶藏。何故如是貧窮困苦無常無樂無我無

Định lạc hạnh giả, sở vị Bồ Tát ma-ha-tát, lân mẫn nhất thiết chư chúng sanh cố, tuy phục xử tại A-tỳ địa-ngục, như Tam thiên lạc. Định khổ hạnh giả, vị chư phàm phu. Khổ lạc hành giả, vị Thanh văn, Duyên giác. Thanh văn, Duyên giác hành ư khổ lạc, tác trung đạo tưởng. Dĩ thị nghĩa cố, tuy hữu Phật tánh, nhi bất năng kiến.

Như nữ sở vấn: Dĩ hà nghĩa cố, danh Phật tánh giả? Thiện nam tử! Phật tánh giả, tức thị nhất thiết chư Phật A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề trung đạo chủng tử.

Phục thứ, thiện nam tử! Đạo hữu tam chủng, vị: hạ, thượng, trung. Hạ giả, Phạm thiên vô thường, mậu kiến thị thường. Thượng giả, sanh tử vô thường, mậu kiến thị thường; Tam Bảo thị thường, hoạnh kế vô thường. Hà cố danh thượng? Năng đắc tối thượng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề cố. Trung giả, danh đệ nhất nghĩa không: vô thường kiến vô thường; thường kiến ư thường. Đệ nhất nghĩa không, bất danh vi hạ. Hà dĩ cố? Nhất thiết phàm phu sở bất đắc cố. Bất danh vi thượng. Hà dĩ cố? Tức thị thượng cố. Chư Phật, Bồ Tát sở tu chi đạo, bất thượng, bất hạ. Dĩ thị nghĩa cố, danh vi trung đạo.

Phục thứ, thiện nam tử! Sanh tử bốn tế, phàm hữu nhị chủng: nhất giả vô minh, nhị giả hữu ái. Thị nhị trung gian, tác hữu sanh lão, bệnh, tử chi khổ. Thị danh trung đạo. Như thị trung đạo năng phá sanh tử, cố danh vi trung. Dĩ thị nghĩa cố, trung đạo chi pháp, danh vi Phật tánh. Thị cố Phật tánh thường, lạc, ngã, tịnh. Dĩ chư chúng sanh bất năng kiến cố, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Phật tánh thật phi vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

Thiện nam tử! Thí như bần nhân, gia hữu bảo tạng; thị nhân bất kiến. Dĩ bất kiến cố, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Hữu thiện tri thức nhi ngữ chi ngôn: Nữ xá trạch trung, hữu kim bảo tạng, hà cố như thị bần cùng, khốn khổ, vô thường, vô

淨。即以方便令彼得見以得見故是人即得常樂我淨。佛性亦爾。眾生不見。以不見故無常無樂無我無淨。有善知識諸佛菩薩。以方便力種種教告令彼得見。以得見故眾生即得常樂我淨。

復次善男子。眾生起見凡有二種。一者常見。二者斷見。如是二見不名中道。無常無斷乃名中道。無常無斷即是觀照十二因緣智。如是觀智是名佛性。二乘之人雖觀因緣。猶亦不得名為佛性。佛性雖常以諸眾生無明覆故不能得見。又未能渡十二因緣河猶如兔馬。何以故。不見佛性故。

善男子。是觀十二因緣智慧。即是阿耨多羅三藐三菩提種子。以是義故。十二因緣名為佛性。

善男子。譬如胡瓜名為熱病。何以故。能為熱病作因緣故。十二因緣亦復如是。

善男子。佛性者。有因有因有果有果。有因者即十二因緣。因因者即是智慧。有果者即是阿耨多羅三藐三菩提。果果者即是無上大般涅槃。

善男子。譬如無明為因諸行為果行因識果。以是義故。彼無明體亦因亦因。識亦果亦果。佛性亦爾。善男子。以是義故。十二因緣不生不滅不常不斷非一非二。不來不去非因非果。

lạc, vô ngã, vô tịnh? Tức dĩ phương tiện, linh bỉ đắc kiến. Dĩ đắc kiến cố, thị nhân tức đắc thường, lạc, ngã, tịnh. Phật tánh diệc nhĩ; chúng sanh bất kiến. Dĩ bất kiến cố, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Hữu thiện tri thức, chư Phật, Bồ Tát, dĩ phương tiện lực, chủng chủng giáo cáo, linh bỉ đắc kiến. Dĩ đắc kiến cố, chúng sanh tức đắc thường, lạc, ngã, tịnh.

Phục thứ, thiện nam tử! Chúng sanh khởi kiến, phạm hữu nhị chủng: nhất giả thường kiến, nhị giả đoạn kiến. Như thị nhị kiến, bất danh trung đạo. Vô thường vô đoạn, nãi danh trung đạo. Vô thường vô đoạn, tức thị quán chiếu thập nhị nhân duyên trí. Như thị quán trí, thị danh Phật tánh. Nhị thừa chi nhân, tuy quán nhân duyên, du diệc bất đắc danh vi Phật tánh. Phật tánh tuy thường; dĩ chư chúng sanh vô minh phú cố, bất năng đắc kiến. Hựu vị năng độ thập nhị nhân duyên hà, do như thố, mã. Hà dĩ cố? Bất kiến Phật tánh cố.

Thiện nam tử! Thị quán thập nhị nhân duyên trí tuệ, tức thị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề chủng tử. Dĩ thị nghĩa cố, thập nhị nhân duyên, danh vi Phật tánh.

Thiện nam tử! Thí như hồ qua, danh vi nhiệt bệnh. Hà dĩ cố? Năng vi nhiệt bệnh, tác nhân duyên cố. Thập nhị nhân duyên diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Phật tánh giả, hữu nhân, hữu nhân nhân, hữu quả, hữu quả quả. Hữu nhân giả, tức thập nhị nhân duyên. Nhân nhân giả, tức thị trí tuệ. Hữu quả giả, tức thị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Quả quả giả, tức thị vô thượng Đại Bát Niết-bàn.

Thiện nam tử! Thí như vô minh vi nhân, chư hành vi quả; hành, nhân, thức, quả... Dĩ thị nghĩa cố, bỉ vô minh thể diệc nhân, diệc nhân nhân; thức diệc quả, diệc quả quả. Phật tánh diệc nhĩ. Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, thập nhị nhân duyên bất sanh bất diệt, bất thường bất đoạn, phi nhất phi nhị, bất lai bất khứ, phi nhân phi quả.

善男子。是因非果如佛性。是果非因如大涅槃。是因是果如十二因緣所生之法。非因非果名為佛性。非因果故常恒無變。以是義故。我經中說十二因緣其義甚深。無知無見不可思惟。乃是諸佛菩薩境界。非諸聲聞緣覺所及。

以何義故甚深甚深。眾生業行不常不斷而得果報。雖念念滅而無所失。雖無作者而有作業。雖無受者而有果報。受者雖滅果不敗亡。無有慮知和合而有。一切眾生雖與十二因緣共行而不見知。不見知故無有終始。十住菩薩惟見其終不見其始。諸佛世尊見始見終。以是義故。諸佛了了得見佛性。

善男子。一切眾生不能見於十二因緣。是故輪轉。

善男子。如蠶作繭自生自死。一切眾生亦復如是。不見佛性故自造結業流轉生死猶如拍毬。

善男子。是故我於諸經中說。若有人見十二因緣者即是見法。見法者即是見佛。佛者即是佛性。何以故。一切諸佛以此為性。

善男子。觀十二緣智凡有四種。一者下。二者中。三者上。四者上上。

Thiện nam tử! Thị nhân phi quả, như Phật tánh. Thị quả phi nhân, như Đại Niết-bàn. Thị nhân thị quả, như thập nhị nhân duyên sở sanh chi pháp. Phi nhân phi quả, danh vi Phật tánh. Phi nhân quả cố, thường hằng vô biến. Dĩ thị nghĩa cố, ngã kinh trung thuyết Thập nhị nhân duyên, kỳ nghĩa thậm thâm, vô tri vô kiến, bất khả tư duy. Nãi thị chư Phật, Bồ Tát cảnh giới, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở cập.

Dĩ hà nghĩa cố, thậm thâm, thậm thâm? Chúng sanh nghiệp hành bất thường bất đoạn, nhi đắc quả báo. Tuy niệm niệm diệt, nhi vô sở thất; tuy vô tác giả, nhi hữu tác nghiệp; tuy vô thọ giả, nhi hữu quả báo. Thọ giả tuy diệt, quả bất bại vong. Vô hữu lự tri, hòa hiệp, nhi hữu. Nhất thiết chúng sanh, tuy dĩ thập nhị nhân duyên cộng hành, nhi bất kiến tri. Bất kiến tri cố, vô hữu chung thủy. Thập trụ Bồ Tát duy kiến kỳ chung, bất kiến kỳ thủy. Chư Phật Thế Tôn kiến thủy, kiến chung. Dĩ thị nghĩa cố, chư Phật liễu liễu đắc kiến Phật tánh.

Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh bất năng kiến ư Thập nhị nhân duyên, thị cố luân chuyển.

Thiện nam tử! Như tầm tác kiến, tự sanh tự tử. Nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị; bất kiến Phật tánh cố, tự tạo kết nghiệp, lưu chuyển sanh tử, do như phách cầu!

Thiện nam tử! Thị cố ngã ư chư kinh trung thuyết: Nhược hữu nhân kiến thập nhị nhân duyên giả, tức thị kiến pháp. Kiến pháp giả, tức thị kiến Phật. Phật giả, tức thị Phật tánh. Hà dĩ cố? Nhất thiết chư Phật dĩ tử vi tánh.

Thiện nam tử! Quán thập nhị nhân duyên trí, phạm hữu tứ chủng: nhất giả hạ, nhị giả trung, tam giả thượng, tứ giả thượng thượng.

下智觀者不見佛性。以不見故得聲聞道。

中智觀者不見佛性。以不見故得緣覺道。

上智觀者見不了了。不了了故住十住地。

上上智觀者見了了故。得阿耨多羅三藐三菩提道。以是義故。十二因緣名為佛性。

佛性者即第一義空。第一義空名為中道。中道者即名為佛。佛者名為涅槃。

爾時師子吼菩薩摩訶薩白佛言。世尊。若佛與佛性無差別者。一切眾生何用修道。

佛言。善男子。如汝所問是義不然。佛與佛性雖無差別。然諸眾生悉未具足。

善男子。譬如有人惡心害母。害已生悔。三業雖善。是人故名地獄人也。何以故。是人定當墮地獄故。是人雖無地獄陰界諸入。猶故得名為地獄人。

善男子。是故我於諸經中說。若見有人修行善者名見天人。修行惡者名見地獄。何以故。定受報故。

善男子。一切眾生定得阿耨多羅三藐三菩提故。是故我說一切眾生悉有佛性。一切眾生真實未有三十二相八十種好。以是義故。我於此經而說是偈。

Hạ trí quán giả, bất kiến Phật tánh. Dĩ bất kiến cố, đắc Thanh văn đạo.

Trung trí quán giả, bất kiến Phật tánh. Dĩ bất kiến cố, đắc Duyên giác đạo.

Thượng trí quán giả, kiến bất liễu liễu. Bất liễu liễu cố, trụ thập trụ địa.

Thượng thượng trí quán giả, kiến liễu liễu cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề đạo. Dĩ thị nghĩa cố, thập nhị nhân duyên, danh vi Phật tánh.

Phật tánh giả, tức đệ nhất nghĩa không. Đệ nhất nghĩa không, danh vi trung đạo. Trung đạo giả, tức danh vi Phật. Phật giả, danh vi Niết-bàn.

Nhĩ thời, Sư Tử Hống Bồ Tát ma-ha-tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! nhược Phật dĩ Phật tánh vô sai biệt giả, nhất thiết chúng sanh hà dụng tu đạo?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như nữ sở vấn, thị nghĩa bất nhiên. Phật dĩ Phật tánh tuy vô sai biệt, nhiên chư chúng sanh tất vị cụ túc.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, ác tâm hại mẫu. Hại dĩ, sanh hối; tam nghiệp tuy thiện, thị nhân cố danh địa ngục nhân dã. Hà dĩ cố? Thị nhân định đương đọa địa ngục cố. Thị nhân tuy vô địa ngục: âm, giới, chư nhập, du cố đắc danh vi địa ngục nhân.

Thiện nam tử! Thị cố ngã ư chư kinh trung thuyết: Nhược kiến hữu nhân tu hành thiện giả, danh kiến thiên nhân; tu hành ác giả, danh kiến địa ngục. Hà dĩ cố? Định thọ báo cố.

Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh định đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề cố, thị cố ngã thuyết: Nhất thiết chúng sanh, tất hữu Phật tánh. Nhất thiết chúng sanh, chân thật vị hữu tam thập nhị tướng, bất thập chủng hảo. Dĩ thị nghĩa cố, ngã ư thử kinh, nhi thuyết thị kệ:

本有今無  
本無今有  
三世有法  
無有是處

善男子。有者凡有三種。一未來有。二現在有。三過去有。

一切眾生未來之世。當有阿耨多羅三藐三菩提是名佛性。一切眾生現在悉有煩惱諸結。是故現在無有三十二相八十種好。

一切眾生過去之世有斷煩惱。是故現在得見佛性。以是義故。我常宣說一切眾生悉有佛性。乃至一闍提等亦有佛性。一闍提等無有善法。佛性亦善以未來有故。一闍提等悉有佛性。何以故。一闍提等定當得成阿耨多羅三藐三菩提故。

善男子。譬如有人家有乳酪。有人問言。汝有酥耶。答言。我有酪實非酥。以巧方便定當得故。故言有酥。眾生亦爾。悉皆有心。凡有心者定當得成阿耨多羅三藐三菩提。以是義故。我常宣說一切眾生悉有佛性。

善男子。畢竟有二種。一者莊嚴畢竟。二者究竟畢竟。一者世間畢竟。二者出世畢竟。莊嚴畢竟

Bổ hữu kim vô,  
Bổ vô kim hữu;  
Tam thế hữu pháp,  
Vô hữu thị xứ.

Thiện nam tử! Hữu giả, phàm hữu tam chủng: nhất vị lai hữu, nhị hiện tại hữu, tam quá khứ hữu.

Nhất thiết chúng sanh, vị lai chi thể, đương hữu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; thị danh Phật tánh. Nhất thiết chúng sanh, hiện tại tất hữu phiền não chư kết; thị cố hiện tại, vô hữu tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo.

Nhất thiết chúng sanh, quá khứ chi thể, hữu đoạn phiền não; thị cố hiện tại, đắc kiến Phật tánh. Dĩ thị nghĩa cố, ngã thường tuyên thuyết: Nhất thiết chúng sanh, tất hữu Phật tánh; nãi chí nhất-xiển-đề đẳng diệt hữu Phật tánh. Nhất-xiển-đề đẳng vô hữu thiện pháp; Phật tánh diệt thiện. Dĩ vị lai hữu cố, nhất-xiển-đề đẳng tất hữu Phật tánh. Hà dĩ cố? Nhất-xiển-đề đẳng định đương đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề cố.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, gia hữu nữ lạc. Hữu nhân vấn ngôn: Nữ hữu tô da? Đáp ngôn: Ngã hữu. Lạc thật phi tô. Dĩ xảo phương tiện, định đương đắc cố, cố ngôn hữu tô. Chúng sanh diệt nhĩ; tất giai hữu tâm. Phàm hữu tâm giả, định đương đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Dĩ thị nghĩa cố, ngã thường tuyên thuyết: Nhất thiết chúng sanh, tất hữu Phật tánh.

Thiện nam tử! Tất cánh hữu nhị chủng: nhất giả trang nghiêm tất cánh, nhị giả cứu cánh tất cánh. Nhất giả thế gian tất cánh, nhị giả xuất thế tất cánh. Trang nghiêm tất cánh giả, lục Ba-la-mật. Cứu cánh tất cánh giả, nhất thiết chúng

者。六波羅蜜。究竟畢竟者。一切眾生所得一乘。一乘者名為佛性。以是義故。我說一切眾生悉有佛性。一切眾生悉有一乘。以無明覆故不能得見。

善男子。如鬱單越三十三天。果報覆故此間眾生不能得見。佛性亦爾。諸結覆故眾生不見。

復次善男子。佛性者即首楞嚴三昧。性，如醍醐。即是一切諸佛之母。以首楞嚴三昧力故。而令諸佛常樂我淨。一切眾生悉有首楞嚴三昧。以不修行故不得見。是故不能得成阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。首楞嚴三昧者。有五種名。一者首楞嚴三昧。二者般若波羅蜜。三者金剛三昧。四者師子吼三昧。五者佛性。隨其所作處處得名。

善男子。如一三昧得種種名。如禪名四禪。根名定根。力名定力。覺名定覺。正名正定。八大人覺名為定覺。首楞嚴定亦復如是。

善男子。一切眾生具足三定。謂上中下。

上者謂佛性也。以是故言一切眾生悉有佛性。

中者一切眾生具足初禪。有因緣時則能修習。若無因緣則不能修。因緣二種。一謂火災。二謂破欲界結。以是故言一切眾生悉具中定。

sinh sở đắc nhất thừa. Nhất thừa giả, danh vi Phật tánh. Dĩ thị nghĩa cố, ngã thuyết: nhất thiết chúng sanh, tất hữu Phật tánh; nhất thiết chúng sanh, tất hữu nhất thừa. Dĩ vô minh phú cố, bất năng đắc kiến.

Thiện nam tử! Như Uất-đan-việt, Tam thập tam thiên; quả báo phú cố, thử gian chúng sanh bất năng đắc kiến. Phật tánh diệc nhĩ; chư kết phú cố, chúng sanh bất kiến.

Phục thứ, thiện nam tử! Phật tánh giả, tức Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội. Tánh, như đề-hồ, tức thị nhất thiết chư Phật chi mẫu. Dĩ Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội lực cố, nhi linh chư Phật thường, lạc, ngã, tịnh. Nhất thiết chúng sanh, tất hữu Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội. Dĩ bất tu hành, cố bất đắc kiến. Thị cố bất năng đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thiện nam tử! Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội giả, hữu ngũ chủng danh: nhất giả Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, nhị giả Bát-nhã Ba-la-mật, tam giả Kim cang Tam-muội, tứ giả Sư tử hống Tam-muội, ngũ giả Phật tánh. Tùy kỳ sở tác, xú xú đắc danh.

Thiện nam tử! Như nhất tam-muội, đắc chủng chủng danh. Như thiên, danh tứ thiên; căn, danh định căn; lực, danh định lực; giác, danh định giác; chánh, danh chánh định; bát đại nhân giác, danh vi định giác. Thủ-lăng-nghiêm định diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh cụ túc tam định, vị thượng, trung, hạ.

Thượng giả, vị Phật tánh dã. Dĩ thị cố ngôn: Nhất thiết chúng sanh, tất hữu Phật tánh.

Trung giả, nhất thiết chúng sanh cụ túc sơ thiên. Hữu nhân duyên thời, tác năng tu tập; nhược vô nhân duyên, tác bất năng tu. Nhân duyên nhị chủng: nhất vị hỏa tai, nhị vị phá Dục giới kết. Dĩ thị cố ngôn: Nhất thiết chúng sanh, tất cụ trung định.

下定者十大地中心數定也。以是故言一切眾生悉具下定。

一切眾生悉有佛性。煩惱覆故不能得見。十住菩薩雖見一乘。不知如來是常住法。以是故言十住菩薩雖見佛性而不明了。

善男子。首楞嚴者。名一切事畢竟。嚴者名堅。一切畢竟而得堅固名首楞嚴。以是故言首楞嚴定名為佛性。

善男子。我於一時住尼連禪河邊告阿難言。我今欲洗汝可取衣及以澡豆。我既入水一切飛鳥水陸之屬悉來觀我。爾時復有五百梵志來在河邊。因到我所各相謂言。云何而得金剛之身。若使瞿曇不說斷見。我當從其啟受齋法。

善男子。我於爾時以他心智。知是梵志心之所念。告梵志言。云何謂我說於斷見。彼梵志言。瞿曇。先於處處經中說諸眾生悉無有我。既言無我。云何而言非斷見耶。若無我者持戒者誰。破戒者誰。佛言。我亦不說一切眾生悉無有我。我常宣說一切眾生悉有佛性。佛性者豈非我耶。以是義故。我不說斷見。一切眾生不見佛性。故無常無我無樂無淨。如是則名說斷見也。

Hạ định giả, thập đại địa trung, tâm số định dã. Dĩ thị cố ngôn: Nhất thiết chúng sanh, tất cụ hạ định.

Nhất thiết chúng sanh, tất hữu Phật tánh. Phiền não phú cố, bất năng đắc kiến. Thập trụ Bồ Tát, tuy kiến Nhất thừa, bất tri Như Lai thị thường trụ Pháp. Dĩ thị cố ngôn: Thập trụ Bồ Tát tuy kiến Phật tánh, nhi bất minh liễu.

Thiện nam tử! Thủ-lăng-nghiêm giả, danh nhất thiết sự tất cánh. Nghiêm giả, danh kiên. Nhất thiết tất cánh, nhi đắc kiên cố, danh Thủ-lăng-nghiêm. Dĩ thị cố ngôn: Thủ-lăng-nghiêm Định, danh vi Phật tánh.

Thiện nam tử! Ngã ư nhất thời trụ Ni-liên-thiên hà biên, cáo A-nan ngôn: Ngã kim dục tẩy, nhữ khả thủ y cập dĩ tảo đậu. Ngã ký nhập thủy, nhất thiết phi điều, thủy, lục chi thuộc, tất lai quan ngã. Nhĩ thời phục hữu ngũ bá Phạm-chí lai tại hà biên. Nhân đáo ngã sở, các tương vị ngôn: Vân hà nhi đắc kim cang chi thân? Nhược sử Cô-đàm bất thuyết đoạn kiến, ngã đương tùng kỳ, khả thọ trai Pháp.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời, dĩ tha tâm trí, tri thị Phạm-chí tâm chi sở niệm, cáo Phạm-chí ngôn: Vân hà vị ngã thuyết ư đoạn kiến? Bĩ Phạm-chí ngôn: Cô-đàm tiên ư xứ xứ kinh trung, thuyết chư chúng sanh, tất vô hữu ngã. Ký ngôn vô ngã, vân hà nhi ngôn phi đoạn kiến da? Nhược vô ngã giả, trì giới giả thù? Phá giới giả thù? Phật ngôn: Ngã diệc bất thuyết: Nhất thiết chúng sanh, tất vô hữu ngã. Ngã thường tuyên thuyết: nhất thiết chúng sanh, tất hữu Phật tánh. Phật tánh giả, khởi phi ngã da? Dĩ thị nghĩa cố, ngã bất thuyết đoạn kiến. Nhất thiết chúng sanh, bất kiến Phật tánh cố, vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Như thị tác danh thuyết đoạn kiến dã.



時諸梵志聞說佛性即是我故。即發阿耨多羅三藐三菩提心。尋時出家修菩提道。一切飛鳥水陸之屬亦發無上菩提之心。既發心已尋得捨身。

善男子。是佛性者實非我也。為眾生故說名為我。

善男子。如來有因緣故說無我為我。真實無我。雖作是說無有虛妄。

善男子。有因緣故說我為無我。而實有我。為世界故。雖說無我而無虛妄。佛性無我如來說我以是常故。如來是我而說無我得自在故。

爾時師子吼菩薩摩訶薩白佛言。世尊。若一切眾生悉有佛性。如金剛力士者。以何義故。一切眾生不能得見。

佛言。善男子。譬如色法雖有青黃赤白之異長短質像盲者不見。雖復不見。亦不得言無青黃赤白長短質像。何以故。盲雖不見有目見故。佛性亦爾。一切眾生雖不能見。十住菩薩見少分故。如來全見。十住菩薩所見佛性如夜見色。如來所見如晝見色。

善男子。譬如眼翳見色不了。有善良醫而為治目。以藥力故得了了見。十住菩薩亦復如是。雖見佛性不能明了。以首楞嚴三昧力故能得明了。

Thời chư Phạm-chí văn thuyết Phật tánh tức thị ngã cố, tức phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, tâm thời xuất gia, tu Bồ-đề đạo. Nhất thiết phi điều, thủy, lục chi thuộc diệc phát vô thượng Bồ-đề chi tâm. Ký phát tâm dĩ, tâm đắc xả thân.

Thiện nam tử! Thị Phật tánh giả, thật phi ngã dã; vị chúng sanh cố, thuyết danh vi ngã.

Thiện nam tử! Như Lai hữu nhân duyên cố, thuyết vô ngã vi ngã; chân thật vô ngã. Tuy tác thị thuyết, vô hữu hư vọng.

Thiện nam tử! Hữu nhân duyên cố, thuyết ngã vi vô ngã; nhi thật hữu ngã. Vị thế giới cố, tuy thuyết vô ngã, nhi vô hư vọng.

Phật tánh vô ngã, Như Lai thuyết ngã, dĩ thị thường cố. Như Lai thị ngã, nhi thuyết vô ngã, đắc tự tại cố.

Nhĩ thời, Sư Tử Hống Bồ Tát ma-ha-tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược nhất thiết chúng sanh, tất hữu Phật tánh, như Kim cang lực sĩ giả, dĩ hà nghĩa cố, nhất thiết chúng sanh bất năng đắc kiến?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thí như sắc pháp, tuy hữu thanh, hoàng, xích, bạch chi dị, trường, đoản chất tượng. Manh giả bất kiến. Tuy phục bất kiến, diệc bất đắc ngôn vô thanh, hoàng, xích, bạch, trường, đoản chất tượng. Hà dĩ cố? Manh tuy bất kiến, hữu mục kiến cố. Phật tánh diệc nhĩ; nhất thiết chúng sanh tuy bất năng kiến, thập trụ Bồ Tát kiến thiểu phần cố; Như Lai toàn kiến. Thập trụ Bồ Tát sở kiến Phật tánh, như dạ kiến sắc; Như Lai sở kiến, như trú kiến sắc.

Thiện nam tử! Thí như nhãn ế, kiến sắc bất liễu. Hữu thiện lương y, nhi vị trị mục. Dĩ dược lực cố, đắc liễu liễu kiến. Thập trụ Bồ Tát diệc phục như thị; tuy kiến Phật tánh bất năng minh liễu. Dĩ Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội lực cố, năng đắc minh liễu.

善男子。若有人見一切諸法無常無我無樂無淨。見非一切法亦無常無我無樂無淨。如是之人不見佛性。

一切者名為生死。非一切者名為三寶。聲聞緣覺見一切法無常無我無樂無淨。非一切法亦見無常無我無樂無淨。以是義故。不見佛性。十住菩薩見一切法無常無我無樂無淨。非一切法分見常樂我淨。以是義故。十分之中得見一分。諸佛世尊見一切法無常無我無樂無淨。非一切法見常樂我淨。以是義故。見於佛性如觀掌中阿摩勒果。以是義故。首楞嚴定名為畢竟。

善男子。譬如初月雖不可見不得言無。佛性亦爾。一切凡夫雖不得見。亦不得言無佛性也。

善男子。佛性者。所謂十力四無所畏大悲三念處。一切眾生悉有三種破煩惱故。然後得見一闍提等。破一闍提然後能得十力四無所畏大悲三念處。以是義故。我常宣說一切眾生悉有佛性。

善男子。十二因緣一切眾生等共有之亦內亦外。何等十二。過去煩惱名為無明。過去業者則名為行。現在世中初始受胎是名為識。入胎五分四根未具名為名色。具足四根未名觸時是名六入。未別

Thiện nam tử! Nhược hữu nhân kiến nhất thiết chư pháp: vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh; kiến phi nhất thiết pháp diệc: vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Như thị chi nhân bất kiến Phật tánh.

Nhất thiết giả, danh vi sanh tử. Phi nhất thiết giả, danh vi Tam bảo. Thanh văn, Duyên giác kiến nhất thiết pháp: vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Phi nhất thiết pháp, diệc kiến: vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Dĩ thị nghĩa cố, bất kiến Phật tánh. Thập trụ Bồ Tát kiến nhất thiết pháp: vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh; phi nhất thiết pháp, phân kiến: thường, lạc, ngã, tịnh. Dĩ thị nghĩa cố, thập phần chi trung, đắc kiến nhất phần. Chư Phật Thế Tôn kiến nhất thiết pháp: vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh; phi nhất thiết pháp, kiến: thường, lạc, ngã, tịnh. Dĩ thị nghĩa cố, kiến ư Phật tánh, như quan chướng trung, a-ma-lạc quả. Dĩ thị nghĩa cố, Thủ-lăng-nghiêm định, danh vi tất cánh.

Thiện nam tử! Thí như sơ nguyệt, tuy bất khả kiến, bất đắc ngôn vô. Phật tánh diệc nhĩ; nhất thiết phàm phu tuy bất đắc kiến, diệc bất đắc ngôn vô Phật tánh dã.

Thiện nam tử! Phật tánh giả, sở vị: Thập lực, Tứ vô sở úy, Đại bi, Tam niệm xứ. Nhất thiết chúng sanh, tất hữu tam chủng; phá phiền não cố, nhiên hậu đắc kiến. Nhất-xiển-đề đẳng, phá nhất-xiển-đề, nhiên hậu năng đắc thập lực, tứ vô sở úy, đại bi tam niệm xứ. Dĩ thị nghĩa cố, ngã thường tuyên thuyết: Nhất thiết chúng sanh, tất hữu Phật tánh.

Thiện nam tử! Thập nhị nhân duyên, nhất thiết chúng sanh đẳng cộng hữu chi; diệc nội, diệc ngoại. Hà đẳng thập nhị? Quá khứ phiền não, danh vi vô minh. Quá khứ nghiệp giả, tắc danh vi hành. Hiện tại thế trung, sơ thủy thọ thai, thị danh vi thức. Nhập thai ngũ phần, tứ căn vị cụ, danh vi danh sắc. Cụ túc tứ căn, vị danh xúc thời, thị danh lục nhập. Vị biệt

苦樂是名為觸。染習一愛是名為受。習近五欲是名為愛。內外貪求是名為取。為內外事起身口意業是名為有。現在世識名未來生。現在名色六入觸受名未來世老病死也。是名十二因緣。

善男子。一切眾生雖有如是十二因緣。或有未具。如歌羅邏時死則無十二。從生乃至老死得具十二。色界眾生無三種受三種觸三種愛。無有老病亦得名為具足十二。無色眾生無色乃至無有老病。亦得名為具足十二。以定得故故名眾生平等具有十二因緣。

善男子。佛性亦爾。一切眾生定當得成阿耨多羅三藐三菩提故。是故我說一切眾生悉有佛性。

善男子。雪山有草名為忍辱。牛若食者則出醍醐。更有異草。牛若食者則無醍醐。雖無醍醐不可說言雪山之中無忍辱草。佛性亦爾。雪山者名為如來。忍辱草者名大涅槃。異草者十二部經。眾生若能聽受諮啟大般涅槃則見佛性。十二部中雖不聞有。不可說言無佛性也。

善男子。佛性者。亦色非色非色非非色。亦相非相非相非非相。亦一非一非一非非一。非常非斷非非常非非斷。亦有亦無非有非無。亦盡非盡非盡非非盡。亦因亦果非因非果。亦義非義非義非非

khổ lạc, thị danh vi xúc. Nhiễm tập nhất ái, thị danh vi thọ. Tập cận ngũ dục, thị danh vi ái. Nội ngoại tham cầu, thị danh vi thủ. Vị nội ngoại sự, khởi thân khẩu ý nghiệp, thị danh vi hữu. Hiện tại thế thức, danh vị lai sanh. Hiện tại danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, danh vị lai thế lão bệnh tử dã. Thị danh Thập nhị nhân duyên.

Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh tuy hữu như thị Thập nhị nhân duyên, hoặc hữu vị cụ. Như ca-la-rá thời tử, tác vô thập nhị. Tùng sanh nãi chí lão tử, đắc cụ thập nhị. Sắc giới chúng sanh vô tam chủng thọ, tam chủng xúc, tam chủng ái, vô hữu lão bệnh, diệc đắc danh vi cụ túc Thập nhị. Vô sắc chúng sanh vô sắc, nãi chí vô hữu lão bệnh, diệc đắc danh vi cụ túc Thập nhị. Dĩ định đắc cố, cố danh chúng sanh bình đẳng cụ hữu Thập nhị nhân duyên.

Thiện nam tử! Phật tánh diệc nhĩ. Nhất thiết chúng sanh định đương đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề cố, thị cố ngã thuyết: Nhất thiết chúng sanh, tất hữu Phật tánh.

Thiện nam tử! Tuyết sơn hữu thảo danh vi nhẫn nhục. Ngưu nhược thực giả, tác xuất đề-hồ. Cánh hữu dị thảo, ngưu nhược thực giả, tác vô đề-hồ. Tuy vô đề-hồ, bất khả thuyết ngôn: Tuyết sơn chi trung, vô nhẫn nhục thảo. Phật tánh diệc nhĩ. Tuyết sơn giả, danh vi Như Lai. Nhẫn nhục thảo giả, danh Đại Niết-bàn. Dị thảo giả, Thập nhị bộ kinh. Chúng sanh nhược năng thính thọ, tư khải Đại Bát Niết-bàn, tác kiến Phật tánh. Thập nhị bộ trung, tuy bất văn hữu, bất khả thuyết ngôn vô Phật tánh dã.

Thiện nam tử! Phật tánh giả, diệc sắc, phi sắc, phi sắc phi phi sắc; diệc tướng, phi tướng, phi tướng phi phi tướng; diệc nhất, phi nhất, phi nhất phi phi nhất; phi thường, phi đoạn, phi phi thường phi phi đoạn; diệc hữu, diệc vô, phi hữu phi vô; diệc tận, phi tận, phi tận phi phi tận; diệc nhân, diệc quả, phi nhân phi quả; diệc nghĩa, phi nghĩa, phi nghĩa phi phi nghĩa;

義。亦字非字非字非非字。亦苦亦樂非苦非樂。亦我非我非我非非我。亦空非空非空非非空。

云何為色。金剛身故。云何非色。十八不共非色法故。云何非色非非色。色非色無定相故。

云何為相三十二相故。云何非相。一切眾生相不現故。云何非相非非相。相非相不決定故。

云何為一。一切眾生悉一乘故。云何非一。說三乘故。云何非一非非一。無數法故。

云何非常。從緣見故。云何非斷。離斷見故。云何非非常非非斷。無終始故。

云何為有。一切眾生悉皆有故。云何為無。從善方便而得見故。云何非有非無。虛空性故。

云何名盡。得首楞嚴三昧故。云何非盡。以其常故。云何非盡非非盡。一切盡相斷故。

云何為因。以了因故云何為果。果決定故。云何非因非果。以其常故。

云何為義。悉能攝取義無礙故。云何非義。不可說故。云何非義非非義。畢竟空故。

云何為字。有名稱故。云何非字。名無名故。云何非字非非字。斷一切字故。

diệc tự, phi tự, phi tự phi phi tự; diệc khổ, diệc lạc, phi khổ phi lạc; diệc ngã, phi ngã, phi ngã phi phi ngã; diệc không, phi không, phi không phi phi không.

Vân hà vi sắc? Kim cang thân cố. Vân hà phi sắc? Thập bát bất cộng, phi sắc pháp cố. Vân hà phi sắc phi phi sắc? Sắc, phi sắc, vô định tướng cố.

Vân hà vi tướng? Tam thập nhị tướng cố. Vân hà phi tướng? Nhất thiết chúng sanh, tướng bất hiện cố. Vân hà phi tướng phi phi tướng? Tướng, phi tướng, bất quyết định cố.

Vân hà vi nhất? Nhất thiết chúng sanh, tất Nhất thừa cố. Vân hà phi nhất? Thuyết tam thừa cố. Vân hà phi nhất phi phi nhất? Vô số pháp cố.

Vân hà phi thường? Tùng duyên kiến cố. Vân hà phi đoạn? Ly đoạn kiến cố. Vân hà phi phi thường phi phi đoạn? Vô chung, thủy cố.

Vân hà vi hữu? Nhất thiết chúng sanh, tất giai hữu cố. Vân hà vi vô? Tùng thị phương tiện nhi đắc kiến cố. Vân hà phi hữu phi vô? Hư không tánh cố.

Vân hà danh tận? Đắc Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội cố. Vân hà phi tận? Dĩ kỳ thường cố. Vân hà phi tận phi phi tận? Nhất thiết tận tướng đoạn cố.

Vân hà vi nhân? Dĩ liễu nhân cố. Vân hà vi quả? Quả quyết định cố. Vân hà phi nhân phi quả? Dĩ kỳ thường cố.

Vân hà vi nghĩa? Tất năng nhiếp thủ nghĩa vô ngại cố. Vân hà phi nghĩa? Bất khả thuyết cố. Vân hà phi nghĩa phi phi nghĩa. Tất cánh không cố.

Vân hà vi tự? Hữu danh xưng cố. Vân hà phi tự. Danh vô danh cố. Vân hà phi tự phi phi tự? Đoạn nhất thiết tự cố.

云何亦苦亦樂。諸受緣起故。云何非苦非樂。斷一切受故。

云何為我。以其常故。云何非我。未能具得八自在故。云何非我非非我。不作不受故。

云何為空。第一義空故。云何非空。以其常故。云何非空非非空。能為善法作種子故。

善男子。若有人能思惟解了大涅槃經如是之義。當知。是人則見佛性。佛性者不可思議。乃是諸佛如來境界。非諸聲聞緣覺所知。

善男子。佛性者非陰界入。非本無今有。非已有還無。從善因緣眾生得見。譬如黑鐵入火則赤出冷還黑。而是黑色非內非外因緣故有。

佛性亦爾。一切眾生煩惱火滅則得聞見。善男子。如種滅已芽則得生。而是芽性非內非外。乃至花果亦復如是。從緣故有。

善男子。是大涅槃微妙經典。成就具足無量功德。佛性亦爾。悉是無量無邊功德之所成就。

爾時師子吼菩薩摩訶薩言。世尊。菩薩具足成就幾法。得見佛性而不明了。諸佛世尊成就幾法。得了了見。

善男子。菩薩具足成就十法雖見佛性而不明了。云何為十。一者少欲。二者知足。三者寂靜。

Vân hà diệc khổ, diệc lạc? Chư thụ duyên khởi cố. Vân hà phi khổ phi lạc? Đoạn nhất thiết thụ cố.

Vân hà vi ngã? Dĩ kỳ thường cố. Vân hà phi ngã. Vị năng cụ đắc bát tự tại cố. Vân hà phi ngã phi phi ngã? Bất tác bất thọ cố.

Vân hà vi không? Đệ nhất nghĩa không cố. Vân hà phi không? Dĩ kỳ thường cố. Vân hà phi không phi phi không? Năng vị thiện pháp tác chủng tử cố.

Thiện nam tử! Nhược hữu nhân năng tư duy giải liễu Đại Niết-bàn kinh như thị chi nghĩa, đương tri thị nhân tắc kiến Phật tánh. Phật tánh giả, bất khả tư nghị; nãi thị chư Phật Như Lai cảnh giới; phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri.

Thiện nam tử! Phật tánh giả, phi ấm, giới, nhập; phi bốn vô kim hữu, phi dĩ hữu hoàn vô; tòng thiện nhân duyên, chúng sanh đắc kiến. Thí như hắc thiết, nhập hỏa tắc xích; xuất lãnh hoàn hắc. Nhi thị hắc sắc phi nội phi ngoại; nhân duyên cố hữu.

Phật tánh diệc nhĩ; nhất thiết chúng sanh, phiền não hỏa diệt, tắc đắc văn kiến. Thiện nam tử! Như chúng diệt dĩ, nha tắc đắc sanh; nhi thị nha tánh phi nội phi ngoại; nãi chí hoa, quả diệc phục như thị; tòng duyên cố hữu.

Thiện nam tử! Thị Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển thành tựu cụ túc vô lượng công đức. Phật tánh diệc nhĩ, tất thị vô lượng vô biên công đức chi sở thành tựu.

Nhĩ thời, Sư Tử Hống Bồ Tát ma-ha-tát ngôn: Thế Tôn! Bồ Tát cụ túc thành tựu kỳ pháp, đắc kiến Phật tánh, nhi bất minh liễu? Chư Phật Thế Tôn thành tựu kỳ Pháp, đắc liễu liễu kiến?

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát cụ túc thành tựu thập pháp, tuy kiến Phật tánh, nhi bất minh liễu. Vân hà vi thập? Nhất giả thiếu dục. Nhị giả tri túc. Tam giả tịch tĩnh. Tứ giả

四者精進。五者正念。六者正定。七者正慧。八者解脫。九者讚歎解脫。十者以大涅槃教化眾生。

師子吼菩薩言。世尊。少欲知足有何差別。

善男子。少欲者。不求不取。知足者。得少之時心不悔恨。少欲者。少有所欲。知足者。但為法事心不愁惱。

善男子。欲者有三。一者惡欲。二者大欲。三者欲欲。

惡欲者。若有比丘心生貪欲。欲為一切大眾上首。令一切僧隨逐我後。令諸四部悉皆供養恭敬讚歎尊重於我。令我先為四眾說法。皆令一切信受我語。亦令國王大臣長者皆恭敬我。令我大得衣服飲食臥具醫藥上妙屋宅。為生死欲。是名惡欲。

云何大欲。若有比丘生於欲心。云何當令四部之眾。悉皆知我得初住地乃至十住。得阿耨多羅三藐三菩提。得須陀洹果乃至阿羅漢果。我得四禪乃至四無礙智。為於利養。是名大欲。

欲欲者。若有比丘。欲生梵天魔天自在天轉輪聖王若剎利居士若婆羅門皆得自在。為利養故。是名欲欲。

若不為是三種惡欲之所害者。是名少欲。欲者名為二十五愛。無有如是二十五愛。是名少欲。不

ting tấn. Ngũ giả chánh niệm. Lục giả chánh định. Thất giả chánh tuệ. Bát giả giải thoát. Cửu giả tán thân giải thoát. Thập giả dĩ Đại Niết-bàn giáo hóa chúng sanh.

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Thiếu dục, tri túc, hữu hà sai biệt?

Thiện nam tử! Thiếu dục giả, bất cầu, bất thủ. Tri túc giả, đắc thiểu chi thời, tâm bất hối hận. Thiếu dục giả, thiếu hữu sở dục. Tri túc giả, đản vị pháp sự, tâm bất sâu não.

Thiện nam tử! Dục giả, hữu tam: Nhất giả ác dục, nhị giả đại dục, tam giả dục dục.

Ác dục giả, nhược hữu tỳ-kheo, tâm sanh tham dục, dục vi nhất thiết Đại chúng thượng thủ; linh nhất thiết Tăng tùy trực ngã hậu; linh chư tứ bộ, tất giai cúng dường, cung kính, tán thán, tôn trọng ư ngã; linh ngã tiên vị Tứ chúng thuyết pháp, giai linh nhất thiết tín thọ ngã ngữ; diệc linh quốc vương, đại thần, trưởng giả, giai cung kính ngã; linh ngã đại đắc y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược, thượng diệu ốc trạch. Vị sanh tử dục, thị danh ác dục.

Vân hà đại dục? Nhược hữu tỳ-kheo, sanh ư dục tâm: Vân hà đương linh tứ bộ chi chúng, tất giai tri ngã đắc Sơ trụ địa, nãi chí Thập trụ; đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; đắc Tu-đà-hoàn quả, nãi chí A-la-hán quả; ngã đắc tứ thiên, nãi chí tứ vô ngại trí? Vị ư lợi dưỡng, thị danh Đại dục.

Dục dục giả, nhược hữu tỳ-kheo, dục sanh Phạm thiên, Ma thiên, Tự tại thiên, Chuyển luân Thánh vương, nhược Sát-ly, Cư sĩ, nhược Bà-la-môn, giai đắc tự tại. Vị lợi dưỡng cố, thị danh Dục dục.

Nược bất vi thị tam chủng ác dục chi sở hại giả, thị danh thiểu dục. Dục giả, danh vi nhị thập ngũ ái. Vô hữu như thị nhị

求未來所欲之事。是名少欲。得而不著是名知足。不求恭敬。是名少欲。得不積聚。是名知足。

善男子。有少欲不名知足。有知足不名少欲。有亦少欲亦知足。有不知足不少欲。

少欲者。謂須陀洹。

知足者。謂辟支佛。

少欲知足者。謂阿羅漢。

不少欲不知足者。所謂菩薩。

善男子。少欲知足復有二種。一者善。二者不善。不善者。所謂凡夫。善者。聖人菩薩。一切聖人雖得道果不自稱說。不稱說故心不惱恨。是名知足。

善男子。菩薩摩訶薩修習大乘大涅槃經欲見佛性。是故修習少欲知足。

云何寂靜。寂靜有二。一者心靜。二者身靜。

身寂靜者。終不造作身三種惡。心寂靜者。亦不造作意三種惡。

是則名為身心寂靜。

身寂靜者。終不親近四眾。不預四眾所有事業。

心寂靜者。終不修習貪欲瞋恚愚癡。

是則名為身心寂靜。

thập ngũ ái, thị danh thiếu dục. Bất cầu vị lai sở dục chi sự, thị danh thiếu dục. Đắc nhi bất trước, thị danh tri túc. Bất cầu cung kính, thị danh thiếu dục. Đắc, bất tích tụ, thị danh tri túc.

Thiện nam tử! Hữu thiếu dục, bất danh tri túc. Hữu tri túc, bất danh thiếu dục. Hữu diệc thiếu dục, diệc tri túc. Hữu bất tri túc, bất thiếu dục.

Thiếu dục giả, vị Tu-đà-hoàn.

Tri túc giả, vị Bích-chi Phật.

Thiếu dục, tri túc giả, vị A-la-hán.

Bất thiếu dục, bất tri túc giả, sở vị Bồ Tát.

Thiện nam tử! Thiếu dục, tri túc, Phục hữu nhị chủng: nhất giả thiện, nhị giả bất thiện. Bất thiện giả, sở vị phàm phu. Thiện giả, Thánh nhân, Bồ Tát. Nhất thiết thánh nhân tuy đắc đạo quả, bất tự xưng thuyết. Bất tự xưng thuyết cố, tâm bất nã hận. Thị danh tri túc.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, tu tập Đại thừa Đại Niết-bàn kinh, dục kiến Phật tánh, thị cố tu tập thiếu dục, tri túc.

Vân hà tịch tĩnh? Tịch tĩnh hữu nhị: nhất giả tâm tĩnh, nhị giả thân tĩnh.

Thân tịch tĩnh giả, chung bất tạo tác thân tam chủng ác. Tâm tịch tĩnh giả, diệc bất tạo tác ý tam chủng ác.

Thị tác danh vi thân, tâm tịch tĩnh.

Thân tịch tĩnh giả, chung bất thân cận tứ chúng, bất dự tứ chúng sở hữu sự nghiệp.

Tâm tịch tĩnh giả, chung bất tu tập tham dục, sân khuể, ngu si.

Thị tác danh vi thân, tâm tịch tĩnh.

或有比丘身雖寂靜心不寂靜。身不寂靜有心寂靜。有身心寂靜。又有身心俱不寂靜。

身寂靜心不寂靜者。或有比丘坐禪靜處遠離四眾。心常積集貪欲瞋癡。是名身寂靜心不寂靜。心寂靜身不寂靜者。或有比丘親近四眾國王大臣斷貪恚癡。是名心寂靜身不寂靜。

身心寂靜者。謂佛菩薩。身心不寂靜者。謂諸凡夫。

何以故。凡夫之人。身心雖靜。不能深觀無常無樂無我無淨。以是義故。凡夫之人不能寂靜身口意業。一闡提輩犯四重禁作五逆罪。如是之人亦不得名身心寂靜。

云何精進。若有比丘欲令身口意業清淨。遠離一切諸不善業。修習一切諸善業者。是名精進。

是勤精進者繫念六處。所謂佛法僧戒施天。是名正念。

具正念者。所得三昧。是名正定。

具正定者。觀見諸法猶如虛空。是名正慧。

具正慧者。遠離一切煩惱諸結。是名解脫。

Hoặc hữu tỳ-kheo, thân tuy tịch tĩnh, tâm bất tịch tĩnh; thân bất tịch tĩnh, hữu tâm tịch tĩnh. Hữu thân, tâm tịch tĩnh. Hữu hữu thân, tâm câu bất tịch tĩnh.

Thân tịch tĩnh, tâm bất tịch tĩnh giả, hoặc hữu tỳ-kheo, tọa thiền tĩnh xứ, viễn ly tứ chúng, tâm thường tích tập tham dục, sân, si. Thị danh thân tịch tĩnh, tâm bất tịch tĩnh. Tâm tịch tĩnh, thân bất tịch tĩnh giả, hoặc hữu tỳ-kheo, thân cận tứ chúng, quốc vương, đại thần, đoan tham, sân, si. Thị danh tâm tịch tĩnh, thân bất tịch tĩnh.

Thân, tâm tịch tĩnh giả, vị Phật, Bồ Tát. Thân, tâm bất tịch tĩnh giả, vị chư phàm phu.

Hà dĩ cố? Phàm phu chi nhân, thân, tâm tuy tĩnh, bất năng thâm quán vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Dĩ thị nghĩa cố, phàm phu chi nhân bất năng tịch tĩnh thân, khẩu, ý nghiệp. Nhất-xiển-đề bối, phạm tứ trọng cấm, tác ngũ nghịch tội, như thị chi nhân diệt bất đắc danh thân, tâm tịch tĩnh.

Vân hà tinh tấn? Nhược hữu tỳ-kheo, dục linh thân, khẩu, ý nghiệp thanh tịnh, viễn ly nhất thiết chư bất thiện nghiệp, tu tập nhất thiết chư thiện nghiệp giả. Thị danh tinh tấn.

Thị cần tinh tấn giả hệ niệm lục xứ, sở vị: Phật, Pháp, Tăng, giới, thí, thiên. Thị danh Chánh niệm.

Cụ Chánh niệm giả, sở đắc Tam-muội, thị danh Chánh định.

Cụ Chánh định giả, quán kiến chư pháp do như hư không. Thị danh Chánh tuệ.

Cụ Chánh tuệ giả, viễn ly nhất thiết phiền não chư kết. Thị danh giải thoát.



得解脫者。為諸眾生稱美解脫。言是解脫常恆不變。是名讚歎解脫。

解脫者，即是無上大般涅槃。涅槃者，即是煩惱諸結火滅。又涅槃者，名為屋宅。何以故。能遮煩惱惡風雨故。又涅槃者，名為歸依。何以故。能過一切諸怖畏故。又涅槃者，名為洲渚。何以故。四大暴河不能漂故。何等為四。一者，欲暴。二者，有暴。三者，見暴。四者，無明暴。是故涅槃名為洲渚。又涅槃者，名畢竟歸。何以故。能得一切畢竟樂故。若有菩薩摩訶薩成就具足如是十法，雖見佛性，而不明了。

復次善男子。出家之人有四種病。是故不得四沙門果。何等四病。謂四惡欲。一為衣欲。二為食欲。三為臥具欲。四為有欲。是名四惡欲。是出家病有四良藥能療是病。謂糞掃衣。能治比丘為衣惡欲。乞食能破為食欲。樹下能破臥具惡欲。身心寂靜能破比丘為有欲。以是四藥除是四病。是名聖行。如是聖行則得名為少欲，知足。

寂靜者有四種樂。何等為四。一者出家樂。二寂靜樂。三永滅樂。四畢竟樂。得是四樂名為寂靜。

具四精進故名精進。

具四念處故名正念。

Đắc giải thoát giả, vị chư chúng sanh, xưng mỹ giải thoát, ngôn thị giải thoát thường hằng bất biến; thị danh tán thán giải thoát.

Giải thoát giả, tức thị vô thượng Đại Bát Niết-bàn. Niết-bàn giả, tức thị phiền não chư kết hỏa diệt. Hựu Niết-bàn giả, danh vi ốc trạch. Hà dĩ cố? Năng già phiền não ác phong vũ cố. Hựu Niết-bàn giả, danh vi quy y. Hà dĩ cố? Năng quá nhất thiết chư bố úy cố. Hựu Niết-bàn giả, danh vi châu chử. Hà dĩ cố? Tứ đại bạo hà bất năng phiêu cố. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả dục bạo, nhị giả hữu bạo, tam giả kiến bạo, tứ giả vô minh bạo. Thị cố Niết-bàn, danh vi châu chử. Hựu Niết-bàn giả, danh tất cánh quy. Hà dĩ cố? Năng đắc nhất thiết tất cánh lạc cố. Nhược hữu Bồ Tát ma-ha-tát thành tựu cụ túc như thị thập pháp, tuy kiến Phật tánh, nhi bất minh liễu.

Phục thứ, thiện nam tử! Xuất gia chi nhân hữu tứ chủng bệnh, thị cố bất đắc Tứ sa-môn quả. Hà đẳng tứ bệnh? Vị tứ ác dục: nhất vi y dục, nhị vi thực dục, tam vi ngọa cụ dục, tứ vi hữu dục. Thị danh Tứ ác dục. Thị xuất gia bệnh, hữu tứ lương dược, năng liệu thị bệnh. Vị phẩn tảo y, năng trị tỳ-kheo vi y ác dục; khát thực, năng phá vi thực ác dục; thọ hạ, năng phá ngọa cụ ác dục; thân tâm tịch tĩnh, năng phá tỳ-kheo vi hữu ác dục. Dĩ thị tứ dược, trừ thị tứ bệnh, thị danh Thánh hạnh. Như thị thánh hạnh, tắc đắc danh vi thiếu dục, tri túc.

Tịch tĩnh giả, hữu tứ chủng lạc. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả xuất gia lạc, nhị tịch tĩnh lạc, tam vĩnh diệt lạc, tứ tất cánh lạc. Đắc thị tứ lạc, danh vi Tịch tĩnh.

Cụ Tứ tinh tấn, cố danh Tinh tấn.

Cụ Tứ niệm xứ, cố danh Chánh niệm.

具四禪故故名正定。

見四聖實故故名正慧。

永斷一切煩惱結故故名解脫。

訶說一切煩惱過故。故名讚歎解脫。

善男子。菩薩摩訶薩安住具足如是十法。雖見佛性而不明了。

復次善男子。菩薩摩訶薩聞是經已親近修習。遠離一切世間之事。是名少欲。

既出家已不生悔心。是名知足。

既知足已近空閑處遠離憤鬧。是名寂靜。

不知足者不樂空閑。夫知足者常樂空寂。於空寂處常作是念。一切世間悉謂我得沙門道果。然我今者實未能得。我今云何誑惑於人。作是念已精勤修習沙門道果。是名精進。

親近修習大涅槃者。是名正念。

隨順天行是名正定。

安住是定正見正知。是名正慧。

正知見者，能得遠離煩惱結縛，是名解脫。

十住菩薩為眾生故稱美涅槃。是則名為讚歎解脫。

善男子。菩薩摩訶薩安住具足如是十法。雖見佛性而不明了。

Cụ Tứ thiên cố, cố danh Chánh định.

Cụ Tứ thánh thật cố, cố danh Chánh tuệ.

Vĩnh đoạn nhất thiết phiền não kết cố, cố danh giải thoát.

Ha thuyết nhất thiết phiền não quá cố, cố danh Tán thán giải thoát.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, an trụ cụ túc như thị Thập Pháp, tuy kiến Phật tánh, nhi bất minh liễu.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, văn thị kinh dĩ, thân cận tu tập, viễn ly nhất thiết thế gian chi sự. Thị danh thiểu dục.

Ký xuất gia dĩ, bất sanh hối tâm. Thị danh tri túc.

Ký tri túc dĩ, cận không nhân xứ, viễn ly hội náo. Thị danh tịch tĩnh.

Bất tri túc giả, bất nhạo không nhân. Phù tri túc giả, thường nhạo không tịch. Ư không tịch xứ, thường tác thị niệm: Nhất thiết thế gian tất vị ngã đắc sa-môn đạo quả. Nhiên ngã kim giả, thật vị năng đắc. Ngã kim vân hà cưỡng hoặc ư nhân? Tác thị niệm dĩ, tinh cần tu tập sa-môn đạo quả. Thị danh tinh tấn.

Thân cận tu tập Đại Niết-bàn giả, thị danh Chánh niệm.

Tùy thuận Thiên hạnh, thị danh Chánh định.

An trụ thị định, chánh kiến, chánh tri, thị danh chánh tuệ.

Chánh tri kiến giả, năng đắc viễn ly phiền não kết phục, thị danh giải thoát.

Thập trụ Bồ Tát, vị chúng sanh cố, xưng mỹ Niết-bàn; thị tác danh vi tán thán giải thoát.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát an trụ cụ túc như thị Thập Pháp, tuy kiến Phật tánh, nhi bất minh liễu.

復次善男子。夫少欲者。若有比丘住空寂處端坐不臥。或住樹下。或在塚間。或在露處。隨有草地而坐其上。乞食而食。隨得為足。或一坐食不過一食。惟畜三衣糞衣毳衣。是名少欲。

既行是事心不生悔。是名知足。

修空三昧是名寂靜。

得四果已於阿耨多羅三藐三菩提心不休息。是名精進。

繫心思惟如來常恒無有變易。是名正念。

修八解脫。是名正定。

得四無礙。是名正慧。

遠離七漏。是名解脫。

稱美涅槃無有十相。名讚歎解脫。十相者。謂生老病死色聲香味觸無常。

遠離十相者名大涅槃。

善男子。是名菩薩摩訶薩安住具足如是十法。雖見佛性而不明了。

復次善男子。為多欲故親近國王大臣長者刹利婆羅門毘舍首陀。自稱我得須陀洹果乃至阿羅漢

Phục thứ, thiện nam tử! Phù thiếu dục giả, nhược hữu tỳ-kheo trụ không tịch xứ, đoan tọa bất ngọa; hoặc trụ thọ hạ; hoặc tại trung gian; hoặc tại lộ xứ, tùy hữu thảo địa, nhi tọa kỳ thượng. Khất thực nhi thực, tùy đắc vi túc; hoặc nhất tọa thực, bất quá nhất thực. Duy súc tam y, phẩn y, thuế y. Thị danh thiếu dục.

Ký hành thị sự, tâm bất sanh hối. Thị danh tri túc.

Tu không Tam-muội, thị danh tịch tĩnh.

Đắc tứ quả dĩ, ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, tâm bất hưu túc, thị danh tinh tấn.

Hệ tâm tư duy Như Lai thường hằng, vô hữu biến dị; thị danh Chánh niệm.

Tu Bát giải thoát, thị danh Chánh định.

Đắc tứ vô ngại, thị danh Chánh tuệ.

Viễn ly thất lậu, thị danh giải thoát.

Xưng mỹ Niết-bàn, vô hữu thập tướng, danh tán thán giải thoát. Thập tướng giả, vị: sanh, lão, bệnh, tử, sắc, thanh, hương, vị, xúc, Vô thường.

Viễn ly Thập tướng giả, danh Đại Niết-bàn.

Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát, an trụ cụ túc như thị thập pháp, tuy kiến Phật tánh, nhi bất minh liễu.

Phục thứ, thiện nam tử! Vị đa dục cố, thân cận quốc vương, đại thân, trưởng giả, sát-ly, bà-la-môn, tỳ-xá, thủ-đà, tự xưng ngã đắc Tu-đà-hoàn quả nãi chí A-la-hán quả. Vị lợi dưỡng cố,

果。為利養故行住坐臥乃至大小便利。若見檀越猶行恭敬接引語言。

破惡欲者名為少欲。

雖未能壞諸結煩惱。而能同於如來行處。是名知足。

善男子。如是二法乃是念定近因緣也。常為師宗同學所讚。我亦常於處處經中稱美讚歎如是二法。若能具足是二法者。則得近於大涅槃門及五種樂。是名寂靜。

堅持戒者。名為精進。

有慚愧者。名為正念。

不見心相。名為正定。

不求諸法，性相，因緣，是名正慧。

無有相故煩惱則斷。是名解脫。

稱美如是大涅槃經名讚歎解脫。

善男子。是名菩薩摩訶薩安住十法。雖見佛性而不明了。

善男子。如汝所問十住菩薩以何眼故。雖見佛性而不了了。諸佛世尊以何眼故。見於佛性而得了了。

hành, trụ, tọa, ngọa, nãi chí đại tiểu tiện lợi; nhược kiến đàn việt, do hành cung kính, tiếp dẫn, ngữ ngôn.

Phá ác dục giả, danh vi thiếu dục.

Tuy vị năng hoại chư kết phiền não, nhi năng đồng ư Như Lai hạnh xứ, thị danh tri túc.

Thiện nam tử! Như thị nhị pháp nãi thị niệm, định cận nhân duyên dã; thường vi sư tông, đồng học sở tán. Ngã diệc thường ư xứ xứ kinh trung, xưng mỹ tán thán như thị nhị pháp. Nhược năng cụ túc thị nhị pháp giả, tắc đắc cận ư Đại Niết-bàn môn, cập ngũ chủng lạc. Thị danh tịch tĩnh.

Kiên trì giới giả, danh vi Tinh tấn.

Hữu tà quý giả, danh vi Chánh niệm.

Bất kiến tâm tướng, danh vi Chánh định.

Bất cầu chư pháp, tánh tướng, nhân duyên, thị danh chánh tuệ.

Vô hữu tướng cố, phiền não tắc đoạn; thị danh giải thoát.

Xưng mỹ như thị Đại Niết-bàn kinh, danh tán thán giải thoát.

Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát, an trụ Thập Pháp, tuy kiến Phật tánh, nhi bất minh liễu.

Thiện nam tử! Như nữ sở vấn: Thập trụ Bồ Tát dĩ hà nhân cố, tuy kiến Phật tánh, nhi bất liễu liễu? Chư Phật Thế Tôn dĩ hà nhân cố, kiến ư Phật tánh, nhi đắc liễu liễu?

善男子。慧眼見故不得明了。佛眼見故故得明了。為菩提行故則不了了。若無行故則得了了。住十住故雖見不了。不住不去故得了了。菩薩摩訶薩智慧因故見不了了。諸佛世尊斷因果故見則了了。一切覺者名為佛性。十住菩薩不得名為一切覺故。是故雖見而不明了。

善男子。見有二種。一者眼見。二者聞見。諸佛世尊眼見佛性。如於掌中觀阿摩勒果。十住菩薩聞見佛性故不了了。十住菩薩唯能自知定得阿耨多羅三藐三菩提。而不能知一切眾生悉有佛性。

善男子。復有眼見。諸佛如來十住菩薩眼見佛性。復有聞見。一切眾生乃至九地聞見佛性。菩薩若聞一切眾生悉有佛性。心不生信不名聞見。

善男子。若有善男子善女人。欲見如來應當修習十二部經。受持讀誦書寫解說。

師子吼菩薩摩訶薩言。世尊。一切眾生不能得知如來心相。當云何觀而得知耶。

善男子。一切眾生實不能知如來心相。若欲觀察而得知者。有二因緣。一者眼見。二者聞見。

Thiện nam tử! Tuệ nhãn kiến cố, bất đắc minh liễu. Phật nhãn kiến cố, cố đắc minh liễu. Vị Bồ-đề hành cố, tác bất liễu liễu. Nhược vô hành cố, tác đắc liễu liễu. Trụ thập trụ cố, tuy kiến bất liễu. Bất trụ bất khứ, cố đắc liễu liễu. Bồ Tát ma-ha-tát, trí tuệ nhân cố, kiến bất liễu liễu. Chư Phật Thế Tôn, đoạn nhân quả cố, kiến tác liễu liễu. Nhất thiết giác giả, danh vi Phật tánh. Thập trụ Bồ Tát, bất đắc danh vi nhất thiết giác cố, thị cố tuy kiến, nhi bất minh liễu.

Thiện nam tử! Kiến hữu nhị chủng: Nhất giả nhãn kiến, nhị giả văn kiến. Chư Phật Thế Tôn, Nhãn kiến Phật tánh, như ư chưởng trung, quan A-ma-lặc quả. Thập trụ Bồ Tát, văn kiến Phật tánh, cố bất liễu liễu. Thập trụ Bồ Tát duy năng tự tri định đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; nhi bất năng tri nhất thiết chúng sanh, tất hữu Phật tánh.

Thiện nam tử! Phục hữu nhãn kiến. Chư Phật Như Lai, thập trụ Bồ Tát, nhãn kiến Phật tánh. Phục hữu văn kiến: Nhất thiết chúng sanh nãi chí cửu địa, văn kiến Phật tánh. Bồ Tát nhược văn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh, tâm bất sanh tín, bất danh văn kiến.

Thiện nam tử! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân dục kiến Như Lai, ưng đương tu tập Thập nhị bộ kinh, thọ trì, đọc tụng, thơ tả, giải thuyết.

Sư Tử Hống Bồ Tát ma-ha-tát ngôn: Thế Tôn! Nhất thiết chúng sanh bất năng đắc tri Như Lai tâm tướng. Đương vân hà quán nhi đắc tri da?

Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh thật bất năng tri Như Lai tâm tướng. Nhược dục quán sát nhi đắc tri giả, hữu nhị nhân duyên: Nhất giả nhãn kiến, nhị giả văn kiến.

若見如來所有身業。當知是則為如來也。是名眼見。若觀如來所有口業。當知是則為如來也。是名聞見。

若見色貌一切眾生無與等者當知是則為如來也。是名眼見。若聞音聲微妙最勝不同眾生所有音聲。當知是則為如來也。是名聞見。

若見如來所作神通為為眾生為為利養。若為眾生不為利養。當知是則為如來也。是名眼見。若觀如來以他心智觀眾生時。為利養說為眾生說。若為眾生不為利養。當知是則為如來也。是名聞見。

云何如來而受是身。何故受身。為誰受身。是名眼見。若觀如來云何說法何故說法為誰說法。是名聞見。

以身惡業加之不瞋。當知是則為如來也。是名眼見。以口惡業加之不恚。當知是則為如來也。是名聞見。

若見菩薩初生之時。於十方面各行七步。摩尼跋陀富那跋陀鬼神大將。執持幡蓋。震動無量無邊世界。金光晃曜彌滿虛空。難陀龍王及跋難陀以神通力浴菩薩身。諸天形像承迎禮拜。阿私陀仙合掌恭敬。盛年捨欲如棄涕唾。不為世樂之所迷惑。出家修道樂於閑寂。為破邪見六年苦行。於諸眾生平

Nhược kiến Như Lai sở hữu thân nghiệp, đương tri thị tác vi Như Lai dã. Thị danh nhãn kiến. Nhược quán Như Lai sở hữu khẩu nghiệp, đương tri thị tác vi Như Lai dã. Thị danh văn kiến.

Nhược kiến sắc mạo, nhất thiết chúng sanh vô dũ đẳng giả, đương tri thị tác vi Như Lai dã. Thị danh nhãn kiến. Nhược văn âm thanh vi diệu tối thắng, bất đồng chúng sanh sở hữu âm thanh, đương tri thị tác vi Như Lai dã. Thị danh văn kiến.

Nhược kiến Như Lai sở tác thần thông, vi vị chúng sanh, vi vị lợi dưỡng; nhược vị chúng sanh, bất vị lợi dưỡng, đương tri thị tác vi Như Lai dã. Thị danh nhãn kiến. Nhược quán Như Lai dĩ tha tâm trí quán chúng sanh thời, vị lợi dưỡng thuyết, vị chúng sanh thuyết, nhược vị chúng sanh, bất vị lợi dưỡng, đương tri thị tác vi Như Lai dã. Thị danh văn kiến.

Vân hà Như Lai nhi thọ thị thân? Hà cố thọ thân? Vị thùi thọ thân? Thị danh nhãn kiến. Nhược quán Như Lai: Vân hà thuyết pháp? Hà cố thuyết pháp? Vị thùi thuyết pháp. Thị danh văn kiến.

Dĩ thân ác nghiệp, gia chi bất sân, đương tri thị tác vi Như Lai dã. Thị danh nhãn kiến. Dĩ khẩu ác nghiệp, gia chi bất nhuế; đương tri thị tác vi Như Lai dã. Thị danh văn kiến.

Nhược kiến Bồ Tát: Sơ sanh chi thời, ư thập phương diện, các hành thất bộ. Ma-ni-bạt-đà, Phú-na-bạt-đà, quý thân đại tướng chấp trì phan cái. Chấn động vô lượng vô biên thế giới, kim quang hoảng diệu, di mãn hư không. Nan-đà Long Vương cập Bạt-nan-đà, dĩ thần thông lực, dục Bồ Tát thân. Chư thiên hình tượng thừa nghinh lễ bái. A-tư-đà tiên hiệp chưởng cung kính. Thanh niên xả dục, như khí thế thóa. Bất vị thế lạc chi sở mê hoặc, xuất gia tu đạo, nhạo ư nhàn tịch. Vị phá tà kiến, lục niên khổ hạnh. Ư chư chúng sanh, bình đẳng vô nhị; tâm

等無二。心常在定初無散亂。相好嚴麗莊飾其身。所遊之處丘墟皆平。衣服離身四寸不墮。行時直視不顧左右。所食之物物無完過。坐起之處草不動亂。為調眾生故往說法。心無憍慢。是名眼見。

若聞菩薩行七步已唱如是言。我今此身最是後邊。阿私陀仙合掌而言。大王當知。悉達太子。定當得成阿耨多羅三藐三菩提。終不在家作轉輪王。何以故。相明了故。轉輪聖王相不明了。悉達太子身相炳著。是故必得阿耨多羅三藐三菩提。見老病死復作是言。一切眾生甚可憐愍。常與如是生老病死共相隨逐。而不能觀常行於苦。我當斷之。從阿羅邏五通仙人受無想定。既成就已後說其過。從鬱陀伽仙受非有想非無想定。既成就已說非涅槃是生死法。六年苦行無所剋獲。即作是言。修是苦行空無所得。若是實者我應得之。以虛妄故我無所得。是名邪術非正道也。

既成道已梵天勸請。惟願如來當為眾生廣開甘露說無上法。佛言。梵王。一切眾生常為煩惱之所障覆。不能受我正法之言。梵王復言。世尊。一切眾生凡有三種。所謂利根中根鈍根。利根能受。惟願為說。佛言。梵王。諦聽諦聽。我今當為一切眾生開甘

thường tại định, sơ vô tán loạn. Tướng hảo nghiêm lệ, trang sức kỳ thân. Sở du chi xứ, khuu khuu giai bình. Y phục ly thân, tứ thốn bất đọa. Hành thời trực thị, bất cố tả hữu. Sở thực chi vật, vật vô hoàn quá. Tọa khởi chi xứ, thảo bất động loạn. Vị điều chúng sanh, cố vãng thuyết pháp, tâm vô kiêu mạn. Thị danh nhãn kiến.

Nhược văn Bồ Tát hành thất bộ dĩ xướng như thị ngôn: Ngã kim thử thân tối thị hậu biên. A-tư-đà tiên hiệp chưởng nhi ngôn: Đại vương đương tri: Tất-đạt Thái tử định đương đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Chung bất tại gia, tác Chuyển luân Vương. Hà dĩ cố? Tướng minh liễu cố. Chuyển luân Thánh vương, tướng bất minh liễu. Tất-đạt thái tử, Thân tướng bính trứ; thị cố tất đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Kiến lão, bệnh, tử, phục tác thị ngôn: Nhất thiết chúng sanh, thậm khả lân mẫn! Thường dữ như thị sanh, lão, bệnh, tử cộng tương tùy trực, nhi bất năng quán. Thường hành ư khổ. Ngã đương đoạn chi. Tùng A-la-la ngũ thông tiên nhân thọ vô tưởng định. Ký thành tựu dĩ, phục thuyết kỳ quá. Tùng Uất-đà-già Tiên, thọ phi hữu tướng phi vô tướng định. Ký thành tựu dĩ, thuyết phi Niết-bàn, thị sanh tử pháp. Lục niên khổ hạnh, vô sở khắc hoạch. Túc tác thị ngôn: Tu thị khổ hạnh, không vô sở đắc. Nhược thị thật giả, ngã ưng đắc chi. Dĩ hư vọng cố, ngã vô sở đắc. Thị danh tà thuật, phi chánh đạo dã.

Ký thành đạo dĩ Phạm thiên khuyến thỉnh: Duy nguyện Như Lai, đương vị chúng sanh, quảng khai cam lộ, thuyết Vô thượng Pháp. Phật ngôn: Phạm vương! Nhất thiết chúng sanh thường vi phiền não chi sở chướng phú, bất năng thọ ngã Chánh pháp chi ngôn. Phạm vương phục ngôn: Thế Tôn! Nhất thiết chúng sanh, phàm hữu tam chủng; sở vị: lợi căn, trung căn, độn căn. Lợi căn năng thọ. Duy nguyện vị thuyết. Phật ngôn: Phạm vương! Đế thính! Đế thính! Ngã kim đương vị nhất thiết chúng sanh, khai cam lộ môn. Túc ư Ba-la-nại

露門。即於波羅奈國轉正法輪宣說中道。一切眾生不破諸結非不能破。非破非不破。故名中道。不度眾生非不能度。是名中道。非一切成亦非不成。是名中道。凡有所說不自言師不言弟子。是名中道。說不為利非不得果。是名中道。正語實語時語真語。言不虛發微妙第一。如是等法。是名聞見。

善男子。如來心相實不可見。若有善男子善女人。欲見如來應當依是二種因緣。

## 大般涅槃經卷第二十七

終

quốc, chuyển Chánh pháp Luân, tuyên thuyết Trung đạo. Nhất thiết chúng sanh bất phá chư kết, phi bất năng phá. Phi phá, phi bất phá; cố danh Trung đạo. Bất độ chúng sanh, phi bất năng độ; thị danh Trung đạo. Phi nhất thiết thành, diệc phi bất thành; thị danh Trung đạo. Phạm hữu sở thuyết, bất tự ngôn sư, bất ngôn đệ tử; thị danh Trung đạo. Thuyết bất vị lợi, phi bất đắc quả; thị danh Trung đạo. Chánh ngữ, thật ngữ, thời ngữ, chân ngữ, ngôn bất hư phát, vi diệu đệ nhất, như thị đẳng pháp, thị danh văn kiến.

Thiện nam tử! Như Lai tâm tướng, thật bất khả kiến. Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân dục kiến Như Lai, ưng đương y thị nhị chủng nhân duyên.

## Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập thất Chung



# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN HAI MƯƠI BẢY PHẨM BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG

## Phẩm thứ mười một - Phần một<sup>(1)</sup>

**L**úc ấy, Phật bảo tất cả đại chúng: “Thiện nam tử! Nếu các ông còn hoài nghi những việc như có Phật hay không có Phật, có Pháp hay không có Pháp, có Tăng hay không có Tăng, có khổ hay không có khổ, có tập hay không có tập, có diệt hay không có diệt, có đạo hay không có đạo, có thật hay không có thật, có ngã hay không có ngã, có lạc hay không có lạc, có tịnh hay không có tịnh, có thường hay không có thường, có thừa hay không có thừa, có tánh hay không có tánh, có chúng sanh hay không có chúng sanh, có hiện hữu hay không có hiện hữu, có chân chánh hay không có chân chánh, có nhân hay không có nhân, có quả hay không có quả, có tạo tác hay không có tạo tác, có nghiệp hay không có nghiệp, có quả báo hay không có quả báo, nay cho phép các ông tùy ý thưa hỏi, ta sẽ vì các ông phân biệt giảng giải.

“Thiện nam tử! Ta thật không thấy có bất cứ ai, dù là trong hàng chư thiên, loài người, chúng ma, Phạm thiên, sa-môn hay bà-la-môn, có thể đến đây thưa hỏi mà ta không trả lời được.”

Bấy giờ, trong hội có một vị Bồ Tát tên là Sư Tử Hồng liền đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi, chỉnh trang y phục, dung mạo, đến lễ kính dưới chân Phật, rồi quỳ xuống

chấp tay bạch Phật: “Thế Tôn! Con vừa muốn hỏi, Như Lai đại từ đã đoái thương cho phép con được hỏi.”

Lúc ấy, Phật bảo Đại chúng rằng: “Các thiện nam tử! Nay các ông nên sanh lòng cung kính sâu xa, tôn trọng, ngợi khen xưng tán vị Bồ Tát này. Nên dùng mọi thứ hương hoa, kỹ nhạc, chuỗi ngọc, cờ phướn, lọng che, y phục, món ăn thức uống, mền gối, thuốc thang, phòng xá, điện đường mà cúng dường vị này, cung kính tiếp đón khi [vị này] đến và lễ tiễn khi [vị này] đi. Vì sao vậy? Vì người này đối trước chư Phật quá khứ đã từng trông sâu căn lành, thành tựu phước đức, nên hôm nay mới đối trước mặt ta muốn cất tiếng [thỉnh pháp hùng hồn như tiếng] sư tử rống.

“Thiện nam tử! Như sư tử chúa tự biết sức của thân mình, [cùng với] sức của răng nanh, vuốt nhọn, liền ngồi xổm bốn chân trên đất, vũng vàng trong động núi cao, đập đuôi và phát lên tiếng rống. Nếu có đủ những tướng như vậy, nên biết là có thể phát tiếng rống như sư tử.

“Nếu quả thật là chúa sư tử thì vừa rạng sáng đã ra khỏi động, duỗi thẳng mình, há họng thật to, nhìn khắp bốn hướng, rồi vì mười một nguyên do mà phát tiếng rống lớn. Những gì là mười một nguyên do?

“Một là vì muốn phá trừ những loài chẳng phải sư tử mà giả làm sư tử.

“Hai là vì muốn thử sức lực của chính mình.

“Ba là vì muốn làm cho chỗ ở của mình được yên ổn [không bị quấy nhiễu].

“Bốn là vì muốn cho các sư tử con biết chỗ ở của mình.

“Năm là vì muốn cho cả bầy sư tử không có sự sợ sệt.

“Sáu là vì muốn cho những kẻ ngu mê được tỉnh giấc.

“Bảy là vì muốn cho những con thú lười nhác thôi không lười nhác nữa.

“Tám là vì muốn cho các loài thú đều đến nương dựa với mình.

“Chín là vì muốn điều phục những con voi tơ sung sức to lớn.

“Mười là vì muốn dạy bảo con cái.

“Mười một là vì muốn tạo sự oai nghiêm cho quyền thuộc của mình.

“Tất cả cầm thú khi nghe tiếng sư tử rống thì loài ở dưới nước liền lặn xuống vực sâu, loài sống trên cạn liền chạy núp vào hang động, loài bay trên không liền rơi xuống, những con voi tơ sung sức to lớn đều sợ chạy vãi cả phần!

“Này các thiện nam tử! Như loài chồn hoang dù đi theo sư tử đến cả trăm năm cũng không thể rống được như sư tử. Nếu là sư tử con thì vừa đủ ba tuổi đã có thể gầm rống như sư tử chúa.

“Thiện nam tử! Như Lai có Chánh giác, trí tuệ là nanh vuốt, Bốn như ý là chân, Sáu Ba-la-mật là thân đầy đủ, Mười sức hùng mạnh, Đại bi là đuôi, an trụ nơi Bốn thiên là hang động thanh tịnh, nên vì chúng sanh phát tiếng [thuyết pháp hùng hồn như] sư tử rống, phá dẹp binh ma, chỉ bày cho đại chúng Mười sức, rộng mở công hạnh Phật, vì những kẻ tà kiến làm chỗ [cho họ] quay về nương tựa; an ủi vỗ về những kẻ sợ sệt trong vòng sanh tử; giác ngộ những chúng sanh ngủ mê trong vô minh; khiến cho những kẻ làm việc ác phải sanh lòng hối tiếc.

“Vì muốn khai mở chỉ bày cho tất cả những chúng sanh tà kiến biết rằng [sự giảng thuyết của] bọn sáu

thầy ngoại đạo không phải tiếng sư tử rống; vì muốn phá tan lòng kiêu mạn của bọn Phú-lan-na; vì muốn làm cho những người trong hàng Nhị thừa sanh lòng tự hối [mà quay sang Đại thừa]; vì muốn dạy cho các vị Bồ Tát trong hàng Ngũ trụ sanh tâm Đại lực; vì muốn làm cho Bốn bộ chúng có chánh kiến không sanh lòng sợ sệt đối với những đệ tử tà kiến; nên [vị sư tử chúa Như Lai] từ nơi hang động là Thánh hạnh, Phạm hạnh và Thiên hạnh duỗi thẳng mình đi ra; vì muốn cho tất cả chúng sanh phá tan lòng kiêu mạn nên há miệng thật to; vì muốn cho chúng sanh khởi sanh các pháp lành, nên quay nhìn khắp bốn hướng; vì muốn chúng sanh được Bốn vô ngại<sup>(2)</sup> nên ngồi xổm bốn chân trên mặt đất; vì muốn chúng sanh an trụ đầy đủ trong Trì giới Ba-la-mật<sup>(3)</sup> nên phát tiếng rống như sư tử.

“Tiếng rống như sư tử có nghĩa là giảng thuyết một cách rõ ràng chắc chắn: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật; Như Lai là thường trụ không hề biến đổi.’

“Thiện nam tử! Hàng Thanh văn, Duyên giác dù đi theo Như Lai Thế Tôn cho đến vô lượng trăm ngàn a-tăng-kỳ kiếp cũng không thể [thuyết pháp hùng hồn như] tiếng sư tử rống. Hàng Bồ Tát Thập trụ nếu tu hành Ba hạnh như trên,<sup>(4)</sup> nên biết là có thể phát ra tiếng [thuyết pháp hùng hồn như] như sư tử rống.

“Các thiện nam tử! Đại Bồ Tát Sư Tử Hồng đây, nay muốn làm đại sư tử phát tiếng rống lớn như vậy. Cho nên các ông phải hết lòng cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen xưng tán.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Đại Bồ Tát Sư Tử Hồng: “Thiện nam tử! Nếu ông muốn hỏi, nay có thể tùy ý hỏi.”

Bồ Tát Ma-ha-tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Thế nào là tánh Phật? Vì nghĩa gì mà gọi là tánh Phật? Sao lại gọi là thường, lạc, ngã, tịnh? Nếu tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, vì sao không thấy được tánh Phật của tất cả chúng sanh? Hàng Bồ Tát Thập trụ trụ ở những pháp nào mà không thấy được [tánh Phật] một cách rõ ràng? Chư Phật trụ ở những pháp nào mà thấy được [tánh Phật] rõ ràng? Bồ Tát Thập trụ dùng con mắt nào mà không thấy được [tánh Phật] một cách rõ ràng? Chư Phật dùng con mắt nào mà thấy được [tánh Phật] rõ ràng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Lành thay, lành thay! Nếu ai có thể vì pháp thưa hỏi, người ấy ắt có đủ hai sự trang nghiêm: một là trí tuệ, hai là phước đức. Bồ Tát nào có đủ hai sự trang nghiêm ấy ắt rõ biết được tánh Phật, cũng rõ biết được vì sao gọi là tánh Phật, cho đến có thể biết rằng Bồ Tát Thập trụ dùng mắt gì để thấy, chư Phật Thế Tôn dùng mắt gì để thấy.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là trí tuệ trang nghiêm? Thế nào gọi là phước đức trang nghiêm?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trí tuệ trang nghiêm là nói từ Địa vị thứ nhất cho tới Địa vị thứ mười [của hàng Bồ Tát]. Đó gọi là trí tuệ trang nghiêm. Phước đức trang nghiêm là nói từ Bồ thí Ba-la-mật cho tới Bát-nhã, [nhưng] không phải Bát-nhã Ba-la-mật.

“Lại nữa, thiện nam tử! Trí tuệ trang nghiêm là nói chư Phật, Bồ Tát. Phước đức trang nghiêm là nói hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ Tát trụ ở chín địa vị đầu tiên.

“Lại nữa, thiện nam tử! Phước đức trang nghiêm là hữu vi, hữu lậu, có quả báo, có chướng ngại, chẳng phải

thường, là pháp phàm phu. Trí tuệ trang nghiêm là vô vi, vô lậu, không có quả báo, không có chướng ngại, là thường trụ.

“Thiện nam tử! Nay ông có đủ hai sự trang nghiêm ấy nên mới có thể thưa hỏi nghĩa lý sâu thẳm nhiệm mầu. Ta cũng có đủ hai sự trang nghiêm ấy nên mới có thể giải đáp nghĩa này.”

Bồ Tát Ma-ha-tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu Bồ Tát nào đầy đủ hai sự trang nghiêm như vậy, ắt không nên thưa hỏi về một việc, hai việc. Vì sao Thế Tôn nói rằng có thể giải đáp một việc, hai việc? Vì lẽ gì? Vì tất cả các pháp không có [sự phân chia thành] một việc, hai việc. Nếu có [sự phân chia thành] một việc, hai việc, đó là tướng phàm phu.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát nào không có [đủ] hai sự trang nghiêm, ắt không thể rõ biết về [lẽ] một việc, hai việc. Nếu Bồ Tát nào có đủ hai sự trang nghiêm mới [có thể] rõ biết về [lẽ] một việc, hai việc.

“Nếu nói rằng các pháp không có [sự phân biệt] một, hai; nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Nếu [các pháp] không có [sự phân biệt] một, hai, làm sao có thể nói rằng tất cả các pháp là không có một, không có hai?

“Thiện nam tử! Nếu ai nói rằng: ‘Một, hai là tướng phàm phu’, đó phải gọi là Bồ Tát Thập trụ, chẳng phải hạng phàm phu. Vì sao vậy? Một, gọi là Niết-bàn; hai, gọi là sanh tử.

“Vì sao một gọi là Niết-bàn? Vì đó là thường. Vì sao hai gọi là sanh tử? Vì đó là tham ái, vô minh.

“Sự thường tồn của Niết-bàn chẳng phải tướng phàm phu; sự [phân] hai của sanh tử cũng chẳng phải tướng

phàm phu. Vì nghĩa ấy, người có đầy đủ hai sự trang nghiêm thì có thể hỏi, có thể đáp.

“Thiện nam tử! Ông có hỏi: ‘Thế nào là tánh Phật?’ Hãy lắng nghe, lắng nghe cho kỹ! Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói.

“Thiện nam tử! Tánh Phật gọi là nghĩa Không theo đệ nhất nghĩa.<sup>(5)</sup> Nghĩa Không theo đệ nhất nghĩa gọi là trí tuệ. Chỗ nói không đó là không thấy cả cái không và chẳng phải không.

“Người trí vẫn thấy cả cái không và chẳng phải không, thường và vô thường, khổ và vui, vô ngã và ngã. Không là tất cả các pháp trong sanh tử; chẳng phải không là Đại Niết-bàn... cho đến vô ngã là sanh tử; ngã là Đại Niết-bàn.<sup>(6)</sup>

“[Nếu] thấy tất cả là không mà không thấy chỗ chẳng phải không, như vậy không gọi là trung đạo. Cho đến [nếu] thấy tất cả là vô ngã mà không thấy ngã cũng không gọi là trung đạo.

“Trung đạo gọi là tánh Phật. Vì nghĩa ấy, tánh Phật là thường hằng, không hề biến đổi, chỉ vì vô minh che lấp nên chúng sanh không thể thấy được.

“Hàng Thanh văn, Duyên giác thấy tất cả là không mà không thấy chỗ chẳng phải không; cho đến thấy tất cả là vô ngã mà không thấy [có chân] ngã. Vì nghĩa ấy, họ không đạt được nghĩa không theo đệ nhất nghĩa. Vì không đạt được nghĩa không theo đệ nhất nghĩa nên họ không thực hành trung đạo. Vì không [thực hành] trung đạo nên không thấy được tánh Phật.

“Thiện nam tử! Có ba hạng [người] không thấy được trung đạo. Một là [những người] theo hạnh lúc nào cũng

vui, hai là [những người] theo hạnh lúc nào cũng khổ, ba là [những người] theo hạnh có khổ có vui.

“Tu theo hạnh lúc nào cũng vui chính là các vị Đại Bồ Tát. Vì thương xót tất cả chúng sanh nên tụy vào địa ngục A-tỳ vẫn luôn vui thích như ở cõi trời Tam thiên.<sup>(7)</sup>

“Trường hợp lúc nào cũng khổ là nói tất cả những người phàm phu.<sup>(8)</sup>

“Tu theo hạnh có khổ có vui là hàng Thanh văn, Duyên giác. Hàng Thanh văn, Duyên giác tu tập theo hạnh có khổ có vui, [lâm] cho đó là trung đạo. Vì nghĩa ấy nên tụy [họ] có tánh Phật nhưng không thể thấy được.

“Như lời ông hỏi: ‘Vì nghĩa gì mà gọi là tánh Phật?’ Thiện nam tử! Tánh Phật là hạt giống trung đạo dẫn đến A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề của tất cả chư Phật.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đạo có ba hạng, đó là bậc thấp, bậc cao và khoảng giữa.

“Bậc thấp là [những người đối với] Phạm thiên vô thường mà sai lầm thấy là thường.

“Bậc cao là [những người đối với] sanh tử vô thường mà sai lầm thấy là thường; Tam bảo là thường mà sai lầm cho là vô thường.

“Vì sao gọi đó là bậc cao? Vì [những người ấy] có khả năng đạt đến quả tối thượng là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Đạo thuộc về khoảng giữa là nghĩa không theo đệ nhất nghĩa. [Đó là những người] đối với vô thường thấy biết là vô thường, thường thấy biết là thường.

“[Người hiểu] nghĩa không theo đệ nhất nghĩa chẳng gọi là bậc thấp. Vì sao vậy? Vì tất cả phàm phu không thể đạt đến. Cũng chẳng gọi là bậc cao. Vì sao vậy? Vì [gọi

như thế] tức là [thuộc về] bậc cao [theo nghĩa nói trên]. Đạo của chư Phật và Bồ Tát tu hành không phải bậc cao, không phải bậc thấp, vì nghĩa ấy nên gọi là trung đạo.

“Lại nữa, thiện nam tử! Cội gốc của sanh tử có hai loại, một là vô minh, hai là tham ái. Ở giữa hai thứ [vô minh và tham ái] này ắt phải có những nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết. [Thấy biết] như vậy gọi là trung đạo. Trung đạo như thế có thể phá trừ sanh tử, nên gọi là trung. Vì nghĩa ấy nên pháp trung đạo gọi là tánh Phật.

“Vì thế, tánh Phật là thường, lạc, ngã, tịnh; chúng sanh vì không thể thấy được [tánh Phật] nên là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh; nhưng tánh Phật thật không phải là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

“Thiện nam tử! Ví như trong nhà người nghèo khổ có một kho báu, nhưng người ấy không thấy biết. Vì không thấy biết nên [phải chịu bần cùng khốn khổ, ví như chúng sanh] chỉ biết vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Rồi có vị thiện tri thức đến bảo người ấy rằng: “Trong nhà ông có kho báu, vì sao phải chịu bần cùng khốn khổ, không có những sự thường, lạc, ngã, tịnh?” [Vị thiện tri thức này] liền dùng phương tiện khiến cho người ấy được thấy biết. Sau khi thấy biết rồi, người ấy liền được [giàu có sung sướng, ví như chúng sanh đạt được] thường, lạc, ngã, tịnh.

“Tánh Phật cũng giống như vậy, chúng sanh không thấy được. Vì không thấy được tánh Phật nên chỉ biết là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Nhờ có bậc thiện tri thức là chư Phật, Bồ Tát dùng sức phương tiện với nhiều cách dạy bảo, khiến cho chúng sanh thấy được tánh Phật. Sau khi thấy được tánh Phật rồi, chúng sanh liền đạt được thường, lạc, ngã, tịnh.

“Lại nữa, thiện nam tử! Chỗ thấy biết của chúng sanh khởi lên gồm có hai loại: một là thường kiến,<sup>(9)</sup> hai là đoạn kiến.<sup>(10)</sup> Hai cách thấy biết ấy không gọi là trung đạo. Không phải thường cũng không phải đoạn mới gọi là trung đạo. Không phải thường cũng không phải đoạn tức là trí tuệ quán chiếu Mười hai nhân duyên. Trí tuệ quán chiếu ấy gọi là tánh Phật.

“Hàng Nhị thừa tuy cũng quán xét nhân duyên nhưng chưa được gọi là tánh Phật.

“Tánh Phật tuy là thường nhưng vì chúng sanh bị vô minh che lấp nên không thể thấy được. Chúng sanh lại cũng như con thỏ, con ngựa, chưa đủ sức lội qua dòng sông lớn Mười hai nhân duyên. Vì sao vậy? Vì không thấy được tánh Phật.

“Thiện nam tử! Trí tuệ quán chiếu Mười hai nhân duyên đó chính là hạt giống A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì nghĩa ấy, Mười hai nhân duyên được gọi là tánh Phật. Thiện nam tử! Ví như có loại dưa chuột<sup>(11)</sup> được gọi là ‘bệnh nhiệt’. Vì sao vậy? Vì loại dưa ấy có thể là nguyên nhân gây bệnh nhiệt. Mười hai nhân duyên cũng thế, [có thể là nguyên nhân dẫn đến quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề nên được gọi là tánh Phật.]

“Thiện nam tử! Tánh Phật có nhân, lại có nhân của nhân; có quả và có quả của quả.

“Nhân của tánh Phật là Mười hai nhân duyên. Nhân của nhân ấy là trí tuệ.

“Quả của tánh Phật là [quả vị] A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Quả của quả ấy là Vô thượng Đại Bát Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Ví như vô minh là nhân, các hành là quả; hành là nhân, thức là quả... Vì nghĩa ấy nên thể của

vô minh ấy là nhân, mà cũng là nhân của nhân; thức là quả, mà cũng là quả của quả. Tánh Phật cũng thế.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên Mười hai nhân duyên là không hiện ra, không diệt mất, không thường không đoạn, chẳng một chẳng hai, chẳng đến chẳng đi, không phải nhân không phải quả.

“Thiện nam tử! Có trường hợp là nhân mà không phải quả, chẳng hạn như tánh Phật. Có trường hợp là quả mà không phải nhân, chẳng hạn như Đại Niết-bàn. Có trường hợp vừa là nhân, vừa là quả, chẳng hạn như các pháp sanh bởi Mười hai nhân duyên.

“Không phải nhân không phải quả gọi là tánh Phật. Vì không phải nhân quả nên thường hằng, không biến đổi.

“Vì nghĩa ấy nên trong các kinh ta dạy rằng ý nghĩa [rốt ráo] của Mười hai nhân duyên là rất sâu xa, không thể biết, không thể thấy, không thể suy xét. Đó là cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát, chẳng phải chỗ hàng Thanh văn, Duyên giác có thể đạt đến.

“Vì nghĩa gì mà hết sức sâu xa? Hành vi tạo nghiệp của chúng sanh là không thường không đoạn, nhưng [thật] có quả báo; tuy mỗi một ý niệm đều liên tục theo nhau diệt mất, nhưng [thật] không có gì mất đi; tuy không có người tạo tác, nhưng [thật] có nghiệp được tạo ra; tuy không có người thọ lãnh, nhưng [thật] có quả báo; người thọ báo tuy mất đi nhưng quả báo [thật] không hề mất; [tuy] không có sự toan tính nhận biết nhưng tự hòa hợp [các nhân duyên] mà có.

“Tất cả chúng sanh tuy sống trong Mười hai nhân duyên nhưng không thấy biết. Vì không thấy biết nên [mãi mãi luân chuyển,] không có khởi đầu, không có kết thúc.

“Hàng Bồ Tát Thập trụ chỉ thấy chỗ kết thúc mà

không thấy được chỗ khởi đầu. Chư Phật Thế Tôn thấy rõ chỗ khởi đầu, chỗ kết thúc. Vì nghĩa ấy, chư Phật thấy được tánh Phật một cách rõ ràng.

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh vì không thấy rõ được Mười hai nhân duyên nên phải chịu luân chuyển [mãi mãi trong sanh tử].

“Thiện nam tử! Ví như con tằm tạo ra cái kén, tự nó sanh ra, tự nó chết đi. Tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, vì không thấy tánh Phật nên tự tạo nghiệp trôi buộc, luân chuyển mãi trong sanh tử, khác nào như trái cầu [bị người chơi đánh qua lại mãi]!

“Thiện nam tử! Cho nên trong các kinh ta có dạy rằng: ‘Ai thấy được Mười hai nhân duyên tức thấy Chánh pháp. Thấy Chánh pháp tức là thấy Phật.’ Phật, đó chính là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì hết thảy chư Phật đều lấy đó làm tánh.

“Thiện nam tử! Trí tuệ quán chiếu Mười hai nhân duyên có bốn bậc: bậc thấp, bậc vừa, bậc cao và bậc cao nhất.

“Trí tuệ quán chiếu bậc thấp không thấy được tánh Phật. Vì không thấy [tánh Phật] nên [người tu] chỉ đạt đến quả Thanh văn mà thôi.

“Trí tuệ quán chiếu bậc vừa cũng không thấy được tánh Phật. Vì không thấy [tánh Phật] nên [người tu] chỉ đạt đến quả vị Duyên giác.

“Trí tuệ quán chiếu bậc cao tuy thấy tánh Phật nhưng không thật rõ ràng. Vì thấy [tánh Phật] không thật rõ ràng nên [người tu] trụ ở hàng [Bồ Tát] Thập trụ.

“Trí tuệ quán chiếu bậc cao nhất thấy được tánh Phật một cách rõ ràng nên đạt được đạo A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Vì nghĩa ấy nên Mười hai nhân duyên gọi là tánh Phật. Tánh Phật tức là nghĩa không theo đệ nhất nghĩa. Nghĩa không theo đệ nhất nghĩa gọi là trung đạo. Trung đạo gọi là Phật. Phật gọi là Niết-bàn.”

Bấy giờ, Đại Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu Phật và tánh Phật chẳng khác gì nhau thì tất cả chúng sanh cần gì phải tu hành?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông hỏi như vậy là không hợp lý. Tuy Phật và tánh Phật chẳng khác gì nhau, nhưng tất cả chúng sanh thấy đều chưa được đầy đủ.

“Thiện nam tử! Ví như có người sanh lòng ác giết hại mẹ. Giết mẹ rồi mới sanh tâm hối cải. Bấy giờ, tuy Ba nghiệp<sup>(12)</sup> đều lành, nhưng vẫn gọi là người của địa ngục. Vì sao vậy? Vì chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục. Tuy các âm, nhập, giới [tạo thành] người ấy hiện không ở trong địa ngục, nhưng vẫn gọi là người của địa ngục.

“Thiện nam tử! Cho nên trong các kinh ta có dạy: ‘Nếu thấy người tu hành điều thiện, đó gọi là thấy chư thiên và loài người; nếu thấy kẻ làm điều ác, đó gọi là thấy địa ngục.’ Vì sao vậy? Vì chắc chắn sẽ thọ quả báo [tương ứng như vậy].

“Thiện nam tử! Vì tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề nên ta nói: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’ Nhưng thật ra tất cả chúng sanh đều chưa có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp... Vì nghĩa ấy nên trong kinh này ta có nói kệ:

Vốn là có mà nay thành không,  
Vốn là không mà nay thành có;  
Nếu nói trong Ba đời có pháp,<sup>(13)</sup>  
Thật không thể có nghĩa như thế!<sup>(14)</sup>

“Thiện nam tử! Về pháp có, chia ra ba loại: một là có trong tương lai, hai là có trong hiện tại, ba là có trong quá khứ.

“Tất cả chúng sanh trong tương lai đều sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đó gọi là tánh Phật.

“Tất cả chúng sanh trong hiện tại đều có phiền não trói buộc, cho nên hiện nay không có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp.

“Tất cả chúng sanh trong quá khứ đều có dứt trừ phiền não, nhờ vậy nên trong hiện tại được thấy tánh Phật.

“Vì nghĩa ấy, ta thường dạy rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật; cho đến hạng nhất-xiển-đề cũng có tánh Phật.’

“Hạng nhất-xiển-đề không có pháp lành, nhưng tánh Phật vẫn là lành, vì trong tương lai sẽ có [pháp lành].

“Tất cả hạng nhất-xiển-đề đều có tánh Phật. Vì sao vậy? Vì hạng nhất-xiển-đề chắc chắn rồi cũng sẽ được thành tựu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Thiện nam tử! Ví như trong nhà người kia hiện có kem sữa. Có người hỏi: ‘Ông có bơ chăng?’ Người ấy đáp: ‘Tôi có.’ Kem sữa thật không phải là bơ, nhưng người ấy phương tiện khéo léo biết chắc mình có thể làm ra được nên đáp là có bơ.

“Chúng sanh cũng vậy, hết thấy đều có tâm. Đã có tâm thì chắc chắn sẽ được thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì nghĩa ấy nên ta thường dạy: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’

“Thiện nam tử! Về chỗ tất cánh có hai loại, một là tất cánh trang nghiêm, hai là tất cánh cứu cánh; hoặc một là tất cánh thế gian, hai là tất cánh xuất thế.

“Tất cánh trang nghiêm là sáu pháp ba-la-mật; tất cánh cứu cánh là chỗ đạt được giáo pháp cao trổi nhất của tất cả chúng sanh. Giáo pháp cao nhất gọi là tánh Phật. Vì nghĩa ấy, nên ta dạy rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’ Tất cả chúng sanh đều có giáo pháp cao trổi nhất, nhưng vì vô minh che lấp nên không thấy.

“Thiện nam tử! Chúng sanh ở cõi này vì bị quả báo che lấp nên không thể thấy châu Uất-đan-việt và cõi trời Ba mươi ba.<sup>(15)</sup> Cũng giống như vậy, chúng sanh bị các phiền não che lấp nên không thấy tánh Phật.

“Lại nữa, thiện nam tử! Tánh Phật tức là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Tánh ấy ví như đê-hồ,<sup>(16)</sup> tức là mẹ của hết thảy chư Phật. Nhờ sức của Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm nên khiến cho chư Phật được thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chúng sanh cũng đều có Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm nhưng vì không tu hành nên không thấy được, và vì thế mà không thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Thiện nam tử! Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm có năm tên gọi. Một là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, hai là Bát-nhã Ba-la-mật, ba là Tam-muội Kim cang, bốn là Tam-muội Sư tử hống, năm là tánh Phật. Tùy theo công năng ở mỗi nơi mà có tên gọi khác nhau.

“Thiện nam tử! Như một tam-muội có rất nhiều tên. Như thiên gọi là tứ thiên; căn gọi là định căn; lực gọi là định lực; giác gọi là định giác; chánh gọi là chánh định; bát đại nhân giác gọi là định giác. Phép định Thủ-lăng-nghiêm cũng vậy.

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đều có đủ ba mức định: bậc cao, bậc trung và bậc thấp.

“Bậc cao là nói tánh Phật. Vì vậy ta nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’

“Bậc trung là nói tất cả chúng sanh đều có định lực ở mức Sơ thiên, khi gặp nhân duyên liền có thể tu tập; nếu không có nhân duyên thì không thể tu. Nhân duyên có hai loại, một là gặp hỏa tai,<sup>(17)</sup> hai là dứt trừ được những phiền não trói buộc trong Dục giới. Vì vậy nên nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có đủ định lực bậc trung.’

“Bậc thấp là nói nhiều mức định khác nhau của tâm trong Mười đại địa.<sup>(18)</sup> Vì vậy nên nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có đủ định lực bậc thấp.’

“Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, nhưng vì phiền não che lấp nên không thấy được. Hàng Bồ Tát Thập trụ tuy thấy được giáo pháp cao trổi nhất [là tánh Phật], nhưng không biết được Như Lai là pháp thường trụ. Vì vậy nên nói rằng: ‘Hàng Bồ Tát Thập trụ tuy thấy tánh Phật nhưng không thật rõ ràng.’

“Thiện nam tử! Thủ-lăng-nghiêm có nghĩa là ‘hết thảy mọi việc đều hoàn tất rốt ráo’. Nghiêm có nghĩa là kiên cố. Hết thảy mọi việc đều hoàn tất rốt ráo và được kiên cố, nên gọi là Thủ-lăng-nghiêm. Cho nên nói rằng: ‘Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm gọi là tánh Phật.’

“Thiện nam tử! Thuở trước, khi ta ở bên bờ sông Ni-liên-thiên có bảo A-nan rằng: ‘Nay ta muốn tắm, ông hãy cầm áo và mang nước làm sạch đến.’<sup>(19)</sup> Khi ta đã xuống nước, tất cả những loài chim bay, các loài dưới nước, trên cạn đều tụ tập đến để chiêm ngưỡng thân ta. Khi ấy lại có năm trăm Phạm-chí<sup>(20)</sup> cũng vừa đến bờ sông. Nhân khi đến chỗ ta, họ bảo nhau rằng: ‘[Ông ấy] làm sao lại được thân kim cang [tốt đẹp đến] như thế? Giá như ông Cồ-đàm<sup>(21)</sup> ấy không thuyết lẽ đoạn kiến ắt chúng ta sẽ theo ông ấy mà thỉnh thọ giáo pháp.’<sup>(22)</sup>



“Thiện nam tử! Khi ấy ta dùng Tha tâm trí biết được suy nghĩ của các Phạm-chí ấy, liền hỏi họ rằng: ‘Vì sao các ông cho rằng ta thuyết lẽ đoạn kiến?’

“Vị Phạm-chí ấy đáp: ‘Trước đây, khi giảng kinh ngài luôn nói rằng tất cả chúng sanh đều không có ngã. Đã nói là vô ngã, sao còn nói không phải đoạn kiến? Nếu là vô ngã thì ai là người giữ giới, ai là người phá giới?’

“Ta đáp: ‘Ta không chỉ nói ‘Tất cả chúng sanh đều không có ngã’, ta còn tuyên thuyết: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật’. Tánh Phật đó, há chẳng phải ngã sao? Vì nghĩa ấy, ta không hề thuyết lẽ đoạn kiến. Tất cả chúng sanh vì không thấy tánh Phật cho nên là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Như vậy mới gọi là thuyết lẽ đoạn kiến.’

“Khi ấy, các Phạm-chí nghe nói tánh Phật tức là ngã, liền phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, tức thời xuất gia tu học đạo Bồ-đề. Tất cả các loài chim bay cùng các loài dưới nước, trên cạn cũng đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Phát tâm rồi, liền được xả bỏ thân cầm thú.

“Thiện nam tử! Tánh Phật ấy thật chẳng phải ngã, nhưng vì chúng sanh nên gọi đó là ngã.

“Thiện nam tử! Vì có nhân duyên nên Như Lai nói vô ngã là ngã, nhưng thật ra đó là vô ngã. Tuy nói như vậy nhưng không có sự hư dối.

“Thiện nam tử! Vì có nhân duyên nên nói ngã là vô ngã, nhưng quả thật đó là ngã. Tuy nói vô ngã nhưng vì [tùy thuận] thế gian nên không hề có sự hư dối.

“Tánh Phật là vô ngã, Như Lai nói là ngã, vì [tánh Phật] đó là thường.

“Như Lai là ngã nhưng nói là vô ngã, vì [Như Lai đã] được [hoàn toàn tự do] tự tại.”

Lúc ấy, Đại Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch rằng: “Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, cũng như lực sĩ kim cang,<sup>(23)</sup> vì sao tất cả chúng sanh lại không thấy được?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như hình sắc tuy có xanh, vàng, đỏ, trắng khác nhau, hoặc hình dáng dài, ngắn... nhưng người mù không thấy được. Cho dù [người mù] không thấy nhưng cũng không thể nói rằng không có những màu xanh, vàng, đỏ, trắng hoặc hình dáng dài, ngắn... khác nhau. Vì sao vậy? Vì người mù tuy không thấy nhưng người sáng mắt vẫn thấy.

“Tánh Phật cũng vậy. Tất cả chúng sanh tuy không thấy được, nhưng Bồ Tát Thập trụ thấy được một phần nhỏ; đức Như Lai thấy được trọn vẹn. Bồ Tát Thập trụ thấy tánh Phật ví như người ta thấy hình sắc vào ban đêm; đức Như Lai thấy tánh Phật rõ ràng như người ta thấy hình sắc vào ban ngày.

“Thiện nam tử! Ví như mắt bệnh kéo mây thì nhìn thấy hình sắc không rõ. Gặp thầy thuốc giỏi trị liệu cho mắt; nhờ tác dụng của thuốc liền được thấy rõ ràng. Bồ Tát Thập trụ cũng vậy, tuy thấy tánh Phật nhưng không thật rõ, nhờ tác dụng của Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm nên mới thấy được rõ ràng.

“Thiện nam tử! Nếu ai thấy tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, lại thấy những gì không thuộc về tất cả các pháp cũng là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, người ấy không thấy được tánh Phật.

“Tất cả các pháp đó gọi là sanh tử; không thuộc về tất cả các pháp đó gọi là Tam bảo.

“Hàng Thanh văn, Duyên giác thấy tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh; lại thấy những gì không thuộc về tất cả các pháp cũng là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Vì nghĩa ấy họ không thấy tánh Phật.

“Hàng Bồ Tát Thập trụ thấy tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh; thấy những gì không thuộc về tất cả các pháp có một phần là thường, lạc, ngã, tịnh. Vì nghĩa ấy, trong mười phần tánh Phật liền thấy được một phần.

“Chư Phật Thế Tôn thấy tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh; thấy những gì không thuộc về tất cả các pháp là thường, lạc, ngã, tịnh. Do đó các ngài thấy rõ tánh Phật như người ta nhìn trái a-ma-lặc đặt trong lòng bàn tay. Vì nghĩa ấy nên phép định Thủ-lăng-nghiêm gọi là hoàn tất rất ráo.

“Thiện nam tử! Ví như mặt trăng trong đêm đầu tháng, tuy không thể nhìn thấy nhưng không thể nói là không có. Tánh Phật cũng thế, tất cả phàm phu tuy không thấy được nhưng không thể nói rằng không có tánh Phật.

“Thiện nam tử! Tánh Phật đó là nói Mười sức, Bốn đức chẳng sợ, Ba chỗ niệm của tâm đại bi.<sup>(24)</sup> Tất cả chúng sanh đều có ba thứ ấy; nếu phá trừ hết phiền não sẽ được thấy tánh Phật. Hạng nhất-xiển-đề thì sau khi phá trừ tánh nhất-xiển-đề mới có thể đạt được Mười sức, Bốn đức chẳng sợ, Ba chỗ niệm của tâm đại bi. Vì nghĩa ấy, ta thường tuyên thuyết: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đều có đủ Mười hai nhân duyên, cả trong lẫn ngoài. Những gì là mười hai?

“Phiền não đời quá khứ gọi là vô minh.

“Nghiệp đời quá khứ gọi là hành.

“Lúc mới thọ thai trong đời hiện tại này gọi là thức.

“Vào thai năm phần, bốn căn chưa đủ, gọi là danh sắc.

“Bốn căn đầy đủ lúc chưa xúc chạm thì gọi là lục nhập.

“[Tiếp cận trần cảnh mà] chưa phân biệt khổ, vui gọi là xúc.

“Quen nhiễm huân tập sự ưa mến, đó gọi là thọ.

“Gần gũi ưa muốn nắm dục, đó gọi là ái.

“Tham cầu [những đối tượng] bên trong và bên ngoài, đó gọi là thủ.

“Vì các sự việc bên trong và bên ngoài mà khởi lên ba nghiệp thân, khẩu và ý, đó gọi là hữu.

“Thức của đời hiện tại chuyển sang đời sống kế tiếp gọi là sanh.

“Các yếu tố danh sắc, lục nhập, xúc, thọ của đời hiện tại [chấm dứt để] chuyển sang đời sống kế tiếp gọi là lão bệnh tử.

“Đó gọi là Mười hai nhân duyên.

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh tuy có Mười hai nhân duyên như vậy, nhưng cũng có những chúng sanh không đầy đủ. Như những đứa trẻ chết khi còn ở trong thai ắt không có đủ Mười hai nhân duyên. Trải từ lúc sanh ra cho đến khi [già] chết thì có đủ Mười hai nhân duyên.

“Chúng sanh Sắc giới không có ba loại thọ, ba loại xúc, ba loại ái, không có lão bệnh, nhưng cũng gọi là đủ Mười hai nhân duyên. Chúng sanh Vô sắc giới không có từ [danh] sắc cho đến lão bệnh, nhưng cũng gọi là đủ Mười hai nhân duyên. Vì lẽ nhất định [rồi sẽ] có [trong luân hồi]. Vì những lẽ đó nên nói là tất cả chúng sanh đều có đủ Mười hai nhân duyên bình đẳng như nhau.

“Thiện nam tử! Tánh Phật cũng thế. Vì lẽ tất cả chúng sanh nhất định rồi sẽ được thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề nên ta nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’

“Thiện nam tử! Trên Tuyết sơn có một thứ cỏ gọi là nhãn nhục. Bò ăn cỏ ấy thì vắt sữa ra thành đê-hồ. Lại có những loại cỏ khác, nếu bò ăn vào thì vắt sữa không thành đê-hồ. Tuy [vắt sữa bò ra] không thành đê-hồ, nhưng cũng không thể [vì thế mà] nói là Tuyết sơn không có cỏ nhãn nhục.

“Tánh Phật cũng thế. Tuyết sơn ví như Như Lai, cỏ nhãn nhục ví như kinh Đại Niết-bàn, những cỏ khác ví như Mười hai bộ kinh. Nếu chúng sanh có thể nghe và thọ nhận, thưa hỏi về kinh Đại Bát Niết-bàn, ắt sẽ thấy được tánh Phật. Trong Mười hai bộ kinh tuy không nghe nói có tánh Phật, nhưng cũng không thể [vì thế mà] nói rằng không có tánh Phật.

“Thiện nam tử! Tánh Phật vừa là sắc, vừa chẳng phải sắc, vừa không phải sắc cũng không chẳng phải sắc; vừa là tướng, vừa chẳng phải tướng, vừa chẳng phải tướng cũng không chẳng phải tướng; vừa là duy nhất, vừa không duy nhất, vừa không duy nhất cũng không chẳng phải duy nhất; vừa không phải thường, vừa không phải đoạn, vừa không phải chẳng thường, không phải chẳng đoạn; vừa có, vừa không, vừa chẳng phải có, chẳng phải không; vừa dứt mất, vừa chẳng dứt mất, vừa chẳng phải dứt mất cũng chẳng phải không dứt mất; vừa là nhân, vừa là quả, vừa chẳng phải nhân cũng chẳng phải quả; vừa là nghĩa lý vừa không phải nghĩa lý, vừa không phải nghĩa lý cũng không chẳng phải nghĩa lý; vừa là văn tự, vừa không phải văn tự, vừa không phải văn tự

cũng không chẳng phải văn tự; vừa là khổ, vừa là vui, vừa chẳng phải khổ cũng chẳng phải vui; vừa là ngã, vừa không phải ngã, vừa không phải ngã cũng không chẳng phải ngã; vừa là không, vừa chẳng phải không, vừa không phải không cũng không chẳng phải không.

“Vì sao [tánh Phật] là sắc? Vì [chư Phật] có thân kim cang. Vì sao [tánh Phật] là chẳng phải sắc? Vì Mười tám pháp bất cộng<sup>(25)</sup> [của chư Phật] không thuộc về sắc pháp. Vì sao [tánh Phật] là không phải sắc cũng không chẳng phải sắc? Vì sắc và chẳng phải sắc đều không có tướng nhất định.

“Vì sao [tánh Phật] là tướng? Vì [chư Phật] có Ba mươi hai tướng tốt. Vì sao [tánh Phật] là chẳng phải tướng? Vì những tướng ấy không hiện ra ở tất cả chúng sanh. Vì sao [tánh Phật] là chẳng phải tướng cũng không chẳng phải tướng? Vì tướng và chẳng phải tướng đều không [có sự] quyết định chắc chắn.

“Vì sao [tánh Phật] là duy nhất? Vì tất cả chúng sanh chỉ [hướng theo] một thừa duy nhất<sup>(26)</sup> mà thôi. Vì sao [tánh Phật] là chẳng phải duy nhất? Vì [Như Lai phương tiện] thuyết giảng thành Ba thừa. Thế nào là không duy nhất cũng không chẳng phải duy nhất? Vì có vô số pháp.

“Vì sao [tánh Phật] là không phải thường? Vì [chúng sanh] do duyên mà thấy [được tánh Phật]. Vì sao [tánh Phật] là không phải đoạn? Vì [tánh Phật] liả khỏi đoạn kiến. Vì sao [tánh Phật] là không phải chẳng thường cũng không phải chẳng đoạn? Vì [tánh Phật] không có khởi đầu, không có kết thúc.

“Vì sao [tánh Phật] là có? Vì tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Vì sao [tánh Phật] là không? Vì [chúng sanh] phải nhờ phương tiện mới thấy được [tánh Phật].

Vì sao [tánh Phật] là chẳng phải có, chẳng phải không? Vì [tánh Phật đồng] như tánh hư không.

“Vì sao [tánh Phật] là dứt mất? Vì [thấy tánh Phật là] đạt được Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Vì sao [tánh Phật] là chẳng phải dứt mất? Vì tánh Phật là thường. Vì sao [tánh Phật] là chẳng phải dứt mất cũng chẳng phải không dứt mất? Vì [thấy tánh Phật là] đã trừ bỏ tất cả các tướng dứt mất.

“Vì sao [tánh Phật] là nhân? Vì [thấy tánh Phật là] đã thấu rõ được nhân. Vì sao [tánh Phật] là quả? Vì [thấy tánh Phật là] đã quyết định chắc chắn. Vì sao [tánh Phật] là chẳng phải nhân chẳng phải quả? Vì tánh Phật là thường.

“Vì sao [tánh Phật] là nghĩa lý? Vì [thấy tánh Phật là] có thể nắm bắt nghĩa lý một cách không ngăn ngại. Vì sao [tánh Phật] là chẳng phải nghĩa lý? Vì không thể [dùng lời lẽ để] giảng thuyết [tánh Phật]. Vì sao [tánh Phật] là không phải nghĩa lý cũng không chẳng phải nghĩa lý? Vì [xét đến chỗ] rốt ráo [thì tất cả] đều là không.

“Vì sao [tánh Phật] là văn tự? Vì [tánh Phật] có tên gọi. Vì sao [tánh Phật] là chẳng phải văn tự? Vì [tên gọi đó cũng chỉ là] gọi tên cái không tên. Thế nào là không phải văn tự cũng không chẳng phải văn tự? Vì [thấy tánh Phật là] đã dứt trừ hết thấy văn tự.

“Vì sao [tánh Phật] là vừa khổ, vừa vui? Vì các cảm thọ đều do duyên mà sanh khởi. Vì sao [tánh Phật] là chẳng phải khổ cũng chẳng phải vui? Vì đã dứt trừ hết thấy mọi cảm thọ.

“Vì sao [tánh Phật] là ngã? Vì tánh Phật là thường. Vì sao [tánh Phật] là chẳng phải ngã? Vì [thấy tánh Phật rồi nhưng vẫn] chưa được đầy đủ tám đức tự tại.<sup>(27)</sup> Vì sao

[tánh Phật] là không phải ngã cũng không chẳng phải ngã? Vì [tánh Phật là] không tạo tác, không lãnh chịu.

“Vì sao [tánh Phật] là không? Vì [tánh Phật] là nghĩa không theo đệ nhất nghĩa. Vì sao [tánh Phật] là chẳng phải không? Vì tánh Phật là thường. Vì sao [tánh Phật] là không phải không cũng không chẳng phải không? Vì có thể tạo tác gieo nhân cho mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Nếu ai có thể suy xét hiểu rõ những ý nghĩa như vậy của kinh Đại Niết-bàn, nên biết người ấy ắt sẽ thấy tánh Phật. Tánh Phật đó không thể suy xét luận bàn, chính là cảnh giới chư Phật Như Lai, không phải chỗ hiểu biết của hàng Thanh văn, Duyên giác!

“Thiện nam tử! Tánh Phật không phải ấm, giới, nhập; không phải vốn là không mà nay thành có; không phải đã có rồi trở lại không; [nhưng là] do nhân duyên lành mà chúng sanh thấy được [tánh Phật].

“Ví như sắt vốn màu đen, cho vào lửa nung thành màu đỏ; khi lấy ra để nguội thì trở lại màu đen. Màu đen ấy chẳng phải ở trong [sắt], chẳng phải ở ngoài [sắt], là do nhân duyên mà có vậy.

“Tánh Phật cũng thế. Tất cả chúng sanh khi dập tắt ngọn lửa phiền não ắt có thể nghe thấy được tánh Phật.

“Thiện nam tử! Như khi hạt giống vỡ, mầm cây sanh ra. Mầm cây ấy chẳng phải ở trong [hạt giống], chẳng phải ở ngoài [hạt giống], cho đến hoa, trái cũng là như vậy, đều do nhân duyên mà có.

“Thiện nam tử! Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Tánh Phật cũng thế, đều là chỗ thành tựu của vô lượng vô biên công đức.”

Lúc ấy, Đại Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Bồ Tát thành tựu đầy đủ bao nhiêu pháp mới thấy được

tánh Phật mà vẫn chưa thấy được rõ ràng? Chư Phật Thế Tôn thành tựu bao nhiêu pháp mà thấy được rõ ràng tánh Phật?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Bồ Tát thành tựu đầy đủ mười pháp, tuy thấy tánh Phật nhưng chưa được sáng rõ. Những gì là mười? Một là ít ham muốn, hai là tự biết đủ, ba là tịch tĩnh, bốn là tinh tấn, năm là chánh niệm, sáu là chánh định, bảy là chánh tuệ, tám là giải thoát, chín là tán thán giải thoát, mười là dùng pháp Đại Niết-bàn giáo hóa chúng sanh.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Ít ham muốn và tự biết đủ có gì khác nhau?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ít ham muốn là không mong cầu, không nắm giữ; tự biết đủ là khi có được [món gì] dù ít trong lòng cũng không bực tức tiếc nuối.<sup>(28)</sup> Ít ham muốn là [trong lòng] có ít sự ham muốn; tự biết đủ là [đối với] mọi sự vật<sup>(29)</sup> [dù được ít hay nhiều] trong lòng cũng không buồn bực.

“Thiện nam tử! Ham muốn có ba loại: ham muốn xấu ác, ham muốn quá nhiều<sup>(30)</sup> và ham muốn [thỏa mãn] sự ham muốn.

“Ham muốn xấu ác là [những trường hợp] như có tỳ-kheo sanh tâm tham dục, mong muốn được làm bậc thượng thủ trong đại chúng để tất cả chúng tăng đều nghe theo mình; để cho cả Bốn bộ chúng đều cúng dường, cung kính, tán thán, tôn trọng mình; để mình được thuyết pháp trước hết với Bốn chúng, khiến cho hết thấy đều tin nhận lời mình; cũng để cho vua chúa, đại thân, trưởng giả đều cung kính mình; để mình được nhiều y phục, đồ ăn thức uống, giường ghế, thuốc thang, phòng ốc, nhà cửa cao đẹp. Đó là sự ham muốn [dẫn đến] sanh tử, nên gọi là ham muốn xấu ác.

“Thế nào là ham muốn quá nhiều? Như có tỳ-kheo sanh tâm tham dục, mong muốn làm thế nào cho Bốn bộ chúng đều biết rằng mình đã chứng đắc địa vị Sơ trụ, cho đến Thập trụ; chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán; chứng đắc Bốn thiên, cho đến Bốn trí vô ngại, [mà thật chưa hề có những sự chứng đắc như vậy.] Đó là vì [tham cầu] lợi dưỡng nên gọi là ham muốn quá nhiều.

“Thế nào là ham muốn [thỏa mãn] sự ham muốn? Như có tỳ-kheo mong muốn sanh lên các cõi Phạm thiên, Ma thiên, Tự tại thiên, hoặc muốn làm Chuyển luân Thánh vương, hoặc sát-ly, cư-sĩ, bà-la-môn... [chỉ là để] mọi sự đều được tùy theo ý thích của mình. Đó là vì [tham cầu] lợi dưỡng, [không có mục đích gì khác] nên gọi là ham muốn [thỏa mãn] sự ham muốn.

“Nếu ai không bị ba loại ham muốn xấu xa đó làm hại thì gọi là ít ham muốn.

“Ham muốn tức là sự ưa thích luyện mển hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Nếu không ưa thích luyện mển hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu thì gọi là ít ham muốn.

“Không mong cầu những sự tham muốn trong tương lai, đó gọi là ít ham muốn. Có được mà không trói buộc vướng mắc, đó gọi là tự biết đủ.

“Không cầu được sự cung kính, đó gọi là ít ham muốn. Có được mà không tích lũy, gom giữ, đó gọi là tự biết đủ.

“Thiện nam tử! Có những trường hợp ít ham muốn mà không gọi là biết đủ. Có những trường hợp biết đủ mà không gọi là ít ham muốn. Cũng có trường hợp vừa ít ham muốn vừa biết đủ. Lại cũng có trường hợp không biết đủ cũng không ít ham muốn.

“Ít ham muốn [mà không gọi là biết đủ] là nói các vị Tu-đà-hoàn.

“Biết đủ [mà không gọi là ít ham muốn] là nói các vị Phật Bích-chi.

“Vừa ít ham muốn vừa biết đủ là nói các vị A-la-hán.

“Không ít ham muốn cũng không biết đủ là nói các vị Bồ Tát.

“Thiện nam tử! Lại có hai loại ít ham muốn và biết đủ. Một là thiện, hai là bất thiện. Bất thiện là nói hạng phàm phu; thiện là nói các bậc thánh nhân, Bồ Tát.

“Tất cả thánh nhân tuy chứng đắc đạo quả nhưng không tự xưng mình chứng đắc. Vì không tự xưng nên lòng không buồn giận. Đó gọi là biết đủ.

“Thiện nam tử! Bồ Tát Ma-ha-tát tu tập kinh Đại thừa Đại Niết-bàn, vì muốn thấy tánh Phật nên tu tập ít ham muốn, biết đủ.

“Thế nào là tịch tĩnh? Tịch tĩnh có hai loại: một là tâm tịch tĩnh, hai là thân tịch tĩnh.

“Thân tịch tĩnh là thân chẳng bao giờ tạo tác ba nghiệp ác.<sup>(31)</sup>

“Tâm tịch tĩnh, là ý chẳng bao giờ tạo tác ba nghiệp ác.<sup>(32)</sup>

“Đó gọi là thân tâm tịch tĩnh.

“Thân tịch tĩnh là chẳng bao giờ gần gũi với Bốn chúng, chẳng tham dự công việc của Bốn chúng.

“Tâm tịch tĩnh là chẳng bao giờ nhiễm tập những sự tham dục, sân khuể, si mê.

“Đó gọi là thân tâm tịch tĩnh.

“Có những tỳ-kheo, thân tuy tịch tĩnh nhưng tâm không tịch tĩnh; hoặc thân không tịch tĩnh nhưng tâm

tịch tĩnh. Hoặc có những trường hợp thân và tâm đều tịch tĩnh. Lại có những trường hợp thân và tâm đều không tịch tĩnh.

“Thân tuy tịch tĩnh nhưng tâm không tịch tĩnh, đó là trường hợp các tỳ-kheo ngồi thiền ở chốn vắng lặng, lìa xa Bốn chúng, nhưng lòng thường chất chứa tham dục, sân khuể, si mê. Đó gọi là thân tuy tịch tĩnh nhưng tâm không tịch tĩnh.

“Thân không tịch tĩnh mà tâm tịch tĩnh, đó là trường hợp các tỳ-kheo thân cận Bốn chúng, vua chúa, đại thần... nhưng lòng đã dứt hẳn tham dục, sân khuể, si mê. Đó gọi là thân không tịch tĩnh nhưng tâm tịch tĩnh.

“Thân tâm tịch tĩnh, đó là chư Phật, Bồ Tát.

“Thân tâm đều không tịch tĩnh, đó là phàm phu. Vì sao vậy? Những kẻ phàm phu tuy thân tâm an tĩnh nhưng không thể quán xét sâu xa những lẽ vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Vì nghĩa ấy, những nghiệp về thân, khẩu, ý của phàm phu đều không thể tịch tĩnh. Hàng nhất-xiển-đề, những kẻ phạm bốn trọng cấm, làm năm tội nghịch, những kẻ như thế cũng không gọi là thân tâm tịch tĩnh.

“Thế nào là tinh tấn? Như có tỳ-kheo vì muốn cho các nghiệp thân, khẩu, ý được trong sạch, bèn lìa xa tất cả những nghiệp ác, tu tập tất cả các nghiệp lành. Đó gọi là tinh tấn.

“Người siêng năng tinh tấn luôn chú tâm nhớ nghĩ đến sáu điều.<sup>(33)</sup> Đó là: Phật, Pháp, Tăng, trì giới, bố thí và chư thiên. Như vậy gọi là chánh niệm.

“Người có đầy đủ chánh niệm, đạt được tam-muội, như vậy gọi là chánh định.

“Người có đầy đủ chánh định, quán chiếu và thấy các pháp [thể tánh] dường như hư không. Như vậy gọi là chánh tuệ.

“Người có đầy đủ chánh tuệ, lìa xa hết thảy mọi sự trói buộc của phiền não. Đó gọi là giải thoát.

“Người đạt được giải thoát rồi, vì chúng sanh mà ca ngợi sự tốt đẹp của việc giải thoát, giảng nói cho [chúng sanh] biết rằng giải thoát ấy là thường còn, không biến đổi. Đó gọi là tán thán giải thoát.

“Giải thoát tức là Vô thượng Đại Niết-bàn. Niết-bàn tức là ngọn lửa phiền não trói buộc đã tắt hẳn. Lại nữa, Niết-bàn gọi là nơi trú ẩn. Vì sao vậy? Vì có thể ngăn che mưa gió độc hại phiền não. Lại nữa, Niết-bàn gọi là chỗ nương về. Vì sao vậy? Vì có thể vượt khỏi tất cả mọi sự sợ sệt. Lại nữa, Niết-bàn gọi là hải đảo.<sup>(34)</sup> Vì sao vậy? Vì bốn con sông lớn hung bạo không thể cuốn trôi. Những gì là bốn con sông hung bạo? Một là sự hung bạo của tham dục, hai là sự hung bạo của chấp hữu,<sup>(35)</sup> ba là sự hung bạo của kiến chấp,<sup>(36)</sup> bốn là sự hung bạo của vô minh. Vì thế nên Niết-bàn gọi là hải đảo.

“Lại nữa, Niết-bàn gọi là chỗ rất ráo quay về. Vì sao vậy? Vì có thể đạt được mọi niềm vui rất ráo.

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát thành tựu đầy đủ mười pháp như vậy sẽ thấy được tánh Phật, tuy chưa được sáng rõ.

“Lại nữa, thiện nam tử! Người xuất gia có bốn thứ bệnh nên không đạt được bốn quả sa-môn.<sup>(37)</sup> Bốn thứ bệnh đó là gì? Đó là nói bốn sự ham muốn xấu: một là ham muốn y phục, hai là ham muốn thức ăn, ba là ham muốn chỗ ngồi nằm, bốn là ham muốn sở hữu. Đó gọi là bốn sự tham muốn xấu.

“Có bốn phương thuốc hay có thể trị những bệnh ấy của người xuất gia. Một là dùng phần tảo y<sup>(38)</sup> có thể trị bệnh xấu ác là ham muốn là y phục. Hai là theo pháp khát thực có thể trị bệnh xấu ác là ham muốn thức ăn. Ba là ngủ dưới gốc cây có thể trị bệnh xấu ác là ham muốn chỗ ngồi nằm. Bốn là thân tâm tịch tĩnh có thể trị bệnh xấu ác là ham muốn sở hữu.

“Dùng bốn phương thuốc ấy, người xuất gia trừ được bốn thứ bệnh. Đó gọi là Thánh hạnh. Có Thánh hạnh ấy thì được gọi là thiếu dục, tri túc.

“Tịch tĩnh có bốn niềm vui. Những gì là bốn? Một là niềm vui xuất gia, hai là niềm vui vắng lặng an tĩnh, ba là niềm vui dứt tuyệt mãi mãi, bốn là niềm vui rất ráo trọn vẹn. Có được bốn niềm vui ấy gọi là tịch tĩnh.

“Vì có đủ Bốn tinh tấn<sup>(39)</sup> nên gọi là tinh tấn.

“Vì có đủ Bốn niệm xứ nên gọi là chánh niệm.

“Vì có đủ Bốn thiền nên gọi là chánh định.

“Vì thấy được Bốn Thánh thật,<sup>(40)</sup> nên gọi là chánh tuệ.

“Vì dứt trừ mãi mãi những phiền não trói buộc nên gọi là giải thoát.

“Vì chê trách hết thảy lỗi lầm phiền não nên gọi là tán thán giải thoát.

“Thiện nam tử! Bồ Tát Ma-ha-tát an trụ đầy đủ nơi mười pháp kể trên sẽ thấy được tánh Phật, nhưng vẫn chưa được rõ ràng.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát Ma-ha-tát nghe được kinh này rồi liền thường gần gũi tu tập theo [nghĩa lý trong] kinh, lìa xa tất cả những việc thế gian. Đó gọi là thiếu dục. Sau khi xuất gia chẳng sanh lòng hối tiếc. Đó gọi là biết đủ.

“Bồ Tát có được sự biết đủ rồi, thường ở những nơi vắng vẻ cô tịch, lìa xa chốn náo nhiệt ồn ào. Đó gọi là tịch tĩnh.

“Người không biết đủ thì không thích những nơi vắng vẻ cô tịch. Nếu là người biết đủ ắt thường ưa thích những nơi vắng vẻ cô tịch. Ở những nơi vắng vẻ cô tịch, người ấy thường suy xét rằng: ‘Hết thấy người đời đều cho rằng ta đã chứng đắc đạo quả sa-môn, nhưng nay ta thật chưa chứng đắc. Vậy làm sao ta lại đối gạt mọi người?’ Suy xét như vậy rồi, người ấy liền tinh cần tu tập đạo quả sa-môn. Đó gọi là tinh tấn.

“Gần gũi tu tập theo kinh Đại Niết-bàn, đó gọi là chánh niệm. Tùy thuận hạnh chư thiên, đó gọi là chánh định. Trụ yên trong định ấy với chánh kiến, chánh tri, đó gọi là chánh tuệ.

“Người có chánh tri kiến, lìa xa các phiền não trói buộc, đó gọi là giải thoát.

“Bồ Tát ở hàng Thập trụ, vì chúng sanh nên khen ngợi Niết-bàn, đó gọi là tán thán giải thoát.

“Thiện nam tử! Bồ Tát Ma-ha-tát an trụ đầy đủ trong mười pháp nói trên sẽ thấy được tánh Phật, nhưng vẫn chưa được rõ ràng.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ít ham muốn là [nói trường hợp] như có tỳ-kheo ở chỗ vắng vẻ, ngồi ngay ngắn không nằm; hoặc trụ yên dưới gốc cây; hoặc ở những bãi tha ma; hoặc ngồi trên bãi cỏ nơi trống trải; khát thực nuôi thân, tùy chỗ xin được [dù ít hay nhiều] đều thấy đủ; hoặc chỉ ngồi ăn duy nhất một lần [trong ngày]; chỉ giữ dùng ba tấm y, là loại áo xấu may bằng vải vụn hoặc dệt bằng lông.<sup>(41)</sup> Đó gọi là ít ham muốn.

“Tu hành như vậy rồi, trong lòng không thấy hối tiếc. Đó gọi là biết đủ.

“Tu pháp Tam-muội Không, đó gọi là tịch tĩnh.

“Chúng đắc Bốn quả thánh<sup>(42)</sup> rồi nhưng đối với quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề lòng vẫn mong cầu không ngừng nghỉ. Đó gọi là tinh tấn.

“Chú tâm suy xét ý nghĩa Như Lai là thường tồn, không biến đổi; đó gọi là chánh niệm.

“Tu tập Tám giải thoát, đó gọi là chánh định.

“Chúng đắc Bốn vô ngại, đó gọi là chánh tuệ.

“Lìa xa Bảy lậu hoặc,<sup>(43)</sup> đó gọi là giải thoát.

“Khen ngợi Niết-bàn không có mười tướng, đó gọi là tán thán giải thoát. Mười tướng ấy là: sanh, lão, bệnh, tử, sắc, thanh, hương, vị, xúc và vô thường.

“Lìa xa mười tướng ấy gọi là Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Đó gọi là Bồ Tát Ma-ha-tát trụ yên đầy đủ trong mười pháp nói trên, tuy thấy tánh Phật nhưng vẫn chưa được rõ ràng.

Thiện nam tử! Lại có trường hợp dùng mắt thấy tánh Phật. Đó là chư Phật Như Lai và hàng Bồ Tát Thập trụ. Lại có trường hợp nhờ nghe biết mà thấy tánh Phật. Đó là tất cả chúng sanh cho đến hàng Bồ Tát trụ ở Cửu địa.

“Nếu Bồ Tát nghe rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật nhưng không sanh khởi lòng tin thì không gọi là nghe thấy.

“Thiện nam tử! Như có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn được thấy Như Lai, cần phải tu tập Mười hai bộ kinh, thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng giải.”



Đại Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Tất cả chúng sanh không thể biết được tướng [trạng] của tâm Như Lai, nên quán sát như thế nào để biết được?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh thật không thể biết được tướng trạng của tâm Như Lai. Nếu muốn quán sát để biết được thì có hai nhân duyên: Một là dùng mắt thấy, hai là nghe biết mà thấy.

“Nếu thấy thân nghiệp của Như Lai liền biết đó là Như Lai, như vậy gọi là dùng mắt thấy. Nếu quán xét khẩu nghiệp của Như Lai liền biết đó là Như Lai, như vậy gọi là nghe biết mà thấy.

“Nếu thấy dung mạo hình sắc của tất cả chúng sanh đều không thể sánh được liền biết đó là Như Lai, như vậy gọi là dùng mắt thấy. Nếu nghe giọng nói vi diệu tối thắng không giống với âm thanh của tất cả chúng sanh liền biết đó là Như Lai, như vậy gọi là nghe biết mà thấy.

“Nếu thấy Như Lai biến hóa thân thông chỉ vì chúng sanh mà không vì lợi dưỡng liền biết đó là Như Lai, như vậy gọi là dùng mắt thấy. Nếu thấy khi Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát chúng sanh, vì chúng sanh mà thuyết giảng, không vì lợi dưỡng nên biết đó là Như Lai, như vậy gọi là nghe biết mà thấy.

“[Nếu Bồ Tát quán xét những việc] Như Lai thọ thân như thế nào? Vì sao thọ thân? Vì ai mà thọ thân? Đó gọi là dùng mắt thấy. Nếu quán xét [những việc] Như Lai thuyết pháp như thế nào? Vì sao thuyết pháp? Vì ai mà thuyết pháp? Đó gọi là nghe biết mà thấy.

“[Vì thấy người] tăng thêm nghiệp ác của thân mà không có lòng sân hận nên biết đó chính là Như Lai, như vậy gọi là dùng mắt thấy. [Vì thấy người] tăng thêm

ng nghiệp ác của miệng mà chẳng có lòng sân hận nên biết đó chính là Như Lai, như vậy gọi là nghe biết mà thấy.

“Nếu thấy Bồ Tát<sup>(44)</sup> vào lúc mới sanh ra hướng về mười phương, mỗi phương đều bước đi bảy bước, có hai vị Đại tướng quỹ thân là Ma-ni-bạt-đà<sup>(45)</sup> và Phú-na-bạt-đà<sup>(46)</sup> cầm phướng, lọng theo che, làm chấn động vô số thế giới, chiếu tỏa hào quang vàng chói sáng đẹp khắp hư không; có hai vị Long vương là Nan-đà và Bạt-nan-đà dùng sức thần thông mà tắm gội thân thể Bồ Tát; hình tượng chư thiên đều [đứng dậy] nghênh tiếp, lễ bái; tiên nhân A-tư-đà chấp tay cung kính; đến tuổi trưởng thành Bồ Tát lìa bỏ mọi sự ham muốn như những thú nhơ nhớp, không bị những niềm vui thế tục làm mê hoặc, xuất gia tu đạo, ưa thích những nơi vắng vẻ tịch tĩnh; vì muốn phá trừ tà kiến nên trải qua sáu năm khổ hạnh; đối với chúng sanh bình đẳng không phân biệt; tâm thường an định, không chút tán loạn; đầy đủ các tướng tốt và vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân; Bồ Tát đi đến nơi nào thì mặt đất mấp mô đều trở nên bằng phẳng; y phục cách thân bốn tấc<sup>(47)</sup> chẳng rơi xuống; khi đi nhìn thẳng chẳng quay nhìn hai bên; bất cứ món gì Bồ Tát ăn vào đều [có vị ngon] hoàn hảo; chỗ Bồ Tát ngồi rồi đứng dậy, cỏ không giập rối; vì điều phục chúng sanh nên Bồ Tát hiện đến thuyết pháp với tâm không kiêu mạn; nếu thấy [tất cả những sự việc] như vậy gọi là dùng mắt thấy được tướng trạng của tâm Như Lai.

“Nếu nghe rằng Bồ Tát sau khi bước đi bảy bước rồi nói rằng: ‘Thân này của ta là thân cuối cùng’; [lại nghe rằng] tiên nhân A-tư-đà chấp tay nói: ‘Đại vương nên biết, thái tử Tất-đạt chắc chắn sẽ thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, không bao giờ ở lại thế tục mà

làm Chuyển luân Thánh vương. Vì sao vậy? Vì có các tướng quý sáng rõ. Chuyển luân Thánh vương [tuy có các tướng quý [nhưng] không được sáng rõ, còn thái tử Tất-đạt thân tướng xán lạn rõ ràng, nên chắc chắn sẽ thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’

“[Lại cũng nghe rằng] khi nhìn thấy những sự già, bệnh, chết, Bồ Tát liền nói: ‘Tất cả chúng sanh thật đáng thương thay! Thường mãi chạy theo những sự khổ sanh, già, bệnh, chết mà không thể quán xét biết được mình đang chịu khổ. Ta sẽ trừ dứt sự khổ đau ấy.’ Bồ Tát theo vị tiên nhân ngũ thông A-la-la<sup>(48)</sup> thọ học phép định Vô tướng. Học thành tựu rồi liền chỉ ra chỗ sai lầm của phép định ấy. Sau đó Bồ Tát theo vị tiên Uất-đà-già<sup>(49)</sup> thọ học phép định Phi hữu tướng phi vô tướng. Thành tựu phép định ấy rồi liền giảng rõ đó chẳng phải Niết-bàn, chỉ là pháp sanh tử. Bồ Tát trải qua sáu năm khổ hạnh mà không đạt được gì, liền nói rằng: ‘Tu khổ hạnh như vậy chỉ là rỗng không, chẳng đạt được gì. Nếu là pháp thật, hẳn ta đã có chỗ đạt được. Vì là hư dối nên ta không có chỗ đạt được. Đó là tà thuật, chẳng phải chánh đạo.’

“[Lại nghe] sau khi [Bồ Tát] thành đạo, Phạm thiên khuyến thỉnh rằng: ‘Cầu xin Như Lai vì chúng sanh mở rộng bầu cam lộ, thuyết giảng pháp vô thượng!’ Phật dạy rằng: ‘Phạm vương! Tất cả chúng sanh thường bị phiền não che lấp, không thể thọ nhận lời dạy Chánh pháp của ta.’ Phạm vương lại thưa thỉnh: ‘Thế Tôn! Trong tất cả chúng sanh có ba hạng. Hạng căn trí lanh lợi, hạng căn trí trung bình và hạng ngu độn. Những chúng sanh căn trí lanh lợi có thể thọ nhận, xin Phật thuyết giảng.’ Phật dạy: ‘Phạm vương! Hãy nghe cho kỹ, hãy nghe cho kỹ! Nay ta sẽ vì tất cả chúng sanh, khai mở pháp môn

cam lộ.’ Liền đó, Phật chuyển bánh xe Chánh pháp tại thành Ba-la-nại, tuyên thuyết trung đạo.

“Tất cả chúng sanh không phá trừ phiền não trói buộc, không phải không thường phá trừ. Không phá trừ, cũng không phải không phá trừ [phiền não], đó gọi là trung đạo.

“Không hóa độ chúng sanh, cũng không phải không thường hóa độ, đó gọi là trung đạo.

“Không phải là thành tựu tất cả, cũng không phải là không thành tựu, đó gọi là trung đạo.

“Mỗi khi có thuyết giảng đều không tự xưng là thầy, cũng không [thấy người nghe] là đệ tử, đó gọi là trung đạo.

“Thuyết giảng không vì lợi ích nhưng không phải là không đắc quả, đó gọi là trung đạo.

“[Nghe biết rằng] lời nói của Như Lai là chân chánh, đúng thật, hợp thời, không hư dối, nhiệm màu sâu xa bậc nhất, như vậy gọi là nghe biết mà thấy được tướng trạng của tâm Như Lai.

“Thiện nam tử! Tướng trạng của tâm Như Lai thật không thể thấy! Như có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn thấy Như Lai, phải y theo hai loại nhân duyên nói trên [mới có thể thấy được].”

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN HAI MƯƠI BẢY

# CHÚ GIẢI

1. Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 25, phẩm Bồ Tát Sư Tử Hống thứ 23, phần đầu tiên (Sư Tử Hống Bồ Tát phẩm đệ nhị thập tam chi nhất).
2. Bốn vô ngại (Tứ vô ngại), cũng viết Tứ vô ngại trí, Tứ vô ngại biện, Tứ vô ngại giải, gồm có: 1. Pháp vô ngại, 2. Nghĩa vô ngại, 3. Từ vô ngại, 4. Nhạo thuyết vô ngại.
3. Thi Ba-la-mật: trì giới Ba-la-mật, giới độ. Hạnh thứ hai trong lục độ, Sáu hạnh của Bồ Tát.
4. Túc ba hạnh: Thánh hạnh, Phạm hạnh và Thiên hạnh.
5. Đệ nhất nghĩa, hay đệ nhất nghĩa đế, là chân lý rốt ráo, dựa vào trí tuệ viên mãn của bậc giác ngộ, phân biệt với đệ nhị nghĩa hay thế đế, là chân lý tương đối trong phạm vi nhận biết, suy diễn của phàm phu, dựa vào các giác quan.
6. Câu này muốn tóm ý về tất cả các cặp đối đãi như trên.
7. Cõi trời Tam thiên (Đệ tam thiên): thuộc cõi Sắc giới, là một trong ba cõi Thiểu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên và Biến tịnh Thiên. Chư thiên ở đó thường được hưởng sự vui thích nhiệm mầu. Hành giả tu thiên chứng đắc Tam thiên thì thần thức cũng đạt đến cõi vui thích này.
8. Phàm phu sống ở thế gian, tuy thấy có khổ có vui, nhưng thật ra tất cả đều là khổ. Cái vui giả tạm trong đời sống lại chính là cái nhân của khổ, nên Phật dạy rằng đối với phàm phu thì tất cả đều là khổ (Khổ đế). Chỉ vì chưa tu hành giác ngộ nên người thế gian không thể tự nhận ra điều này.
9. Thường kiến: quan điểm sai lầm cho rằng rằng thân tâm này với các pháp thế gian là thường tồn, không dứt mất, chẳng hạn như cho rằng mỗi con người đều có một linh hồn bất diệt...
10. Đoạn kiến: quan điểm sai lầm cho rằng thân tâm này với các pháp thế gian là đoạn diệt, không thường tồn, chẳng hạn như cho rằng đời sống hoàn toàn chấm dứt sau khi chết, không có kiếp sau...
11. Nguyên bản Hán văn là 胡瓜 (hồ qua), các bản trước đây dịch là dưa hấu, bí đỏ, nấm hồ... đều là các loại hoàn toàn khác nhau. Chúng tôi thấy trong các từ điển Hán Việt hiện đại đều ghi rõ 胡瓜 = 黃瓜 (hoàng qua), nghĩa là dưa chuột.
12. Ba nghiệp (Tam nghiệp): gồm có thân nghiệp (các nghiệp do thân gây ra), khẩu nghiệp (các nghiệp do miệng gây ra, nghĩa là bằng lời nói), và ý nghiệp (các nghiệp do tư tưởng, ý thức gây ra).
13. Ba đời (Tam thế), tức là quá khứ, hiện tại và vị lai.
14. Xem lại trường hợp Phật thuyết bài kệ này trong quyển 10, phẩm Tánh Như Lai, trang 376 của Tập 2.

15. Cõi trời Ba mươi ba (Tam thập tam thiên), cũng gọi là cõi trời Đao-lợi.
16. Đê-hồ: món ăn ngon được làm ra từ sữa. Trong các món được làm từ sữa thì đê-hồ được xem là quý giá nhất, ngon và bổ dưỡng nhất.
17. Nhân duyên gặp hỏa tai: là nói khi kiếp tận xảy ra hỏa tai thiêu đốt đến tận cảnh trời Sơ thiên, chúng sanh do nhân duyên đó mà phát tâm tu tập đạt được Sơ thiên.
18. Về Mười đại địa (Thập đại địa), trong Nhị giải giới thân túc luận (二解界身足論), quyển thượng, từ 1 kể rõ: Một là thụ (受), hai là tưởng (想), ba là tư (思), bốn là xúc (觸), năm là tác ý (作意), sáu là dục (欲), bảy là thắng giải (勝解), tám là niệm (念), chín là tam-ma-địa (三摩地) và mười là tuệ (慧).
19. Nguyên văn dùng tháo đậu (澡豆), chỉ loại nước làm sạch, có công dụng như xà-phòng ngày nay. Loại nước này thường được chế biến bằng cách ngâm tro bếp rồi gạn lấy nước trong.
20. Phạm-chí: Người xuất gia theo đạo Bà-la-môn, chọn sống nơi rừng núi, dứt sự trôi buộc với nhà cửa, vợ con, tài sản... Dịch nghĩa là Tĩnh hạnh giả.
21. Cồ-đàm (Gautama): Những người ngoại đạo đương thời thường gọi Phật bằng tên này.
22. Trai Pháp: phép tu hành trong sạch và có quy tắc, tức là Pháp giáo của Phật.
23. Lực sĩ kim cang, cũng gọi là Chấp kim cang hay Chấp kim cang thân, là vị thần có thân hình to lớn, mạnh mẽ, phát nguyện hộ trì bảo vệ Phật pháp. Chúng tôi hơi phân vân về phần ví dụ được xen vào ở đây, dường như có phần không hợp lý. Nếu bỏ hẳn phần “cũng như lực sĩ kim cang” thì câu hỏi này vẫn hoàn toàn trọn nghĩa, trong khi đặt phần này vào thì ý nghĩa lại có phần hơi mơ hồ, không được rõ rệt. Rất có thể đã có nhầm lẫn trong việc khắc bản ở câu này chăng?
24. Ba chỗ niệm: Ba chỗ niệm (Tam niệm xứ): cũng gọi là Tam niệm trụ hay Tam chánh niệm xứ. Đệ nhất niệm xứ: Đức Phật khi thuyết pháp niệm tưởng pháp giới bình đẳng, rốt cùng không có tướng suy giảm, nên dù chúng sanh không hết lòng nghe pháp cũng chẳng sanh tâm lo lắng. Đệ nhị niệm xứ: Đức Phật khi thuyết pháp niệm tưởng pháp giới bình đẳng, rốt cùng không có tướng tăng tiến, nên dù chúng sanh hết lòng nghe pháp cũng chẳng sanh tâm vui mừng. Đệ tam niệm xứ: Đức Phật khi thuyết pháp niệm tưởng pháp giới bình đẳng, rốt cùng các tướng sanh tử, Niết-bàn đều không thể nắm bắt, vì thế thường sanh tâm buông xả, thường làm lợi ích cho tất cả chúng sanh nhưng không hề có ý niệm mình đang làm lợi ích chúng sanh.
25. Mười tám pháp bất cộng: là mười tám pháp chỉ có chư Phật Như Lai đạt được, còn hàng Thanh văn, Duyên giác thì không.
26. Một thừa duy nhất, hay Nhất thừa, chỉ Phật thừa hay Như Lai thừa, cũng gọi là Tối thượng thừa, là sự thuyết giảng rốt ráo cuối cùng của đức Phật về con đường giải thoát, hướng đến Đại Niết-bàn.

27. Về Tám đức tự tại, đức Phật đã giảng rõ ở cuối quyển 23. Chỉ có chư Phật đã nhập Đại Niết-bàn mới có đủ tám đức tự tại này.
28. Nguyên bản Hán văn dùng “hối hận”. Đây là một từ hầu như đã được Việt hóa hoàn toàn, nên ý nghĩa trong tiếng Việt không còn giống với ý nghĩa trong Hán văn được dùng ở đây. Vì thế, nếu nói “dù có được ít lòng không hối hận” thì ý nghĩa của hai chữ “hối hận” sẽ bị hiểu khác đi so với ý muốn nói trong Hán văn, dẫn đến câu văn trở thành khó hiểu, thậm chí không hợp lý. Nhưng nếu chúng ta tách rời hai chữ này ra để hiểu đúng nghĩa gốc của chúng trong Hán văn thì hối (悔) là hối tiếc, tiếc nuối về một việc đã qua không như ý muốn; hận (恨) là bực tức, giận dữ vì không đạt được mong muốn. Như vậy, ý nghĩa sẽ phù hợp hơn với văn cảnh ở đây.
29. Nguyên bản Hán văn dùng “pháp sự”, các bản trước đây đều hiểu như là “những việc phụng sự Chánh pháp”, nhưng trong văn cảnh này thì ý nghĩa đó hoàn toàn không thích hợp. Chúng tôi tin rằng chữ “pháp” ở đây được dùng với nghĩa rộng, chỉ chung tất cả mọi sự vật, sự việc, và như thế thì cụm từ “đăn vi pháp sự” phải được hiểu là “đối với mọi sự vật”. Như vậy mới phù hợp với ý nghĩa “tự biết đủ” đang được giảng giải ở đây.
30. Nguyên bản Hán văn dùng “đại dục”. Sách Tam giải pháp uẩn túc luận, quyển 8, trang 11 có giải thích: “Vân hà đại dục? Vị đa tham giả, vị đắc quảng đại tài lợi đẳng cố vi khởi ư dục...” (Thế nào là đại dục? Là nói quá nhiều tham muốn, vì muốn được thật nhiều các món tài lợi mà khởi lên lòng ham muốn...)
31. Ba nghiệp ác của thân là giết hại, trộm cướp và dâm dục.
32. Ba nghiệp ác của ý là tham lam, sân hận và si mê (tà kiến).
33. Sáu điều nhớ nghĩ này tức là Lục niệm xứ.
34. Nguyên văn dùng “châu chủ”, chỉ hòn đảo hay cồn đất lớn nổi lên giữa sông, biển; trong nhiều kinh văn thường được dùng để ví với cảnh giới giải thoát, Niết-bàn, vì giống như giữa biển sanh tử nổi lên hòn đảo lớn, có thể an trú nơi đó, cách biệt hẳn với Ba cõi.
35. Hữu, hay chấp hữu, cho rằng thực sự có sự tồn tại trong Ba cõi. Vì chấp hữu nên mới khởi sanh vòng sanh tử luân hồi.
36. Kiến, hay kiến chấp, chỉ những quan điểm, định kiến sai lầm khiến người ta không thể nhận biết chánh pháp.
37. Bốn quả sa-môn: chỉ bốn thánh quả từ Tu-đà-hoàn đến A-la-hán.
38. Phấn tảo y: có nghĩa là áo may bằng những mảnh vải nhặt từ chỗ người đời vất bỏ, mang về giặt sạch rồi may thành áo. Vì gồm nhiều mảnh vụn nên cũng gọi là nạp y.
39. Bốn tinh tấn (Tứ tinh tấn), tức Tứ chánh cần, là bốn sự chuyên cần tu dưỡng. Một là chuyên cần phát khởi mọi điều thiện, hai là chuyên cần phát triển điều thiện

đã có, ba là chuyên cần ngăn ngừa mọi điều ác, bốn là chuyên cần dứt bỏ điều ác đã có, quyết không tái phạm.

40. Bốn Thánh thật (Tứ Thánh thật), tức Tứ diệu đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo; cũng gọi là Tứ chánh đế.
41. Ba tấm y (Tam y): là một bộ áo gồm ba loại: đại y (hay y tăng-già-lê) là tấm y dùng đắp khi hành lễ hoặc đi ra đường; thượng y (hay y uất-đa-la-tăng) là tấm y dùng đắp khi sanh hoạt thường ngày trong tự viện hoặc khi ở một mình, không hành lễ; nội y (hay y an-đà-hội) là tấm y dùng mặc trong cùng, thay cho áo lót. Theo giới luật thì mỗi vị tỳ-kheo chỉ được dùng một bộ gồm đủ 3 tấm y này, không được tích chứa nhiều hơn.
42. Bốn quả thánh (Tứ quả hay Tứ thánh quả): là bốn quả vị của hàng Thanh văn thừa, gồm có quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.
43. Bảy lậu hoặc (Thất lậu, cũng gọi là Thất chủng hữu lậu): chỉ bảy loại phiền não lậu hoặc, gồm có kiến lậu, tu lậu, căn lậu, ác lậu, thân cận lậu, thọ lậu và niệm lậu. Dùng chỉ chung hết thảy phiền não lậu hoặc.
44. Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 26, phẩm Bồ Tát Sư Tử Hống, phần thứ hai (Sư Tử Hống Bồ Tát phẩm chi nhị).
45. Từ đoạn này trở đi danh xưng Bồ Tát được dùng để chỉ hóa thân Bồ Tát (tức thái tử Tất-đạt-đa) trước khi thành Phật trong kiếp sống thị hiện này.
46. Ma-ni-bạt-đa (Mañibhadra), một trong tám vị Đại tướng Dạ-xoa, được dịch nghĩa là Bảo Hiền (寶賢).
47. Phú-na-bạt-đa (Pūṇabhadra), tên một vị Thần tướng, được dịch nghĩa là Mãn Hiền (滿賢).
48. Bốn tấc cổ của Trung Hoa, mỗi tấc là khoảng 3,3 cm. Bốn tấc chỉ khoảng hơn 13 cm.
49. A-la-la (Ārāḍakālāma): vị thầy đầu tiên thái tử Tất-đạt-đa tìm đến tham học. Tên vị này cũng dịch là Giải Đãi.
50. Uất-đa-già (Udraka), cũng gọi là Uất-dầu-lam-phất (Udraka Rāmaputra), là vị thầy thứ hai thái tử Tất-đạt-đa tìm đến thọ học.

# 大般涅槃經

## 卷第二十八

### 師子吼菩薩品

#### 第十一之二

爾時師子吼菩薩摩訶薩白佛言。世尊。如先所說菴羅菓喻四種人等。有人行細心不正實。有人心細行不正實。有人心細行亦正實。有人心不細行不正實。是初二種云何可知。如佛所說。雖依是二不可得知。

佛言。善哉善哉。善男子。菴羅菓喻二種人等實難可知。以難知故我經中說。當與共住。住若不知。當與久處。久處不知。當以智慧。智若不知。當深觀察。以觀察故。則知持戒及以破戒。

善男子。具是四事共住久處智慧觀察。然後得知持戒破戒。

善男子。戒有二種。持戒亦二。一究竟戒。二不究竟。有人以因緣故受持禁戒。智者當觀是人持戒。為利養為究竟持。

善男子。如來戒者無有因緣。是故得名為究竟

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ NHỊ THẬP BÁT

### SƯ TỬ HỔNG BỒ TÁT PHẨM

#### ĐỆ THẬP NHẤT CHI NHỊ

Nhĩ thời Sư Tử Hống Bồ Tát Ma-ha-tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như tiên sở thuyết am-la quả dụ tứ chủng nhân đẳng: Hữu nhân hành tế, tâm bất chánh thật; hữu nhân tâm tế, hành bất chánh thật; hữu nhân tâm tế, hành diệc chánh thật; hữu nhân tâm bất tế, hành bất chánh thật. Thị sơ nhị chủng, vân hà khả tri? Như Phật sở thuyết, tuy y thị nhị, bất khả đắc tri.

Phật ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Am-la quả dụ, nhị chủng nhân đẳng, thật nan khả tri. Dĩ nan tri cố, ngã kinh trung thuyết, đương dĩ cộng trụ. Trụ nhược bất tri, đương dĩ cử xử. Cử xử bất tri, đương dĩ trí tuệ. Trí nhược bất tri, đương thâm quan sát. Dĩ quan sát cố, tắc tri trì giới cập dĩ phá giới.

Thiện nam tử! Cụ thị tứ sự: Cộng trụ, cử xử, trí tuệ, quan sát, nhiên hậu đắc tri trì giới, phá giới.

Thiện nam tử! Giới hữu nhị chủng; trì giới diệc nhị; nhất cứu cánh Giới, nhị Bất cứu cánh. Hữu nhân dĩ nhân duyên cố, thọ trì cấm giới. Trí giả đương quan thị nhân trì giới. Vi vị lợi dưỡng, vị cứu cánh trì.

Thiện nam tử! Như Lai giới giả, vô hữu nhân duyên; thị cố đắc danh vi cứu cánh giới. Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát tuy vi chư

戒。以是義故。菩薩雖為諸惡眾生之所傷害不生恚癡。是故如來得名成就畢竟持戒究竟持戒。

善男子。我昔一時與舍利弗及五百弟子。俱共止住摩伽陀國瞻婆大城。時有獵師追逐一鵠。是鵠惶怖至舍利弗影。猶故戰慄如芭蕉樹至我影中身心安隱恐怖得除。是故當知如來世尊畢竟持戒。乃至身影猶有是力。

善男子。不究竟戒尚不能得聲聞緣覺。何況能得阿耨多羅三藐三菩提。

復有二種。一為利養。二為正法。為利養故受持禁戒當知是戒不見佛性及以如來。雖聞佛性及如來名。猶不得名為聞見也。若為正法受持禁戒。當知是戒能見佛性及以如來。是名眼見。亦名聞見。

復有二種。一者根深難拔。二者根淺易動。若能修習空無相無願。是名根深難拔。若不修習是三昧。雖復修習為二十五有。是名根淺易動。

復有二種。一為自身。二為眾生。為眾生者能見佛性及以如來。

持戒之人復有二種。一者性自能持。二者須他教敕。

若受戒已經無量世初不漏失。或值惡國遇惡知

ác chúng sanh chi sở thương hại, bất sanh nhuế si. Thị cố Như Lai đắc danh thành tựu tất cánh trì giới, cứu cánh trì giới.

Thiện nam tử! Ngã tích nhất thời, dĩ Xá-lợi-phất cập ngũ bá. Đệ tử câu cộng chỉ trụ Ma-già-đà quốc Chiêm-bà Đại thành. Thời, hữu lạc sư truy trục nhất cập. Thị cập hoàng bố, chí Xá-lợi-phất ảnh, du cố chiến lật, như ba tiêu thọ. Chí ngã ảnh trung, thân tâm an ổn, khủng bố đắc trừ. Thị cố đương tri Như Lai Thế Tôn tất cánh trì giới; nãi chí thân ảnh du hữu thị lực!

Thiện nam tử! Bất cứu cánh giới thượng bất năng đắc Thanh văn, Duyên giác, hà hướng năng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề?

Phục hữu nhị chủng: Nhất vị lợi dưỡng, nhị vị Chánh pháp. Vị lợi dưỡng cố, thọ trì cấm giới; đương tri thị giới, bất kiến Phật tánh cập dĩ Như Lai. Tuy văn Phật tánh cập Như Lai danh, du bất đắc danh vi văn kiến dã. Nhược vị Chánh pháp, thọ trì Cấm giới, đương tri thị giới, năng kiến Phật tánh cập dĩ Như Lai. Thị danh nhãn kiến, diệc danh văn kiến.

Phục hữu nhị chủng: Nhất giả căn thâm nan bạt, nhị giả căn thiểu dị động. Nhược năng tu tập Không, Vô tướng, Vô nguyện, thị danh căn thâm nan bạt. Nhược bất tu tập thị tam tam-muội, tuy phục tu tập, vị nhị thập ngũ hữu; thị danh căn thiểu dị động.

Phục hữu nhị chủng: Nhất vị tự thân, nhị vị chúng sanh. Vị chúng sanh giả, năng kiến Phật tánh cập dĩ Như Lai.

Trì giới chi nhân, phục hữu nhị chủng: Nhất giả tánh tự năng trì, nhị giả tu tha giáo sắc.

Nhược thọ giới dĩ, kinh vô lượng thế, sơ bất lậu thất. Hoặc trị ác quốc, ngộ ác tri thức, ác thời ác thế, gian tà ác pháp, tà

識惡時惡世。聞邪惡法邪見同止。爾時雖無受戒之法。修持如本無所毀犯。是名性自能持。

若遇師僧白四羯磨然後得戒。雖得戒已要憑和尚諸師同學善友誨喻乃知進止。聽法說法修諸威儀。是名須他教敕。

善男子。性能持者。眼見佛性及以如來。亦名聞見。

戒復有二。一聲聞戒。二菩薩戒。

從初發心乃至得成阿耨多羅三藐三菩提。是名菩薩戒。

若觀白骨乃至證得阿羅漢果。是名聲聞戒。

若有受持聲聞戒者。當知是人不見佛性及以如來。若有受持菩薩戒者。當知是人得阿耨多羅三藐三菩提。能見佛性如來涅槃。

師子吼菩薩言。世尊。何因緣故受持禁戒。

佛言。善男子。為心不悔故。何故不悔。為受樂故。何故受樂。為遠離故。何故遠離。為安隱故。何故安隱。為禪定故。何故禪定。為實知見故。何故為實知見。為見生死諸過患故。何故為見於生死過患。為心不貪著故。何故為心不貪著。為得解脫故。何故為得解脫。為得無上大涅槃故。何故為得大般涅槃。為得常樂我淨法故。何故為得常

kiến đồng chỉ, nhĩ thời tuy vô thọ giới chi pháp, tu trì như bản, vô sở hủy phạm. Thị danh tánh tự năng trì.

Nhược ngộ sư tăng bạch tứ yết-ma, nhiên hậu đắc giới. Tuy đắc giới dĩ, yếu bằng hòa thượng, chư sư, đồng học thiện hữu hữu du nãi tri tấn chỉ, thính pháp, thuyết pháp, tu chư oai nghi. Thị danh tu tha giáo sắc.

Thiện nam tử! Tánh năng trì giả, nhãn kiến Phật tánh cập dĩ Như Lai, diệc danh văn kiến.

Giới phục hữu nhị: nhất Thanh văn giới, nhị Bồ Tát giới.

Tùng sơ phát tâm nãi chí đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thị danh Bồ Tát Giới.

Nhược quán bạch cốt nãi chí chứng đắc A-la-hán quả, thị danh Thanh văn Giới.

Nhược hữu thọ trì Thanh văn Giới giả, đương tri thị nhân bất kiến Phật tánh cập dĩ Như Lai. Nhược hữu thọ trì Bồ Tát Giới giả, đương tri thị nhân đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, năng kiến Phật tánh, Như Lai, Niết-bàn.

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Hà nhân duyên cố, thọ trì cấm giới?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Vị tâm bất hồi cố. Hà cố bất hồi? Vị thọ lạc cố. Hà cố thọ lạc? Vị viễn ly cố. Hà cố viễn ly? Vị an ổn cố. Hà cố an ổn? Vị thiên định cố. Hà cố thiên định? Vị thật tri kiến cố. Hà cố vi thật tri kiến? Vị kiến sanh tử chư quá hoạn cố. Hà cố vi kiến ư sanh tử quá hoạn? Vị tâm bất tham trước cố. Hà cố vi tâm bất tham trước? Vị đắc giải thoát cố. Hà cố vi đắc giải thoát? Vị đắc vô thượng Đại Niết-bàn cố. Hà cố vi đắc Đại Bát Niết-bàn? Vị đắc thường, lạc, ngã, tịnh pháp cố.

樂我淨。為得不生不滅故。何故為得不生不滅。為見佛性故。是故菩薩性自能持究竟淨戒。

善男子。持戒比丘雖不發願求不悔心。不悔之心自然而得。何以故。法性爾故。雖不求樂遠離安隱禪定真實知見。見生死過。心不貪著解脫涅槃常樂我淨不生不滅。見於佛性而自然得。何以故。法性爾故。

師子吼菩薩言。世尊。若因持戒得不悔果。因於解脫得涅槃果者。戒則無因。涅槃無果。戒若無因則名為常。涅槃有因則是無常。若爾者涅槃則為本無今有。若本無今有是為無常。猶如然燈。涅槃若爾。云何得名我樂淨耶。

佛言。善男子。善哉善哉。汝以曾於無量佛所種諸善根。能問如來如是深義。

善男子。不失本念乃如是問耶。我憶往昔過無量劫。波羅奈城有佛出世。號曰善得。爾時彼佛三億歲中演說如是大涅槃經。我時與汝俱在彼會。我以是事諮問彼佛。爾時如來為眾生故三昧正受未答此義。善哉大士。乃能憶念如是本事。諦聽諦聽。當為汝說。

戒亦有因。謂聽正法。聽正法者是亦有因。謂

Hà cố vi đắc thường, lạc, ngã, tịnh? Vị đắc bất sanh bất diệt cố. Hà cố vi đắc Bát sanh bất diệt? Vị kiến Phật tánh cố. Thị cố Bồ Tát, tánh tự năng trì cứu cánh tịnh giới.

Thiện nam tử! Trì giới tỳ-kheo, tuy bất phát nguyện cầu bất hồi tâm, bất hồi chi tâm tự nhiên nhi đắc. Hà dĩ cố? Pháp tánh nhĩ cố. Tuy bất cầu: lạc, viễn ly, an ổn, thiên định, chân thật tri kiến, kiến sanh tử quá, tâm bất tham trước, giải thoát, Niết-bàn, thường, lạc, ngã, tịnh, bất sanh bất diệt, kiến ư Phật tánh, nhi tự nhiên đắc. Hà dĩ cố? Pháp tánh nhĩ cố.

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Nhược nhân trì giới, đắc bất hồi quả, nhân ư giải thoát, đắc Niết-bàn quả giả, giới tác vô nhân, Niết-bàn vô quả. Giới nhược vô nhân, tác danh vi thường; Niết-bàn hữu nhân, tác thị vô thường. Nhược nhĩ giả, Niết-bàn tác vi bản vô kim hữu. Nhược bản vô kim hữu, thị vi vô thường, do như nhiên đăng. Niết-bàn nhược nhĩ, vân hà đắc danh ngã, lạc, tịnh da?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thiện tai! Thiện tai! Nhữ dĩ tăng ư vô lượng Phật sở, chủng chư thiện căn, năng vấn Như Lai như thị thâm nghĩa.

Thiện nam tử! Bất thất bổn niệm, nãi như thị vấn da? Ngã ức vãng tích, quá vô-lượng kiếp, Ba-la-nại thành hữu Phật xuất thế hiệu viết Thiện Đức. Nhĩ thời bĩ Phật, tam ức tuế trung, diễn thuyết như thị Đại Niết-bàn kinh. Ngã thời dĩ nhữ, câu tại bĩ Hội; ngã dĩ thị sự, tư vấn bĩ Phật. Nhĩ thời, Như Lai vị chúng sanh cố, Tam-muội Chánh thọ, vị đáp thủ nghĩa. Thiện tai Đại sĩ! Nãi năng ức niệm như thị bổn sự. Đế thính! Đế thính! Đương vị nhữ thuyết.

Giới diệc hữu nhân: vị thính Chánh pháp. Thính Chánh pháp giả, thị diệc hữu nhân: vị cận thiện hữu. Cận thiện hữu giả, thị diệc hữu nhân: sở vị tín tâm. Hữu tín tâm giả, thị diệc



近善友。近善友者是亦有因。所謂信心。有信心者是亦有因。因有二種。一者聽法。二思惟義。

善男子。信心者因於聽法。聽法者因於信心。如是二法。亦因亦因。亦果亦果。

善男子。譬如尼乾立拒舉瓶互為因果不得相離。

善男子。如無明緣行。行緣無明。是無明行亦因亦因。亦果亦果。乃至生緣老死。老死緣生。是生老死亦因亦因。亦果亦果。

善男子。生能生法不能自生。不自生故由生生。生生不自生復賴生故生。是故二生亦因亦因。亦果亦果。

善男子。信心聽法亦復如是。

善男子。是果非因謂大涅槃。何故名果。是上果故。沙門果故。婆羅門果故。斷生死故。破煩惱故。是故名果。為諸煩惱之所呵責。是故涅槃名果。煩惱者名為過過。

善男子。涅槃無因而體是果。何以故。無生滅故。無所作故。非有為故。是無為故。常不變故。無處所故。無始終故。

善男子。若涅槃有因。則不得稱為涅槃也。槃者言因。般涅槃言無。無有因故。故稱涅槃。

hữu nhân, nhân hữu nhị chủng: nhất giả thính Pháp, nhị tư duy nghĩa.

Thiện nam tử! Tín tâm giả, nhân ư thính Pháp; thính Pháp giả, nhân ư tín tâm. Như thị nhị pháp diệt nhân, diệt nhân nhân, diệt quả, diệt quả quả.

Thiện nam tử! Thí như Ni-kiền lập cự cử bình, hồ vi nhân quả, bất đắc tương ly.

Thiện nam tử! Như vô minh duyên hành, hành duyên vô minh. Thị vô minh, hành diệt nhân, diệt nhân nhân, diệt quả, diệt quả quả... Nãi chí sanh duyên lão tử, lão tử duyên sanh. Thị sanh, lão tử diệt nhân, diệt nhân nhân, diệt quả, diệt quả quả.

Thiện nam tử! Sanh năng sanh pháp, bất năng tự sanh. Bất tự sanh cố, do Sanh, sanh sanh. Sanh sanh bất tự sanh, phục lại sanh cố sanh. Thị cố nhị sanh diệt nhân, diệt nhân nhân, diệt quả, diệt quả quả.

Thiện nam tử! Tín tâm, thính Pháp diệt phục như thị.

Thiện nam tử! Thị quả phi nhân, vị Đại Niết-bàn. Hà cố danh quả? Thị thượng quả cố, sa-môn quả cố, bà-la-môn quả cố, đoạn sanh tử cố, phá phiền não cố. Thị cố danh quả. Vi chư phiền não chi sở ha trách, thị cố Niết-bàn danh quả; phiền não giả danh vi quá quá.

Thiện nam tử! Niết-bàn vô nhân, nhi thể thị quả. Hà dĩ cố? Vô sanh diệt cố, vô sở tác cố, phi hữu vi cố, thị vô vi cố, thường bất biến cố, vô xứ sở cố, vô thủy chung cố.

Thiện nam tử! Nhược Niết-bàn hữu nhân, tắc bất đắc xưng vi Niết-bàn dã. Bàn giả ngôn nhân; Bát Niết ngôn vô. Vô hữu nhân cố, cố xưng Niết-bàn.

師子吼菩薩言。如佛所說涅槃無因。是義不然。若言無者則合六義。

一者畢竟無故。故名為無。如一切法無我無我所。

二者有時無故。故名為無。如世人言。河池無水無有日月。

三者少故故名為無。如世人言。食中少鹹名為無鹹。甘漿少甜名為無甜。

四者無受故故名為無。如旃陀羅不能受持婆羅門法。是故名為無婆羅門。

五者受惡法故。故名為無。如世人言受惡法者不名沙門及婆羅門。是故名為無有沙門及婆羅門。

六者不對故。故名為無。譬如無白名之為黑。無有明故名之無明。

世尊。涅槃亦爾有時無因故名涅槃。

佛言。善男子。汝今所說如是六義。何故不引畢竟無者以喻涅槃。乃取有時無耶。

善男子。涅槃之體畢竟無因。猶如無我及無我所。

善男子。世法涅槃終不相對。是故六事不得為喻。

善男子。一切諸法悉無有我。而此涅槃真實有我。以是義故。涅槃無因而體是果。是因非果名為

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn: Như Phật sở thuyết Niết-bàn vô nhân, thị nghĩa bất nhiên. Nhược ngôn vô giả, tắc hiệp lục nghĩa:

Nhất giả, tất cánh vô cố, cố danh vi vô. Như nhất thiết pháp vô ngã, vô ngã sở.

Nhị giả, hữu thời vô cố, cố danh vi vô. Như thế nhân ngôn: Hà trì vô thủy, vô hữu nhứt nguyệt.

Tam giả, thiếu cố, cố danh vi vô. Như thế nhân ngôn: Thực trung thiếu hàm, danh vi vô hàm; cam tương thiếu diêm, danh vi vô diêm.

Tứ giả, Vô thọ cố, cố danh vi vô. Như chiêm-đà-la, bất năng thọ trì bà-la-môn pháp, thị cố danh vi vô bà-la-môn.

Ngũ giả, thọ ác pháp cố, cố danh vi vô. Như thế nhân ngôn: Thọ ác pháp giả, bất danh sa-môn cập bà-la-môn; thị cố danh vi vô hữu sa-môn cập bà-la-môn.

Lục giả, bất đối cố, cố danh vi vô. Thí như vô bạch, danh chi vi hắc; vô hữu minh cố, danh chi vô minh.

Thế Tôn! Niết-bàn diệt nhĩ; hữu thời vô nhân, cố danh Niết-bàn.

Phật ngôn, thiện nam tử! Nhữ kim sở thuyết như thị lục nghĩa, hà cố bất dẫn tất cánh vô giả dĩ dụ Niết-bàn, nãi thủ hữu thời vô da?

Thiện nam tử! Niết-bàn chi thể, tất cánh vô nhân, do như vô ngã cập vô ngã sở.

Thiện nam tử! Thế pháp, Niết-bàn, chung bất tương đối. Thị cố lục sự bất đắc vi dụ.

Thiện nam tử! Nhất thiết chư pháp, tất vô hữu ngã; nhi thủ Niết-bàn chân thật hữu ngã. Dĩ thị nghĩa cố, Niết-bàn vô nhân; nhi thể thị quả. Thị nhân phi quả, danh vi Phật tánh,

佛性。非因生故是因非果。非沙門果故名非果。何故名因以了因故。

善男子。因有二種。一者生因。二者了因。

能生法者是名生因。燈能了物故名了因。

煩惱諸結是名生因。眾生父母是名了因。

如穀子等是名生因。地水糞等是名了因。

復有生因。謂六波羅蜜阿耨多羅三藐三菩提。

復有了因。謂佛性阿耨多羅三藐三菩提。

復有了因。謂六波羅蜜佛性。復有生因。謂首楞嚴三昧阿耨多羅三藐三菩提。

復有了因。謂八正道阿耨多羅三藐三菩提。復有生因。所謂信心六波羅蜜。

師子吼菩薩言。世尊。如佛所說見於如來及以佛性。是義云何。

世尊。如來之身無有相貌。非長非短非白非黑。無有方所不在三界非有為相非眼識識。云何可見。佛性亦爾。

佛言。善男子。佛身二種。一者常。二者無常。

phi nhân sanh cố. Thị nhân phi quả, phi sa-môn quả, cố danh phi quả. Hà cố danh nhân? Dĩ liễu nhân cố.

Thiện nam tử! Nhân hữu nhị chủng: Nhất giả sanh nhân, nhị giả liễu nhân.

Năng sanh pháp giả, thị danh sanh nhân. Đăng năng liễu vật, cố danh liễu nhân.

Phiền não chư kết, thị danh sanh nhân. Chúng sanh phụ mẫu, thị danh liễu nhân.

Như cốc tử đẳng, thị danh sanh nhân. Địa, thủy, phân đẳng, thị danh liễu nhân.

Phục hữu sanh nhân, vị Lục Ba-la-mật; A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Phục hữu liễu nhân; vị Phật tánh, A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Phục hữu liễu nhân, vị Lục Ba-la-mật, Phật tánh. Phục hữu Sanh nhân, vị Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Phục hữu Liễu nhân, vị Bát Chánh đạo, A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Phục hữu Sanh nhân, sở vị Tín tâm, Lục Ba-la-mật.

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết kiến ư Như Lai cập dĩ Phật tánh, thị nghĩa vân hà?

Thế Tôn! Như Lai chi thân, vô hữu tướng mạo, phi trường, phi đoản, phi bạch, phi hắc, vô hữu phương sở, bất tại Tam giới, phi hữu vi tướng, phi nhân thức thức. Vân hà khả kiến? Phật tánh diệc nhĩ.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Phật thân nhị chủng: nhất giả thường, nhị giả vô thường.

無常者為欲度脫一切眾生方便示現。是名眼見。  
 常者如來世尊解脫之身。亦名眼見亦名聞見。  
 佛性亦二種。一者可見。二不可見。  
 可見者十住菩薩諸佛世尊。  
 不可見者一切眾生。  
 眼見者謂十住菩薩諸佛如來。眼見眾生所有佛性。  
 聞見者一切眾生九住菩薩。聞有佛性  
 如來之身。復有二種。一者是色。二者非色。  
 色者如來解脫。  
 非色者如來永斷諸色根故。  
 佛性二種。一者是色。二者非色。  
 色者阿耨多羅三藐三菩提。  
 非色者凡夫乃至十住菩薩。十住菩薩見不了了  
 故名非色。  
 善男子。佛性者復有二種。一者是色。二者非色。  
 色者謂佛菩薩。  
 非色者一切眾生。  
 色者名為眼見。  
 非色者名為聞見。  
 佛性者非內非外。雖非內外然非失壞。故名眾  
 生悉有佛性。

Vô thường giả, vị dục độ thoát nhất thiết chúng sanh, phương tiện thị hiện. Thị danh nhãn kiến.

Thường giả, Như lai Thế Tôn giải thoát chi thân, diệc danh nhãn kiến, diệc danh văn kiến.

Phật tánh diệc nhị chủng: Nhất giả khả kiến, nhị giả bất khả kiến.

Khả kiến giả, Thập trụ Bồ Tát, chư Phật Thế Tôn.

Bất khả kiến giả, nhất thiết chúng sanh.

Nhãn kiến giả, vị Thập Trụ Bồ Tát, chư Phật Như Lai, nhãn kiến chúng sanh sở hữu Phật tánh.

Văn kiến giả, nhất thiết chúng sanh, Cửu Trụ Bồ Tát, văn hữu Phật tánh.

Như Lai chi thân, phục hữu nhị chủng: Nhất giả thị sắc, nhị giả phi sắc.

Sắc giả, Như Lai giải thoát.

Phi sắc giả, Như Lai vĩnh đoạn chư sắc căn cố.

Phật tánh nhị chủng: Nhất giả thị sắc, nhị giả phi sắc.

Sắc giả, A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Phi sắc giả, phàm phu nãi chí Thập trụ Bồ Tát. Thập trụ Bồ Tát kiến bất liễu liễu, cố danh phi sắc.

Thiện nam tử! Phật tánh giả, phục hữu nhị chủng: Nhất giả thị sắc, nhị giả phi sắc.

Sắc giả, vị Phật, Bồ Tát.

Phi sắc giả, nhất thiết chúng sanh.

Sắc giả, danh vi nhãn kiến.

Phi sắc giả, danh vi văn kiến.

Phật tánh giả, phi nội, phi ngoại. Tuy phi nội, ngoại, nhiên phi thất hoại. Cố danh chúng sanh tất hữu Phật tánh.

師子吼菩薩言。世尊。如佛所說一切眾生悉有佛性如乳中有酪。金剛力士諸佛佛性如淨醍醐。云何如來說言佛性非內非外。

佛言。善男子。我亦不說乳中有酪。酪從乳生故言有酪。

世尊。一切生法各有時節。

善男子。乳時無酪亦無生酥熟酥醍醐。一切眾生亦謂是乳。是故我言乳中無酪。如其有者。何故不得二種名字。如人二能言金鐵師。酪時無乳生酥熟酥及以醍醐。眾生亦謂是酪非乳。非生熟酥及以醍醐。亦復如是。

善男子。因有二種。一者正因。二者緣因。

正因者如乳生酪。

緣因者如酵煖等。從乳生故故言乳中而有酪性。

師子吼菩薩言。世尊。若乳無酪性角中亦無。何故不從角中生耶。

善男子。角亦生酪。何以故。我亦說言緣因有二一酵二煖。角性煖故亦能生酪。

師子吼言。世尊。若角能生酪。求酪之人何故求乳而不取角。

佛言。善男子。是故我說正因緣因。

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết: Nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh: Như nhũ trung hữu lạc; Kim cang Lực sĩ, chư Phật Phật tánh; như tịnh đề-hồ. Vân hà Như Lai thuyết ngôn Phật tánh phi nội, phi ngoại?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngã diệc bất thuyết nhũ trung hữu lạc. Lạc tùng nhũ sanh, cố ngôn hữu lạc.

Thế Tôn! Nhất thiết sanh pháp, các hữu thời tiết.

Thiện nam tử! Nhũ thời, vô lạc, diệc vô sanh tô, thực tô, đề-hồ. Nhất thiết chúng sanh diệc vị thị nhũ. Thị cố ngã ngôn nhũ trung vô lạc. Như kỳ hữu giả, hà cố bất đắc nhị chủng danh tự, như nhân nhị năng, ngôn kim thiết sư? Lạc thời, vô nhũ, sanh tô, thực tô cập dĩ đề-hồ. Chúng sanh diệc vị thị lạc, phi nhũ, phi sanh thực tô cập dĩ đề-hồ, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Nhân hữu nhị chủng: Nhất giả Chánh nhân, nhị giả Duyên nhân.

Chánh nhân giả, như nhũ sanh lạc.

Duyên nhân giả, như diếu, noãn đẳng. Tùng nhũ sanh cố, cố ngôn nhũ trung nhị hữu lạc tánh.

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Nhược nhũ vô lạc tánh, giác trung diệc vô. Hà cố bất tùng giác trung sanh da?

Thiện nam tử! Giác diệc sanh lạc. Hà dĩ cố? Ngã diệc thuyết ngôn duyên nhân hữu nhị: Nhất diếu, nhị noãn. Giác tánh noãn cố, diệc năng sanh lạc.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Nhược giác năng sanh lạc, cầu lạc chi nhân, hà cố cầu nhũ nhi bất thủ giác?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thị cố ngã thuyết Chánh nhân, duyên nhân.

師子吼菩薩言。若使乳中本無酪性今方有者。乳中本無菴摩羅樹。何故不生。二俱無故。

善男子。乳亦能生菴摩羅樹。若以乳灌一夜之中增長五尺。以是義故我說二因。

善男子。若一切法一因生者。可得難言乳中何故不能出生菴摩羅樹。

善男子。猶如四大為一切色而作因緣。然色各異差別不同。以是義故。乳中不生菴摩羅樹。

世尊。如佛所說。有二因者正因緣因。眾生佛性為是何因。

善男子。眾生佛性亦二種因。一者正因。二者緣因。正因者謂諸眾生。緣因者謂六波羅蜜。

師子吼言。世尊。我今定知乳有酪性。何以故。我見世間求酪之人。唯取於乳終不取水。是故當知乳有酪性。

善男子。如汝所問。是義不然。何以故。譬如有人欲見面像即便取刀。

師子吼言。世尊。以是義故乳有酪性。若刀無面像何故取刀。

佛言。善男子。若此刀中定有面像。何故顛倒。豎則見長。橫則見闊。若是自面何故見長。若

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn: Nhược sử nhũ trung, bổn vô lạc tánh, kim phương hữu giả; nhũ trung, bổn vô am-ma-la thọ, hà cố bất sanh? Nhị câu vô cố.

Thiện nam tử! Nhũ diệc năng sanh am-ma-la thọ. Nhược dĩ nhũ quán, nhất dạ chi trung, tăng trưởng ngũ xích. Dĩ thị nghĩa cố, ngã thuyết nhị nhân.

Thiện nam tử! Nhược nhất thiết pháp, nhất nhân sanh giả, khả đắc nạn ngôn: Nhũ trung hà cố bất năng xuất sanh am-ma-la thọ?

Thiện nam tử! Do như tứ đại, vị nhất thiết sắc, nhi tác nhân duyên. Nhiên sắc các dị, sai biệt bất đồng. Dĩ thị nghĩa cố, nhũ trung bất sanh am-ma-la thọ.

Thế Tôn! Như Phật sở thuyết hữu nhị Nhân giả: Chánh nhân, Duyên nhân. Chúng sanh Phật tánh vi thị hà nhân?

Thiện nam tử! Chúng sanh Phật tánh diệc nhị chủng nhân: nhất giả chánh nhân, nhị giả duyên nhân. Chánh nhân giả, vị chư chúng sanh; duyên nhân giả, vị Lục Ba-la-mật.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Ngã kim định tri nhũ hữu lạc tánh. Hà dĩ cố? Ngã kiến thế gian, cầu lạc chi nhân, duy thủ ư nhũ, chung bất thủ thủy. Thị cố đương tri nhũ hữu lạc tánh.

Thiện nam tử! Như nhũ sở vấn, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Thí như hữu nhân, dục kiến diện tượng, tắc tiện thủ đao.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Dĩ thị nghĩa cố, nhũ hữu lạc tánh. Nhược đao vô diện tượng, hà cố thủ đao?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược thủ đao trung, định hữu diện tượng, hà cố diên đảo: thọ tắc kiến trường, hoành tắc kiến khoát? Nhược thị tự diên, hà cố kiến trường? Nhược thị

是他面何得稱言是己面像。若因己面見他面者。何故不見驢馬面像。

師子吼言。世尊。眼光到彼故見面像。

佛言。善男子。而此眼光實不到彼。何以故。近遠一時俱得見故。不見中間所有物故。

善男子。光若到彼而得見者。一切眾生悉見於火。何故不燒。如人遠見白物。不應生疑鶴耶幡耶人耶樹耶。若光到者。云何得見水精中物淵中魚石。若不到見何故得見水精中物。而不得見壁外之色。是故若言眼光到彼而見長者。是義不然。

善男子。如汝所言乳有酪者。何故賣乳之人但取乳價不責酪直。賣草馬者但取馬價不責駒直。

善男子。世間之人無子息故故求娉婦。婦若懷妊不得言女。若言是女有兒性故故應娉婦。是義不然。何以故。若有兒性亦應有孫。若有孫者則是兄弟。何以故。一腹生故。是故我言女無兒性。若其乳中有酪性者。何故一時不見五味。若樹子中有尼拘陀五丈質者。何故一時不見芽莖枝葉花果形色之異。

善男子。乳色時異味異果異。乃至醍醐亦復如是。云何可說乳有酪性。

tha diện, hà đắc xung ngôn thị kỷ diện tượng? Nhược nhân kỷ diện, kiến tha diện giả, hà cố bất kiến lư, mã diện tượng?

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Nhân quang đảo bỉ, cố kiến diện tượng.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhi thủ nhân quang, thật bát đảo bỉ. Hà dĩ cố? Cận, viễn, nhất thời câu đắc kiến cố; bất kiến trung gian sở hữu vật cố.

Thiện nam tử! Quang nhược đảo bỉ, nhi đắc kiến giả, nhất thiết chúng sanh tất kiến ư hỏa, hà cố bất thiêu? Như nhân viễn kiến bạch vật, bất ưng sanh nghi: Hạc da? Phan da? Nhân da? Thọ da? Nhược quang đảo giả, vân hà đắc kiến thủy tinh trung vật, uyên trung ngư, thạch? Nhược bát đảo, kiến, hà cố đắc kiến thủy tinh trung vật, nhi bất đắc kiến bích ngoại chi sắc? Thị cố nhược ngôn nhân quang đảo bỉ, nhi kiến trường giả, thị nghĩa bất nhiên.

Thiện nam tử! Như nữ sở ngôn: Nữ hữu lạc giả; hà cố mại nữ chi nhân đăn thủ nữ giá, bất trách lạc trị; mại thảo mã giả, đăn thủ mã giá, bất trách câu trị?

Thiện nam tử! Thế gian chi nhân, vô tử tức cố, cố cầu sinh phụ. Phụ nhược hoài nhâm, bất đắc ngôn nữ. Nhược ngôn thị nữ hữu nhi tánh cố, cố ưng sinh phụ, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Nhược hữu nhi tánh, diệc ưng hữu tôn. Nhược hữu tôn giả, tắc thị huynh đệ. Hà dĩ cố? Nhất phúc sanh cố. Thị cố ngã ngôn: Nữ vô nhi tánh.

Nhược kỳ nữ trung, hữu lạc tánh giả; hà cố nhất thời, bất kiến ngũ vị? Nhược thọ tử trung, hữu ni-câu-đà ngũ trượng chất giả; hà cố nhất thời, bất kiến nha, hành, chi, diệp, hoa, quả hình sắc chi dị?

Thiện nam tử! Nữ sắc thời dị, vị dị, quả dị, nãi chí đề-hồ, diệc phục như thị. Vân hà khả thuyết nữ hữu lạc tánh?

善男子。譬如有人明當服酥今已患臭。若言乳中定有酪性亦復如是。

善男子。譬如有人有筆紙墨和合成字。而是紙中本無有字。以本無故假緣而成。若本有者何須眾緣譬如青黃合成綠色。當知是二本無緣性若本有者何須合成。

善男子。譬如眾生因食得命。而此食中實無有命。若本有命未食之時食應是命。

善男子。一切諸法本無有性。以是義故我說是偈。

本無今有  
本有今無  
三世有法  
無有是處

善男子。一切諸法因緣故生因緣故滅。善男子。若諸眾生內有佛性者。一切眾生應有佛身如我今也。眾生佛性不破不壞不牽不捉不繫不縛。如眾生中所有虛空。一切眾生悉有虛空無罣礙故。各不自見有此虛空。若使眾生無虛空者。則無去來行住坐臥不生不長。以是義故。我經中說一切眾生有虛空界。虛空界者是名虛空。眾生佛性亦復如是。十住菩薩少能見之如金剛珠。

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, minh đương phục tô, kim dĩ hoạn xú. Nhược ngôn nhũ trung, định hữu lạc tánh, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân hữu bút, chỉ, mực; hòa hiệp thành tự. Nhi thị chỉ trung, bản vô hữu tự. Dĩ bản vô cố giả duyên nhi thành. Nhược bản hữu giả, hà tu chúng duyên? Thí như thanh, hoàng, hiệp thành lục sắc. Đương tri thị nhị, bản vô lục tánh. Nhược bản hữu giả, hà tu hiệp thành?

Thiện nam tử! Thí như chúng sanh, nhân thực đắc mạng. Nhi thử thực trung, thật vô hữu mạng. Nhược bản hữu mạng, vị thực chi thời, thực ứng thị mạng!

Thiện nam tử! Nhất thiết chư pháp, bản vô hữu tánh. Dĩ thị nghĩa cố, ngã thuyết thị kệ:

Bản vô kim hữu,  
Bản hữu kim vô,  
Tam thế hữu pháp,  
Vô hữu thị xứ.

Thiện nam tử! Nhất thiết chư pháp, nhân duyên cố sanh, nhân duyên cố diệt. Thiện nam tử! Nhược chư chúng sanh, nội hữu Phật tánh giả, nhất thiết chúng sanh ứng hữu Phật thân, như ngã kim dã. Chúng sanh Phật tánh, bất phá bất hoại, bất khiên bất tróc, bất hệ bất phục. Như chúng sanh trung sở hữu hư không, nhất thiết chúng sanh tất hữu hư không, vô quái ngại cố; các bất tự kiến hữu thử hư không. Nhược sử chúng sanh vô hư không giả, tắc vô khứ, lai, hành, trụ, tọa, ngọa, bất sanh, bất trưởng. Dĩ thị nghĩa cố ngã kinh trung thuyết: Nhất thiết chúng sanh hữu hư không giới. Hư không giới giả, thị danh hư không. Chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị. Thập trụ Bồ Tát thiểu năng kiến chi, như kim cang châu.



善男子。眾生佛性諸佛境界。非是聲聞緣覺所知。一切眾生不見佛性。是故常為煩惱繫縛流轉生死。見佛性故諸結煩惱所不能繫。解脫生死得大涅槃。

師子吼菩薩言。世尊。一切眾生有佛性性。如乳中酪性。若乳無酪性。云何佛說有二種因。一者正因。二者緣因。緣因者。一酵二煨。虛空無性故無緣因。

佛言。善男子。若使乳中定有酪性者。何須緣因。

師子吼菩薩言。世尊。以有性故故須緣因。何以故。欲明見故。緣因者即是了因。

世尊。譬如闇中先有諸物。為欲見故以燈照了。若本無者燈何所照。如泥中有瓶。故須人水輪繩杖等而為了因。如尼拘陀子。須地水糞而作了因。乳中酵煨亦復如是。須作了因。是故雖先有性。要假了因然後得見以是義故。定知乳中先有酪性。

善男子。若使乳中定有酪性者即是了因。若是了因復何須了。

善男子。若是了因性是了者常應自了。若自不了何能了他。若言了因有二種性。一者自了。二者了他。是義不然。何以故。了因一法。云何有二。若有二者乳亦應二。若使乳中無二相者。云何了因而獨有二。

Thiện nam tử! Chúng sanh Phật tánh, chư Phật cảnh giới, phi thị Thanh văn, Duyên giác sở tri. Nhất thiết chúng sanh bất kiến Phật tánh, thị cố thường vi phiền não hệ phược, lưu chuyển sanh tử. Kiến Phật tánh cố chư kết phiền não sở bất năng hệ; giải thoát sanh tử đắc Đại Niết-bàn.

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Nhất thiết chúng sanh hữu Phật tánh tánh, như nhũ trung lạc tánh. Nhược nhũ vô lạc tánh, vân hà Phật thuyết hữu nhị chủng Nhân: Nhất giả Chánh nhân, nhị giả Duyên nhân? Duyên nhân giả: Nhất diếu, nhị noãn. Hư không vô tánh, cố vô Duyên nhân.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược sử nhũ trung, định hữu lạc tánh giả, hà tu duyên nhân?

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Dĩ hữu tánh cố, cố tu duyên nhân. Hà dĩ cố? Dục minh kiến cố. Duyên nhân giả, tức thị liễu nhân.

Thế Tôn! Thí như ám trung, tiên hữu chư vật; vị dục kiến cố, dĩ đăng chiếu liễu. Nhược bản vô giả, đăng hà sở chiếu? Như nê trung, hữu bình. Cố tu nhân, thủy, luân, thăng, trượng đẳng nhị vi liễu nhân. Như Ni-câu-đà tử, tu địa, thủy, phấn nhị tác liễu nhân. Nhũ trung, diếu, noãn, diệc phục như thị, tu tác liễu nhân. Thị cố tuy tiên hữu tánh, yếu giả liễu nhân, nhiên hậu đắc kiến. Dĩ thị nghĩa cố, định tri nhũ trung, tiên hữu lạc tánh.

Thiện nam tử! Nhược sử nhũ trung, định hữu lạc tánh giả, tức thị liễu nhân. Nhược thị liễu nhân, phục hà tu liễu?

Thiện nam tử! Nhược thị liễu nhân, tánh thị liễu giả, thường ưng tự liễu. Nhược tự bất liễu, hà năng liễu tha. Nhược ngôn liễu nhân hữu nhị chủng tánh: Nhất giả tự liễu, nhị giả liễu tha, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Liễu nhân nhất pháp, vân hà hữu nhị? Nhược hữu nhị giả, nhũ diệc ưng nhị. Nhược sử nhũ trung vô nhị tướng giả, vân hà liễu nhân nhi độc hữu nhị?

師子吼言。世尊。如世人言我共八人。了因亦爾。自了了他。

佛言。善男子。了因若爾則非了因。何以故。數者能數自色他色故得言八。而此色性自無了相。無了相故要須智性乃數自他。是故了因不能自了亦不了他。

善男子。一切眾生有佛性者。何故修習無量功德。若言修習是了因者已同酪壞。若言因中定有果者。戒定智慧則無增長。我見世人本無禁戒禪定智慧。從師受已漸漸增益。若言師教是了因者。當師教時受者未有戒定智慧。若是了者應了未有。云何乃了戒定智慧令得增長。

師子吼菩薩言。世尊。若了因無者。云何得名有乳有酪。

善男子。世間答難凡有三種。

一者轉答。如先所說。何故名戒。以不悔故。乃至為得大涅槃故。

二者默然答。如有梵志來問我言。我是常耶。我時默然。

三者疑答。如此經中若了因有二。乳中何故不得有二。

善男子。我今轉答。如世人言有乳酪者以定得故。是故得名有乳有酪佛性亦爾。有眾生有佛性。以當見故。

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Như thế nhân ngôn: Ngã cộng bát nhân. Liễu nhân diệc nhĩ, tự liễu liễu tha.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Liễu nhân nhược nhĩ, tắc phi liễu nhân. Hà dĩ cố? Sở giả năng sở, tự sắc, tha sắc, cố đắc ngôn bát. Nhi thử sắc tánh, tự vô liễu tướng. Vô liễu tướng cố, yếu tu trí tánh, nãi sở tự tha. Thị cố liễu nhân bất năng tự liễu, diệc bát liễu tha.

Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh hữu Phật tánh giả, hà cố tu tập vô lượng công đức? Nhược ngôn tu tập, thị liễu nhân giả, dĩ đồng lạc hoại. Nhược ngôn nhân trung định hữu quả giả, giới, định, trí tuệ tắc vô tăng trưởng. Ngã kiến thế nhân bốn vô cấm giới, thiên định, trí tuệ; từng sư thọ dĩ, tiệm tiệm tăng ích. Nhược ngôn sư giáo thị liễu nhân giả, đương sư giáo thời, thọ giả vị hữu giới, định, trí tuệ. Nhược thị liễu giả, ưng liễu vị hữu. Vân hà nãi liễu giới, định, trí tuệ, linh đắc tăng trưởng?

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Nhược liễu nhân vô giả, vân hà đắc danh hữu nhũ, hữu lạc?

Thiện nam tử! Thế gian đáp nạn, phạm hữu tam chủng:

Nhất giả chuyển đáp. Như tiên sở thuyết: Hà cố danh giới? Dĩ bất hồi cố, nãi chí vi đắc Đại Niết-bàn cố.

Nhị giả mặc nhiên đáp. Như hữu Phạm chí lai vấn ngã ngôn: Ngã thị thường da? Ngã thời mặc nhiên.

Tam giả nghi đáp. Như thử kinh trung, nhược liễu nhân hữu nhị, nhũ trung hà cố bất đắc hữu nhị?

Thiện nam tử! Ngã kim chuyển đáp. Như thế nhân ngôn: Hữu nhũ lạc giả. Dĩ định đắc cố. Thị cố đắc danh hữu nhũ hữu lạc. Phật tánh diệc nhĩ; hữu chúng sanh, hữu Phật tánh. Dĩ đương kiến cố.

師子吼言。世尊。如佛所說是義不然。過去已滅未來未到。云何名有。若言當有名為有者。是義不然。如世間人見無兒息便言無兒。一切眾生無佛性者。云何說言一切眾生悉有佛性。

佛言。善男子。過去名有。譬如種橘。芽生子滅。芽亦甘甜。乃至生菜味亦如是。熟已乃醋。

善男子。而是醋味子芽乃至生菜悉無。隨本熟時形色相貌則生醋味。而是醋味本無今有。雖本無今有非不因本。如是本子雖復過去故得名有。以是義故過去名有。

云何復名未來為有。譬如有人種植胡麻。有人問言何故種此。答言有油實未有油。胡麻熟已收子熬烝擣壓。然後乃得出油。當知是人非虛妄也。以是義故名未來有。

云何復名過去有耶。善男子。譬如有人私屏罵王。經歷年歲王乃聞之。聞已即問。何故見罵。答言。大王。我不罵也。何以故。罵者已滅。王言。罵者我身二俱存在。云何言滅。以是因緣喪失身命。

善男子。是二實無而果不滅。是名過去有。

云何復名未來有耶。譬如有人往陶師所問有瓶不。答言有瓶。而是陶師實未有瓶。以有泥故。故

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, thị nghĩa bất nhiên. Quá khứ dĩ diệt; vị lai vị đáo. Vân hà danh hữu? Nhược ngôn đương hữu danh vi hữu giả, thị nghĩa bất nhiên. Như thế gian nhân, kiến vô nhi tức, tiện ngôn vô nhi. Nhất thiết chúng sanh vô Phật tánh giả, vân hà thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh, tất hữu Phật tánh?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Quá khứ danh hữu. Thí như chủng quýt; nha sanh, tử diệt. Nha diệt cam điềm; nãi chí sanh quả, vị diệt như thị. Thực dĩ, nãi thố.

Thiện nam tử! Nhi thị thố vị tử, nha nãi chí sanh quả, tất vô tùy bản. Thực thời, hình sắc tướng mạo tất sanh thố vị. Nhi thị thố vị, bản vô kim hữu. Tuy bản vô kim hữu, phi bất nhân bản. Như thị bản tử, tuy phục quá khứ, cố đắc danh hữu. Dĩ thị nghĩa cố, quá khứ danh hữu.

Vân hà phục danh vị lai vi hữu? Thí như hữu nhân chủng thực hồ ma. Hữu nhân vấn ngôn: Hà cố chủng tử? Đáp ngôn: Hữu du. Thật vị hữu du. Hồ ma thực dĩ, thâm tử, nhiệt chưng, đảo áp, nhiên hậu nãi đắc xuất du. Đương tri thị nhân phi hư vọng dã. Dĩ thị nghĩa cố, danh vị lai hữu.

Vân hà phục danh quá khứ hữu da? Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, tư bình mạ vương. Kinh lịch niên tuế, vương nãi văn chi. Văn dĩ tức vấn: Hà cố kiến mạ? Đáp ngôn: Đại vương! Ngã bất mạ dã. Hà dĩ cố? Mạ giả dĩ diệt. Vương ngôn: Mạ giả ngã thân, nhị câu tồn tại, vân hà ngôn diệt? Dĩ thị nhân duyên, táng thất thân mạng.

Thiện nam tử! Thị nhị thật vô, nhi quả bất diệt. Thị danh quá khứ hữu.

Vân hà phục danh Vị lai hữu da? Thí như hữu nhân, vãng đào sư sở vấn: Hữu bình phủ? Đáp ngôn: Hữu bình. Nhi thị đào sư thật vị hữu bình. Dĩ hữu nê cố, cố ngôn hữu bình. Đương

言有瓶。當知是人非妄語也。乳中有酪眾生佛性亦復如是。欲見佛性應當觀察時節形色。是故我說一切眾生悉有佛性。實不虛妄。

師子吼言。一切眾生無有佛性者。云何而得阿耨多羅三藐三菩提。

以正因故故令眾生得阿耨多羅三藐三菩提。何等正因。所謂佛性。

世尊。若尼拘陀子。無尼拘陀樹者。何故名為尼拘陀子。而不名為佉陀羅子。

世尊。如瞿曇姓不得稱為阿坻耶姓。阿坻耶姓亦復不得稱瞿曇姓。尼拘陀子亦復如是。不得稱為佉陀羅尼子。佉陀羅尼子不得稱為尼拘陀子。猶如世尊不得捨離瞿曇種姓。眾生佛性亦復如是。以是義故。當知眾生悉有佛性。

佛言。善男子。若言子中有尼拘陀樹者。是義不然。如其有者。何故不見。

善男子。如世間物有因緣故不可得見。云何因緣。

謂遠不可見。如空中鳥跡。

近不可見。如入眼睫。

壞故不見。如根敗者。

亂想故不見。如心不專一。

細故不見。如小微塵。

tri thị nhân phi vọng ngữ dã. Nhũ trung hữu lạc, chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị. Dục kiến Phật tánh, ưng đương quan sát thời tiết hình sắc. Thị cố ngã thuyết: Nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. Thật bất hư vọng.

Sư Tử Hống ngôn: Nhất thiết chúng sanh vô hữu Phật tánh giả, vân hà nhi đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề?

Dĩ chánh nhân cố, cố linh chúng sanh đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Hà đẳng Chánh nhân? Sở vị Phật tánh.

Thế Tôn! Nhược ni-câu-đà tử vô ni-câu-đà thọ giả, hà cố danh vi ni-câu-đà tử, nhi bất danh vi khư-đà-la tử?

Thế Tôn! Như Cồ-đàm tánh, bất đắc xưng vi A-trì-da tánh. A-trì-da tánh, diệc phục bất đắc xưng Cồ-đàm tánh. Ni-câu-đà tử diệc phục như thị; bất đắc xưng vi khư-đà-la-ni tử. Khư-đà-la-ni tử, bất đắc xưng vi ni-câu-đà tử. Do như Thế Tôn bất đắc xả ly Cồ-đàm chủng tánh, chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị. Dĩ thị nghĩa cố, đương tri chúng sanh tất hữu Phật tánh.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược ngôn tử trung, hữu ni-câu-đà thọ giả, thị nghĩa bất nhiên. Như kỳ hữu giả, hà cố bất kiến?

Thiện nam tử! Như thế gian vật, hữu nhân duyên cố, bất khả đắc kiến. Vân hà nhân duyên?

Vị viễn bất khả kiến, như không trung điều tích.

Cận bất khả kiến; như nhập nhãn tiệp.

Hoại cố bất kiến; như căn bại giả.

Loạn tưởng cố bất kiến; như tâm bất chuyên nhất.

Tế cố bất kiến; như tiểu vi trần.

障故不見。如雲表星。

多故不見。如稻聚中麻。

相似故不見。如豆在豆聚。

尼拘陀樹不同如是八種因緣。如其有者何故不見。若言細障故不見者。是義不然。何以故。樹相麤故。若言性細。云何增長。若言障故不可見者常應不見。本無麤相今則見麤。當知是麤本無其性。本無見性今則可見。當知是見亦本無性。子亦如是。本無有樹今則有之當有何咎。

師子吼言。如佛所說有二種因。一者正因。二者了因。尼拘陀子以地水糞作了因故令細得麤。

佛言。善男子。若本有者何須了因。若本無性了何所了。若尼拘陀中本無麤相。以了因故乃生麤者。何故不生佉陀羅樹。二俱無故。

善男子。若細不見者麤應可見。譬如一塵則不可見。多塵和合則塵可見。如是子中麤應可見。何以故。是中已有芽莖花菓。一一菓中有無量子。一一子中有無量樹是故名麤。有是麤故故應可見。

善男子。若尼拘陀子。有尼拘陀性而生樹者。眼見是子為火所燒。如是燒性亦應本有。若本有者樹不應生。若一切法本有生滅。何故先生後滅不一時耶。以是義故。當知無性。

Chướng cố bất kiến; như vân biểu tinh.

Đa cố bất kiến; như đạo tụ trung ma.

Tương tự cố bất kiến; như đậu tại đậu tụ.

Ni-câu-đà thọ bất đồng như thị bát chủng nhân duyên. Như kỳ hữu giả, hà cố bất kiến? Nhược ngôn tế chướng, cố bất kiến giả, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Thọ tướng thô cố. Nhược ngôn tánh tế, vân hà tăng trưởng? Nhược ngôn chướng cố, bất khả kiến giả, thường ưng bất kiến! Bản vô thô tướng, kim tác kiến thô, đương tri thị thô bản vô kỳ tánh! Bản vô kiến tánh, kim tác khả kiến, đương tri thị kiến diệt bản vô tánh! Tử diệt như thị, bản vô hữu thọ, kim tác hữu chi, đương hữu hà cữu?

Sư Tử Hống ngôn: Như Phật sở thuyết, hữu nhị chủng nhân: Nhất giả chánh nhân, nhị giả liễu nhân. Ni-câu-đà-tử, dĩ địa, thủy, phấn, tác liễu nhân cố, linh tế đặc thô.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược bản hữu giả, hà tu liễu nhân? Nhược bản vô tánh, liễu hà sở liễu? Nhược ni-câu-đà trung, bản vô thô tướng, dĩ liễu nhân cố, nãi sanh thô giả hà cố bất sanh khu đà-la thọ? Nhị câu vô cố.

Thiện nam tử! Nhược tế bất kiến giả, thô ưng khả kiến. Thí như nhất trần, tác bất khả kiến; đa trần hòa hiệp, tác trần khả kiến. Như thị tử trung, thô ưng khả kiến. Hà dĩ cố? Thị trung, dĩ hữu nha, hành, hoa, quả. Nhất nhất quả trung, hữu vô lượng tử. Nhất nhất tử trung, hữu vô lượng thọ. Thị cố danh thô. Hữu thị thô cố, cố ưng khả kiến.

Thiện nam tử! Nhược ni-câu-đà-tử, hữu ni-câu-đà tánh, nhị sanh thọ giả, nhãn kiến thị tử vi hỏa sở thiêu, như thị thiêu tánh diệt ưng bản hữu! Nhược bản hữu giả, thọ bất ưng sanh! Nhược nhất thiết pháp bản hữu sanh diệt, hà cố tiên sanh hậu diệt, bất nhất thời da? Dĩ thị nghĩa cố, đương tri vô tánh.

師子吼菩薩言。世尊。若尼拘陀子本無樹性而生樹者。是子何故不出於油。二俱無故。

善男子。如是子中亦能出油。雖無本性因緣故有。

師子吼言。何故不名胡麻油耶。

善男子。非胡麻故。

善男子。如火緣生火水緣生水。雖俱從緣不能相有。尼拘陀子及胡麻油亦復如是。雖俱從緣各不相生。尼拘陀子性能治冷。胡麻油者性能治風。

善男子。譬如甘蔗。因緣故生石蜜黑蜜。雖俱一緣色相各異。石蜜治熱黑蜜治冷。

師子吼菩薩言。世尊。如其乳中無有酪性。麻無油性。尼拘陀子無有樹性。泥無瓶性。一切眾生無佛性者。如佛先說一切眾生悉有佛性。是故應得阿耨多羅三藐三菩提者。是義不然。何以故。人天無性。以無性故人可作天天可作人。以業因緣不以性故。菩薩摩訶薩以業因緣故得阿耨多羅三藐三菩提。若諸眾生有佛性者。何因緣故。一闍提等斷諸善根墮於地獄。若菩提心是佛性者。一闍提等不應能斷。若可斷者云何得言佛性是常。若非常者不名佛性。若諸眾生有佛性者。何故名為初發心耶。云何而言是毘跋致阿毘跋致。毘跋致者當知是人無有佛性。

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Nhược Ni-câu-đà tử bản vô thọ tánh, nhi sanh thọ giả, thị tử hà cố bất xuất ư du? Nhị câu vô cố.

Thiện nam tử! Như thị tử trung, diệc năng xuất du. Tuy vô bản tánh, nhân duyên cố hữu.

Sư Tử Hống ngôn: Hà cố bất danh hồ ma du da?

Thiện nam tử! Phi hồ ma cố.

Thiện nam tử! Như hỏa duyên sanh hỏa, thủy duyên sanh thủy. Tuy cụ từng duyên, bất năng tương hữu. Ni-câu-đà tử cập hồ ma du, diệc phục như thị; tuy câu từng duyên, các bất tương sanh. Ni-câu-đà tử, tánh năng trị lãnh; hồ ma du giả, tánh năng trị phong.

Thiện nam tử! Thí như cam giá, nhân duyên cố sanh thạch mật, hắc mật. Tuy câu nhất duyên, sắc tướng các dị, thạch mật trị nhiệt, hắc mật trị lãnh.

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Như kỳ nhũ trung, vô hữu lạc tánh, ma vô du tánh, ni-câu-đà tử vô hữu thọ tánh, nê vô bình tánh, nhất thiết chúng sanh vô Phật tánh giả! Như Phật tiên thuyết: Nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh, thị cố ưng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Nhân, thiên vô tánh. Dĩ vô tánh cố, nhân khả tác thiên, thiên khả tác nhân. Dĩ nghiệp nhân duyên, bất dĩ tánh cố. Bồ Tát ma-ha-tát, dĩ nghiệp nhân duyên cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nhược chư chúng sanh hữu Phật tánh giả, hà nhân duyên cố nhất-xiển-đề đẳng, đoạn chư thiện căn, đọa ư địa ngục? Nhược Bồ-đề tâm thị Phật tánh giả, nhất-xiển-đề đẳng bất ưng năng đoạn. Nhược khả đoạn giả, vân hà đắc ngôn Phật tánh thị thường? Nhược phi thường giả, bất danh Phật tánh! Nhược chư chúng sanh hữu Phật tánh giả, hà cố danh vi sơ phát tâm da? Vân hà nhi ngôn thị Tỳ-bạt-trí, A-tỳ-bạt trí? Tỳ-bạt trí giả, đương tri thị nhân vô hữu Phật tánh.

世尊。菩薩摩訶薩一心趣向阿耨多羅三藐三菩提。大慈大悲見生老死煩惱過患。觀大涅槃無生老死煩惱諸過。信於三寶及業果報受持禁戒。如是等法名為佛性。若離是法有佛性者。何須是法而作因緣。

世尊。如乳不假緣必當成酪。生酥不爾要待因緣。所謂人功水瓶攢繩。眾生亦爾。有佛性者。應離因緣得阿耨多羅三藐三菩提。若定有者行人何故見三惡苦生老病死而生退心。亦不須修六波羅蜜。即應得成阿耨多羅三藐三菩提。如乳非緣而得成酪。然非不因六波羅蜜而得成於阿耨多羅三藐三菩提。以是義故。當知眾生悉無佛性。

如佛先說僧寶是常。如其常者則非無常。非無常者云何而得阿耨多羅三藐三菩提。僧若常者云何復言一切眾生悉有佛性。

世尊。若使眾生從本已來無菩提心。亦無阿耨多羅三藐三菩提心。後方有者眾生佛性亦應如是本無後有。以是義故。一切眾生應無佛性。

佛言。善哉善哉。善男子。汝已久知佛性之義。為眾生故作如是問。一切眾生實有佛性。

汝言眾生若有佛性。不應而有初發心者。

善男子。心非佛性。何以故。心是無常佛性常故。

Thế Tôn! Bồ Tát ma-ha-tát, nhất tâm thú hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; đại từ đại bi; kiến sanh, lão, tử, phiền não quá hoạn; quán Đại Niết-bàn vô sanh, lão, tử, phiền não chử quá; tín ư Tam bảo cập nghiệp quả báo; thọ trì cấm giới. Như thị đẳng pháp, danh vi Phật tánh. Nhược ly thị pháp, hữu Phật tánh giả, hà tu thị pháp nhi tác nhân duyên?

Thế Tôn! Như nhũ bất giả duyên, tất đương thành lạc; sanh tô bất nhĩ. Yếu đãi nhân duyên, sở vị: nhân công, thủy bình, toàn thăng. Chúng sanh diệt nhĩ; hữu Phật tánh giả, ưng ly nhân duyên, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề! Nhược định hữu giả, hành nhân hà cố kiến Tam ác khổ, sanh, lão, bệnh, tử nhi sanh thối tâm? Diệt bất tu tu Lục Ba-la-mật, tức ưng đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Như nhũ phi duyên nhi đắc thành lạc, nhiên phi bất nhân Lục Ba-la-mật nhi đắc thành ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Dĩ thị nghĩa cố, đương tri chúng sanh tất vô Phật tánh.

Như Phật tiên thuyết Tăng bảo thị thường. Như kỳ thường giả tác phi vô thường. Phi vô thường giả, vân hà nhi đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề? Tăng nhược thường giả, vân hà phục ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh?

Thế Tôn! Nhược sử chúng sanh, tòng bốn dĩ lai, vô Bồ-đề tâm, diệt vô A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, hậu phương hữu giả. Chúng sanh Phật tánh diệt ưng như thị; bốn vô hậu hữu. Dĩ thị nghĩa cố, nhất thiết chúng sanh ưng vô Phật tánh!

Phật ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhũ dĩ cửu tri Phật tánh chi nghĩa; vị chúng sanh cố, tác như thị vấn. Nhất thiết chúng sanh thật hữu Phật tánh.

Nhũ ngôn: Chúng sanh nhược hữu Phật tánh, bất ưng nhi hữu sơ phát tâm giả.

Thiện nam tử! Tâm phi Phật tánh. Hà dĩ cố? Tâm thị vô thường; Phật tánh thường cố.

汝言何故有退心者。

實無退心。心若有退終不能得阿耨多羅三藐三菩提。以遲得故名之為退。此菩提心實非佛性。何以故。一闍提等斷於善根墮地獄故。若菩提心是佛性者。一闍提輩則不得名一闍提也。菩提之心亦不得名為無常也。是故定知菩提之心實非佛性。

善男子。汝言眾生若有佛性不應假緣如乳成酪者。是義不然。何以故。若言五緣成於生酥。當知佛性亦復如是。譬如眾石有金有銀有銅有鐵。俱稟四大一名一實。而其所出各各不同。要假眾緣眾生福德爐冶人功然後出生。是故當知本無金性。眾生佛性不名為佛。以諸功德因緣和合得見佛性。然後成佛。

汝言眾生悉有佛性何故不見者。

是義不然。何以故。以諸因緣未和合故。

善男子。以是義故。我說二因正因緣因。正因者名為佛性。緣因者發菩提心。以二因緣得阿耨多羅三藐三菩提。如石出金。

善男子。汝言僧常一切眾生無佛性者。

善男子。僧名和合。和合有二。一者世和合。二者第一義和合。世和合者名聲聞僧。義和合者名菩薩僧。世僧無常佛性是常。如佛性常義僧亦爾。

Nhữ ngôn: Hà cố hữu thối tâm giả?

Thật vô thối tâm. Tâm nhược hữu thối, chung bất năng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Dĩ trì đắc cố, danh chi vi thối. Thủ Bồ-đề tâm thật phi Phật tánh. Hà dĩ cố? Nhất-xiển-đề đẳng, đoạn ư thiện căn, đọa địa ngục cố. Nhược Bồ-đề tâm thị Phật tánh giả, nhất-xiển-đề bối tác bất đắc danh nhất-xiển-đề dã. Bồ-đề chi tâm diệc bất đắc danh vi vô thường dã. Thị cố định tri Bồ-đề chi tâm thật phi Phật tánh.

Thiện nam tử! Nhữ ngôn: Chúng sanh nhược hữu Phật tánh, bất ưng giả duyên, như nữ thành lạc giả. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Nhược ngôn ngũ duyên, thành ư sanh tô, đương tri Phật tánh diệc phục như thị. Thí như chúng thạch, hữu kim, hữu ngân, hữu đồng, hữu thiết; câu bảm tứ đại, nhất danh, nhất thật. Nhi kỳ sở xuất, các các bất đồng. Yếu giả chúng duyên: chúng sanh phước đức, lô dã, nhân công; nhiên hậu xuất sanh. Thị cố đương tri bản vô kim tánh. Chúng sanh Phật tánh, bất danh vi Phật. Dĩ chư công đức, nhân duyên hòa hiệp, đắc kiến Phật tánh; nhiên hậu thành Phật.

Nhữ ngôn: Chúng sanh tất hữu Phật tánh, hà cố bất kiến giả?

Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Dĩ chư nhân duyên vị hòa hiệp cố.

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, ngã thuyết nhị nhân: chánh nhân, duyên nhân. Chánh nhân giả, danh vi Phật tánh. Duyên nhân giả, phát Bồ-đề tâm. Dĩ nhị nhân duyên, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, như thạch xuất kim.

Thiện nam tử! Nhữ ngôn: Tăng thường, nhất thiết chúng sanh vô Phật tánh giả.

Thiện nam tử! Tăng, danh hòa hiệp. Hòa hiệp hữu nhị: nhất giả thế hòa hiệp, nhị giả đệ nhất nghĩa hòa hiệp. Thế hòa hiệp giả, danh Thanh văn tăng. Nghĩa hòa hiệp giả, danh Bồ Tát tăng. Thế tăng vô thường, Phật tánh thị thường. Như Phật tánh thường, nghĩa tăng diệc nhĩ.



復次有僧謂法和合。法和合者謂十二部經。十二部經常。是故我說法僧是常。

善男子。僧名和合。和合者名十二因緣。十二因緣中亦有佛性。十二因緣常佛性亦爾。是故我說法僧有佛性。

又復僧者謂諸佛和合。是故我說法僧有佛性。

善男子。汝言眾生若有佛性。云何有退有不退者。諦聽諦聽我當為汝分別解說。

善男子。菩薩摩訶薩有十三法則便退轉。何等十三。一者，心不信。二者，不作心。三者，疑心。四者，吝惜身財。五者，於涅槃中生大怖畏，云何乃令眾生永滅。六者，心不堪忍。七者，心不調柔。八者，愁惱。九者，不樂。十者，放逸。十一者，自輕己身。十二者，自見煩惱無能壞者。十三者，不樂進趣菩提之法。

善男子。是名十三法。令諸菩薩退轉菩提。

復有六法壞菩提心。何等為六。一者吝法。二者於諸眾生起不善心。三者親近惡友。四者不勤精進。五者自大驕慢。六者營務世業。如是六法則能破壞菩提之心。

Phục thứ, hữu tăng, vị pháp hòa hiệp. Pháp hòa hiệp giả, vị Thập nhị bộ Kinh. Thập nhị bộ Kinh thường; thị cố ngã thuyết pháp, tăng thị thường.

Thiện nam tử! Tăng danh hòa hiệp. Hòa hiệp giả, danh Thập nhị nhân duyên. Thập nhị nhân duyên trung, diệc hữu Phật tánh. Thập nhị nhân duyên thường, Phật tánh diệc nhĩ. Thị cố ngã thuyết tăng hữu Phật tánh.

Hựu phục tăng giả, vị chư Phật hòa hiệp. Thị cố ngã thuyết tăng hữu Phật tánh.

Thiện nam tử! Nhữ ngôn: Chúng sanh nhược hữu Phật tánh, vân hà hữu thối, hữu bất thối giả?

Đế thính! Đế thính! Ngã đương vị nhữ phân biệt giải thuyết.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát hữu thập tam pháp, tác tiện thối chuyển. Hà đẳng thập tam? Nhất giả, tâm bất tín. Nhị giả, bất tác tâm. Tam giả, nghi tâm. Tứ giả, lận tích thân tài. Ngũ giả, ư Niết-bàn trung, sanh đại bố úy: Vân hà nãi linh chúng sanh vĩnh diệt? Lục giả, tâm bất kham nhẫn. Thất giả, tâm bất điều nhu. Bát giả, sâu não. Cửu giả, bất lạc. Thập giả, phóng dật. Thập nhất giả, tự khinh kỷ thân. Thập nhị giả, tự kiến phiền não vô năng hoại giả. Thập tam giả, bất nhạo tán thú Bồ-đề chi pháp.

Thiện nam tử! Thị danh Thập tam pháp linh chư Bồ Tát thối chuyển Bồ-đề.

Phục hữu lục pháp hoại Bồ-đề tâm. Hà đẳng vi lục? Nhất giả lận pháp. Nhị giả ư chúng sanh, khởi bất thiện tâm. Tam giả thân cận ác hữu. Tứ giả bất cần tinh tấn. Ngũ giả tự đại kiêu mạn. Lục giả dinh vụ thế nghiệp. Như thị lục pháp tác năng phá hoại Bồ-đề chi tâm.

善男子。有人得聞諸佛世尊是人天師。於眾生中最上無比勝於聲聞辟支佛等。法眼明了見法無礙。能度眾生於大苦海。聞已即復發大誓願。如其世間有如是人。我亦當得以是因緣發阿耨多羅三藐三菩提心。或復為他之所教誨發菩提心。或聞菩薩阿僧祇劫修行苦行。然後乃得阿耨多羅三藐三菩提。聞已思惟。我今不堪如是苦行。云何能得是故有退。

善男子。復有五法退菩提心。何等為五。一者樂在外道出家。二者不修大慈之心。三者好求法師過罪。四者常樂處在生死。五者不喜受持讀誦書寫解說十二部經。是名五法退菩提心。

復有二法退菩提心。何等為二。一者貪樂五欲。二者不能恭敬尊重三寶。以如是等眾因緣故退菩提心。

云何復名不退之心。有人聞佛能度眾生生老病死。不從師諮自然修習得阿耨多羅三藐三菩提。若菩提道是可得者。我當修習必令得之。以是因緣發菩提心。所作功德若多若少悉以迴向阿耨多羅三藐三菩提。作是誓願。願我常得親近諸佛及佛弟子。常聞深法五情完具。若遇苦難不失是心。

復願諸佛及諸弟子。常於我所生歡喜心。具五善根。若諸眾生斫伐我身斬截手足頭目支節。當於是人

Thiện nam tử! Hữu nhân đắc văn: Chư Phật Thế Tôn thị nhân thiên sư; ư chúng sanh trung, tối thượng vô tỷ, thắng ư Thanh văn, Bích-chi Phật đẳng. Pháp nhãn minh liễu, kiến pháp vô ngại. Năng độ chúng sanh ư Đại Khổ hải. Văn dĩ tức phục phát đại thệ nguyện: Như kỳ thế gian, hữu như thị nhân, ngã diệc đương đắc. Dĩ thị nhân duyên, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề Tâm. Hoặc phục vị tha chi sở giáo hối, phát Bồ-đề tâm. Hoặc văn: Bồ Tát A-tăng-kỳ kiếp, tu hành khổ hạnh, nhiên hậu nãi đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Văn dĩ, tư duy: Ngã kim bất kham như thị khổ hạnh, vân hà năng đắc? Thị cố hữu thối.

Thiện nam tử! Phục hữu ngũ pháp, thối Bồ-đề tâm. Hà đẳng vi ngũ? Nhất giả nhạo tại ngoại đạo xuất gia. Nhị giả bất tu đại từ chi tâm. Tam giả háo cầu pháp sư quá tội. Tứ giả thường nhạo xử tại sanh tử. Ngũ giả bất hỷ thọ trì, độc tụng, thơ tả, giải thuyết Thập nhị bộ kinh. Thị danh Ngũ pháp thối bồ-đề tâm.

Phục hữu nhị pháp, Thối Bồ-đề Tâm. Hà đẳng vi Nhị? Nhất giả tham nhạo ngũ dục. Nhị giả bất năng cung kính tôn trọng Tam bảo. Dĩ như thị đẳng chúng nhân duyên cố, Thối Bồ-đề Tâm.

Vân hà phục danh bất thối chi tâm? Hữu nhân văn: Phật năng độ chúng sanh sanh, lão, bệnh, tử. Bất tùng sư tư, tự nhiên tu tập, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nhược Bồ-đề đạo thị khả đắc giả, ngã đương tu tập, tất linh đắc chi. Dĩ thị nhân duyên, phát Bồ-đề tâm. Sở tác công đức, nhược đa, nhược thiểu, tất dĩ hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Tác thị thệ nguyện: Nguyện ngã thường đắc thân cận chư Phật cập Phật đệ tử; thường văn thâm pháp; ngũ tình hoàn cụ; nhược ngộ khổ nạn bất thất thị tâm.

Phục nguyện: Chư Phật cập chư Đệ tử thường ư ngã sở, sanh hoan hỷ tâm. Cụ ngũ thiện căn. Nhược chư chúng sanh chúc phạt ngã thân, trảm tiệt thủ túc đầu mục chi tiết, đương

生大慈心深自欣慶。如是諸人為我增長菩提因緣。若無是者我當何緣而得成就阿耨多羅三藐三菩提。

復發是願。莫令我得無根二根女人之身。不繫屬人不遭惡主不屬惡王不生惡國。若得好身種姓真正多饒財寶不生憍慢。令我常聞十二部經受持讀誦書寫解說。若為眾生有所演說。願令受者敬信無疑常於我所不生惡心。

寧當少聞多解義味。不願多聞於義不了。願作心師不師於心。身口意業不與惡交。能施一切眾生安樂。身戒心慧不動如山。為欲受持無上正法。於身命財不生慳吝。不淨之物不為福業。正命自活心無邪諂。受恩常念小恩大報。

善知世中所有事藝。善解眾生方俗之言。讀誦書寫十二部經不生懈怠懶墮之心。若諸眾生不樂聽聞。方便引接令彼樂聞。言常柔軟口不宣惡。不和合眾能令和合。有憂怖者令離憂怖。飢饉之世令得豐足。疾病之世作大醫王病藥所須財寶自在。令疾病者悉得除愈。刀兵之劫有大力勢斷其殘害令無遺餘。能斷眾生種種怖畏。所謂若死閉繫打擲水火王賊貧窮破戒惡名惡道。如是等畏悉當斷之。父母師長深生恭敬。怨憎之中生大慈心。常修六念空三昧門十二因緣生滅等觀。出息入息天行梵行及以聖行。金剛三昧首楞嚴定。無三寶處令我自得寂靜之心。

ư thị nhân, sanh đại từ tâm, thâm tự hân khánh. Như thị chư nhân vị ngã tăng trưởng bồ-đề nhân duyên. Nhược vô thị giả, ngã đương hà duyên nhi đắc thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề?

Phục phát thị nguyện: Mạc linh ngã đắc vô căn, nhị căn, nữ nhân chi thân! Bất hệ thuộc nhân, bất tao ác chủ, bất thuộc ác vương, bất sanh ác quốc! Nhược đắc hảo thân, chủng tánh chơn chánh, đa nhiều tài bảo, bất sanh kiêu mạn. Linh ngã thường văn Thập nhị bộ kinh, thọ trì, đọc tụng, thơ tả, giải thuyết! Nhược vị chúng sanh hữu sở diễn thuyết, nguyện linh thọ giả kính tín vô nghi; thường ư ngã sở, bất sanh ác tâm!

Ninh đương thiếu văn, đa giải nghĩa vị; bất nguyện đa văn, ư nghĩa bất liễu! Nguyện tác tâm sư, bất sư ư tâm! Thân khẩu ý nghiệp, bất dữ ác giao; năng thí nhất thiết chúng sanh an lạc. Thân, giới, tâm tuệ bất động như sơn. Vị dục thọ trì vô thượng Chánh pháp, ư thân, mạng, tài, bất sanh khan lận. Bất tịnh chi vật, bất vi phước nghiệp; Chánh mạng tự hoạt, tâm vô tà siểm. Thọ ân thường niệm; tiểu ân đại báo.

Thiện tri thể trung sở hữu sự nghệ; thiện giải chúng sanh phương tục chi ngôn. Độc tụng, thơ tả Thập nhị bộ kinh, bất sanh giải đãi lại nọa chi tâm. Nhược chư chúng sanh bất nhạo thính văn, phương tiện dẫn tiếp, linh bỉ nhạo văn. Ngôn thường nhu nhuyễn, khẩu bất tuyên ác; bất hòa hiệp chúng, năng linh hòa hiệp. Hữu ưu bố giả, linh ly ưu bố. Cơ căn chi thể, linh đắc phong túc. Tật bệnh chi thể, tác Đại y Vương: Bệnh dược sở tu, tài bảo tự tại, linh tật bệnh giả tất đắc trừ dữ. Dao binh chi kiếp, hữu đại lực thế, đoạn kỳ tàn hại, linh vô di dư. Năng đoạn chúng sanh chủng chủng bố úy, sở vị nhược tử, bế hệ, đả trích, thủy, hỏa, vương, tặc, bản cùng, phá giới, ác danh, ác đạo. Như thị đẳng úy, tất đương đoạn chi. Phụ mẫu, sư trưởng, thâm sanh cung kính. Oán tắng chi trung, sanh đại từ tâm. Thường tu lục niệm, Không tam-muội môn, Thập nhị nhân duyên, sanh diệt đẳng quán, xuất tức nhập tức, thiên hạnh, phạm hạnh cập dĩ thánh hạnh, kim cang tam-muội, Thủ-lăng-nghiêm định. Vô Tam bảo xứ, linh ngã tự đắc tịch tĩnh chi tâm.

若其身心受大苦時。莫失無上菩提之心。莫以聲聞辟支佛心而生知足。無三寶處常在外道法中出家。為破邪見不習其道。得法自在得心自在。於有為法了了見過。

令我怖畏二乘道果。如惜命者怖畏捨身。為眾生故樂處三惡。如諸眾生樂忉利天。為一人於無量劫受地獄苦心不生悔。見他得利不生妒心。常生歡喜如自得樂。

若值三寶當以衣服飲食臥具房舍醫藥。燈明花香伎樂幡蓋七寶供養。若受佛戒堅固護持。終不生於毀犯之想。若聞菩薩難行苦行。其心歡喜不生悔恨。自識往世宿命之事。終不造作貪瞋癡業。不為果報而集因緣。於現在樂不生貪著。

善男子。若有能發如是願者。是名菩薩終不退失菩提之心。亦名施主。能見如來明了佛性。能調眾生度脫生死。善能護持無上正法。能得具足六波羅蜜。

善男子。以是義故。不退之心不名佛性。

善男子。汝不可以有退心。故言諸眾生無有佛性。譬如二人俱聞他方有七寶山。山有清泉其味甘美。有能到者永斷貧窮服其水者增壽萬歲。唯路懸遠險阻多難。時彼二人俱欲共往。一人莊嚴種種行具。

Nhược kỳ thân tâm thọ đại khổ thời, mạc thất vô thượng bồ đề chi tâm! Mạc dĩ Thanh văn, Bích-chi Phật tâm nhi sanh tri túc. Vô Tam bảo xứ, thường tại ngoại đạo pháp trung xuất gia, vị phá tà kiến, bất tập kỳ đạo. Đắc pháp tự tại; đắc tâm tự tại. Ư hữu vi pháp, liễu liễu kiến quá.

Linh ngã bố úy nhị thừa đạo quả, như tích mạng giả bố úy xả thân! Vị chúng sanh cố, nhạo xử Tam ác như chư chúng sanh nhạo Đạo-ly thiên. Vị nhất nhất nhân, ư vô lượng kiếp, thọ địa ngục khổ, tâm bất sanh hối. Kiến tha đắc lợi, bất sanh đố tâm; thường sanh hoan hỷ, như tự đắc lạc.

Nhược trì Tam bảo, đương dĩ y phục, ẩm thực, ngọa cụ, phòng xá, y dược, đăng minh, hoa hương, kỹ nhạc, phan cái thất bảo cúng dường. Nhược thọ Phật giới, kiên cố hộ trì, chung bất sanh ư hủy phạm chi tướng. Nhược văn Bồ Tát nan hành khổ hạnh, kỳ tâm hoan hỷ, bất sanh hối hận. Tự thức vãng thế túc mạng chi sự; chung bất tạo tác tham, sân, si nghiệp. Bất vị quả báo nhi tập nhân duyên; ư hiện tại lạc, bất sanh tham trước.

Thiện nam tử! Nhược hữu năng phát như thị nguyện giả, thị danh Bồ Tát, chung bất thối thất Bồ-đề chi tâm. Diệt danh thí chủ, năng kiến Như Lai, minh liễu Phật tánh, năng điều chúng sanh, độ thoát sanh tử, thiện năng hộ trì vô thượng Chánh pháp, năng đắc cụ túc lục ba-la-mật.

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, bất thối chi tâm, bất danh Phật tánh.

Thiện nam tử! Nhữ bất khả dĩ hữu thối tâm, cố ngôn: chư chúng sanh vô hữu Phật tánh. Thí như nhị nhân, câu văn tha phương, hữu thất bảo sơn. Sơn hữu thanh tuyên, kỳ vị cam mỹ. Hữu năng đáo giả, vĩnh đoạn bần cùng. Phục kỳ thủy giả, tăng thọ vạn tuế. Duy lộ huyền viễn, hiểm trở đa nạn. Thời bỉ nhị nhân câu dục cộng vãng. Nhất nhân trang nghiêm chủng chủng

一則空往無所齋持。相與前進路值一人多齋寶貨七珍具足。二人便前問言。仁者。彼土實有七寶山耶。

其人答言。實有不虛我已獲寶飲服其水。唯患路險多有盜賊。沙鹵棘刺乏於水草。往者千萬達者甚少。

聞是語已一人即悔尋作是言。路既懸遠艱難非一。往者無量達者無幾。而我云何當能到彼。我今產業粗自供足。若涉斯路或失身命。身命不全長壽安在。

一人復言。有人能過我亦能過。若得果達則得如願採取珍寶飲服甘水。如其不達以死為期。

是時二人一則悔還。一則前進到彼山所多獲珍寶。如願服水多齋所有還其所止。奉養父母供給宗親。

時悔還者見是事已心復生熱。彼去已還我何為住。即便莊嚴涉路而去。

七寶山者喻大涅槃。甘美之水喻於佛性。其二人者喻二菩薩初發心者。險惡道者喻於生死。所逢人者喻佛世尊。有盜賊者喻於四魔。沙鹵棘刺喻諸煩惱。無水草者喻不修習菩提之道。一人還者喻退轉菩薩。其直往者喻不退菩薩。

hành cụ; nhất tắc không vãng, vô sở tê trì. Tương dữ tiên tẩn. Lộ trị nhất nhân đa trân bảo hóa, thất bảo cụ túc. Nhị nhân tiện tiên vấn ngôn: Nhân giả! Bỉ độ thật hữu thất bảo sơn da?

Kỳ nhân đáp ngôn: Thật hữu bát hư. Ngã dĩ hoạch bảo, ẩm phục kỳ thủy. Duy hoạn lộ hiểm, đa hữu đạo tặc, sa, lỗ, súc thích; phạp ư thủy thảo. Vãng giả thiên vạn, đạt giả thậm thiếu!

Văn thị ngữ dĩ, nhất nhân tức hối, tâm tác thị ngôn: Lộ ký huyền viễn, gian nan phi nhất. Vãng giả vô lượng, đạt giả vô kỷ! Nhi ngã vân hà đương năng đáo bỉ? Ngã kim sản nghiệp, thô tự cung túc. Nhược thiệp tứ lộ, hoặc thất thân mạng! Thân mạng bất toàn, trường thọ an tại?

Nhất nhân phục ngôn: Hữu nhân năng quá, ngã diệc năng quá. Nhược đắc quả đạt, tắc đắc như nguyện: thái thủ trân bảo, ẩm phục cam thủy. Như kỳ bất đạt, dĩ tử vi kỳ!

Thị thời nhị nhân, nhất tắc hối hoàn, nhất tắc tiên tẩn. Đáo bỉ sơn sở, đa hoạch trân bảo, như nguyện phục thủy. Đa tê sở hữu, hoàn kỳ sở chỉ, phụng dưỡng phụ mẫu, cung cấp tông thân.

Thời, hối hoàn giả kiến thị sự dĩ, tâm phục sanh nhiệt: Bỉ khứ dĩ hoàn. Ngã hà vi trụ? Túc tiện trang nghiêm, thiệp lộ nhi khứ.

Thất bảo sơn giả, dụ Đại Niết-bàn. Cam mỹ chi thủy, dụ ư Phật tánh. Kỳ nhị nhân giả, dụ nhị Bồ Tát sơ phát tâm giả. Hiểm ác đạo giả, dụ ư sanh tử. Sở phùng nhân giả, dụ Phật Thế Tôn. Hữu đạo tặc giả, dụ ư tứ ma. Sa, lỗ, súc thích, dụ chư phiền não. Vô thủy thảo giả, dụ bất tu tập Bồ-đề chi đạo. Nhất nhân hoàn giả, dụ thối chuyển Bồ Tát. Kỳ trực vãng giả, dụ bất thối Bồ Tát.

善男子。眾生佛性常住不變。猶彼險道，不可說言人悔還故令道無常。佛性亦爾。

善男子。菩提道中終無退者。善男子。如向悔者。見其先伴獲寶而還。勢力自在供養父母給足宗親多受安樂。見是事已心中生熱。即復莊嚴復道還去。不惜身命堪忍眾難。遂便到彼七寶山中。退轉菩薩亦復如是。

善男子。一切眾生定當得成阿耨多羅三藐三菩提。以是義故。我經中說。一切眾生乃至五逆犯四重禁及一闡提悉有佛性。

師子吼言。世尊。云何菩薩有退不退。

善男子。若有菩薩修習如來三十二相業因緣者得名不退。得名菩薩摩訶薩也。名不動轉。名為憐愍一切眾生。名勝一切聲聞緣覺。名阿毘跋致。

善男子。若菩薩摩訶薩持戒不動施心不移安住實語如須彌山。以是業緣得足下平如奩底相。

若菩薩摩訶薩於父母所和尚師長乃至畜生。以如法財供養供給。以是業緣得成足下千輻輪相。

若菩薩摩訶薩不殺不盜。於父母師長常生歡喜。以是業緣得成三相。一者手指纖長。二者足跟長。三者其身方直。如是三相同一業緣。

Thiện nam tử! Chúng sanh Phật tánh thường trụ bất biến. Do bị hiểm đạo, bất khả thuyết ngôn nhân hồi hoàn cố, linh đạo vô thường. Phật tánh diệt nhi.

Thiện nam tử! Bồ-đề đạo trung, chung vô thối giả. Thiện nam tử! Như hướng hồi giả kiến kỳ tiên bạn hoạch bảo nhi hoàn, thế lực tự tại, cúng dường phụ mẫu, cấp túc tông thân, đa thọ an lạc. Kiến thị sự dĩ, tâm trung sanh nhiệt. Túc phục trang nghiêm, phục đạo hoàn khứ, bất tích thân mạng, kham nhẫn chúng nạn, toại tiện đạo bị thất bảo sơn trung. Thối chuyển Bồ Tát diệt phục như thị.

Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh, định đương đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Dĩ thị nghĩa cố, ngã kinh trung thuyết: Nhất thiết chúng sanh, nãi chí ngũ nghịch, phạm tứ trọng cấm, cập nhất-xiển-đề, tất hữu Phật tánh.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Vân hà Bồ Tát hữu thối, bất thối?

Thiện nam tử! Nhược hữu Bồ Tát tu tập Như Lai Tam thập nhị tướng nghiệp nhân duyên giả, đắc danh bất thối, đắc danh Bồ Tát ma-ha-tát dã, danh bất động chuyển, danh vi lân mẫn nhất thiết chúng sanh, danh thắng nhất thiết Thanh văn Duyên giác, danh A-tỳ-bạt trí.

Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát ma-ha-tát trì giới bất động, thí tâm bất di, an trụ thật ngữ, như Tu-di sơn; dĩ thị nghiệp duyên, đắc túc hạ bình, như liêm để tướng.

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát, ư phụ mẫu sở, hòa thượng, sư trưởng, nãi chí súc sanh, dĩ như pháp tài, cúng dường cung cấp; dĩ thị nghiệp duyên, đắc thành túc hạ thiên phúc luân tướng.

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát bất sát, bất đạo, ư phụ mẫu, sư trưởng, thường sanh hoan hỷ; dĩ thị nghiệp duyên, đắc thành tam tướng: nhất giả thủ chỉ tiêm, trường, nhị giả túc cân trường, tam giả kỳ thân phương trực. Như thị tam tướng đồng nhất nghiệp duyên.

若菩薩摩訶薩修四攝法攝取眾生。以是業緣得網縵指如白鵝王。

若菩薩摩訶薩父母師長若病苦時。自手洗拭捉持案摩。以是業緣得手足軟。

若菩薩摩訶薩持戒聞法惠施無厭。以是業緣得節踝臄滿身毛上靡。

若菩薩摩訶薩專心聽法演說正教。以是業緣得鹿王膺。

若菩薩摩訶薩於諸眾生不生害心。飲食知足常樂惠施瞻病給藥。以是業緣其身圓滿如尼拘陀樹。立手過膝頂有肉髻無見頂相。

若菩薩摩訶薩見怖畏者為作救護。見裸跣者施與衣服。以是業緣得陰藏相。

若菩薩摩訶薩親近智者遠離愚人。善喜問答掃治行路。以是業緣皮膚細軟身毛右旋。

若菩薩摩訶薩常以衣服飲食臥具醫藥香花燈明施人。以是業緣得身金色常光明曜。

若菩薩摩訶薩行施之時。所珍之物能捨不悞不觀福田及非福田。以是業緣得七處滿相。

若菩薩摩訶薩布施之時心不生疑。以是業緣得柔軟聲。

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát, tu Tứ nhiếp pháp, nhiếp thủ chúng sanh; dĩ thị nghiệp duyên, đắc vông mạn chỉ, như bạch nga vương.

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát, phụ mẫu, sư trưởng nhược bệnh khổ thời tự thủ tẩy thức, tróc trì, án ma; dĩ thị nghiệp duyên, đắc thủ túc nhuyễn.

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát trì giới, văn pháp, huệ thí vô yếm; dĩ thị nghiệp duyên, đắc tiết lửa dung mãn, thân mao thượng mĩ.

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát chuyên tâm thính pháp, diễn thuyết chánh giáo; dĩ thị nghiệp duyên, đắc lộc vương sũy.

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát ư chư chúng sanh, bất sanh hại tâm, ẩm thực tri túc, thường nhạo huệ thí, chiêm bệnh cấp dược; dĩ thị nghiệp duyên, kỳ thân viên mãn, như ni-câu-đà thọ; lập thủ quá tất; đỉnh hữu nhục kế, vô kiến đỉnh tướng.

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát kiến bố úy giả, vị tác cứu hộ; kiến lửa tiển giả, thí dĩ y phục; dĩ thị nghiệp duyên, đắc âm tàng tướng.

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát thân cận trí giả, viễn ly ngu nhân, thiện hỷ vấn đáp, tảo trị hành lộ; dĩ thị nghiệp duyên, bì phu tế nhuyễn, thân mao hữu triển.

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát thường dĩ y phục, ẩm thực, ngọc cụ, y dược, hương, hoa, đặng minh thí nhân; dĩ thị nghiệp duyên, đắc thân kim sắc, thường quang minh diệu.

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát, hành thí chi thời, sở trân chi vật, năng xả bất lận, bất quan phước điền cập phi phước điền; dĩ thị nghiệp duyên, đắc thất xứ mãn tướng.

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát, bố thí chi thời, tâm bất sanh nghi; dĩ thị nghiệp duyên, đắc nhu nhuyễn thanh.

若菩薩摩訶薩如法求財以用布施。以是業緣得缺骨充滿師子上身臂肘臄纖。

若菩薩摩訶薩遠離兩舌惡口恚心。以是業緣得四十齒白淨齊密。

若菩薩摩訶薩於諸眾生修大慈悲。以是業緣得二牙相。

若菩薩摩訶薩常作是願。有來求者隨意給與以是業緣得師子頰。

若菩薩摩訶薩隨諸眾生所須飲食悉皆與之。以是業緣得味中上味。

若菩薩摩訶薩自修十善兼以化人。以是業緣得廣長舌。

若菩薩摩訶薩不說彼短不謗正法。以是業緣得梵音聲。

若菩薩摩訶薩見諸怨憎生於喜心。以是業緣得目睫紺色。

若菩薩摩訶薩不隱他德稱揚其善。以是業緣得白毫相。

善男子。若菩薩摩訶薩修習如是三十二相業因緣時。則得不退菩提之心。

善男子。一切眾生不可思議。諸佛境界業果佛

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát, như pháp cầu tài, dĩ dụng bố thí; dĩ thị nghiệp duyên, đắc khuyết-cốt sung mãn, sư tử thượng thân, tứ châu dung tiêm.

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát viễn ly lưỡng thiệt, ác khẩu, nhuế tâm; dĩ thị nghiệp duyên, đắc tứ thập xỉ, bạch tịnh tề mật.

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát, ư chư chúng sanh, tu Đại từ bi; dĩ thị nghiệp duyên, đắc nhị nha tướng.

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát thường tác thị nguyện: hữu lai cầu giả, tùy ý cấp dữ; dĩ thị nghiệp duyên, đắc sư tử giáp.

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát tùy chư chúng sanh, sở tu ẩm thực, tất giai dĩ chi; dĩ thị nghiệp duyên, đắc vị trung thượng vị.

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát tự tu thập thiện, kiêm dĩ hóa nhân; dĩ thị nghiệp duyên, đắc quảng trường thiệt.

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát bất thuyết bỉ đoản, bất báng Chánh Pháp; dĩ thị nghiệp duyên, đắc Phạm âm thanh.

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát kiến chư oán tắng, sanh ư hỷ tâm; dĩ thị nghiệp duyên, đắc mục tiệp hám sắc.

Nhược Bồ Tát ma-ha-tát bất ẩn tha đức, xưng dương kỳ thiện; dĩ thị nghiệp duyên, đắc bạch hào tướng.

Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát ma-ha-tát tu tập tam thập nhị tướng nghiệp nhân duyên thời, đắc bất thối Bồ-đề chi tâm.

Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh bất khả tư nghị. Chư Phật cảnh giới, nghiệp quả, Phật tánh diệc bất khả tư nghị.



性亦不可思議。何以故。如是四法皆悉是常。以是常故不可思議。一切眾生煩惱覆障故名為常。斷常煩惱故故名無常。若言一切眾生常者。何故修習八聖道分。為斷眾苦。眾苦若斷則名無常。所受之樂則名為常。是故我言。一切眾生煩惱覆障不見佛性。以不見故不得涅槃。

大般涅槃經卷第二十八  
終

Hà dĩ cố? Như thị tứ pháp giai tất thị thường. Dĩ thị thường cố, bất khả tư nghị.

Nhất thiết chúng sanh phiền não phú chướng, cố danh vi thường. Đoạn thường phiền não cố, cố danh vô thường. Nhược ngôn nhất thiết chúng sanh thường giả, hà cố tu tập Bát Thánh đạo phân? Vị đoạn chúng khổ. Chúng khổ nhược đoạn, tắc danh vô thường. Sở thọ chi lạc, tắc danh vi thường. Thị cố ngã ngôn nhất thiết chúng sanh, phiền não phú chướng, bất kiến Phật tánh. Dĩ bất kiến cố, bất đắc Niết-bàn.

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập bát  
Chung

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN HAI MƯƠI TÁM

### PHẨM BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG Phẩm thứ mười một - Phần hai

Lúc ấy, Đại Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Như trước đây Phật có nói thí dụ về trái *am-la* [rất khó phân biệt trái sống và trái chín] để ví với bốn hạng người. Hạng thứ nhất [giữ giới] hạnh tinh tế mà trong tâm không chân chánh, ngay thật; hạng thứ hai trong tâm tinh tế mà giới hạnh không chân chánh, ngay thật; hạng thứ ba trong tâm tinh tế, giới hạnh cũng chân chánh, ngay thật; hạng thứ tư trong tâm không tinh tế, giới hạnh cũng không chân chánh, ngay thật.

“[Bạch Thế Tôn!] Đối với hạng người thứ nhất và thứ hai đó làm sao có thể rõ biết [phân biệt] được?

“Theo lời Phật dạy đó, nếu chỉ y theo hai nhân duyên nói trên thì thật không thể biết được [tướng trạng của tâm Như Lai]!”<sup>(1)</sup>

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Ví như trái *am-la*,<sup>(2)</sup> hai hạng người ấy thật khó rõ biết [phân biệt] được! Vì khó rõ biết [phân biệt] nên trong kinh ta có dạy là phải sống chung với họ. Nếu sống chung mà vẫn không biết, nên ở lâu ngày với họ. Nếu ở lâu ngày với họ mà vẫn không biết, nên dùng trí tuệ. Nếu dùng trí tuệ mà vẫn không biết, nên quán sát thật sâu xa. Nhờ sự quán sát sẽ rõ biết phân biệt được giữa người trì giới với người phá giới.

“Thiện nam tử! Chỉ khi nào thực hiện đủ bốn việc: sống chung, ở lâu, dùng trí tuệ, dùng sự quán sát, thì sau đó mới phân biệt được người trì giới, người phá giới.

“Thiện nam tử! Giới có hai loại, nên người trì giới cũng có hai hạng. Một là giới cứu cánh, hai là giới không cứu cánh. Có người vì nhân duyên [nào đó] nên thọ trì giới cấm, người có trí nên quán sát xem người ấy trì giới là vì lợi dưỡng hay vì cứu cánh.

“Thiện nam tử! Giới của Như Lai không có nhân duyên, nên gọi là giới cứu cánh. Vì nghĩa này nên Bồ Tát tuy bị các chúng sanh xấu ác làm tổn hại vẫn không sanh tâm giận dữ, ngu si. Vì thế Như Lai được tôn xưng là thành tựu rất ráo việc trì giới, là bậc trì giới cứu cánh.

“Thiện nam tử! Ngày trước, có một lúc ta cùng với Xá-lợi-phất và năm trăm người đệ tử cùng ở tại thành Chiêm-bà, nước Ma-già-đà. Bấy giờ có người thợ săn đuổi theo một con chim bồ câu. Chim ấy hoảng sợ bay đến núp dưới cái bóng của Xá-lợi-phất nhưng vẫn còn run rẩy như cây chuối [bị gió lay]. Khi nó đến núp vào dưới bóng Như Lai thì thân tâm đều an ổn, không còn sợ hãi. Vì thế, phải biết rằng Như Lai Thế Tôn là bậc trì giới rất ráo, cho đến cái bóng của ngài cũng có được năng lực dưỡng ấy!

“Thiện nam tử! Người giữ theo những giới không cứu cánh, cho đến các quả vị Thanh văn, Duyên giác cũng không thể chứng đắc, huống chi là quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề?

“Lại nữa, có hai hạng người [trì giới], một là vì lợi dưỡng, hai là vì Chánh pháp. Nếu người vì lợi dưỡng mà thọ trì giới cấm, nên biết rằng người ấy không thấy được

tánh Phật và Như Lai, tuy có nghe nói về tánh Phật và danh hiệu của Như Lai nhưng không gọi là nghe thấy. Nếu người trì giới vì Chánh pháp, nên biết rằng người ấy có thể thấy được tánh Phật và Như Lai. Đó gọi là dùng mắt thấy, cũng gọi là nghe biết mà thấy.

“Lại có hai hạng người [trì giới], một hạng có gốc rễ sâu vững khó chuyển, một hạng là gốc cạn dễ lay động. Như người có thể tu tập các pháp tam-muội Không, Vô tướng, Vô nguyện, đó gọi là gốc sâu khó chuyển. Như người không tu tập ba pháp tam-muội ấy, tuy có thực hành tu tập cũng là vì [hướng đến] hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu, đó gọi là gốc cạn dễ lay động.

“Lại có hai hạng người [trì giới], một là vì tự thân, hai là vì chúng sanh. Hạng người [trì giới] vì chúng sanh thì có thể thấy được tánh Phật và Như Lai.

“Người trì giới lại có hai hạng. Một là hạng người do tâm tánh có thể tự mình [phát nguyện] trì giới, hai là hạng người cần sự dạy bảo của người khác [mới trì giới].

“Nếu người sau khi thọ giới rồi, trải qua vô số kiếp không hề có chút sơ suất. Dù sanh ra trong đất nước xấu ác, gặp bạn bè xấu ác, thời thế xấu ác, phải sống chung với bọn gian tà, hung ác, tà kiến, gặp phải lúc [thế gian] không có pháp thọ giới, nhưng vẫn tu trì như trước, không hề hủy phạm. Đó gọi là [người trì giới] do tâm tánh có thể tự mình trì giới.

“Nếu người nhờ gặp được chư Tăng làm thầy, bạch bốn Yết-ma<sup>(3)</sup> rồi mới được giới. Tuy được giới rồi, còn phải nương cậy nơi hòa thượng, các bậc sư trưởng, các vị đồng học và bạn tốt răn dạy khuyến dụ, mới có thể tu sửa dần dần các oai nghi như đi đứng, nghe pháp,

thuyết pháp... Đó gọi là [người trì giới] cần sự dạy bảo của người khác.

“Thiện nam tử! Nếu là [người trì giới] do tâm tánh có thể tự mình trì giới thì [có thể] dùng mắt thấy tánh Phật và Như Lai, cũng gọi là nghe biết mà thấy.

“Giới lại có hai loại, một là giới Thanh văn, hai là giới Bồ Tát.

“[Nếu trì giới] từ lúc mới phát tâm [cầu đạo] cho đến lúc được thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đó gọi là giới Bồ Tát.

“[Nếu trì giới] từ lúc quán tướng xương trắng cho đến khi chứng đắc quả A-la-hán, đó gọi là giới Thanh văn.

“Nếu ai thọ trì giới Thanh văn, nên biết rằng người ấy không thể thấy được tánh Phật và Như Lai. Nếu ai thọ trì giới Bồ Tát, nên biết rằng người ấy [sẽ] đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, có thể thấy được tánh Phật, Như Lai, Niết-bàn.”

Bồ Tát Sư Tử Hồng lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà thọ trì giới cấm?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đó là vì tâm không hối tiếc. Vì sao không hối tiếc? Vì được hưởng niềm vui. Vì sao được hưởng niềm vui? Vì tu tập hạnh xa lìa. Vì sao phải xa lìa? Vì để được an ổn. Vì sao được an ổn? Vì tu thiên định. Vì sao tu thiên định? Vì có tri kiến chân thật. Vì sao là tri kiến chân thật? Vì thấy được những sự tai hại của sanh tử. Vì sao thấy được những tai hại của sanh tử? Vì tâm không tham lam vướng mắc. Vì sao tâm không tham lam vướng mắc? Vì được giải thoát. Vì sao được giải thoát? Vì đạt được Vô thượng Đại Niết-

bàn. Vì sao đạt được Vô thường Đại Niết-bàn? Vì được các pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Vì sao được thường, lạc, ngã, tịnh? Vì đạt được [cảnh giới] không sanh không diệt. Vì sao được không sanh không diệt? Vì thấy được tánh Phật.

“Cho nên, Bồ Tát do nơi tâm tánh tự mình có thể trì giới thanh tịnh cứu cánh.

“Thiện nam tử! Vị tỳ-kheo trì giới, tuy không phát nguyện cầu được tâm không hối tiếc, nhưng tự nhiên đạt được tâm không hối tiếc. Vì sao vậy? Vì tánh pháp vốn là như vậy.

“Tuy chẳng mong cầu được hưởng niềm vui, được lìa xa, được an ổn, được thiên định, được chân thật tri kiến, được thấy tai hại của sanh tử, được tâm không tham lam vướng mắc, được giải thoát, Niết-bàn, thường, lạc, ngã, tịnh, không sanh không diệt, được thấy tánh Phật, nhưng tự nhiên cũng đạt được đầy đủ. Vì sao vậy? Vì tánh pháp vốn là như vậy.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu do nhân trì giới mà được kết quả là tâm không hối tiếc, do nhân giải thoát mà được quả Niết-bàn, như vậy thì giới ắt là không có nhân, Niết-bàn là không có quả. Nếu giới là không có nhân tất phải gọi là thường; Niết-bàn có nhân tất phải là vô thường. Nếu là như vậy, Niết-bàn ắt trước vốn là không mà sau thành có. Nếu vốn là trước không sau có tức là vô thường, giống như việc thắp ngọn đèn lên. Nếu Niết-bàn là như vậy, sao có thể gọi là ngã, lạc, tịnh?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Lành thay, lành thay! Ông đã từng ở nơi vô số chư Phật trông các căn lành nên mới có thể thưa hỏi Như Lai về nghĩa sâu xa như vậy!

“Thiện nam tử! Có phải ông không quên ý nghĩa xưa kia nên mới hỏi ta như vậy? Ta nhớ thuở xưa, cách nay đã vô số kiếp, ở thành Ba-la-nại có Phật ra đời, hiệu là Thiện Đức. Bấy giờ, đức Phật ấy giảng thuyết kinh Đại Niết-bàn này trong suốt ba trăm ngàn năm. Khi ấy, ta và ông đều ở trong pháp hội đó. Ta có đem việc này thưa hỏi đức Phật ấy. Đức Như Lai khi ấy vì chúng sanh mà nhập Tam-muội Chánh thọ, chưa giải đáp nghĩa này. Lành thay, Đại sĩ! Ông có thể nhớ tưởng việc xưa như vậy. Hãy nghe cho kỹ, hãy nghe cho kỹ! Ta sẽ vì ông mà nói!

“Việc trì giới cũng có nhân, đó là do được nghe Chánh pháp. Việc nghe Chánh pháp cũng có nhân, đó là do gần gũi bạn lành. Gần gũi bạn lành cũng có nhân, đó là do có lòng tin. Việc khởi lòng tin cũng có nhân, lại chia làm hai loại: một là nghe Chánh pháp, hai là suy xét ý nghĩa.

“Thiện nam tử! Lòng tin ấy nhân ở việc được nghe Chánh pháp, việc nghe Chánh pháp lại nhân ở lòng tin. Như vậy, hai pháp ấy vừa là nhân, vừa là nhân của nhân; vừa là quả, vừa là quả của quả.

“Thiện nam tử! Ví như những người phái Ni-kiên làm cái giá đỡ bình; bình và giá ấy làm nhân quả cho nhau, không tách lìa nhau.<sup>(4)</sup>

“Thiện nam tử! Như vô minh là duyên của hành, hành là duyên của vô minh. Vô minh và hành vừa là nhân, vừa là nhân của nhân; vừa là quả, vừa là quả của quả... Cho đến sanh là duyên của già chết, già chết lại là duyên của sanh. Sanh và già chết vừa là nhân, vừa là nhân của nhân; vừa là quả, vừa là quả của quả.<sup>(5)</sup>

“Thiện nam tử! Sanh có thể sanh ra các pháp, nhưng không thể tự sanh. Vì không thể tự sanh nên là do sanh

mà sanh ra sanh. Việc sanh ra sanh cũng không thể tự sanh, lại phải nhờ vào cái sanh mà sanh. Cho nên hai pháp sanh và sanh ra sanh cũng vừa là nhân, vừa là nhân của nhân; vừa là quả, vừa là quả của quả.

“Thiện nam tử! Đối với việc có lòng tin và nghe Chánh pháp cũng [quan hệ với nhau] giống như vậy.

“Thiện nam tử! Là quả mà không phải nhân, đó là Đại Niết-bàn. Vì sao gọi là quả? Vì là quả cao cả, vì là quả của hàng sa-môn, vì là quả của hàng bà-la-môn, vì là dứt hẳn sanh tử, vì là phá trừ phiền não. Vì những điều ấy nên gọi là quả, vì là chỗ chống nghịch với các phiền não. Vì thế, Niết-bàn gọi là quả; phiền não thì gọi là lỗi lầm chồng chất lỗi lầm.

“Thiện nam tử! Niết-bàn không do nhân, nhưng tự thể của Niết-bàn là quả. Vì sao vậy? Vì không sanh diệt, vì không có chỗ tạo tác, vì chẳng phải hữu vi, vì là vô vi, vì là thường trụ không biến đổi, vì không có xứ sở, vì không có khởi đầu, không có kết thúc.

“Thiện nam tử! Nếu Niết-bàn là do nhân ắt không thể gọi là Niết-bàn. Nói bàn là nghĩa nhân; nói bát niết là nghĩa không. Vì không do nơi nhân nên gọi là Niết-bàn.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch: “Như Phật dạy Niết-bàn không do nơi nhân, nghĩa này thật không hợp lý! Nếu nói là không ắt phải hợp với sáu nghĩa:

“Một là vì xét đến rốt ráo là không nên gọi là không. Như tất cả các pháp đều không có bản ngã, không có gì là [vật] của ta.

“Hai là vì có lúc [nào đó] không nên gọi là không. Như người đời nói rằng: Sông hồ không có nước [lúc khô hạn], không có mặt trời mặt trăng [lúc đêm tối].

“Ba là vì quá ít nên gọi là không. Như người đòi đổi với thức ăn ít mặn gọi là không mặn; nước uống ít ngọt gọi là không ngọt.

“Bốn là vì không nhận lãnh nên gọi là không. Như giai cấp chiên-đà-la không thể thọ nhận pháp bà-la-môn nên gọi là không có bà-la-môn.

“Năm là vì thọ nhận pháp xấu ác nên gọi là không. Như người đời nói: Kẻ thọ nhận pháp xấu ác chẳng đáng gọi là sa-môn, bà-la-môn; vì vậy nên [trong những người xấu ác] gọi là không có sa-môn, bà-la-môn.

“Sáu là vì không có cái ngược lại, nên gọi là không. Ví như đen gọi là không trắng, tối gọi là không sáng.

“Bạch Thế Tôn! Niết-bàn cũng vậy, cũng có lúc không có nhân nên gọi là Niết-bàn.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nay ông có nói ra sáu nghĩa như vậy, vì sao không lấy nghĩa [thứ nhất] ‘rốt ráo là không’ để ví với Niết-bàn, lại dùng nghĩa [thứ hai là] ‘có lúc không’?

“Thiện nam tử! Bản thể của Niết-bàn [xét đến] rốt ráo không do nơi nhân, cũng như không có ‘cái ta’ và ‘vật của ta’.

“Thiện nam tử! Pháp thế gian và Niết-bàn không hề đối đãi nhau, nên không thể lấy sáu việc trên mà so sánh.

“Thiện nam tử! Tất cả các pháp đều không có ngã; nhưng Niết-bàn là chân thật có ngã. Vì nghĩa ấy nên Niết-bàn không do nơi nhân, mà bản thể là quả. Là nhân mà chẳng phải quả, đó gọi là tánh Phật, vì chẳng phải do nhân sanh ra. Là nhân mà chẳng phải quả, là vì không phải quả sa-môn nên gọi là không phải quả.

“Vì sao gọi là nhân? Vì [Niết-bàn] là nhân thành tựu.

“Thiện nam tử! Nhân có hai loại, một là nhân sanh ra, hai là nhân thành tựu.

“Thường sanh ra các pháp, đó gọi là nhân sanh ra. Ngọn đèn làm sáng rõ mọi vật [khiến người nhìn thấy được], nên gọi là nhân thành tựu.

“Các phiền não trói buộc gọi là nhân sanh ra; cha mẹ của chúng sanh [sanh ra họ] gọi là nhân thành tựu.

“Như hạt giống ngũ cốc gọi là nhân sanh ra; [các điều kiện] đất, nước, phân bón [làm cho lớn lên]... gọi là nhân thành tựu.

“Lại có các nhân sanh ra như [do tu tập] sáu pháp Ba-la-mật [mà đạt được] A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.<sup>(6)</sup>

“Lại có nhân thành tựu như [nhờ thấy] tánh Phật [mà đạt được] A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Lại có nhân thành tựu như [nhờ tu tập] sáu pháp ba-la-mật [nên thấy được] tánh Phật.

“Lại có nhân sanh ra, như [do tu tập] pháp Tam-muội Thủ lăng nghiêm [mà đạt được] A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Lại có nhân thành tựu, như [nhờ tu tập] Tám Chánh đạo [mà đạt được] A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Lại có các nhân sanh ra như [do] đức tin [mà đạt được] sáu pháp ba-la-mật.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Thế Tôn! Như Phật có nói việc thấy Như Lai và tánh Phật, nghĩa ấy thế nào?”

“Bạch Thế Tôn! Thân Như Lai không có tướng mạo, không dài không ngắn, không trắng không đen, không có xứ sở phương hướng, không ở trong Ba cõi, chẳng

phải tướng hữu vi, chẳng phải do nhãn thức nhận biết được. Vậy làm sao thấy được thân ấy? Tánh Phật cũng giống như vậy, [làm sao thấy được?]

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có hai loại thân Phật, một là thường, hai là vô thường.

“Thân Phật vô thường, là vì muốn độ thoát tất cả chúng sanh nên Như Lai dùng phương tiện mà thị hiện. Đó gọi là [dùng] mắt thấy [được].

“Thân Phật thường tồn, là thân giải thoát của Như Lai Thế Tôn. Đó gọi là dùng mắt thấy, cũng gọi là nghe biết mà thấy.

“Tánh Phật cũng có hai loại, một là có thể thấy, hai là không thể thấy.

“Tánh Phật có thể thấy, đó là [ở nơi các vị] Bồ Tát Thập trụ, chư Phật Thế Tôn.

“Tánh Phật không thể thấy, đó là [ở nơi] tất cả chúng sanh.

“Mắt thấy, là nói Bồ Tát Thập trụ, chư Phật Như Lai dùng mắt thấy được tánh Phật chúng sanh sẵn có.

“Nghe biết mà thấy, là nói tất cả chúng sanh cho đến hàng Bồ Tát Cửu trụ, [nhờ] nghe nói [mà biết là] có tánh Phật.

“Thân Như Lai lại có hai loại, một là có hình sắc, hai là không có hình sắc.

“[Thân] hình sắc, [đó là nói] sự giải thoát của Như Lai.

“[Thân] không hình sắc, là vì Như Lai đã dứt trừ vĩnh viễn gốc rễ của tướng trạng hình sắc.

“Tánh Phật lại cũng có hai loại, một là hình sắc, hai là không hình sắc.

“Tánh Phật có hình sắc, đó là [đối với bậc thành tựu quả] A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Tánh Phật không hình sắc, đó là [đối với] phàm phu cho đến hàng Bồ Tát Thập trụ. Bồ Tát Thập trụ [tuy] thấy tánh Phật [nhưng] không được rõ ràng nên gọi là không hình sắc.

“Thiện nam tử! Tánh Phật lại có hai loại, một là có hình sắc, hai là không hình sắc.

“Tánh Phật có hình sắc là nói [ở nơi chư] Phật, Bồ Tát.

“Tánh Phật không hình sắc, là [nơi] tất cả chúng sanh.

“[Thấy được tánh Phật] có hình sắc gọi là [dùng] mắt thấy. [Thấy được tánh Phật] không hình sắc gọi là nghe [biết mà] thấy.

“Tánh Phật chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài. Tuy chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, nhưng không hư hoại mất. Vì thế nên nói rằng: “Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật dạy rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, cũng như trong sữa tươi có kem sữa; [lại có dạy rằng] tánh Phật của lực sĩ Kim cang hay của chư Phật đều trong sạch như đề-hồ, vì sao Như Lai còn dạy rằng tánh Phật chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ta không nói rằng trong sữa tươi có kem sữa. [Chỉ vì] kem sữa từ sữa tươi sanh ra nên nói là có kem sữa thôi.”

Bồ Tát Sư Tử Hống thưa: “Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp được sanh ra đều phải có thời điểm [và điều kiện] thích hợp.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Lúc đang là sữa tươi thì không có kem sữa, cũng không có bơ, không có đề-hồ...

Tất cả chúng sanh đều gọi đó là sữa, nên ta nói rằng trong sữa không có kem sữa. Nếu sữa ấy có kem sữa, sao không gọi nó bằng hai tên, cũng như người làm hai nghề [thợ vàng và thợ bạc] được gọi là thợ vàng bạc? Cũng vậy, đang khi là kem sữa thì không có sữa, không có bơ, cũng không có đề-hồ. Chúng sanh đều bảo rằng đó là kem sữa, chẳng phải sữa, chẳng phải bơ, chẳng phải đề-hồ...

“Thiện nam tử! Nhân có hai loại, một là nhân chính, hai là nhân tùy thuộc.

“Nhân chính, là như sữa [làm nhân] sanh ra kem sữa.

“Nhân tùy thuộc, là như các thứ men ủ, hơi ấm...

“[Chỉ] vì kem sữa từ sữa sanh ra nên mới nói rằng trong sữa có tánh chất của kem sữa, [chứ thật ra trong sữa không hề có tánh kem sữa].”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu trong sữa không có tánh kem sữa, thì trong cái sừng cũng không có, vì sao từ nơi sừng không sanh ra được kem sữa?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Sừng cũng có thể [góp phần] sanh ra kem sữa. Vì sao vậy? Vì ta có nói có các duyên tùy thuộc như men ủ, hơi ấm... Sừng có hơi ấm nên cũng có thể [góp phần] sanh ra kem sữa.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu sừng có thể sanh ra kem sữa, sao những người làm kem sữa chỉ dùng sữa tươi mà không dùng chất sừng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì thế ta mới nói rằng có nhân chính và nhân tùy thuộc.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Nếu trước đó trong sữa không có kem sữa, về sau mới có, vậy trước đây

trong sữa cũng không có cây am-ma-la, vì sao không thể sanh ra cây am-ma-la? Vì cả hai thứ ấy đều không có như nhau.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Sữa cũng có thể [góp phần trong việc] sanh ra cây am-ma-la. [Chẳng hạn như] nếu dùng sữa tươi mà tưới thì trong một đêm cây ấy sẽ cao thêm năm thước.<sup>(7)</sup> Vì nghĩa ấy nên ta nói có hai loại nhân.

“Thiện nam tử! Nếu tất cả các pháp đều chỉ do một nhân sanh ra thì mới có thể cật vấn rằng vì sao trong sữa không thể sanh ra cây am-ma-la.

“Thiện nam tử! Cũng như Bốn đại là nhân duyên cho tất cả hình sắc, nhưng mỗi một hình sắc đều khác biệt nhau, vật này chẳng giống vật kia. Vì nghĩa ấy nên từ sữa không thể sanh ra cây am-ma-la.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật nói có hai loại nhân, nhân chính và nhân tùy thuộc, vậy tánh Phật của chúng sanh thuộc loại nhân nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tánh Phật của chúng sanh cũng có hai loại nhân, một là nhân chính, hai là nhân tùy thuộc. Nhân chính là [bản thân các] chúng sanh; nhân tùy thuộc là sáu pháp Ba-la-mật.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Nay con biết chắc rằng trong sữa tươi có tánh kem sữa. Vì sao vậy? Vì con thấy người đời khi muốn làm kem sữa thì chỉ dùng sữa tươi chứ không bao giờ dùng nước. Vì vậy nên biết rằng trong sữa tươi có tánh kem sữa.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Câu hỏi của ông đó thật không hợp lý. Vì sao vậy? Ví như có người muốn nhìn thấy khuôn mặt mình bèn cầm lấy con dao [sáng bóng để soi mặt vào].”

Bồ Tát Sư Tử Hống thưa: “Bạch Thế Tôn! Chính vì nghĩa ấy nên nói trong sữa có tánh kem sữa. Nếu trong con dao không có khuôn mặt, vì sao lại chọn lấy con dao?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu trong con dao đúng là có khuôn mặt, vì sao có sự thay đổi không thật: Khi cầm dao đứng thì thấy mặt quá dài, cầm dao ngang thì thấy mặt quá rộng? Nếu đó là mặt mình, vì sao lại thấy nó dài? Nếu là mặt người khác, sao có thể nói đó là mặt mình? Nếu nhân nơi mặt mình mà thấy mặt người khác, sao chẳng thấy trong [con dao] ấy những mặt lồi, mặt ngựa?”

Bồ Tát Sư Tử Hống thưa: “Bạch Thế Tôn! Do tia nhìn của mắt thấu đến nơi đó nên thấy được hình dáng khuôn mặt.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nhưng tia nhìn của mắt thật không thấu đến nơi đó. Vì sao vậy? Vì cùng lúc nhìn thấy cả vật gần lẫn vật xa [nhưng] không nhìn thấy những vật nằm ở khoảng giữa.

“Thiện nam tử! Nếu do tia nhìn của mắt thấu đến đó mà thấy được, thì tất cả chúng sanh đều nhìn thấy lửa, sao [tia nhìn ấy] chẳng bị thiêu cháy? [Nếu tia nhìn của mắt có thể thấu đến vật nhìn thấy, thì] người từ xa trông thấy một vật màu trắng, lẽ ra không phải sanh nghi: Là con hạc chẳng, là lá phướn chẳng, là con người chẳng, là cây cối chẳng...? Nếu do tia nhìn của mắt thấu đến [vật mà nhìn thấy], thì làm sao thấy được những vật bên trong [bình] thủy tinh, hoặc những con cá, tảng đá nằm dưới vực sâu? Còn nếu tia nhìn của mắt không thấu đến mà vẫn thấy được, vì sao thấy được vật trong [bình] thủy tinh mà không thấy được những hình sắc bên kia vách tường? Cho nên nói rằng tia nhìn của mắt thấu đến đó mà thấy được khuôn mặt dài thì thật không hợp lý.



“Thiện nam tử! Như ông nói trong sữa tươi có kem sữa, sao người bán sữa chỉ lấy tiền sữa mà thôi, không tính thêm giá trị của kem sữa? Cũng như người bán con ngựa cái chỉ tính tiền ngựa cái mà thôi, không tính thêm giá trị ngựa con?”

“Thiện nam tử! Người đời vì không có con cái nên cưới vợ. Nếu khi người vợ đã mang thai thì không thể gọi là cô con gái. Nếu nói rằng vì trong cô gái ấy đã sẵn có con nên mới cưới làm vợ thì không hợp lý. Vì sao vậy? Nếu nói là sẵn có con thì cũng có thể nói là sẵn có cháu. Nếu sẵn có cháu, thì [con với cháu ấy] là anh em với nhau rồi! Vì sao vậy? Vì cùng một mẹ sanh ra. Cho nên ta nói rằng: Cô gái kia không sẵn có tánh con.

“Nếu trong sữa sẵn có tánh kem sữa, sao cùng lúc không thấy được cả năm món [làm từ sữa]? Nếu trong hạt cây sẵn có cây ni-câu-đà năm trượng, sao cùng lúc không thấy những hình dạng khác nhau như mầm non, thân cây, cành lá, hoa quả?”

“Thiện nam tử! Khi là sữa thì có màu sắc khác, vị nếm cũng khác, [dùng đến có] kết quả khác, cho đến khi là đề-hồ cũng vậy, sao có thể nói rằng trong sữa có sẵn tánh kem sữa?”

“Thiện nam tử! Ví như có người sáng ngày sẽ dùng món bơ sữa mà lúc này đã cho là có mùi hôi. Như nói rằng trong sữa nhất định có tánh kem sữa, ý nghĩa cũng giống như vậy!”

“Thiện nam tử! Như người có đủ bút, giấy, mực, bèn hợp lại viết thành chữ. Nhưng trong giấy ấy vốn không có chữ. Vì trước đó vốn là không nên phải dựa vào các duyên mới thành. Nếu trước vốn là sẵn có thì cần chi

đến các duyên? Ví như màu xanh da trời và màu vàng pha với nhau thành màu xanh lá cây. Nên biết rằng hai màu ấy vốn không sẵn có tánh của màu xanh lá cây. Nếu trước vốn sẵn có màu xanh lá cây, cần chi phải pha trộn mới thành?”

“Thiện nam tử! Cũng giống như chúng sanh nhờ vào thức ăn mà có mạng sống, nhưng trong thức ăn thật không có mạng sống. Nếu trong thức ăn sẵn có mạng sống, thì khi chưa ăn lẽ ra thức ăn đã là mạng sống rồi!”

“Thiện nam tử! Tất cả các pháp vốn không có tánh [nhất định]. Vì nghĩa ấy nên ta nói kệ rằng:

*Vốn là có mà nay thành không,  
Vốn là không mà nay thành có,  
Nếu nói trong Ba đời có pháp,  
Thật không thể có nghĩa như thế!*

“Thiện nam tử! Tất cả các pháp đều do nhân duyên mà sanh, do nhân duyên mà diệt.

“Thiện nam tử! Nếu trong chúng sanh sẵn có tánh Phật [theo nghĩa như ông nói], thì lẽ ra đều có thân Phật như ta đây.

“Tánh Phật của chúng sanh không bị phá hoại, không bị dẫn dắt, trói buộc, [nhưng chúng sanh còn phiền não thì không tự thấy được.] Cũng như trong chúng sanh sẵn có hư không, tất cả chúng sanh đều có hư không, không có sự ngăn ngại, nhưng tất cả đều không tự thấy có hư không ấy. Nếu như chúng sanh không có hư không, ắt là không có những sự tới lui, đi đứng, nằm ngồi, không có sự sanh trưởng. Vì nghĩa ấy, trong kinh này ta có dạy rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có phạm vi hư không của mình. Phạm vi hư không đó gọi là hư không.’”

“Tánh Phật của chúng sanh cũng vậy. Hàng Bồ Tát Thập trụ có đôi chút khả năng thấy được tánh Phật [một phần rất nhỏ] như hạt châu kim cương.

“Thiện nam tử! Tánh Phật của chúng sanh hay cảnh giới chư Phật không nằm trong phạm vi hiểu biết của hàng Thanh văn, Duyên giác. Tất cả chúng sanh vì không thấy tánh Phật nên thường bị phiền não trói buộc, trôi lăn trong sanh tử. Nhờ thấy được tánh Phật nên mọi phiền não không thể trói buộc, thoát khỏi sanh tử, đạt được Đại Niết-bàn.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Tất cả chúng sanh đều có tánh của tánh Phật, cũng như trong sữa có tánh của kem sữa. Nếu trong sữa không có tánh của kem sữa, vì sao Phật nói là có hai thứ nhân: nhân chính và nhân tùy thuộc? Nhân tùy thuộc là những điều kiện như men ủ, hơi ấm... Hư không vốn không có tánh, nên không có nhân tùy thuộc.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu như trong sữa nhất định có tánh của kem sữa thì cần chi đến nhân tùy thuộc?”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch: “Thế Tôn! Vì có tánh nên cần có nhân tùy thuộc. Vì sao vậy? Vì muốn thấy được rõ ràng [tánh ấy]. Nhân tùy thuộc chính là nhân thành tựu.

“Bạch Thế tôn! Ví như trong chỗ tối sẵn có đồ vật. Vì muốn thấy rõ đồ vật ấy nên dùng đèn soi vào. Nếu trước vốn không có đồ vật thì đèn soi vào cái gì? Cũng như trong đất sét đã sẵn có cái bình, nên cần có người nặn, có nước, có dụng cụ, khuôn nặn... làm nhân thành tựu. Lại như hạt ni-câu-đa cần có đất, nước, phân... làm nhân thành tựu [để mọc thành cây]. Đối với sữa tươi cũng vậy, cần có các điều kiện men ủ, hơi ấm... làm

nhân thành tựu [mới thành kem sữa]. Vì vậy, tuy sẵn có tánh mà cần phải dựa vào các nhân thành tựu thì mới thấy rõ được vật. Vì nghĩa ấy nên biết chắc chắn rằng trong sữa đã sẵn có tánh của kem sữa.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu như trong sữa chắc chắn đã có tánh của kem sữa, thì đó chính là nhân thành tựu. Nếu đã là nhân thành tựu thì cần gì phải thành tựu nữa?”

“Thiện nam tử! Nếu nhân thành tựu ấy tánh của nó là thành tựu, thì lẽ ra nó phải thường tự thành tựu. Nếu nó chẳng tự thành tựu, làm sao thành tựu cho vật khác được? Nếu nói rằng nhân thành tựu ấy có hai loại tánh: một là tự thành tựu, hai là làm cho sự vật khác thành tựu, thì nghĩa ấy không hợp lý. Vì sao vậy? Vì nhân thành tựu chỉ có một pháp, làm sao có hai? Nếu là có hai, lẽ ra sữa cũng phải có hai. Nếu nói trong sữa không có hai tướng, vì sao chỉ riêng nhân thành tựu kia lại là có hai?”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch rằng: “Thế Tôn! Như người đời nói: ‘Bọn chúng tôi có tám người’, [thì trong chúng tôi ấy là có cả mình và người khác]. Nhân thành tựu cũng vậy, chúng tự thành tựu và làm cho sự vật khác thành tựu.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu nhân thành tựu là như thế, ắt không phải là nhân thành tựu. Vì sao vậy? Việc đếm số là có thể đếm được hình sắc của mình với người khác, nên nói là tám [người]. Nhưng tánh của hình sắc ấy tự nó không có tướng thành tựu. Vì không có tướng thành tựu nên cần phải có tánh của trí óc mới đếm được mình và người khác. Vậy thì cái nhân thành tựu đó không thể tự thành tựu, cũng không thể làm cho vật khác thành tựu.

“Thiện nam tử! Nếu tất cả chúng sanh sẵn có tánh Phật, vì sao phải tu tập vô lượng công đức? Nếu nói tu tập là nhân thành tựu, thì cũng như cái lý lẽ ‘kem sữa’ kia đã bị bác bỏ. Nếu nói trong nhân nhất định có sẵn quả, thì giới, định và trí tuệ ắt không có tăng trưởng. Ta thấy người đời vốn không sẵn có giới cấm, thiên định, trí tuệ, nhờ theo thầy mà thọ nhận, rồi sau đó mới dần dần phát triển. Nếu nói sự truyền dạy của thầy là nhân thành tựu, thì đang lúc thầy dạy người học chưa có giới, định, trí tuệ. Nếu là thành tựu thì lẽ ra phải thành tựu lúc chưa có, sao phải đợi đến khi biết được giới, định, tuệ rồi mới khiến cho dần dần tăng trưởng?”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu nhân thành tựu là không có, làm sao thành tên gọi [phân biệt] có sữa tươi, có kem sữa?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có ba cách giải đáp những lời vấn nạn ở thế gian.

“Một là đáp bằng cách giải thích tuần tự các việc liên quan, gọi là chuyển đáp, như trước đây ta giảng: ‘Sao gọi là giới? Vì chẳng sanh lòng hối tiếc...’ cho đến ‘...vì đạt được Đại Niết-bàn.’

“Hai là đáp bằng cách lặng thinh, gọi là mặc nhiên đáp. Như khi có vị Phạm chí đến hỏi ta rằng: ‘Có phải ngã là thường chăng?’ Ta đáp lại bằng cách lặng thinh.

“Ba là đáp bằng cách đặt nghi vấn ngược lại để làm rõ vấn đề, gọi là nghi đáp. Như trong kinh này có nói: ‘Nếu nhân thành tựu là hai pháp, đáng lẽ cũng có hai tướng sữa? v.v...’

“Thiện nam tử! Nay ta sẽ dùng cách chuyển đáp. Như người đời nói có sữa, có kem sữa, là vì họ chắc chắn sẽ

có kem sữa, cho nên mới nói rằng: có sữa, có kem sữa. Tánh Phật cũng thế; có chúng sanh, có tánh Phật, vì [chắc chắn] rồi sẽ thấy được tánh Phật.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Như lời Phật dạy đó, nghĩa lý không thích hợp. Quá khứ đã dứt rồi, tương lai còn chưa đến, làm sao gọi là có? Nếu nói rằng sẽ có mà gọi là có, thật không hợp nghĩa. Như người thế gian thấy kẻ không con cái thì nói là không con. Tất cả chúng sanh [hiện nay thấy là] không có tánh Phật, vì sao lại nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Quá khứ cũng nói là có. Ví như trồng cây quít, khi mầm sanh ra thì hạt giống hoại mất. Mầm ấy có vị nhạt, cho đến khi sanh trái cũng vẫn là vị nhạt. Nhưng lúc trái chín thì có vị chua.

“Thiện nam tử! Vị chua đó, từ khi còn là hạt giống, mầm non, cho tới lúc sanh trái, vốn không sẵn có. Đến lúc quả chín thì hình sắc tướng mạo mới sanh ra vị chua. Vị chua ấy vốn trước là không mà nay thành có. Tuy trước là không mà nay thành có nhưng không phải là không nhân nơi nguồn gốc ban đầu. Như vậy, cái hạt giống nguồn gốc ban đầu đó tuy là quá khứ nhưng cũng gọi là có. Vì nghĩa ấy nên quá khứ cũng nói là có.

“Vì sao nói rằng tương lai là có? Ví như người gieo mè, có kẻ đến hỏi rằng: ‘Vì sao gieo trồng thứ này?’ Người ấy đáp: ‘Vì nó có dầu.’ Thật ra [lúc ấy] chưa có dầu, phải đến khi mè chín, gặt lấy hạt, mang về hấp nóng, giã ép... rồi mới có dầu. Nhưng phải biết rằng người ấy không hề nói dối. Vì nghĩa ấy nên [nói rằng] tương lai là có.

“Vì sao lại nói rằng quá khứ là có? Thiện nam tử! Ví như có người lén lút mắng chửi vua. Trải qua nhiều năm, vua

mới nghe được việc ấy. Vua nghe rồi liền hỏi: ‘Vì sao người mắng chửi ta?’ Người ấy đáp: ‘Đại vương! Tôi không có mắng chửi. Vì sao vậy? Người mắng chửi đã mất rồi.’ Vua nói: ‘Người mắng chửi [là người] với [người bị mắng chửi là] ta, cả hai đều đang tồn tại, sao nói là đã mất?’ Vì duyên có ấy, người [mắng chửi vua] phải mất mạng.

“Thiện nam tử! Cả hai việc [là người mắng chửi và sự mắng chửi] quả thật là không [vì đã qua rồi], nhưng hậu quả của chúng không mất. Vì thế nói rằng quá khứ là có.

“Vì sao lại gọi rằng tương lai là có? Như có người đến chỗ thợ lò gốm, hỏi rằng: ‘Có bình chằng?’ Người ấy đáp: ‘Có.’ Nhưng người thợ lò gốm ấy thật ra chưa có bình. Vì sẵn có đất sét nên nói rằng có bình. Nên biết rằng người thợ ấy không hề nói dối.

“Trong sữa có kem sữa, chúng sanh có tánh Phật, cũng là như vậy. Muốn thấy tánh Phật, cần phải có sự quán sát hình sắc, thời điểm, điều kiện thích hợp... Cho nên ta nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật’, thật chẳng phải nói dối.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Nếu tất cả chúng sanh không sẵn có tánh Phật [cũng như trong sữa không sẵn có tánh kem sữa], vậy làm sao có thể đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề?”

Phật dạy: “Nhờ có nhân chính nên chúng sanh đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nhân chính đó là gì? Chính là tánh Phật.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nếu trong hạt ni-câu-đà không có sẵn [tánh của] cây ni-câu-đà, tại sao người ta chỉ gọi hạt ấy là hạt ni-câu-đà mà không gọi là hạt khư-đà-la?”

“Bạch Thế Tôn! Cũng như họ Cồ-đàm không thể gọi là họ A-trì-da, họ A-trì-da cũng không được gọi là họ Cồ-đàm. Hạt ni-câu-đà cũng vậy, không được gọi là hạt khư-đà-la-ni, hạt khư-đà-la-ni chẳng được gọi là hạt ni-câu-đà. Cũng như Thế Tôn không thể lìa bỏ dòng họ Cồ-đàm. Tánh Phật của chúng sanh cũng là như vậy. Vì nghĩa ấy nên biết rằng chúng sanh đều sẵn có tánh Phật.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu nói rằng trong hạt đã sẵn có cây ni-câu-đà, nghĩa ấy không đúng. Nếu đã sẵn có, vì sao không thấy?”

“Thiện nam tử! Những vật ở thế gian do tám nhân duyên mà không nhìn thấy. Thế nào là tám nhân duyên? Một là vì quá xa nên không nhìn thấy, như dấu chim bay trên không; hai là gần quá nên không thấy, như lông mi vào trong mắt; ba là vì hư hoại nên không thấy, như người bị hỏng mắt; bốn là vì loạn tưởng nên không thấy, như người tâm trí không tập trung; năm là vì quá nhỏ nên không thấy, như hạt bụi cực nhỏ; sáu là vì bị che chướng nên không thấy, như mây che [không thấy] các vì sao; bảy là vì nhiều quá nên không thấy, như cỏ dại [khuất] trong đám lúa; tám là vì tương tự nên không thấy, như cây đậu mọc trong đám đậu.

“Cây ni-câu-đà không thuộc về tám nhân duyên không thấy kể trên; vậy nếu cây ấy là có, vì sao lại không thấy? Nếu nói rằng vì quá nhỏ hay vì bị che chướng thì không hợp lý. Vì sao vậy? Vì tướng của cây ấy to lớn! Nếu nói rằng tánh của nó là nhỏ, thì làm sao lớn lên? Nếu nói vì bị che chướng thì lẽ ra phải mãi mãi không thấy! Trước kia vốn không có tướng to lớn, nay mới thấy tướng to lớn, nên biết rằng sự to lớn ấy vốn không có tánh [nhất định]! Trước vốn không có tánh thấy mà nay thấy được,

vậy nên biết rằng sự thấy ấy cũng không có tánh [nhất định]! Về hạt [cây ni-câu-đà] cũng vậy, vốn trước không có cây mà ngày nay nhìn thấy thì có gì là không hợp lý?”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch rằng: “Như Phật dạy có hai loại nhân, một là nhân chính, hai là nhân thành tựu. Hạt ni-câu-đà dùng các điều kiện đất, nước, phân... làm nhân thành tựu nên từ chỗ rất nhỏ [không nhìn thấy được] mà sau trở nên to lớn.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu đã sẵn có thì cần gì đến nhân thành tựu? Nếu vốn không có tánh thì thành tựu là thành tựu cái gì? Nếu trong hạt ni-câu-đà vốn không có tướng to lớn, nhờ nhân thành tựu mới sanh ra tướng to lớn, vì sao chẳng sanh ra cây khư-đà-la [to lớn], vì cả hai loại cây này trước đó đều không có?”

“Thiện nam tử! Nếu là quá nhỏ không thấy, thì cái lớn phải thấy được. Ví như một hạt bụi nhỏ không nhìn thấy, nhưng nhiều hạt bụi hợp lại thì có thể thấy được [cả đám] bụi. Như cái lớn trong hạt giống kia lẽ ra phải thấy được. Vì sao vậy? Trong đó đã có đủ mầm cây, thân cây, hoa, quả. Trong mỗi quả lại có rất nhiều hạt, trong mỗi hạt lại có rất nhiều cây! Vì vậy nên gọi là lớn. Đã lớn như vậy nên lẽ ra phải nhìn thấy được!

“Thiện nam tử! Nếu trong hạt ni-câu-đà sẵn có tánh của cây ni-câu-đà mới sanh ra cây ấy, vậy khi nhìn thấy hạt ấy bị lửa đốt cháy thì tánh cháy ấy lẽ ra cũng sẵn có rồi! Nếu tánh cháy đã sẵn có thì cây không thể sanh ra! Nếu tất cả các pháp vốn sẵn có [tánh] sanh diệt, vì sao phải trước sanh, sau diệt, không cùng một lúc? Vì nghĩa ấy nên biết rằng không có tánh [nhất định].”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Thế Tôn! Nếu hạt ni-câu-đà vốn không sẵn có tánh cây nhưng sanh ra cây, vì sao hạt ấy chẳng sanh ra dầu, vì dầu với cây trước đó cũng đều là không có?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trong hạt ấy cũng có khả năng sanh ra dầu. Tuy vốn không sẵn có tánh, nhưng là do nhân duyên mà có.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “[Vậy dầu sinh ra ấy] vì sao chẳng gọi là dầu mè?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì [hạt ấy] không phải là mè.

“Thiện nam tử! Như duyên của lửa thì sanh ra lửa, duyên của nước thì sanh ra nước. Tuy đều là nương theo duyên, nhưng cái này có không thể thay cho cái kia. Hạt ni-câu-đà với dầu mè cũng vậy, tuy đều nương theo duyên nhưng không sanh ra nhau. Tánh của hạt ni-câu-đà trị được chứng lạnh, tánh của dầu mè trị được chứng phong.

“Thiện nam tử! Ví như cây mía, do nhân duyên mà sanh ra các thứ đường phèn, đường đen. Tuy cùng một duyên nhưng sắc tướng khác nhau, đường phèn trị nóng, đường đen trị lạnh.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Như sữa không sẵn có tánh kem sữa, mè không sẵn có tánh dầu, hạt ni-câu-đà không sẵn có tánh cây ni-câu-đà, đất sét không sẵn có tánh bình, thì tất cả chúng sanh cũng không sẵn có tánh Phật được! [Vì thế,] như trước đây Phật dạy: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật nên có thể đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’ Nghĩa ấy không hợp lý.”

“Vì sao vậy? Vì con người với chư thiên đều không có tánh [nhất định]. Vì không có tánh [nhất định] nên con người có thể sanh làm chư thiên, chư thiên có thể tái sanh làm người. Đó là do nghiệp và nhân duyên, chẳng phải do tánh [nhất định]. [Như vậy thì] Bồ Tát Ma-ha-tát [cũng] do nghiệp và nhân duyên nên đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Nếu tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, vì nhân duyên gì mà hạng nhất-xiển-đề dứt mất căn lành, đọa vào địa ngục? Nếu tâm Bồ-đề là tánh Phật, lẽ ra những kẻ nhất-xiển-đề không thể dứt mất [căn lành]. Nếu có thể dứt mất [căn lành], làm sao có thể nói rằng tánh Phật là thường? [Nhưng] nếu không phải thường thì không gọi là tánh Phật! Nếu các chúng sanh đều có tánh Phật, vì sao [có người] gọi là mới phát tâm? Sao [có những người] gọi là [ở địa vị] thối chuyển hoặc không thối chuyển? Nếu là [ở địa vị] thối chuyển, nên biết rằng người đó không có tánh Phật!

“Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Ma-ha-tát một lòng hướng đến [thành tựu] A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, khởi lòng đại từ đại bi, thấy được những sự lỗi lầm tai hại của phiền não [trong sự] sanh, già, chết; quán xét Đại Niết-bàn không có những lỗi lầm tai hại của phiền não [trong sự] sanh, già, chết; tin sâu nơi Tam bảo, tin có nghiệp, quả báo [nên] thọ trì giới cấm. Những pháp như vậy gọi là tánh Phật. [Vì] nếu lìa những pháp ấy mà có tánh Phật thì cần chi đến những pháp ấy làm nhân duyên?

“Bạch Thế Tôn! Như sữa không nhờ duyên cũng có thể thành kem sữa; nhưng bơ thì khác, phải có đầy đủ nhân duyên như là: người làm, nước, bình, cây khuấy, dây.<sup>(8)</sup> Chúng sanh cũng vậy, nếu có tánh Phật thì lẽ ra không

cần nhân duyên cũng đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề! Nếu chắc chắn là có tánh Phật, vì sao người tu hành khi thấy các nỗi khổ trong Ba nẻo ác [hoặc] sanh, già, bệnh, chết... liền sanh lòng thối chuyển? [Nếu có tánh Phật, lẽ ra] cũng không cần tu sáu pháp Ba-la-mật mới đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề! Như sữa không nhờ duyên cũng có thể thành kem sữa, nhưng [người tu hành] nhất định phải nhờ tu tập sáu pháp Ba-la-mật mới thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề! Vì nghĩa ấy nên biết rằng chúng sanh đều không có tánh Phật!

“Như trước đây Phật có dạy: ‘Tăng bảo là thường.’ Nếu là thường ắt không phải vô thường. Không phải vô thường thì làm sao [chư tăng có thể] đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề? Còn nếu Tăng bảo là thường, vì sao lại nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật?

“Bạch Thế Tôn! Nếu như chúng sanh từ trước đến nay không có tâm Bồ-đề cũng không có tâm [hướng đến] A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, mà về sau mới có, thì tánh Phật của chúng sanh lẽ ra cũng giống như vậy, trước vốn không có, rồi về sau mới có. Vì nghĩa ấy, tất cả chúng sanh lẽ ra [hiện nay] đều không có tánh Phật!”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Ông từ lâu đã hiểu rõ nghĩa lý về tánh Phật, nhưng vì chúng sanh nên thưa hỏi như vậy. [Này thiện nam tử!] Tất cả chúng sanh quả thật có tánh Phật.

“Ông có nói rằng: ‘Nếu các chúng sanh đều có tánh Phật, lẽ ra không có kẻ mới phát tâm.’ Thiện nam tử! Tâm [mà ông nói đó] chẳng phải tánh Phật. Vì sao vậy? Vì [tâm ấy] là vô thường, còn tánh Phật là thường.

“Ông lại có hỏi: ‘[Nếu có tánh Phật,] tại sao lại có những kẻ sanh tâm thối chuyển?’

“Thật ra không có sự thối tâm. Nếu tâm có thối chuyển thì [người tu hành] không bao giờ có thể đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Chỉ vì chậm đạt đến nên gọi là thối chuyển.

“Tâm Bồ-đề ấy thật chẳng phải tánh Phật. Tại sao vậy? Hạng nhất-xiển-đề vì dứt mất thiện căn nên đọa vào địa ngục. Nếu tâm Bồ-đề là tánh Phật thì hạng nhất-xiển-đề không thể gọi là nhất-xiển-đề, và tâm Bồ-đề cũng không thể gọi là vô thường. Vì thế nên biết chắc rằng tâm Bồ-đề thật không phải tánh Phật.

“Thiện nam tử! Ông có hỏi: ‘Nếu chúng sanh có tánh Phật, lẽ ra không cần nhờ đến các duyên [để thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề], cũng như sữa [không nhờ đến duyên vẩn] thành kem sữa! Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Nếu [ông đã] nói nhờ năm duyên [là người làm, nước, bình, cây khuấy, dây] mà thành món bơ, thì nên biết rằng tánh Phật cũng giống như vậy.

“Ví như trong các thứ quặng mỏ có vàng, có bạc, có đồng, có sắt... thủy đều do nơi Bốn đại [tạo thành], mà mỗi chất có một tên riêng, một thực thể riêng, khi sản xuất ra cũng không giống nhau. Phải nhờ đến các duyên như phước đức của chúng sanh, lò nung, sức người... mới làm ra được [các thứ kim loại trên]. Vì thế nên biết rằng trước đó vốn không sẵn có [những] tánh vàng, [bạc, đồng, sắt...]

“Tánh Phật của chúng sanh không thể gọi là Phật; nhờ có các công đức, nhân duyên [tu tập] hòa hợp nên thấy được tánh Phật, sau đó mới thành Phật.

“Ông lại có hỏi: ‘Chúng sanh đều có tánh Phật, tại sao không thấy được tánh Phật?’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Vì các nhân duyên chưa hòa hợp.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên ta có nói hai loại nhân: nhân chính và nhân tùy thuộc. Nhân chính ở đây là tánh Phật. Nhân tùy thuộc là sự phát tâm Bồ-đề. Nhờ hai nhân duyên ấy mới đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, cũng như từ nơi quặng mỏ lấy ra được chất vàng...

“Thiện nam tử! Ông có hỏi rằng: ‘Nếu Tăng bảo là thường thì tất cả chúng sanh không có tánh Phật.’

“Thiện nam tử! Tăng, gọi là hòa hợp. Hòa hợp có hai loại. Một là hòa hợp theo người thế gian, hai là hòa hợp theo đệ nhất nghĩa. Hòa hợp theo thế gian gọi là Thanh văn Tăng, hòa hợp theo đệ nhất nghĩa gọi là Bồ Tát Tăng.

“Tăng hòa hợp theo thế gian là vô thường, tánh Phật là thường. Tánh Phật là thường, tăng hòa hợp theo đệ nhất nghĩa cũng là thường.

“Lại nữa, khi có Tăng bảo thì gọi là hòa hợp Chánh pháp. Hòa hợp Chánh pháp là nói Mười hai bộ kinh. Mười hai bộ kinh là thường, cho nên ta nói Pháp bảo, Tăng bảo là thường.

“Thiện nam tử! Tăng gọi là hòa hợp. Hòa hợp tức là Mười hai nhân duyên. Trong Mười hai nhân duyên cũng có tánh Phật. Mười hai nhân duyên là thường, tánh Phật cũng là thường. Vì thế ta nói: ‘Tăng có tánh Phật.’

“Lại nữa, Tăng bảo đó là sự hòa hợp của chư Phật. Vì thế ta nói: ‘Tăng có tánh Phật.’

“Thiện nam tử! Ông hỏi rằng: ‘Nếu [tất cả] chúng sanh đều có tánh Phật, vì sao lại có người thối chuyển, có người không thối chuyển?’ Hãy nghe cho kỹ, hãy nghe cho kỹ! Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng giải.

“Thiện nam tử! Đại Bồ Tát nếu có mười ba pháp sau đây ắt sẽ thối chuyển. Là những pháp nào? Một là không có đức tin; hai là tâm không khởi làm; ba là sanh tâm nghi ngờ; bốn là tham tiếc thân mạng, tài vật; năm là đối với Niết-bàn sanh lòng khiếp sợ: ‘Sao [Niết-bàn này] lại khiến cho chúng sanh diệt mất mãi mãi?’; sáu là không có lòng kham nhẫn; bảy là tâm không điều phục, nhu nhuyễn; tám là trong lòng sầu não; chín là trong lòng không vui; mười là buông thả biếng nhác; mười một là tự khinh thân mình; mười hai là tự thấy phiền não không thể dứt trừ; mười ba là không ưa thích các pháp tiến lên quả vị Bồ-đề.

“Thiện nam tử! Đó là mười ba pháp khiến cho Bồ Tát thối chuyển đối với Bồ-đề.

“Lại có sáu pháp phá hoại tâm Bồ-đề. Là những pháp nào? Một là tham tiếc ôm giữ giáo pháp; hai là sanh tâm bất thiện đối với chúng sanh; ba là gần gũi bạn xấu; bốn là không chuyên cần tinh tấn; năm là tự cao, kiêu mạn; sáu là theo đuổi sự nghiệp thế tục. Sáu pháp ấy có thể phá hoại tâm Bồ-đề.

“Thiện nam tử! Như có người được nghe lời này: ‘Chư Phật Thế Tôn là bậc thầy của hai cõi trời người; là bậc cao quý nhất trong chúng sanh, không ai sánh bằng, vượt hơn hẳn các hàng Thanh văn, Phật Bích-chi. Ngài có mắt pháp sáng tỏ, nhìn thấu các pháp không ngăn ngại; có thể cứu độ chúng sanh qua khỏi biển khổ não.’

“Nghe rồi, người ấy liền phát đại thệ nguyện rằng:

‘Nếu thế gian này có người như vậy, tôi nguyện sẽ được như người ấy.’ Vì nhân duyên ấy liền phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Hoặc có người được người khác khuyên dạy liền phát tâm Bồ-đề. Lại nghe nói rằng: ‘Bồ Tát trải qua vô số kiếp tu hành khổ hạnh, sau đó mới đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề!’ Nghe vậy liền suy nghĩ rằng: ‘Nay ta không chịu nổi sự khổ hạnh như vậy, làm sao có thể đạt được [A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề]? Vì vậy nên có người thối chuyển.

“Thiện nam tử! Lại có năm pháp làm cho tâm Bồ-đề thối chuyển. Đó là những pháp nào? Một là ưa thích việc xuất gia theo ngoại đạo; hai là không tu tập tâm đại từ; ba là thích tìm những lỗi lầm của người giảng pháp; bốn là thường ưa thích ở trong chốn sanh tử; năm là không vui thích trong việc thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng nói Mười hai bộ kinh. Đó là năm pháp làm cho tâm Bồ-đề thối chuyển.

“Lại có hai pháp làm cho tâm Bồ-đề thối chuyển. Là hai pháp gì? Một là tham đắm năm dục, hai là không biết cung kính tôn trọng Tam bảo. Vì các nhân duyên ấy, tâm Bồ-đề phải thối chuyển.

“Sao gọi là tâm không thối chuyển? Như có người được nghe lời này: ‘Phật có thể cứu độ chúng sanh thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Ngài không theo thầy học hỏi mà tự tu tập và đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’ [Nghe vậy rồi, người ấy liền phát nguyện rằng:] ‘Nếu đạo Bồ-đề là có thể đạt được thì tôi sẽ tu tập cho đến khi đạt đạo ấy.’ Vì nhân duyên như vậy, người ấy phát tâm Bồ-đề, thành tựu bao nhiêu công đức, dù nhiều hay ít



đều hồi hướng tất cả về quả vị A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề. Người ấy phát thệ nguyện rằng: ‘Nguyện cho tôi thường được gần gũi chư Phật và đệ tử Phật, thường được nghe giáo pháp sâu xa, được năm giác quan đầy đủ [để tu tập]. Dù gặp khổ nạn cũng không bỏ mất tâm này!’

“Người ấy lại phát nguyện rằng: ‘Nguyện cho chư Phật và đệ tử của Phật thường đối với tôi sanh lòng hoan hỷ. Nguyện cho tôi có đủ năm căn lành! Nếu các chúng sanh nào đâm chém cắt xẻo thân tôi, chặt đứt tay chân, đầu, mắt... của tôi, đối với những người ấy tôi vẫn sanh tâm đại từ. Tôi cũng thật lòng hoan vui sướng vì những người ấy là nhân duyên giúp tôi tăng trưởng [tâm] Bồ-đề. Nếu không có họ, tôi sẽ do duyên gì để thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề?’

“Người ấy lại phát nguyện rằng: ‘Nguyện cho tôi không phải sanh làm người khiếm khuyết nam căn, ái nam ái nữ hoặc làm thân nữ nhân! Nguyện cho tôi không chịu sự phụ thuộc vào người khác, không gặp chủ nhân xấu ác, không phụ thuộc vua chúa hung bạo, không sanh vào những cõi nước xấu ác! Nguyện cho tôi dù được thân tướng tốt đẹp, dòng họ chân chánh, giàu sang phú quý cũng không sanh tâm kiêu mạn. Nguyện cho tôi thường được nghe biết Mười hai bộ kinh, thọ trì đọc tụng, sao chép giảng giải. Nếu tôi vì chúng sanh mà giảng thuyết diễn giải [kinh điển ấy], nguyện cho người nghe pháp sẽ cung kính tin nhận không nghi ngờ và đối với tôi thường không sanh tâm xấu ác! Tôi thà nghe ít mà hiểu nghĩa nhiều, quyết không nghe nhiều mà không rõ nghĩa! Nguyện làm bậc thầy [điều phục] tâm chứ không để tâm làm thầy [sai sử] mình! Nguyện cho ba nghiệp thân, khẩu, ý của tôi có thể mang đến an vui cho tất cả chúng sanh, không liên quan đến những sự xấu ác. Nguyện cho

giới hạnh của thân và trí tuệ của tâm tôi đều vững chãi như núi lớn, không thể lay chuyển.

“Vì muốn thọ trì Chánh pháp vô thượng nên tôi chẳng sanh lòng tham tiếc keo lận đối với thân mạng, tài sản; đối với những vật bất tịnh chẳng lấy đó làm phước nghiệp; tự sống theo Chánh mạng, tâm không gian tà, siểm khúc; đã chịu ơn ai thì thường luôn nhớ đến, dù chịu ơn nhỏ cũng cố sức báo đáp lớn lao.

“Nguyện cho tôi thông thạo mọi nghề nghiệp của thế gian, hiểu rõ mọi cách nói theo phương ngôn, tục ngữ của chúng sanh. Nguyện đọc tụng, sao chép Mười hai bộ kinh chẳng sanh lòng biếng nhác, trễ nãi. Nếu chúng sanh không ưa thích nghe giảng kinh thuyết pháp, tôi sẽ dùng phương tiện dẫn dụ, tiếp nhận, khiến cho họ ưa thích nghe.

“Nguyện tôi thường nói ra những lời mềm mỏng, nhu hòa; không nói những điều xấu ác. Nguyện khi tập thể bất hòa, tôi có thể làm cho trở nên hòa hợp. Nguyện khi có những kẻ lo rầu sợ sệt, tôi sẽ khiến cho họ lìa khỏi sự lo sợ ấy. Nguyện khi đói kém mất mùa, tôi sẽ khiến cho [mọi người] được no đủ, dư dả. Nguyện khi có tật bệnh trong đời, tôi sẽ làm vị Đại y vương tự có đủ thuốc men và tài vật cần dùng, nhờ đó mà giúp cho mọi kẻ tật bệnh đều được khỏe mạnh. Nguyện khi có tai kiếp đao binh, tôi sẽ là người có thế lực lớn, dứt trừ hết sạch mọi sự tàn hại của nạn binh lửa.

“Nguyện tôi có thể dứt trừ mọi nỗi khiếp sợ của chúng sanh như bị giết, bị giam cầm, bị đánh đập, gặp nạn lũ lụt, hỏa hoạn, bị vua chúa, giặc cướp [bức hại], bị nghèo cùng, hủy phạm cấm giới, chịu tiếng xấu, rơi vào đường dữ... Tất cả những nỗi sợ ấy, [tôi nguyện giúp cho chúng sanh] thấy đều trừ hết.

“Nguyện đối với cha mẹ, sư trưởng, tôi sẽ hết lòng cung kính sâu xa; đối với những kẻ oán ghét thì sanh tâm đại từ. Nguyện thường tu sáu chánh niệm,<sup>(9)</sup> pháp môn Tam-muội Không, Mười hai nhân duyên, các phép quán sanh, diệt, hơi thở ra vào, tu tập Thiên hạnh, Phạm hạnh và Thánh hạnh, Tam-muội Kim cang và phép định Thủ lăng nghiêm. Nếu ở nơi không có Tam bảo, nguyện cho tôi tự mình có được tâm tịch tĩnh!

“Cho dù gặp lúc thân tâm chịu đựng những nỗi khổ não to lớn, tôi nguyện cũng không để mất tâm cầu Vô thượng Bồ-đề, không cho rằng những tâm cầu Thanh văn, Phật Bích-chi đã là đầy đủ. Nguyện khi ở những nơi không có Tam bảo, tôi thường xuất gia theo pháp ngoại đạo, vì phá tà kiến của họ chứ không vì học theo đạo ấy. Nguyện tôi đạt được sự tự tại đối với các pháp, được tâm tự tại; đối với các pháp hữu vi đều thấy rõ mọi sự lỗi lầm tai hại.

“Nguyện cho tôi sợ sệt những quả vị của Nhị thừa như kẻ tham tiếc thân mạng lo sợ phải chết! Nguyện vì chúng sanh mà vui thích ở trong Ba nẻo dữ chẳng khác nào chúng sanh ưa thích cõi trời Đao-lợi. Nguyện vì mỗi một chúng sanh mà trong vô lượng kiếp chịu khổ ở địa ngục, không sanh lòng hối tiếc. Nguyện khi thấy người khác được lợi không sanh lòng ganh tỵ, thường vui sướng theo như chính mình được hưởng niềm vui ấy.

“Nguyện khi được gặp Tam bảo, tôi sẽ cúng dường mọi thứ y phục, thức ăn uống, giường nằm, chỗ ở, thuốc men, đèn đuốc, hương hoa, âm nhạc, phướn lọng bảy báu. Nguyện khi được thọ nhận giới cấm của Phật, tôi sẽ kiên cố hộ trì, chẳng hề phát sanh tư tưởng hủy phạm.

Nếu nghe rằng việc tu hành khổ hạnh của Bồ Tát là rất khó khăn, nguyện sanh tâm vui vẻ, không có sự hối tiếc ân hận. Nguyện tôi tự biết những việc đã qua trong các đời trước, không hề tạo tác những nghiệp tham lam, sân hận, si mê; không vì [mong cầu] quả báo mà tích lũy huân tập nhân duyên; đối với sự vui trong hiện tại [nguyện] không sanh tâm tham trước.’

“Thiện nam tử! Nếu ai có thể phát nguyện như vậy, đó gọi là Bồ Tát, [vị ấy] sẽ không bao giờ thối chuyển tâm Bồ-đề. Đó cũng gọi là bậc thí chủ, có thể nhìn thấy Như Lai, rõ biết tánh Phật, có thể điều phục chúng sanh, độ thoát sanh tử; có thể khéo léo hộ trì Chánh pháp vô thượng, có thể đạt được đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên tâm không thối chuyển không gọi là tánh Phật.”

Thiện nam tử! Ông không thể vì việc có kẻ thối chuyển tâm Bồ-đề mà nói rằng chúng sanh không có tánh Phật.

“Ví như có hai người kia đều nghe rằng ở phương xa có một ngọn núi bằng bảy báu, trên núi có suối nước trong, mùi vị ngon ngọt. Nếu ai đến được ngọn núi ấy thì mãi mãi không còn nghèo túng; uống được nước [suối nơi ấy] thì tuổi thọ tăng đến muôn năm. Chỉ có điều là đường xa hiểm trở, rất nhiều sự nguy nan.

“Bấy giờ, hai người ấy đều muốn đi đến đó. Một người thì chuẩn bị đầy đủ mọi thứ hành trang, còn người kia thì chỉ đi hai tay không, chẳng mang theo gì cả.

“Hai người cùng lên đường, bỗng gặp một người [đi ngược chiều] mang rất nhiều trân bảo quý giá, đầy đủ bảy món báu. Hai người liền đến trước người ấy hỏi rằng: ‘Này ông, ở nơi ấy quả thật có núi thất bảo chăng?’

“Người đó đáp rằng: ‘Thật có không sai. Chính tôi đã lấy được của báu và uống nước suối ở đó. Chỉ có điều là đường sá nguy hiểm, rất nhiều giặc cướp, hầm hố, gai góc, thiếu nước [uống] và cỏ [cho ngựa ăn]. Muôn ngàn người ra đi nhưng rất ít người đến được!’

“Nghe lời ấy rồi, một người liên sanh tâm hối tiếc nói rằng: ‘Đường sá xa xôi, gian nan chẳng ít; người đi vô số, kẻ đến chẳng bao nhiêu! Vậy ta làm sao có thể đến đó? Sản nghiệp của ta ngày nay, tuy không nhiều nhưng cũng đủ chi tiêu. Nếu dấn thân lên đường ấy, e là mất mạng! Thân mạng đã không giữ được, lấy gì trường thọ?’

“Còn người kia lại nói: ‘Có người đã đến được thì ta cũng [có thể] đến được. Nếu ta đạt kết quả, ắt sẽ được như ý nguyện: lấy được trân bảo, uống nước suối ngọt. Bằng như không đạt được cũng quyết dốc lòng đến chết mới thôi!’

“Bấy giờ, trong hai người ấy, một người hối tiếc mà quay trở về, còn một người quyết lòng tiến tới. Người này đi đến núi ấy, lấy được nhiều trân bảo, uống được nước suối như ý nguyện, mang về quê hương rất nhiều của cải, phụng dưỡng cha mẹ và giúp đỡ khắp họ hàng thân tộc.

“Khi ấy, người đã hối tiếc quay về thấy được việc ấy lại sanh ra hăng hái, nói rằng: ‘Người ấy đã đi tới đích rồi về, lẽ nào tôi chịu ở yên đây?’ Ông ta liền chuẩn bị mọi thứ, [lại] lên đường ra đi.

“Núi thất bảo đó là ví như Đại Niết-bàn; nước suối ngon ngọt đó là ví như tánh Phật. Hai người ra đi đó ví như hai vị Bồ Tát mới phát tâm. Đường gian nan nguy hiểm đó là ví như vòng luân hồi sanh tử. Người mà cả hai gặp khi mới lên đường là ví như đức Phật Thế Tôn. Những kẻ giặc cướp trên đường là ví như bốn thứ ma.

Hầm hố, gai góc là ví như các phiền não. Không đủ nước [uống] và cỏ [cho ngựa ăn] là ví như việc không tu tập đạo Bồ-đề. Một người thối chí trở về là ví như Bồ Tát thối chuyển tâm Bồ-đề. Người [quyết tâm] đi thẳng tới đích là ví như vị Bồ Tát không thối chuyển.

“Thiện nam tử! Tánh Phật của chúng sanh là thường trụ, không biến đổi. Như con đường nguy hiểm kia, không thể nói rằng vì có người hối tiếc quay lại mà làm cho đường ấy trở nên vô thường. Tánh Phật cũng thế.

“Thiện nam tử! Trong đạo Bồ-đề thật ra không có kẻ thối chuyển. Thiện nam tử! Như kẻ hối tiếc quay lại kia nhìn thấy người bạn trước của mình trở về mang nhiều của báu, được thế lực tự tại, phụng dưỡng cha mẹ, giúp đỡ thân quyến, hưởng nhiều an vui. Thấy như vậy rồi liên sanh ra hăng hái, chuẩn bị đầy đủ mọi thứ hành trang, lại theo đường cũ mà đi, chẳng tiếc thân mạng, chịu đựng mọi sự gian nguy hoạn nạn, cuối cùng cũng đến được ngọn núi bảy báu kia. Bồ Tát thối chuyển cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh chắc chắn rồi sẽ thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì nghĩa ấy nên trong kinh ta dạy rằng: ‘Tất cả chúng sanh, thậm chí là những kẻ phạm năm tội nghịch, bốn trọng cấm và hạng nhất-xiển-đề, thủy đều có tánh Phật.’”

Bồ Tát Sư Tử Hồng lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ Tát lại có [những vị] thối chuyển hoặc không thối chuyển?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát tu tập những nghiệp nhân duyên [dẫn đến có được] Ba mươi hai tướng tốt của Như Lai<sup>(10)</sup> thì được gọi là không thối chuyển,

được gọi là Đại Bồ Tát, là bậc không động chuyển, là bậc thương xót tất cả chúng sanh, là vượt hơn tất cả Thanh văn, Duyên giác; gọi là bậc [đạt đến địa vị] Bất thối chuyển.

“Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát giữ giới không lay chuyển, tâm bố thí không thay đổi, trụ yên nơi lời nói chân thật, vững vàng như núi Tu-di; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng lòng bàn chân bằng phẳng như đáy hộp.<sup>(11)</sup>

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát đối với cha mẹ, hòa thượng, sư trưởng... cho đến đối với loài súc vật, dùng của cải kiếm được một cách chân chính mà cúng dường, [bố thí], nuôi dưỡng, cung cấp; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng lòng bàn chân có hình bánh xe ngàn nan hoa.<sup>(12)</sup>

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát không giết hại, không trộm cướp, đối với cha mẹ, sư trưởng... thường sanh lòng hoan hỷ; nhờ nghiệp duyên ấy được ba tướng: Một là ngón tay thon dài,<sup>(13)</sup> hai là gót chân thon dài,<sup>(14)</sup> ba là thân hình nở nang, ngay thẳng.<sup>(15)</sup> Ba tướng ấy cùng một nghiệp duyên.

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát tu Bốn pháp thâm nhiếp,<sup>(16)</sup> nhiếp phục được chúng sanh; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng kẽ ngón tay, ngón chân đều có màng da mỏng, như chân ngỗng chúa trắng.<sup>(17)</sup>

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát khi cha mẹ, sư trưởng... lâm bệnh khổ, tự tay lau rửa, giặt giũ, nắm giữ, nâng đỡ, xoa bóp chăm sóc; nhờ nghiệp duyên ấy, được tướng tay chân mềm mại.<sup>(18)</sup>

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát giữ giới, nghe pháp, thường bố thí giúp người không chán nản; nhờ nghiệp duyên ấy

được tướng mu bàn chân đầy đặn cong lên,<sup>(19)</sup> lông trên người mọc thẳng đứng.<sup>(20)</sup>

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát chuyên tâm nghe pháp, diễn thuyết chánh giáo; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng chân thon dài như chân nai chúa.<sup>(21)</sup>

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát đối với chúng sanh không sanh tâm gây hại, ăn uống biết đủ, thường ưa thích việc bố thí, chăm sóc bệnh, cung cấp thuốc men...; nhờ nghiệp duyên ấy, thân thể được cao lớn như cây ni-câu-đà,<sup>(22)</sup> khi đứng thẳng tay buông xuống dài quá gối,<sup>(23)</sup> trên đỉnh đầu có khối thịt mềm là tướng không ai nhìn thấy được.<sup>(24)</sup>

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát thấy kẻ sợ sệt liền cứu giúp, bảo vệ; thấy kẻ thiếu thốn liền giúp cho y phục; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng nam căn ẩn kín.<sup>(25)</sup>

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát gần gũi hàng trí giả, lìa xa kẻ ngu si, khéo ưa thích sự hỏi đáp, quét dọn đường sá; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng da mỏng và mịn,<sup>(26)</sup> lông trên mình uốn về bên phải.

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát thường đem y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men, hương hoa, đèn đuốc... mà bố thí cho người khác; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng thân màu vàng ròng<sup>(27)</sup> và tướng thân thường tỏa hào quang.<sup>(28)</sup>

“Nếu Bồ Tát trong khi thực hành bố thí, sở hữu những vật quý báu đều thí xả không tiếc, không phân biệt [người nhận cúng dường, bố thí đó] là phước điền hay chẳng phải phước điền; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng bảy chỗ đầy đặn; đó là hai lòng bàn chân, hai lòng bàn tay, hai vai và đầu.<sup>(29)</sup>

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát trong khi bố thí lòng không nghi ngờ [về kết quả việc làm]; nhờ nghiệp duyên ấy, được giọng nói êm dịu, thanh tao.

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát làm ra tiền bạc của cải một cách chân chính, rồi dùng tiền bạc của cải ấy mà bố thí; nhờ nghiệp duyên ấy, được các tướng hai nách đầy đặn;<sup>(30)</sup> thân thể oai nghiêm như dáng sư tử;<sup>(31)</sup> cùi chỏ tay tròn đầy và nhỏ.

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát lìa xa những lời nói đâm thọc, lời nói độc ác và lòng sân hận; nhờ nghiệp duyên ấy được các tướng hàm răng bốn mươi chiếc,<sup>(32)</sup> răng trắng sạch,<sup>(33)</sup> đều và khít.<sup>(34)</sup>

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát tu tập tâm đại từ đại bi đối với chúng sanh; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng có hai răng cửa [ở mỗi hàm].<sup>(35)</sup>

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát thường phát nguyện rằng: ‘Nếu có ai đến xin điều gì, ta đều tùy ý muốn của họ mà giúp cho’; nhờ nghiệp duyên ấy, được tướng hai gò má đầy đặn như sư tử chúa.<sup>(36)</sup>

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát tùy theo chỗ cần món ăn thức uống của chúng sanh đều cung cấp đầy đủ; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng nước bọt thơm ngon, dù ăn bất cứ món gì cũng tự cảm thấy ngon như cao lương mỹ vị.<sup>(37)</sup>

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát tự tu hành Mười điều thiện và giáo hóa người khác cùng tu hành như vậy; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng lưỡi rộng dài.<sup>(38)</sup>

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát không chê bai những chỗ khiếm khuyết của người khác, không phỉ báng Chánh pháp; nhờ nghiệp duyên ấy được giọng nói của Phạm thiên.<sup>(39)</sup>

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát thấy những kẻ oán ghét mình đều sanh tâm vui vẻ; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng trông mắt màu xanh trong.<sup>(40)</sup>

“Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát không che giấu đức độ của người khác, lại ngợi khen điều thiện của họ; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng lông trắng ở khoảng giữa hai chân mày.<sup>(41)</sup>

“Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát tu tập nghiệp nhân duyên Ba mươi hai tướng ấy,<sup>(42)</sup> ắt được tâm Bồ-đề không thối chuyển.

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh không thể nghĩ bàn; cảnh giới của chư Phật, nghiệp quả và tánh Phật cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì bốn pháp ấy đều là thường; vì là thường nên không thể nghĩ bàn.

“Tất cả chúng sanh vì [thường bị] phiền não ngăn che nên gọi là thường. Vì dứt trừ những phiền não thường có đó nên gọi là vô thường. Nếu nói tất cả chúng sanh là thường, vì sao phải tu tập Tám Thánh đạo? Vì để dứt trừ mọi sự khổ não. Nếu mọi khổ não đều đã dứt, ắt gọi là vô thường; niềm vui được hưởng [lúc ấy] ắt phải gọi là thường. Vì thế ta nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh vì phiền não ngăn che nên không thấy tánh Phật. Vì không thấy tánh Phật nên không đạt được Niết-bàn.’”<sup>(43)</sup>

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN HAI MƯƠI TÁM

## CHÚ GIẢI

1. Câu hỏi của Bồ Tát Sư Tử Hống có ý muốn nói, việc phân biệt giữa những người trì giới hay phá giới đã rất khó khăn, huống chi chỉ dựa vào những gì nhìn thấy hoặc nghe biết thì làm sao có thể nhận biết được Như Lai?
2. Trái am-la rất khó phân biệt giữa trái chín và trái sống, ví cho sự lẫn lộn giữa các hạng người này thật khó phân biệt, không thể xác định họ là thuộc hạng người nào.
3. Bạch Yết-ma: theo nghi thức truyền giới cho người xuất gia, vị giới tử (người thọ giới) phải tác bạch với thầy yết-ma, được sự đồng thuận thì việc thọ giới mới thành tựu.
4. Phái ngoại đạo Ni-kiền sử dụng loại bình tròn không có đế, nhưng theo giới của họ thì không được để bình chạm đất. Vì thế, họ dùng 3 cái cây làm thành giá để bình. Khi đã làm ra rồi thì giá không lia bình, bình không lia giá.
5. Đây nói tóm gọn mối tương quan của 12 nhân duyên, từ vô minh cho đến già chết, đều là như vậy.
6. Bản Hán văn đoạn này viết rất cô đọng: “謂六波羅蜜阿耨多羅三藐三菩提。 - Vị lục ba-la-mật, A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”. Các bản trước (kể cả các bản Anh ngữ) đều hiểu là “sáu ba-la-mật và A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”. Bản Anh ngữ viết: “which is the six paramitas and unsurpassed Enlightenment”. Chúng tôi so sánh toàn văn cảnh có sự lặp lại ở những câu sau không hợp lý, vì như thế thì A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề vừa là nhân sanh ra (sanh nhân) vừa là nhân thành tựu (liễu nhân). Tham khảo Đại Bát Niết-bàn kinh tập giải thấy giải thích rằng: “由六度而成菩提。故曰生也” (Do lục độ nhi thành Bồ-đề, cố viết sanh nhân. - Do sáu pháp ba-la-mật mà thành tựu Bồ-đề nên gọi là nhân sanh ra.) Chúng tôi cho rằng cách hiểu này hợp lý hơn, và do đó các câu tiếp theo cũng được hiểu tương tự theo cách này.
7. Thước cổ, mỗi thước bằng khoảng 33 cm.
8. Túc là những điều kiện cần thiết trong quy trình chế biến sữa thành bơ.
9. Sáu chánh niệm, là sáu pháp nghĩ nhớ chân chánh, cũng gọi là sáu niệm xứ, gồm có: niệm Phật (thường nghĩ nhớ đến chư Phật), niệm Pháp (thường nghĩ nhớ đến Chánh pháp), niệm Tăng (thường nghĩ nhớ đến chư Tăng), niệm thí (thường nghĩ

nhớ đến việc thực hành bố thí), niệm giới (thường nghĩ nhớ đến giới luật đã thọ nhận) và niệm thiên (thường nghĩ nhớ đến mọi điều lành, là nhân được sanh lên cõi trời).

10. Ba mươi hai tướng tốt của Như Lai: chư Phật thị hiện hóa thân đều có đủ ba mươi hai tướng tốt mà chúng sanh không ai có được, trừ vị Chuyển luân Thánh vương. Phạm ngữ gọi chung 32 tướng tốt này là *dvātriṃśan mahā-puruṣa-lakṣaṇāni*. Các đoạn tiếp theo sẽ lần lượt nói đủ về 32 tướng và nhân duyên tu tập để đạt được các tướng này.
11. Tướng này gọi là Túc hạ an bình lập tướng 足下安平立相, Sanskrit: *supraṭiṣṭhita-pāda*.
12. Tướng này gọi là Túc hạ nhị luân tướng 足下二輪相, Sanskrit: *cakrāṅkita-hasta-pāda-tala*.
13. Tướng này gọi là Trường chỉ tướng 長指相, Sanskrit: *dīrghāṅguli*.
14. Tướng này gọi là Túc cân phu trường tướng 足跟跌長相, Sanskrit: *āyata-pāda-pārṣṇi*.
15. Tướng này gọi là Đại trực thân tướng 大直身相, Sanskrit: *rjugaṭratā*.
16. Bốn pháp thâm nhiếp (Tứ nhiếp pháp): Bốn phương pháp thu phục, nhiếp phục lòng người, bao gồm: Bố thí nhiếp: bố thí tài vật, pháp ngữ... để nhiếp phục lòng người; Ái ngữ nhiếp: dùng lời dịu ngọt, nhu hòa để mến đễ nhiếp phục lòng người; Lợi hành nhiếp: dùng những sự việc mang lại lợi ích để nhiếp phục lòng người; Đồng sự nhiếp: dùng cách làm việc chung cùng, hòa đồng để nhiếp phục lòng người. Mục đích chung của bốn pháp thâm nhiếp này là để dẫn dắt chúng sanh đi theo mình trên con đường tu tập, hướng thượng.
17. Tướng này gọi là Thủ túc chỉ man vông tướng 手足指縵網相, Sanskrit: *jālāvanaddha-hasta-pāda*.
18. Tướng này gọi là Thủ túc nhu nhuyễn tướng 手足柔軟相, Sanskrit: *mṛdu-taruṇa-hasta-pāda-tala*.
19. Tướng này gọi là Túc phu cao mãn tướng 足跌高滿相, Sanskrit: *ucchaṅkha-pāda*.
20. Tướng này gọi là Mao thượng hướng tướng, 毛上向相, Sanskrit: *ūrdhvaṅgaroma*.
21. Tướng này gọi là Y-ni-diên-đoán tướng 伊泥延踰相, Sanskrit: *aṇeya-jaṅgha*.
22. Tướng này cũng gọi là Thân quảng trường đẳng tướng 身廣長等相, Sanskrit: *nyagrodha-parimaṇḍala*.
23. Tướng này gọi là Chánh lập thủ ma tất tướng 正立手摩膝相, Sanskrit: *sṭhitānavanata-pralamba-bāhutā*.
24. Túc Vô kiến đỉnh tướng, cũng gọi là Đảnh kế tướng 頂髻相, Sanskrit: *uṣṇīṣa-sīraskatā*.

25. Tướng này gọi là Âm tàng tướng 陰藏相, Sanskrit: kośopagata-vasti-guhya.
26. Tướng này gọi là Tế bạc bì tướng 細薄皮相, Sanskrit: sūkṣma-suvarṇa-cchavi.
27. Tướng này gọi là Kim sắc tướng 金色相, Sanskrit: suvarṇa-varṇa.
28. Tướng này gọi là Đại quang tướng 大光相, cũng gọi là Thường quang nhất tâm tướng 常光一尋相 hay Viên quang nhất tâm tướng 圓光一尋相.
29. Tướng này gọi là Thất xứ long mãn tướng 七處隆滿相, Sanskrit: sapta-utsada.
30. Tướng này gọi là Lưỡng dịch hạ long mãn tướng 兩腋下隆滿相, Sanskrit: citāntarāṃsa.
31. Thượng thân như sư tử tướng 上身如獅子相, Sanskrit: siṃha-pūrvārdha-kāya.
32. Tướng này gọi là Tứ thập xỉ tướng 四十齒相, Sanskrit: catvā-riṃśad-danta.
33. Tướng này gọi là Nha bạch tướng 牙白相, Sanskrit: suśukla-danta.
34. Tướng này gọi là Xỉ tề tướng 齒齊相, Sanskrit: sama-danta.
35. Phật học Bách khoa toàn thư xếp tướng này chung với Nha bạch tướng và đưa ra tên gọi khác là Tứ nha bạch tịnh tướng (四牙白淨相) rồi giải thích như sau: 四牙, 謂四十齒外, 上下各有二牙- Tứ nha, vị tứ thập xỉ ngoại, thượng hạ các hữu nhị nha. (Bốn chiếc răng, đó là nói ngoài bốn mươi chiếc ra, mỗi hàm trên dưới đều có [thêm] hai chiếc.) Phật Quang Đại từ điển cũng trình bày và giải thích tương tự. Tuy nhiên, kinh văn ở đây rõ ràng tách riêng 2 tướng này với nghiệp duyên khác nhau.
36. Tướng này gọi là Sư tử giáp tướng 獅子頰相, cũng gọi là Giáp xa như sư tử tướng 頰車如師子相, Sanskrit: siṃha-hanu.
37. Tướng này gọi là Vị trung đắc thượng vị tướng 味中得上味相, Sanskrit: rasa-rasāgratā.
38. Tướng này gọi là Đại thiệt tướng 大舌相, cũng gọi là Quảng trường thiệt tướng 廣長舌相, Sanskrit: prabhūta-tanu-jihva.
39. Giọng nói của Phạm thiên (Phạm âm thính), cũng viết là Phạm âm, nên tướng này gọi là Phạm thanh tướng 梵聲相, Sanskrit: brahma-svara. Giọng nói này có năm đặc tính: 1. Nghe rền vang như tiếng sấm; 2. Tiếng trong trẻo nghe rất xa, và ai nghe cũng lấy làm vui vẻ, sung sướng; 3. Ai nghe cũng sanh lòng kính mến; 4. Tiếng giảng giải đạo lý rất giản dị, dễ hiểu; 5. Người nghe không thấy chán.
40. Tướng này gọi là Chân thanh nhãn tướng 眞青眼相, Sanskrit: abhinīla-netra.
41. Tướng này gọi là Bạch mao tướng 白毛相, Sanskrit: ūṣṇā-keśa.
42. Theo sự giảng giải 32 tướng ở đây so với được ghi trong Phật Quang đại từ điển thì có hai khác biệt nhỏ. Có 2 tướng không thấy nói đến trong Phật Quang là “giọng nói êm dịu thanh tao” và “lông trên mình hướng về bên phải”. Về tướng thứ nhất, có lẽ trùng lặp với tướng “Phạm âm thanh”, vì trong các tính chất của Phạm âm đã có tính chất này. Về tướng thứ hai “lông trên mình hướng về bên phải” không hợp với tướng “lông trên người mọc thẳng đứng”. Thay vào hai tướng

này, trong Phật Quang có ghi thêm hai tướng mà ở đây không thấy nói: một là tướng lông thân đầy đủ, mỗi lỗ chân lông đều có một sợi lông. Tướng này gọi là Nhất nhất khổng nhất mao sanh tướng 一一孔一毛生相, Sanskrit: ekaika-roma-pradakṣiṇāvarta; và hai là con mắt to tròn giống mắt trâu chúa. Tướng này gọi là Ngưu nhãn tiệp tướng, 牛眼睫相, Sanskrit: go-pakṣmā. Phân liệt kê này của Phật Quang được căn cứ vào Tam thập thị tướng kinh trong Trung A-hàm (quyển 11), Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa kinh (quyển 381), Bồ Tát thiện giới kinh (quyển 9), Quá khứ hiện tại nhân quả kinh (quyển 1) và Du-già-sư-địa luận (quyển 49). Xin nêu ra đây để đọc giả tiện tham khảo.

43. Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 26, bắt đầu quyển 27, phẩm Bồ Tát Sư Tử Hống phần thứ ba (Sư Tử Hống Bồ Tát phẩm chi tam).

# 大般涅槃經

## 卷第二十九

### 師子吼菩薩品

#### 第十一之三

師子吼言。世尊。如佛所說。一切諸法有二種因。一者正因。二者緣因。以是二因應無縛解。是五陰者念念生滅。如其生滅誰有縛，解。

世尊。因此五陰生後五陰。此陰自滅不至彼陰。雖不至彼能生彼陰。如因子生芽子不至芽。雖不至芽而能生芽。眾生亦爾。云何縛，解。

善男子。諦聽諦聽。我當為汝分別解說。

善男子。如人捨命受大苦時。宗親圍遶。號哭懊惱。其人惶怖莫知依救。雖有五情無所覺知。肢節戰動不能自持。身體虛冷煖氣欲盡。見先所修善惡報相。

善男子。如日垂沒山陵堆阜。影現東移理無西逝。眾生業果亦復如是。此陰滅時彼陰續生。如燈生闇滅燈滅闇生。

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ NHỊ THẬP CỬU

### SƯ TỬ HỔNG BỒ TÁT PHẨM

#### ĐỆ THẬP NHẤT CHI TAM

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết: Nhất thiết chư pháp hữu nhị chủng nhân: nhất giả chánh nhân, nhị giả duyên nhân. Dĩ thị nhị nhân, ưng vô phược, giải. Thị ngũ ấm giả, niệm niệm sanh diệt. Như kỳ sanh diệt, thù hữu phược, giải?

Thế Tôn! Nhân thử ngũ ấm, sanh hậu ngũ ấm. Thử ấm tự diệt, bất chí bỉ ấm. Tuy bất chí bỉ, năng sanh bỉ ấm. Như nhân tử, sanh nha. Tử bất chí nha. Tuy bất chí nha, nhi năng sanh nha. Chúng sanh diệt nhĩ. Vân hà phược, giải?

Thiện nam tử! Đế thính! Đế thính! Ngã đương vị nữ, phân biệt giải thuyết.

Thiện nam tử! Như nhân xả mạng, thọ đại khổ thời, tông thân vi nhiều, hào khóc áo não. Kỳ nhân hoàng bố, mặc tri y cứu. Tuy hữu ngũ tình, vô sở giác tri. Chi tiết chiến động, bất năng tự trì; thân thể hư lãnh, noãn khí dục tận; kiến tiên sở tu thiện ác báo tướng.

Thiện nam tử! Như nhật thùy một, sơn lãng đôi phụ, ảnh hiện đông di, lý vô tây thệ. Chúng sanh nghiệp quả diệt phục như thị, thử ấm diệt thời, bỉ ấm tục sanh; như đăng sanh, ám diệt; đăng diệt, ám sanh.



善男子。如蠟印印泥。印與泥合。印滅文成。而是蠟印不變在泥。文非泥出不餘處來。以印因緣而生是文。現在陰滅中陰陰生。是現在陰終不變為中陰五陰。中陰五陰亦非自生不從餘來。因現陰故生中陰陰。如印印泥印壞文成。名雖無差而時節各異。是故我說中陰五陰非肉眼見天眼所見。

是中陰中有三種食。一者思食。二者觸食。三者意食。中陰二種。一善業果。二惡業果。因善業故得善覺觀。因惡業故得惡覺觀。

父母交會判合之時。隨業因緣向受生處。於母生愛於父生瞋。父精出時謂是已有。見已心悅而生歡喜。以是三種煩惱因緣。中陰滅壞生後五陰。如印印泥印壞文成。生時諸根有具不具。具者見色則生於貪。生於貪故則名為愛。誑故生貪是名無明。貪愛無明二因緣故。所見境界皆悉顛倒。無常見常無我見我。無樂見樂無淨見淨。以四倒故作善惡行。煩惱作業業作煩惱。是名繫縛。以是義故名五陰生。

是人若得親近於佛及佛弟子諸善知識。便得聞受十二部經。以聞法故觀善境界。觀善境界故得大智慧。大智慧者名正知見。得知見故於生死中而生悔心。生悔心故不生歡樂。不生歡樂故能破貪心。

Thiện nam tử! Như Lạp ấn in đất. Ấn và đất hợp. Ấn diệt, văn thành. Nhi thị Lạp ấn bất biến tại nê; văn phi nê xuất, bất dư xứ lai. Dĩ ấn nhân duyên, nhi sanh thị văn. Hiện tại âm diệt, Trung âm âm sanh. Thị hiện tại âm chung bất biến vi trung âm ngũ âm. Trung âm ngũ âm. diệt phi tự sanh; bất tùng dư lai. Nhân hiện âm cố, sanh trung âm âm. Như ấn, ấn nê; ấn hoại, văn thành. Danh tuy vô sai, nhi thời tiết các dị. Thị cố ngã thuyết: Trung âm ngũ âm phi nhục nhãn kiến, thiên nhãn sở kiến.

Thị trung âm trung, hữu tam chủng thực: nhất giả tư thực, nhị giả xúc thực, tam giả ý thực. Trung âm nhị chủng: nhất thiện nghiệp quả, nhị ác nghiệp quả. Nhân thiện nghiệp cố, đắc thiện giác quan. Nhân ác thiện cố, đắc ác giác quan.

Phụ mẫu giao hội phán hiệp chi thời, tùy nghiệp nhân duyên, hướng thọ sanh xứ, ư mẫu sanh ái, ư phụ sanh sân. Phụ tinh xuất thời, vị thị kỷ hữu. Kiến dĩ tâm duyệt, nhi sanh hoan hỷ. Dĩ thị tam chủng phiền não nhân duyên, trung âm diệt hoại, sanh hậu ngũ âm; như ấn, ấn nê; ấn hoại, văn thành. Sanh thời, chư căn hữu cụ, bất cụ. Cụ giả, kiến sắc tác sanh ư tham. Sanh ư tham cố, tác danh vi ái. Cuống cố sanh tham, thị danh vô minh. Tham ái vô minh, nhị nhân duyên cố, sở kiến cảnh giới, giai tất điên đảo: vô thường kiến thường, vô ngã kiến ngã, vô lạc kiến lạc, vô tịnh kiến tịnh. Dĩ tứ đảo cố, tác thiện ác hạnh, phiền não tác nghiệp, nghiệp tác phiền não. Thị danh hệ phược. Dĩ thị nghĩa cố, danh ngũ âm sanh.

Thị nhân nhược đắc thân cận ư Phật cập Phật đệ tử, chư thiện tri thức, tiện đắc văn thọ Thập nhị bộ kinh. Dĩ văn Pháp cố, quán thiện cảnh giới. Quán thiện cảnh giới cố, đắc đại trí tuệ. Đại trí tuệ giả, danh chánh tri kiến. Đắc tri kiến cố, ư

破貪心故修八聖道。修八聖道故得無生死。無生死故名得解脫。如火不遇薪名之為滅。滅生死故名為滅度。以是義故名五陰滅。

師子吼言。空中無刺云何言拔。陰無繫者云何繫縛。

佛言。善男子。以煩惱鎖繫縛五陰。離五陰已無別煩惱。離煩惱已無別五陰。

善男子。如柱持屋離屋無柱離柱無屋。眾生五陰亦復如是。有煩惱故名為繫縛。無煩惱故名為解脫。

善男子。如拳合掌。繫結等三。合散生滅更無別法。眾生五陰亦復如是。有煩惱故名為繫縛。無煩惱故名為解脫。

善男子。如說名色繫縛眾生。名色若滅則無眾生。離名色已無別眾生。離眾生已無別名色。亦名名色繫縛眾生。亦名眾生繫縛名色。

師子吼言。世尊。如眼不自見，指不自觸，刀不自割，受不自受。云何如來說言名色繫縛名色。何以故。言名色者，即是眾生。言眾生者，即是名色。若言名色繫縛眾生，即是名色繫縛名色。

佛言。善男子。如二手合時。更無異法而來合

sinh tử trung, nhi sinh hồi tâm. Sinh hồi tâm cố, bất sanh hoan lạc. Bất sanh hoan lạc cố, năng phá tham tâm. Phá tham tâm cố, tu Bát Thánh đạo, Tu Bát Thánh đạo cố, đắc vô sanh tử. Vô sanh tử cố, danh đắc giải thoát; như hỏa bất ngộ tân, danh chi vi diệt. Diệt sanh tử cố, danh vi diệt độ. Dĩ thị nghĩa cố, danh ngũ ấm diệt.

Sư Tử Hống ngôn: Không trung vô thích, vân hà ngôn bạt. Ấm vô hệ giả, vân hà hệ phục?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Dĩ phiền não tỏa, hệ phục ngũ ấm. Ly ngũ ấm dĩ, vô biệt phiền não; ly phiền não dĩ, vô biệt ngũ ấm.

Thiện nam tử! Như trụ trì ốc; ly ốc vô trụ; ly trụ vô ốc. Chúng sanh ngũ ấm diệt phục như thị; hữu phiền não cố, danh vi hệ phục; vô phiền não cố, danh vi giải thoát.

Thiện nam tử! Như quyền, hiệp chưởng, hệ kết, đẳng tam, hiệp tán sanh diệt, cánh vô biệt pháp. Chúng sanh ngũ ấm diệt phục như thị; hữu phiền não cố, danh vi hệ phục; vô phiền não cố, danh vi giải thoát.

Thiện nam tử! Như thuyết: danh sắc hệ phục chúng sanh, danh sắc nhược diệt, tắc vô chúng sanh; ly danh sắc dĩ, vô biệt chúng sanh; ly chúng sanh dĩ, vô biệt danh sắc. Diệt danh: danh sắc hệ phục chúng sanh. Diệt danh: chúng sanh hệ phục danh sắc.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Như nhãn bất tự kiến, chỉ bất tự xúc, đao bất tự cắt, thọ bất tự thọ. Vân hà Như Lai thuyết ngôn: danh sắc hệ phục danh sắc? Hà dĩ cố? Ngôn danh sắc giả, tức thị chúng sanh; ngôn chúng sanh giả, tức thị danh sắc. Nhược ngôn: danh sắc hệ phục chúng sanh, tức thị danh sắc hệ phục danh sắc.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như nhị thủ hiệp thời, cánh vô dị pháp nhi lai hiệp dã. Danh chi dĩ sắc diệt phục như thị. Dĩ

也。名之與色亦復如是。以是義故。我言名色繫縛眾生。若離名色則得解脫。是故我言眾生解脫。

師子吼言。世尊若有名色是繫縛者。諸阿羅漢未離名色亦應繫縛。

善男子。解脫二種。一者子斷。二者果斷。言子斷者名斷煩惱。阿羅漢等已斷煩惱眾結爛壞。是故子結不能繫縛。未斷果故名果繫縛。諸阿羅漢不見佛性。以不見故不得阿耨多羅三藐三菩提。以是義故。可言果繫。不得說言名色繫縛。

善男子。譬如然燈油未盡時明則不滅。若油盡者滅則無疑。善男子。所言油者喻諸煩惱。燈喻眾生。一切眾生煩惱油故不入涅槃。若得斷者則入涅槃。

師子吼言。世尊。燈之與油二性各異。眾生煩惱則不如是。眾生即是煩惱煩惱即是眾生。眾生名五陰五陰名眾生。五陰名煩惱煩惱名五陰。云何如來喻之於燈。

佛言。善男子。喻有八種。一者順喻。二者逆喻。三者現喻。四者非喻。五者先喻。六者後喻。七者先後喻。八者遍喻。

云何順喻。如經中說。天降大雨溝瀆皆滿。溝瀆滿故小坑滿。小坑滿故大坑滿。大坑滿故小泉

thị nghĩa cố, ngã ngôn: danh sắc hệ phược chúng sanh. Nhược ly danh sắc, tắc đắc giải thoát. Thị cố ngã ngôn: chúng sanh giải thoát.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Nhược hữu danh sắc, thị hệ phược giả, chư A-la-hán, vị ly danh sắc, diệt ưng hệ phược?

Thiện nam tử! Giải thoát nhị chủng: nhất giả tử đoạn, nhị giả quả đoạn. Ngôn tử đoạn giả, danh đoạn phiền não. A-la-hán đẳng dĩ đoạn phiền não, chúng kết lạn hoại. Thị cố tử kết bất năng hệ phược. Vị đoạn quả cố, danh quả hệ phược. Chư A-la-hán bất kiến Phật tánh. Dĩ bất kiến cố, bất đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Dĩ thị nghĩa cố, khả ngôn quả hệ; bất đắc thuyết ngôn: danh sắc hệ phược.

Thiện nam tử! Thí như nhiên đăng. Du vị tận thời, minh tắc bất diệt. Nhược du tận giả, diệt tắc vô nghi. Thiện nam tử! sở ngôn du giả, dụ chư phiền não; đăng, dụ chúng sanh. Nhất thiết chúng sanh, phiền não du cố, bất nhập Niết-bàn. Nhược đắc đoạn giả, tắc nhập Niết-bàn.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Đăng chi dữ du, nhị tánh các dị. Chúng sanh, phiền não, tắc bất như thị. Chúng sanh tức thị phiền não; phiền não tức thị chúng sanh. Chúng sanh danh ngũ ấm; ngũ ấm danh chúng sanh. Ngũ ấm danh phiền não; phiền não danh ngũ ấm. Vân hà Như Lai dụ chi ư đăng?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Dụ hữu bát chủng: nhất giả thuận dụ, nhị giả nghịch dụ, tam giả hiện dụ, tứ giả phi dụ, ngũ giả tiên dụ, lục giả hậu dụ, thất giả tiên hậu dụ, bát giả biến dụ.

Vân hà thuận dụ? Như kinh trung thuyết: Thiên giáng đại vũ, câu độc giai mãn. Câu độc mãn cố, tiểu khanh mãn. Tiểu khanh mãn cố, đại khanh mãn. Đại khanh mãn cố, tiểu tuyền

滿。小泉滿故大泉滿。大泉滿故小池滿。小池滿故大池滿。大池滿故小河滿。小河滿故大河滿。大河滿故大海滿。

如來法雨亦復如是。眾生戒滿。戒滿足故不悔心滿。不悔心滿故歡喜滿。歡喜滿故遠離滿。遠離滿故安隱滿。安隱滿故三昧滿。三昧滿故正知見滿。正知見滿故厭離滿。厭離滿故呵責滿。呵責滿故解脫滿。解脫滿故涅槃滿。是名順喻。

云何逆喻。大海有本所謂大河。大河有本所謂小河。小河有本所謂大池。大池有本所謂小池。小池有本所謂大泉。大泉有本所謂小泉。小泉有本所謂大坑。大坑有本所謂小坑。小坑有本所謂溝瀆。溝瀆有本所謂大雨。

涅槃有本所謂解脫。解脫有本所謂呵責。呵責有本所謂厭離。厭離有本所謂正知見。正知見有本所謂三昧。三昧有本所謂安隱。安隱有本所謂遠離。遠離有本所謂喜心。喜心有本所謂不悔。不悔有本所謂持戒。持戒有本所謂法雨。是名逆喻。

云何現喻。如經中說。眾生心性猶如獼猴。獼猴之性捨一取一。眾生心性亦復如是。取著色聲香味觸法無暫住時。是名現喻。

mãn. Tiểu tuyên mãn cố, đại tuyên mãn. Đại tuyên mãn cố, tiểu trì mãn. Tiểu trì mãn cố, đại trì mãn. Đại trì mãn cố, tiểu hà mãn. Tiểu hà mãn cố, đại hà mãn. Đại hà mãn cố, đại hải mãn.

Như Lai pháp vũ diệc phục như thị; chúng sanh giới mãn. Giới mãn túc cố, bất hồi tâm mãn. Bất hồi tâm mãn cố, hoan hỷ mãn. Hoan hỷ mãn cố, viễn ly mãn. Viễn ly mãn cố, an ổn mãn. An ổn mãn cố, Tam-muội mãn. Tam-muội mãn cố, chánh tri kiến mãn. Chánh tri kiến mãn cố, yếm ly mãn. Yếm ly mãn cố, ha trách mãn. Ha trách mãn cố, giải thoát mãn. Giải thoát mãn cố, Niết-bàn mãn. Thị danh thuận dụ.

Vân hà nghịch dụ? Đại hải hữu bốn: sở vị đại hà. Đại hà hữu bốn: sở vị tiểu hà. Tiểu hà hữu bốn: sở vị đại trì. Đại trì hữu bốn: sở vị. Tiểu trì. Tiểu trì hữu bốn: sở vị đại tuyên. Đại tuyên hữu bốn: sở vị tiểu tuyên. Tiểu tuyên hữu bốn, sở vị đại khanh. Đại khanh hữu bốn: sở vị tiểu khanh. Tiểu khanh hữu bốn: sở vị câu độc. Câu độc hữu bốn: sở vị đại vũ.

Niết-bàn hữu bốn: sở vị giải thoát. Giải thoát hữu bốn: sở vị ha trách. Ha trách hữu bốn: sở vị yếm ly. Yếm ly hữu bốn: sở vị chánh tri kiến. Chánh tri kiến hữu bốn: sở vị Tam-muội. Tam-muội hữu bốn: sở vị an ổn. An ổn hữu bốn: sở vị viễn ly. Viễn ly hữu bốn: sở vị hỷ tâm. Hỷ tâm hữu bốn: sở vị bất hồi. Bất hồi hữu bốn: sở vị trì giới. Trì giới hữu bốn: sở vị Pháp vũ. Thị danh nghịch dụ.

Vân hà hiện dụ? Như kinh trung thuyết: Chúng sanh tâm tánh, dụ như di hâu. Di hâu chi tánh, xả nhất thủ nhất. Chúng sanh tâm tánh diệc phục như thị; thủ trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, vô tạm trụ thời. Thị danh hiện dụ.

云何非喻。如我昔告波斯匿王。大王。有親信人從四方來各作是言。大王。有四大山從四方來欲害人民。王若聞者當設何計。王言。世尊。設有此來無逃避處。惟當專心持戒布施。我即讚言。善哉大王。我說四山即是眾生老病死。生老病死常來切人。云何大王。不修戒施。王言。世尊。持戒布施得何等果。我言。大王。於人天中多受快樂。王言。世尊。尼拘陀樹持戒布施。亦於人天受安隱耶。我言。大王。尼拘陀樹不能持戒修行布施。如其能者則受無異。是名非喻。

云何先喻。我經中說。譬如有人貪著妙花。採取之時為水所漂。眾生亦爾。貪受五欲。為生死水之所漂沒。是名先喻。

云何後喻。如法句說。

莫輕小罪  
以為無殃  
水滴雖微  
漸盈大器

是名後喻。

云何先後喻。譬如芭蕉生菓則死。愚人得養亦復如是。如驪懷妊命不久全。

云何遍喻。如經中說。三十三天有波利質多樹。其根入地深五由延。高百由延。枝葉四布五十

Vân hà phi dụ? Như ngã tích cáo Ba-tư-nặc vương: Đại vương! Hữu thân tín nhân, tùng tứ phương lai, các tác thị ngôn: Đại vương! Hữu tứ đại sơn, tùng tứ phương lai, dục hại nhân dân. Vương nhược văn giả, đương thiết hà kế? Vương ngôn: Thế Tôn! Thiết hữu thủ lai, vô đào tỵ xứ. Duy đương chuyên tâm trì giới, bố thí. Ngã tức tán ngôn: Thiện tai! Đại vương! Ngã thuyết tứ sơn, tức thị chúng sanh sanh, lão, bệnh, tử. Sanh, lão, bệnh, tử thường lai thiết nhân. Vân hà Đại vương bát tu giới, thí? Vương ngôn: Thế Tôn! Trì giới, bố thí, đắc hà đẳng quả. Ngã ngôn: Đại vương! Ư nhân thiên trung đa thọ khoái lạc. Vương ngôn: Thế Tôn! Ni-câu-đa thọ trì giới, bố thí, diệp ư nhân, thiên, thọ an ổn da? Ngã ngôn: Đại vương! Ni-câu-đa thọ bát năng trì giới, tu hành bố thí. Như kỳ năng giả, tắc thọ vô dị. Thị danh phi dụ.

Vân hà tiên dụ? Ngã kinh trung thuyết: Thí như hữu nhân, tham trước diệp hoa; thái thủ chi thời, vi thủy sở phiêu. Chúng sanh diệp nhĩ; tham ái ngũ dục, vi sanh tử thủy chi sở phiêu một. Thị danh tiên dụ.

Vân hà hậu dụ? Như Pháp cú thuyết:

Mạc khinh tiểu tội,  
Dĩ vi vô ương;  
Thủy trích tuy vi,  
Tiệm doanh đại khí.

Thị danh hậu dụ.

Vân hà tiên hậu dụ? Thí như ba tiêu, sanh quả tắc tử. Ngu nhân đắc dưỡng, diệp phục như thị. Như loa hoài nhâm, mạng bất cứu toàn.

Vân hà biến dụ? Như kinh trung thuyết: Tam thập tam thiên hữu ba-ly-chất-đa thọ. Kỳ căn nhập địa, thâm ngũ do-diên; cao bá do-diên. Chi diệp tứ bố, ngũ thập do-diên. Diệp thực tắc hoàng; chư thiên kiến dĩ, tâm sanh hoan hỷ. Thị diệp

由延。葉熟則黃。諸天見已心生歡喜。是葉不久必當墮落。其葉既落復生歡喜。是枝不久必當變色。枝既變色復生歡喜。是色不久必當生苞。見已復喜。是苞不久必當生鬚。見已復喜。是鬚不久必當開剖。開剖之時香氣周遍五十由延。光明遠照八十由延。爾時諸天夏三月時在下受樂。

善男子。我諸弟子亦復如是。葉色黃者。喻我弟子念欲出家。其葉落者。喻我弟子剃除鬚髮。其色變者。喻我弟子白四羯磨受具足戒。初生苞者。喻我弟子發阿耨多羅三藐三菩提心。鬚者。喻於十住菩薩得見佛性。開剖者。喻於菩薩得阿耨多羅三藐三菩提。香者。喻於十方無量眾生受持禁戒。光者。喻於如來名號無礙周遍十方。夏三月者。喻三三昧。三十三天受快樂者。喻於諸佛在大涅槃得常樂我淨。是名遍喻。

善男子。凡所引喻不必盡取。或取少分或取多分或復全取。如言如來面如滿月。是名少分。

善男子。譬如有人初不見乳轉。問他言乳為何類。彼人答言如水蜜貝。水則濕相蜜則甜相貝則色相。雖引三喻未即乳實。

善男子。我言燈喻於眾生亦復如是。

善男子。離水無河。眾生亦爾。離五陰已無別眾生。

bất cử, tất đương đọa lạc. Kỳ diệp ký lạc, phục sanh hoan hỷ: Thị chi bất cử, tất đương biến sắc. Chi ký biến sắc, phục sanh hoan hỷ. Thị sắc bất cử, tất đương sanh bao. Kiến dĩ, phục hỷ. Thị bao bất cử, tất đương sanh truy. Kiến dĩ phục hỷ. Thị truy bất cử, tất đương khai phẫu. Khai phẫu chi thời, hương khí châu biến ngũ thập do-diên; quang minh viễn chiếu bát thập do-diên. Nhĩ thời chư thiên, hạ tam ngoạt thời, tại hạ thọ lạc.

Thiện nam tử! Ngã chư đệ tử diệp phục như thị. Diệp sắc hoàng giả, dụ ngã đệ tử niệm dục xuất gia. Kỳ diệp lạc giả, dụ ngã đệ tử thế trừ tu phát. Kỳ sắc biến giả, dụ ngã đệ tử bạch tứ yết-ma, thọ cụ túc giới. Sơ sanh bao giả, dụ ngã đệ tử phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Truy giả, dụ ư thập trụ Bồ Tát đắc kiến Phật tánh. Khai phẫu giả, dụ ư Bồ Tát đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Hương giả, dụ ư thập phương vô lượng chúng sanh thọ trì cấm giới. Quang giả, dụ ư Như Lai danh hiệu vô ngại, châu biến thập phương. Hạ tam ngoạt giả, dụ tam Tam-muội. Tam thập tam Thiên thọ khoái lạc giả, dụ ư chư Phật tại Đại Niết-bàn, đắc thường, lạc, tịnh. Thị danh biến dụ.

Thiện nam tử! Phạm sở dẫn dụ, bất tất tận thủ. Hoặc thủ thiếu phần; hoặc thủ đa phần; hoặc phục toàn thủ. Như ngôn: Như Lai diện như mãn nguyệt; thị danh thiếu phần.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, sơ bất kiến nhũ, chuyên vấn tha ngôn: Nhũ vi hà loại? Bĩ nhân đáp ngôn: Như thủy, mật, bối. Thủy tác thấp tướng; mật tác diêm tướng; bối tác sắc tướng. Tuy dẫn tam dụ, vị tức nhũ thật.

Thiện nam tử! Ngã ngôn đăng dụ, dụ ư chúng sanh, diệp phục như thị.

Thiện nam tử! Ly thủy vô hà. Chúng sanh diệp nhĩ, ly ngũ ấm dĩ, vô biệt chúng sanh.

善男子。如離箱轂輪軸輻輳更無別車。眾生亦爾。

善男子。若欲得合彼燈喻者。諦聽諦聽我今當說。炷者喻於二十五有。油者喻愛。明喻智慧。除破黑闇喻破無明。煖喻聖道。如燈油盡明焰則滅。眾生愛盡則見佛性。雖有名色不能繫縛。雖復處在二十五有。不為諸有之所染污。

師子吼言。世尊。眾生五陰空無所有。誰有受教修習道者。

佛言。善男子。一切眾生皆有念心慧心發心勤精進心信心定心。如是等法雖念念滅。猶故相似相續不斷。故名修道。

師子吼言。世尊。如是等法皆念念滅。是念念滅亦相似相續。云何修習。

佛言。善男子。如燈雖念念滅。而有光明除破闇冥。念等諸法亦復如是。

善男子。如眾生食雖念念滅。亦令飢者而得飽滿。譬如上藥雖念念滅亦能愈病。日月光明雖念念滅。亦能增長樹林草木。

善男子。汝言念念滅云何增長者。心不斷故名為增長。

Thiện nam tử! Như ly sừng, cóc, luân, trục, phúc, vọng, cánh vô biệt xa. Chúng sanh diệt nhĩ.

Thiện nam tử! Nhược dục đắc hiệp bỉ đặng dụ giả, đế thính, đế thính, ngã kim đương thuyết. Chú giả, dụ ư nhị thập ngũ hữu. Du giả, du ái. Minh, dụ trí tuệ. Trừ phá hắc ám, dụ phá vô minh. Noãn, dụ Thánh đạo. Như đặng du tận, minh diệt tặc diệt; chúng sanh ái tận, tặc kiến Phật tánh. Tuy hữu danh sắc, bất năng hệ phược. Tuy phục xứ tại nhị thập ngũ hữu, bất vi chư hữu chi sở nhiễm ô.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Chúng sanh ngũ ấm không, vô sở hữu. Thùy hữu thọ giáo, tu tập đạo giả?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh giai hữu: niệm tâm, tuệ tâm, phát tâm, cần tinh tấn tâm, tín tâm, định tâm. Như thị đặng pháp tuy niệm niệm diệt, du cố tương tự, tương tục bất đoạn; cố danh tu đạo.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Như thị đặng pháp giai niệm niệm diệt; thị niệm niệm diệt diệt tương tự, tương tục. Vân hà tu tập?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như đặng tuy niệm niệm diệt, nhi hữu quang minh trừ phá ám minh. Niệm đặng chư pháp diệt phục như thị.

Thiện nam tử! Như chúng sanh tự, tuy niệm niệm diệt, diệt linh cơ giả nhi đắc bảo mãn. Thí như thượng dược, tuy niệm niệm diệt, diệt năng dĩ bệnh. Nhật nguyệt quang minh, tuy niệm niệm diệt, diệt năng tăng trưởng thọ lâm thảo mộc.

Thiện nam tử! Nhữ ngôn: niệm niệm diệt, vân hà tăng trưởng giả? Tâm bất đoạn cố, danh vi tăng trưởng.

善男子。如人誦書所誦字句不得一時。前不至中中不至後。人之與字及以心想俱念念滅。以久修故而得通利。

善男子。譬如金師從初習作至于皓首。雖念念滅前不至後。以積習故所作遂妙。是故得稱善好金師。讀誦經書亦復如是。

善男子。譬如種子。地亦不教汝當生芽。以法性故牙則自生。乃至花亦不教汝當作果。以法性故而果自生。眾生修道亦復如是。

善男子。譬如數法。一不至二二不至三。雖念念滅而至千萬。眾生修道亦復如是。

善男子。如燈念念滅。初滅之焰不教後焰我滅汝生當破諸闇。

善男子。譬如犢子生便求乳。求乳之智實無人教。雖念念滅而初飢後飽。是故當知不應相似。若相似者不應異生。眾生修道亦復如是。初雖未增以久修故。則能破壞一切煩惱。

師子吼言。世尊。如佛所說。須陀洹人得果證已。雖生惡國猶故持戒。不殺盜婬兩舌飲酒。須陀洹陰即此處滅不至惡國。修道亦爾不至惡國。若相似者何故不生淨妙國土。若惡國陰非須陀洹陰。云何而得不作惡業。

Thiện nam tử! Như nhân tụng thư, sở tụng tự cú, bất đắc nhất thời: tiền bát chí trung, trung bát chí hậu. Nhân chi dĩ tự, cập dĩ tâm tưởng, câu niệm niệm diệt. Dĩ cửu tu cố, nhi đắc thông lợi.

Thiện nam tử! Thí như kim sư, tòng sơ tập tác chí vu hạo thủ, tuy niệm niệm diệt, tiền bát chí hậu. Dĩ tích tập cố, sở tác toại diệu. Thị cố đắc xưng thiện hảo kim sư. Độc tụng kinh thơ diệt phục như thị.

Thiện nam tử! Thí như chủng tử, địa diệt bất giáo: nữ đương sanh nha. Dĩ pháp tánh cố, nha tác tự sanh. Nãi chí hoa, diệt bất giáo: nữ đương tác quả. Dĩ pháp tánh cố, nhi quả tự sanh. Chúng sanh tu đạo, diệt phục như thị.

Thiện nam tử! Thí như số pháp: nhất bát chí nhị, nhị bát chí tam; tuy niệm niệm diệt, nhi chí thiên vạn. Chúng sanh tu đạo, diệt phục như thị.

Thiện nam tử! Như đăng niệm niệm diệt. Sơ diệt chi diệm bất giáo hậu diệm: ngã diệt, nữ sanh, đương phá chư ám.

Thiện nam tử! Thí như độc tử, sanh tiệן cầu nữ. Cầu nữ chi trí, thật vô nhân giáo. Tuy niệm niệm diệt, nhi sơ cơ hậu bão. Thị cố đương tri: bất ưng tương tự; nhược tương tự giả, bất ưng dị sanh. Chúng sanh tu đạo, diệt phục như thị; sơ tuy vị tăng, dĩ cửu tu cố, tác năng phá hoại nhất thiết phiền não!

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết: Tu-đà-hoàn nhân, đắc quả chứng dĩ, tuy sanh ác quốc, du cố trì giới: bất sát, đạo, dâm, lưỡng thiệt, ản tửu. Tu-đà-hoàn ám, tức thử xứ diệt, bát chí ác quốc. Tu đạo diệt nhi; bát chí ác quốc. Nhược tương tự giả, hà cố bất sanh tịnh diệu quốc độ? Nhược ác quốc ám phi Tu-đà-hoàn ám, vân hà nhi đắc bất tác ác nghiệp?



佛言。善男子。須陀洹者雖生惡國。終不失於須陀洹名陰不相似。是故我引犢子為喻。須陀洹人雖生惡國。以道力故不作惡業。

善男子。譬如香山有師子王。是故一切飛鳥走獸絕跡。此山無敢近者。有時是王至雪山中。一切鳥獸猶故不住。須陀洹人亦復如是。雖不修道以道力故不作諸惡。

善男子。譬如有人服食甘露。甘露雖滅以其力勢能令是不生不死。

善男子。如須彌山有上妙藥名楞伽利。有人服之雖念念滅。以藥力故不遇患苦。

善男子。如轉輪王所坐之處。王雖不在無人敢近。何以故。王威力故。須陀洹人亦復如是雖生惡國不修習道。以道力故不作惡業。

善男子。須陀洹陰於此而滅雖生異陰。猶故不失須陀洹陰。

善男子。譬如眾生為果實故於種子中多役作業。糞治溉灌未得果實而子復滅。亦得名為因子得果。須陀洹陰亦復如是。

善男子。譬如有人資產巨富。惟有一子先已終沒。其子有子復在他土。其人忽然奄便命終。孫聞是已還收產業。雖知財貨非其所作。然其收取無遮

Phật ngôn: Thiện nam tử! Tu-đà-hoàn giả tuy sanh ác quốc, chung bất thất ư Tu-đà-hoàn danh. Ấm bất tương tự, thị cố ngã dẫn độc tử vi dụ. Tu-đà-hoàn nhân, tuy sanh ác quốc, dĩ đạo lực cố, bất tác ác nghiệp.

Thiện nam tử! Thí như Hương sơn, hữu Sư tử vương, thị cố nhất thiết phi điều, tẩu thú tuyết tích thủ sơn: vô cảm cận giả. Hữu thời, thị vương chí Tuyết sơn trung, nhất thiết điều, thú du cố bất trụ. Tu-đà-hoàn nhân diệc phục như thị, tuy bất tu đạo, dĩ đạo lực cố, bất tác chư ác.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân phục thực cam lộ. Cam lộ tuy diệt, dĩ kỳ lực thế, năng linh thị nhân bất sanh bất tử.

Thiện nam tử! Như Tu-di sơn, hữu thượng diệu dược, danh Lăng-già-ly. Hữu nhân phục chi, tuy niệm niệm diệt, dĩ dược lực cố, bất ngộ hoạn khổ.

Thiện nam tử! Như chuyển luân vương sở tọa chi xứ, vương tuy bất tại, vô nhân cảm cận. Hà dĩ cố? Vương oai lực cố. Tu-đà-hoàn nhân diệc phục như thị; tuy sanh ác quốc, bất tu tập đạo, dĩ đạo lực cố, bất tác ác nghiệp.

Thiện nam tử! Tu-đà-hoàn ấm, ư thủ nhi diệt. Tuy sanh dị ấm, du cố bất thất Tu-đà-hoàn ấm.

Thiện nam tử! Thí như chúng sanh, vị quả thật cố, ư chủng tử trung, đa dịch tác nghiệp: phẩn, trị, khái quán. Vị đắc quả thật, nhi tử phục diệt. Diệc đắc danh vi nhân tử đắc quả. Tu-đà-hoàn ấm diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, tư sản cự phú, duy hữu nhất tử; tiên dĩ chung một. Kỳ nhân hữu tử, phục tại tha độ. Kỳ nhân hốt nhiên yếm tiện mạng chung. Tôn văn thị dĩ, hoàn thâu sản nghiệp. Tuy tri tài hóa phi kỳ sở tác, nhiên kỳ thâu

護者。何以故。以姓一故。須陀洹陰亦復如是。

師子吼言。如佛說偈。

比丘若修習  
戒定及智慧  
當知是不退  
親近大涅槃

世尊。云何修戒云何修定云何修慧。

佛言。善男子。若有人受持禁戒。但為自利人天受樂。不為度脫一切眾生。不為擁護無上正法。但為利養畏三惡道。為命色力安無礙辯。畏懼王法惡名穢稱為世事業。如是護戒則不得名修習戒也。

善男子。云何名為真修習戒。受持戒時。若為度脫一切眾生為護正法。度未度故。解未解故。歸無歸故。未入涅槃令得入故。如是修時。不見戒不見戒相不見持者。不見果報不觀毀犯。善男子。若能如是。是則名為修習戒也。

云何復名修習三昧。修三昧時。為自度脫為於利養。不為眾生不為護法。為見貪欲穢食等過。男女等根九孔不淨。鬥訟打刺互相殺害。若為此事修三昧者。是則不名修習三昧。

善男子。云何復名真修三昧。若為眾生修習三

thủ, vô già hộ giả. Hà dĩ cố? Dĩ tánh nhất cố. Tu-đà-hoàn ẩm diệc phục như thị.

Sư Tử Hống ngôn: Như Phật thuyết kệ:

Tỳ-kheo nhược tu tập.  
Giới định cập trí tuệ;  
Đương trì thị bất thối,  
Thân cận Đại Niết-bàn.

Thế Tôn! Vân hà tu giới? Vân hà tu định? Vân hà tu tuệ?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược hữu nhân thọ trì cấm giới, dẫn vị tự lợi: nhân, thiên thọ lạc; bất vị độ thoát nhất thiết chúng sanh; bất vị ủng hộ vô thượng Chánh Pháp; dẫn vị lợi dưỡng, úy tam ác đạo; vị mạng, sắc, lực; an vô ngại biện, úy cụ vương pháp, ác danh uế xưng, vi thế sự nghiệp. Như thị hộ giới, tác bất đắc danh tu tập giới dã.

Thiện nam tử! Vân hà danh vi chân tu tập giới? Thọ trì giới thời, nhược vị độ thoát nhất thiết chúng sanh, vị hộ Chánh Pháp, độ vị độ cố, giải vị giải cố, quy vị quy cố; vị nhập Niết-bàn, linh đắc nhập cố. Như thị tu thời, bất kiến giới, bất kiến giới tướng, bất kiến trì giả, bất kiến quả báo, bất quan hủy phạm. Thiện nam tử! Nhược năng như thị, thị tác danh vi tu tập giới dã.

Vân hà phục danh tu tập Tam-muội? Tu Tam-muội thời, vị tự độ thoát, vị ư lợi dưỡng, bất vị chúng sanh, bất vị hộ pháp, vị kiến tham dục, uế thực đẳng quá, nam, nữ đẳng căn, cửu không bất tịnh, đấu, tụng, đả, thích, hổ tương sát hại. Nhược vị thủ sự, tu Tam-muội giả, thị tác bất danh tu tập Tam-muội.

Thiện nam tử! Vân hà phục danh chân tu Tam-muội? Nhược vị chúng sanh tu tập Tam-muội; ư chúng sanh trung,

昧。於眾生中得平等心。為令眾生得不退法。為令眾生得聖心故。為令眾生得大乘故。為欲護持無上法故。為令眾生不退菩提心故。為令眾生得首楞嚴三昧故。為令眾生得金剛三昧故。為令眾生得陀羅尼故。為令眾生得四無礙故。為令眾生見佛性故。作是行時。不見三昧不見三昧相。不見修者不見果報。善男子。若能如是。是則名為修習三昧。

云何復名修於智慧。若有修者作是思惟。我若修習如是智慧。則得解脫度三惡道誰能利益一切眾生。誰能度人於生死道。佛出世難如優曇鉢花。我今能斷諸煩惱結必得解脫果。是故我當勤修智慧。速斷煩惱早得度脫。如是修者。不得名為修習智慧。

云何名為真修習智。智者若觀生老死苦。一切眾生無明所覆。不知修習無上正道。願我此身悉代眾生受大苦惱。眾生所有貧窮下賤破戒之心貪瞋癡業。願皆悉來集于我身。願諸眾生不生貪取。不為名色之所繫縛。願諸眾生早度生死。令我一身處之不厭。願令一切皆得阿耨多羅三藐三菩提。如是修時。不見智慧不見智慧相。不見修者不見果報。是則名為修習智慧。

善男子。修習如是戒定智慧是名菩薩。不能如是修戒定慧是名聲聞。

đắc bình đẳng tâm; vị linh chúng sanh đắc bất thoái pháp; vị linh chúng sanh đắc thánh tâm cố; vị linh chúng sanh đắc Đại thừa cố; vị dục hộ trì vô thượng pháp cố; vị linh chúng sanh bất thoái Bồ-đề tâm cố; vị linh chúng sanh đắc Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội cố; vị linh chúng sanh đắc Kim cang Tam-muội cố; vị linh chúng sanh đắc Đà-la-ni cố; vị linh chúng sanh đắc Tứ vô ngại cố; vị linh chúng sanh kiến Phật tánh cố. Tác thị hạnh thời, bất kiến Tam-muội, bất kiến Tam-muội tướng, bất kiến tu giả, bất kiến quả báo. Thiện nam tử! Nhược năng như thị, thị tác danh vi tu tập Tam-muội.

Vân hà phục danh tu ư trí tuệ? Nhược hữu tu giả tác thị tư duy: Ngã nhược tu tập như thị trí tuệ, tác đắc giải thoát, độ tam ác đạo. Thùy năng lợi ích nhất thiết chúng sanh? Thùy năng độ nhân ư sanh tử đạo? Phật xuất thế nan, như Ưu-đàm-bát hoa. Ngã kim năng đoạn chư phiền não kết, đắc giải thoát quả. Thị cố ngã đương cần tu trí tuệ, tốc đoạn phiền não, tảo đắc độ thoát. Như thị tu giả, bất đắc danh vi tu tập trí tuệ.

Vân hà danh vi chân tu tập trí? Trí giả nhược quán: Sanh, lão, tử, khổ. Nhất thiết chúng sanh, vô minh sở phú, bất tri tu tập vô thượng chánh đạo. Nguyên ngã thủ thân, tất đại chúng sanh, thọ đại khổ não. Chúng sanh sở hữu bản cùng hạ tiện phá giới chi tâm, tham sân si nghiệp, nguyên giai tất lai tập vu ngã thân! Nguyên chư chúng sanh bất sanh tham thủ; bất vi danh sắc chi sở hệ phục! Nguyên chư chúng sanh tảo độ sanh tử, linh ngã nhất thân xử chi bất yếm! Nguyên linh nhất thiết giai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Như thị tu thời, bất kiến trí tuệ, bất kiến trí tuệ tướng, bất kiến tu giả, bất kiến quả báo. Thị tác danh vi tu tập trí tuệ.

Thiện nam tử! Tu tập như thị giới, định, trí tuệ, thị danh Bồ Tát. Bất năng như thị tu giới, định, tuệ, thị danh Thanh văn.

復次善男子。云何復名修集於戒。若能破壞一切眾生十六惡律儀。何等十六。一者為利餽養羔羊肥已轉賣。二者為利買已屠殺。三者為利餽養豬豚肥已轉賣。四者為利買已屠殺。五者為利餽養牛犢肥已轉賣。六者為利買已屠殺。七者為利養雞令肥肥已轉賣。八者為利買已屠殺。九者釣魚。十者獵師。十一者劫奪。十二者魁膾。十三者網捕飛鳥。十四者兩舌。十五者獄卒。十六者咒龍。能為眾生永斷如是十六惡業。是名修戒。

云何修定。能斷一切世間三昧。所謂無身三昧。能令眾生顛倒心謂是涅槃。有無邊心三昧淨聚三昧世邊三昧世斷三昧世性三昧世丈夫三昧非想非非想三昧。如是等定能令眾生顛倒心謂是涅槃。若能永斷如是三昧。是則名為修習三昧。

云何復名修習智慧。能破世間所有惡見。一切眾生悉有惡見。所謂色即是我亦是我所。色中有我我中有色。乃至識亦如是。常即是我色滅我存。色即是我色滅我滅。復有人言。作者名我受者名色。復有人言。作者名色受者名我。復有人言。無作無受自生自滅悉非因緣。復有人言。無作無受悉是自在之所造作。復有人言。無有作者無有受者。一切悉是時節所作。復有人言。作者受者悉無所有。地等五大名為眾生。

Phục thú, thiện nam tử! Vân hà phục danh tu tập ư giới? Nhược năng phá hoại nhất thiết chúng sanh thập lục ác luật nghi. Hà đẳng thập lục? Nhất giả vị lợi, ủy dưỡng cao, dương phì dĩ chuyển mại. Nhị giả vị lợi, mĩ dĩ đồ sát. Tam giả vị lợi, ủy dưỡng trư, đôn; phì dĩ chuyển mại. Tứ giả vị lợi, mĩ dĩ đồ sát. Ngũ giả vị lợi, ủy dưỡng ngư độc; phì dĩ chuyển mại. Lục giả vị lợi, mĩ dĩ đồ sát. Thất giả vị lợi, dưỡng kê linh phì; phì dĩ chuyển mại. Bát giả vị lợi, mĩ dĩ đồ sát. Cửu giả điều ngư. Thập giả lạp sư. Thập nhất giả kiếp đoạt. Thập nhị giả khôi khoái. Thập tam giả vông bỏ phi điều. Thập tứ giả lưỡng thiệt. Thập ngũ giả ngục tốt. Thập lục giả chú long. Năng vị chúng sanh, vĩnh đoạn như thị thập lục ác nghiệp, thị danh tu giới.

Vân hà tu định? Năng đoạn nhất thiết thế gian Tam-muội; sở vị: Vô thân Tam-muội năng linh chúng sanh sanh diên đảo tâm, vị thị Niết-bàn; Hữu vô biên tâm Tam-muội, Tịnh tụ Tam-muội, Thế biên Tam-muội, Thế đoạn Tam-muội, Thế tánh Tam-muội, Thế trượng phu Tam-muội, Phi tướng phi phi tướng Tam-muội. Như thị đẳng định năng linh chúng sanh sanh diên đảo tâm, vị thị Niết-bàn. Nhược năng vĩnh đoạn như thị Tam-muội, thị tác danh vi tu tập Tam-muội.

Vân hà phục danh tu tập trí tuệ? Năng phá thế gian sở hữu ác kiến. Nhất thiết chúng sanh tất hữu ác kiến, sở vị: sắc tức thị ngã, diệt thị ngã sở; sắc trung hữu ngã; ngã trung hữu sắc. Nãi chí thức diệt như thị. Thường tức thị ngã; sắc diệt ngã tồn. Sắc tức thị ngã; sắc diệt, ngã diệt. Phục hữu nhân ngôn: Tác giả danh ngã; thọ giả danh sắc. Phục hữu nhân ngôn: Tác giả danh sắc; thọ giả danh ngã. Phục hữu nhân ngôn: vô tác, vô thọ; tự sanh, tự diệt; tất phi nhân duyên. Phục hữu nhân ngôn: vô tác, vô thọ; tất thị Tự tại chi sở tạo tác. Phục hữu nhân ngôn: vô hữu tác giả, vô hữu thọ giả; nhất thiết tất thị thời tiết sở tác. Phục hữu nhân ngôn: tác giả thọ giả, tất vô sở hữu. Địa đẳng ngũ đại, danh vi chúng sanh.

善男子。若能破壞一切眾生如是惡見。是則名為修智慧也。

善男子。修習戒者為身寂靜。修習三昧為心寂靜。修習智慧為壞疑心。壞疑心者為修習道。修習道者為見佛性。見佛性者為得阿耨多羅三藐三菩提故。得阿耨多羅三藐三菩提者為得無上大涅槃故。得大涅槃者，為斷眾生一切生死，一切煩惱，一切諸有，一切諸界，一切諸諦故。斷於生死乃至斷諦。為得常樂我淨法故。

師子吼言。世尊。如佛所說。若不生不滅名大涅槃者。生亦如是不生不滅。何故不得名為涅槃。

善男子。如是如是如汝所言。是生雖復不生不滅而有始終。

世尊。是生死法亦無始終。若無始終則名為常。常即涅槃。何故不名生死為涅槃耶。

善男子。是生死法悉有因果。有因果故，不得名之為涅槃也。何以故。涅槃之體無因果故。

師子吼言。世尊。夫涅槃者亦有因果。如佛所說。

從因故生天，  
從因墮惡道，  
從因故涅槃，  
是故皆有因。

Thiện nam tử! Nhược năng phá hoại nhất thiết chúng sanh như thị ác kiến, thị tác danh vi tu trí tuệ dã.

Thiện nam tử! Tu tập giới giả, vị thân tịch tĩnh. Tu tập Tam-muội, vị tâm tịch tĩnh. Tu tập trí tuệ, vị hoại nghi tâm. Hoại nghi tâm giả, vị tu tập đạo. Tu tập đạo giả, vị kiến Phật tánh. Kiến Phật tánh giả, vị đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề cố. Đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, vị đắc Vô thượng Đại Niết-bàn cố. Đắc Đại Niết-bàn giả, vị đoạn chúng sanh nhất thiết sanh tử, nhất thiết phiền não, nhất thiết chư hữu, nhất thiết chư giới, nhất thiết chư đế cố. Đoạn ư sanh tử nãi chí đoạn đế, vị đắc Thường, Lạc, Ngã, Tịnh Pháp cố.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết: Nhược bất sanh bất diệt danh Đại Niết-bàn giả, sanh diệt như thị bất sanh bất diệt; hà cố bất đắc danh vi Niết-bàn?

Thiện nam tử! Như thị! Như thị! Như nữ sở ngôn. Thị sanh tuy phục bất sanh bất diệt, nhi hữu thủy chung.

Thế Tôn! Thị sanh tử pháp diệt vô thủy chung. Nhược vô thủy, chung, tác danh vi thường. Thường tức Niết-bàn. Hà cố bất danh sanh tử vi Niết-bàn da?

Thiện nam tử! Thị sanh tử pháp, tất hữu nhân quả. Hữu nhân quả cố, bất đắc danh chi vi Niết-bàn dã. Hà dĩ cố? Niết-bàn chi thể, vô nhân quả cố.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Phù Niết-bàn giả diệt hữu nhân quả. Như Phật sở thuyết:

Tùng nhân cố sanh thiên,  
Tùng nhân đọa ác đạo;  
Tùng nhân cố Niết-bàn,  
Thị cố giai hữu nhân.

如佛往昔告諸比丘。我今當說沙門道果。言沙門者。謂能具修戒定智慧。道者謂八聖道。沙門果者所謂涅槃。

世尊。涅槃如是豈非果耶。云何說言涅槃之體無因無果。

佛言。善男子。我所宣說涅槃因者。所謂佛性。佛性之性不生涅槃。是故我言涅槃無因。能破煩惱故名大果。不從道生故名無果。是故涅槃無因無果。

師子吼言。世尊。眾生佛性為悉共有為各各有。若共有者一人得阿耨多羅三藐三菩提時。一切眾生亦應同得。

世尊。如二十人同有一怨。若一人能除。餘十九人皆亦同除。佛性亦爾。一人得時餘亦應得。

若各各有則是無常。何以故。可算數故。然佛所說眾生佛性不一不二。若各各有不應說言諸佛平等。亦不應說佛性如空。

佛言。善男子。眾生佛性不一不二。諸佛平等猶如虛空。一切眾生同共有之。若有能修八聖道者。當知是人則得明見。

善男子。雪山有草名曰忍辱。牛若食之則成醍醐。眾生佛性亦復如是。

Như Phật往昔 tích cáo chư tỳ-kheo: Ngã kim đương thuyết sa-môn đạo quả. Ngôn sa-môn giả, vị năng cụ tu giới, định, trí tuệ, đạo giả, vị Bát Thánh đạo. Sa-môn quả giả, sở vị Niết-bàn.

Thế Tôn! Niết-bàn như thị, khởi phi quả da? Vân hà thuyết ngôn, Niết-bàn chi thể, vô nhân, vô quả?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngã sở tuyên thuyết Niết-bàn nhân giả, sở vị Phật tánh. Phật tánh chi tánh, bất sanh Niết-bàn. Thị cố ngã ngôn Niết-bàn vô nhân. Năng phá phiền não cố danh đại quả. Bất tùng đạo sanh, cố danh vô quả. Thị cố Niết-bàn vô nhân, vô quả.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Chúng sanh Phật tánh, vi tất cộng hữu, vi các các hữu? Nhược cộng hữu giả, nhất nhân đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thời, nhất thiết chúng sanh diệc ưng đồng đắc!

Thế Tôn! Như nhị thập nhân đồng hữu nhất oán. Nhược nhất nhân năng trừ, dư thập cửu nhân giai diệc đồng trừ. Phật tánh diệc nhĩ; nhất nhân đắc thời, dư diệc ưng đắc.

Nhược các các hữu, tắc thị vô thường. Hà dĩ cố? Khả toán số cố. Nhiên Phật sở thuyết: chúng sanh Phật tánh, bất nhất bất nhị. Nhược các các hữu, bất ưng thuyết ngôn: Chư Phật bình đẳng, diệc bất ưng thuyết: Phật tánh như không.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Chúng sanh Phật tánh, bất nhất bất nhị. Chư Phật bình đẳng, do như hư không. Nhất thiết chúng sanh đồng cộng hữu chi. Nhược hữu năng tu Bát Thánh đạo giả, đương tri thị nhân tắc đắc minh kiến.

Thiện nam tử! Tuyết sơn hữu thảo, danh viết nhẫn nhục. Ngưu nhược thực chi, tắc thành đề-hồ. Chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị.

師子吼言。如佛所說忍辱草者。一耶多耶。如其一者牛食則盡。如其多者云何而言眾生佛性亦如是耶。如佛所說。若有修習八聖道者則見佛性。是義不然。何以故。道若一者如忍辱草則應有盡。如其有盡一人修已餘則無分。若道多者云何得言具足修習。亦不得名薩婆若智。

佛言。善男子。如平坦路一切眾生悉於中行無障礙者。中路有樹其蔭清涼。行人在下憩駕止息。然其樹蔭常住不異。亦不消壞無持去者。路。喻聖道。蔭喻佛性。

善男子。譬如大城唯有一門。雖有多人經由入出。都無有能作障礙者。亦復無人破壞毀落而齎持去。

善男子。譬如橋梁行人所遊。亦無有人遮止障礙毀壞持去。

善男子。譬如良醫遍療眾病。亦無有能遮止是醫治此捨彼。聖道佛性亦復如是。

師子吼言。世尊。所引諸喻義不如是。何以故。先者在路於後則妨。云何而言無有障礙。餘亦皆爾。聖道佛性若如是者。一人修時應妨餘者。

佛言。善男子。如汝所說義不相應。我所喻道是少分喻非一切也。

Sư Tử Hống ngôn: Như Phật sở thuyết nhẫn nhục thảo giả, nhất da, đa da? Như kỳ nhất giả, ngư thực tác tận. Như kỳ đa giả, vân hà nhi ngôn chúng sanh Phật tánh diệc như thị da? Như Phật sở thuyết: nhược hữu tu tập Bát Thánh đạo giả, tác kiến Phật tánh. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Đạo nhược nhất giả, như nhẫn nhục thảo, tác ưng hữu tận. Như kỳ hữu tận, nhất nhân tu dĩ, dư tác vô phần. Đạo nhược đa giả, vân hà đắc ngôn cụ túc tu tập? Diệc bất đắc danh Tát-bà-nhã trí.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như bình thân lộ, nhất thiết chúng sanh tất ư trung hành, vô chướng ngại giả. Trung lộ hữu thụ, kỳ âm thanh lương. Hành nhân tại hạ, khí giá chỉ túc. Nhiên kỳ thụ âm thường trụ bất dị, diệc bất tiêu hoại, vô trì khứ giả. Lộ, dụ Thánh đạo; âm, dụ Phật tánh.

Thiện nam tử! Thí như đại thành, duy hữu nhất môn. Tuy hữu đa nhân kinh do nhập xuất, đô vô hữu năng tác chướng ngại giả; diệc phục vô nhân phá hoại hủy lạc nhi tê trì khứ.

Thiện nam tử! Thí như kiều lương, hành nhân sở du; diệc vô hữu nhân giả chỉ chướng ngại, hủy hoại trì khứ.

Thiện nam tử! Thí như lương y, biến liệu chúng bệnh; diệc vô hữu năng giả chỉ thị y: trị thử, xả bỉ. Thánh đạo, Phật tánh diệc phục như thị.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Sở dẫn chư dụ, nghĩa bất như thị. Hà dĩ cố? Tiên giả tại lộ, ư hậu tác phương. Vân hà nhi ngôn vô hữu chướng ngại? Dư diệc giai nhĩ. Thánh đạo, Phật tánh nhược như thị giả, nhất nhân tu thời, ưng phương dư giả!

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như nữ sở thuyết, nghĩa bất tương ứng. Ngã sở dụ đạo thị thiếu phần dụ, phi nhất thiết dã.

善男子。世間道者則有障礙。此彼之異無有平等。無漏道者則不如是。能令眾生無有障礙。平等無二無有妨處此彼之異。如是正道能為一切眾生佛性。而作了因不作生因。猶如明燈照了於物。

善男子。一切眾生皆同無明因緣於行。不可說言一人無明因緣行已其餘應無。一切眾生悉有無明因緣於行。是故說言十二因緣一切平等。眾生所修無漏正道亦復如是。等斷眾生煩惱因<sup>(1)</sup>生諸界有道。以是義故名為平等。其有證者彼此知見無有障礙。是故得名薩婆若智。

師子吼言。一切眾生身不一種。或有人身或有畜生餓鬼地獄之身。如是多身差別非一。云何而言佛性為一。

佛言。善男子。譬如有人置毒乳中。乃至醍醐皆悉有毒。乳不名酪酪不名乳。乃至醍醐亦復如是。名字雖變毒性不失。遍五味中皆悉如是。若服醍醐亦能殺人。實不置毒於醍醐中。眾生佛性亦復如是。雖處五道受別異身。而是佛性常一無變。

師子吼言。世尊。十六大國有六大城。所謂舍

<sup>1</sup> Các bản dịch trước đây dường như đều dịch chữ 四 (tứ) ở vị trí này. (Vì các vị không in kèm Hán văn nên không thể xác định được.) Bản khắc gỗ của chúng tôi hiện có khắc là chữ 因 (nhân). Niết-bàn kinh sơ (quyển 17) giải thích câu này là: 諸界有道者謂三界二十五有, 六道也。煩惱是因, 四生諸界有道是果。 Như vậy chữ 因 (nhân) ở đây cũng là hợp lý.

Thiện nam tử! Thế gian đạo giả, tác hữu chương ngại: thủ, bỉ chi dị, vô hữu bình đẳng. Vô lậu đạo giả, tác bất như thị; năng linh chúng sanh vô hữu chương ngại, bình đẳng vô nhị; vô hữu phùng xứ: thủ, bỉ chi dị. Như thị chánh đạo năng vị nhất thiết chúng sanh Phật tánh nhi tác liễu nhân, bất tác sanh nhân, do như minh đăng chiếu liễu ư vật.

Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh giai đồng vô minh, nhân duyên ư hành. Bất khả thuyết ngôn: nhất nhân vô minh nhân duyên hành dĩ; kỳ dư ưng vô. Nhất thiết chúng sanh tất hữu vô minh, nhân duyên ư hành. Thị cố thuyết ngôn: Thập nhị nhân duyên, nhất thiết bình đẳng. Chúng sanh sở tu vô lậu chánh đạo, diệt phục như thị; đẳng đoạn chúng sanh phiền não nhân sanh chư giới hữu đạo. Dĩ thị nghĩa cố, danh vi bình đẳng. Kỳ hữu chúng giả: bỉ thủ tri kiến vô hữu chương ngại. Thị cố đắc danh Tát-bà-nhã trí.

Sư Tử Hống ngôn: Nhất thiết chúng sanh, thân bất nhất chủng: hoặc hữu nhân thân, hoặc hữu súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục chi thân. Như thị đa thân sai biệt phi nhất. Vân hà nhi ngôn Phật tánh vi nhất?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thí như hữu nhân trí độc nhũ trung. Nãi chí đề-hồ, giai tất hữu độc. Nhũ bất danh lạc, lạc bất danh nhũ; nãi chí đề-hồ, diệt phục như thị. Danh tự tuy biến, độc tánh bất thất, biến ngũ vị trung, giai tất như thị. Nhược phục đề-hồ, diệt năng sát nhân; thật bất trí độc ư đề-hồ trung. Chúng sanh Phật tánh diệt phục như thị; tuy xử ngũ đạo, thọ biệt dị thân, nhi thị Phật tánh thường nhất vô biến.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Thập lục đại quốc, hữu lục đại thành, sở vị: Xá-bà-đề thành, Bà-chỉ-đa thành, Chiêm-bà thành, Tỳ-xá-ly thành, Ba-la-nại thành, Vương-xá thành.



婆提城婆枳多城瞻婆城毘舍離城波羅奈城王舍城。如是六城世中最大。何故如來捨之。在此邊地弊惡極陋隘小拘尸那城入般涅槃。

善男子。汝不應言拘尸那城邊地弊惡最陋隘小。應言是城微妙功德之所莊嚴。何以故。諸佛菩薩所行處故。

善男子。如賤人舍。王若過者則應讚歎。是舍嚴麗福德成就。能令大王迴駕臨顧。

善男子。如人重病服穢弊藥。服已病愈即應歡喜讚歎。是藥最上最妙能愈我病。

善男子。如人乘船在大海中。其船卒壞無所依倚。因倚死屍得到彼岸。到彼岸已應大歡喜讚歎。是屍我賴相遇而得安隱。拘尸那城亦復如是。乃是諸佛菩薩行處。云何而言邊地弊惡隘陋小城。

善男子。我念往昔過恆河沙劫劫名善覺。時有聖王姓憍尸迦。七寶成就千子具足。其王始初造立此城。周匝縱廣十二由延七寶莊嚴。土多有河其水清淨柔軟甘美。所謂尼連禪河伊羅跋提河熙連禪河伊搜末垣河毘婆舍那河。如是等河其數五百。河此彼岸樹木繁茂花果鮮潔。

Như thị lục thành, thế trung tối đại. Hà cố Như Lai xả chi, tại thủ biên địa tệ ác, cực lậu ả tiểu, Câu-thi-na thành, nhập Bát Niết-bàn?

Thiện nam tử! Nhữ bất ưng ngôn: Câu-thi-na thành, biên địa tệ ác, tối lậu ả tiểu. Ưng ngôn: thị thành vi diệu công đức chi sở trang nghiêm. Hà dĩ cố? Chư Phật Bồ Tát sở hành xứ cố.

Thiện nam tử! Như tiện nhân xá, vương nhược quá giả, tắc ưng tán thán thị xá nghiêm lệ phước đức thành tựu, năng linh Đại vương hồi giá lâm cố.

Thiện nam tử! Như nhân trọng bệnh, phục uestệ dược. Phục dĩ, bệnh dĩ. Túc ưng hoan hỷ, tán thán: Thị dược tối thượng tối diệu, năng dĩ ngã bệnh!

Thiện nam tử! Như nhân thừa thuyền tại đại hải trung. Kỳ thuyền thốt hoại, vô sở y ý. Nhân y tử thi, đắc đáo bỉ ngạn. Đáo bỉ ngạn dĩ, ưng đại hoan hỷ, tán thán thị thi: Ngã lại tương ngộ, nhi đắc an ổn. Câu-thi-na thành diệt phục như thị; nãi thị chư Phật, Bồ Tát hành xứ. Vân hà nhi ngôn biên địa tệ ác, ả lậu tiểu thành?

Thiện nam tử! Ngã niệm vãng tích, quá hằng hà sa kiếp, kiếp danh Thiện Giác. Thời hữu Thánh vương, tánh Kiều-thi-ca, thất bảo thành tựu, thiên tử cụ túc. Kỳ vương thủy sơ tạo lập thủ thành, châu táp tung quảng thập nhị do-diên, thất bảo trang nghiêm. Thổ đa hữu hà, kỳ thủy thanh tịnh, nhu nhuyễn, cam mỹ. Sở vị: Ni-liên-thiên hà, Y-la-bạt-đề hà, Hy-liên-thiên hà, Y-sưu-vị-viên hà, Tỳ-bà-xà-na hà... Như thị đẳng hà, kỳ số ngũ bá. Hà thủ, bỉ ngạn, thọ mộc phiên mậu, hoa quả tiên khiết.

爾時人民壽命無量。時轉輪聖王過百年已作是唱言。如佛所說。一切諸法皆悉無常。若能修習十善法者。能斷如是無常大苦。人民聞已咸共奉修十善之法。

我於爾時聞佛名號。受持十善思惟修習。初發阿耨多羅三藐三菩提心。發是心已復以是法轉教無量無邊眾生。言一切法無常變壞。是故我今續於此處。亦說諸法無常變壞。惟說佛身是常住法。我憶往昔所行因緣。是故今來在此涅槃。亦欲酬報此地往恩。以是義故。我經中說。我眷屬者受恩能報。

復次善男子。往昔眾生壽無量時。爾時此城名拘舍跋提。周匝縱廣五十由延。時閻浮提居民鄰接雞飛相及。有轉輪王名曰善見。七寶成就千子具足。王四天下。第一太子思惟正法得辟支佛。

時轉輪王見其太子成辟支佛威儀庠序神通希有。見是事已即捨王位如棄涕唾。出家在此娑羅樹間。八萬歲中修習慈心。悲喜捨心各八萬歲。

善男子。欲知爾時善見聖王則我身是。是故我今常樂遊止如是四法。是四法者名為三昧。以是義故如來之身常樂我淨。

Nhĩ thời, nhân dân thọ mạng vô lượng. Thời chuyển luân Thánh vương, quá bá niên dĩ, tác thị xướng ngôn: Như Phật sở thuyết, nhất thiết chư pháp giai tất vô thường. Nhược năng tu tập Thập thiện pháp giả, năng đoạn như thị vô thường đại khổ. Nhân dân văn dĩ, hàm cộng phụng tu Thập thiện chi pháp.

Ngã ư nhĩ thời, văn Phật danh hiệu, thọ trì Thập thiện, tư duy tu tập, sơ phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Phát thị tâm dĩ, phục dĩ thị pháp, chuyển giáo vô lượng vô biên chúng sanh, ngôn nhất thiết pháp vô thường biến hoại. Thị cố ngã kim tục ư thủ xứ, diệc thuyết chư pháp vô thường biến hoại, duy thuyết Phật thân thị thường trụ pháp. Ngã ức vãng tích sở hành nhân duyên, thị cố kim lai tại thủ Niết-bàn; diệc phục thù báo thủ địa vãng ân. Dĩ thị nghĩa cố, ngã kinh trung thuyết: ngã quyến thuộc giả, thọ ân năng báo.

Phục thứ, thiện nam tử! Vãng tích chúng sanh thọ vô lượng thời. Nhĩ thời, thủ thành danh Câu-xá-bạt-đề, châu táp túng quảng ngũ thập do-diên. Thời Diêm-phù-đề, cư dân lân tiếp, kê phi tương cập. Hữu Chuyển luân vương, danh viết Thiện Kiến, thất bảo thành tựu, thiên tử cụ túc; vượng tứ thiên hạ. Đệ nhất thái tử tư duy Chánh pháp đắc Bích-chi Phật.

Thời, Chuyển luân vương kiến kỳ thái tử thành Bích-chi Phật, oai nghi tường tự, thần thông hy hữu. Kiến thị sự dĩ, túc xả vương vị như khí thế thóa, xuất gia tại thủ sa-la thọ gian. Bát vạn tuế trung, tu tập từ tâm; bi, hỷ, xả tâm, các bát vạn tuế.

Thiện nam tử! Dục tri nhĩ thời Thiện Kiến Thánh vương, tác ngã thân thị. Thị cố ngã kim thường nhạo du chỉ như thị tứ pháp. Thị tứ pháp giả, danh vi Tam-muội. Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai chi thân: thường, lạc, ngã, tịnh.

善男子。以是因緣今來在此拘尸那城娑羅樹間三昧正受。

善男子。我念往昔過無量劫。此城爾時名迦毘羅衛。其城有王名曰白淨。其王夫人名曰摩耶。王有一子名悉達多。爾時王子不由師教。自然思惟得阿耨多羅三藐三菩提。有二弟子。一名舍利弗。二名大目犍連。給侍弟子名曰阿難。爾時世尊在雙樹間演說如是大涅槃經。

我時在會得預斯事。聞諸眾生悉有佛性。聞是事已即於菩提得不退轉。尋自發願。願未來世成佛之時。父母國土名字弟子侍使之入說法教化。如今世尊等無有異。以是因緣今來在此敷揚演說大涅槃經。

善男子。我初出家未得阿耨多羅三藐三菩提時。頻婆娑羅王遣使而言。悉達太子。若為聖王我當臣屬。若不樂家得阿耨多羅三藐三菩提者。願先來至此王舍城說法度人受我供養。我時默然已受彼請。

善男子。我初得阿耨多羅三藐三菩提已向竭闍國。時伊連禪河有婆羅門姓迦葉氏。與五百弟子在彼河側求無上道。我為是人故往說法。迦葉言。瞿曇。我今年邁已百二十。摩伽陀國所有人民及其大王頻婆娑羅。咸謂我已證羅漢果。我今若當在於汝

Thiện nam tử! Dĩ thị nhân duyên, kim lai tại thử Câu-thi-na thành, Sa-la thọ gian, Tam-muội chánh thọ.

Thiện nam tử! Ngã niệm vãng tích, quá vô lượng kiếp, thử thành nhĩ thời danh Ca-tỳ-la-vệ. Kỳ thành hữu vương, danh viết Bạch Tịnh. Kỳ vương phu nhân, danh viết Ma-da. Vương hữu nhất tử, danh Tất-đạt-đa. Nhĩ thời, vương tử bất do sư giáo, tự nhiên tư duy, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Hữu nhị đệ tử, nhất danh Xá-lợi-phất, nhị danh Đại Mục-kiền-liên. Cấp thị đệ tử, danh viết A-nan. Nhĩ thời Thế Tôn tại song thọ gian, diễn thuyết như thị Đại Niết-bàn kinh.

Ngã thời tại hội, đắc dự tư sự, văn chư chúng sanh tất hữu Phật tánh. Văn thị sự dĩ, tức ư Bồ-đề đắc bất thoái chuyển, tâm tự phát nguyện: Nguyện vị lai thế, thành Phật chi thời, phụ mẫu, quốc độ, danh tự, đệ tử, thị sử chi nhân, thuyết pháp giáo hóa, như kim Thế Tôn, đắc vô hữu dị. Dĩ thị nhân duyên, kim lai tại thử, phu dương diễn thuyết Đại Niết-bàn kinh.

Thiện nam tử! Ngã sơ xuất gia, vị đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thời, Tần-bà-sa-la vương khiển sứ nhi ngôn: Tất-đạt Thái tử nhược vi Thánh vương, ngã đương thân thuộc. Nhược bất nhạo gia, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, nguyện tiên lai chí thử Vương-xá thành, thuyết pháp độ nhân, thọ ngã cúng dường. Ngã thời mặc nhiên, dĩ thọ bử thỉnh.

Thiện nam tử! Ngã sơ đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dĩ, hướng Kiệt-xà quốc. Thời, Y-liên-thiên hà, hữu Bà-la-môn, tánh Ca-diếp thị; dĩ ngũ bá đệ tử tại bỉ hà trác, cầu vô thượng đạo. Ngã vị thị nhân, cố vãng thuyết pháp. Ca-diếp ngôn: Cô-đàm! Ngã kim niên mại, dĩ bá nhị thập. Ma-già-đa quốc sở hữu nhân dân, cập kỳ Đại vương Tần-bà-sa-la, hàm vị ngã dĩ chứng La-hán quả. Ngã kim nhược đương tại ư nhữ

前聽受法者。一切人民或生倒心。大德迦葉非羅漢耶。幸願瞿曇速往餘處。若此人民定知瞿曇功德勝我。我等無由復得供養。

我時答言。迦葉。汝若於我不生慳重大瞋恨者。見容一宿明當早去。

迦葉言。瞿曇。我心無他深相愛重。但我住處有一毒龍。其性暴急恐相危害。

我言。迦葉。毒中之毒不過三毒。我今已斷。世間之毒我所不畏。

迦葉復言。苟能不畏，善哉。聽住。

善男子。我於爾時故為迦葉現十八變。如經中說。

爾時迦葉及其眷屬五百等輩。見聞是已證羅漢果。

是時迦葉復有二弟。一名伽耶迦葉。二名那提迦葉。師徒眷屬復有五百。亦皆證得阿羅漢果。

時王舍城六師之徒。聞是事已即於我所生大惡心。

我時赴信受彼王請詣王舍城。未至中路王與無量百千之眾悉來奉迎。我為說法。

時聞法已。欲界諸天八萬六千發阿耨多羅三藐三菩提心。

tiên, thỉnh thọ pháp giả, nhất thiết nhân dân hoặc sanh đảo tâm: Đại đức Ca-diếp phi La-hán da? Hạnh nguyện Cô-đàm tốc vãng dư xứ! Nhược thủ nhân dân định tri Cô-đàm công đức thắng ngã, ngã đẳng vô do phục đắc cúng dường.

Ngã thời đáp ngôn: Ca-diếp! Nhữ nhược ư ngã, bất sanh ân trọng, đại sân hận giả, kiến dung nhất tức, minh đương tảo khứ.

Ca-diếp ngôn: Cô-đàm! Ngã tâm vô tha: thâm tương ái trọng; đăn ngã trụ xứ, hữu nhất độc long. Kỳ tánh bạo cấp, khủng tương nguy hại.

Ngã ngôn: Ca-diếp! Độc trung chi độc, bất quá tam độc! Ngã kim dĩ đoạn. Thế gian chi độc, ngã sở bất úy.

Ca-diếp phục ngôn: Cầu năng bất úy, thiện tai! Thỉnh trụ.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời, cố vị Ca-diếp, hiện thập bát biến, như kinh trung thuyết.

Nhĩ thời, Ca-diếp cập kỳ quyền thuộc ngũ bá đẳng bối, kiến văn thị dĩ, chứng A-la-hán quả.

Nhĩ thời, Ca-diếp, phục hữu nhị đệ: nhất danh Già-da Ca-diếp, nhị danh Na-đề Ca-diếp. Sư đồ quyền thuộc phục hữu ngũ bá, diệc giai chứng đắc A-la-hán quả.

Thời, Vương-xá thành, Lục sư chi đồ, văn thị sự dĩ, tức ư ngã sở, sanh đại ác tâm.

Ngã thời phó tín thọ bỉ vương thỉnh, nghệ Vương-xá thành. Vị chí trung lộ, vương dữ vô lượng bá thiên chi chúng tất lai phụng nghinh; ngã vị thuyết pháp.

Thời văn pháp dĩ, Dục giới chư thiên, bát vạn lục thiên, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

頻婆娑羅王所將營從十二萬人得須陀洹果。

無量眾生成就忍心。

既入城已度舍利弗大目犍連及其眷屬二百五十人。令捨本心出家學道。

我即住彼受王供養。外道六師相與集聚詣舍衛城。

時彼城中有一長者名須達多。為兒娉婦詣王舍城。既達彼城寄止長者珊檀那舍。時此長者中夜而起告諸眷屬。仁等可起速共莊嚴掃治宅舍辦具饋膳。

須達聞已尋自思惟。將非欲請摩伽王耶。為有婚姻歡樂會乎。思惟是已尋前問言。大士。欲請摩伽陀王頻婆娑羅耶。為有婚姻歡樂會乎。遽務不安乃如是耶。

長者答言。不也居士。我明請佛無上法王。

須達長者初聞佛名身毛皆豎。尋復問言。何等名佛。

長者答言。汝不聞耶。迦毘羅城有釋種子。字悉達多姓瞿曇氏父名白淨。其生未久相師占之。定當得作轉輪聖王。如菴羅果已在手中。心不願樂捨之出家。無師自覺得阿耨多羅三藐三菩提貪恚癡

Tần-bà-sa-la vương sở tương dinh tòng, thập nhị vạn nhân, đắc Tu-đạt-hoàn quả.

Vô lượng chúng sanh thành tựu nhẫn tâm.

Ký nhập thành dī, độ Xá-lợi-phát, Đại Mục-kiền-liên cập kỳ quyền thuộc, nhị bá ngũ thập nhân, linh xả bốn tâm, xuất gia học đạo.

Ngã tức trụ bỉ, thọ vương cúng dường. Ngoại đạo Lục sư tương dữ tập tụ, nghệ Xá-vệ thành.

Thời, bỉ thành trung, hữu nhất trưởng giả, danh Tu-đạt-đa. Vị nhi sinh phụ, nghệ Vương-xá thành. Ký đạt bỉ thành, ký chỉ trưởng giả San-đàn-na xá. Thời, thủ trưởng giả, trung dạ nhi khởi, cáo chư quyền thuộc: Nhân đẳng khả khởi, tốc cộng trang nghiêm, tảo trị trạch xá, biện cụ hào thiện.

Tu-đạt văn dĩ, tâm tự tư duy: Tương phi dục thỉnh Ma-già vương da? Vị hữu hôn nhân, hoan lạc hội hồ? Tư duy thị dĩ, tâm tiền vấn ngôn: Đại sĩ dục thỉnh Ma-già-đa vương, Tần-bà-sa-la da? Vị hữu hôn nhân, hoan lạc hội hồ? Cụ vụ bất an nãi như thị da?

Trưởng giả đáp ngôn: Phát dã, cư sĩ! Ngã minh thỉnh Phật, Vô thượng Pháp vương.

Tu-đạt trưởng giả sơ văn Phật danh, thân mao giai thọ, tâm phục vấn ngôn: Hà đẳng danh Phật?

Trưởng giả đáp ngôn: Nhữ bất văn da? Ca-tỳ-la thành, hữu Thích chủng tử, tự Tất-đạt-đa, tánh Cô-đàm thị, phụ danh Bạch Tịnh. Kỳ sanh vị cứu, tướng sư chiêm chi, định đương đắc tác Chuyển luân Thánh vương, như am-la quả dĩ tại thủ trung. Tâm bất nguyện nhạo, xả chi xuất gia, vô sư tự

盡。常住無變不生不滅無有憂畏。於諸眾生其心平等猶如父母等視一子。所有身心眾中最勝。雖勝一切而無憍慢。塗割二事其心無二。智慧通達於法無礙。具足十力四無所畏五智三昧大慈大悲及三念處。故號為佛。明受我請。是故忽忽未暇相瞻。

須達多言。善哉大士。所言佛者功德無上今在何處。

長者答言。今在此間王舍大城。住迦蘭陀竹林精舍。

時須達多一心念佛所有功德十力無畏五智三昧大慈大悲及三念處。作是念時忽然大明。其明猛盛猶如白日。即尋光出至城門下。佛神力故門自開闢。既出門已路有天祠。須達經過禮拜致敬。尋還黑闇心生惶怖。復欲還返所止之處。

時彼城門有一天神告須達多言。仁者。若往如來所者多獲善利。

須達多言。云何善利。

答言。長者。假使有人真寶交絡駿馬百疋香象百頭寶車百乘。鑄金為人其數復百。端正女人身佩瓔珞眾寶廁填。上妙宮宅殿堂屋宇雕文刻鏤。金盤

giác, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Tham nhuế, si tận; thường trụ vô biến, bất sanh bất diệt, vô hữu ưu úy. Ư chư chúng sanh, kỳ tâm bình đẳng; do như phụ mẫu đẳng thị nhất tử. Sở hữu thân tâm, chúng trung tối thắng. Tuy thắng nhất thiết, nhi vô kiêu mạn. Đồ cát nhị sự kỳ tâm vô nhị. Trí tuệ thông đạt, ư pháp vô ngại; cụ túc Thập lực, Tứ vô sở úy, Ngũ trí Tam-muội, Đại từ Đại bi cập Tam niệm xứ, cố hiệu vi Phật. Minh thọ ngã thỉnh. Thị cố thông thông, vị hạ tương chiêm.

Tu-đạt-đa ngôn: Thiện tai! Đại sĩ! Sở ngôn Phật giả, công đức vô thượng, kim tại hà xứ?

Trưởng giả đáp ngôn: Kim tại thủ gian, Vương-xá đại thành, trụ Ca-lan-đà, Trúc Lâm Tinh xá!

Thời, Tu-đạt-đa nhất tâm niệm Phật sở hữu công đức: Thập lực, vô úy, ngũ trí Tam-muội, Đại từ Đại bi cập Tam niệm xứ. Tác thị niệm thời, hốt nhiên đại minh. Kỳ minh mãnh thịnh, do như bạch nhật. Túc tâm quang xuất, chí thành môn hạ. Phật thân lực cố, môn tự khai tịch. Kỳ xuất môn dĩ, lộ hữu thiên từ; Tu-đạt kinh quá, lễ bái trí kính. Tâm hoàn hắc ám; tâm sanh hoàng bố, phục dục hoàn phản sở chỉ chi xứ.

Thời, bỉ thành môn, hữu nhất thiên thân, cáo Tu-đạt-đa ngôn: Nhân giả! Nhược vãng Như Lai sở giả, đa hoạch thiện lợi.

Tu-đạt-đa ngôn: Vân hà thiện lợi?

Đáp ngôn: Trưởng giả! Giả sử hữu nhân, chân bảo giao lạc, tuấn mã bá thất, hương tượng bá đầu, bảo xa bá thặng, chú kim vi nhân, kỳ số phục bá, đoan chánh nữ nhân, thân bội anh lạc, chúng bảo xí điền, thượng diệu cung trạch, điện đường ốc vũ, điêu văn khắc lữ, kim bàn ngân túc, ngân bàn kim túc,

銀粟銀盤金粟數各一百以施一人。如是展轉盡閻浮提。所得功德。不如有人發意一步詣如來所。

須達多言。善男子。汝是誰耶。

答言。長者。我是勝相婆羅門子。是汝往昔善知識也。我因往日見舍利弗大目犍連心生歡喜。捨身得作北方天王毘沙門子。專知守護此王舍城。我因禮拜舍利弗等生歡喜心。尚得如是妙好之身。況當得見如來大師禮拜供養。

須達長者聞是事已。即還復道來詣我所。到已頭面敬禮我足。我時即為如應說法。長者聞已得須陀洹果。既獲果證復請我言。如來大慈。惟願臨顧至舍衛城受我微供。

我即問言。卿舍衛國頗有精舍相容受不。

須達多言。若佛哀愍必見垂顧。便當自竭營辦成立。

善男子。我於爾時默然受請。

須達長者已蒙聽許即白我言。我從昔來未為斯事。惟願如來。遣舍利弗指授儀則。

我即顧命敕令營佐。時舍利弗與須達多共載一車往舍衛城。我神力故。經一日夜便到所止。

số các nhất bá, dĩ thí nhất nhân. Như thị triển chuyển, tận Diêm-phù-đề. Sở đắc công đức, bất như hữu nhân phát ý nhất bộ, nghệ Như Lai sở.

Tu-đạt-đa ngôn: Thiện nam tử! Nhữ thị thùy da?

Đáp ngôn: Trưởng giả! Ngã thị Thắng Tướng, Bà-la-môn tử; thị nữ vãng tích thiện tri thức dã. Ngã nhân vãng nhật, kiến Xá-lợi-phát, Đại Mục-kiền-liên, tâm sanh hoan hỷ. Xả thân, đắc tác Bắc phương Thiên vương Tỳ-sa-môn tử; chuyên tri thủ hộ thủ Vương-xá thành. Ngã nhân lễ bái Xá-lợi-phát đấng, sanh hoan hỷ tâm, thượng đắc như thị diệu hảo chi thân; huống đương đắc kiến Như Lai Đại sư, lễ bái cúng dường?

Tu-đạt Trưởng giả, văn thị sự dĩ, tức hoàn phục đạo, lai nghệ ngã sở. Đáo dĩ, đầu diện kính lễ ngã túc. Ngã thời tức vị, như ứng thuyết pháp. Trưởng giả văn dĩ, đắc Tu-đà-hoàn quả. Ký hoạch quả chứng, phục thỉnh ngã ngôn: Như Lai Đại từ! Duy nguyện lâm cố, chí Xá-vệ thành, thọ ngã vi cúng.

Ngã tức vấn ngôn: Khanh Xá-vệ quốc, phả hữu tinh xá tương dung thọ phủ?

Tu-đạt-đa ngôn: Nhược Phật ai mẫn, tất kiến thùy cố; tiện đương tự kiệt, dinh biện thành lập.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời, mặc nhiên thọ thỉnh.

Tu-đạt Trưởng giả, dĩ mông thính hứa, tức bạch ngã ngôn: Ngã từng tích lai, vị vi tư sự. Duy nguyện Như Lai khiến Xá-lợi-phát chỉ thọ nghi tắc.

Ngã tức cố mạng, sắc lệnh dinh tá. Thời, Xá-lợi-phát dữ Tu-đạt-đa cộng tải nhất xa, vãng Xá-vệ thành; ngã thân lực cố, kinh nhất nhật dạ, tiện đáo sở chỉ.

時須達多白舍利弗。大德。此大城外何處有地。不近不遠多饒泉池。有好林樹花果鬱茂清淨閑曠。我當於中為佛世尊及比丘僧造立精舍。

舍利弗言。祇陀園林不近不遠。清淨寂寞多有泉池。樹木花菓隨時而有。此處最勝可安立精舍。

時須達多聞是語已。即往祇陀大長者所。告祇陀言。我今欲為無上法王造立僧坊。惟仁園地任中造立。吾今欲買能見與不。

祇陀答言。設以真金遍布其地猶不相與。

須達多言。善哉祇陀。林地屬我。汝便取金。

祇陀答言。我園不賣云何取金。

須達多言。若意不了當共往詣斷事人所。時二長者即共俱往斷事者所。斷事者言。園屬須達祇陀取金。

須達長者即時使人車馬載負隨集布地。一日之中唯五百步金未周遍。祇陀言曰。長者。若悔隨意聽止。須達多言。吾不悔也。自念當出何藏金足。

祇陀念言。如來法王真實無上。所說妙法清淨無染。故使斯人輕寶乃爾。即語須達。餘未遍者不

Thời, Tu-đạt-đa bạch Xá-lợi-phát: Đại đức! Thử đại thành ngoại, hà xú hữu địa bất cận bất viễn, đa nhiêu tuyên trì, hữu hảo lâm thọ, hoa quả uất mậu, thanh tịnh nhàn khoáng? Ngã đương ư trung, vị Phật Thế Tôn cập tỳ-kheo tăng, tạo lập Tinh xá.

Xá-lợi-phát ngôn: Kỳ-đà viên lâm bất cận bất viễn, thanh tịnh, tịch mịch, đa hữu tuyên trì; thọ mộc hoa quả, tùy thời nhi hữu. Thử xú tối thắng, khả an lập Tinh xá.

Thời, Tu-đạt-đa văn thị ngũ dĩ, tức vãng Kỳ-đà đại trưởng giả sở, cáo Kỳ-đà ngôn: Ngã kim dục vị Vô thượng Pháp vương, tạo lập Tăng phường. Duy nhân viên địa, nhiệm trung tạo lập. Ngô kim dục mãi, năng kiến dĩ phủ?

Kỳ-đà đáp ngôn: Thiết dĩ chân kim biến bố kỳ địa, du bất tương dĩ!

Tu-đạt-đa ngôn: Thiện tai Kỳ-đà! Lâm địa thuộc ngã; nữ tiện thủ kim.

Kỳ-đà đáp ngôn: Ngã viên bất mại; vân hà thủ kim?

Tu-đạt-đa ngôn: Nhược ý bất liễu, đương cộng vãng nghệ đoán sự nhân sở. Thời, nhị trưởng giả tức cộng câu vãng. Đoán sự giả ngôn: Viên thuộc Tu-đạt; Kỳ-đà thủ kim.

Tu-đạt Trưởng giả tức thời sử nhân, xa mã tải phụ, tùy tập bố địa. Nhất nhật chi trung, duy ngũ bá bộ, kim vị châu biến. Kỳ-đà ngôn viết: Trưởng giả nhược hối, tùy ý thính chỉ. Tu-đạt-đa ngôn: Ngô bất hối dã. Tự niệm đương xuất hà tạng kim túc!

Kỳ-đà niệm ngôn: Như Lai Pháp vương chân thật vô thượng; sở thuyết diệu pháp thanh tịnh vô nhiễm, cố sử tư nhân khinh bảo nãi nhĩ! Tức ngữ Tu-đạt: Dư vị biến giả, bất



復須金。請以見與。我自為佛造立門樓。常使如來經由入出。祇陀長者自造門樓。

須達長者七日之中成立大房足三百口。禪房靜處六十三所。冬室夏堂各各別異。廚房浴室洗腳之處。大小圍廁無不備足。所設已訖即執香爐向王舍城遙作是言。所設已辦惟願如來。慈哀憐愍為諸眾生受是住處。

我時懸知是長者心。即與大眾發王舍城。譬如壯士屈伸臂頃。至舍衛城祇陀園林須達精舍。我既到已。須達長者以其所設奉施於我。我時受已即住其中。

## 大般涅槃經卷第二十九

終

phục tu kim. Thỉnh dĩ kiến dữ. Ngã tự vị Phật, tạo lập môn lâu, thường sử Như Lai kinh do nhập xuất. Kỳ-đà Trưởng giả tự tạo môn lâu.

Tu-đạt Trưởng giả, thất nhật chi trung, thành lập đại phòng, túc tam bá khẩu; thiền phòng tĩnh xứ, lục thập tam sở; đông thất, hạ đường; các các biệt dị; trừ phòng, dục thất, tẩy cước chi xứ, đại tiểu thanh xí, vô bất bị túc. Sở thiết dĩ ngật, túc chấp hương lư, hương Vương-xá thành, diêu tác thị ngôn: Sở thiết dĩ biện; duy nguyện Như Lai, từ ai lân mẫn, vị chư chúng sanh, thọ thị trụ xứ!

Ngã thời huyền tri thị trưởng giả tâm, túc dữ Đại chúng, phát Vương-xá thành; thí như tráng sĩ khuất thân tý khoảnh, chí Xá-vệ thành, Kỳ-đà viên lâm, Tu-đạt Tinh xá. Ngã ký đáo dĩ, Tu-đạt trưởng giả dĩ kỳ sở thiết, phụng thí ư ngã. Ngã thời thọ dĩ, túc trụ kỳ trung.

## Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập cửu Chung

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

## QUYỂN HAI MƯƠI CHÍN

### PHẨM BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG

#### Phẩm thứ mười một - Phần ba

**B**ồ Tát Sư Tử Hồng bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật có dạy: ‘Tất cả các pháp có hai loại nhân, *nhân chính* và *nhân tùy thuộc*.’ Vì có hai loại nhân ấy, lẽ ra không có sự trói buộc và giải thoát. Như năm ấm [hợp thành thân] này, trong mỗi một niệm<sup>(1)</sup> đều [liên tục] sanh ra, diệt đi. Nếu năm ấm sanh và diệt [liên tục] như thế thì ai là người chịu trói buộc hay được giải thoát?”

“Bạch Thế Tôn! Do năm ấm này mà sanh ra năm ấm tiếp theo sau. Nhưng năm ấm này tự chúng diệt mất, không chuyển thành năm ấm sau đó. Tuy không chuyển thành, nhưng [năm ấm trước] có thể sanh ra năm ấm sau. Cũng như nhân hạt giống sanh ra mầm cây. Hạt giống không chuyển thành mầm cây; tuy không chuyển thành nhưng có thể sanh ra mầm cây. Chúng sanh cũng vậy, làm sao [có sự] trói buộc, làm sao [có sự] giải thoát?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Hãy nghe cho kỹ, hãy nghe cho kỹ! Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng giải.

“Thiện nam tử! Khi người ta sắp lìa bỏ mạng sống phải chịu sự khổ não rất lớn, họ hàng thân thích vây quanh khóc kể thảm thiết. Người ấy hoảng sợ, không còn biết nương dựa, cầu cứu nơi đâu. Tuy có năm giác quan nhưng lúc đó không còn nhận biết gì cả. Toàn thân

đều run rẩy, không thể tự kiềm chế; thân thể lạnh dần, hơi ấm sắp dứt, liền nhìn thấy hiện tướng báo ứng của những việc lành, việc dữ đã làm.

“Thiện nam tử! Như khi mặt trời sắp lặn thì núi đồi đổ bóng về phương đông, không có lý nào lại đổ về phương tây! Nghiệp quả của chúng sanh cũng vậy. Khi [năm] ấm này diệt mất, [năm] ấm kia [tự nhiên] nối tiếp sanh ra; như khi thắp đèn lên thì bóng tối mất, đèn tắt rồi thì bóng tối hiện ra.

“Thiện nam tử! Ví như dùng dầu sáp ấn vào khối đất sét ướt [để nung thành đồ vật]. Dầu sáp với đất sét hợp lại cùng nhau. [Khi nung xong thì] dầu sáp mất đi, hoa văn [trên vật nung] hiện ra. Nhưng dầu sáp ấy không biến mất vào đất sét, còn hoa văn kia không phải từ đất sét ra, cũng không phải từ nơi khác đến. Do nhân duyên là dầu sáp nên tạo thành hoa văn ấy.

“[Năm] ấm hiện tại diệt mất thì [năm] ấm của thân trung ấm<sup>(2)</sup> sanh ra. [Năm] ấm hiện tại không biến thành năm ấm của thân trung ấm; năm ấm của thân trung ấm cũng không phải tự sanh ra, cũng không phải từ nơi khác đến. Do nhân là năm ấm hiện tại nên sanh ra năm ấm của thân trung ấm; cũng như dầu sáp kia in vào đất sét, dầu sáp mất đi rồi thành ra những hoa văn. Tên gọi [của năm ấm trước sau] tuy không khác nhưng thời điểm và điều kiện đã khác hẳn. Cho nên ta nói: ‘Năm ấm của thân trung ấm mất thường không thấy được, chỉ thiên nhãn mới [có thể] thấy.’

“[Chúng sanh mang thân] trung ấm có ba cách ăn: một là ăn bằng sự suy tưởng, hai là ăn bằng sự xúc chạm, ba là ăn bằng ý niệm.

“Có hai loại thân trung ấm, một là do quả báo của nghiệp tốt lành, hai là do quả báo của nghiệp xấu ác.

Nhân nơi nghiệp lành mà được các giác quan tốt đẹp, nhân nơi nghiệp xấu ác mà có các giác quan xấu ác.

“Vào lúc cha mẹ cùng nhau giao hợp, tùy theo nghiệp nhân duyên [mà thân trung ấm] hướng đến chỗ thọ sanh. [Thân trung ấm ấy] đối với mẹ sanh tâm ái luyến, đối với cha sanh tâm sân hận, vào lúc người cha xuất tinh liền cho [tinh trùng] đó là [thân mình] hiện hữu, nên nhìn thấy rồi sanh lòng vui thích. Do ba loại nhân duyên phiền não [là ái luyến, sân hận và vui thích] nên thân trung ấm liền diệt mất, [ngay khi đó] sanh ra năm ấm tiếp theo; cũng như dấu sấp in vào đất sét, dấu sấp mất rồi thì hoa văn hình thành.

“Khi [chúng sanh được] sanh ra, các căn có thể đầy đủ hoặc khiếm khuyết. Người có đủ các căn, khi thấy hình sắc thì khởi lòng tham muốn. Vì khởi lòng tham muốn nên có ái luyến. Vì [bị hình sắc] mê hoặc nên sanh tham muốn, đó gọi là vô minh. Do hai nhân duyên là tham ái và vô minh nên mọi cảnh giới [chúng sanh] nhìn thấy đều là điên đảo, như vô thường thấy là thường, vô ngã thấy là ngã, không vui thấy là vui, không trong sạch thấy là trong sạch. Vì bốn sự điên đảo ấy mà làm ra những việc lành, dữ. [Từ đó] phiền não tạo ra nghiệp, nghiệp tạo ra phiền não. Đó gọi là trói buộc. Vì nghĩa ấy nên gọi là năm ấm sanh ra.

“Nếu người được gần gũi Phật và đệ tử Phật, các bậc thiện tri thức, ắt sẽ được nghe và thọ nhận Mười hai bộ kinh. Nhờ nghe Chánh pháp, quán chiếu cảnh giới lành, được đại trí tuệ. Đại trí tuệ đó gọi là tri kiến chân chánh. Nhờ được tri kiến chân chánh nên đối với chốn sanh tử sanh tâm hối tiếc. Nhờ sanh tâm hối tiếc nên không thấy vui thích. Vì không thấy vui thích nên có thể trừ được tâm tham dục. Nhờ trừ được tâm tham

dục nên tu tập Tám Thánh đạo. Nhờ tu tập Tám Thánh đạo nên đạt đến chỗ không còn sanh tử. Nhờ không còn sanh tử nên gọi là được giải thoát, như lửa không gặp củi gọi là diệt mất. Vì diệt mất sanh tử nên gọi là diệt độ. Vì nghĩa ấy nên gọi là năm ấm diệt mất.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Như trong không trung không có gai, làm sao gọi là nhổ [gai] ra? [Năm] ấm không ràng buộc, vì sao [nói là] trói buộc?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Do gông cùm là phiền não nên trói buộc năm ấm. Lìa năm ấm ra không thể riêng có phiền não; lìa phiền não ra cũng không riêng có năm ấm.

“Thiện nam tử! Như những cây cột chống đỡ cái nhà; lìa nhà ra thì không có cột, lìa cột ra thì không có nhà. Năm ấm của chúng sanh cũng vậy. Vì có phiền não nên gọi là trói buộc, vì không phiền não nên gọi là giải thoát.

“Thiện nam tử! Như bàn tay và cái nắm tay, sự nắm lại, ba pháp ấy [tự chúng] hợp tan, sanh diệt chứ ngoài ra không có pháp nào khác nữa. Năm ấm của chúng sanh cũng vậy. Vì có phiền não nên gọi là trói buộc, vì không phiền não nên gọi là giải thoát.<sup>(3)</sup>

“Thiện nam tử! Như nói danh sắc<sup>(4)</sup> trói buộc chúng sanh. Nếu danh sắc diệt mất thì không có chúng sanh, lìa danh sắc ra không riêng có chúng sanh, lìa chúng sanh ra không riêng có danh sắc. Nên nói rằng danh sắc trói buộc chúng sanh, mà cũng [có thể] nói là chúng sanh trói buộc danh sắc.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Như con mắt vốn không tự thấy, ngón tay không tự xúc chạm, con dao không tự cắt, sự thọ nhận không tự thọ nhận, sao Như Lai nói rằng danh sắc trói buộc danh sắc?”

“Vì sao vậy? Vì nói danh sắc đó tức là chúng sanh, nói chúng sanh tức là danh sắc. Nếu nói danh sắc trói buộc chúng sanh cũng tức là danh sắc tự trói buộc danh sắc!”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như khi hai bàn tay chấp lại, không có pháp nào khác đến chấp cả. Danh với sắc cũng vậy. Vì nghĩa ấy, ta nói rằng danh sắc trói buộc chúng sanh. Nếu lìa danh sắc ắt được giải thoát. Cho nên ta nói chúng sanh được giải thoát.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nếu có danh sắc tức là trói buộc, thì các vị A-la-hán chưa lìa khỏi danh sắc, lẽ ra cũng là bị trói buộc?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có hai loại giải thoát, một là dứt nhân, hai là dứt quả. Nói dứt nhân là dứt trừ phiền não. Các vị A-la-hán đã dứt trừ phiền não, các mối phiền não đều đã hoại diệt. Cho nên các nhân phiền não không thể trói buộc. Nhưng vì chưa dứt quả nên gọi là trói buộc nơi quả. Các vị A-la-hán không thấy tánh Phật. Vì không thấy tánh Phật nên không thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì nghĩa ấy có thể nói là còn trói buộc nơi quả, nhưng không thể nói là trói buộc nơi danh sắc.

“Thiện nam tử! Ví như việc thắp đèn, khi dầu chưa hết thì ánh sáng chưa mất. Nếu dầu đã cạn thì chắc chắn ánh sáng phải diệt mất. Thiện nam tử! Dầu là ví như các phiền não, đèn là ví như chúng sanh. Vì tất cả chúng sanh còn có dầu phiền não nên không thể nhập Niết-bàn, nếu dứt hết phiền não ắt sẽ nhập Niết-bàn.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Đèn và dầu là hai thứ có tánh chất khác nhau; chúng sanh và phiền não thì khác, vì chúng sanh tức là phiền não, phiền não

tức là chúng sanh; chúng sanh gọi là năm ấm, năm ấm gọi là chúng sanh; năm ấm gọi là phiền não, phiền não gọi là năm ấm. Vì sao Như Lai lại ví với [việc thắp] đèn?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có tám cách ví dụ. Một là xuôi theo trình tự diễn tiến mà ví dụ, [gọi là thuận dụ], hai là ngược với trình tự diễn tiến mà ví dụ, [gọi là nghịch dụ], ba là nêu sự việc trước mắt mà ví dụ, [gọi là hiện dụ], bốn là dùng sự việc không có [nhưng hợp nghĩa] mà ví dụ, [gọi là phi dụ], năm là nêu ví dụ trước rồi đặt vấn đề sau, [gọi là tiên dụ], sáu là đặt vấn đề trước rồi nêu ví dụ sau, [gọi là hậu dụ], bảy là nêu ví dụ cả trước và sau để làm rõ vấn đề, [gọi là tiên hậu dụ], và tám là dùng sự biến đổi [tương tự của sự việc] để làm ví dụ, [gọi là biến dụ].

“Thế nào là xuôi theo trình tự diễn tiến mà ví dụ? Như trong kinh dạy rằng: ‘Trời đổ mưa lớn, nương rãnh đều đầy; vì nương rãnh đầy nên các vũng nhỏ đầy; vì các vũng nhỏ đầy nên vũng lớn đầy; vì vũng lớn đầy nên suối nhỏ đầy; vì suối nhỏ đầy nên suối lớn đầy; vì suối lớn đầy nên hồ nhỏ đầy; vì hồ nhỏ đầy nên hồ lớn đầy; vì hồ lớn đầy nên sông con đầy; vì sông con đầy nên sông cái đầy; vì sông cái đầy nên biển cả đầy.’

“Như Lai đổ cơn mưa pháp cũng giống như vậy, làm cho giới hạnh của chúng sanh được trọn vẹn đầy đủ; vì giới hạnh trọn vẹn đầy đủ nên tâm không hối tiếc được trọn vẹn đầy đủ; vì tâm không hối tiếc được trọn vẹn đầy đủ nên sự hoan hỷ được trọn vẹn đầy đủ. Vì sự hoan hỷ được trọn vẹn đầy đủ nên hạnh xa lìa [thế tục] được trọn vẹn đầy đủ. Vì hạnh xa lìa [thế tục] được trọn vẹn đầy đủ nên sự an ổn được trọn vẹn đầy đủ. Vì sự an ổn được trọn vẹn đầy đủ nên chánh định được trọn

ven đầy đủ. Vì chánh định được trọn vẹn đầy đủ nên tri kiến chân chánh được trọn vẹn đầy đủ. Vì tri kiến chân chánh được trọn vẹn đầy đủ nên hạnh chán lìa [sanh tử] được trọn vẹn đầy đủ. Vì hạnh chán lìa được trọn vẹn đầy đủ nên sự chê trách [sanh tử] được trọn vẹn đầy đủ. Vì sự chê trách [sanh tử] được trọn vẹn đầy đủ nên giải thoát được trọn vẹn đầy đủ. Vì giải thoát được trọn vẹn đầy đủ nên Niết-bàn được trọn vẹn đầy đủ.

“Đó gọi là xuôi theo trình tự diễn tiến mà ví dụ.

“Thế nào là ngược với trình tự diễn tiến mà ví dụ? [Như nói rằng] biển cả có nguồn gốc là sông cái; sông cái có nguồn gốc là sông con; sông con có nguồn gốc là hồ lớn; hồ lớn có nguồn gốc là hồ nhỏ; hồ nhỏ có nguồn gốc là suối lớn; suối lớn có nguồn gốc là suối nhỏ; suối nhỏ có nguồn gốc là vũng lớn; vũng lớn có nguồn gốc là vũng nhỏ; vũng nhỏ có nguồn gốc là mương rãnh; mương rãnh có nguồn gốc là cơn mưa lớn.

“Niết-bàn [cũng vậy,] có nguồn gốc là giải thoát; giải thoát có nguồn gốc là chê trách [sanh tử]; chê trách [sanh tử] có nguồn gốc là chán lìa [sanh tử]; chán lìa [sanh tử] có nguồn gốc là tri kiến chân chánh; tri kiến chân chánh có nguồn gốc là chánh định; chánh định có nguồn gốc là an ổn; an ổn có nguồn gốc là hạnh xa lìa [thế tục]; hạnh xa lìa [thế tục] có nguồn gốc là hoan hỷ; hoan hỷ có nguồn gốc là tâm không hối tiếc; tâm không hối tiếc có nguồn gốc là giữ theo giới luật; giữ theo giới luật có nguồn gốc là cơn mưa Chánh pháp.

“Đó gọi là ngược với trình tự diễn tiến mà ví dụ.

“Thế nào là nêu sự việc trước mắt mà ví dụ? Như trong kinh dạy rằng: “Tâm tánh chúng sanh ví như loài

khỉ. Tánh của loài khỉ là buông cái này chộp lấy cái kia. Tâm tánh chúng sanh cũng vậy, luôn vướng mắc vào hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm và các pháp, không lúc nào tạm dừng.

“Đó gọi là nêu sự việc trước mắt mà ví dụ.

“Thế nào là dùng sự việc không có [nhưng hợp nghĩa] mà ví dụ? Như xưa có lần ta bảo vua Ba-tư-nặc rằng: ‘Đại vương! Như có những kẻ thân tín từ bốn phương đến đây, thấy đều tâu rằng: Đại vương! Có bốn quả núi lớn từ bốn phương đang tiến dần lại đây, sắp hại nhân dân. Vua nghe vậy rồi nên lập kế sách gì?’ Vua đáp: ‘Bạch Thế Tôn! Nếu có những quả núi tiến dần lại đây như thế thì không có chỗ nào trốn tránh được, chỉ nên hết lòng trì giới và thực hành bố thí mà thôi.’ Ta liền ngợi khen rằng: ‘Lành thay, đại vương! Ta nói bốn hòn núi ấy tức là sanh, già, bệnh, chết của chúng sanh. Sanh, già, bệnh, chết thường đến bức người, vì sao đại vương chẳng lo tu tập trì giới, bố thí?’ Vua hỏi: ‘Bạch Thế Tôn! Trì giới, bố thí được những kết quả gì?’ Ta đáp: ‘Đại vương! [Tu tập như vậy] sẽ được hưởng nhiều khoái lạc ở cõi người, cõi trời.’ Vua hỏi: ‘Bạch Thế Tôn! Như cây ni-câu-đà [nếu] trì giới, bố thí thì có được hưởng sự an ổn ở cõi người, cõi trời chăng?’ Ta đáp: ‘Đại vương! Cây ni-câu-đà không thể trì giới, bố thí. Nhưng nếu cây ấy có thể trì giới, bố thí, ắt cũng sẽ được thọ hưởng [như vậy] không khác gì.

“Đó gọi là dùng sự việc không có [nhưng hợp nghĩa] mà ví dụ.

“Thế nào là nêu ví dụ trước rồi đặt vấn đề sau? Như trong kinh ta có dạy rằng: ‘Ví như có người tham đóa hoa đẹp, khi đưa tay hái lấy liền bị nước cuốn trôi. Chúng

sanh cũng vậy, tham muốn ưa thích năm món dục nên bị dòng nước sanh tử cuốn trôi nhận chìm. Đó gọi là nêu ví dụ trước rồi đặt vấn đề sau.

“Thế nào là đặt vấn đề trước rồi nêu ví dụ sau? Như trong kinh Pháp cú có kệ rằng:

Chớ khinh tội nhỏ,  
Cho rằng không hại;  
Giọt nước tuy nhỏ,  
Dần đầy hồ to!

“Đó gọi là đặt vấn đề trước rồi nêu ví dụ sau.

“Thế nào là nêu ví dụ cả trước và sau để làm rõ vấn đề? Ví như cây chuối sau khi trở buồng rồi ắt phải chết. Kẻ ngu được lợi dưỡng cũng giống như vậy. Lại như con la<sup>(5)</sup> mang thai thì mạng sống chẳng còn bao lâu! [Đó gọi là nêu ví dụ cả trước và sau để làm rõ vấn đề.]

“Thế nào là dùng sự biến đổi tương tự của sự việc để làm ví dụ? Như trong kinh có nói: ‘Cõi trời Ba mươi ba có cây ba-ly-chất-đa, rễ cây ăn xuống đất sâu đến năm do-diên,<sup>(6)</sup> bệ cao một trăm do-diên; cành lá tỏa ra bốn phía che phủ năm mươi do-diên; lá già úa chuyển sang màu vàng, chư thiên nhìn thấy liền sanh tâm vui vẻ. Không bao lâu thì lá rụng, chư thiên nhìn lá rụng lại sanh tâm vui vẻ. Rồi không bao lâu cành cây cũng đổi màu. Khi cành cây đổi màu, chư thiên [nhìn thấy cũng] lại sanh tâm vui vẻ. Rồi không bao lâu màu sắc này cũng mất, cành sanh nụ hoa. Nhìn thấy nụ hoa, chư thiên lại sanh tâm vui vẻ. Chẳng bao lâu, nụ hoa sanh ra búp hoa. Nhìn thấy búp hoa, chư thiên lại sanh ra vui vẻ. Rồi không bao lâu, búp nở ra hoa. Khi hoa nở hương thơm bay xa đến năm mươi do-diên, ánh sáng chiếu xa tới tám

mươi do-diên. Bảy giờ, trong ba tháng mùa hạ chư thiên ở dưới cây ấy mà thọ hưởng mọi sự khoái lạc.

“Thiện nam tử! Các đệ tử của ta cũng giống như vậy. Lá màu vàng là ví như những đệ tử có ý muốn xuất gia. Lá rụng là ví như những đệ tử cạo bỏ râu tóc. Cành cây đổi màu là ví như các đệ tử bạch Tứ yết-ma, thọ giới cụ túc. Thoạt tiên sanh ra nụ hoa là ví như các đệ tử phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Búp hoa là ví như các vị Bồ Tát hàng Thập trụ được thấy tánh Phật. Hoa nở là ví như các vị Bồ Tát đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Hương thơm là ví như vô lượng chúng sanh mười phương thọ trì giới cấm. Ánh sáng là ví như danh hiệu Như Lai rộng truyền khắp mười phương không gì ngăn ngại. Ba tháng mùa hạ là ví như ba pháp Tam-muội.<sup>(7)</sup> Chư thiên ở cảnh trời Ba mươi ba thọ hưởng khoái lạc là ví như chư Phật nơi cảnh giới Đại Niết-bàn được các đức thường, lạc, ngã, tịnh.

“Đó gọi là dùng sự biến đổi [tương tự của sự việc] để làm ví dụ.

“Thiện nam tử! Khi dẫn ra các ví dụ, không nhất thiết phải dùng trọn hết ý nghĩa. Có khi chỉ dùng một phần nhỏ, hoặc có khi dùng một phần lớn, cũng có khi dùng trọn. Như nói khuôn mặt Như Lai ví như vàng trắng tròn, đó là chỉ dùng một phần nhỏ [ý nghĩa của ví dụ].

“Thiện nam tử! Ví như có người chưa từng thấy sữa, hỏi người khác rằng: ‘Sữa là món gì vậy?’ Người kia đáp rằng: ‘Sữa giống như nước, như đường, như vỏ sò.’ Dùng nước là [để nêu nghĩa] chất lỏng, dùng đường là [để nêu nghĩa] vị ngọt, dùng vỏ sò là [để nêu nghĩa] có màu [trắng đục]. Tuy dẫn ra ba ví dụ, nhưng vẫn chưa phải thật là sữa.

“Thiện nam tử! Ta dùng đèn làm ví dụ để so với chúng sanh, cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Cũng như lìa khỏi nước thì không có con sông; lìa khỏi năm ấm thì không thể riêng có chúng sanh.

“Thiện nam tử! Cũng như lìa khỏi thùng xe, trục, bánh, nan hoa, vành... thì không riêng có cái xe. Chúng sanh [và năm ấm] cũng giống như thế.

“Thiện nam tử! Nếu muốn nhận hiểu được ví dụ cây đèn, hãy lắng nghe, lắng nghe thật kỹ. Ta sẽ giảng giải.

“Tim đèn là ví như hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu; dầu để thắp đèn là ví như ái dục; ánh sáng là ví như trí tuệ; phá tan sự tăm tối là ví như phá trừ vô minh; hơi nóng là ví như các Thánh đạo.

“Như dầu hết thì đèn tắt; ái dục của chúng sanh vừa dứt liền thấy được tánh Phật. [Khi ấy,] tuy có danh sắc cũng không thể trói buộc được, tuy ở trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu nhưng không bị những cảnh giới ấy làm cho ô nhiễm.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Năm ấm của chúng sanh vốn là không, không thuộc về ai cả, vậy ai là người nhận sự giáo hóa, tu tập Chánh đạo?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đều có tâm nhớ nghĩ, tâm trí tuệ, tâm phát khởi, tâm chuyên cần tinh tấn, tâm tin nhận, tâm an định. Các pháp như vậy tuy nối nhau diệt mất trong từng niệm tưởng, nhưng vì có sự tương tự, tiếp nối nhau không dứt cho nên gọi là [có người] tu tập Chánh đạo.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Các pháp

ấy đều diệt mất trong mỗi một niệm. Sự diệt mất trong mỗi một niệm ấy cũng tương tự, tiếp nối nhau không dứt, vậy làm sao tu tập?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như ngọn đèn kia tuy [có sự liên tục] diệt mất trong mỗi một niệm, nhưng vẫn có ánh sáng phá tan sự tăm tối. Tất cả các pháp như tâm nhớ nghĩ v.v... cũng là như vậy.

“Thiện nam tử! Như món ăn của chúng sanh, tuy [có sự liên tục] diệt mất trong mỗi một niệm, nhưng cũng giúp cho kẻ đói được no lòng. Ví như phương thuốc hay, tuy [có sự liên tục] diệt mất trong mỗi một niệm, nhưng cũng có thể làm cho khỏi bệnh. Ánh sáng mặt trời mặt trăng, tuy [có sự liên tục] diệt mất trong mỗi một niệm, nhưng cũng có thể làm tăng trưởng cỏ cây rừng rậm.<sup>(8)</sup>

“Thiện nam tử! Ông có hỏi rằng: ‘Nối nhau diệt mất trong từng niệm, làm sao [tu tập] tăng trưởng?’ [Đó là] vì tâm thức không dứt đoạn nên gọi là tăng trưởng.

“Thiện nam tử! Như người tụng đọc kinh sách, từng chữ từng câu không thể cùng lúc; câu trước chẳng đến câu giữa, câu giữa chẳng đến câu sau; người với câu chữ cũng như tâm tưởng đều nối nhau diệt mất trong từng niệm tưởng. Nhưng tu tập lâu ngày thì vẫn được thông thuộc.

“Thiện nam tử! Ví như người thợ kim hoàn, từ nhỏ tập làm nghề cho đến lúc tuổi già; tuy mỗi một niệm đều nối nhau diệt mất, niệm trước chẳng đến niệm sau, nhưng do sự tích chứa quen thuộc [lâu ngày] nên tay nghề thật khéo léo, hoàn hảo. Do đó mới được khen là thợ kim hoàn giỏi. Người đọc tụng kinh sách cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như hạt giống kia, đất không dạy rằng: ‘Mày phải sanh mầm’, nhưng do tánh [tự nhiên] của pháp [là như vậy] nên mầm tự nhiên sanh. Đến như hoa kia cũng không dạy rằng: ‘Mày phải kết quả.’ Nhưng do tánh [tự nhiên] của pháp [là như vậy] nên quả tự nhiên sanh. Chúng sanh tu tập đạo pháp cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như phép đếm số, một chẳng đến hai, hai chẳng đến ba, tuy mỗi một niệm đều nối nhau diệt mất nhưng vẫn [đếm được] đến số ngàn, số vạn... Chúng sanh tu tập đạo pháp cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Như ngọn đèn, trong mỗi một niệm đều nối nhau diệt mất. Ngọn lửa trước, khi diệt mất không bảo ngọn lửa sau rằng: ‘Khi ta diệt thì mày phải sanh ra để xua tan bóng tối.’ [Nhưng do tánh tự nhiên của pháp là như vậy nên ánh sáng vẫn tự nhiên nối tiếp nhau mà xua tan được bóng tối.]

“Thiện nam tử! Ví như con nghé vừa sanh ra liền tìm vú sữa mà bú. Cái trí khôn biết tìm vú sữa đó thật không do ai dạy bảo. Tuy mỗi một niệm đều nối nhau diệt mất, nhưng [thật có] trước đỏi, sau no. Cho nên phải biết rằng, [việc trước việc sau] chẳng phải tương tự; nếu là tương tự thì lẽ ra chẳng sanh khác biệt. Chúng sanh tu tập đạo pháp cũng giống như vậy; ban đầu chưa có sự tăng trưởng, nhưng nhờ tu lâu mà có thể phá trừ tất cả phiền não!”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật có dạy: ‘Người đã chứng quả Tu-đà-hoàn rồi, tuy sanh vào cõi nước xấu ác cũng vẫn giữ giới, không phạm vào những việc giết hại, trộm cắp, dâm loạn, nói đâm thọc,

uống rượu say.’ Năm ấm của vị Tu-đà-hoàn đã diệt mất ở cõi này, không đến nơi cõi nước xấu ác kia. Việc tu tập đạo pháp cũng thế, không hề đến cõi nước xấu ác kia. Nếu là tương tự, vì sao chẳng sanh nơi cõi nước thanh tịnh nhiệm mầu? Nếu năm ấm ở cõi nước xấu ác kia chẳng phải là năm ấm [trước đây] của vị Tu-đà-hoàn, vì sao [có được khả năng] không tạo nghiệp ác?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vị Tu-đà-hoàn tuy sanh nơi cõi nước xấu ác vẫn không mất đi danh hiệu Tu-đà-hoàn. Vì năm ấm [trước và sau] không tương tự nên ta mới dẫn trường hợp con nghé làm ví dụ. Vị Tu-đà-hoàn tuy sanh vào cõi nước xấu ác, nhưng do có đạo lực nên không tạo các nghiệp ác.

“Thiện nam tử! Ví như ở Hương sơn, vì có sư tử chúa nên không có dấu vết của tất cả các loài chim thú, vì chẳng con nào dám đến gần. Có khi sư tử chúa ấy bỏ đi vào trong Tuyết sơn, nhưng tất cả các loài chim thú vẫn không dám đến đó. Vị Tu-đà-hoàn cũng vậy, tuy không tu tập đạo pháp, nhưng nhờ đạo lực nên không tạo các nghiệp ác.

“Thiện nam tử! Ví như có người uống nước cam lộ. Tuy cam lộ ấy tiêu mất rồi nhưng do năng lực của nó nên người ấy được sống lâu không chết.

“Thiện nam tử! Như ở núi Tu-di có vị thuốc rất hay tên là Lăng-già-ly. Người uống thuốc ấy, tuy mỗi một niệm đều nối nhau diệt mất nhưng nhờ năng lực của thuốc nên không phải chịu sự bệnh hoạn khổ não.

“Thiện nam tử! Ví như chỗ ngồi của vị Chuyển luân vương, tuy lúc vắng mặt vua cũng không ai dám đến gần. Vì sao vậy? Vì oai lực của nhà vua.



“Vị Tu-đà-hoàn cũng vậy, tuy sanh nơi cõi nước xấu ác, không tu tập đạo pháp, nhưng do đạo lực [từ trước] nên không hề tạo các nghiệp ác.

“Thiện nam tử! Năm ấm của vị Tu-đà-hoàn thật đã diệt mất ở cõi này; tuy sanh năm ấm khác, nhưng vẫn không mất đi [năm] ấm của Tu-đà-hoàn.

“Thiện nam tử! Như chúng sanh vì muốn được [ăn] quả nên đối với hạt giống làm đủ mọi điều khó nhọc như bón phân, chăm sóc, tưới nước... Trong khi chưa được ăn quả, hạt giống đã diệt mất. Nhưng cũng có thể nói rằng, nhân nơi hạt giống mà có được quả. Năm ấm của vị Tu-đà-hoàn cũng vậy.

“Thiện nam tử! Ví như người giàu có, nhiều tiền của, nhưng chỉ có một đứa con trai duy nhất. Ông qua đời trước người con trai. Người con trai này lại có một đứa con trai đang ở nước khác. Ít lâu sau, thành linh người con trai cũng qua đời. Đứa cháu nội của người nhà giàu ấy nghe tin liền trở về thừa kế sản nghiệp. Tuy biết rằng của cải ấy chẳng phải do anh ta làm ra, nhưng khi anh ta nhận lấy thì không ai ngăn cản. Vì sao vậy? Vì là con cháu trong dòng họ. Vị Tu-đà-hoàn [với năm ấm đã từng tu tập] cũng giống như vậy.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Như Phật có nói kệ:

*Nếu tỳ-kheo tu tập  
Giới, định và trí tuệ;  
Vị ấy không thối chuyển,  
Gần gũi Đại Niết-bàn.*

“Bạch Thế Tôn! Thế nào là tu giới? Thế nào là tu định? Thế nào là tu trí tuệ?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như có người thọ trì giới cấm

chỉ vì sự lợi ích riêng mình, muốn được hưởng khoái lạc trong hai cõi trời, người, không phải vì sự độ thoát tất cả chúng sanh, không vì sự ủng hộ Chánh pháp Vô thượng; chỉ vì sự lợi dưỡng, vì sợ sệt ba đường ác; vì muốn được mạng sống, hình sắc, thế lực, sự an ổn, tài biện thuyết hơn người; vì sợ phép vua luật nước, vì sợ tiếng tăm xấu ác, vì sự nghiệp thế tục... Người giữ giới [vì những nguyên nhân] như vậy không được gọi là tu tập giới.

“Thiện nam tử! Thế nào gọi là tu tập giới một cách chân chánh? Nếu khi thọ trì giới cấm vì độ thoát tất cả chúng sanh, vì ủng hộ Chánh pháp; vì hóa độ những ai chưa được hóa độ, giải thoát cho những ai chưa được giải thoát, làm cho những ai chưa quy y [Tam bảo] quay về quy y, những ai chưa nhập Niết-bàn được nhập Niết-bàn; trong khi tu tập như vậy lại không thấy có giới cấm, không thấy có hình tướng của giới, không thấy có người giữ giới, không thấy có quả báo, không thấy có sự hủy phạm giới. Thiện nam tử! Nếu có thể [tu tập trì giới] như vậy, đó gọi là tu tập giới [một cách chân chánh].

“Sao gọi là tu tập định?<sup>(9)</sup> Như người tu định là vì muốn độ thoát lấy mình, vì lợi dưỡng; chẳng vì chúng sanh, không vì sự hộ trì Chánh pháp; vì thấy những lỗi lầm [tai hại] của tham dục, thức ăn nhơ nhớp và sự bất tịnh của nam căn, nữ căn, của chín lỗ<sup>(10)</sup> trong thân; [vì thấy những sự] tranh đấu, kiện tụng, đánh, đâm, sát hại lẫn nhau. Nếu vì những nguyên nhân ấy mà tu định thì không gọi là tu tập định [chân chánh].

“Thiện nam tử! Sao gọi là tu tập định một cách chân chánh? Nếu vì chúng sanh mà tu tập định, được tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh; vì muốn giúp cho chúng sanh được pháp không thối chuyển; vì muốn cho

chúng sanh được tâm của bậc thánh; vì muốn cho chúng sanh đạt được Đại thừa; vì muốn hộ trì Chánh pháp Vô thượng; vì muốn giúp cho chúng sanh không thối chuyển tâm Bồ-đề; vì muốn giúp cho chúng sanh đạt được phép định Thủ-lăng-nghiêm; vì muốn giúp cho chúng sanh đạt được phép định Kim cang; vì muốn giúp cho chúng sanh đạt được Đà-la-ni; vì muốn giúp cho chúng sanh đạt được Bốn pháp vô ngại; vì muốn giúp cho chúng sanh thấy được tánh Phật; trong khi tu tập những công hạnh như vậy lại không thấy có định, không thấy có hình tướng của định, không thấy người tu tập, không thấy có quả báo. Thiện nam tử! Nếu có thể [tu tập] như vậy, đó gọi là tu tập định [một cách chân chánh].

“Sao gọi là tu tập trí tuệ? Như người tu hành có ý nghĩ rằng: ‘Nếu ta tu tập trí tuệ như thế này, ắt sẽ được giải thoát, ra khỏi ba đường ác. Ai là người có thể làm lợi ích tất cả chúng sanh? Ai là người có thể cứu độ mọi người thoát khỏi đường sanh tử? Đức Phật ra đời thật khó gặp, như hoa Ưu-đàm-bát, nay ta có khả năng dứt trừ được mọi phiền não trói buộc, đạt được quả vị giải thoát, vậy ta phải siêng năng tu tập trí tuệ để mau chóng dứt trừ phiền não, mau chóng được độ thoát.’ Nếu tu tập như thế thì không gọi là tu tập trí tuệ [chân chánh].

“Sao gọi là tu tập trí tuệ một cách chân chánh? Người trí nếu quán xét rằng: ‘Sanh, già, chết đều là khổ. Tất cả chúng sanh bị vô minh che lấp nên không biết tu tập Chánh đạo vô thượng. Ta nguyện đem thân này thay thế tất cả chúng sanh chịu sự khổ não cùng cực. Nguyện cho những tâm bần cùng, hạ tiện, phá giới và những nghiệp tham lam, sân hận, si mê của tất cả chúng sanh thấy đều tụ tập vào thân ta! Nguyện cho chúng sanh không khởi tâm tham lam, bám giữ, không bị danh sắc

trói buộc! Nguyện cho tất cả chúng sanh sớm vượt ra khỏi vòng sanh tử, dù riêng mình ta ở lại trong sanh tử cũng không chán ngán! Nguyện cho tất cả đều đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề!’ Trong khi tu tập như vậy, không thấy có trí tuệ, không thấy có hình tướng của trí tuệ, không thấy có người tu, không thấy có quả báo. Như thế gọi là tu tập trí tuệ [chân chánh].

“Thiện nam tử! Người tu tập [một cách chân chánh] giới, định, trí tuệ như vậy gọi là Bồ Tát. Ai không thể tu tập giới, định, tuệ như vậy gọi là Thanh văn.

“Lại nữa, thiện nam tử! Sao lại gọi là tu tập giới? Là có thể phá trừ mười sáu điều xấu ác của tất cả chúng sanh. Những gì là mười sáu? Một là vì lợi mà nuôi dê con hay dê, đến khi béo mập thì bán đi. Hai là vì lợi mà mua những con dê ấy về giết thịt. Ba là vì lợi mà nuôi lợn con hoặc lợn, đến khi béo mập thì bán đi. Bốn là vì lợi mà mua những con lợn ấy về giết thịt. Năm là vì lợi mà nuôi bò hoặc nghé con, đến khi béo mập thì bán đi. Sáu là vì lợi mà mua những con bò ấy về giết thịt. Bảy là vì lợi mà nuôi gà cho béo mập rồi bán. Tám là vì lợi mà mua gà về giết thịt. Chín là câu cá. Mười là săn bầy thú. Mười một là cướp giết. Mười hai là làm kẻ đao phủ hành hình đồng loại.<sup>(11)</sup> Mười ba là giăng lưới bắt chim. Mười bốn là nói hai lưỡi [cố ý gây chia rẽ]. Mười lăm là làm kẻ cai ngục [hành hạ người một cách phi lý].<sup>(12)</sup> Mười sáu là học dùng bùa chú [tà vạy] để bắt các loài rồng, rắn<sup>(13)</sup>... [làm vui].

“Nếu ai có thể vì chúng sanh trừ dứt mười sáu nghiệp ác đó thì gọi là tu tập giới.

“Sao gọi là tu tập định? Là có thể dứt trừ tất cả các phép định của thế gian, chẳng hạn như: phép định Vô

thân, có thể khiến chúng sanh khởi tâm điên đảo, cho đó là Niết-bàn; các phép định Hữu vô biên tâm, Tịnh tụ, Thế biên, Thế đoạn, Thế tánh, Thế trượng phu, Phi tướng phi phi tướng. Những phép định ấy khiến cho chúng sanh khởi tâm điên đảo, cho đó là Niết-bàn. Nếu ai có thể dứt trừ vĩnh viễn những phép định [thế gian] như thế thì gọi là tu tập định [một cách chân chánh].

“Sao gọi là tu tập trí tuệ? Là có thể phá trừ những sự thấy biết xấu ác của thế gian. Tất cả chúng sanh đều có sự thấy biết xấu ác, chẳng hạn như thấy sắc đó tức là ngã, cũng là những vật của ta; hoặc thấy trong sắc có ngã, trong ngã có sắc... Cho đến đối với thức cũng thấy biết như vậy.<sup>(14)</sup> Hoặc thấy rằng cái thường còn là ngã; tuy sắc diệt mất nhưng ngã vẫn còn. Hoặc thấy rằng sắc tức là ngã, nên sắc diệt mất thì ngã diệt mất. Lại như có người nói: ‘Người tạo tác là ngã, người thọ nhận là sắc.’ Hoặc có người nói: ‘Người tạo tác là sắc, người thọ nhận là ngã.’ Hoặc có người nói: ‘Không có tạo tác, không có thọ nhận, tự sanh tự diệt, thấy đều không có nhân duyên.’ Hoặc có người nói: ‘Không có tạo tác, không có thọ nhận, hết thấy đều do đáng Tự tại làm ra.’ Hoặc như có người nói: ‘Không có người tạo tác, không có người thọ nhận, thấy đều do thời tiết làm ra.’ Hoặc có người lại nói: ‘Người tạo tác, kẻ thọ nhận đều là không có. Chỉ có Năm đại như đất, nước v.v... [hợp lại] gọi là chúng sanh.’

“Thiện nam tử! Nếu ai phá trừ được những sự thấy biết xấu ác đó của tất cả chúng sanh thì gọi là tu tập trí tuệ.

“Thiện nam tử! Tu tập giới là làm cho thân được vắng lặng an tĩnh. Tu tập định là làm cho tâm được vắng

lặng an tĩnh. Tu tập trí là trừ diệt lòng nghi ngờ. Trừ diệt lòng nghi ngờ là để tu tập theo đạo. Tu tập đạo là để thấy tánh Phật. Thấy tánh Phật là để đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề là để đạt đến Vô thượng Đại Niết-bàn. Đạt đến Đại Niết-bàn là để dứt trừ tất cả sanh tử của chúng sanh, dứt trừ tất cả phiền não, dứt trừ tất cả các cảnh giới hiện hữu, dứt trừ tất cả các giới,<sup>(15)</sup> [cho đến] dứt trừ tất cả các chân lý. Dứt trừ tất cả từ sanh tử cho đến các chân lý là để đạt được các pháp thường, lạc, ngã, tịnh.”

Bồ Tát Sư Tử Hồng lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Như Phật có dạy: ‘Nếu không sanh không diệt thì gọi là Đại Niết-bàn. Pháp sanh ra đó cũng là không sanh không diệt như vậy, tại sao chẳng được gọi là Niết-bàn?’”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Pháp sanh ấy tuy cũng là không sanh không diệt, nhưng lại có khởi đầu, có kết thúc.”

Bồ Tát Sư Tử Hồng lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Pháp sanh tử cũng không có khởi đầu, không có kết thúc. Nếu không có khởi đầu, không có kết thúc thì gọi là thường tồn. Thường tức là Niết-bàn, vì sao không gọi sanh tử là Niết-bàn?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Pháp sanh tử ấy đều có nhân quả. Vì có nhân quả nên không gọi là Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì bản thể của Niết-bàn là không có nhân quả.”

Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch Phật: “Thế Tôn! Niết-bàn đó cũng có nhân quả. Như Phật có nói kệ rằng:

*Do nhân mà sanh cõi trời,  
Do nhân mà đọa đường ác,*

*Do nhân mà được Niết-bàn,  
Nên tất cả đều có nhân.*

“Như lúc trước, Phật có dạy chư tỳ-kheo rằng: ‘Nay ta sắp nói về đạo quả của sa-môn. Sa-môn là người có thể tu tập đầy đủ giới, định, trí tuệ. Đạo, là Tám Thánh đạo. Quả của sa-môn là nói Niết-bàn.

“Bạch Thế Tôn! Niết-bàn là như vậy, há chẳng phải quả sao? Vì sao Phật nói rằng: ‘Bản thể của Niết-bàn là không có nhân quả?’”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Chỗ tuyên thuyết của ta về nhân Niết-bàn đó, là nói tánh Phật. Tánh của tánh Phật không sanh ra Niết-bàn. Cho nên ta nói Niết-bàn không có nhân. Vì có thể phá trừ phiền não nên gọi là quả lớn; vì không do đạo mà sanh ra nên gọi là không có quả. Cho nên Niết-bàn là không có nhân, không có quả.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch rằng: “Thế Tôn! Tánh Phật của chúng sanh là chung nhau hay mỗi người đều riêng có? Nếu là chung nhau, thì khi một người đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, lẽ ra tất cả chúng sanh cũng đều đạt được!

“Bạch Thế Tôn! Ví như hai mươi người có chung một mối oán thù. Nếu một người trừ được mối oán thù đó, mười chín người kia cũng được dứt trừ. Tánh Phật cũng vậy, khi một người đạt được, những người khác lẽ ra cũng đều đạt được!

“Còn nếu mỗi người đều riêng có, ắt phải là vô thường. Vì sao vậy? Vì [là pháp] tính đếm được. Nhưng Phật có dạy: ‘Tánh Phật của chúng sanh không phải một, không phải hai.’ Nếu mỗi người đều riêng có, lẽ ra không thể nói rằng: ‘Chư Phật là bình đẳng.’ Cũng không thể nói rằng: ‘Tánh Phật như hư không.’”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tánh Phật của chúng sanh không phải một, không phải hai. Chư Phật là bình đẳng, giống như hư không. Tất cả chúng sanh đồng có chung tánh Phật; nếu ai có thể tu tập Tám Thánh đạo, nên biết rằng người ấy sẽ được thấy rõ.

“Thiện nam tử! Nơi Tuyết sơn có một thứ cỏ tên là nhãn nhục.<sup>(16)</sup> Nếu bò ăn cỏ ấy thì [sữa của nó hóa] thành đề-hồ. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Như Phật nói cỏ nhãn nhục đó, vậy chỉ có một hay là có nhiều? Nếu chỉ có một, bò ăn rồi ắt phải hết. Nếu cỏ ấy có nhiều, làm sao nói rằng tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy?

“Như lời Phật dạy: ‘Nếu ai tu tập Tám Thánh đạo ắt sẽ thấy tánh Phật.’ Nghĩa ấy chẳng đúng! Vì sao vậy? Nếu đạo là một, như cỏ nhãn nhục, lẽ ra phải [có lúc] hết. Như đạo ấy [có thể] hết thì một người tu rồi, những người khác ắt không còn [đạo] để tu! Nếu đạo là nhiều, làm sao có thể nói rằng tu tập đầy đủ? [Người tu tập thành đạo rồi] cũng không thể gọi là [thành tựu] Nhất thiết chủng trí!”<sup>(17)</sup>

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ví như con đường bằng phẳng, tất cả chúng sanh đều đi trên đường, không có chướng ngại. Giữa đường có cây lớn che bóng mát, người đi đường đều dừng lại nghỉ ngơi dưới đó. Bóng mát của cây ấy là thường tồn, không biến đổi, không tiêu mất, không ai mang đi được.

“Con đường ấy ví như [Tám] Thánh đạo, bóng mát của cây ví như tánh Phật.

“Thiện nam tử! Ví như thành lớn chỉ có một cửa. Tuy có nhiều người do cửa ấy mà ra vào, cũng không ai [thấy] chướng ngại, không ai [có thể] tháo dỡ [cửa ấy] mang đi.

“Thiện nam tử! Ví như cây cầu bắc ngang sông, [nhiều] người đi trên đó cũng không ai bị ngăn cản, cũng không ai [có thể] tháo dỡ [cây cầu ấy] mang đi.

“Thiện nam tử! Ví như vị lương y trị đủ các bệnh, không ai có thể ngăn cản ép buộc vị ấy phải trị nơi này, bỏ nơi kia. Các Thánh đạo và tánh Phật cũng giống như vậy.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Những ví dụ vừa dẫn ra đó, ý nghĩa chẳng đúng. Vì sao vậy? Kẻ đi trước trên đường làm ngăn trở kẻ đi sau, vì sao nói rằng không có chướng ngại? Các ví dụ khác cũng đều như thế. Nếu Thánh đạo và tánh Phật là như vậy, thì một người đang tu lẽ ra phải làm ngăn trở những người khác!”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Lời ông nói đó là không hợp nghĩa. Ví dụ con đường mà ta dẫn ra là loại ví dụ chỉ lấy một phần ý nghĩa, không phải tất cả.

“Thiện nam tử! Như đường đi của thế gian ắt phải có chướng ngại, chỗ này khác với chỗ kia, không hề giống nhau. Con đường vô lậu không giống như vậy, có thể khiến chúng sanh không có chướng ngại, bình đẳng không hai, không có chỗ ngăn trở, không có chỗ này khác với chỗ kia. Con đường Chánh đạo như vậy có thể làm nhân thành tựu cho tánh Phật của tất cả chúng sanh, chẳng phải [thuộc loại] nhân sanh ra. Cũng như ngọn đèn soi sáng rõ mọi vật, [thật không hề sanh ra mọi vật, nhưng nhờ nó mà người ta thấy được rõ ràng mọi vật.]

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đều [có] vô minh làm nhân duyên với hành, không thể nói rằng: ‘Vô minh

của một người đã là nhân duyên với hành rồi thì những người khác lẽ ra là không.’ Tất cả chúng sanh đều có vô minh làm nhân duyên với hành. Cho nên nói rằng: ‘Đối với Mười hai nhân duyên, tất cả [chúng sanh] đều bình đẳng.’ Chánh đạo vô lậu mà chúng sanh tu tập cũng giống như vậy, đều dứt trừ mọi phiền não là nhân sanh vào các cảnh giới hiện hữu. Vì nghĩa ấy nên gọi là bình đẳng. Như người đã chứng đắc thì sự thấy biết chỗ này hay chỗ kia đều không có chướng ngại. Đó gọi là Nhất thiết chủng trí.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sanh không phải cùng một loại thân, hoặc mang thân người, hoặc thân súc sanh, ngựa quỳ, địa ngục. Như vậy là nhiều thân khác nhau, chẳng phải một loại; vì sao nói rằng tánh Phật là một?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ví như có người bỏ thuốc độc vào sữa. Từ sữa cho đến dê-hồ, thảy đều có độc. Sữa không gọi là kem sữa, kem sữa không gọi là sữa; cho đến dê-hồ cũng vậy. Tên gọi tuy thay đổi nhưng tánh độc vẫn không mất. Trong cả năm món [chế biến từ sữa ấy] thảy đều có độc. Như ăn món dê-hồ có thể bỏ mạng, nhưng thật ra [thì người kia] không bỏ thuốc độc vào dê-hồ! Tánh Phật của chúng sanh cũng vậy, tuy ở trong Năm đường,<sup>(18)</sup> thọ lấy các thân khác nhau, nhưng tánh Phật ấy vẫn là một, thường không biến đổi.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Trong mười sáu nước lớn có sáu thành lớn là Xá-bà-đề, Bà-chỉ-đa, Chiêm-bà, Tỳ-xá-ly, Ba-la-nại và Vương-xá.<sup>(19)</sup> Sáu thành ấy hiện là lớn nhất đời nay, vì sao Như Lai bỏ những thành ấy mà đến chốn hẻo lánh tồi tàn chật hẹp là thành Câu-thi-na này để nhập Niết-bàn?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông chớ nên nói rằng thành Câu-thi-na này là chốn hẻo lánh tồi tàn chật hẹp, mà nên nói rằng: ‘Thành này được trang nghiêm bởi công đức vi diệu.’ Vì sao vậy? Vì đây là chỗ đi đến của chư Phật, Bồ Tát.

“Thiện nam tử! Như nhà của kẻ nghèo hèn, nếu có vua ghé qua thì nên khen ngợi là trang nghiêm tốt đẹp, thành tựu phước đức, nên mới có thể khiến đức vua xa giá ngự đến.

“Thiện nam tử! Như một người đang bệnh nặng, uống một vị thuốc xấu tệ. Uống xong liền khỏi bệnh. Người ấy liền lấy làm vui vẻ, khen rằng: ‘Vị thuốc này là nhiệm mầu kỳ diệu nhất, có thể giúp ta khỏi bệnh!’

“Thiện nam tử! Như người đi thuyền giữa biển cả, bỗng nhiên thuyền chìm, không biết bám vào đâu. Rồi nhờ bám lấy một cái xác chết mà [sống sót] vào được trong bờ. Khi vào bờ rồi, người ấy lấy làm vui mừng, ngợi khen xác chết ấy rằng: ‘Ta nhờ gặp xác chết này mới được bình an.’

“Thành Câu-thi-na này cũng vậy, thật là chỗ chư Phật, Bồ Tát đi đến, sao lại gọi là nơi hẻo lánh tồi tàn chật hẹp?

“Thiện nam tử! Ta nhớ thuở xưa, cách nay vô số kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vào một kiếp tên là Thiện Giác, có vị Thánh vương họ Kiều-thi-ca đầy đủ bảy món báu<sup>(20)</sup> và một ngàn người con trai. Vua ấy bắt đầu tạo lập thành này, hai bề ngang dọc đều rộng mười hai do-diên, trang nghiêm bằng bảy món báu. Trong vùng này có nhiều con sông nước chảy hiền hòa, trong trẻo và ngọt mát. Đó là các sông Ni-liên-thiên, Y-la-bạt-đề, Hy-liên-thiên, Y-sưu-vị-viên, Tỳ-bà-xá-na... Tất cả có

đến năm trăm con sông [như vậy]. Dọc theo ven sông, ở hai bờ đều có cây cối rậm rạp, hoa quả tươi ngon.

“Thuở ấy, nhân dân sống lâu vô cùng. Bấy giờ, vị Chuyển luân Thánh vương đã sống qua một trăm năm rồi liền nói rằng: ‘Theo lời Phật dạy thì tất cả các pháp đều vô thường. Nếu ai có thể tu tập Mười điều lành ắt dứt trừ được nỗi khổ vô thường lớn lao đó.’ Nhân dân nghe được lời ấy, thấy đều cùng nhau kính cẩn tu tập theo Mười điều lành.

“Thuở ấy, ta được nghe danh hiệu Phật, thọ trì Mười điều lành, suy xét và tu tập, lần đầu tiên khởi phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Phát tâm như vậy rồi, ta lại đem pháp ấy mà truyền dạy cho khắp vô lượng vô biên chúng sanh, rằng tất cả các pháp đều là vô thường, biến đổi, hư hoại.

“Cho nên nay ta trở lại xứ này, cũng dạy rằng các pháp là vô thường, biến đổi, hư hoại, chỉ riêng nói rằng thân Phật là pháp thường trụ mà thôi!

“Ta nhớ lại nhân duyên thuở trước đã từng đến đây, nên ngày nay mới đến nơi này mà nhập Niết-bàn, cũng là báo đáp ơn xưa của vùng đất này. Vì nghĩa ấy, trong kinh ta có dạy rằng: ‘Là đệ tử Phật, khi đã thọ ân thì phải lo việc báo đáp.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Thuở xưa, chúng sanh sống lâu đến vô lượng tuổi. Bấy giờ, thành này tên là Câu-xá-bạt-đề, ngang dọc đều rộng năm mươi do-diên. Thuở ấy, trong cõi Diêm-phù-đề, dân cư làng mạc kế cận nhau, gần gũi như trong tầm bay của con gà.<sup>(21)</sup> Có một vị Chuyển luân vương tên là Thiện Kiến, có đủ bảy món báu và một ngàn người con trai, cai trị khắp Bốn cõi

thiên hạ. Vị thái tử lớn nhất của ngài nhờ [tu tập] suy xét Chánh pháp mà đắc quả Phật Bích-chi.

“Thuở ấy, vị Chuyển luân vương sau khi thấy thái tử của mình thành Phật Bích-chi, oai nghi sáng rõ, thần thông ít có, liền thân nhiên từ bỏ ngôi vua như người ta nhỏ bãi nước bọt, đến xuất gia giữa rừng cây sa-la này. Trong suốt tám vạn năm ngài tu tập tâm từ. Rồi đối với các tâm bi, tâm hỷ và tâm xả, ngài cũng tu tập mỗi tâm trong suốt tám vạn năm như vậy.

“Thiện nam tử! Thánh vương Thiện Kiến thuở ấy nay chính là ta đây. Cho nên ngày nay ta thường ưa thích an trụ trong bốn pháp từ, bi, hỷ, xả. Bốn pháp ấy gọi là Tam-muội. Vì nghĩa ấy, thân Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh.

“Thiện nam tử! Vì nhân duyên ấy, hôm nay ta đến tại thành Câu-thi-na này, giữa rừng cây sa-la mà vào Chánh định.

“Thiện nam tử! Ta lại nhớ thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, thành này tên là Ca-tỳ-la-vệ. Vua trong thành tên là Bạch Tịnh, phu nhân của vua tên là Ma-da. Vua có một con trai tên là Tất-đạt-đa. Thuở ấy, thái tử không cần thầy dạy, tự mình suy xét mà thành tựu chánh quả Vô thượng Bồ-đề. Ngài có hai đệ tử là Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên, vị đệ tử thị giả tên là A-nan. Thuở ấy, đức Thế Tôn ở giữa hai cây [sa-la] mọc sòng đôi mà diễn thuyết kinh Đại Niết-bàn này.

“Thuở ấy ta ở trong pháp hội, được nghe giảng pháp, rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Ta nghe như vậy rồi, đối với đạo Bồ-đề liền được địa vị không còn thối chuyển, bèn tự phát nguyện rằng: ‘Nguyện trong

đời vị lai, khi ta thành Phật thì cha mẹ, quốc độ, danh hiệu, đệ tử, người thị giả, cho đến việc thuyết pháp giáo hóa đều giống hệt như đức Thế Tôn hiện nay, không có gì khác. Vì nhân duyên ấy, nay ta đến tại nơi này rộng bày giảng thuyết kinh Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Khi ta mới xuất gia, chưa chứng đắc quả Phật, vua Tần-bà-sa-la có sai sứ đến nói rằng: ‘Nếu Thái tử Tất-đạt-đa lên ngôi Thánh vương, tôi sẽ làm phận bầy tôi. Nếu ngài không thích sống đời thế tục thì khi thành Chánh quả, nguyện đến thành Vương-xá này trước hết để thuyết pháp độ người, thọ lễ cúng dường của tôi!’ Bấy giờ, ta im lặng nhận lời thỉnh nguyện ấy.

“Thiện nam tử! Khi vừa mới thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, ta đi về phía nước Kiệt-xà.<sup>(22)</sup> Bấy giờ, ở vùng sông Y-liên-thiên có người Bà-la-môn họ Ca-diếp cùng với năm trăm đệ tử ở bên sông ấy cầu đạo vô thượng. Ta vì người ấy nên đến thuyết pháp.

“Ca-diếp nói rằng: ‘Cồ-đàm! Nay tôi già yếu, đã một trăm hai mươi tuổi. Nhân dân nước Ma-già-đà cho đến Đại vương Tần-bà-sa-la đều cho rằng tôi đã chứng quả A-la-hán. Nay nếu tôi ở trước mặt ông mà nghe và thọ nhận giáo pháp, e rằng hết thấy nhân dân sẽ nghĩ ngược lại rằng: ‘Đại đức Ca-diếp chẳng phải là bậc A-la-hán sao?’ Cồ-đàm! [Vì thế tôi] cầu xin ông hãy mau đi đến xứ khác! Nếu nhân dân ở đây biết chắc rằng Cồ-đàm có công đức hơn tôi, thì bọn chúng tôi không do đâu mà nhận được sự cúng dường [của nhân dân] nữa!’

“Khi ấy ta đáp rằng: ‘Ca-diếp! Nếu ông không quá lo lắng rằng ta là kẻ nhiều sân hận, xin vui lòng cho ta ngụ lại một đêm, sáng mai sẽ đi sớm.’

“Ca-diếp nói: ‘Cồ-đàm! Tôi không có ý gì khác, cũng rất yêu mến ngài. Chỉ có điều là nơi tôi ở đây có một con rồng độc, tánh rất hung bạo, e nó sẽ làm hại ngài.’

“Ta đáp: ‘Ca-diếp! Trong tất cả các thứ độc không gì hơn Ba độc!<sup>(23)</sup> Ta nay đã dứt trừ [ba độc ấy] rồi, các thứ độc của thế gian ta không hề sợ.’

“Ca-diếp nói: ‘Nếu ngài không sợ thì tốt lắm, xin mời ở lại.’

“Thiện nam tử! Lúc bấy giờ, vì muốn hóa độ Ca-diếp nên ta hiện ra mười tám cách biến hóa như trong kinh [A-hàm] có nói. Khi ấy, Ca-diếp cùng với năm trăm người đồng bọn được thấy, nghe như vậy rồi, liền chúng quả A-la-hán.

“Lúc đó, Ca-diếp còn có hai người em là Già-da Ca-diếp và Na-đề Ca-diếp, [mỗi người] cũng có số đệ tử là năm trăm người, thấy đều được chúng quả A-la-hán.

“Bấy giờ, những đồ đệ của bọn sáu thầy [ngoại đạo] ở thành Vương-xá nghe được việc ấy liền đối với ta sanh lòng độc ác.

“Vì đã nhận lời thỉnh cầu của vua [Tần-bà-sa-la trước đây], ta liền đến thành Vương-xá. Khi ta còn trên đường chưa đến nơi thì nhà vua cùng với rất đông dân chúng đã kéo đến nghênh tiếp. Ta liền vì họ mà thuyết pháp.

“Lúc bấy giờ, khi nghe pháp rồi thì chư thiên ở cõi trời Dục giới có tám mươi sáu ngàn vị phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Trong số những người đi theo vua Tần-bà-sa-la có một trăm hai mươi ngàn người chúng quả Tu-đà-hoàn.

“Có vô số chúng sanh được thành tựu tâm nhẫn nhục.

“Khi vào thành rồi, ta hóa độ Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên cùng với các đệ tử của họ là hai trăm năm mươi người, thấy đều buông bỏ những [tà kiến] trước đây, xuất gia học đạo.

“Ta liền ở lại thành Vương-xá, thọ nhận sự cúng dường của vua Tần-bà-sa-la. Bọn sáu thầy ngoại đạo liền tụ họp rồi kéo nhau bỏ đi sang thành Xá-vệ.

Bấy giờ, ở thành Xá-vệ có một vị trưởng giả tên Tu-đạt-đa, đến thành Vương-xá để lo việc cưới vợ cho con, đang ngụ tại nhà trưởng giả San-đàn-na. Khi ấy, chủ nhà nửa đêm bảo người nhà rằng: ‘Mọi người hãy mau mau thức dậy, cùng nhau quét dọn trang hoàng nhà cửa và bày biện các món ăn ngon.’

“Tu-đạt-đa nghe vậy, tự nghĩ rằng: ‘Chẳng phải là họ muốn thỉnh vua nước Ma-già-đà đây sao? Hay là vì có hôn sự nên muốn hội họp vui vẻ?’

“Suy nghĩ như vậy rồi liền đến hỏi chủ nhà rằng: ‘Có phải đại nhân muốn thỉnh vua Tần-bà-sa-la của nước Ma-già-đà hay chẳng? Hay vì có hôn sự nên mở hội vui vẻ chẳng? Vì sao phải gấp rút đến như vậy?’

“Trưởng giả đáp rằng: ‘Cư sĩ! Không phải vậy. Sáng mai tôi sẽ thỉnh Phật, là đấng Pháp vương Vô thượng.’

“Trưởng giả Tu-đạt vừa nghe đến danh hiệu Phật thì [bỗng đứng không hiểu vì sao] toàn thân rung động, liền hỏi lại: ‘Phật là ai vậy?’

“Chủ nhà đáp: ‘Ông thật chưa nghe biết gì sao? Ở thành Ca-tỳ-la có một vị trong dòng Thích-ca, tên là Tất-đạt-đa, họ Cồ-đàm, con vua Bạch Tịnh.<sup>(24)</sup> Vị ấy sanh ra chưa bao lâu thì có một thầy tướng đoán rằng



về sau sẽ làm Chuyển luân Thánh vương. Việc ấy rõ ràng chắc chắn như người ta nhìn rõ trái am-la trong lòng bàn tay. Nhưng nếu ngài không ưa thích việc ấy, từ bỏ ra đi xuất gia thì sẽ không thấy mà tự giác ngộ, đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vị ấy đã dứt trừ hoàn toàn tham, sân, si, là bậc thường trụ không biến đổi, không sanh không diệt, không còn lo sợ. Lòng ngài đối với tất cả chúng sanh đều bình đẳng, thương yêu như cha mẹ đối với đứa con duy nhất. Thân tâm của ngài cao quý hơn hẳn trong tất cả chúng sanh, nhưng ngài không vì thế mà sanh lòng kiêu mạn. Đối với sự tôn xưng cung kính hay oán ghét gây hại, ngài vẫn giữ lòng bình đẳng không phân biệt. Ngài có trí tuệ thông đạt, đối với tất cả các pháp không có sự ngăn ngại, thành tựu đầy đủ Mười sức, Bốn đức chẳng sợ, Ngũ trí Tam-muội, <sup>(25)</sup> Đại từ, Đại bi và Ba niệm xứ. Vì thế nên xưng hiệu ngài là Phật. Ngài nhận lời mời thỉnh của tôi, sáng mai sẽ đến đây. Cho nên cần phải gấp gáp, không có thời gian thư thả mà tiếp đãi ông.’

“Tu-đạt-đa nói: ‘Lành thay! Đại nhân, đức Phật mà ông nói đó, công đức thật không ai bằng! Vậy hiện nay ngài đang ở đâu?’

“Trưởng giả đáp: ‘Hiện ngài đang ở thành Vương-xá này, tại tinh xá Trúc Lâm, nơi rừng Ca-lan-đà.’

“Khi ấy [đang còn trong đêm], ông Tu-đạt-đa hết lòng nghĩ nhớ đến các công đức của Phật như Mười sức, Bốn đức chẳng sợ, Ngũ trí Tam-muội, Đại từ, Đại bi và Ba niệm xứ. Đang khi nghĩ nhớ, bỗng nhiên có ánh sáng rực rỡ, dường như lúc ban ngày. Ông liền theo ánh sáng ấy mà đi ra, đến dưới cửa thành. Do thần lực của Phật, [tuy chưa đến giờ mà] cửa thành tự nhiên mở rộng. Ông đi ra

khỏi thành rồi, chợt thấy có một miếu thờ thiên thần bên đường, liền vào đó lễ bái cung kính. Khi ấy trời tối đen trở lại, khiến ông hoảng hốt muốn quay trở về chỗ ngụ.

“Bấy giờ, ở cửa thành ấy có một vị thiên thần hiện đến nói với Tu-đạt-đa: ‘Này ông, nếu ông đến chỗ đức Như Lai, ông sẽ được nhiều sự tốt đẹp, ích lợi.’

“Tu-đạt-đa hỏi: ‘Tốt đẹp, ích lợi như thế nào?’

“Vị thiên thần đáp: ‘Trưởng giả! Nếu có người dùng những vật như chân bảo kết thành râu, trăm con tuần mã, trăm thớt voi tơ, trăm cỗ xe báu, vàng đúc thành người có đến số trăm, nữ nhân đoan chánh thân đeo chuỗi ngọc, các thứ của báu đầy dẫy, cung điện cao đẹp, nhà cửa nguy nga điêu khắc chạm trổ, mâm vàng lúa bạc, mâm bạc lúa vàng, mỗi thứ đủ số một trăm... mang bố thí cho một người. Rồi lại bố thí cho một người khác, cứ như vậy dần dần bố thí đủ khắp cho tất cả mọi người trong cõi Diêm-phù-đề. Công đức mà người ấy có được cũng không bằng công đức của người phát tâm đi đến chỗ đức Như Lai chỉ vừa nhắc chân một bước.’

“Tu-đạt-đa liền hỏi: ‘Thiện nam tử! Ông là ai vậy?’

“Thiên thần đáp: ‘Trưởng giả! Tôi là Thắng Tướng, con nhà Bà-la-môn, trước đây từng là thiện tri thức của ông. Ngày trước, nhân được gặp hai vị Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên [đệ tử của Phật], tôi sanh lòng hoan hỷ. Khi bỏ thân rồi, tôi được sanh làm con của Tỳ-sa-môn Thiên vương ở phương Bắc, có phận sự thủ hộ thành Vương-xá này. Tôi nhờ lễ bái những vị như Xá-lợi-phất và sanh lòng hoan hỷ mà được thân hình tốt đẹp như thế này, hướng chi được gặp bậc Đại Sư [của họ] là đức Như Lai và lễ bái cúng dường?’

“Trưởng giả Tu-đạt nghe như vậy rồi liền trở ra đường, [lập tức] tìm đến chỗ Phật. Khi đến nơi, ông cung kính lễ bái, đầu và mặt đều cúi sát chân Như Lai. Lúc ấy, Như Lai liền vì ông mà thuyết pháp thích hợp. Trưởng giả nghe rồi liền chứng quả Tu-đà-hoàn. Khi chứng quả rồi liền có lời thỉnh cầu rằng: ‘Như Lai đại từ! Xin ngài hạ cố đến thành Xá-vệ, thọ nhận sự cúng dường nhỏ mọn của con!’

“Ta liền hỏi: ‘Ở thành Xá-vệ có cảnh tinh xá nào có thể làm chỗ an trú cho đại chúng hay không?’

“Tu-đạt-đa thưa: ‘Nếu Phật rủ lòng thương nhận lời đến đó, con sẽ cố hết sức lo liệu việc xây cất.’

“Thiện nam tử! Khi ấy ta lặng thinh chấp nhận lời thỉnh cầu của Tu-đạt.

“Được sự nhận lời của ta, trưởng giả Tu-đạt liền bạch rằng: ‘Từ trước tới nay con chưa hề làm việc này, xin Như Lai cho ngài Xá-lợi-phất theo con để chỉ bảo cách thức xây dựng.’

“Ta liền bảo Xá-lợi-phất đi theo trợ giúp. Liên đó, Xá-lợi-phất và Tu-đạt-đa cùng đi chung một cỗ xe, thẳng sang thành Xá-vệ. Do thần lực của ta, chỉ qua một ngày đêm họ đã đến nơi.

“Lúc ấy, Tu-đạt-đa thưa với Xá-lợi-phất rằng: ‘Bạch Đại đức! Phía ngoài thành lớn này, không biết nơi nào có cảnh đất chẳng gần chẳng xa, có nhiều suối ao, rừng cây tốt đẹp, hoa quả sum sê, thanh tịnh thoáng rộng? Con nguyện sẽ vì đức Phật Thế Tôn và chư tỷ-kheo mà tạo lập nơi ấy một ngôi tinh xá.’

“Xá-lợi-phất đáp: ‘Cảnh vườn rừng [của trưởng giả] Kỳ-đà<sup>(26)</sup> là chẳng gần chẳng xa, thanh tịnh tịch mịch,

có nhiều suối ao, cây cối hoa quả bốn mùa đều có. Nơi ấy là tốt nhất, có thể xây dựng tinh xá.’

“Lúc ấy, Tu-đạt-đa nghe vậy rồi liền đến nhà trưởng giả Kỳ-đà, thưa rằng: ‘Nay tôi muốn vì đấng Vô thượng Pháp vương mà tạo lập chỗ an trú cho Chư tăng. Chỉ có cảnh vườn đất của ngài là thích hợp để xây dựng, tôi muốn mua đất ấy, ngài chịu bán chăng?’

“Kỳ-đà đáp rằng: ‘Dù ông mang vàng ròng đến trải đầy mặt đất nơi ấy, tôi cũng không bán cho ông!’

“Tu-đạt-đa liền nói: ‘Lành thay, Kỳ-đà! Xem như rừng đất ấy đã thuộc về tôi, ngài hãy nhận lấy vàng.’

“Kỳ-đà hỏi lại: ‘Vườn đất tôi không bán, sao lại nhận lấy vàng?’

“Tu-đạt-đa liền nói: ‘Nếu ngài còn không quyết đoán, chúng ta hãy cùng đi nhờ người phân xử vậy.’

“Khi ấy, hai vị trưởng giả cùng đi đến chỗ người phân xử. Người ấy nói rằng: ‘Vườn đất thuộc ông Tu-đạt, ông Kỳ-đà hãy nhận lấy vàng.’

“Trưởng giả Tu-đạt lập tức sai người dùng xe ngựa chở vàng đến trải khắp trên đất ấy. Ngay trong ngày, chỉ còn một khoảnh năm trăm bước là chưa kín vàng mà thôi.

“Kỳ-đà nói: ‘Trưởng giả! Nếu ông hối tiếc, tôi đồng ý cho ông hủy bỏ việc [mua bán] này!’

“Tu-đạt đáp: ‘Tôi không hối tiếc, chỉ đang nghĩ xem sẽ xuất kho nào cho vừa đủ số vàng này.’

“Kỳ-đà thâm nghĩ: ‘Đấng Pháp vương Như Lai quả thật không ai bằng! Ngài thuyết giảng Chánh pháp

nhệm mâu, thanh tịnh không cấu nhiễm, nên mới khiến cho người này xem nhẹ của cải đến như thế!

“Ông liền bảo Tu-đạt: ‘Chỗ còn thiếu đó không cần đem vàng tới nữa, xin để cho tôi góp phần. Tôi sẽ vì đức Phật mà tự mình xây dựng cửa lầu, đức Như Lai sẽ thường ra vào thông qua cửa ấy.’ Rồi trưởng giả Kỳ-đà tự mình xây dựng cửa lầu [ngay ở lối vào tinh xá].

“Trong vòng bảy ngày, trưởng giả Tu-đạt xây dựng xong phòng lớn đủ ba trăm căn, chỗ thiền phòng an tịnh là sáu mươi ba nơi; thất mùa đông, nhà mùa hạ, thủy đều riêng biệt; nhà trừ, phòng tắm, chỗ rửa chân, nhà xí... không thiếu gì cả.

“Xây dựng xong, trưởng giả Tu-đạt hai tay nâng lư hương hướng về phía thành Vương-xá mà khẩn rằng: ‘Việc xây dựng đã xong, nguyện đức Như Lai từ bi thương xót, vì chúng sanh mà thọ nhận chỗ ở này!’

“Lúc đó, Như Lai từ xa rõ biết tâm ý của trưởng giả Tu-đạt, liền cùng đại chúng ra khỏi thành Vương-xá. Trong thời gian nhanh như một lực sĩ co duỗi cánh tay đã đến thành Xá-vệ, trong khu vườn rừng Kỳ-đà, tinh xá Tu-đạt. Khi đến nơi rồi, trưởng giả Tu-đạt liền đem toàn bộ khu tinh xá đã xây dựng đó mà dâng cúng cho ta. Ta thọ nhận rồi, liền an trụ nơi đó.<sup>(27)</sup>

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN HAI MƯƠI CHÍN

## CHÚ GIẢI

1. Niệm: chỉ một khoảng thời gian rất ngắn, tương tự như nhiều nơi khác trong kinh dùng sát-na. Cách dùng chữ niệm để chỉ thời gian xuất phát từ khái niệm về “niệm tưởng” trong Phật giáo, vì Phật giáo cho rằng dòng tư tưởng của chúng ta thật ra là do vô số những “niệm tưởng” nối tiếp nhau tạo thành, mỗi một niệm tưởng chỉ tồn tại trong thời gian cực kỳ ngắn ngủi.
2. Thân trung ấm: Thần thức chúng sinh sau khi chết đi vào giai đoạn trung gian chuyển tiếp trước khi thọ sinh vào một đời sống mới. Trong giai đoạn này, chúng sinh mang thân trung ấm. Điều này được nhắc đến trong rất nhiều kinh luận, cũng như việc tùy nghiệp tái sinh được giảng rất rõ trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển 8.
3. Câu này lấy ý theo sát ví dụ vừa nêu trên: cũng như bàn tay (chưởng) nắm lại thì nắm tay (quyển) sanh ra, bàn tay buông ra thì cái nắm tay mất đi, nhưng thật là tự chúng hợp, tan, sanh, diệt chứ không có pháp nào khác bên ngoài thêm vào. Năm ấm của chúng sanh với sự trói buộc và giải thoát cũng vậy, chỉ là do có hay không có phiền não mà thôi, chẳng có pháp nào khác thêm vào. Khi còn có phiền não thì gọi là trói buộc; khi dứt trừ phiền não thì gọi là giải thoát.
4. Danh sắc: tên gọi khác của năm ấm (hay năm uẩn). Trong năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành và thức) thì sắc được tách riêng vì có thể nhận biết bằng các giác quan; còn thọ, tưởng, hành và thức được gọi chung là “danh” vì chúng là những pháp trừu tượng, không có hình sắc, không thể nhận biết bằng các giác quan mà chỉ có thể đề cập đến bằng tên gọi (danh).
5. Loài ngựa và lừa giao hợp với nhau sanh ra giống vật lai là con loa (驃), ta quen gọi là con la.
6. Do-diên hay du-thiện-na, thường gọi là do-tuần (yojana), tương đương khoảng 9.216 mét. Tuy nhiên, trong kinh điển thường dùng đơn vị này với ý nghĩa tượng trưng hơn là đo lường.
7. Tức ba pháp Không Tam-muội, Vô tướng Tam-muội và Vô tác (cũng gọi là Vô nguyện) Tam muội.
8. Khi nói “ánh sáng mặt trời... ... làm tăng trưởng cỏ cây...” đức Phật cho thấy ngài đã thấy biết được về sự quang hợp giúp nuôi lớn tất cả các loài thực vật. Đây là một kiến thức khoa học mà phải rất nhiều thế kỷ sau sự nhập diệt của đức Phật rồi con người mới thực sự biết được.
9. Bản Hán văn dùng chữ “tam-muội”, ở đây đồng nghĩa với “định”. Nhưng trong câu hỏi của Bồ Tát Sư Tử Hống dùng chữ “định”, nên chúng tôi cũng dịch nhất quán là “định” để đọc giả tiện theo dõi.

10. Chín lỗ (cửu khổng, hay cửu khiểu): chỉ các lỗ thông giữa cơ thể và môi trường bên ngoài, gồm 2 mắt, 2 lỗ mũi, 2 lỗ tai, miệng và 2 lỗ đại, tiểu tiện. Chín lỗ này thường bài tiết ra những chất nhơ nhớp không sạch nên gọi là bất tịnh.
11. Nguyên bản Hán văn là khôi khoái (魁膾), các bản trước đây đều dịch là người hàng thịt, bán thịt hoặc băm thịt làm nem chả... Bản của Hòa thượng Thích Trí Tịnh dịch là “thái thịt”. Đó đều là suy đoán từ nghĩa của chữ khoái (膾). Trong Tập A-tì-đàm tâm luận, quyển 3, xếp đây là nghiệp ác thứ 8 và giải thích như sau: 魁膾, 指為官操刀行刑之人。謂人本同類, 彼雖犯法, 理固當死, 然習操刀之業以害其生, 實為惡行。(Khôi khoái, chỉ vi quan thao đao hành hình chi nhân. Vị nhân bản đồng loại, bỉ tuy phạm pháp, lý cố đương tử, nhiên tập thao đao chi nghiệp dĩ hại kỳ sanh, thật vi ác hạnh.) Như vậy, rõ ràng những cách dịch trước đây đều không đúng. Chúng tôi căn cứ sự giải thích ở đây để dịch như trên.
12. Về nghiệp ác này, Tập A-tì-đàm tâm luận, quyển 3 ghi là “thủ ngục” (守獄), xếp vào nghiệp ác thứ 9 và giải thích như sau: 守獄, 指獄吏。謂守其牢獄, 以桎械枷鎖, 非理凌虐罪囚, 無慈善心, 是為惡行。(Thủ ngục, chỉ ngục lại, vị thủ kỳ lao ngục, dĩ sũu giới già tảo, phi lý lăng ngược tội tù, vô từ thiện tâm, thị vi ác hạnh.) Chúng tôi căn cứ sự giải thích này để thêm phần phụ dịch cho rõ nghĩa, tránh sự nhầm lẫn.
13. Nguyên bản dùng hai chữ “chú long” cũng rất khó hiểu. Trong Tập A-tì-đàm tâm luận, quyển 3, giải thích như sau: 咒龍: 謂習諸邪法咒術, 咒于龍蛇, 以為戲樂。(Chú long, vị tập chú chú tà pháp chú thuật, chú vu long xà, dĩ vi hí lạc.) Chúng tôi căn cứ vào sự giải thích này để dịch như trên.
14. “Cho đến đối với thức”, là ý nói tóm lược đối với tất cả năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành và thức.
15. Đây có lẽ chỉ 18 giới, tức 6 căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) thiệp nhập với 6 trần (hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm, các pháp) và 6 thức ở giữa. Tất cả 18 pháp này đều là nơi sinh khởi mọi vọng tình của chúng sanh, nên gọi chung là 18 giới (thập bát giới).
16. Ví dụ này đã được đức Phật nêu ra ở trước.
17. Nguyên bản Hán văn dùng “Tát-bà-nhã” (Sarvajña), dịch nghĩa là Nhất thiết chủng trí, hay cũng gọi tắt là Nhất thiết trí, chỉ trí tuệ của bậc giác ngộ viên mãn, vì có thể thấu suốt tất cả mọi sự vật, thấu suốt cả quá khứ, hiện tại và tương lai.
18. Năm đường (Ngũ đạo): chỉ chung các cảnh giới tái sanh của chúng sanh, gồm địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cõi người và cõi trời.
19. Tên Phạn ngữ của các thành này lần lượt theo thứ tự kể trên là Śravastī, Sāketa, Campa, Vaiśālī, Barāṇasī và Rājagṛīha.
20. Bảy món báu (Thất bảo) của vị Chuyển luân Thánh vương, do phước đức chiêu cảm mà tự có, gồm: Luân bảo (bánh xe báu, có thể cưỡi bay đi khắp thiên hạ), tượng bảo (voi báu), mã bảo (ngựa báu), ma-ni bảo (hạt châu như ý), nữ bảo (mỹ nhân xinh đẹp và hiền thực nhất, có thể hiểu được ý vua), tạng bảo (hay chủ tạng thần bảo, là vị quan coi giữ kho tàng có khả năng tìm ra mọi kho tàng trong thiên

hạ, dưới biển sâu, để vua tùy ý tiêu dùng), binh bảo (hay chủ binh thần bảo, là vị tướng soái tài giỏi nắm giữ binh quyền, có thể giúp vua chinh phục thiên hạ).

21. Nguyên bản Hán văn dùng “kê phi tương cập”, Niết-bàn kinh sơ giải thích là: 鷄飛相及言其近也以鷄飛不遠故 - Kê phi tương cập, ngôn kỳ cận dã, dĩ kê phi bất viễn cố. (Kê phi tương cập, đó là nói gần gũi nhau, lấy ý là con gà bay cũng không xa.)
22. Nước Kiệt-xà, tức là nước Ma-kiệt-đà, hay Ma-già-đà (Magadha), là nước của vua Tần-bà-sa-la, kinh đô là thành Vương-xá.
23. Ba độc (Tam độc): chỉ ba tâm độc hại là tham lam, sân hận và si mê.
24. Vua Bạch Tịnh: tên khác của vua Tịnh Phạn.
25. Ngũ trí Tam-muội: Theo đức Phật giảng giải trong kinh Đại Bát Niết-bàn này ở quyển 31 (trang 76, Tập 6) thì Ngũ trí Tam-muội gồm: 1. Tam-muội Vô thực, 2. Tam-muội Vô quá, 3. Tam-muội Thân ý thanh tịnh nhất tâm, 4. Tam-muội Nhân quả câu lạc, 5. Tam-muội Thường niệm. Năm phép tam-muội này giúp sanh khởi trí tuệ, nên tùy theo mức độ phá trừ phiền não cũng được giảng giải thành năm bậc như sau: 1. Sơ trí: Hành giả khi tu tập nếu khởi sanh phiền não, liền ngay khi ấy khởi sanh trí tuệ dứt trừ phiền não, làm cho tâm định được thanh tịnh như bậc thánh. 2. Đệ nhị trí: Tâm được thanh tịnh như bậc thánh, tự biết đó không phải là chỗ phạm phu có thể đạt được, mà là chỗ hàng trí giả ngợi khen xưng tán. Vì đạt được trí tuệ của bậc thánh, không gọi là phạm phu. Phân biệt như vậy phá được giả danh, gọi là đệ nhị trí. 3. Đệ tam trí: Dứt trừ hết thủy phiền não tham ái nên gọi là tịch diệt. Vì tịch diệt nên đạt đến sự nhiệm mầu. Liạ các phiền não nên gọi là xa liạ. Đạt được trí này thì liạ xa cõi dục, gọi là đệ tam trí. 4. Đệ tứ trí: Tùy sự chứng đắc dứt trừ phiền não mà được an ổn tịch diệt, liạ xa sự vui thế tục nên gọi là hiện tại an vui, về sau cũng an vui. Hiện tại an vui là cái vui dứt trừ phiền não; về sau an vui là cái vui Niết-bàn. Đó gọi là đệ tứ trí. 5. Đệ ngũ trí: Hành giả thường thực hành tâm vô tướng, đạt được sự nhất tâm xuất định nhập định, gọi là đệ ngũ trí. Chứng đắc năm trí này tức là chứng quả Tam-muội, nên gọi là Ngũ trí Tam-muội. Lại theo Niết-bàn kinh sơ giải dẫn Thành luận quyển 6, phẩm Ngũ trí, thì Ngũ trí này gồm: 1. Pháp trụ trí (法住智): rõ biết sự sanh khởi của tất cả các pháp; 2. Nê-hoàn trí (泥洹智): rõ biết sự diệt mất của tất cả các pháp; 3. Vô tranh trí (無諍智): rõ biết lẽ chân thật không còn phải tranh cãi, biện luận với bất cứ ai; 4. Nguyên trí (願智): đối với tất cả các pháp không còn có sự chướng ngại; 5. Biên tế trí (邊際智): đạt được trí tuệ tối thượng, đối với tất cả các pháp thiên định đều có thể tu tập tăng trưởng, được sức tự tại.
26. Nhiều kinh luận khác khi đề cập đến vị chủ nhân khu vườn rừng này đều cho là thái tử Kỳ-đà, nhưng theo kinh văn ghi ở đây thì rõ ràng ông này chỉ là một vị trưởng giả. Nếu là một vị thái tử quyền thế thì hẳn không có chuyện hai người đưa nhau đến nhờ người phân xử như được nói ở đoạn tiếp theo.
27. Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 27, bắt đầu quyển 28, phẩm Bồ Tát Sư Tử Hống phần thứ tư (Sư Tử Hống Bồ Tát phẩm chi tứ).

# 大般涅槃經

## 卷第三十

### 師子吼菩薩品

#### 第十一之四

時諸六師心生嫉妒。悉共集詣波斯匿王作如是言。大王當知。王之土境清夷閑靜。真是出家住止之處。是故我等為斯事故而來至此。大王。以法正治為民除患。沙門瞿曇年既幼稚。學日又淺道術無施。此國先有耆舊宿德。身恃王種不生恭敬。若是王種法應治民。如其出家應敬宿德。

大王善聽。沙門瞿曇真實不生王種之中。瞿曇沙門若有父母何由劫奪他之父母。

大王。我經中說。過千歲已有一妖祥幻化物出。所謂沙門瞿曇是也。是故當知。沙門瞿曇無父無母。若有父母云何說言諸法無常苦空無我無作無受。以幻術故誑惑眾生。愚者信受智者捨之。

大王。夫人王者天下父母。如秤如地如風如火。知道如河如橋如燈如日如月。如法斷事不擇怨親。沙門瞿曇不聽我活。隨我去處追逐不捨。

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ TAM THẬP

### SƯ TỬ HỒNG BỒ TÁT PHẨM

#### ĐỆ THẬP NHẤT CHI TỨ

Thời, chư Lục sư, tâm sanh tật đố, tất cộng tập nghị Batur-nặc vương, tác như thị ngôn: Đại vương đương tri: vương chi thổ cảnh thanh di, nhân tĩnh, chân thị xuất gia trụ chỉ chi xứ. Thị cố ngã đẳng vị tư sự cố, nhi lai chí thử. Đại vương dĩ Chánh pháp trị, vị dân trừ hoạn. Sa-môn Cồ-đàm, niên ký ấu trĩ, học nhật hựu thiển, đạo thuật vô thi. Thử quốc tiên hữu kỳ cựu túc đức. Thân thị vương chủng, bất sanh cung kính. Nhược thị vương chủng, pháp ưng trị dân. Như kỳ xuất gia, ưng kính túc đức.

Đại vương thiện thính: Sa-môn Cồ-đàm chân thật bất sanh vương chủng chi trung. Cồ-đàm sa-môn nhược hữu phụ mẫu, hà do kiếp đoạt tha nhân phụ mẫu?

Đại vương! Ngã kinh trung thuyết: quá thiên tuế dĩ, hữu nhất yêu tường huyễn hóa vật xuất: Sở vị sa-môn Cồ-đàm thị dã. Thị cố đương tri sa-môn Cồ-đàm vô phụ vô mẫu. Nhược hữu phụ mẫu, vân hà thuyết ngôn: chư Pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, vô tác, vô thọ? Dĩ huyễn thuật cố, cưỡng hoặc chúng sanh. Ngu giả tín thọ, trí giả xả chi.

Đại vương! Phù nhân vương giả, thiên hạ phụ mẫu, như xứng, như địa, như phong, như hỏa, như đạo, như hà, như kiêu, như đặng, như nhật, như nguyệt; như pháp đoán sự: bất trạch oán, thân. Sa-môn Cồ-đàm bất thính ngã hoạt; tùy ngã khứ xứ, truy trục bất xả.

惟願大王。聽我等輩與彼瞿曇掬其道力。若彼勝我我當屬彼。我若勝彼彼當屬我。

王言。大德。汝等各各自有行法。止住之處亦各不同。我今定知。如來世尊於汝無妨。

六師答言。云何無妨。沙門瞿曇以幻術法誘誑諸人及婆羅門歸伏已盡。王若聽我與掬道力。王之善名流布八方。如其不者惡聲盈路。

王言。大德。汝以未知如來道力威神巍巍故求掬試。若定知者恐不能也。

大王。汝今已受瞿曇幻耶。唯願大王。留神聽察。莫輕我等構之虛言。不如驗之以實。

王言。善哉善哉。六師之徒歡喜而出。

時波斯匿王即敕嚴駕來至我所。頭面敬禮右遶三帀退坐一面而白我言。世尊。六師向來求掬道力。我不量度敢已許之。

佛言。大王。善哉善哉。但當更於此國處處造立僧房。何以故。我若與彼掬其神力。彼眾之中受化者多。此處狹小云何容受。

善男子。我於爾時為六師故。從初一日至十五日。現大希有神通變化。當是時也。無量眾生發阿

Duy nguyện Đại vương thính ngã đấng bồi dũ bỉ Cồ-đàm giác kỳ đạo lực. Nhược bỉ thắng ngã, ngã đương thuộc bỉ; nhược ngã thắng bỉ, bỉ đương thuộc ngã.

Vương ngôn: Đại đức! Nhữ đấng các các tự hữu hành pháp, chỉ trụ chi xứ; diệt các bất đồng. Ngã kim định tri Như Lai Thế Tôn, ư nhữ vô phùng.

Lục sư đáp ngôn: Vân hà vô phùng? Sa-môn Cồ-đàm dĩ huyền thuật pháp, dụ cuống chư nhân cập bà-la-môn quy phục dĩ tận. Vương nhược thính ngã dũ giác đạo lực, vương chi thiện danh lưu bố bát phương. Như kỳ bất giả, ác thanh doanh lộ.

Vương ngôn: Đại đức! Nhữ dĩ vị tri Như Lai đạo lực oai thần nguy nguy, cố cầu giác thí. Nhược định tri giả, khùng bất năng dã!

Đại vương! Nhữ kim dĩ thọ Cồ-đàm huyền da? Duy nguyện Đại vương lưu thần thính sát. Mạc khinh ngã đấng câu chi hư ngôn. Bất như nghiệm chi dĩ thật.

Vương ngôn: Thiện tai, thiện tai! Lục sư chi đồ hoan hỷ nhi xuất.

Thời, Ba-tư-nặc vương tức sắc nghiêm giá, lai chí ngã sở, đầu diện lễ kính, hữu nhiều tam táp, thối tọa nhất diện, nhi bạch ngã ngôn: Thế Tôn! Lục sư hướng lai, cầu giác đạo lực. Ngã bất lượng độ, cảm dĩ hứa chi.

Phật ngôn: Đại vương! Thiện tai! Thiện tai! Đãn đương cánh ư thử quốc xứ xứ, tạo lập tăng phòng. Hà dĩ cố? Ngã nhược dũ bỉ giác kỳ thần lực, bỉ chúng chi trung, thọ hóa giả đa. Thử xứ hiệp tiểu, vân hà dung thọ?

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời, vị Lục sư cố, từng sơ nhất nhật chí thập ngũ nhật, hiện đại hy hữu thần thông biến hóa. Đương thị thời dã, vô lượng chúng sanh phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Vô lượng chúng sanh ư Tam bảo

耨多羅三藐三菩提心。無量眾生於三寶所生信不疑。六師徒眾其數無量。破邪見心正法出家。無量眾生於菩提中得不退心。無量眾生得陀羅尼諸三昧門。無量眾生得須陀洹果至阿羅漢果。

爾時六師內心慚愧。相與圍繞至婆枳多城。教彼人民信受邪法。瞿曇沙門但說空事。

善男子。我時為母處忉利天波利質多樹安居說法。

是時六師心大歡喜唱言。善哉。瞿曇幻術今已滅沒。復教無量無數眾生增長邪見。

爾時頻婆娑羅王波斯匿王。及四部眾白目連言。大德。此閻浮提邪見增長。眾生可愍行大黑闇。惟願大德。至彼天上稽首世尊如我言曰。譬如犢子其生未久若不得乳必死無疑。我等眾生亦復如是。惟願如來。哀愍眾生還來住此。

時目犍連默然而許。如大力士屈伸臂頃往彼天上。至世尊所白佛言。閻浮提中所有四眾渴仰如來思見聞法。頻婆娑羅王波斯匿王及四眾等稽首足下。此閻浮提所有眾生邪見增長。行大黑闇甚可憐愍譬如犢子其生未久若不得乳必死不疑。我等亦爾。惟願如來。為眾生故。還來在此閻浮提中。

sở, sanh tín bất nghi. Lục sư đồ chúng, kỳ số vô lượng, phá tà kiến tâm, Chánh pháp xuất gia. vô lượng chúng sanh, ư Bồ-đề trung, đắc bất thối tâm. Vô lượng chúng sanh đắc Đà-la-ni, chư tam-muội môn. Vô lượng chúng sanh đắc Tu-đà-hoàn quả chí A-la-hán quả.

Nhĩ thời Lục sư, nội tâm tâm quý, tương dữ vi nhiều, chí Bà-chỉ-đa thành, giáo bử nhân dân tín thọ tà pháp: Cô-đàm sa-môn dẫn thuyết không sự!

Thiện nam tử! Ngã thời vị mẫu, xử Đạo-ly thiên, Ba-ly-chất-đa thọ, an cư thuyết pháp.

Thị thời, Lục sư, tâm đại hoan hỷ, xướng ngôn: Thiện tai! Cô-đàm huyễn thuật kim dĩ diệt một. Phục giáo vô lượng vô số chúng sanh tăng trưởng tà kiến.

Nhĩ thời, Tần-bà-sa-la vương, Ba-tư-nặc vương cập tứ bộ chúng, bạch Mục-liên ngôn: Đại-đức! Thủ Diêm-phù-đề, tà kiến tăng trưởng chúng sanh khả mẫn, hành đại hắc ám. Duy nguyện đại đức chí bử thiên thượng, khể thủ Thế Tôn như ngã ngôn viết: Thí như độc tử, kỳ sanh vị cứu, nhược bất đắc nhũ, tất tử vô nghi. Ngã đẳng, chúng sanh diệc phục như thị. Duy nguyện Như Lai ai mẫn chúng sanh, hoàn lai trụ thủ.

Thời, Mục-kiên-liên mặc nhiên nhi hứa. Như đại lực sĩ khuất thân tý khoảnh, vãng bử thiên thượng, chí Thế Tôn sở, bạch Phật ngôn: Diêm-phù-đề trung, sở hữu tứ chúng, khát ngưỡng Như Lai, tư kiến văn pháp. Tần-bà-sa-la vương, Ba-tư-nặc vương cập tứ chúng đẳng, khể thủ túc hạ: Thủ Diêm-phù-đề, sở hữu chúng sanh, tà kiến tăng trưởng, hành đại hắc ám, thậm khả lân mẫn! Thí như độc tử, kỳ sanh vị cứu, nhược bất đắc nhũ, tất tử bất nghi. Ngã đẳng diệc nhĩ. Duy nguyện Như Lai, vị chúng sanh cố, hoàn lai tại thủ Diêm-phù-đề trung.

佛告目連。汝今速還至閻浮提。告諸國王及四部眾。卻後七日我當還下。為六師故復當至彼婆枳多城。

過七日已我與釋天梵天魔天無量天子及首陀會一切天人。前後圍繞至婆枳多城。大師子吼作如是言。惟我法中獨有沙門及婆羅門。一切諸法無常無我涅槃寂靜離諸過惡。若言他法亦有沙門及婆羅門。有常有我有涅槃者無有是處。

爾時無量無邊眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。

是時六師各相謂言。若我法中實無沙門婆羅門者。云何而得世間供養於是六師。復相聚詣毘舍離。

善男子。我於一時住毘舍離菴羅林間。時菴羅女知我在中。欲來我所。我於爾時告諸比丘。當觀念處善修智慧隨所修習心莫放逸。

云何名為觀於念處。若有比丘觀察內身不見於我及以我所。觀察外身及內外身不見於我及以我所。觀受心法亦復如是。是名念處。

云何名為修習智慧。若有比丘真實而見苦集滅道。是名比丘修習智慧。

云何名為心不放逸。若有比丘念佛念法念僧念戒念捨念天。是名比丘心不放逸。

Phật cáo Mục-liên: Nhữ kim tốc hoàn, chí Diêm-phù-đề, cáo chư quốc vương cập tứ bộ chúng: Khước hậu thất nhật, ngã đương hoàn hạ. Vị Lục sư cố, phục đương chí bỉ Bà-chỉ-đa thành.

Quá thất nhật dĩ, ngã dĩ Thích Thiên, Phạm Thiên, Ma thiên, vô lượng thiên tử cập Thủ-đà Hội; nhất thiết thiên, nhân tiên hậu vị nhiều, chí Bà-chỉ-đa thành, đại sư tử hống, tác như thị ngôn: Duy ngã pháp trung, độc hữu sa-môn cập bà-la-môn. Nhất thiết chư pháp vô thường, vô ngã; Niết-bàn tịch tĩnh, ly chư quá ác. Nhược ngôn tha pháp diệc hữu sa-môn cập bà-la-môn, hữu thường, hữu ngã, hữu Niết-bàn giả, vô hữu thị xứ.

Nhĩ thời, vô lượng vô biên chúng sanh phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

Thị thời, Lục sư các tương vị ngôn: Nhược ngã Pháp trung, thật vô sa-môn, Bà-la-môn giả, vân hà nhi đắc thế gian cúng dường? Ư thị Lục sư, phục tương tập tụ, nghệ Tỳ-xá-ly.

Thiện nam tử! Ngã ư nhất thời, trụ Tỳ-xá-ly, Am-la lâm gian. Thời, Am-la nữ tri ngã tại trung, dục lai ngã sở. Ngã ư nhĩ thời, cáo chư tỳ-kheo: Đương quán niệm xứ, thiện tu trí tuệ; tùy sở tu tập, tâm mạc phóng dật.

Vân hà danh vi quán ư niệm xứ? Nhược hữu tỳ-kheo quán sát nội thân, bất kiến ư ngã cập dĩ ngã sở; quán sát ngoại thân cập nội ngoại thân, bất kiến ư ngã cập dĩ ngã sở. Quán thọ, tâm, pháp, diệc phục như thị. Thị danh niệm xứ.

Vân hà danh vi tu tập trí tuệ? Nhược hữu tỳ-kheo, chân thật nhi kiến: khổ, tập, diệt, đạo, thị danh tỳ-kheo tu tập trí tuệ.

Vân hà danh vi tâm bất phóng dật? Nhược hữu tỳ-kheo niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm thiên, thị danh tỳ-kheo tâm bất phóng dật.



時菴羅女即至我所。頭面作禮右繞三匝。修敬已畢卻坐一面。善男子。我於爾時為菴羅女如應說法。是女聞已發阿耨多羅三藐三菩提心。

時彼城中有梨車子其數五百來至我所。頭面作禮右繞三匝。修敬已畢卻坐一面。我時復為諸梨車子如應說法。諸善男子。夫放逸者有五事果。何等為五。

- 一者不得自在財利。
- 二者惡名流布於外。
- 三者不樂惠施窮乏。
- 四者不樂見於四眾。
- 五者不得諸天之身。

諸善男子。因不放逸能生世法出世間法。若有欲得阿耨多羅三藐三菩提者。應當勤修不放逸法。

夫放逸者。復有十三果報。何等十三。

- 一者於為世間作業。
- 二者樂說無益之言。
- 三者常樂久寢睡眠。
- 四者樂說世間之事。
- 五者常樂親近惡友。
- 六者常樂懈怠懶惰。
- 七者常為他人所輕。

Thời Am-la nữ tức chí ngã sở, đầu diện tác lễ, hữu nhiều tam táp, tu kính dĩ tất, khước tọa nhất diện. Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời, vị Am-la nữ, như ứng thuyết Pháp, thị nữ văn dĩ, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

Thời, bỉ thành trung, hữu Lê-xa tử, kỳ số ngũ bá, lai chí ngã sở, đầu diện tác lễ, hữu nhiều tam táp, tu kính dĩ tất, khước tọa nhất diện. Ngã thời phục vị chư Lê-xa tử, như ứng thuyết pháp: Chư thiện nam tử! Phù phóng dật giả, hữu ngũ sự quả. Hà đẳng vi ngũ?

- Nhất giả bất đắc tự tại tài lợi.
- Nhị giả ác danh lưu bố ư ngoại.
- Tam giả bất nhạo huệ thí cùng phạp.
- Tứ giả bất nhạo kiến ư tứ chúng.
- Ngũ giả bất đắc chư thiên chi thân.

Chư thiện nam tử! Nhân bất phóng dật, năng sanh thế pháp, xuất thế gian pháp. Nhược hữu dục đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, ưng đương cần tu bất phóng dật pháp.

Phù phóng dật giả, phục hữu thập tam quả báo. Hà đẳng thập tam?

- Nhất giả ư vị thế gian tác nghiệp.
- Nhị giả nhạo thuyết vô ích chi ngôn.
- Tam giả thường nhạo cửu tẩm thụy miên.
- Tứ giả nhạo thuyết thế gian chi sự.
- Ngũ giả thường nhạo thân cận ác hữu.
- Lục giả thường nhạo giải đãi lại nọa.
- Thất giả thường vi tha nhân sở khinh.

八者雖有所聞尋復忘失。

九者樂處邊地。

十者不能調伏諸根。

十一者食不知足。

十二者不樂空寂。

十三者所見不正。

是名十三。

善男子。夫放逸者。雖得近佛及佛弟子猶故為遠。

諸梨車言。我等自知是放逸人。何以故。如其我等不放逸者。如來法王當出我土。

時大會中有婆羅門子。名曰無勝。語諸梨車。善哉善哉。如汝所言。頻婆娑羅王已獲大利。如來世尊出其國土。猶如大池生妙蓮花。雖生在水水不能污。

諸梨車子。佛亦如是。雖生彼國不為世法之所滯礙。

諸佛世尊無出無入。為眾生故出現於世。不為世法之所滯礙。

仁等。自迷耽荒五欲。不知親近往如來所。是故名為放逸之人。非佛出於摩伽陀國名放逸也。何以故。如來世尊猶彼日月。非為一人二人出世。

時諸梨車聞是語已。尋發阿耨多羅三藐三菩提心。復作是言。善哉善哉。無勝童子。快說如是善妙之言。

Bát giả tuy hữu sở văn tầm phục vong thất.

Cửu giả nhạo xử biên địa.

Thập giả bất năng điều phục chư căn.

Thập nhất giả thực bất tri túc.

Thập nhị giả bất nhạo không tịch.

Thập tam giả sở kiến bất chánh.

Thị danh thập tam.

Thiện nam tử! Phù phóng dật giả, tuy đắc cận Phật, cập Phật đệ tử, du cố vi viễn!

Chư Lê-xa ngôn: Ngã đẳng tự tri thị phóng dật nhân. Hà dĩ cố? Như kỳ ngã đẳng bất phóng dật giả, Như Lai Pháp vương đương xuất ngã thổ!

Thời, đại hội trung, hữu Bà-la-môn tử, danh viết Vô Thắng, ngũ chư Lê-xa: Thiện tai! Thiện tai! Như nữ sở ngôn. Tần-bà-sa-la vương dĩ hoạch đại lợi; Như Lai Thế Tôn xuất kỳ quốc thổ, do như đại trì, sanh diệu liên hoa; tuy sanh tại thủy, thủy bất năng ô.

Chư Lê-xa tử! Phật diệc như thị; tuy sanh bỉ quốc, bất vi thế pháp chi sở trệ ngại.

Chư Phật Thế Tôn vô xuất vô nhập; vị chúng sanh cố, xuất hiện ư thế; bất vi thế pháp chi sở trệ ngại.

Nhân đẳng tự mê, đam hoang ngũ dục, bất tri thân cận, vãng Như Lai sở. Thị cố danh vi phóng dật chi nhân. Phi Phật xuất ư Ma-già-đà quốc, danh phóng dật dã. Hà dĩ cố? Như Lai Thế Tôn du bỉ nhật, nguyệt; phi vị nhất nhân, nhị nhân, xuất thế.

Thời, chư Lê-xa, văn thị ngũ dĩ, tâm phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Phục tác thị ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Vô Thắng đồng tử. Khoái thuyết như thị thiện diệu chi ngôn!

時諸梨車各各脫身所著一衣以施無勝。無勝受已。轉以奉我。復作是言。世尊。我從梨車得是衣物。惟願如來。哀愍眾生受我所獻。

我於爾時。愍彼無勝即為納受。

時諸梨車同時合掌。作如是言。惟願如來。於此土地一時安居受我微供。我時默然受梨車請。是時六師聞是事已。師宗相與詣波羅奈。

爾時我復往波羅奈住波羅河邊。時波羅奈有長者子。名曰寶稱。耽荒五欲不知非常。以我到故自然而得白骨觀法。見其殿舍宮人婬女悉為白骨。心生怖懼如刀毒蛇如賊如火。即出其舍來詣我所隨路竝言。瞿曇沙門。我今如為賊所追逐其大怖懼。願見救濟。

佛言。善男子。佛法眾僧安隱無懼。長者子言。若三寶中無所畏者。我今亦當得無所畏。我即聽其出家為道。時長者子復有同友其數五十。遙聞寶稱厭欲出家。即共和順相與出家。六師聞已展轉復詣瞻婆大城。時瞻婆大國一切人民悉共奉事六師之徒。初未曾聞佛法僧名。多有諸人作極惡業。

我於爾時為眾生故往瞻婆城。時彼城中有大長者無有繼嗣。奉事六師以求子息。其後不久婦則懷

Thòi, chư Lê-xa, các các thoát thân sở trước nhất y, dĩ thí Vô Thắng. Vô Thắng thọ dĩ, chuyển dĩ phụng ngã, phục tác thị ngôn: Thế Tôn! Ngã tùng Lê-xa, đắc thị y vật. Duy nguyện Như Lai, ai mẫn chúng sanh, thọ ngã sở hiến.

Ngã ư nhĩ thời, mẫn bỉ Vô Thắng, tức vị nạp thọ.

Thòi, chư Lê-xa, đồng thời hiệp chưởng, tác như thị ngôn: Duy nguyện Như Lai ư thủ thổ địa, nhất thời an cư, thọ ngã vi cúng. Ngã thời mặc nhiên, thọ Lê-xa thỉnh. Thị thời, Lục sư văn thị sự dĩ, sư tông tương dĩ nghệ Ba-la-nại.

Nhĩ thời, ngã phục vãng Ba-la-nại, trụ Ba-la hà biên. Thòi Ba-la-nại, hữu trưởng giả tử, danh viết Bảo Xưng, đam hoang ngũ dục, bất tri phi thường. Dĩ ngã đáo cố, tự nhiên nhi đắc bạch cốt quán pháp: kiến kỳ điện xá cung nhân, thể nữ, tất vi bạch cốt. Tâm sanh bố cụ, như đao, độc xà, như tặc, như hỏa. Tức xuất kỳ xá, lai nghệ ngã sở, tùy lộ tịnh ngôn: Cồ-đàm samôn! Ngã kim như vi tặc sở truy trục, kỳ đại bố cụ. Nguyện kiến cứu tế.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Phật, Pháp, chúng Tăng an ổn vô cụ. Trưởng giả tử ngôn: Nhược Tam bảo trung, vô sở úy giả, ngã kim diệt đương đắc vô sở úy. Ngã tức thỉnh kỳ xuất gia vi đạo. Thòi, trưởng giả tử phục hữu đồng hữu, kỳ số ngũ thập, diêu văn Bảo Xưng yếm dục xuất gia, tức cộng hòa thuận, tương dĩ xuất gia. Lục Sư văn dĩ, triển chuyển phục nghệ Chiêm-bà đại thành.

Thòi Chiêm-bà đại quốc, nhất thiết nhân dân, tất cộng phụng sự Lục Sư chi đồ, sơ vị tăng văn Phật, Pháp, Tăng danh; đa hữu chư nhân tác cực ác nghiệp.

Ngã ư nhĩ thời, vị chúng sanh cố, vãng Chiêm-bà thành. Thòi, bỉ thành trung, hữu đại trưởng giả vô hữu kế tự. Phụng

妊。長者知己。往六師所歡喜而言。我婦懷妊男耶女耶。六師答言。生必是女。長者聞已心生愁惱。復有知識來謂長者。何故愁惱乃如是耶。長者答言。我婦懷妊未知男女故問六師。六師見語如我相法生必是女。我聞是語自惟年老財富無量。如其非男無所付囑是故我愁。

知識復言。汝無智慧先不聞耶。優樓頻螺迦葉兄弟為誰弟子。佛耶六師耶。六師若是一切智者。迦葉何故捨之不事為佛弟子。又舍利弗目犍連等及諸國王頻婆娑羅等。諸王夫人末利夫人等。諸國長者須達多等。如是諸人非佛弟子耶。曠野鬼神阿闍世王護財醉象鶩掘魔羅。惡心熾盛欲害其母。如是等輩斯非如來所調伏耶。

長者。如來世尊於一切法知見無礙故名為佛。發言無二故名如來。斷煩惱故名阿羅訶。世尊所說終無有二。六師不爾。云何可信。如來今者近在此住。若欲實知當詣佛所。

爾時長者即與是人來詣我所。頭面作禮右遶三匝。合掌長跪而作是言。世尊。於諸眾生平等無二怨親一相。我為愛結之所繫縛。於怨親中未能無二。我今欲問如來世尊。深自愧懼未敢發言。

sự Lục sư dĩ cầu tử tức. Kỳ hậu bát cứu, phụ tác hoài nhâm. Trưởng giả tri dĩ, vãng Lục sư sở, hoan hỷ nhi ngôn: Ngã phụ hoài nhâm, nam da? Nữ da? Lục sư đáp ngôn: Sanh tất thị nữ. Trưởng giả văn dĩ, tâm sanh sầu não. Phục hữu tri thức lai vị trưởng giả: Hà cố sầu não nãi như thị da? Trưởng giả đáp ngôn: Ngã phụ hoài nhâm; vị tri nam, nữ, cố vấn Lục sư. Lục sư kiến ngữ: Như ngã tướng pháp, sanh tất thị nữ. Ngã văn thị ngữ, tự duy niên lão, tài phú vô lượng, như kỳ phi nam, vô sở phó chúc. Thị cố ngã sầu.

Tri thức phục ngôn: Nhữ vô trí tuệ, tiên bất văn da? Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, huynh đệ, vi thù đệ tử? Phật da? Lục sư da? Lục sư nhược thị nhất thiết trí giả, Ca-diếp hà cố xả chi bát sự, vi Phật đệ tử? Hựu Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đẳng cập chư quốc vương Tần-bà-sa-la đẳng, chư vương phu nhân, Mạt-ly phu nhân đẳng, chư quốc trưởng giả, Tu-đạt-đa đẳng. Như thị chư nhân, phi Phật đệ tử da? Khoáng dã quĩ thân, A-xà-thế vương, Hộ Tài túy tượng, Ương-quật-ma-la, ác tâm xí thành, dục hại kỳ mẫu. Như thị đẳng bối, tư phi Như Lai sở điều phục da?

Trưởng giả! Như Lai Thế Tôn, ư nhất thiết pháp, tri kiến vô ngại, cố danh vi Phật. Phát ngôn vô nhị, cố danh Như Lai. Đoạn phiền não cố, danh A-la-ha. Thế Tôn sở thuyết, chung vô hữu nhị. Lục sư bất nhĩ, vân hà khả tín? Như Lai kim giả cận tại thủ trụ. Nhược dục thật tri, đương nghệ Phật sở.

Nhĩ thời, Trưởng giả tức dĩ thị nhân, lai nghệ ngã sở, đầu diện tác lễ, hữu nhiều tam táp, hiệp chưởng trường quy, nhi tác thị ngôn: Thế Tôn ư chư chúng sanh, bình đẳng vô nhị, oán thân nhất tướng. Ngã vi ái kết chi sở hệ phục, ư oán thân trung, vị năng vô nhị. Ngã kim dục vấn Như Lai Thế Tôn, thâm tự quý cụ, vị cảm phát ngôn.

世尊。我婦懷妊六師相言。生必是女。是事云何。

佛言。長者。汝婦所懷是男無疑。其兒生已福德無比。爾時長者聞我語已生大歡喜便退還家。

爾時，六師聞我懸記，生者必男，有大福德，心生嫉妒。以菴羅菓和合毒藥，持往其家，語長者言。快哉瞿曇，善說其相。汝婦臨月可服此藥。服此藥已，兒則端正，產者無患。

長者歡喜受其毒藥與婦令服，服已尋死。六師歡喜周遍城市高聲唱言。沙門瞿曇。記彼長者。婦當生男其兒福德天下無勝。今兒未生母已喪命。

爾時長者復於我所生不信心。即依世法殯殮棺蓋送至城外。多積乾薪以火焚之。我以道眼明見此事顧命阿難。取我衣來吾欲往彼摧滅邪見。

時毘沙門天告摩尼跋陀大將而作是言。如來。今欲詣彼塚間。卿可速往平治掃灑安師子座求妙花香莊嚴其地。

爾時六師遙見我往。各相謂言。瞿曇沙門。至此塚間欲噉肉耶。是時多有未得法眼諸優婆塞。各懷慚愧而白我言。彼婦已死願不須往。

Thế Tôn! Ngã phụ hoài nhâm, Lục sư tương ngôn: sanh tất thị nữ. Thị sự vân hà?

Phật ngôn: Trưởng giả! Nhữ phụ sở hoài, thị nam vô nghi. Kỳ nhi sanh dĩ, phước đức vô tỷ. Nhĩ thời, trưởng giả văn ngã ngữ dĩ, sanh đại hoan hỷ, tiện thối hoàn gia.

Nhĩ thời, Lục sư văn ngã huyền ký sanh giả tất nam, hữu đại phước đức, tâm sanh tật đố. Dĩ am-la quả, hòa hiệp độc dược, trì vãng kỳ gia, ngú Trưởng giả ngôn: Khoái tai! Cồ-đàm thiện thuyết kỳ tướng! Nhữ phụ lâm nguyệt, khả phục thử dược. Phục thử dược dĩ, nhi tắc đoan chánh, sản giả vô hoạn.

Trưởng giả hoan hỷ, thọ kỳ độc dược, dữ phụ linh phục. Phục dĩ tâm tử. Lục sư hoan hỷ, châu biến thành thị, cao thanh xướng ngôn: Sa-môn Cồ-đàm ký bỉ Trưởng giả phụ đương sanh nam; kỳ nhi phước đức, thiên hạ vô thắng. Kim nhi vị sanh, mẫu dĩ táng mạng.

Nhĩ thời, trưởng giả phục ư ngã sở, sanh bất tín tâm tức y thế pháp, tận liệm quan cái, tống chí thành ngoại, đa tích càn tân, dĩ hỏa phân chi. Ngã dĩ đạo nhãn, minh kiến thử sự, cố mạng A-nan: Thử ngã y lai. Ngô dục vãng bỉ, tội diệt tà kiến.

Thời, Tỳ-sa-môn Thiên cáo Ma-ni-bạt-đà đại tướng, nhi tác thị ngôn: Như Lai kim dục nghệ bỉ trung gian. Khanh khả tốc vãng, bình trị tảo sái, an sư tử tòa, cầu diệu hoa hương, trang nghiêm kỳ địa.

Nhĩ thời, Lục sư diêu kiến ngã vãng, các tương vị ngôn: Cồ-đàm sa-môn chí thử trung gian, dục hám nhục da? Thị thời, đa hữu vị đắc pháp nhãn, chư ưu-bà-tắc, các hoài tầm quý, nhi bạch ngã ngôn: Bỉ phụ dĩ tử, nguyện bất tu vãng.

爾時阿難語眾人言。且待須臾如來不久當廣開闡諸佛境界。我時到已坐師子座。長者難言。所言無二可名世尊。母已終亡云何生子。

我言。長者卿於爾時都不見問母命修短。但問所懷為是男女。諸佛如來發言無二。是故當知。定必得子。是時死屍火燒腹裂。子從中出端坐火中。猶如鴛鴦處蓮花臺。

六師見已復作是言。妖哉瞿曇。善為幻術。

長者見已心復歡喜呵責六師。若言幻者汝何不作。

我於爾時尋告耆婆。汝往火中抱是兒來。耆婆欲往。六師前牽語耆婆言。瞿曇沙門。所作幻術未必常爾。或能不能。如其不能脫能相害。汝今云何信受其言。

耆婆答言。如來使入阿鼻地獄所有猛火尚不能燒。況世間火。爾時耆婆前入火聚。猶入清涼大河水中。抱持是兒還詣我所授兒與我。我受兒已告長者言。一切眾生壽命不定如水上泡。眾生若有殷重業果。火不能燒毒不能害。是兒業果非我所作。

時長者言。善哉世尊。是兒若得盡其天命。惟願如來為立名字。

Nhĩ thời, A-nan ngữ chư nhân ngôn: Thả dãi tu du. Như Lai bất cửu, đương quảng khai xiển chư Phật cảnh giới. Ngã thời đão dĩ, tọa sư tử tòa. Trưởng giả nạn ngôn: Sở ngôn vô nhị, khả danh Thế Tôn! Mỗ dĩ chung vong, vân hà sanh tử?

Ngã ngôn: Trưởng giả! Khanh ư nhĩ thời, đô bất kiến vân mỗ mạng tu, đoãn. Đãn vân sở hoài vi thị nam, nữ. Chư Phật Như Lai phát ngôn vô nhị. Thị cố đương tri định tất đắc tử. Thị thời, tử thi, hỏa thiêu phúc liệt, tử tùng trung xuất, đoan tọa hỏa trung, do như uyên ương xử liên hoa đài.

Lục sư kiến dĩ, phục tác thị ngôn: Yêu tai! Cô-đàm thiện vi huyền thuật!

Trưởng giả kiến dĩ, tâm phục hoan hỷ, ha trách Lục sư: Nhược ngôn huyền giả, nhữ hà bất tác?

Ngã ư nhĩ thời, tâm cáo Kỳ-bà: Nhữ vãng hỏa trung, bảo thị nhi lai. Kỳ-bà dục vãng, Lục sư tiên khiên, ngữ Kỳ-bà ngôn: Cô-đàm sa-môn sở tác huyền thuật, vị tất thường nhĩ: hoặc năng, bất năng. Như kỳ bất năng, thoát năng tương hại. Nhữ kim vân hà tín thọ kỳ ngôn?

Kỳ-bà đáp ngôn: Như Lai sử nhập A-tỳ địa ngục, sở hữu mãnh hỏa, thượng bất năng thiêu, huống thế gian hỏa! Nhĩ thời, Kỳ-bà tiên nhập hỏa tụ, du nhập thanh lương đại hà thủy trung; bảo trì thị nhi, hoàn nghê ngã sở, thọ nhi dĩ ngã. Ngã thọ nhi dĩ, cáo Trưởng giả ngôn: Nhất thiết chúng sanh, thọ mạng bất định, như thủy thượng bào. Chúng sanh nhược hữu ân trọng nghiệp quả, hỏa bất năng thiêu, độc bất năng hại. Thị nhi nghiệp quả, phi ngã sở tác!

Thời Trưởng giả ngôn: Thiện tai! Thế Tôn! Thị nhi nhược đắc tận kỳ thiên mạng, duy nguyện Như Lai vị lập danh tự.

佛言。長者。是兒生於猛火之中。火名樹提。應名樹提。

爾時會中見我神化。無量眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。爾時六師周遍六城不得停足慚愧低頭。復來至此拘尸那城。既至此已唱如是言。諸人當知。沙門瞿曇。是大幻師誑惑天下遍六大城。

譬如幻師幻作四兵。所謂車兵馬兵象兵步兵。又復幻作種種瓔珞城郭宮宅河池樹木。沙門瞿曇。亦復如是。幻作王身為說法故。或作沙門身婆羅門身男身女身小身大身。或作畜生鬼神之身。或說無常或說有常。或時說苦或時說樂。或說有我或說無我。或說有淨或說無淨。或時說有或時說無。所為虛妄故名為幻。

譬如因子隨子得果。瞿曇沙門。亦復如是。摩耶所生母既是幻。子不得非。沙門瞿曇。無實知見。諸婆羅門經年積歲修習苦行護持禁戒。尚言未有真實知見。何況瞿曇年少學淺不修苦行。云何而有真實知見。若能具滿七年苦行見猶不多。況所修習不滿六年。愚人無智信受其教。如大幻師誑惑愚者。沙門瞿曇。亦復如是。

善男子。如是六師於此城中大為眾生增長邪見。善男子。我見是事心生憐愍。以其神力請召十

Phật ngôn: Trưởng giả! Thị nhi sinh ư mãnh hỏa chi trung, hỏa danh thọ-đề, ưng danh Thọ-đề.

Nhĩ thời, hội trung kiến ngã thần hóa, vô lượng chúng sanh phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Nhĩ thời Lục sư châu biến lục thành, bất đắc đình túc, tầm quý đê đầu. Phục lai chí thủ Câu-thi-na thành. Ký chí thủ dĩ, xướng như thị ngôn: Chư nhân đương tri: sa-môn Cô-đàm thị đại huyễn sư, cuống hoặc thiên hạ, biến lục đại thành.

Thí như huyễn sư, huyễn tác tứ binh, sở vị: xa binh, mã binh, tượng binh, bộ binh. Hựu phục huyễn tác chủng chủng anh lạc, thành quách, cung trạch, hà trì, thọ mộc. Sa-môn Cô-đàm diệc phục như thị; huyễn tác vương thân. Vị thuyết Pháp cố, hoặc tác sa-môn thân, Bà-la-môn thân, nam thân, nữ thân, tiểu thân, đại thân. Hoặc tác súc sanh, quỷ thân chi thân. Hoặc thuyết vô thường, hoặc thuyết hữu thường; hoặc thời thuyết khổ, hoặc thời thuyết lạc; hoặc thuyết hữu ngã, hoặc thuyết vô ngã; hoặc thuyết hữu tịnh, hoặc thuyết vô tịnh; hoặc thời thuyết hữu, hoặc thời thuyết vô. Sở vị hư vọng, cố danh vi huyễn.

Thí như nhân tử, tùy tử đắc quả. Cô-đàm sa-môn diệc phục như thị; Ma-da sở sanh, mẫu ký thị huyễn, tử bất đắc phi! sa-môn Cô-đàm vô thật tri kiến. Chư Bà-la-môn, kinh niên tích tuế, tu tập khổ hạnh, hộ trì cấm giới, thượng ngôn vị hữu chân thật tri kiến. Hà hướng Cô-đàm, niên thiếu học thiểu, bất tu khổ hạnh, vân hà nhi hữu chân thật tri kiến? Nhược năng cụ mãn thất niên khổ hạnh, kiến du bất đa, hướng sở tu tập bất mãn lục niên? Ngu nhân vô trí tín thọ kỳ giáo. Như đại huyễn sư cuống hoặc ngu giả, sa-môn Cô-đàm diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Như thị Lục sư, ư thủ thành trung, đại vị chúng sanh, tăng trưởng tà kiến. Thiện nam tử! Ngã kiến thị

方諸大菩薩。雲集此林周帀彌滿四十由延。今於此中大師子吼。

善男子。雖於空處多有所說。則不得名師子吼也。於此智人大眾之中。真得名為大師子吼。師子吼者。說一切法悉無常苦無我不淨。惟說如來常樂我淨。

爾時六師復作是言。若瞿曇有我。我亦有我。所言我者見者名我。

瞿曇。譬如有人向中見物。我亦如是。向喻於眼。見者喻我。

佛告六師。若言見者名我。是義不然。何以故。汝所引喻因向見者。人在一向六根俱用。若定有我因眼見者。何不如彼一根之中俱伺諸塵。若一根中不能一時聞見六塵。當知無我。所引向喻雖經百年見者因之所見無異。眼根若爾。年邁根熟亦應無異。人向異故見內見外。眼根若爾。亦應內外一時俱見。若不見者云何有我。

六師復言。瞿曇。若無我者誰能見耶。

佛言。有色有明有心有眼。是四和合故名為見。是中實無見者受者。眾生顛倒言有見者及以受者。以是義故。一切眾生所見顛倒。諸佛菩薩所見真實。

sự, tâm sanh lân mẫn; dĩ kỳ thần lực, thỉnh triệu thập phương chư Đại Bồ Tát vân tập thủ lâm, châu táp di mẫn tứ thập do-diên; kim ư thủ trung, đại sư tử hống.

Thiện nam tử! Tuy ư không xứ, đa hữu sở thuyết, tác bất đắc danh Sư tử hống dã. Ư thủ trí nhân đại chúng chi trung, chân đắc danh vi đại Sư Tử Hống! Sư Tử Hống dã, thuyết nhất thiết pháp tất vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Duy thuyết Như Lai: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Nhĩ thời, Lục sư phục tác thị ngôn: Nhược Cồ-đàm hữu ngã, ngã diệc hữu ngã. Sở ngôn ngã giả, kiến giả danh ngã.

Cồ-đàm! Thí như hữu nhân, hướng trung kiến vật. Ngã diệc như thị. Hướng, dụ ư nhãn, kiến giả, dụ ngã.

Phật cáo Lục sư: Nhược ngôn kiến giả danh ngã, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Nhữ sở dẫn dụ, nhân hướng kiến giả, nhân tại nhất hướng, lục căn câu dụng. Nhược định hữu ngã, nhân nhãn kiến giả, hà bất như bỉ nhất căn chi trung, câu tứ chư trần? Nhược nhất căn trung, bất năng nhất thời văn kiến lục trần, đương tri vô ngã. Sở dẫn hướng dụ, tuy kinh bá niên, kiến giả nhân chi, sở kiến vô dị. Nhãn căn nhược nhĩ, niên mại căn thực, diệc ưng vô dị. Nhân, hướng dị cố, kiến nội kiến ngoại; nhãn căn nhược nhĩ, diệc ưng nội ngoại, nhất thời câu kiến. Nhược bất kiến giả, vân hà hữu ngã?

Lục sư phục ngôn: Cồ-đàm! Nhược vô ngã giả, thùy năng kiến da?

Phật ngôn: Hữu sắc, hữu minh, hữu tâm, hữu nhãn, thị tứ hòa hiệp, cố danh vi kiến. Thị trung thật vô kiến giả, thọ giả. Chúng sanh điên đảo, ngôn hữu kiến giả cập dĩ thọ giả. Dĩ thị nghĩa cố, nhất thiết chúng sanh, sở kiến điên đảo. Chư Phật, Bồ Tát, sở kiến chân thật.



六師。若言色是我者。是亦不然。何以故。色實非我。色若是我不應而得醜陋形貌。何故復有四姓差別。悉不一種婆羅門耶。何故屬他不得自在。諸根缺陋生不具足。何故不作諸天之身。而受地獄畜生餓鬼種種諸身。若不能得隨意作者。當知。必定無有我也。以無我故名為無常。無常故苦。苦故為空。空故顛倒。以顛倒故一切眾生輪轉生死。受想行識亦復如是。

六師。如來世尊永斷色縛乃至識縛。是故名為常樂我淨。

復次色者即是因緣。若因緣者則名無我。若無我者名為苦空。如來之身非是因緣。非因緣故則名有我。若有我者即常樂淨。

六師復言。瞿曇。色亦非我乃至識亦非我。我者遍一切處猶如虛空。

佛言。若遍有者則不應言我初不見。若初不見則知是見本無今有。若本無今有是名無常。若無常者云何言遍。若遍有者五道之中應具有身。若有身者應各受報。若各受報云何而言轉受人天。

汝言遍者一耶多耶。我若一者則無父子怨親中人。我若多者一切眾生所有五根悉應平等。所有業

Lục sư! Nhược ngôn sắc thị ngã giả, thị diệc bất nhiên. Hà dĩ cố? Sắc thật phi ngã. Sắc nhược thị ngã, bất ưng nhi đắc xú lậu hình mạo! Hà cố phục hữu tứ tánh sai biệt, tất bất nhất chủng Bà-la-môn da? Hà cố thuộc tha, bất đắc tự tại, chư căn khuyết lậu, sanh bất cụ túc? Hà cố bất tác chư thiên chi thân, nhi thọ địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, chủng chủng chư thân? Nhược bất năng đắc tùy ý tác giả, đương tri tất định vô hữu ngã dã. Dĩ vô ngã cố, danh vi vô thường. Vô thường cố khổ. Khổ cố vi không. Không cố điên đảo. Dĩ điên đảo cố, nhất thiết chúng sanh luân chuyển sanh tử. Thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị.

Lục sư! Như Lai Thế Tôn vĩnh đoạn sắc phục nãi chí thức phục. Thị cố danh vi thường, lạc, ngã, tịnh.

Phục thứ, sắc giả, tức thị nhân duyên. Nhược nhân duyên giả, tác danh vô ngã. Nhược vô ngã giả, danh vi khổ, không. Như Lai chi thân phi thị nhân duyên. Phi nhân duyên cố, tác danh hữu ngã. Nhược hữu ngã giả, tức thường, lạc, ngã, tịnh.

Lục sư phục ngôn: Cồ-dàm! Sắc diệc phi ngã; nãi chí thức diệc phi ngã. Ngã giả, biến nhất thiết xứ, do như hư không.

Phật ngôn: Nhược biến hữu giả, tác bất ưng ngôn: ngã sơ bất kiến. Nhược sơ bất kiến, tác tri thị kiến: bản vô kim hữu. Nhược bản vô kim hữu, thị danh vô thường. Nhược vô thường giả, vân hà ngôn biến? Nhược biến hữu giả, Ngũ đạo chi trung, ưng cụ hữu thân. Nhược hữu thân giả, ưng các thọ báo. Nhược các thọ báo, vân hà nhi ngôn chuyển thọ nhân, thiên?

Nhữ ngôn biến giả, nhất da? Đa da? Ngã nhược nhất giả, tác vô: phụ, tử, oán, thân, trung nhân. Ngã nhược đa giả, nhất thiết chúng sanh sở hữu ngũ căn, tất ưng bình đẳng; sở hữu nghiệp tuệ, diệc ưng như thị. Nhược như thị giả, vân hà thuyết

慧亦應如是。若如是者云何說言根有具足不具足者。善業惡業愚智差別。

瞿曇。眾生我者無有邊際。法與非法則有分劑。眾生修法則得好身。若行非法則得惡身。以是義故。眾生業果不得無差。

佛言。六師。法與非法若如是者我則不遍。我若遍者則應悉到。如其到者修善之人亦應有惡。行惡之人亦應有善。若不爾者云何言遍。

瞿曇。譬如一室然百千燈。各各自明不相妨礙。眾生我者亦復如是。修善行惡不相雜合。

善男子。汝等若言我如燈者。是義不然。何以故。彼燈之明從緣而有。燈增長故明亦增長。眾生我者則不如是明從燈出住在異處。眾生我者不得如是從身而出住在異處。彼燈光明與暗共住。何以故。如暗室中然一燈時照則不了。及至多燈乃得明了。若初燈破暗則不須後燈。若須後燈。當知。初明與暗共住。

瞿曇。若無我者誰作善惡。

佛言。若我作者云何名常。如其常者。云何而得有時作善有時作惡。若言有時作善惡者。云何復得言我無邊。若我作者。何故而復習行惡法。如其

ngôn căn hữu cụ túc, bất cụ túc giả, thiện nghiệp, ác nghiệp, ngu, trí sai biệt?

Cồ-đàm! Chúng sanh ngã giả, vô hữu biên tế; pháp dĩ phi pháp, tác hữu phân tế. Chúng sanh tu pháp, tác đắc hảo thân. Nhược hành phi pháp tác đắc ác thân. Dĩ thị nghĩa cố, chúng sanh nghiệp quả, bất đắc vô sai.

Phật ngôn: Lục sư! Pháp dĩ phi pháp nhược như thị giả, ngã tác bất biến. Ngã nhược biến giả, tác ưng tất đảo. Như kỳ đảo giả, tu thiện chi nhân diệc ưng hữu ác; hành ác chi nhân diệc ưng hữu thiện! Nhược bất nhĩ giả, vân hà ngôn biến?

Cồ-đàm! Thí như nhất thất, nhiên bá thiên đăng, các các tự minh, bất tương phùng ngại. Chúng sanh ngã giả, diệc phục như thị; tu thiện, hành ác bất tương tạp hiệp.

Thiện nam tử! Nhữ đẳng nhược ngôn ngã như đăng giả, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Bỉ đăng chi minh tùng duyên nhi hữu; đăng tăng trưởng cố, minh diệc tăng trưởng. Chúng sanh ngã giả, tác bất như thị. Minh tùng đăng xuất, trụ tại dị xứ. Chúng sanh ngã giả bất đắc như thị; tùng thân nhi xuất, trụ tại dị xứ. Bỉ đăng quang minh dĩ ám cộng trụ. Hà dĩ cố? Như ám thất trung, nhiên nhất đăng thời, chiếu tác bất liễu. Nãi chí đa đăng, nãi đắc minh liễu. Nhược sơ đăng phá ám, tác bất tu hậu đăng. Nhược tu hậu đăng, đương tri sơ minh dĩ ám cộng trụ.

Cồ-đàm! Nhược vô ngã giả, thù tác thiện, ác?

Phật ngôn: Nhược ngã tác giả, vân hà danh thường? Như kỳ thường giả, vân hà nhi đắc hữu thời tác thiện, hữu thời tác ác? Nhược ngôn hữu thời tác thiện, ác giả, vân hà phục đắc ngôn ngã vô biên? Nhược ngã tác giả, hà cố nhi phục tập hành ác pháp? Như kỳ ngã thị tác giả, tri giả, hà cố sanh nghi chúng

我是作者。知者何故生疑眾生無我。以是義故外道法中定無有我。

若言我者則是如來。何以故。身無邊故無疑網故。不作不受故名爲常。不生不滅故名爲樂。無煩惱垢故名爲淨。無有十相故名爲空。是故如來常樂我淨空無諸相。

諸外道言。若言如來常樂我淨無相故空。當知瞿曇所說之法則非空也。是故我今當頂戴受持。

爾時外道其數無量。於佛法中信心出家。

善男子。以是因緣故我於此娑羅雙樹大師子吼。師子吼者名大涅槃。

善男子。東方雙者破於無常獲得於常。乃至北方雙者破於不淨而得於淨。善男子。此中眾生爲雙樹故護娑羅林。不令外人取其枝葉斫截破壞。我亦如是。爲四法故令諸弟子護持佛法。何等名四。常樂我淨。此四雙樹四王典掌。我爲四王護持我法。是故於中而般涅槃。

善男子。娑羅雙樹花菓常茂。常能利益無量眾生。我亦如是。常能利益聲聞緣覺。花者喻我。菓者喻樂。以是義故。我於此間娑羅雙樹入大寂定。大寂定者名大涅槃。

師子吼言。世尊。如來何故二月涅槃。

sanh vô ngã? Dĩ thị nghĩa cố, ngoại đạo pháp trung, định vô hữu ngã.

Nhược ngôn ngã giả, tác thị Như Lai. Hà dĩ cố? Thân vô biên cố, vô nghi vãng cố. Bất tác bất thọ, cố danh vi thường. Bất sanh bất diệt, cố danh vi lạc. Vô phiền não cấu, cố danh vi tịnh. Vô hữu thập tướng, cố danh vi không. Thị cố Như Lai Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, không vô chư tướng.

Chư ngoại đạo ngôn: Nhược ngôn Như Lai: thường, lạc, ngã, tịnh, vô tướng cố không, đương tri Cồ-đàm sở thuyết chi pháp tác phi không dã. Thị cố ngã kim đương đỉnh đài thọ trì.

Nhĩ thời, ngoại đạo, kỳ số vô lượng, ư Phật Pháp trung, tín tâm xuất gia.

Thiện nam tử! Dĩ thị nhân duyên, cố ngã ư thủ Sa-la song thọ, đại Sư Tử Hống. Sư Tử Hống giả, danh Đại Niết-bàn.

Thiện nam tử! Đông phương song giả, phá ư vô thường, hoạch đắc ư thường..., nãi chí Bắc phương song giả, phá ư bất tịnh, nhi đắc ư tịnh. Thiện nam tử! Thủ trung chúng sanh, vị song thọ cố, hộ sa-la lâm, bất linh ngoại nhân thủ kỳ chi diệp, chúc tiết, phá hoại. Ngã diệp như thị, vị tứ pháp cố, linh chư đệ tử hộ trì Phật pháp. Hà đẳng danh tứ? Thường, lạc, ngã, tịnh. Thủ tứ song thọ, tứ vương điển chưởng. Ngã vị tứ vương, hộ trì ngã pháp; thị cố ư trung nhi Bát Niết-bàn.

Thiện nam tử! Sa-la song thọ, hoa quả thường mậu, thường năng lợi ích vô lượng chúng sanh. Ngã diệp như thị, thường năng lợi ích Thanh văn, Duyên giác. Hoa giả, dụ ngã; quả giả, dụ lạc. Dĩ thị nghĩa cố, ngã ư thủ gian, sa-la song thọ, nhập Đại tịch định. Đại tịch định giả, danh Đại Niết-bàn.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Như Lai hà cố nhị nguyệt Niết-bàn?

善男子。二月名春。春陽之月萬物生長。種植根栽花果敷榮。江河盈滿百獸孚乳。是時眾生多生常想。為破眾生如是常心。說一切法悉是無常。惟說如來常住不變。

善男子。於六時中孟冬枯悴眾不愛樂。春陽和液人所貪愛。為破眾生世間樂故。演說常樂我淨亦爾。如來為破世我世淨故說如來真實我淨。

言二月者。喻於如來二種法身。冬不樂者。智者不樂如來無常入於涅槃。二月樂者。喻於智者愛樂如來常樂我淨。種植者。喻諸眾生聞法歡喜發阿耨多羅三藐三菩提心種諸善根。河者。喻於十方諸大菩薩來詣我所諮受如是大涅槃典。百獸孚乳者。喻我弟子生諸善根。花喻七覺果喻四果。以是義故。我於二月入大涅槃。

師子吼言。如來初生出家成道轉妙法輪皆以八日。何故涅槃獨十五日。

佛言。善哉善哉。善男子。如十五日月無虧盈。諸佛如來亦復如是。入大涅槃無有虧盈。以是義故。以十五日入般涅槃。

善男子。如十五日月盛滿時有十一事。何等十一。一能破暗。二令眾生見道非道。三令眾生見道

Thiện nam tử! Nhị nguyệt danh xuân. Xuân dương chi nguyệt, vạn vật sanh trưởng; chủng thực căn tài, hoa quả phu vinh, giang hà doanh mãn, bách thú phu nhũ. Thị thời, chúng sanh đa sanh thường tưởng. Vị phá chúng sanh như thị thường tâm, thuyết nhất thiết pháp tất thị vô thường. Duy thuyết Như Lai thường trụ bất biến.

Thiện nam tử! Ư lục thời trung, mạnh đông khô tụy, chúng bất ái nhạo. Xuân dương hòa dịch, nhân sở tham ái. Vị phá chúng sanh thế gian lạc cố, diễn thuyết thường, lạc. Ngã, tịnh diệt nhĩ. Như Lai vị phá thế ngã, thế tịnh, cố thuyết Như Lai chân thật ngã, tịnh.

Ngôn nhị nguyệt giả, dụ ư Như Lai nhị chủng Pháp thân. Đông bất nhạo giả, trí giả bất nhạo Như Lai vô thường, nhập ư Niết-bàn. Nhị nguyệt nhạo giả, dụ ư trí giả ái nhạo Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh. Chủng thực giả, dụ chư chúng sanh văn pháp hoan hỷ, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, chủng chư thiện căn. Hà giả, dụ ư thập phương chư Đại Bồ Tát lai nghệ ngã sở, tứ thọ như thị Đại Niết-bàn điển. Bách thú phu nhũ giả, dụ ngã đệ tử sanh chư thiện căn. Hoa, dụ thất giác. Quả, dụ tứ quả. Dĩ thị nghĩa cố, ngã ư nhị nguyệt, nhập Đại Niết-bàn.

Sư Tử Hống ngôn: Như Lai sơ sanh, xuất gia, Thành đạo, Chuyển Diệu Pháp Luân, giai dĩ Bát-nhật. Hà cố Niết-bàn, độc thập ngũ nhật?

Phật ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Như thập ngũ nhật, nguyệt vô khuy doanh. Chư Phật Như Lai diệt phục như thị; nhập Đại Niết-bàn, vô hữu khuy doanh. Dĩ thị nghĩa cố, dĩ thập ngũ nhật, nhập Bát Niết-bàn.

Thiện nam tử! Như thập ngũ nhật, nguyệt thịnh mãn thời, hữu thập nhất sự. Hà đẳng thập nhất? Nhất, năng phá ám. Nhị linh chúng sanh kiến đạo, phi đạo. Tam linh chúng sanh

邪正。四除鬱蒸得清涼樂。五能破壞螢火高心。六息一切賊盜之想。七除眾生畏惡獸心。八能開敷優鉢羅花。九合蓮花。十引發行人進路之心。十一令諸眾生樂受五欲多獲快樂。

善男子。如來滿月亦復如是。一者破壞無明大暗。二者演說正道邪道。三者開示生死邪險。涅槃平正。四者令人遠離貪欲瞋恚癡熱。五者破壞外道光明。六者破壞煩惱結賊。七者除滅畏五蓋心。八者開敷眾生種善根心。九者覆蓋眾生五欲之心。十者發起眾生進修趣向大涅槃行。十一者令諸眾生樂修解脫。以是義故。於十五日入大涅槃。而我真實不入涅槃。

我弟子中愚癡惡人。定謂如來入於涅槃。譬如母人多有諸子。其母捨行至他國土。未還之頃諸子各言。我母已死。而是母人實不死也。

師子吼菩薩言。世尊。何等比丘能莊嚴此娑羅雙樹。

善男子。若有比丘受持讀誦十二部經。正其文句通達深義為人解說初中後善。為欲利益無量眾生演說梵行。如是比丘則能莊嚴娑羅雙樹。

師子吼菩薩言。世尊。如我解佛所說義者。阿

kiến đạo tà, chánh. Tứ trừ uất chùng, đắc thanh lương lạc. Ngũ năng phá hoại huỳnh hỏa cao tâm. Lục tức nhất thiết tặc đạo chi tưởng. Thất trừ chúng sanh úy ác thú tâm. Bát năng khai phu ưu-bát-la hoa. Cửu hiệp liên hoa. Thập dẫn phát hành nhân tấn lộ chi tâm. Thập nhất linh chư chúng sanh nhạo thọ ngũ dục, đa hoạch khoái lạc.

Thiện nam tử! Như Lai mãn nguyệt diệt phục như thị. Nhất giả phá hoại vô minh đại ám. Nhị giả diễn thuyết chánh đạo, tà đạo. Tam giả khai thị sanh tử tà hiểm, Niết-bàn bình chánh. Tứ giả linh nhân viễn ly tham dục, sân khuể, si nhiệt. Ngũ giả phá hoại ngoại đạo quang minh. Lục giả phá hoại phiền não kết tặc. Thất giả trừ diệt úy ngũ cái tâm. Bát giả khai phu chúng sanh chùng thiện căn tâm. Cửu giả phú cái chúng sanh ngũ dục chi tâm. Thập giả phát khởi chúng sanh tấn tu thú hưởng Đại Niết-bàn hạnh. Thập nhất giả linh chư chúng sanh nhạo tu giải thoát. Dĩ thị nghĩa cố, ư thập ngũ nhật, nhập Đại Niết-bàn. Nhi ngã chân thật bất nhập Niết-bàn.

Ngã đệ tử trung, ngu si ác nhân định vị Như Lai nhập ư Niết-bàn. Thí như mẫu nhân, đa hữu chư tử. Kỳ mẫu xả hành, chí tha quốc độ. Vị hoàn chi khoảnh, chư tử các ngôn: Ngã mẫu dĩ tử. Nhi thị mẫu nhân thật bất tử dã.

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Hà đẳng tỳ-kheo năng trang nghiêm thủ sa-la song thọ?

Thiện nam tử! Nhược hữu tỳ-kheo thọ trì, độc, tụng Thập nhị bộ kinh, chánh kỳ văn cú, thông đạt thâm nghĩa, vị nhân giải thuyết sơ, trung, hậu thiện; vị dục lợi ích vô lượng chúng sanh, diễn thuyết phạm hạnh. Như thị tỳ-kheo tác năng trang nghiêm sa-la song thọ.

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa giả, A-nan tỳ-kheo tức kỳ nhân dã. Hà dĩ cố?

難比丘即其人也。何以故。阿難比丘受持讀誦十二部經。為人開說正語正義。猶如瀉水置之異器。阿難比丘亦復如是。從佛所聞如聞轉說。

善男子。若有比丘得淨天眼見於十方三千大千世界所有。如觀掌中菴摩勒菓。如是比丘亦能莊嚴娑羅雙樹。

師子吼言。世尊。若如是者。阿尼樓駄比丘即其人也。何以故。阿尼樓駄。天眼見於三千大千世界所有乃至中陰。悉能明了無障礙故。

善男子。若有比丘少欲知足心樂寂靜。勤行精進念定慧解。如是比丘則能莊嚴娑羅雙樹。

師子吼言。世尊。若如是者。迦葉比丘即其人也。何以故。迦葉比丘善修少欲知足等法。

善男子。若有比丘為益眾生故不為利養。修習通達無諍三昧聖行空行。如是比丘則能莊嚴娑羅雙樹。

師子吼言。世尊。若如是者。須菩提比丘即其人也。何以故。須菩提者。善修無諍聖行空行故。

善男子。若有比丘善修神通。一念之中能作種種神通變化。一心一定能作二果所謂水火。如是比丘則能莊嚴娑羅雙樹。

A-nan tỳ-kheo thọ trì, độc, tụng Thập nhị bộ kinh, vị nhân khai thuyết, chánh ngữ chánh nghĩa. Do như tả thủy, trí chi dị khí. A-nan tỳ-kheo diệc phục như thị; tụng Phật sở văn, như văn chuyển thuyết.

Thiện nam tử! Nhược hữu tỳ-kheo đắc tịnh thiên nhãn, kiến ư thập phương Tam thiên Đại thiên thế giới sở hữu, như quan chưởng trung am-ma-lặc quả. Như thị tỳ-kheo diệc năng trang nghiêm sa-la song thọ.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Nhược như thị giả, A-ni-lâu-đà tỳ-kheo túc kỳ nhân dã. Hà dĩ cố? A-ni-lâu-đà Thiên nhân kiến ư Tam thiên Đại thiên thế giới sở hữu, nãi chí trung âm, tất năng minh liễu, vô chướng ngại cố.

Thiện nam tử! Nhược hữu tỳ-kheo, thiếu dục, tri túc, tâm nhạo tịch tĩnh, cần hành tinh tấn, niệm, định, tuệ, giải. Như thị tỳ-kheo tất năng trang nghiêm sa-la song thọ.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Nhược như thị giả, Ca-diếp tỳ-kheo túc kỳ nhân dã. Hà dĩ cố? Ca-diếp tỳ-kheo thiện tu thiếu dục, tri túc đẳng pháp.

Thiện nam tử! Nhược hữu tỳ-kheo, vị ích chúng sanh cố, bất vị lợi dưỡng, tu tập thông đạt Vô tranh Tam-muội, Thánh hạnh, Không hạnh. Như thị tỳ-kheo tất năng trang nghiêm sa-la song thọ.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Nhược như thị giả, Tu-Bồ-đề tỳ-kheo túc kỳ nhân dã. Hà dĩ cố? Tu-Bồ-đề giả, thiện tu vô tranh, Thánh hạnh, Không hạnh cố.

Thiện nam tử! Nhược hữu tỳ-kheo thiện tu thần thông, nhất niệm chi trung, năng tác chủng chủng thần thông biến hóa; nhất tâm nhất định, năng tác nhị quả, sở vị: thủy, hỏa. Như thị tỳ-kheo tất năng trang nghiêm sa-la song thọ.

師子吼言。世尊。若如是者。目連比丘即其人也。何以故。目捷連者。善修神通無量變化故。

善男子。若有比丘修習大智，利智，疾智，解脫智，甚深智，廣智，無邊智，無勝智，實智。具足成就如是慧根。於怨親中心無差別。若聞如來涅槃無常心不憂感。若聞常住不入涅槃不生欣慶。如是比丘則能莊嚴娑羅雙樹。

師子吼言。世尊。若如是者。舍利弗比丘即其人也。何以故。舍利弗者。善能成就具足如是大智慧故。

善男子。若有比丘能說眾生悉有佛性得金剛身無有邊際。常樂我淨身心無礙得八自在。如是比丘則能莊嚴娑羅雙樹。

師子吼言。世尊。若如是者。惟有如來即其人也。何以故。如來之身金剛無邊。常樂我淨身心無礙具八自在故。

世尊。惟有如來乃能莊嚴娑羅雙樹。如其無者則不端嚴。惟願大慈。為莊嚴故常住於此娑羅林中。

佛言。善男子。一切諸法性無住住。汝云何言願如來住。

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Nhược như thị giả, Mục-liên tỳ-kheo túc kỳ nhân dã. Hà dĩ cố? Mục-kiên-liên giả, thiện tu thân thông, vô lượng biến hóa cố.

Thiện nam tử! Nhược hữu tỳ-kheo tu tập đại trí, lợi trí, tột trí, giải thoát trí, thậm thâm trí, quảng trí, vô biên trí, vô thắng trí, thật trí, cụ túc thành tựu như thị tuệ căn; ư oán thân trung, tâm vô sai biệt; nhược văn Như Lai Niết-bàn vô thường, tâm bất ưu thích, nhược văn thường trụ bất nhập Niết-bàn, bất sanh hân khánh. Như thị tỳ-kheo tác năng trang nghiêm sa-la song thọ.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Nhược như thị giả, Xá-lợi-phất tỳ-kheo túc kỳ nhân dã. Hà dĩ cố? Xá-lợi-phất giả thiện năng thành tựu cụ túc như thị Đại trí tuệ cố.

Thiện nam tử! Nhược hữu tỳ-kheo năng thuyết chúng sanh tất hữu Phật tánh, đặc kim cang thân, vô hữu biên tế, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, thân tâm vô ngại, đặc Bát tự tại. Như thị tỳ-kheo tác năng trang nghiêm Sa-la song thọ.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Nhược như thị giả, duy hữu Như Lai túc kỳ nhân dã. Hà dĩ cố? Như Lai chi thân: kim cang, vô biên, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, thân tâm vô ngại, cụ Bát tự tại cố.

Thế Tôn! Duy hữu Như Lai nãi năng trang nghiêm sa-la song thọ. Như kỳ vô giả, tác bất đoan nghiêm. Duy nguyện đại từ, vị trang nghiêm cố, thường trụ ư thủ sa-la lâm trung.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhất thiết chư pháp, tánh vô trụ trụ. Nhữ vân hà ngôn nguyện Như Lai trụ?

善男子。凡言住者名為色法。從因緣生故名為住。因緣無處故名無住。如來已斷一切色縛。云何當言如來住耶。受想行識亦復如是。

善男子。住名憍慢。以憍慢故不得解脫。不得解脫故名為住。誰有憍慢。從何處來。是故得名為無住住。如來永斷一切憍慢。云何而言願如來住。

住者名有為法。如來已斷有為之法是故不住。住名空法。如來已斷如是空法。是故獲得常樂我淨。云何而言願如來住。住者名為二十五有。如來已斷二十五有。云何而言願如來住。

住者即是一切凡夫。諸聖無去無來無住。如來已斷去來住相。云何言住。

夫無住者名無邊身。身無邊故云何而言惟願如來住娑羅林。若住此林則是有邊。身若有邊則是無常。如來是常。云何言住。

夫無住者名曰虛空。如來之性同於虛空。云何言住。

又無住者名金剛三昧。金剛三昧壞一切住。金剛三昧即是如來。云何言住。

又無住者。則名為幻。如來同幻。云何言住。

Thiện nam tử! Phàm ngôn trụ giả, danh vi sắc Pháp. Tùng nhân duyên sanh, cố danh vi trụ. Nhân duyên vô xứ, cố danh vô trụ. Như Lai dĩ đoạn nhất thiết sắc phược. vân hà đương ngôn Như Lai trụ da? Thọ, Tưởng, Hành, Thức diệt phục như thị.

Thiện nam tử! Trụ, danh kiêu mạn. Dĩ kiêu mạn cố, bất đắc giải thoát. Bất đắc giải thoát, cố danh vi trụ. Thùy hữu kiêu mạn? Tùng hà xứ lai? Thị cố đắc danh vi vô trụ trụ. Như Lai vĩnh đoạn nhất thiết kiêu mạn. Vân hà nhi ngôn nguyện Như Lai trụ?

Trụ giả, danh hữu vi pháp. Như Lai dĩ đoạn hữu vi chi pháp, thị cố bất trụ. Trụ danh không pháp. Như Lai dĩ đoạn như thị không pháp, thị cố hoạch đắc thường, lạc, ngã, tịnh. Vân hà nhi ngôn nguyện Như Lai trụ? Trụ giả, danh vi nhị thập ngũ hữu. Như Lai dĩ đoạn nhị thập ngũ hữu. Vân hà nhi ngôn nguyện Như Lai trụ?

Trụ giả, tức thị nhất thiết phàm phu. Chư thánh vô khứ, vô lai, vô trụ. Như Lai dĩ đoạn khứ, lai, trụ tướng. Vân hà ngôn trụ?

Phù, vô trụ giả, danh vô biên thân. Thân vô biên cố, vân hà nhi ngôn duy nguyện Như Lai trụ sa-la lâm? Nhược trụ thủ lâm, tắc thị hữu biên. Thân nhược hữu biên, tắc thị vô thường. Như Lai thị thường vân hà ngôn trụ?

Phù vô trụ giả, danh viết hư không. Như Lai chi tánh, đồng ư hư không. Vân hà ngôn trụ?

Hựu vô trụ giả, danh Kim cang Tam-muội. Kim cang Tam-muội, hoại nhất thiết trụ. Kim cang Tam-muội, tức thị Như Lai. Vân hà ngôn trụ?

Hựu vô trụ giả, tắc danh vi huyễn. Như Lai đồng huyễn. Vân hà ngôn trụ?



又無住者名無終始。如來之性無有始終。云何言住。

又無住者名無邊法界。無邊法界即是如來。云何言住。

又無住者名首楞嚴三昧。首楞嚴三昧知一切法而無所著。以無著故名首楞嚴。如來具足首楞嚴定。云何言住。

又無住者名處非處力。如來成就處非處力。云何言住。

又無住者名檀波羅蜜。檀波羅蜜若有住者。則不得至尸波羅蜜乃至般若波羅蜜。以是義故。檀波羅蜜名為無住。如來乃至不住般若波羅蜜。云何願言如來常住娑羅樹林。

又無住者名修四念處。如來若住四念處者。則不能得阿耨多羅三藐三菩提。是名無住住。

又無住者名無邊眾生界。如來悉到一切眾生無邊界分而無所住。

又無住者名無屋宅。無屋宅者名為無有。無有者名為無生。無生者名為無死。無死者名為無相。無相者名為無繫。無繫者名為無著。無著者名為無漏。無漏即善善即無為。無為者即大涅槃。大涅槃即常常者即我。我者即淨淨者即樂。常樂我淨即是如來。

Hựu vô trụ giả, danh vô chung thủy. Như Lai chi Tánh, vô hữu thủy chung. Vân hà ngôn trụ?

Hựu vô trụ giả, danh vô biên pháp giới. Vô biên pháp giới, tức thị Như Lai. Vân hà ngôn trụ?

Hựu vô trụ giả, danh Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội. Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, tri nhất thiết pháp, nhi vô sở trước. Dĩ vô trước cố, danh Thủ-lăng-nghiêm. Như Lai cụ túc Thủ-lăng-nghiêm định. Vân hà ngôn trụ?

Hựu vô trụ giả, danh xứ phi xứ lực. Như Lai thành tựu xứ phi xứ lực. Vân hà ngôn trụ?

Hựu vô trụ giả, danh Đàn Ba-la-mật. Đàn Ba-la-mật, nhược hữu trụ giả, tác bất đắc chí Thi Ba-la-mật, nãi chí Bát-nhã Ba-la-mật. Dĩ thị nghĩa cố, Đàn Ba-la-mật danh vi vô trụ. Như Lai nãi chí bất trụ Bát-nhã Ba-la-mật. Vân hà ngôn Như Lai thường trụ Sa-la thọ lâm?

Hựu vô trụ giả, danh tu Tứ niệm xứ. Như Lai nhược trụ tứ niệm xứ giả, tác bất năng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thị danh vô trụ trụ.

Hựu vô trụ giả, danh vô biên chúng sanh giới. Như Lai tất đáo nhất thiết chúng sanh vô biên giới phân, nhi vô sở trụ.

Hựu vô trụ giả, danh vô ốc trạch. Vô ốc trạch giả, danh vi vô hữu. Vô hữu giả, danh vi vô sanh. Vô sanh giả, danh vi vô tử. Vô tử giả, danh vi vô tướng. Vô tướng giả, danh vi vô hệ. Vô hệ giả, danh vi vô trước. Vô trước giả, danh vi vô lậu. Vô lậu tức thiện. Thiện tức vô vi. Vô vi giả, tức Đại Niết-bàn. Đại Niết-bàn tức Thường. Thường giả tức ngã. Ngã giả tức Tịnh. Tịnh giả tức Lạc. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh tức thị Như Lai.

善男子。譬如虛空不住東方南西北方四維上下。如來亦爾。不住東方南西北方四維上下。

善男子。若有說言身口意惡得善果者無有是處。身口意善得惡果者亦無是處。若言凡夫得見佛性。十住菩薩不得見者亦無是處。一闍提輩犯五逆罪謗方等經毀四重禁。得阿耨多羅三藐三菩提者亦無是處。六住菩薩煩惱因緣墮三惡道亦無是處。菩薩摩訶薩以真女身得阿耨多羅三藐三菩提者亦無是處。一闍提常三寶無常亦無是處。如來住於拘尸那城亦無是處。

善男子。如來今於此拘尸那城入大三昧深禪定窟。眾不見故名入涅槃。

師子吼言。如來何故入禪定窟。

善男子。為欲度脫諸眾生故。未種善根者令得種故。已種善根者得增長故。善果未熟令得熟故。為已熟者說趣阿耨多羅三藐三菩提故。輕賤善法者令生尊重故。諸有放逸者令離放逸故。為與文殊師利等諸大香象共論義故。為欲教化樂讀誦者深愛禪定故。為以聖行梵行天行教化眾生故。為觀不共深法藏故。為欲呵責放逸弟子故。如來常寂猶尚樂

Thiện nam tử! Thí như hư không, bất trụ đông phương, nam, tây, bắc phương, tứ duy, thượng, hạ. Như Lai diệc nhĩ, bất trụ đông phương, nam, tây, bắc phương, tứ duy, thượng, hạ.

Thiện nam tử! Nhược hữu thuyết ngôn: Thân khẩu ý ác đắc thiện quả giả, vô hữu thị xứ. Thân khẩu ý thiện đắc ác quả giả, diệc vô thị xứ. Nhược ngôn: phạm phu đắc kiến Phật tánh, thập trụ Bồ Tát bất đắc kiến giả, diệc vô thị xứ. Nhất-xiển-đề bối, phạm ngũ nghịch tội, báng Phương đẳng kinh, hủy Tứ trọng cấm đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, diệc vô thị xứ. Lục trụ Bồ Tát, phiền não nhân duyên, đọa tam ác đạo, diệc vô thị xứ. Bồ Tát ma-ha-tát dĩ chân nữ thân, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, diệc vô thị xứ. Nhất-xiển-đề thường, Tam bảo vô thường, diệc vô thị xứ. Như Lai trụ ư Câu-thi-na thành diệc vô thị xứ.

Thiện nam tử! Như Lai kim ư thủ Câu-thi-na thành, nhập Đại Tam-muội, thâm thiên định quật. Chúng bất kiến cố, danh nhập Niết-bàn.

Sư Tử Hống ngôn: Như Lai hà cố nhập thiên định quật?

Thiện nam tử! Vị dục độ thoát chư chúng sanh cố. Vị chủng thiện căn giả, linh đắc chủng cố. Dĩ chủng thiện căn giả, đắc tăng trưởng cố. Thiện quả vị thực, linh đắc thực cố. Vị dĩ thực giả, thuyết thú A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề cố. Khinh tiện thiện pháp giả, linh sanh tôn trọng cố. Chư hữu phóng dật giả, linh ly phóng dật cố. Vị dĩ Văn-thù-sư-lợi đẳng, chư đại hương tượng cộng luận nghĩa cố. Vị dục giáo hóa nhạo độ tụng giả, thâm ái thiên định cố. Dĩ vi Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, giáo hóa chúng sanh cố. Vị quán bất cộng thâm Pháp tạng cố. Vị dục ha trách phóng dật đệ tử cố. Như

定。況汝等輩煩惱未盡而生放逸。為欲呵責諸惡比丘受畜八種不淨之物及不少欲不知足故。為令眾生尊重所聞禪定法故。以是因緣入禪定窟。

師子吼言。世尊。無相定者名大涅槃。是故涅槃名為無相。以何因緣名為無相。

善男子。無十相故。何等為十。所謂色相聲相香相味相觸相生住壞相男相女相。是名十相。無如是相故名無相。

善男子。夫著相者則能生癡。癡故生愛。愛故繫縛。繫縛故受生。受生故有死。死故無常。

不著相者則不生癡。不生癡故則無有愛。無有愛故則無繫縛。無繫縛故則不受生。不受生故則無有死。無有死故則名為常。以是義故涅槃名常。

師子吼言。世尊。何等比丘能斷十相。

佛言。善男子。若有比丘時時修習三種相者則斷十相。時時修習三昧定相。時時修習智慧之相。時時修習捨相。是名三相。

師子吼言。世尊。云何名為定慧捨相。定是三昧者。一切眾生皆有三昧。云何方言修習三昧。若

Lai thường tịch, du thượng nhạo định; huống nữ đặng bối, phiền não vị tận, nhi sanh phóng dật? Vị dục ha trách chư ác tỳ-kheo thọ súc bát chủng bất tịnh chi vật, cập bất thiếu dục, bất tri túc cố. Vị linh chúng sanh tôn trọng sở văn thiên định pháp cố. Dĩ thị nhân duyên, nhập thiên định quật.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Vô tướng định giả, danh Đại Niết-bàn. Thị cố Niết-bàn, danh vi vô tướng. Dĩ hà nhân duyên danh vi vô tướng?

Thiện nam tử! Vô thập tướng cố. Hà đặng vi thập? Sở vị: sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, sanh, trụ, hoại tướng, nam tướng, nữ tướng. Thị danh thập tướng. Vô như thị tướng, cố danh vô tướng.

Thiện nam tử! Phù trước tướng giả, tác năng sanh si. Si cố sanh ái. Ái cố, hệ phược. Hệ phược cố, thọ sanh. Thọ sanh cố, hữu tử. Tử cố, vô thường.

Bất trước tướng giả, tác bất sanh si. Bất sanh si cố, tác vô hữu ái. Vô hữu ái cố, tác vô hệ phược. Vô hệ phược cố, tác bất thọ sanh. Bất thọ sanh cố, tác vô hữu tử. Vô hữu tử cố, tác danh vi thường. Dĩ thị nghĩa cố, Niết-bàn danh thường.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Hà đặng tỳ-kheo năng đoạn thập tướng?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược hữu tỳ-kheo thời thời tu tập tam chủng tướng giả, tác đoạn thập tướng: thời thời tu tập tam-muội định tướng, thời thời tu tập trí tuệ chi tướng, thời thời tu tập xả tướng. Thị danh tam tướng.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Vân hà danh vi định, tuệ, xả tướng? Định thị tam-muội giả. Nhất thiết chúng sanh giai hữu tam-muội, vân hà phương ngôn tu tập tam-muội? Nhược tâm tại nhất cảnh, tác danh tam-muội. Nhược cánh dư duyên,

心在一境則名三昧。若更餘緣則不名三昧。如其不定非一切智。非一切智云何名定。若以一行得三昧者。其餘諸行亦非三昧。若非三昧則非一切智。若非一切智云何名三昧。慧捨二相亦復如是。

佛言。善男子。如汝所言緣於一境得名三昧其餘諸緣不名三昧。是義不然。何以故。如是餘緣亦一境故行亦如是。

又言眾生先有三昧不須修者。是亦不然。所以者何。言三昧者名善三昧。一切眾生真實未有。云何而言不須修習。以住如是善三昧中觀一切法名善慧相。不見三昧智慧異相。是名捨相。

復次善男子。若取色相不能觀色常無常相。是名三昧。若能觀色常無常相。是名慧相。三昧慧等觀一切法。是名捨相。

善男子。如善御駕駟遲疾得所。遲疾得所故名捨相。菩薩亦爾。若三昧多者則修習慧。若慧多者則修習三昧。三昧慧等則名為捨。

善男子。十住菩薩智慧力多三昧力少。是故不得明見佛性。聲聞緣覺三昧力多智慧力少。以是因緣不見佛性。諸佛世尊定慧等故明見佛性了了無礙。如觀掌中菴摩勒果。見佛性者名為捨相。

tác bất danh tam-muội. Như kỳ bất định, phi nhất thiết trí. Phi nhất thiết trí, vân hà danh định? Nhược dĩ nhất hạnh đắc tam-muội giả, kỳ dư chư hạnh diệc phi tam-muội! Nhược phi tam-muội, tác phi nhất thiết trí. Nhược phi nhất thiết trí, vân hà danh tam-muội? Tuệ, Xả, nhị tướng diệc phục như thị.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như nữ sở ngôn: duyên ư nhất cảnh, đắc danh tam-muội; kỳ dư chư duyên, bất danh tam-muội. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Như thị dư duyên, diệc nhất cảnh cố. Hành diệc như thị.

Hựu ngôn: Chúng sanh tiên hữu tam-muội, bất tu tu giả. Thị diệc bất nhiên. Sở dĩ giả hà? Ngôn tam-muội giả, danh thiện tam-muội. Nhất thiết chúng sanh, chân thật vị hữu. Vân hà nhị ngôn bất tu tu tập? Dĩ trụ như thị thiện tam-muội trung, quán nhất thiết pháp, danh thiện tuệ tướng. Bất kiến tam-muội, trí tuệ dị tướng, thị danh xả tướng.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược thủ sắc tướng, bất năng quán sắc: Thường, vô thường tướng, thị danh tam-muội. Nhược năng quán sắc: Thường, vô thường tướng, thị danh tuệ tướng. Tam-muội tuệ đẳng, quán nhất thiết pháp, thị danh xả tướng.

Thiện nam tử! Như thiện ngự giá tứ, trì, tật đắc sở. Trì, tật đắc sở, cố danh xả tướng. Bồ Tát diệc nhĩ; nhược tam-muội đa giả, tác tu tập tuệ, nhược tuệ đa giả, tác tu tập tam-muội. Tam-muội, tuệ đẳng, tác danh vi xả.

Thiện nam tử! Thập trụ Bồ Tát, trí tuệ lực đa, tam-muội lực thiểu; thị cố bất đắc minh kiến Phật tánh. Thanh văn, Duyên giác, tam-muội lực đa, trí tuệ lực thiểu; dĩ thị nhân duyên, bất kiến Phật tánh. Chư Phật Thế Tôn, định, tuệ đẳng cố, minh kiến Phật tánh, liễu liễu vô ngại, như quan chuông trung am-ma lạc quả. Kiến Phật tánh giả, danh vi xả tướng.

奢摩他者名為能滅。能滅一切煩惱結故。又奢摩他者名曰能調。能調諸根惡不善故。又奢摩他者名曰寂靜。能令三業咸寂靜故。又奢摩他者名曰遠離。能令眾生離五欲故。又奢摩他者名曰能清。能清貪欲瞋恚愚癡三濁法故。以是義故故名定相。

毘婆舍那名為正見。亦名了見。名為能見。名曰遍見。名次第見。名別相見。是名為慧。

憂畢又者。名曰平等。亦名不爭。又名不觀。亦名不行。是名為捨。

善男子。奢摩他者有二種。一者世間。二者出世間。復有二種。一者成就。二不成就。成就者。所謂諸佛菩薩。不成就者。所謂聲聞辟支佛等。

復有三種。謂下中上。下者謂諸凡夫。中者聲聞緣覺。上者諸佛菩薩。

復有四種。一者退。二者住。三者進。四者能大利益。

復有五種。所謂五智三昧。何等為五。一者無食三昧。二者無過三昧。三者身意清淨一心三昧。四者因果俱樂三昧。五者常念三昧。

復有六種。一者觀骨三昧。二者。慈三昧。三者觀十二因緣三昧。四者阿那婆那三昧。五者正念覺觀三昧。六者觀生滅住異三昧。

Xa-ma-tha giả, danh vi năng diệt; năng diệt nhất thiết phiền não kết cố. Hựu xa-ma-tha giả, danh viết năng điều; năng điều chư căn ác bất thiện cố. Hựu xa-ma-tha giả, danh viết tịch tĩnh; năng linh tam nghiệp hàm tịch tĩnh cố. Hựu xa-ma-tha giả, danh viết viễn ly; năng linh chúng sanh ly ngũ dục cố. Hựu xa-ma-tha giả, danh viết năng thanh; năng thanh tham dục, sân khuể ngu si: tam trước pháp cố. Dĩ thị nghĩa cố, cố danh định tướng.

Tỳ-bà-xá-na, danh vi chánh kiến, diệt danh liễu kiến, danh vi năng kiến, danh viết biến kiến, danh thứ đệ kiến, danh biệt tướng kiến. Thị danh vi tuệ.

Ưu-tất-xoa giả danh viết bình đẳng, diệt danh bất tránh, hựu danh bất quán, diệt danh bất hành. Thị danh vi xả.

Thiện nam tử! Xa-ma-tha giả, hữu nhị chủng: nhất giả thế gian, nhị giả xuất thế gian. Phục hữu nhị chủng: nhất giả thành tựu, nhị giả bất thành tựu. Thành tựu giả, sở vị: chư Phật, Bồ Tát, bất thành tựu giả, sở vị: Thanh văn, Bích-chi Phật đẳng.

Phục hữu tam chủng, vị: hạ, trung, thượng. Hạ giả, vị chư phàm phu. Trung giả, Thanh văn, Duyên giác. Thượng giả chư Phật, Bồ Tát.

Phục hữu tứ chủng: nhất giả thối, nhị giả trụ, tam giả tấn, tứ giả năng đại lợi ích.

Phục hữu ngũ chủng, sở vị ngũ trí tam-muội. Hà đẳng vi ngũ? Nhất giả vô thực tam-muội. Nhị giả vô quá tam-muội. Tam giả thân ý thanh tịnh nhất tâm tam-muội. Tứ giả nhân quả câu lạc tam-muội. Ngũ giả thường niệm tam-muội.

Phục hữu lục chủng. Nhất giả quán cốt tam-muội. Nhị giả từ tam-muội. Tam giả quán thập nhị nhân duyên tam-muội. Tứ giả A-na-ba-na tam-muội. Ngũ giả Chánh niệm giác quán tam-muội. Lục giả quán sanh diệt trụ dị tam-muội.

復有七種。所謂七覺分。一者念處覺分。二者擇法覺分。三者精進覺分。四者喜覺分。五者除覺分。六者定覺分。七者捨覺分。

復有七種。一者須陀洹三昧二者斯陀含三昧。三者阿那含三昧。四者阿羅漢三昧。五者辟支佛三昧。六者菩薩三昧。七者如來覺知三昧。

復有八種。謂八解脫三昧。一者內有色相外觀色解脫三昧。二者內無色相外觀色解脫三昧。三者淨解脫身證三昧。四者空處解脫三昧。五者識處解脫三昧。六者無所有處解脫三昧。七者非有想非無想處解脫三昧。八者滅盡定處解脫三昧。

復有九種所謂九次第定。四禪四空及滅盡定三昧。復有十種。所謂十一切處三昧。何等為十。一者地一切處三昧。二者水一切處三昧。三者風一切處三昧。四者青一切處三昧。五者黃一切處三昧。六者赤一切處三昧。七者白一切處三昧。八者空一切處三昧。九者識一切處三昧。十者無所有一切處三昧。

復有無數種。所謂諸佛菩薩。善男子。是名三昧相。

善男子。慧有二種。一者世間。二者出世間。

Phục hữu thất chủng, sở vị thất giác phần: Nhất giả niệm xứ giác phần, nhị giả trạch pháp giác phần, tam giả tinh tấn giác phần, tứ giả hỷ giác phần, ngũ giả trừ giác phần, lục giả định giác phần, thất giả xả giác phần.

Phục hữu thất chủng: Nhất giả Tu-đà-hoàn tam-muội, nhị giả Tư-đà-hàm tam-muội, tam giả A-na-hàm tam-muội, tứ giả A-la-hán tam-muội, ngũ giả Bích-chi Phật tam-muội, lục giả Bồ Tát tam-muội, thất giả Như Lai giác tri tam-muội.

Phục hữu bát chủng, vị bát giải thoát tam-muội: Nhất giả nội hữu sắc tướng, ngoại quán sắc giải thoát tam-muội. Nhị giả nội vô sắc tướng, ngoại quán sắc giải thoát tam-muội. Tam giả tịnh giải thoát thân chúng tam-muội. Tứ giả không xứ giải thoát tam-muội. Ngũ giả thức xứ giải thoát tam-muội. Lục giả vô sở hữu xứ giải thoát tam-muội. Thất giả phi hữu tướng phi vô tướng xứ giải thoát tam-muội. Bát giả diệt tận định xứ giải thoát tam-muội.

Phục hữu cửu chủng, sở vị cửu thứ đệ định: Tứ thiên, Tứ không cập diệt tận định tam-muội. Phục hữu thập chủng, sở vị thập nhất thiết xứ tam-muội. Hà đẳng vi thập? Nhất giả địa nhất thiết xứ tam-muội. Nhị giả thủy nhất thiết xứ tam-muội. Tam giả phong nhất thiết xứ tam-muội. Tứ giả thanh nhất thiết xứ tam-muội. Ngũ giả hoàng nhất thiết xứ tam-muội. Lục giả xích nhất thiết xứ tam-muội. Thất giả bạch nhất thiết xứ tam-muội. Bát giả Không nhất thiết xứ tam-muội. Cửu giả Thức nhất thiết xứ tam-muội. Thập giả Vô sở hữu nhất thiết xứ tam-muội.

Phục hữu vô số chủng, sở vị chư Phật, Bồ Tát. Thiện nam tử! Thị danh tam-muội tướng.

Thiện nam tử! Tuệ, hữu nhị chủng: Nhất giả thế gian, nhị giả xuất thế gian.

復有三種一者般若。二者毘婆舍那。三者闍那。

般若者名一切眾生。毘婆舍那者一切聖人。闍那者諸佛菩薩。

又般若者名為別相。毘婆舍那者名為總相。闍那者名為破相。

復有四種。所謂觀四真諦。

善男子。為三事故修奢摩他。何等為三。一者不放逸故。二者莊嚴大智故。三者得自在故。

復次為三事故修毘婆舍那。何等為三。一者為觀生死惡果報故。二者為欲增長諸善根故。三者為破一切諸煩惱故。

### 大般涅槃經卷第三十

終

Phục hữu tam chủng: Nhất giả bát-nhã, nhị giả tỳ-bà-xà-na, tam giả xà-na.

Bát-nhã giả, danh nhất thiết chúng sanh. Tỳ-bà-xà-na giả, nhất thiết thánh nhân. Xà-na giả, chư Phật, Bồ Tát.

Hựu bát-nhã giả, danh vi biệt tướng. Tỳ-bà-xà-na giả, danh vi tổng tướng. Xà-na giả, danh vi phá tướng.

Phục hữu tứ chủng, sở vị quán tứ chân đế.

Thiện nam tử! Vị tam sự cố, tu xa-ma tha. Hà đẳng vi tam? Nhất giả bất phóng dật cố. Nhị giả, trang nghiêm đại trí cố. Tam giả, đắc tự tại cố.

Phục thứ, vị tam sự cố, tu tỳ-bà-xà-na. Hà đẳng vi tam? Nhất giả vị quán sanh tử ác quả báo cố. Nhị giả vị dục tăng trưởng chư thiện căn cố. Tam giả vị phá nhất thiết chư phiền não cố.

### Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tam thập

Chung

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

## QUYỂN BA MƯƠI

### PHẨM BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG

#### Phẩm thứ mười một - Phần bốn

**K**hi ấy, bọn sáu thầy ngoại đạo sanh lòng ganh ghét, cùng họp nhau đến tâu lên vua *Ba-tư-nặc* rằng: ‘Đại vương nên biết rằng, đất đai của đại vương là trong sạch an ổn, vắng vẻ yên tĩnh, đúng là chỗ mà hàng xuất gia an trụ. Chúng tôi vì vậy mới đến đây. Đại vương dùng chánh pháp mà cai trị, nên trừ hại cho dân. *Sa-môn Cồ-đàm* là người tuổi nhỏ, sức học cạn cợt, đạo thuật không có. Ở nước này từ trước đã có những bậc kỳ cựu đầy đủ đức hạnh. Cồ-đàm ỷ mình thuộc dòng vua, chẳng sanh lòng cung kính những bậc kỳ cựu ấy. Nếu là dòng vua, theo phép lẽ ra phải lo việc trị dân; còn nếu đã xuất gia, lẽ ra phải kính trọng người có đủ đức hạnh.’

‘Đại vương hãy nghe cho kỹ đây! *Sa-môn Cồ-đàm* thật chẳng phải sanh trong dòng vua. Nếu *Sa-môn Cồ-đàm* có cha mẹ, vì sao lại đi cướp đoạt cha mẹ của người khác?’

‘Đại vương! Trong kinh của chúng tôi có nói rằng: ‘Qua một ngàn năm sẽ có một yêu tinh dáng vẻ tốt đẹp, dùng phép huyền hóa hiện ra mọi vật.’ Chính là nói *Sa-môn Cồ-đàm* đó!’

‘Nên phải biết rằng, *Sa-môn Cồ-đàm* không có cha mẹ. Nếu có cha mẹ, sao lại dạy rằng: ‘Các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã, không có kẻ tạo tác, không có người thọ nhận?’ Ông ấy dùng huyền thuật mà dối

gạt chúng sanh, những kẻ ngu si mới tin nhận, người có trí đều lừa bỏ.

‘Đại vương! Người làm vua là cha mẹ của thiên hạ, như đò cân, như mặt đất, như gió, như lửa, như đường sá, như con sông, như cây cầu, như ngọn đèn, như mặt trời, mặt trăng... phải theo đúng pháp mà xử việc, không phân biệt kẻ oán, người thân. *Sa-môn Cồ-đàm* không để cho chúng tôi được sống, chúng tôi đi đâu cũng bị người xua đuổi chẳng thôi! Xin đại vương cho phép chúng tôi với *Cồ-đàm* so nhau đạo lực. Nếu ông ấy thắng được chúng tôi, chúng tôi sẽ chịu phụ thuộc ông ấy; còn nếu chúng tôi thắng, ông ấy phải phụ thuộc chúng tôi.’

‘Vua nói: ‘Đại đức! Các vị mỗi bên đều có chỗ an trụ, tu hành truyền pháp cũng không giống như nhau. Nay trăm biết chắc rằng đức Như Lai Thế Tôn đối với các ông không có sự ngăn trở.’

‘Bọn sáu thầy đáp: ‘Sao lại không ngăn trở? *Sa-môn Cồ-đàm* dùng pháp huyền thuật lừa dối dụ dỗ mọi người và hàng bà-la-môn, khiến họ đã quy phục hết cả rồi. Nếu vua cho phép chúng tôi với người ấy so nhau đạo lực thì danh thơm của vua truyền khắp tám phương;<sup>(1)</sup> nếu vua không chấp thuận thì tiếng xấu ngập đường.’

‘Vua nói: ‘Đại đức! Các ông còn chưa biết rằng đạo lực, oai thần của Như Lai cao vút, nên mới đòi so sánh. Nếu các ông biết rõ được, ắt phải sợ mình không đủ sức.’

‘Bọn sáu thầy ngoại đạo nói: ‘Đại vương! Hay là ngài đã thọ nhận pháp hư huyền của *Cồ-đàm* rồi? Xin đại vương hãy lưu ý nghe và suy xét, đừng xem thường việc chúng tôi nêu ra là không đúng thật, chi bằng cứ thử xem để biết [thế nào] là đúng thật.’



“Vua liền đồng ý, nói: ‘Được lắm, được lắm, [hãy cứ làm như vậy]!’

“Cả bọn sáu thầy ngoại đạo lấy làm vui vẻ, ra về.

“Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc truyền chuẩn bị xa giá nghiêm trang, đi đến chỗ Phật, cung kính lễ bái, đầu mặt cúi sát chân Như Lai, rồi đi quanh ba vòng cung kính, lui lại ngồi một bên, bạch Phật: “Thế Tôn! Sáu thầy ngoại đạo vừa đến chỗ con thỉnh cầu việc so sánh đạo lực với ngài. Con không lượng định được sự việc, đã mạn phép đồng ý với họ rồi.’

“Phật dạy: ‘Đại vương! Lành thay, lành thay! Giờ chỉ nên lo việc xây dựng thêm chỗ ở cho chúng tăng ở khắp nơi trong nước này. Vì sao vậy? Nếu ta với họ so nhau về thần lực thì trong đồ chúng của họ sẽ có nhiều người thọ nhận sự giáo hóa [của ta]. Chốn này nhỏ hẹp, làm sao có thể dung chứa hết?’

“Thiện nam tử! Khi ấy ta vì bọn sáu thầy ngoại đạo mà thị hiện những thần thông biến hóa lớn lao chưa từng thấy, suốt từ ngày mồng một cho đến ngày rằm. Trong quãng thời gian ấy, có vô lượng chúng sanh phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; vô lượng chúng sanh đối với Tam bảo phát khởi lòng tin chẳng còn nghi ngờ, vô lượng đồ chúng của sáu thầy ngoại đạo đều là bỏ tâm tà kiến, xuất gia theo Chánh pháp; vô lượng chúng sanh đạt được tâm không thối chuyển đối với quả vị Bồ-đề; vô lượng chúng sanh đạt được pháp Đà-la-ni, các môn Tam-muội; vô lượng chúng sanh chứng đắc từ quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán.

“Bấy giờ, bọn sáu thầy ngoại đạo lấy làm hổ thẹn trong lòng, liền kéo nhau đến thành Bà-chỉ-đa, dạy cho

nhân dân ở đó tin nhận theo tà pháp, bảo họ rằng: ‘Sa môn Cồ-đàm chỉ dạy có một việc “không” mà thôi!’

“Thiện nam tử! Khi ấy, ta vì mẹ mà hiện lên cõi trời Dao-lợi, an cư thuyết pháp dưới cội cây Ba-lợi-chất-đa.

“Trong khi đó, bọn sáu thầy ngoại đạo rất vui mừng, bảo nhau rằng: ‘Hay thay! Nay nhà huyền thuật Cồ-đàm đã đi mất rồi!’ Họ lại truyền dạy [những điều làm] cho vô lượng vô số chúng sanh tăng trưởng tà kiến.

“Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la, vua Ba-tư-nặc cùng với Bốn bộ chúng liền bạch với Mục-kiền-liên rằng: ‘Đại đức! Cõi Diêm-phù-đề này tà kiến tăng trưởng, chúng sanh thật đáng thương, đi vào nơi hết sức tối tăm, u ám! Thỉnh cầu đại đức lên cõi trời kia, đánh lễ đức Thế Tôn, chuyển bạch những lời của chúng tôi như thế này: Như ghé con vừa sanh ra chưa bao lâu, nếu không có sữa bú thì chắc chắn phải chết. Chúng sanh cõi này cũng giống như vậy! Cầu xin Như Lai thương xót chúng sanh, trở lại trụ nơi đây!’

“Lúc đó, Mục-kiền-liên lặng thinh nhận lời. Rồi chỉ trong khoảng thời gian như người đại lực sĩ co duỗi cánh tay, ngài lên đến cảnh trời Dao-lợi, đến chỗ Thế Tôn bạch rằng: ‘Bốn chúng trong cõi Diêm-phù-đề thấy đều khát ngưỡng Như Lai, mong được gặp Phật, nghe Pháp. Vua Tần-bà-sa-la, vua Ba-tư-nặc cùng với Bốn chúng đều dập đầu dưới chân Phật thưa rằng: Chúng sanh trong cõi Diêm-phù-đề này tà kiến tăng trưởng, đi vào chỗ hết sức tối tăm u ám, thật đáng thương thay! Như ghé con vừa sanh ra chưa bao lâu, nếu không có sữa chắc chắn sẽ chết. Chúng con cũng vậy, nguyện cầu Như Lai vì chúng sanh mà quay trở lại cõi Diêm-phù-đề!’

“Phật bảo Mục-kiên-liên: ‘Nay ông hãy gấp rút trở về cõi Diêm-phù-đê, bảo với các vị quốc vương và Bốn bộ chúng rằng, sau bảy ngày nữa, Như Lai sẽ trở xuống. Ta sẽ vì [việc khuất phục] bọn sáu thầy ngoại đạo mà đến tại thành Bà-chỉ-đa.’

“Qua bảy ngày sau, đức Phật cùng với Đế-thích, Phạm thiên, Ma thiên, vô lượng chư thiên [cõi trời Đao-lợi] và chư thiên cõi trời Tịnh Cư; tất cả chư thiên như vậy cùng với mọi người đều vây quanh Như Lai, cùng đi đến thành Bà-chỉ-đa. Như Lai phát ra tiếng [giảng pháp rền vang như tiếng] sư tử rống, dạy rằng: ‘Chỉ trong Chánh pháp của ta mới thật có hàng sa-môn và bà-la-môn. Tất cả các pháp đều là vô thường, vô ngã; Niết-bàn là vắng lặng an tĩnh, lìa khỏi mọi sự lỗi lầm xấu ác. Nếu nói rằng trong pháp khác cũng có sa-môn và bà-la-môn, có thường, có ngã, có Niết-bàn, đó là lời nói hoàn toàn vô lý.’

“Khi ấy, có vô lượng vô biên chúng sanh [nghe được lời ấy liền] phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Bấy giờ, bọn sáu thầy ngoại đạo lại bảo nhau rằng: ‘Nếu trong pháp của chúng ta thật không có sa-môn, bà-la-môn, vì sao lại được thế gian cúng dường?’ Nói vậy rồi, bọn họ lại tụ họp nhau cùng đi đến thành Tỳ-xá-ly.

“Thiện nam tử! Sau một thời gian, ta cũng đến thành Tỳ-xá-ly, nơi khu rừng Am-la. Khi ấy, nàng Am-la biết ta đang ở đó nên muốn tìm đến. Vào lúc đó ta dạy chư tỳ-kheo rằng: ‘Nên quán [bốn] niệm xứ [là thân, thọ, tâm, pháp], khéo tu trí tuệ; tùy chỗ tu tập, đừng để tâm buông thả, lười nhác.’

“Sao gọi là quán [bốn] niệm xứ? Nếu tỳ-kheo nào quán sát trong thân chẳng thấy có gì là ‘ta’ và ‘vật của

ta’, quán sát bên ngoài thân và khắp trong, ngoài thân cũng chẳng thấy có gì là ‘ta’ và ‘vật của ta’. Đối với các cảm thọ, với tâm, với các pháp cũng đều quán sát như vậy. Đó gọi là [quán bốn] niệm xứ.

“Sao gọi là tu tập trí tuệ? Nếu tỳ-kheo nào thấy biết chân thật về khổ, tập, diệt, đạo, đó gọi là tỳ-kheo tu tập trí tuệ.

“Sao gọi là tâm không buông thả, lười nhác? Nếu tỳ-kheo nào niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả,<sup>(2)</sup> niệm thiên, đó gọi là tỳ-kheo tâm không buông thả, lười nhác.’

“Khi ấy, nàng Am-la đi đến chỗ ta, cúi đầu và mặt làm lễ sát chân ta, đi quanh ba vòng tỏ lòng cung kính, rồi lui lại ngồi sang một bên.

“Thiện nam tử! Lúc đó ta vì nàng Am-la mà thuyết pháp thích hợp. Nghe xong, nàng ấy phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Bấy giờ, trong thành ấy có đến năm trăm người thuộc họ Lê-xa<sup>(3)</sup> cùng đi đến chỗ ta, cúi đầu và mặt làm lễ sát chân ta, đi quanh ba vòng tỏ lòng cung kính, rồi lui lại ngồi sang một bên. Lúc đó ta lại vì những người họ Lê-xa mà thuyết pháp thích hợp với họ rằng: ‘Các thiện nam tử! Nếu ai buông thả, lười nhác thì phải chịu năm loại quả báo. Những gì là năm? Một là về tài lợi không được đầy đủ như ý, hai là tiếng xấu lan truyền đâu đâu cũng biết, ba là không ưa thích bố thí rộng rãi cho người nghèo khổ, bốn là không ưa thích gặp gỡ Bốn chúng, năm là không được sinh làm chư thiên cõi trời.

“Các thiện nam tử! Do việc không buông thả, lười nhác mà có thể sanh ra các pháp thế gian cùng pháp xuất thế gian. Nếu ai muốn đạt được quả A-nậu-đa-la

Tam-miêu Tam-bồ-đề, cần phải siêng năng tu tập pháp không buông thả, không lười nhác.

“Người buông thả, lười nhác lại có mười ba loại quả báo. Những gì là mười ba? Một là việc làm đều vì [các pháp] thế gian, hai là ưa thích nói ra những lời vô ích, ba là thường thích nằm lâu mê ngủ, bốn là ưa thích nói việc thế gian, năm là thường ưa thích gần gũi bạn xấu, sáu là thường ưa biếng nhác chậm trễ, bảy là thường bị người khác khinh chê, tám là có những việc được nghe lại thường quên mất, chín là ưa thích ở nơi xa xôi hẻo lánh, mười là không thể điều phục các căn, mười một là ăn uống không biết vừa đủ, mười hai là không ưa thích sự vắng lặng, an tĩnh, mười ba là chỗ thấy biết không chân chánh. Đó là mười ba loại quả báo.

“Thiện nam tử! Nếu là người buông thả, lười nhác, tuy có được gần Phật và đệ tử Phật nhưng cũng giống như ở xa!”

“Những người họ Lê-xa bạch rằng: ‘Bạch Thế Tôn! Chúng con tự biết mình là những người buông thả, lười nhác. Vì sao vậy? Nếu chúng con không phải người buông thả, lười nhác thì đáng Pháp vương Như Lai hẳn đã ra đời nơi đất nước của chúng con!’

“Khi ấy, trong pháp hội có một bà-la-môn tên là Vô Thắng, nói với những người họ Lê-xa rằng: ‘Lành thay, lành thay! Đúng như lời các ông vừa nói. Vua Tần-bà-sa-la đã được lợi ích lớn, Như Lai Thế Tôn xuất hiện nơi đất nước của vua ấy, cũng như trong ao lớn sanh ra hoa sen màu nhiệm, tuy sanh trong nước nhưng không bị [bùn] nước làm hoen ố.

“Các vị Lê-xa! Đức Phật cũng vậy, tuy ngài sanh ra ở nước kia, nhưng chẳng bị pháp thế gian làm ngăn

ngại, trì trệ. Chư Phật Thế Tôn thật không có sự xuất nhập, nhưng vì chúng sanh nên xuất hiện ở đời, không bị pháp thế gian làm ngăn ngại, trì trệ.

“Chỉ vì các ông tự mình mê muội, đắm say trong năm dục, không biết gần gũi, tìm đến chỗ Như Lai, cho nên gọi là người buông thả, lười nhác. Không phải vì Phật xuất hiện ở nước Ma-già-đà [của vua Tần-bà-sa-la] mà các ông mang tiếng là buông thả, lười nhác. Vì sao vậy? Đức Như Lai Thế Tôn như mặt trời mặt trăng, không phải chỉ vì một người, hai người mà xuất hiện ở đời.”

“Bấy giờ, nghe được lời ấy rồi, những người họ Lê-xa liền phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề, lại ngợi khen rằng: ‘Lành thay, lành thay! Chàng Vô Thắng này có thể sáng khoái nói ra những lời nhiệm mầu sâu xa như thế!’

“Lúc đó, những người họ Lê-xa đều cởi áo đang mặc trên người mà cúng dường Vô Thắng. Vô Thắng nhận áo rồi mang dâng tất cả cho ta, thưa rằng: ‘Bạch Thế Tôn! Con đã nhận được số áo này từ những người họ Lê-xa, xin nguyện đức Như Lai thương xót chúng sanh mà thọ nhận sự hiến cúng của con.’

“Khi ấy, ta vì lòng thương Vô Thắng nên thọ nhận. Những người họ Lê-xa liền cùng nhau chấp tay bạch rằng: ‘Xin nguyện đức Như Lai an cư một thời gian nơi đây, thọ nhận sự cúng dường nhỏ nhoi của chúng con.’ Ta im lặng chấp nhận lời thỉnh cầu ấy.

Bọn sáu thầy ngoại đạo nghe biết việc ấy, liền cùng nhau dẫn dắt đồ chúng đi sang thành Ba-la-nại.

“Bấy giờ, ta lại sang thành Ba-la-nại, ở nơi bờ sông Ba-la. Khi ấy, ở Ba-la-nại có một chàng con nhà trưởng giả tên là Bảo Xưng, đắm say năm món dục, không biết

đó là vô thường. Nhờ có ta đến nơi ấy, Bảo Xưng liền tự nhiên đạt được phép quán xương trắng, nhìn thấy các nàng hầu, mỹ nữ trong nhà mình chỉ toàn là những bộ xương trắng mà thôi. Chàng ấy lòng sanh ghê sợ như nhìn thấy đao kiếm, rắn độc, giặc cướp, lửa dữ... liền bỏ chạy ra khỏi nhà, tìm đến chỗ ta, trên đường đi luôn miệng nói rằng: ‘Sa-môn Cồ-đàm! Nay con như bị giặc cướp rượt đuổi, khiếp sợ vô cùng, xin ngài cứu giúp!’

“Phật dạy: ‘Thiện nam tử! Phật, Pháp, Tăng là an ổn, không sợ sệt.’ Chàng trưởng giả bạch rằng: ‘Nếu trong Tam bảo không có sự sợ sệt, nay con nguyện cũng sẽ được sự không sợ sệt ấy.’ Ta liền cho phép Bảo Xưng xuất gia nhập đạo.

“Khi ấy, Bảo Xưng lại có năm mươi người bạn, nghe tin Bảo Xưng chán bỏ sự vui hưởng dục mà xuất gia liền đồng lòng cùng nhau xuất gia. Bọn sáu thầy ngoại đạo nghe biết sự việc liền dần dà kéo nhau sang cả bên thành lớn Chiêm-bà.

“Bấy giờ tại thành Chiêm-bà, tất cả nhân dân đều phụng sự đồ chúng của bọn sáu thầy ngoại đạo, chưa từng nghe biết đến các danh xưng Phật, Pháp, Tăng, nên có rất nhiều người phạm vào những việc cực ác. Khi ấy, ta vì [thương xót] chúng sanh nên đến thành Chiêm-bà.

“Trong thành lúc ấy có một đại trưởng giả không con nối dõi, lo việc phụng sự cho bọn sáu thầy ngoại đạo để cầu được có con.

“Rồi chẳng bao lâu, vợ người ấy mang thai. Trưởng giả biết vợ có thai liền đến chỗ bọn sáu thầy ngoại đạo, vui vẻ hỏi rằng: ‘Vợ tôi mang thai, đó là trai hay gái?’ Bọn sáu thầy ngoại đạo đáp: ‘Chắc chắn sẽ sanh con gái.’

“Nghe như vậy, trưởng giả lấy làm sầu não. Khi ấy có người trí thức đến hỏi trưởng giả rằng: ‘Tại sao ông sầu não như vậy?’ Trưởng giả đáp: ‘Vợ tôi mang thai, tôi chưa biết là trai hay gái nên đến hỏi sáu thầy ngoại đạo. Họ dạy rằng: Như tướng pháp của ta, quyết định sẽ sanh con gái. Nghe lời ấy rồi, tôi tự nghĩ mình tuổi đã già, giàu có vô cùng, nếu không có con trai thì biết lấy ai thừa kế? Vì vậy nên tôi buồn rầu.’

“Người trí thức kia liền khuyên rằng: ‘Ông thật không có trí tuệ, từ trước tới nay không nghe biết gì sao? Anh em ông Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là đệ tử của ai? Là đệ tử Phật hay đệ tử sáu thầy ngoại đạo? Nếu sáu thầy ngoại đạo là những người biết tất cả, tại sao ông Ca-diếp bỏ đi chẳng thờ, lại đến làm đệ tử Phật? Lại nữa, các ông Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... các vị quốc vương như vua Tần-bà-sa-la... các bậc hoàng hậu, phu nhân như bà Mạt-lợi... các vị trưởng giả ở các nước như bọn ông Tu-đạt-đa... Những người như vậy, chẳng phải đều là đệ tử Phật cả sao? Lại như quỷ thần Khoáng Dã, vua A-xà-thế, voi say Hộ Tài, Ưng-quật-ma-la ác tâm mãnh liệt muốn giết hại mẹ mình, những trường hợp như vậy há chẳng phải đều do đức Như Lai điều phục hay sao?’

“Trưởng giả! Đức Như Lai Thế Tôn đối với tất cả các pháp đều rõ biết không ngăn ngại nên được xưng là Phật. Lời ngài nói ra chân thật duy nhất nên gọi là Như Lai. Ngài đã dứt trừ hết mọi phiền não nên gọi là bậc Ứng Cúng, [xứng đáng nhận sự cúng dường của tất cả chúng sanh]. Lời dạy của đức Thế Tôn bao giờ cũng là chân thật duy nhất. Bọn sáu thầy ngoại đạo không được như thế, làm sao có thể tin được? Hiện nay đức Như Lai đang ở gần đây, nếu muốn biết sự thật thì ông nên đến chỗ Phật.’

“Khi đó, trưởng giả liền đi với người ấy đến chỗ ta, cúi đầu và mặt lễ bái sát chân ta, đi quanh ba vòng cung kính, rồi chấp tay quỳ mọp, thưa rằng: “Thế Tôn đối với chúng sanh bình đẳng không phân biệt; kẻ oán, người thân đều xem như nhau. Con nay bị dây luyến ái trói buộc, không thể không phân biệt kẻ oán, người thân. Nay con muốn thưa hỏi Như Lai Thế Tôn, nhưng tự trong lòng cảm thấy xấu hổ, sợ sệt không dám nói ra. Bạch Thế Tôn! Vợ con mang thai, sáu thầy ngoại đạo đều nói chắc rằng sẽ sanh con gái. Việc ấy là thế nào?”

“Phật dạy: “Trưởng giả! Đứa con trong thai vợ ông đó chắc chắn là trai. Đứa trẻ ấy sanh ra rồi, phước đức không ai bằng.”

“Khi ấy, trưởng giả nghe lời ta dạy rồi, hết sức vui vẻ, bèn trở về nhà. Bọn sáu thầy ngoại đạo nghe ta nói trước rằng đứa trẻ chưa sanh kia là con trai và có phước đức lớn, liền sanh lòng ganh ghét. Họ dùng trái am-la trộn thuốc độc vào, mang đến nhà trưởng giả, nói rằng: ‘Sung sướng thay! Cô-dàm khéo nói ra được tướng này! Khi nào vợ ông sắp sanh, nên cho uống thuốc này. Uống thuốc này rồi thì đứa con sẽ được đoan chánh, người mẹ không có bệnh hoạn.’

“Trưởng giả vui vẻ nhận lãnh thuốc độc, [đến lúc gần sanh] đưa cho vợ uống. Bà uống thuốc rồi liền chết ngay!

“Bọn sáu thầy ngoại đạo lấy làm mừng rỡ, đi khắp trong thành thị lớn tiếng rêu rao rằng: ‘Sa-môn Cô-dàm nói trước rằng vợ trưởng giả ấy sẽ sanh con trai, đứa con ấy sẽ có phước đức trong thiên hạ không ai hơn. Nay đứa trẻ chưa sanh ra mà người mẹ đã bỏ mạng!’

“Khi ấy, trưởng giả đối với ta lại mất lòng tin, liền y theo pháp thế gian mà khâm liệm quan quách, đưa

ra ngoài thành, chất nhiều củi khô, [chuẩn bị] dùng lửa thiêu.

“Ta dùng đạo nhãn thấy rõ việc ấy, liền bảo A-nan: ‘Hãy mang y lại đây, ta muốn đến nơi đó phá trừ tà kiến.’

“Ngay lúc đó, Thiên vương Tỳ-sa-môn liền bảo vị Đại tướng Ma-ni-bạt-đà rằng: ‘Nay Như Lai muốn ngự đến chỗ bãi tha ma ấy. Khanh mau tới đó dọn dẹp, quét rửa, đặt tòa ngồi sư tử, tìm những loại hương hoa thơm đẹp để làm trang nghiêm vùng đất ấy.’

“Khi ấy, bọn sáu thầy ngoại đạo từ xa nhìn thấy ta đi đến, liền bảo nhau rằng: ‘Sa-môn Cô-dàm đến bãi tha ma này, chắc là muốn ăn thịt chằng?’

“Bấy giờ, có nhiều người chưa chứng đắc pháp nhãn trong số các cư sĩ nam, thấy đều lấy làm hổ thẹn, thưa với ta rằng: ‘Người đàn bà ấy đã chết, xin Phật không nên đến đó.’

“Lúc đó, A-nan liền nói bảo mọi người rằng: ‘Hãy đợi một chút! Không bao lâu nữa Như Lai sẽ mở rộng cảnh giới của chư Phật.’

“Khi ta đến nơi, liền ngự trên tòa sư tử. Trưởng giả cật vấn ta rằng: ‘Vì nói lời chân thật duy nhất nên ngài được xưng là Thế Tôn. Nhưng nay người mẹ đã chết rồi, làm sao sanh con trai?’

“Ta nói: ‘Trưởng giả! Lúc trước ông không hề hỏi ta về mạng số người mẹ dài hay ngắn, ông chỉ hỏi ta về cái thai đó là trai hay gái mà thôi. Chư Phật Như Lai nói ra đều là lời chân thật duy nhất, cho nên phải biết rằng ông chắc chắn sẽ được con trai.’

“Lúc ấy, tử thi bị lửa thiêu, bụng nứt ra, rồi từ trong bụng hiện ra đứa con, ngồi ngay ngắn trong lửa như chim uyên ương đậu trên tòa sen.

“Bọn sáu thầy ngoại đạo thấy vậy liền nói: ‘Yêu mị thay! Cồ-đàm thật khéo làm ảo thuật!’

“Trưởng giả nhìn thấy như vậy trong lòng mừng rỡ, quả trách sáu thầy ngoại đạo rằng: ‘Nếu nói là ảo thuật, sao các ông không làm được như vậy?’

“Lúc ấy, ta bảo Kỳ-bà:<sup>(4)</sup> ‘Ông hãy vào trong lửa, bế đứa bé ấy ra đây.’

“Kỳ-bà vừa chuẩn bị bước đi, bọn sáu thầy ngoại đạo liền đến trước mặt ngăn lại, bảo Kỳ-bà rằng: ‘Sự biến hóa ảo thuật của sa-môn Cồ-đàm không phải lúc nào cũng vậy, có khi được, có khi chẳng được. Nếu như chẳng được thì ông có thể bị hại. Sao ông lại tin lời ấy?’

“Kỳ-bà đáp: ‘Giá như đức Như Lai sai tôi vào địa ngục A-tỳ thì lửa dữ nơi ấy cũng sẽ không thể đốt được tôi, huống chi là lửa ở thế gian!’

“Liền đó, Kỳ-bà bước vào trong đám lửa, dường như đi vào dòng nước sông mát mẻ, bế lấy đứa bé rồi trở ra đi đến chỗ ta, trao nó cho ta. Ta nhận đứa bé rồi, bảo trưởng giả rằng: ‘Thọ mạng của tất cả chúng sanh không có gì chắc chắn, chỉ như bọt trên mặt nước. Nếu chúng sanh có nghiệp quả lớn lao thì lửa không thiêu được, thuốc độc không hại được. Việc này là do nghiệp quả của đứa bé, không phải do ta làm được!’

“Khi ấy, trưởng giả bạch rằng: ‘Lành thay, Thế Tôn! Nhờ có được đứa bé này con mới thấu rõ được nghiệp quả, nguyện Như Lai đặt tên cho nó.’

“Phật dạy: ‘Trưởng giả! Đứa bé này sanh ra trong lửa dữ. Lửa gọi là thọ-đề,<sup>(5)</sup> vậy nên đặt tên nó là Thọ-đề.’

“Bấy giờ, những người có mặt nơi ấy đều được thấy ta

biến hóa thần thông, nên có vô lượng chúng sanh liền phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Lúc đó, bọn sáu thầy ngoại đạo đã đi qua khắp sáu thành lớn nhưng chẳng được dừng chân ở đâu cả, phải cúi đầu hổ thẹn. Rồi họ lại đến thành Câu-thi-na này. Khi đến đây rồi, họ tuyên bố rằng: ‘Mọi người nên biết, sa-môn Cồ-đàm là nhà ảo thuật lớn, dối gạt thiên hạ trong khắp sáu thành lớn. Ví như một nhà ảo thuật giả dối tạo ra bốn loại quân: quân dùng xe, quân cưỡi ngựa, quân cưỡi voi, quân đi bộ. Người ấy lại còn giả dối tạo ra mọi thứ như chuỗi ngọc, thành quách, cung điện, sông rạch, hồ ao, cây cối... Sa-môn Cồ-đàm cũng vậy, ông ấy giả dối tạo tác thân vua. Vì sự thuyết pháp nên ông hóa làm thân sa-môn, thân bà-la-môn, thân nam, thân nữ, thân nhỏ hoặc thân lớn. Có khi ông làm thân súc sanh, thân quỷ thân. Hoặc ông thuyết vô thường, hoặc ông thuyết hữu thường; có khi ông thuyết là khổ, có khi ông thuyết là vui; hoặc ông thuyết hữu ngã, hoặc ông thuyết vô ngã; hoặc ông thuyết hữu tịnh, hoặc ông thuyết bất tịnh; có lúc ông thuyết hữu, có lúc ông thuyết vô. Việc làm của ông ấy là hư vọng, nên gọi là ảo.’

“Ví như do nơi hạt giống mà có được quả; sa-môn Cồ-đàm cũng vậy, do nơi bà Ma-da mà sanh ra. Mẹ là huyễn,<sup>(6)</sup> con không thể không là huyễn! Sa-môn Cồ-đàm không có chỗ thấy biết chân thật. Các thầy bà-la-môn trải qua nhiều năm tu tập khổ hạnh, giữ gìn giới cấm, còn nói là chưa có sự thấy biết chân thật, huống chi Cồ-đàm, tuổi trẻ học cạn, không tu khổ hạnh, làm sao có được chỗ thấy biết chân thật? Nếu có thể tu tập trọn đủ bảy năm khổ hạnh, chỗ thấy biết còn chưa nhiều, huống chi ông ấy tu tập chưa được sáu năm! Chỉ những

kẻ ngu si không có trí tuệ mới tin nhận lời dạy của Cồ-đàm. Như nhà ảo thuật lớn dối gạt những kẻ ngu, sa-môn Cồ-đàm cũng giống như vậy.’

“Thiện nam tử! Bọn sáu thầy ngoại đạo ấy cố hết sức làm cho chúng sanh trong thành này tăng trưởng tà kiến. Thiện nam tử! Ta thấy việc ấy sanh lòng thương xót, bèn dùng thần lực triệu thỉnh chư Đại Bồ Tát mười phương tụ hội về nơi rừng này, đầy khắp trong một vùng ngang dọc là bốn mươi do-diên, ta ở giữa nơi này mà phát tiếng [pháp âm rền vang như tiếng] rống của sư tử chúa.

“Thiện nam tử! Dù có giảng thuyết nhiều ở nơi vắng vẻ cũng không gọi là như tiếng rống của sư tử. [Thuyết pháp] giữa đại chúng toàn những bậc trí tuệ như thế này mới thật là [rền vang như tiếng rống của] sư tử chúa! Thuyết pháp đó, là giảng nói rằng tất cả các pháp đều vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh; chỉ riêng nói rằng Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh mà thôi!

“Lúc ấy, bọn sáu thầy ngoại đạo lại nói rằng: ‘Nếu Cồ-đàm có ngã, chúng ta cũng có ngã. Nói ngã đó, là người nhìn thấy [vật] gọi là ngã. Cồ-đàm! Ví như có người nhìn theo một hướng mà thấy vật. Cái ngã cũng như vậy. Hướng là ví với con mắt, người thấy đó là ví với ngã.’

“Phật bảo bọn sáu thầy ngoại đạo rằng: ‘Nếu nói người thấy đó là ngã, nghĩa ấy chẳng đúng. Vì sao vậy? Như ví dụ mà các ông dẫn ra đó: ‘nhìn theo một hướng mà thấy’, người ở tại một hướng mà dùng đủ sáu căn, nếu quyết định là có một cái ngã nhân nơi con mắt mà thấy, vì sao trong một [nhãn] căn của người kia không nhận

biết được tất cả các trần? Nếu trong một căn không thể cùng lúc nghe thấy nhận biết cả sáu trần, nên biết rằng [trong đó] thật không có ngã.

“Theo các ông nói rằng ‘hướng là ví với con mắt’, thì dù trải qua trăm năm, người thấy là nhân nơi hướng nên chỗ thấy [lẽ ra] không thay đổi! Nếu con mắt đúng là như thế, thì khi tuổi già mắt yếu, lẽ ra [chỗ thấy] cũng không thay đổi. Lại nữa, người và hướng khác nhau nên thấy trong, thấy ngoài; nếu con mắt đúng là như các ông nói, lẽ ra cũng cùng lúc thấy trong, thấy ngoài. Nếu là không thấy, làm sao có ngã?”

“Sáu thầy ngoại đạo lại nói rằng: ‘Cồ-đàm! Nếu không có ngã thì ai là người có khả năng thấy đó?’

“Phật dạy: ‘Có hình sắc, có ánh sáng, có tâm thức, có con mắt, bốn điều kiện này hợp lại gọi là thấy. Trong [sự thấy] đó thật không có người nhìn thấy, không có đối tượng được thấy. Chúng sanh điên đảo nói rằng có người nhìn thấy và có đối tượng được thấy. Vì nghĩa ấy, chỗ thấy của tất cả chúng sanh là điên đảo, chỗ thấy của chư Phật, Bồ Tát là chân thật.

“Này các ông! Nếu nói rằng sắc là ngã, nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao vậy? Vì sắc thật không phải ngã. Nếu sắc là ngã, lẽ ra không có những hình mạo thô xấu [không ai mong muốn]! Vì sao lại có bốn dòng tộc khác nhau mà không duy nhất chỉ một dòng Bà-la-môn? Vì sao phải phụ thuộc vào những điều kiện khác mà không được như ý muốn, như người các căn khiếm khuyết, sanh ra đã không đầy đủ? Vì sao không tạo ra thân chư thiên [tốt đẹp] mà phải nhận chịu những thân địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ đủ loại? Nếu không thể tùy ý làm

ra, nên biết chắc chắn là vì không có ngã. Vì không có ngã nên gọi là vô thường. Vì vô thường nên khổ. Vì khổ nên là không [thật]. Vì không [thật] nên là điên đảo. Do điên đảo mà tất cả chúng sanh đều phải trôi lăn trong sanh tử. [Các ấm] thọ, tưởng, hành, thức cũng [giống như sắc] vậy.

“Này các ông! Đấng Như Lai Thế Tôn đã dứt trừ mãi mãi sự trói buộc của sắc cho đến sự trói buộc của thức.<sup>(7)</sup> Vì thế nên xưng là thường, lạc, ngã, tịnh.

“Lại nữa, sắc tức là nhân duyên. Nếu là nhân duyên thì gọi là vô ngã. Nếu là vô ngã thì là khổ, là không [thật]. Thân Như Lai không phải nhân duyên. Vì không phải nhân duyên nên gọi là có ngã. Nếu có ngã tức là thường, lạc, ngã, tịnh.’

“Bọn sáu thầy ngoại đạo lại nói: ‘Cồ-đàm! Sắc cũng không phải ngã, cho đến thức cũng không phải ngã; cái ngã đó biến hiện khắp mọi nơi, cũng như hư không.’

“Phật dạy: ‘Nếu có sự biến hiện, ắt không thể nói rằng: Trước đây tôi không thấy. Nếu trước đây không thấy, nên biết rằng cái thấy ấy là trước không mà sau mới có. Nếu trước là không sau mới có thì gọi là vô thường. Nếu là vô thường, làm sao nói là biến hiện? Nếu có sự biến hiện, thì trong năm nẻo lẽ ra đều có [hiện] đủ các thân. Nếu có [nhiều] thân [như vậy], lẽ ra mỗi thân đều thọ quả báo. Nếu mỗi thân đều thọ quả báo, làm sao nói rằng [có sự] chuyển sanh [thọ thân] ở hai cõi trời, người?’

“Các ông nói biến hiện, vậy đó là một hay là nhiều? Nếu ngã là một, ắt sẽ không có [phân ra] cha, con, kẻ oán, người thân, hoặc chẳng oán chẳng thân. Nếu ngã là nhiều thì năm căn của tất cả chúng sanh lẽ ra phải

bình đẳng như nhau; nghiệp báo, trí tuệ cũng giống như nhau. Nếu là như vậy, sao nói rằng có người các căn đầy đủ, có người không đầy đủ; có nghiệp lành, nghiệp dữ; có kẻ ngu, người trí khác nhau?”

“Bọn sáu thầy ngoại đạo lại nói: ‘Cồ-đàm! Cái ngã của chúng sanh là [cùng khắp] không có giới hạn, nhưng pháp và phi pháp thì có sự phân chia rõ ràng. Chúng sanh tu tập theo pháp ắt được thân tốt đẹp, nếu làm những việc phi pháp thì phải chịu thân xấu xí. Vì nghĩa ấy, nghiệp quả của chúng sanh không thể không sai khác.’

“Phật dạy: ‘Này các ông! Nếu pháp và phi pháp là như vậy thì cái ngã không có sự biến hiện [như các ông nói]. Nếu cái ngã có biến hiện, ắt phải đến được khắp mọi nơi. Nếu nó đến khắp mọi nơi, thì người tu thiện lẽ ra cũng có ác, kẻ làm ác lẽ ra cũng có thiện! Nếu không phải như thế, sao gọi là biến hiện?’

“Sáu thầy ngoại đạo lại biện bạch: ‘Cồ-đàm! Ví như thấp lên trăm ngàn ngọn đèn trong một căn phòng, đèn này chiếu sáng không làm ngăn ngại đèn khác. Cái ngã của chúng sanh cũng giống như vậy, việc tu thiện và làm ác không lẫn lộn nhau.’

“Phật dạy: ‘Thiện nam tử! Nếu các ông nói rằng cái ngã như ngọn đèn, nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Ánh sáng của ngọn đèn là do duyên mà có, đèn càng lớn thì ánh sáng càng mạnh. Cái ngã của chúng sanh không phải vậy. Ánh sáng từ ngọn đèn phát ra, trụ ở nơi khác. Cái ngã của chúng sanh không giống như thế, [không phải] từ thân mà ra, trụ ở nơi khác. Ánh sáng của ngọn đèn kia vốn cùng tồn tại với bóng tối. Vì sao vậy? Như trong căn phòng tối, thấp lên một ngọn đèn thì không đủ sáng rõ. Đến khi thấp lên nhiều ngọn đèn



thì mới sáng rõ. Nếu ngọn đèn đầu tiên đã phá trừ bóng tối thì không cần đến những ngọn đèn sau. Nếu đã cần đến những ngọn đèn sau, thì nên biết rằng ánh sáng ban đầu vẫn cùng tồn tại với bóng tối.’

“Bọn sáu thầy ngoại đạo lại nói: ‘Cồ-đàm! Nếu không có ngã thì ai là người làm thiện, làm ác?’

“Phật dạy: ‘Nếu là cái ngã làm, sao gọi là thường? Nếu ngã là thường, sao có thể khi làm thiện, khi làm ác? Nếu nói rằng có khi làm thiện, có khi làm ác, sao có thể nói rằng ngã là [cùng khắp] không có giới hạn? Nếu là cái ngã làm, vì sao lại có sự quen làm ác? Nếu cái ngã có làm, có biết, sao lại sanh lòng nghi rằng chúng sanh không có ngã? Vì nghĩa ấy, trong pháp ngoại đạo [của các ông] chắc chắn không có ngã.’

“Nếu nói có ngã, ắt ngã đó phải là Như Lai. Vì sao vậy? Vì thân [Như Lai] là [cùng khắp] không có giới hạn; vì không còn có những sự nghi ngờ. Vì [Như Lai] không tạo tác, không thọ nhận nên gọi là thường. Vì [Như Lai] không sanh không diệt nên gọi là lạc. Vì [Như Lai] không có phiền não nhiễm ô nên gọi là tịnh. Vì [Như Lai] không có mười tướng<sup>(8)</sup> nên gọi là không. Vì thế, Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh, là rỗng không, không có các hình tướng.’

“Các thầy ngoại đạo thưa rằng: ‘Nếu nói Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh, vì không có tướng nên rỗng không, thì nên biết rằng giáo pháp mà Cồ-đàm thuyết dạy chẳng phải là [hoàn toàn chấp lấy] không. Nay chúng tôi xin cung kính thọ nhận và hành trì.’

“Bấy giờ, có vô số ngoại đạo phát khởi lòng tin đối với pháp Phật, xuất gia theo Phật.

“Thiện nam tử! Vì nhân duyên ấy nên nay ta ở giữa rừng cây sa-la mọc sóng đôi này [thuyết giảng giáo pháp rên vang như tiếng] sư tử rống. Thuyết pháp [như tiếng sư tử rống], đó gọi là Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Những cây sóng đôi ở phương đông là phá sự vô thường mà được thường... cho đến những cây sóng đôi ở phương bắc là phá sự bất tịnh mà được tịnh.<sup>(9)</sup>

“Thiện nam tử! Những chúng sanh nơi đây vì các cây sa-la mọc sóng đôi mà gìn giữ bảo vệ rừng sa-la, không để cho người ngoài đến lấy đi cành lá hay chặt phá. Ta cũng vì bốn pháp mà khiến cho các đệ tử hộ trì pháp Phật. Những pháp nào là bốn? Đó là thường, lạc, ngã, tịnh. Những cây sóng đôi ở bốn phương đó do bốn vua gìn giữ. Ta vì bốn vua ấy hộ trì Chánh pháp nên ở trong rừng này mà nhập Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Những cây sa-la mọc sóng đôi này thường có hoa quả sum sê, làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh. Ta cũng như vậy, thường làm lợi ích cho hàng Thanh văn, Duyên giác. Hoa là ví với ngã, quả là ví với lạc. Vì nghĩa ấy nên ta ở tại nơi đây, giữa những cây sa-la mọc sóng đôi mà nhập Chánh định Đại tịch. Chánh định Đại tịch gọi là Đại Niết-bàn.”

Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch Phật: “Thế Tôn! Vì sao Như Lai nhập Niết-bàn vào tháng hai?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tháng hai nhằm mùa xuân. Những tháng trong tiết dương xuân, muôn vật đều sanh trưởng, cây trồng bén rễ, hoa quả phô bày tươi tốt, sông ngòi tràn đầy, trăm loài thú đua nhau sanh nở. Lúc này, có nhiều chúng sanh khởi lên tư tưởng [cho rằng các pháp là] thường tồn. Vì muốn phá cái tâm [chấp]

thường ấy của chúng sanh nên phải dạy rằng ‘tất cả các pháp đều là vô thường’, chỉ riêng nói Như Lai là thường trụ, không biến đổi.

“Thiện nam tử! So với các mùa khác trong năm, vào đầu mùa đông [thời tiết] đã khô khan, suy kiệt, mọi người không ai ưa thích; còn tiết xuân thì ấm áp ôn hòa, mát mẻ, ai ai cũng ham muốn, ưa thích. Vì muốn phá cái vui [tạm bợ] của thế gian nên phải giảng thuyết những lẽ thường, lạc.

“Đối với các lẽ ngã, tịnh cũng vậy. Như Lai vì muốn phá cái ngã [giả tạm] của thế gian, cái tịnh [giả tạm] của thế gian, nên mới giảng thuyết rằng Như Lai là ngã chân thật, là tịnh chân thật.

“Nói tháng hai là ví như hai loại Pháp thân của Như Lai.<sup>(10)</sup> Mùa đông chẳng ai ưa thích là ví với hàng trí giả không ưa thích việc Như Lai vô thường, nhập Niết-bàn. Tháng hai ai cũng ưa thích là ví với hàng trí giả ưa thích việc Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh. Trồng cây [bén rễ] là ví với chúng sanh nghe Chánh pháp [sanh lòng] hoan hỷ, bèn phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, trồng các căn lành. Sông ngòi [tràn đầy] là ví với chư Đại Bồ Tát Mười phương đều tụ hội về chỗ Như Lai, thừa hỏi và thọ nhận kinh điển Đại Niết-bàn này. Trăm loài thú đua nhau sanh nở là ví với các đệ tử Phật sanh khởi các căn lành. Hoa là ví với Bảy giác chi, quả là ví với Bốn thánh quả.

“Vì những nghĩa ấy nên ta nhập Đại Niết-bàn vào tháng hai.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Các ngày đản sanh, xuất gia, thành đạo, chuyển Pháp luân của Như Lai

đều là mồng tám, vì sao khi nhập Niết-bàn lại duy nhất chọn vào ngày rằm?”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Vào ngày rằm, mặt trăng tròn đầy không khuyết. Chư Phật Như Lai cũng vậy, lúc vào Niết-bàn là tròn đầy không khuyết. Vì nghĩa ấy nên Phật chọn ngày rằm mà nhập Niết-bàn rất ráo.

“Thiện nam tử! Mặt trăng tròn sáng vào đêm rằm có mười một công năng. Những gì là mười một? Một là có thể phá trừ bóng tối; hai là giúp chúng sanh nhận ra đường đi; ba là giúp chúng sanh phân biệt đường đi đúng, sai; bốn là trừ được sự nóng bức, mang lại sự mát mẻ vui thích; năm là có thể phá trừ lòng cao ngạo của lửa đom đóm; sáu là ngăn chặn mọi ý tưởng trộm cướp; bảy là giúp chúng sanh không còn lo sợ thú dữ; tám là giúp cho hoa ưu-bát-la nở; chín là khiến cho hoa sen khép lại; mười là gây sự phấn khởi trong lòng người đi đường, khiến họ mạnh mẽ dấn bước đi tới; mười một là khiến cho những chúng sanh ưa thích năm dục được nhiều khoái lạc.

“Thiện nam tử! Vầng trăng tròn Như Lai cũng giống như vậy, [cũng có mười một công năng]. Một là phá trừ bóng tối vô minh tràn khắp; hai là diễn thuyết [phân biệt] chánh đạo, tà đạo; ba là khai mở chỉ bày rằng sanh tử là hiểm ác, tà vạy, Niết-bàn là an bình, chánh trực; bốn là khiến người lìa xa sự nóng bức của tham dục, sân khuể, ngu si; năm là phá tan ánh sáng [le lối] của ngoại đạo; sáu là phá trừ giặc phiền não trói buộc; bảy là trừ diệt lòng sợ sệt đối với năm sự ngăn che [trong tu tập]; tám là làm hiển lộ tâm muốn gieo trồng căn lành của chúng sanh; chín là che lấp ngăn chặn tâm [ham mê]

năm dục của chúng sanh; mười là làm sanh khởi hạnh tu tiến của chúng sanh hướng về Đại Niết-bàn; mười một là khiến các chúng sanh ưa thích sự tu tập giải thoát.

“Vì những nghĩa ấy nên ta [thị hiện] nhập Đại Niết-bàn vào ngày rằm, nhưng thật ra ta không hề nhập Niết-bàn.

“Trong những đệ tử của ta, chỉ những kẻ xấu ác ngu si mới nói chắc rằng Như Lai đã nhập Niết-bàn. Ví như một người mẹ có nhiều con, bỏ đi đến một nước khác. Trong thời gian người mẹ chưa trở về, những đứa con đều nói rằng: ‘Mẹ tôi đã chết.’ Nhưng thật ra người mẹ ấy không hề chết!”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Những tỳ-kheo nào có thể làm trang nghiêm rừng sa-la mọc đôi này?”

“Thiện nam tử! Nếu tỳ-kheo nào thọ trì, đọc tụng Mười hai bộ kinh, sửa đúng câu văn, thông đạt nghĩa lý sâu xa; vì người khác mà giảng giải phân đầu, phần giữa và phần cuối đều là tốt lành; vì muốn làm lợi ích vô lượng chúng sanh nên diễn thuyết hạnh thanh tịnh; vì tỳ-kheo như vậy ắt có thể làm trang nghiêm rừng sa-la mọc đôi này.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Theo như chỗ con hiểu lời Phật dạy thì tỳ-kheo A-nan chính là người ấy. Vì sao vậy? Vì tỳ-kheo A-nan thọ trì, đọc tụng Mười hai bộ kinh, vì người khác mở bày giảng thuyết, lời chân chánh, nghĩa chân chánh. Giống như việc rót nước [từ bình này] sang bình khác, tỳ-kheo A-nan theo Phật nghe [Chánh pháp] rồi y theo chỗ được nghe mà thuyết giảng lại [đầy đủ với mọi người khác].”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu có tỳ-kheo nào được thiên nhân trong sạch, thấy khắp Tam thiên Đại thiên thế giới trong mười phương như người ta nhìn trái a-ma-lặc đặt trong lòng bàn tay; vị tỳ-kheo như vậy cũng có thể làm trang nghiêm rừng sa-la mọc đôi này.”

Bồ Tát Sư Tử Hống thưa: “Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì tỳ-kheo A-na-luật<sup>(11)</sup> chính là người ấy. Vì sao vậy? Vì A-na-luật chứng đắc thiên nhân, nhìn thấy mọi sự vật trong khắp Tam thiên Đại thiên thế giới, cho tới trong cõi trung âm, một cách rõ ràng không gì chướng ngại.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu có tỳ-kheo nào ít ham muốn, tự biết đủ, ưa thích sự vắng lặng an tĩnh, siêng năng tu hành các pháp tinh tấn, niệm, định, trí tuệ, giải thoát; vị tỳ-kheo như vậy ắt có thể trang nghiêm rừng sa-la mọc đôi này.

Bồ Tát Sư Tử Hống thưa: “Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì tỳ-kheo Ca-diếp<sup>(12)</sup> chính là người ấy. Vì sao vậy? Vì tỳ-kheo Ca-diếp khéo tu các pháp ít ham muốn, tự biết đủ... [đủ các pháp như Phật vừa kể trên].”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu có tỳ-kheo nào vì việc ích lợi cho chúng sanh, không vì lợi dưỡng riêng, tu tập thông đạt pháp tam-muội Vô tranh, Thánh hạnh, Không hạnh; vị tỳ-kheo như vậy ắt có thể trang nghiêm rừng sa-la mọc đôi này.”

Bồ Tát Sư Tử Hống thưa: “Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì tỳ-kheo Tu-bồ-đề chính là người ấy. Vì sao vậy? Vì Tu-bồ-đề khéo tu phép Vô tranh, Thánh hạnh, Không hạnh.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu có tỳ-kheo nào khéo tu thần thông, trong khoảng một niệm tưởng có thể thực hiện mọi sự biến hóa thần thông, dùng một tâm an định

mà tạo ra hai kết quả [đối nghịch] như là: nước, lửa... vị tỳ-kheo như vậy ắt có thể trang nghiêm rừng sa-la mọc sóng đôi này.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch rằng: “Thế Tôn! Nếu như vậy thì tỳ-kheo Mục-kiền-liên chính là người ấy. Vì sao vậy? Vì Mục-kiền-liên khéo tu thần thông, biến hóa vô lượng.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu có tỳ-kheo nào tu tập các pháp trí tuệ được trí lớn lao, trí sắc bén, trí nhanh nhạy, trí giải thoát, trí sâu xa, trí rộng lớn, trí không giới hạn, trí không ai vượt qua, trí chân thật; thành tựu đầy đủ căn bản trí tuệ như vậy; lòng không phân biệt kẻ oán với người thân; nếu nghe nói Như Lai là vô thường, nhập Niết-bàn, lòng không lo buồn; nếu nghe nói Như Lai là thường trụ, chẳng nhập Niết-bàn, lòng cũng không vui thích; vị tỳ-kheo như vậy ắt có thể trang nghiêm rừng sa-la mọc sóng đôi này.”

Bồ Tát Sư Tử Hống thưa: “Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì tỳ-kheo Xá-lợi-phất chính là người ấy. Vì sao vậy? Vì Xá-lợi-phất khéo thành tựu đầy đủ trí tuệ như vậy.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu có tỳ-kheo nào có thể giảng thuyết rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, tỳ-kheo ấy được thân kim cang, không có giới hạn, thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm không ngăn ngại, đạt được tám đức tự tại;<sup>(13)</sup> vị tỳ-kheo như vậy ắt có thể trang nghiêm rừng sa-la mọc sóng đôi này.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch rằng: “Thế Tôn! Nếu như vậy thì duy nhất chỉ có Như Lai là người như vậy mà thôi. Vì sao vậy? Vì thân Như Lai là kim cang, là không giới hạn, là thường, lạc, ngã, tịnh, là thân tâm không ngăn ngại, mới có đủ tám đức tự tại.

“Bạch Thế Tôn! Chỉ riêng Như Lai mới có thể trang nghiêm rừng sa-la mọc sóng đôi này mà thôi! Nếu không có Như Lai, ắt [nơi này] chẳng được đoan nghiêm. Xin nguyện đức Như Lai mở lòng đại từ bi, vì sự trang nghiêm như vậy mà thường trụ ở rừng sa-la này.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Bản tánh của tất cả các pháp là trụ ở nơi không có chỗ trụ, vì sao ông lại nói lời nguyện xin Như Lai trụ [ở rừng sa-la này]?”

“Thiện nam tử! Nếu nói trụ thì đó là pháp thuộc về sắc. Do nhân duyên sanh nên mới gọi là trụ. Vì nhân duyên không có xứ sở [nhất định] nên gọi là không có chỗ trụ. Như Lai đã đoan tuyệt tất cả sự trói buộc của sắc, vì sao lại nói Như Lai [có chỗ] trụ? Đối với các ấm thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

“Thiện nam tử! Trụ tức là kiêu mạn; vì kiêu mạn nên không được giải thoát. Vì không được giải thoát nên gọi là trụ. [Thử suy xét xem] ai là người có sự kiêu mạn đó? Từ nơi đâu mà đến? [Khi ấy sẽ thấy là thật không có người kiêu mạn, cũng không từ đâu mà đến cả], nên [bản tánh của tất cả các pháp] gọi là trụ ở nơi không có chỗ trụ. Như Lai đã dứt hẳn tất cả những sự kiêu mạn, vì sao ông lại nói lời nguyện xin Như Lai trụ [ở rừng sa-la này]?”

“Trụ tức là pháp hữu vi. Như Lai đã dứt hẳn các pháp hữu vi, cho nên ngài không có chỗ trụ.

“Trụ tức là pháp không [thật]. Như Lai đã dứt hẳn pháp không [thật] này nên đạt được thường, lạc, ngã, tịnh, vì sao ông lại nói lời nguyện xin Như Lai trụ [ở rừng sa-la này]?”

“Trụ tức là hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Như Lai đã dứt hẳn hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu, vì sao ông lại nói lời nguyện xin Như Lai trụ [ở rừng sa-la này]?”

“Trụ tức là tất cả phàm phu. Các bậc thánh là không đi, không đến, không trụ. Như Lai đã dứt hết các tướng đi, tướng đến, tướng trụ, vì sao ông lại nói lời nguyện xin Như Lai trụ [ở rừng sa-la này]?”

“Nói không có chỗ trụ đó là thân không có giới hạn. Thân Như Lai là không có giới hạn, vì sao ông lại nói lời nguyện xin Như Lai trụ lại nơi rừng sa-la này? Nếu ta trụ ở rừng này, tức là có giới hạn. Nếu thân [Như Lai] là có giới hạn, ắt đó là vô thường. [Nhưng] Như Lai là thường làm sao có thể nói là trụ?”

“Nói không có chỗ trụ tức là hư không. Tánh Như Lai đồng với hư không, làm sao có thể nói là trụ?”

“Lại nữa, không có chỗ trụ tức là phép tam-muội Kim cang. Phép tam-muội Kim cang phá trừ tất cả mọi sự vướng chấp, bám trụ. Tam-muội Kim cang tức là Như Lai, làm sao có thể nói là trụ?”

“Lại nữa, không có chỗ trụ tức là huyễn ảo. Như Lai đồng với huyễn ảo, làm sao có thể nói là trụ?”

“Lại nữa, không có chỗ trụ tức là cảnh giới của các pháp không có giới hạn. Cảnh giới của các pháp không có giới hạn tức là Như Lai, làm sao có thể nói là trụ?”

“Lại nữa, không có chỗ trụ tức là tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Phép tam-muội này là rõ biết tất cả các pháp mà không có chỗ vướng mắc, bám chấp. Vì không vướng mắc nên gọi là Thủ-lăng-nghiêm. Như Lai đạt được trọn vẹn phép tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, làm sao có thể nói là trụ?”

“Lại nữa, không có chỗ trụ tức là trí lực phân biệt như thật.<sup>(14)</sup> Như Lai thành tựu trí lực phân biệt như thật, làm sao có thể nói là trụ?”

“Lại nữa, không có chỗ trụ tức là Bồ thí Ba-la-mật. [Đối với] Bồ thí Ba-la-mật nếu có sự vướng trụ lại thì không thể [tiếp tục tu tập] đến Trì giới Ba-la-mật, cho đến Trí tuệ Ba-la-mật. Vì nghĩa ấy nên Bồ thí Ba-la-mật gọi là không có chỗ trụ. Như Lai thậm chí còn không trụ nơi Bát-nhã Ba-la-mật, vì sao ông lại nói lời nguyện xin Như Lai trụ lại nơi rừng sa-la?”

“Lại nữa, không có chỗ trụ tức là tu tập Bốn niệm xứ. Nếu Như Lai chấp trụ nơi Bốn niệm xứ, ắt không thể đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đó gọi là trụ ở nơi không có chỗ trụ.”

“Lại nữa, không có chỗ trụ tức là cảnh giới không giới hạn của chúng sanh. Như Lai đã thấu tận cảnh giới không giới hạn của tất cả chúng sanh nhưng không có chỗ trụ.”

“Lại nữa, không có chỗ trụ tức là không nơi trú ngụ. Không nơi trú ngụ gọi là không hiện hữu. Không hiện hữu gọi là không sanh ra. Không sanh ra gọi là không chết đi. Không chết đi gọi là không hình tướng. Không hình tướng gọi là không trói buộc. Không trói buộc gọi là không vướng mắc. Không vướng mắc gọi là không phiền não. Không phiền não tức là hiền thiện. Hiền thiện tức là vô vi. Vô vi tức là Đại Niết-bàn. Đại Niết-bàn tức là thường. Thường tức là ngã. Ngã tức là tịnh. Tịnh tức là lạc. Thường, lạc, ngã, tịnh tức là Như Lai.”

“Thiện nam tử! Ví như hư không chẳng trụ ở phương đông, phương nam, phương tây, phương bắc, bốn phương phụ hay phương trên, phương dưới. Như Lai cũng thế, ngài chẳng trụ ở phương đông, phương nam, phương tây, phương bắc, bốn phương phụ hay phương trên, phương dưới.”

“Thiện nam tử! Nếu như nói rằng việc ác tạo bởi thân, miệng, ý mang đến quả báo lành, thật không có lý. [Hoặc nói rằng] việc lành tạo bởi thân, miệng, ý phải chịu quả báo xấu ác, cũng không có lý.

“Nếu nói rằng phàm phu thấy được tánh Phật, hàng Bồ Tát Thập trụ không thấy được, cũng không có lý. [Hoặc nói rằng] những kẻ nhất-xiển-đề, phạm năm tội nghịch, phỉ báng kinh Phương đẳng, phá Bốn giới cấm nặng mà đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, cũng không có lý. [Hoặc nói rằng] Bồ Tát trụ ở sáu địa vị đầu tiên do nhân duyên phiền não mà phải đọa vào ba đường ác, cũng không có lý. [Hoặc nói rằng] Bồ Tát Ma-ha-tát dùng thân nữ thật sự mà đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, cũng không có lý. [Hoặc nói rằng] hạng nhất-xiển-đề là thường, Tam bảo là vô thường, cũng không có lý. [Hoặc nói rằng] Như Lai trụ nơi thành Câu-thi-na, cũng không có lý.

“Thiện nam tử! Nay Như Lai ở tại thành Câu-thi-na này, nhập Đại Tam-muội, là hàng thiên định sâu thẳm, vì mọi người không nhìn thấy được nên gọi là nhập Niết-bàn.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Vì sao Như Lai lại vào hàng thiên định [sâu thẳm]?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đó là vì ta muốn độ thoát các chúng sanh; vì để làm cho những người chưa gieo trồng căn lành sẽ gieo trồng; vì để làm cho những người đã gieo trồng căn lành sẽ được tăng trưởng; vì để làm cho những người có quả lành chưa chín muồi sẽ được chín muồi; vì để giảng thuyết cho những người mà quả lành đã chín muồi sẽ hướng đến A-nậu-đa-la Tam-miệu

Tam-bồ-đề; vì để làm cho những kẻ khinh rẻ pháp lành sẽ sanh lòng tôn trọng; vì để làm cho những kẻ buông thả, lười nhác sẽ lìa bỏ thói xấu buông thả, lười nhác; vì cùng với các ông như Văn-thù-sư-lợi và hàng Đại Bồ Tát luận bàn nghĩa lý; vì muốn giáo hóa những người ưa thích tụng đọc [kinh điển], ưa thích thiên định; vì dùng Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh để giáo hóa chúng sanh; vì quán xét các giáo pháp sâu xa không cùng chung [với hàng Nhị thừa]; vì muốn quở trách những đệ tử buông thả, lười nhác rằng: ‘Như Lai là bậc thường tĩnh lặng còn ưa thích nhập định, hướng chi bọn các ông chưa dứt hết phiền não lại sanh ra buông thả, lười nhác hay sao?’; vì muốn quở trách những tỳ-kheo xấu ác thu nhận và chất chứa tám thứ đồ vật không trong sạch, cùng những kẻ không biết giảm sự tham muốn, không tự biết đủ; vì làm cho chúng sanh tôn trọng pháp thiên định đã được nghe.

“Vì [tất cả] các nhân duyên như vậy mà [hôm nay] Như Lai vào hàng thiên định [sâu thẳm].”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch: “Thế Tôn! Phép định không hình tướng gọi là Đại Niết-bàn. Do đó Niết-bàn gọi là không có tướng. Vì nhân duyên gì gọi là không có tướng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì [Niết-bàn] không có mười tướng. Những gì là mười tướng? Một là tướng hình sắc, hai là tướng âm thanh, ba là tướng mùi hương, bốn là tướng vị nếm, năm là tướng xúc chạm, sáu là tướng sanh ra, bảy là tướng trụ lại, tám là tướng hư hoại, chín là tướng nam, mười là tướng nữ. Đó gọi là mười tướng. Vì không có những tướng ấy nên gọi là không có tướng.

“Thiện nam tử! Nếu vướng mắc nơi tướng ắt có thể sanh ra si mê; vì si mê nên sanh tham ái; vì tham ái nên bị trói buộc; vì chịu trói buộc nên phải thọ sanh; vì thọ sanh nên có sự chết; vì có sự chết nên là vô thường.

“Nếu không vướng mắc nơi các tướng ắt không sanh ra si mê. Vì không sanh ra si mê nên không có tham ái. Vì không có tham ái nên không bị trói buộc. Vì không bị trói buộc nên không phải thọ sanh. Vì không thọ sanh nên không có sự chết. Vì không có sự chết nên gọi là thường. Vì nghĩa ấy nên Niết-bàn là thường.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Những tỳ-kheo nào dứt trừ được mười tướng ấy?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu có tỳ-kheo nào thường tu tập ba loại tướng [sau đây] ắt sẽ dứt trừ được mười tướng đó. Một là thường tu tập tướng định, hai là thường tu tập tướng trí tuệ, ba là thường tu tập tướng buông xả. Đó gọi là ba loại tướng [có thể dứt trừ mười tướng kia].”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch: “Thế Tôn! Vì sao gọi là các tướng định, trí tuệ, buông xả? Định tức là tam-muội. Tất cả chúng sanh đều có tam-muội, vì sao còn nói rằng tu tập tam-muội? Nếu chú tâm vào một cảnh duy nhất thì gọi là định, hay tam-muội. Nếu còn duyên theo những cảnh khác thì không gọi là tam-muội. Nếu không có định thì không phải bậc nhất thiết trí. Không phải bậc nhất thiết trí làm sao gọi là định? Nếu chỉ dùng một công hạnh mà được tam-muội thì mọi công hạnh khác đều chẳng phải tam-muội! Nếu không phải tam-muội ắt không phải là nhất thiết trí. Nếu không phải nhất thiết trí, vì sao lại gọi là tam-muội? Đối với hai tướng trí tuệ và buông xả cũng đều như vậy.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như lời ông vừa nói: ‘Duyên với một cảnh gọi là tam-muội, còn duyên với những cảnh khác nữa thì không gọi là tam-muội.’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? [Nói] các duyên khác đó cũng chỉ là một cảnh mà thôi. Về các công hạnh [khác nhau] cũng vậy.

“Ông lại nói rằng: ‘Chúng sanh vốn có tam-muội từ trước, không cần tu tập. Nghĩa ấy cũng không đúng, Vì sao vậy? Nói tam-muội đây tức là phép tam-muội hiền thiện, thật ra tất cả chúng sanh đều chưa có! Vậy sao có thể nói rằng không cần tu tập?’

“Trụ yên trong phép tam-muội hiền thiện ấy mà quán xét tất cả các pháp, đó gọi là tướng trí tuệ hiền thiện. Không thấy có hai tướng tam-muội và trí tuệ khác nhau, đó gọi là tướng buông xả.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nếu chấp giữ tướng của sắc thì không thể quán các tướng thường và vô thường của sắc, đó gọi là tam-muội. Nếu có thể quán các tướng thường và vô thường của sắc, đó gọi là tướng trí tuệ. Dùng tam-muội và trí tuệ tương đương nhau mà quán tất cả các pháp, đó gọi là tướng buông xả.

“Thiện nam tử! Như người khéo cầm cương cỗ xe bốn ngựa, chạy nhanh hay chậm đều được cả. Vì chạy nhanh hay chậm đều được cả nên gọi là không vướng mắc. Bồ Tát cũng vậy; nếu phần tam-muội [hay định] nhiều hơn liền tu tập trí tuệ; nếu phần trí tuệ nhiều hơn liền tu tập định. Định và tuệ tương đương nhau gọi là buông xả.

“Thiện nam tử! Hàng Bồ Tát Thập trụ vì sức tuệ vượt hơn sức định nên không thấy rõ tánh Phật. Hàng Thanh văn và Duyên giác vì sức định vượt hơn sức tuệ nên không thấy tánh Phật. Chư Phật Thế Tôn do định

và tuệ tương đương nhau nên thấy được tánh Phật một cách rõ ràng, không ngăn ngại, như nhìn trái am-ma-lặc trong lòng bàn tay. Thấy rõ được tánh Phật, đó gọi là tướng buông xả.

“[Tam-muội còn gọi là] xa-ma-tha,<sup>(15)</sup> nghĩa là có năng lực trừ diệt, vì trừ diệt được tất cả phiền não trói buộc. Lại nữa, xa-ma-tha nghĩa là có năng lực điều phục, vì điều phục được các căn bất thiện. Xa-ma-tha lại có nghĩa là vắng lặng yên tĩnh, vì có thể làm cho ba nghiệp đều vắng lặng yên tĩnh. Xa-ma-tha lại có nghĩa là xa lìa, vì có thể khiến chúng sanh xa lìa năm dục. Xa-ma-tha lại có nghĩa là có năng lực làm trong sạch, vì có thể làm cho ba pháp uế trước là tham dục, sân khuể và ngu si trở nên trong sạch. Vì những nghĩa ấy nên gọi đây là tướng định.

“[Trí tuệ còn gọi là] tỳ-bà-xá-na,<sup>(16)</sup> nghĩa là thấy biết chân chánh, cũng gọi là thấy biết trọn vẹn rõ ràng, hoặc có năng lực thấy biết, hoặc thấy biết khắp nơi, hoặc tuần tự thấy biết, hoặc thấy biết phân biệt các tướng riêng biệt [của các pháp]. Đó gọi là trí tuệ.

“[Buông xả còn gọi là] ưu-tất-xoa,<sup>(17)</sup> nghĩa là bình đẳng, cũng gọi là không tranh giành, cũng gọi là không quán xét, cũng gọi là không hành trì. Đó gọi là buông xả.

“Thiện nam tử! Có hai loại xa-ma-tha, một là trong vòng thế gian, hai là ra khỏi thế gian. Lại có hai loại [xa-ma-tha], một là thành tựu, hai là không thành tựu. Thành tựu là nói chư Phật, Bồ Tát; không thành tựu là nói hàng Thanh văn, Phật Bích-chi.

“Lại có ba mức độ [xa-ma-tha] là mức độ thấp, mức độ trung bình và mức độ cao. Mức độ thấp là nói hạng

phàm phu; mức độ vừa là nói hàng Thanh văn, Duyên giác; mức độ cao là nói chư Phật, Bồ Tát.

“Lại có bốn loại [xa-ma-tha]. Một là thối lui, hai là trụ vững, ba là tiến tới, bốn là có thể làm lợi ích lớn.

“Lại có năm loại [xa-ma-tha] gọi là Ngũ trí tam-muội. Những gì là năm? Một là tam-muội Vô thực,<sup>(18)</sup> hai là tam-muội Vô quá,<sup>(19)</sup> ba là tam-muội Thân ý thanh tịnh nhất tâm,<sup>(20)</sup> bốn là tam-muội Nhân quả câu lạc,<sup>(21)</sup> năm là tam-muội Thường niệm.<sup>(22)</sup>

“Lại có sáu loại [xa-ma-tha]. Một là phép tam-muội quán xương trắng, hai là phép tam-muội quán tâm từ, ba là phép tam-muội quán Mười hai nhân duyên, bốn là phép tam-muội quán số tức, đếm hơi thở vào ra, năm là phép tam-muội chánh niệm giác quán, sáu là phép tam-muội quán [các pháp] sanh ra, tồn tại, biến đổi và diệt mất.

“Lại có bảy loại [xa-ma-tha], tức là Bảy giác phần. Một là Niệm xứ giác phần, hai là Trạch pháp giác phần, ba là Tinh tấn giác phần, bốn là Hỷ giác phần, năm là Trừ giác phần, sáu là Định giác phần, bảy là Xả giác phần.

“Lại có bảy loại [xa-ma-tha]. Một là tam-muội [của hàng] Tu-đà-hoàn, hai là tam-muội [của hàng] Tư-đà-hàm, ba là tam-muội [của hàng] A-na-hàm, bốn là tam-muội [của hàng] A-la-hán, năm là tam-muội [của các vị] Phật Bích-chi, sáu là tam-muội [của các vị] Bồ Tát, bảy là tam-muội rõ biết của Như Lai.

“Lại có tám loại [xa-ma-tha], tức là tám phép tam-muội giải thoát.

“Một là phép tam-muội bên trong có tướng hình sắc, bên ngoài quán hình sắc mà đạt được giải thoát.<sup>(23)</sup>



“Hai là phép tam-muội bên trong không có tướng hình sắc, bên ngoài quán hình sắc mà đạt được giải thoát.<sup>(24)</sup>

“Ba là phép tam-muội tự mình chứng đắc cảnh giới thanh tịnh mà đạt được giải thoát.<sup>(25)</sup>

“Bốn là phép tam-muội chứng đắc cảnh giới rộng không vô biên mà đạt được giải thoát.<sup>(26)</sup>

“Năm là phép tam-muội chứng đắc cảnh giới của thức mà đạt được giải thoát.<sup>(27)</sup>

“Sáu là phép tam-muội chứng đắc cảnh giới không có sự hiện hữu mà đạt được giải thoát.<sup>(28)</sup>

“Bảy là phép tam-muội chứng đắc cảnh giới không thuộc về có tư tưởng hay không có tư tưởng mà đạt được giải thoát.<sup>(29)</sup>

“Tám là phép tam-muội chứng đắc cảnh giới hoàn toàn tịch diệt mà đạt được giải thoát.<sup>(30)</sup>

“Lại có chín loại [xa-ma-tha], đó là chín phép định tuân tự đạt được, gồm có Bốn mức thiền [từ Sơ thiền đến Tứ thiền], Bốn không xứ [gồm Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ] và phép tam-muội Diệt tận định.

“Lại có mười loại [xa-ma-tha] gọi là Mười tam-muội nhất thiết xứ.

“Những gì là mười? Một là tam-muội Địa nhất thiết xứ,<sup>(31)</sup> hai là tam-muội Thủy nhất thiết xứ,<sup>(32)</sup> ba là tam-muội Phong nhất thiết xứ,<sup>(33)</sup> bốn là tam-muội Thanh nhất thiết xứ,<sup>(34)</sup> năm là tam-muội Hoàng nhất thiết xứ,<sup>(35)</sup> sáu là tam-muội Xích nhất thiết xứ,<sup>(36)</sup> bảy là tam-muội Bạch nhất thiết xứ,<sup>(37)</sup> tám là tam-muội Không nhất thiết xứ,<sup>(38)</sup> chín là tam-muội Thức nhất thiết xứ,<sup>(39)</sup> mười là tam-muội Vô sở hữu nhất thiết xứ.<sup>(40)</sup>

“Lại có nhiều vô số các loại [xa-ma-tha], đó là nói [các phép tam-muội] của chư Phật, Bồ Tát.

“Thiện nam tử! Đó gọi là tướng định.

“Thiện nam tử! Có hai loại trí tuệ, một là thuộc về thế gian, hai là vượt ngoài thế gian.

“Lại có ba loại [trí tuệ]. Một là trí bát-nhã,<sup>(41)</sup> hai là trí tỳ-bà-xá-na,<sup>(42)</sup> ba là trí xà-na.<sup>(43)</sup>

“Trí bát-nhã là nói tất cả chúng sanh. Trí tỳ-bà-xá-na là nói tất cả thánh nhân. Trí xà-na là nói chư Phật và Bồ Tát.

“Lại nữa, trí bát-nhã gọi là tướng riêng biệt, trí tỳ-bà-xá-na gọi là tướng chung, trí xà-na gọi là phá sạch các tướng.

“Lại có bốn loại [trí tuệ], đó là nói việc quán xét Bốn chân đế.<sup>(44)</sup>

“Thiện nam tử! [Người tu hành] vì ba việc mà tu tập xa-ma-tha. Đó là ba việc gì? Một là để không buông thả, lười nhác; hai là để trang nghiêm trí tuệ lớn lao; ba là để đạt được sự tự do hoàn toàn không trói buộc.

“Lại nữa, [người tu hành] vì ba việc mà tu tập tỳ-bà-xá-na. Đó là ba việc gì? Một là để quán xét thấy được quả báo xấu ác của sanh tử [luân hồi]; hai là để làm tăng trưởng các căn lành; ba là để phá trừ tất cả các phiền não.”<sup>(45)</sup>

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN BA MƯƠI

## CHÚ GIẢI

1. Đây là một chi tiết khá thú vị. Trong kinh điển đức Phật luôn dùng khái niệm “mười phương”, còn các thầy ngoại đạo ở đây lại dùng “tám phương”, chứng tỏ họ không hề biết đến hai phương trên và dưới (thượng phương, hạ phương).
2. Niệm xả cũng là niệm bố thí, vì tu tập bố thí tức là buông xả, không bám giữ vật sở hữu. Các pháp trình bày ở đây gọi chung là Lục niệm xứ.
3. Họ Lê-xa (Liçavi), cũng phiên âm là Lục-sĩ, là một dòng họ lớn đang rất có thế lực tại thành Tỳ-xá-ly vào thời bấy giờ.
4. Kỳ-bà: vị này chính là vị đại y sư, em cùng cha khác mẹ với vua A-xà-thế, người đã thuyết phục vua A-xà-thế đến quy y với Phật.
5. Phạm ngữ teja có nghĩa là ngọn lửa, phiên âm là thọ-đề.
6. Ở đây bọn sáu thầy ngoại đạo dùng lối xảo ngữ, lấy tên của hoàng hậu là Māyā (mẹ đức Phật), có nghĩa là “huyền ảo, không thật” để gán ghép với sự tuyên truyền của họ, cho rằng đức Phật là nhà ảo thuật, huyền sử.
7. Tức là nói tóm gọn về sự trói buộc của cả năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành và thức.
8. Chỉ chung các tướng thế gian, bao gồm các tướng: hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm, sanh ra, tồn tại, diệt mất và hai tướng phân biệt nam, nữ.
9. Ở đây dùng bốn phương để ví với bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh, cho nên đoạn này mang ý nghĩa tóm gọn, có thể hiểu là cây ở phương đông ví với sự phá vô thường, được thường; phương nam ví với sự phá khổ, được lạc; phương tây ví với sự phá vô ngã, được chân ngã; phương bắc ví với sự phá bất tịnh, được tịnh.
10. Hai loại Pháp thân, tức Pháp tánh Pháp thân và Phương tiện Pháp thân, cũng gọi là Lý Pháp thân và Trí pháp thân.
11. Nguyên bản Hán văn dùng A-ni-lâu-đà (阿那律), phiên âm từ Phạm ngữ Aniruddha. Tuy nhiên, tên vị tỳ-kheo này trong nhiều kinh điển khác thường được phiên âm là A-na-luật (阿那律). Chúng tôi chọn dịch sang tên này vì thấy phổ biến, được nhiều người biết hơn.
12. Tỳ-kheo Ca-diếp, tức Đại Ca-diếp, vị đệ tử Thanh văn được Phật ngợi khen là Đệ nhất đầu đà. Xin lưu ý khác với vị Bồ Tát Ca-diếp đã thua hỏi trong kinh này.

13. Tám đức tự tại này đã được giảng rõ trong quyển 23. Tám đức ấy là: 1. Có thể hiện một thân thành nhiều thân, không có ngăn ngại; 2. Có thể thị hiện một thân nhỏ như hạt bụi trùm khắp đại thiên thế giới, không có ngăn ngại; 3. Có thể thị hiện thân lớn lao mà nhẹ nhàng bay đến bất cứ nơi xa xôi nào, không có ngăn ngại; 4. Có thể thị hiện thành vô số loài chúng sanh khác nhau thường sống trong cùng một thế giới, không có ngăn ngại; 5. Có thể sử dụng các căn hỗ trợ, thay thế cho nhau, như mắt có thể nghe, tai có thể thấy... một căn có thể nhận biết cả sáu trần, không có ngăn ngại; 6. Có thể chứng đắc tất cả các pháp không ngăn ngại nhưng không hề khởi lên ý tưởng có sự chứng đắc; 7. Có thể giảng thuyết ý nghĩa của một bài kệ trải qua vô số kiếp, không có ngăn ngại; 8. Có thể biến hiện một thân trùm khắp mọi nơi như hư không, không có ngăn ngại, khiến cho tất cả chúng sanh đều được trông thấy; dù trông thấy được, nhưng thân ấy thật cũng như hư không, không có hình tướng. Xem lại sự giảng giải chi tiết hơn về tám đức tự tại này trong quyển 23.
14. Nguyên tác dùng “xứ phi xứ lực”, cũng gọi là “xứ phi xứ trí lực”. Theo luận Du-già quyển 50, tờ 2, đức Như Lai thành tựu Xứ phi xứ trí lực nên đối với các nhân đều rõ biết như thật; đối với các quả cũng rõ biết như thật, vì thế có thể hàng phục các luận thuyết vô nhân hoặc ác nhân của ngoại đạo. Do nghĩa này nên chúng tôi gọi trí lực này là trí lực phân biệt như thật.
15. Xa-ma-tha: phiên âm từ Phạm ngữ *śamatha*, là tên gọi khác của thiền định, thường được dịch với các nghĩa như: chỉ, tịch tĩnh, năng diệt...
16. Tỳ-bà-xá-na: phiên âm từ Phạm ngữ *vipaśyanā*, thường được dịch với các nghĩa như: quán, kiến, chứng chủng quán sát...
17. Ưu-tất-xoa, hay ưu-tất-xả, phiên âm từ Phạm ngữ *upekṣa*, thường được dịch với các nghĩa như: xả, bình đẳng, trì tâm bình đẳng, bất thiên nhất phương...
18. Vô thực: không ăn uống, vì hành giả đạt đến mức sống bằng sự hỷ lạc trong thiền định nên thân xác không cần phải được nuôi dưỡng bằng thức ăn.
19. Vô quá: không có lỗi lầm, vì hành giả đạt được trí tuệ nhận biết mọi sự vật đều đúng thật như chúng đang hiện hữu nên không còn mắc phải lỗi lầm.
20. Thân ý thanh tịnh nhất tâm: hành giả đạt được sự thanh tịnh cả thân và tâm, dứt trừ mọi vọng niệm, tạp niệm, có thể định tâm vào một đối tượng duy nhất.
21. Nhân quả câu lạc: hành giả đạt được niềm vui ngay trong khi tu tập (nhân) và cũng đạt đến niềm vui nhờ kết quả của sự tu tập (quả) nên gọi là nhân quả câu lạc.
22. Thường niệm: thường xuyên duy trì được chánh niệm, nhớ tưởng, không còn có sự phân biệt giữa lúc nhập định hay xuất định nên gọi là thường niệm.
23. Thành tựu của phép tam-muội này là đạt đến cảnh giới Sơ thiên.
24. Thành tựu của phép tam-muội này là đạt đến cảnh giới Nhị thiên.
25. Thành tựu của phép tam-muội này là đạt đến cảnh giới Tam thiên, Tứ thiên và địa vị Tịnh Phạm.

26. Thành tựu của phép tam-muội này là đạt đến cảnh giới Không vô biên xứ.
27. Thành tựu của phép tam-muội này là đạt đến cảnh giới Thức vô biên xứ.
28. Thành tựu của phép tam-muội này là đạt đến cảnh giới Vô sở hữu xứ.
29. Thành tựu của phép tam-muội này là đạt đến cảnh giới Phi hữu tướng phi vô tướng xứ.
30. Thành tựu của phép tam-muội này là đạt đến cảnh giới Diệt tận định.
31. Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều có địa đại (tính chất của đất, sự cứng chắc).
32. Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều có thủy đại (tính chất của nước, sự ẩm ướt).
33. Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều có phong đại (tính chất của gió, sự chuyển động).
34. Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều là màu xanh.
35. Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều là màu vàng.
36. Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều là màu đỏ.
37. Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều là màu trắng.
38. Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều là hư không.
39. Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều là cảnh giới của thức.
40. Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều không có sự hiện hữu.
41. Bát-nhã, phiên âm từ Phạn ngữ *prajñā*, chỉ chung cho trí tuệ giúp chúng sanh đạt đến giải thoát.
42. Tỳ-bà-xá-na: phiên âm từ Phạn ngữ là *vipāśyanā*, dịch nghĩa là quán.
43. Xà-na, phiên âm từ Phạn ngữ *jñāna*, thường dịch là trí, diệu trí hay chánh trí Niết-bàn kinh sơ giải thích: “Bát-nhã là tuệ; tỳ-bà-xá-na là quán; xà-na là trí.”
44. Bốn chân đế, hay Bốn thánh đế, thường gọi là Tứ diệu đế, gồm có: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế.
45. Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 28, bắt đầu quyển 29, phẩm Bồ Tát Sư Tử Hống phần tthứ 5 (Sư Tử Hống Bồ Tát phẩm chi ngũ).

**MỤC LỤC**  
**PHẦN HÁN VĂN & CHÚ ÂM**

<b>卷第二十五</b>	
光明遍照高貴德王菩薩品	
第十之五.....	6-7
<b>卷第二十六</b>	
光明遍照高貴德王菩薩品	
第十之六.....	108-109
<b>卷第二十七</b>	
師子吼菩薩品-第十一之一..	
	172-173
<b>卷第二十八</b>	
師子吼菩薩品-第十一之二	
	268-269
<b>卷第二十九</b>	
師子吼菩薩品-第十一之三	
	370-371
<b>卷第三十</b>	
師子吼菩薩品-第十之四 ..	
	460-461

**PHẦN DỊCH NGHĨA**

<b>QUYỂN HAI MƯƠI LĂM</b>	
PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO	
QUÝ ĐỨC VƯƠNG	
Phẩm thứ mười - Phần năm.....	64
<b>QUYỂN HAI MƯƠI SÁU</b>	
PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO	
QUÝ ĐỨC VƯƠNG	
Phẩm thứ mười - Phần sáu.....	144
<b>QUYỂN HAI MƯƠI BẢY</b>	
PHẨM BỒ TÁT SƯ TỬ HỔNG	
Phẩm thứ mười một - Phần một.....	228
<b>QUYỂN HAI MƯƠI TÁM</b>	
PHẨM BỒ TÁT SƯ TỬ HỔNG	
Phẩm thứ mười một - Phần hai.....	326
<b>QUYỂN HAI MƯƠI CHÍN</b>	
PHẨM BỒ TÁT SƯ TỬ HỔNG	
Phẩm thứ mười một - Phần ba.....	422
<b>QUYỂN BA MƯƠI</b>	
PHẨM BỒ TÁT SƯ TỬ HỔNG	
Phẩm thứ mười một - Phần bốn.....	514